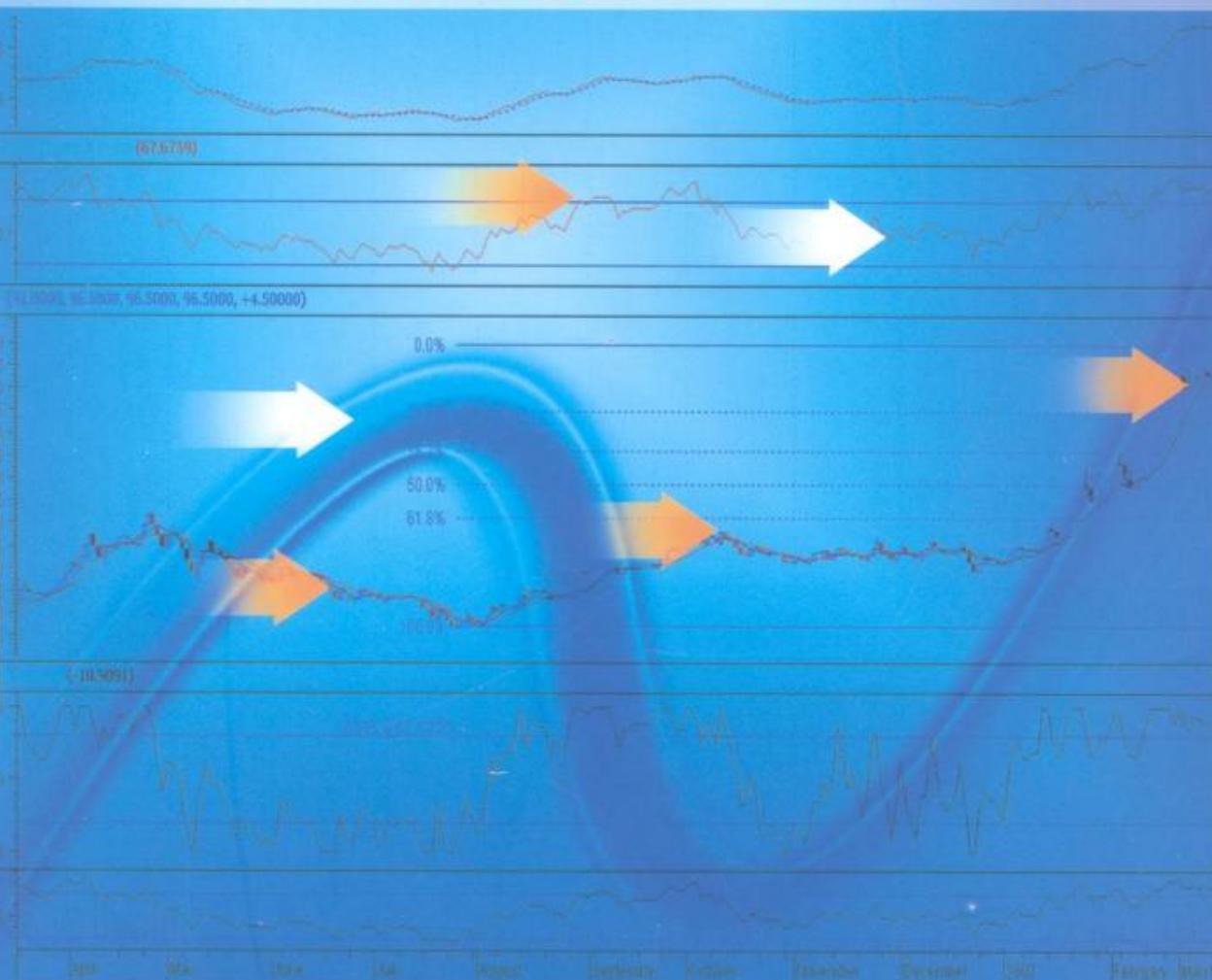


Phan Thị Bích Nguyệt

Lê Đạt Chí

Phân tích kỹ thuật

ỨNG DỤNG TRONG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Ứng dụng trong đầu tư chứng khoán

"Nhân loại có thể tìm thấy tương lai trong quá khứ"

Chuỗi sách tài chính của Khoa Tài Chính Doanh Nghiệp

Trần Ngọc Thơ

Tài chính doanh nghiệp hiện đại

Trần Ngọc Thơ

Tài chính doanh nghiệp hiện đại
– bài tập và giải pháp

Trần Ngọc Thơ

Tài chính doanh nghiệp hiện đại
– ngân hàng đề thi

Trần Ngọc Thơ

Nguyễn Ngọc Định

Tài chính quốc tế

Nguyễn Thị Ngọc Trang

Tài chính quốc tế – Ứng dụng
Excel cho các bài tập và giải pháp

Nguyễn Thị Ngọc Trang

Quản trị rủi ro tài chính

Phan Thị Bích Nguyệt

Đầu tư tài chính

Nguyễn Thị Ngọc Trang

Nguyễn Thị Liên Hoa

Phân tích tài chính

Trần Ngọc Thơ

Vũ Việt Quang

Lập mô hình tài chính

Nguyễn Ngọc Định

Lý thuyết bảo hiểm

Nguyễn Tiến Hùng

Bảo hiểm đại cương

Nguyễn Ngọc Định

Nguyễn Thị Liên Hoa

Toán tài chính

Hồ Thúy Tiên

Bảo hiểm hàng hải

Nguyễn Tiến Hùng

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm
ở Việt Nam

Nguyễn Thị Diễm Châu

Tài chính doanh nghiệp

Phan Thị Bích Nguyệt

Định giá chứng khoán

Phan Thị Bích Nguyệt

Lê Đạt Chí

Phân tích kỹ thuật - Ứng dụng trong
đầu tư chứng khoán

Trần Ngọc Thơ

Kinh tế Việt Nam trên đường hội nhập

– Quản lý quá trình tự do hóa tài chính

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Đồng chủ biên:

PHAN THỊ BÍCH NGUYỆT

Phó Giáo sư, Tiến sĩ – Đại học Kinh tế TP.HCM

LÊ ĐẠT CHÍ

Thạc sĩ – Đại học Kinh tế TP.HCM

DUƯƠNG KHA

Thạc sĩ – Đại học Kinh tế TP.HCM

TRẦN THỊ HẢI LÝ

Thạc sĩ – Đại học Kinh tế TP.HCM

LÊ THỊ PHƯƠNG VY

Giảng viên – Đại học Kinh tế TP.HCM

Phân tích kỹ thuật - Ứng dụng trong đầu tư chứng khoán

© 2007 Khoa Tài Chính Doanh Nghiệp, Đại Học Kinh Tế TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Đình Thiêm

Biên tập: PGS.TS. Phan Thị Bích Nguyệt

In 1.500 cuốn khổ 17x24 tại Xí Nghiệp In Báo Nhân Dân TP.HCM,
345/134 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM. Giấy trích ngang kế hoạch
xuất bản số 542/XB-QLXB ngày 09 tháng 04 năm 2007. In xong và nộp
lưu chiểu tháng 04 năm 2007.

MỤC LỤC CHI TIẾT

LỜI TỰA

I TRIẾT LÝ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Giới thiệu	3
Triết lý hay lý do căn bản của phân tích kỹ thuật	4
<i>Giá phản ánh tất cả hành động thị trường</i>	
<i>Giá dịch chuyển theo xu hướng</i>	
<i>Quá khứ tự nó sẽ lặp lại</i>	
Sự khác nhau giữa dự báo bằng phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản	7
Phân tích so với định thời gian	10
Tính linh hoạt và khả năng thích ứng của phương pháp phân tích kỹ thuật	11
Phân tích kỹ thuật được áp dụng trong các hoàn cảnh kinh doanh khác nhau	12
Phân tích kỹ thuật áp dụng đối với các khoảng thời gian khác nhau.....	13
Dự báo kinh tế	13
Nhà phân tích kỹ thuật hay nhà lập đồ thị	14
Một sự so sánh ngắn gọn về phân tích kỹ thuật chứng khoán và hợp đồng giao sau	16

vi Phân tích kỹ thuật

Cấu trúc giá

Vòng đời bị giới hạn

Những yêu cầu khoản ký quỹ thấp hơn

Phạm vi thời gian thì ngắn hơn nhiều

Sự phụ thuộc về việc định thời gian nhiều hơn

Ít dựa vào các trung bình thị trường và các chỉ số thị trường 19

Các công cụ phân tích kỹ thuật cụ thể

Một vài nhược điểm của phương pháp phân tích kỹ thuật 21

Sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực

Có thể dùng quá khứ để dự báo tương lai?

Lý thuyết bước đi ngẫu nhiên 25

Quy tắc chung 28

2 LÝ THUYẾT DOW

Giải thích lý thuyết 32

Giá phản ánh tất cả hành động thị trường

Thị trường có 3 sự chuyển dịch

Những đường xu hướng chỉ ra sự dịch chuyển

Các mối quan hệ giá và khối lượng tạo ra nền tảng cơ bản

Hành động giá xác định xu hướng

Danh mục phải được xác nhận (hai danh mục cùng có lẫn nhau)

Các mối quan tâm khác 42

Tóm lại	43
---------------	----

Phần Lực NHỮNG THAM SỐ ĐIỀN HÌNH ĐÔI VỚI XU HƯỚNG TRUNG GIÁN

Một vài quan sát cơ bản	45
Định nghĩa về những chu kỳ trung gian.....	45
Những nguyên nhân của phản ứng giá cấp hai	48
Mối quan hệ giữa những bước dịch chuyển trung gian cấp một với phản ứng giá theo sau	50
Việc sử dụng chu kỳ trung gian để xác định sự đảo ngược trong xu hướng cấp một.....	50
<i>Số lượng chu kỳ trung gian</i>	
<i>Những đặc trưng của chu kỳ trung gian cuối của một xu hướng cấp một</i>	

3 THIẾT KẾ CÁC ĐỒ THỊ

Giới thiệu	53
Các dạng đồ thị	53
Đồ thị hình nón.....	56
Thang đo số học và thang đo loga	57
Xây dựng đồ thị thanh hàng ngày	59

viii Phân tích kỹ thuật

Khối lượng giao dịch	60
Giao dịch tiềm năng	61
<i>Tổng khối lượng so với khối lượng giao dịch riêng lẻ và khối lượng giao dịch tiềm năng</i>	
<i>Khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng được báo cáo trễ 1 ngày trong hợp đồng giao sau</i>	
<i>Giá trị của khối lượng giao dịch riêng lẻ và con số về giao dịch tiềm năng trong hợp đồng giao sau</i>	
Dồ thị hình thanh hàng tháng và hàng tuần	64
Kết luận	66



NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Dịnh nghĩa về xu hướng.....	67
Xu hướng có ba chiều hướng	70
Xu hướng có ba loại	71
Đường chông đỡ và đường kháng cự	74
<i>Mức chông đỡ và mức kháng cự đảo ngược vai trò của chúng như thế nào</i>	
<i>Tâm lý án chứa đằng sau mức chông đỡ và mức kháng cự</i>	
<i>Mức chông đỡ trở thành mức kháng cự và ngược lại: mức độ của sự phá vỡ</i>	
<i>Tầm quan trọng của các con số làm tròn như mức chông đỡ và kháng cự</i>	
Đường xu hướng	85

<i>Về một đường xu hướng</i>	
<i>Đường xu hướng thăm dò so với đường xu hướng đúng</i>	
<i>Cách sử dụng đường xu hướng</i>	
<i>Làm thế nào để xác định mức độ quan trọng của một đường xu hướng</i>	
<i>Đường xu hướng nên bao gồm tất cả diễn biến của giá</i>	
<i>Cách xử lý sự phá vỡ nhỏ đường xu hướng</i>	
<i>Điều gì cấu thành nên sự phá vỡ đáng kể của đường xu hướng</i>	
<i>Đường xu hướng hoán đổi vai trò như thế nào</i>	
<i>Do hướng những hàm ý của đường xu hướng</i>	
Nguyên tắc hình quạt	97
Tầm quan trọng của con số ba	98
Độ dốc tương đối của đường xu hướng	99
<i>Điều chỉnh đường xu hướng như thế nào</i>	
Đường kênh giá	104
Phản tramy sự thoái lùi	109
Các đường kháng cự vận tốc	112
Đường hình quạt Gann và Fibonacci	114
Các đường xu hướng nội bộ	115
Những ngày đảo chiều	115
<i>Đảo chiều hàng tuần và hàng tháng</i>	
Các khoảng trống giá	119
<i>Ba loại khoảng trống</i>	

x Phân tích kỹ thuật

Sự đảo chiều Island

Kết luận	124
----------------	-----



CÁC MẪU HÌNH ĐẢO CHIỀU CHÍNH

Giới thiệu	125
Các mẫu hình giá.....	126
Hai kiểu mẫu hình: Đảo chiều và cung cổ xu hướng.....	126
<i>Những điểm chung khởi đầu đối với tất cả các mẫu hình đảo chiều</i>	
Mẫu hình đảo chiều đầu và vai	130
<i>Sự bẻ gãy đường viền cổ hoàn tất mẫu hình</i>	
<i>Sự dịch chuyển trở lại</i>	
<i>Tóm lược</i>	
Tầm quan trọng của khối lượng	135
Tìm một mục tiêu giá	135
<i>Điều chỉnh các mục tiêu giá</i>	
Mẫu hình đầu và vai ngược.....	137
<i>Độ dốc của đường viền cổ</i>	
Mẫu hình đầu và vai phức tạp	140
<i>Các sách lược</i>	
<i>Sự thất bại của mẫu hình đầu và vai</i>	
<i>Mẫu hình đầu và vai như là một mẫu hình cũng cổ xu hướng</i>	
Mẫu hình ba đỉnh ba đáy	143

Mẫu hình hai đỉnh và hai đáy	145
<i>Kỹ thuật đo lường đối với mẫu hình hai đỉnh</i>	
Những biến thể từ mẫu hình lý tưởng	149
<i>Lọc</i>	
<i>Thuật ngữ “hai đỉnh” quá bị lạm dụng</i>	
<i>Thời gian giữa các đỉnh và đáy thì rất quan trọng</i>	
Mẫu hình đĩa và mẫu hình thanh nhọn.....	154
Kết luận	156

6 CÁC MẪU HÌNH CÙNG CÔ XU HƯỚNG

Giới thiệu	157
Mẫu hình dạng tam giác.....	158
Mẫu hình dạng tam giác đều	159
<i>Giới hạn thời gian đối với việc hình thành mẫu hình tam giác</i>	
<i>Tầm quan trọng của khối lượng</i>	
<i>Kỹ thuật đo lường</i>	
Mẫu hình tam giác hướng lên	164
<i>Kỹ thuật đo lường</i>	
<i>Mẫu hình tam giác lên như là một mẫu hình đáy</i>	
Mẫu hình tam giác hướng xuống	167

<i>Mẫu hình tam giác hướng xuống giống như một mẫu hình đỉnh</i>	
<i>Mẫu hình khối lượng</i>	
<i>Nhân tố thời gian trong các mẫu hình tam giác</i>	
Mẫu hình tam giác mở rộng	170
Mẫu hình cơ hiệu và cờ đuôi nheo	171
<i>Xây dựng các mẫu hình cơ hiệu và cờ đuôi nheo</i>	
<i>Các hàm ý do hướng</i>	
<i>Tóm lược</i>	
Mẫu hình dạng hình nêm	176
<i>Mẫu hình nêm được xem như là các mẫu hình đảo chiều đỉnh và dây</i>	
Dạng hình chữ nhật	179
<i>Tầm quan trọng của mẫu hình khối lượng</i>	
<i>Những thay đổi trong giới hạn có thể giao dịch</i>	
<i>Những điều tương tự và khác biệt khác</i>	
Sự dịch chuyển đều đặn	184
Mẫu hình cung cố xu hướng đầu và vai	186
Sự cung cố và sự phân kỳ	187
Kết luận	188
7 ĐỒ THỊ DÀI HẠN	
Giới thiệu	189

Tầm quan trọng của viễn cảnh dài hạn	190
Xây dựng những đồ thị cùng cỗ xu hướng đối với các hợp đồng giao sau	190
<i>Một vài cách khác để xây dựng đồ thị cùng cỗ</i>	
Hợp đồng vĩnh viễn.....	192
Xu hướng dài hạn không đồng thuận với sự ngẫu nhiên	193
Những mẫu hình trên đồ thị: Mẫu hình đảo chiều tháng và tuần	193
Đồ thị dài hạn đến ngắn hạn	194
Tại sao đồ thị dài hạn nên được điều chỉnh với lạm phát?	195
Đồ thị dài hạn không có ý định cho mục đích giao dịch	197
Ví dụ về đồ thị dài hạn	197

TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Giới thiệu	203
MA: Một phương sách làm san bằng sự biến động bằng việc làm chậm lại thời gian	205
<i>Các mức giá dùng để tính MA</i>	
<i>Khoảng thời gian dùng để tính MA</i>	
<i>MA giản đơn – SMA</i>	
<i>MA tỷ trọng tuyến tính – WMA</i>	
<i>MA san bằng hàm mũ – EMA</i>	
<i>MA chuỗi thời gian – TSMA</i>	

Sử dụng một MA

Làm sao để sử dụng hai đường MA để tạo ra các tín hiệu mua bán

Sử dụng 3 MA, hoặc phương pháp cắt 3 lần

Làm sao để sử dụng hệ thống đường MA 4-9-18 ngày

Đường viền bao quanh đường MA 219

Dải băng Bollinger 221

Sử dụng dải băng Bollinger như là những mục tiêu 222

Độ rộng của dải băng độ lường sự biến động giá 223

Đặt trung tâm cho đường MA

MA gắn chặt với các chu kỳ thời gian 224

Các con số Fibonacci được sử dụng như là các MA 225

MA áp dụng trong các đồ thị dài hạn 225

Một vài lý lẽ tán thành và phản đối về đường MA

Đường MA như là các chỉ số dao động Oscillator

MA áp dụng trong các dữ liệu kỹ thuật khác

Quy tắc hàng tuần 227

Quy tắc 4 tuần

Điều chỉnh quy tắc 4 tuần

Các khoảng thời gian dài và ngắn đối với độ nhạy cảm

Quy tắc 4 tuần gắn chặt với các chu kỳ

Tối ưu hóa hay không 233

Kết luận 235

Đường MA có khả năng thích ứng 236

Sự lựa chọn khác thay đường MA 236



CHỈ SỐ OSCILLATOR VÀ Ý KIẾN ĐỔI LẬP

Giới thiệu	237
Sử dụng chỉ số Oscillator kết hợp với xu hướng	238
<i>Giải thích chỉ số Oscillator</i>	
<i>Các quy tắc chung đối với việc giải thích chỉ số Oscillator</i>	
<i>Ba ứng dụng quan trọng nhất của Oscillator</i>	
Do lường Momentum.....	240
<i>Momentum đo lường tỷ lệ tăng và giảm giá</i>	
<i>Đường momentum dẫn đến hành động giá</i>	
<i>Giao điểm của đường zero như là một tín hiệu giao dịch</i>	
<i>Sự cần thiết của đường biên trên và đường biên dưới</i>	
Do lường tỷ lệ thay đổi – “Rate of Change ROC”.....	245
Xây dựng một chỉ số dao động Oscillator bằng cách sử dụng hai đường trung bình di động.....	247
Chỉ số kênh giá hàng hoá - Commodity Channel Index	249
Chỉ số cường độ tương đối - The Relative Strength Index – RSI.....	251
<i>Giải thích RSI</i>	
Sử dụng đường 70 và 30 để tạo ra các tín hiệu	258
Dao động ngẫu nhiên (Stochastic) (K%D)	259
Dao động %R của Larry Williams	263
<i>Lựa chọn khoảng thời gian gắn liền với chu kỳ thị trường</i>	
Tầm quan trọng của đường xu hướng	264

xvi Phân tích kỹ thuật

Khi nào các chỉ số dao động hữu ích nhất	266
Phân kỳ và hội tụ của đường trung bình di động – MACD	267
Biểu đồ MACD	269
Kết hợp các đồ thị ngày và tuần.....	271
Nguyên lý của ý kiến đối lập trong các hợp đồng giao sau	272
<i>Lý giải con số thuần nhất về thị trường đầu cơ giá lén</i>	
<i>Ý kiến đối lập đo lường việc duy trì vị thế mua và bán</i>	
<i>Ý kiến đối lập đo lường phía mạnh so với yếu</i>	
<i>Một vài đặc tính khác của con số thuần nhất trong thị trường đầu cơ giá lén</i>	
<i>Tầm quan trọng của giao dịch tiềm năng (hợp đồng giao sau)</i>	
<i>Quan sát phản ứng của thị trường đối với những thông tin nền tảng</i>	
<i>Kết hợp ý kiến đối lập với các công cụ kỹ thuật khác</i>	
Suy đoán tình cảm nhà đầu tư.....	276
Các con số hiểu biết của nhà đầu tư - Investor Intelligence	276

16 ĐỒ THỊ HÌNH NỀN NHẬT BẢN

Giới thiệu	279
Đồ thị nền	279
Những đồ thị nền cơ bản	282
Phân tích mẫu hình nền	283

Những mẫu hình đảo chiều

Mẫu hình củng cố xu hướng (Continuation pattern)

Sử dụng máy tính để xác định mẫu hình nến

Mẫu hình nến lọc 291

Kết luận 293

Thực tế trải nghiệm 293

Doji

Doji con chuồn chuồn - dragonfly doji (đầu cơ giá lên)

Doji bia đá - Garvestone doji (đầu cơ giá xuống)

Đinh xoay vòng - spinning tops

Mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá lên - bullish engulfing pattern

Mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá xuống - bearish engulfing pattern

Đáy nhíp - Tweezer bottom

Đinh nhíp - Tweezer top

Ngôi sao ban mai - Morning star - dấu hiệu sự đảo ngược xu hướng đầu cơ giá tăng

Ngôi sao ban chiều - Evening star – dấu hiệu sự đảo ngược xu hướng đầu cơ giá xuống

Cây búa – Hammer – đầu cơ giá lên sau một sự suy giảm giá đáng kể

Cây búa đảo ngược (Inverted Hammer) đầu cơ giá lên ở đáy của xu hướng

Sao băng - Shooting star – đầu cơ giá xuống tại đỉnh của xu hướng

Các mẫu hình bắc bỏ đầu cơ giá lên và đầu cơ giá xuống 303

LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOTT

Quan cảnh lịch sử 309

Những nguyên lý cơ bản của nguyên tắc sóng Elliott 310

Mối quan hệ giữa lý thuyết Dow và sóng Elliott 314

Những sóng hiệu chỉnh 314

Sóng hiệu chỉnh zig-zag

Sóng hiệu chỉnh phẳng - Flats

Sóng hiệu chỉnh hình tam giác - Triangles

Nguyên tắc của sự xen kẽ 322

Hệ thống kênh – Channeling 322

Sóng 4 như là phạm vi chống đỡ 324

Những dãy số Fibonacci như là nguyên tắc sóng cơ bản 325

Những tỷ lệ Fibonacci và sự thoái lùi 325

Tỷ lệ phần trăm sự thoái lùi Fibonacci

Những mục tiêu thời gian Fibonacci 329

Sự kết hợp cả ba khía cạnh của lý thuyết sóng 330

Sóng Elliott được áp dụng đối với cổ phiếu so với hàng hóa 331

Tóm lược và kết luận 332

Lý thuyết sóng nên được sử dụng cùng với những công cụ kỹ thuật khác

Phù Lực

LÝ THUYẾT FIBONACCI

Tổng quan	335
Giải thích.....	335
Những đường vòng cung – Arcs	336
Đường rẽ quạt Fibonacci – Fans	337
Các đường vạch Fibonacci – Retracements	338
Miền thời gian	339

12 CHU KỲ THỜI GIAN

Giới thiệu	341
Chu kỳ	342
Các nội dung chu kỳ cơ bản.....	345
Các nguyên tắc của chu kỳ	348
Nguyên tắc về sự biến đổi và danh nghĩa	351
Những nội dung chu kỳ giúp giải thích các kỹ thuật đồ thị như thế nào	353
Các chu kỳ chi phối	355
<i>Sự phân loại chu kỳ</i>	
<i>Sóng Kondratieff</i>	
Kết hợp chiều dài chu kỳ	357
Sự quan trọng của xu hướng	359

xx Phân tích kỹ thuật

Chu kỳ giao dịch 28 ngày trong hàng hoá

Tịnh tiến sang trái và phải.....	361
Làm thế nào để tách các chu kỳ	361
Các chu kỳ thời vụ	367
Những chu kỳ thị trường chứng khoán	371
Dụng cụ đo khí áp tháng 1	372
Chu kỳ tổng thống.....	372
Kết hợp các chu kỳ với các công cụ kỹ thuật khác.....	372
Phân tích quang phổ entropy cực đại – MESA	373

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI TƯA

Phân tích kỹ thuật

Phân tích kỹ thuật là dự đoán các biến động về giá cả trong tương lai dựa trên việc xem xét các biến động giá trong quá khứ. Giống như dự báo thời tiết, phân tích kỹ thuật không đưa đến một dự đoán hoàn toàn chính xác về tương lai. Thay vào đó, phân tích kỹ thuật giúp các nhà đầu tư dự đoán về những gì có thể xảy ra. Phân tích kỹ thuật sử dụng vô số kể các đồ thị mà chúng minh họa về giá theo thời gian.

Phân tích kỹ thuật áp dụng được cho cả cổ phiếu, chỉ số, hàng hóa, các hợp đồng giao sau hay bất kỳ loại công cụ tài chính nào có thể giao dịch được. Giá ở đây có thể là giá mở cửa, giá đóng cửa, giá cao nhất hay giá thấp nhất của một chứng khoán nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể. Khoảng thời gian có thể dựa trên các dữ liệu giá giao dịch trong ngày như 5-phút, 10-phút, 15-phút, 30-phút hoặc từng giờ; hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hay cũng có thể kéo dài nhiều giờ hoặc nhiều năm.

Tại sao lại sử dụng phân tích kỹ thuật

Để đưa ra quyết định mua hoặc bán một chứng khoán, một ngoại tệ hay bất kỳ một loại hàng hoá nào, các nhà đầu tư thường tiến hành phân tích theo các cách riêng của mình. Tuy nhiên, trong vô số những cách đó, người ta gom lại thành 2 cách chính là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Vậy tại sao không phải là phân tích cơ bản mà lại là phân tích kỹ thuật, phân tích kỹ thuật có ưu điểm gì vượt trội?

Thứ nhất, phân tích kỹ thuật được tiến hành dựa trên giả định - nền tảng là giá phản ánh tất cả hành động thị trường, chỉ cần bắt kỳ một thông tin

2 Phân tích kỹ thuật

gì mới được đưa ra là nó được phản ánh ngay vào trong giá. Cũng vì giá phản ánh tất cả hành động thị trường nên giá là hợp lý, là phải chăng và đúng với giá trị tài sản. Không chỉ phản ánh mọi thông tin, giá còn phản ánh tất cả các kiến thức của tất cả những người tham gia vào thị trường, bao gồm các nhà giao dịch, các nhà đầu tư, các nhà quản trị danh mục, các nhà phân tích của phía người bán, các nhà phân tích của phía người mua, các nhà lập chiến lược thị trường, các nhà phân tích cơ bản, các nhà phân tích kỹ thuật và nhiều nhà giao dịch khác. Phân tích kỹ thuật là sử dụng tất cả các thông tin có trong giá để lý giải về các biểu hiện của thị trường nhằm hình thành nên dự đoán cho tương lai. Phân tích kỹ thuật đã cho thấy giá vừa là nguyên nhân lại vừa là kết quả.

Thứ hai, biến động giá không ngẫu nhiên hoàn toàn. Hầu hết các nhà phân tích cơ bản đều chấp nhận rằng biến động giá có xu hướng. Họ hoàn toàn có thể chỉ ra xu hướng, tiến hành đầu tư theo xu hướng đó, và kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, cũng hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật này đồng ý rằng, có nhiều thời kỳ, giá biến động theo một bước ngẫu nhiên. Và quả thật, nếu giá là ngẫu nhiên thì rất khó khăn cho các nhà đầu tư khi sử dụng phân tích kỹ thuật.

Thứ ba, phân tích kỹ thuật quan tâm tới câu hỏi cái gì hơn là câu hỏi tại sao. Các nhà phân tích kỹ thuật đặt toàn bộ sự chú ý của họ vào việc tìm câu trả lời cho hai câu hỏi: giá hiện tại như thế nào và biến động giá trong quá khứ ra sao. Giá là kết quả cuối cùng trong trận chiến giữa cung và cầu. Mục đích của phân tích là dự đoán hướng giá trong tương lai. Bằng cách chú trọng vào giá và chỉ duy nhất giá, các nhà phân tích kỹ thuật đã sử dụng phương pháp trực tiếp. Trong khi đó các nhà phân tích cơ bản thì quan tâm tới tại sao giá lại như thế. Trả lời câu hỏi tại sao là một lĩnh vực rộng và mất nhiều thời gian, do đó các nhà phân tích kỹ thuật tin rằng, tốt hơn hết là tập trung vào giá và đừng bao giờ hỏi tại sao. Tại sao giá lại tăng? Với các nhà phân tích thì rất đơn giản chỉ là người mua nhiều hơn người bán. Xét cho cùng giá trị của bất kỳ tài sản nào cũng chỉ là những mức giá người ta sẵn lòng trả cho nó, đâu có ai cần quan tâm là tại sao.

TRIẾT LÝ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Giới thiệu

Trước khi bắt đầu nghiên cứu các kỹ thuật và các công cụ hiện nay được sử dụng trong phân tích kỹ thuật, điều cần thiết đầu tiên định nghĩa phân tích kỹ thuật là gì, thảo luận về những giả thuyết khoa học nền tảng của phân tích kỹ thuật, vạch ra sự khác biệt giữa phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản, và cuối cùng đưa ra một vài lời phê bình thường xuyên được đưa ra đối lập với phương pháp phân tích kỹ thuật.

Chúng tôi tin rằng, một sự đánh giá đầy đủ về phương pháp phân tích kỹ thuật thì phải bắt đầu bằng sự hiểu biết rõ ràng về những gì mà phân tích kỹ thuật yêu cầu phải làm, thậm chí có thể quan trọng hơn là những triết lý hoặc những căn nguyên làm cơ sở cho các yêu cầu này.

Đầu tiên, chúng ta hãy xác định mục tiêu của phương pháp này. Phân tích kỹ thuật là nghiên cứu hành động thị trường, chủ yếu thông qua việc sử dụng các đồ thị, nhằm mục đích dự báo các xu hướng giá trong tương lai. Thuật ngữ “hành động thị trường” bao gồm 3 nguồn thông tin cơ bản có sẵn cho nhà phân tích – giá, khối lượng¹ và các giao dịch tiềm năng²

¹ Đơn giản khối lượng là số lượng các cổ phần (hoặc các hợp đồng) được giao dịch suốt một khoảng thời gian cụ thể nào đó (ví dụ: giờ, ngày, tuần, tháng,...). Phân tích khối lượng giao dịch là một yếu tố cơ sở rất quan trọng của phân tích kỹ thuật. Khối lượng giao dịch cung cấp những dấu mốc về cường độ của một sự dịch chuyển giá cho trước.

² Open interest – Giao dịch tiềm năng là số lượng các hợp đồng chưa được thực hiện của hợp đồng giao sau và quyền chọn.

4 Phân tích kỹ thuật

(giao dịch tiềm năng chỉ được sử dụng trong các hợp đồng giao sau và quyền chọn). Thuật ngữ “hành động giá” thường được sử dụng dường như hơi hạn hẹp bởi vì hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều cho khói lượng và các giao dịch tiềm năng như là một phần không thể thiếu của phân tích thị trường. Với sự phân biệt này, những thuật ngữ “hành động giá” và “hành động thị trường” có thể được sử dụng để thay thế cho nhau trong suốt phần còn lại của việc thảo luận này.

Triết lý hay lý do căn bản của phân tích kỹ thuật

Có 3 giả thuyết cơ bản mà phân tích kỹ thuật lấy làm cơ sở:

1. Giá phản ánh tất cả hành động thị trường
2. Giá dịch chuyển theo xu hướng
3. Quá khứ tự nó sẽ lặp lại

Giá phản ánh tất cả hành động thị trường

Cụm từ “giá phản ánh tất cả hành động thị trường” hình thành nên những gì được xem là nền tảng của phân tích kỹ thuật. Nếu như ý nghĩa của giả thuyết thứ nhất này không được hiểu và chấp nhận một cách đầy đủ, thì những điều kế tiếp sau đây sẽ không có ý nghĩa. Nhà phân tích kỹ thuật tin rằng bất kỳ điều gì có thể ảnh hưởng đến giá – các yếu tố cơ bản, các yếu tố chính trị, các yếu tố tâm lý, các yếu tố khác – trên thực tế được phản ánh trong giá của thị trường đó. Vì thế mà nghiên cứu về hành động giá là tất cả những gì cần đến. Trong khi yêu cầu này có thể dường như quá táo bạo, nhưng thật khó có thể không đồng ý với một người tiêu tốn thời gian để xem xét ý nghĩa đúng của nó.

Thực ra, tất cả các nhà phân tích kỹ thuật đang yêu cầu hành động giá nên phản ánh những sự thay đổi trong cung và cầu. Nếu cầu vượt cung, giá sẽ tăng. Nếu cung vượt cầu, giá sẽ giảm. Hành động này là cơ sở của

tất cả các dự báo kinh tế và dự báo cơ bản. Sau đó nhà phân tích kỹ thuật sẽ chuyển thể các tài liệu này theo cách nào đó để đưa ra kết luận mà theo đó nếu giá tăng, vì một lý do cụ thể nào đó, cầu bắt buộc phải vượt cung và các yếu tố về cơ bản phải đẩy giá tăng. Nếu giá giảm, các yếu tố cơ bản phải đẩy giá xuống. Nếu lời bình luận cuối cùng về các yếu tố cơ bản này dường như gây ngạc nhiên trong bối cảnh của một sự thảo luận về phân tích kỹ thuật thì thật là không nên. Cuối cùng, các nhà phân tích kỹ thuật gián tiếp đang nghiên cứu các yếu tố cơ bản. Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đều đồng ý rằng những ảnh hưởng cơ bản của cung và cầu, cùng với các yếu tố cơ bản về kinh tế của một thị trường gây ra thị trường giá lên hay thị trường giá xuống. Các đồ thị tự nó không thể gây ra cho các thị trường dịch chuyển tăng hay giảm. Đơn giản chúng phản ánh lại tâm lý tăng giảm của thị trường.

Như một quy tắc, các nhà lập đồ thị tự họ không quan tâm đến lý do tại sao giá lại tăng hoặc giảm. Thông thường, trong những giai đoạn đầu của một xu hướng giá hoặc tại các điểm rẽ then chốt của thị trường thì dường như không ai biết chính xác tại sao thị trường lại diễn ra theo một cách nào đó. Trong khi phương pháp phân tích kỹ thuật đôi khi có vẻ dường như đơn giản thái quá trong các yêu cầu của nó, tính logic đằng sau giả thuyết đầu tiên này – giá phản ánh tất cả hành động thị trường – trở nên có sức thuyết phục nhiều hơn với những người có kinh nghiệm thị trường. Điều này dẫn đến, nếu mọi thứ tác động tới giá thị trường thì về cơ bản sẽ được phản ánh trong giá thị trường đó, vì thế mà nghiên cứu về giá thị trường là tất cả những gì cần thiết. Trong thực tế bằng cách nghiên cứu các đồ thị giá và nhiều chỉ số kỹ thuật hỗ trợ, các nhà lập đồ thị làm cho thị trường nói cho họ biết rằng thị trường đang có khả năng di theo hướng nào nhất. Các nhà phân tích kỹ thuật không cần thiết phải cố gắng trội hơn hoặc thăng thị trường. Tất cả các công cụ kỹ thuật được thảo luận sau đây đều là các kỹ thuật đơn giản được dùng để giúp các nhà lập đồ thị trong việc nghiên cứu hành động thị trường. Các nhà lập

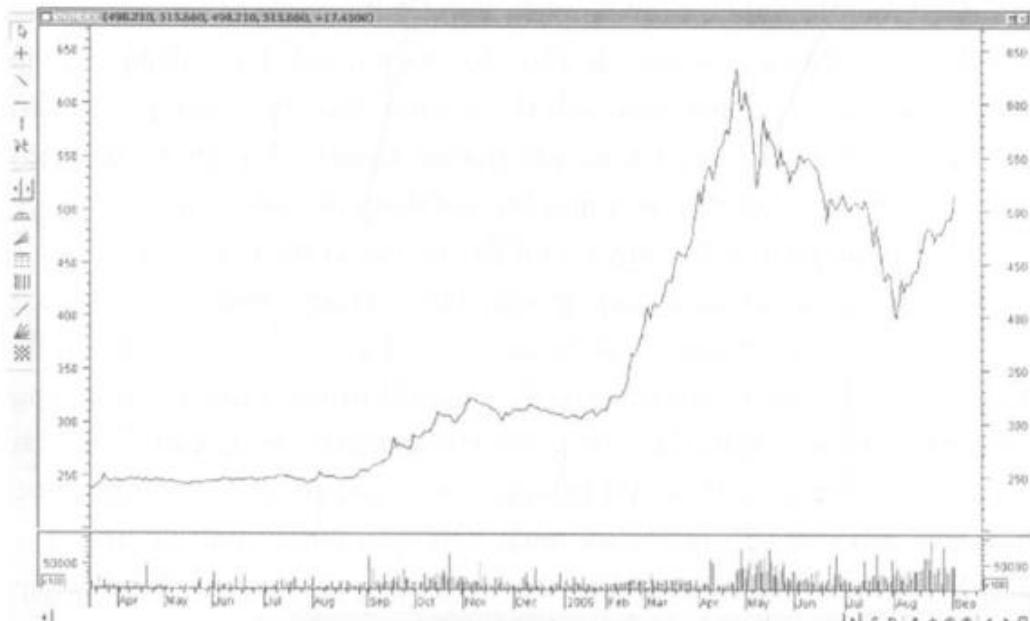
6 Phân tích kỹ thuật

đò thị biết những lý do tại sao thị trường tăng hoặc giảm. Nhưng họ không tin là việc biết các lý do này thì cần thiết trong quy trình dự báo.

Giá dịch chuyển theo xu hướng

Khái niệm xu hướng là hết sức cần thiết đối với phương pháp phân tích kỹ thuật. Một lần nữa nếu giả thuyết thị trường vận động theo xu hướng không được chấp nhận thì sẽ không có gì đáng đọc tiếp ở đây nữa. Mục đích tổng quát của việc vẽ đồ thị hành động giá của một thị trường là xác định xu hướng ở những giai đoạn đầu của sự phát triển đó đối với mục đích giao dịch theo hướng của những xu hướng này. Nói tóm lại, hầu hết các kỹ thuật được sử dụng trong phương pháp này xét về bản chất là theo sau xu hướng, điều này có nghĩa là mục đích của chúng là nhận dạng và theo đuổi những xu hướng đang tồn tại. (xem hình 1.1).

Hình 1.1: Ví dụ một xu hướng tăng giảm của chỉ số VN-Index. Phân tích kỹ thuật dựa trên giả thuyết xu hướng thị trường đó và xu hướng này tiếp tục tồn tại.



Có một hệ quả tất yếu đối với giả thuyết phân tích kỹ thuật đó là giá dịch chuyển theo xu hướng – một xu hướng trong sự dịch chuyển có khả năng tiếp tục nhiều hơn là đảo ngược. Dĩ nhiên, hệ quả tất yếu này cũng phỏng theo định luật thứ nhất của Newton về sự chuyển động sự vật. Một cách khác để miêu tả hệ quả tất yếu này là một xu hướng trong sự dịch chuyển sẽ tiếp tục cùng chiều cho tới khi có sự đảo ngược xu hướng xảy ra. Đây là một yêu cầu khác trong số các yêu cầu kỹ thuật này mà dường như là sự vòng vo. Nhưng phương pháp theo sau xu hướng này được dự đoán dựa trên việc đi theo một xu hướng đang tồn tại cho tới khi có các dấu hiệu về sự đảo ngược xu hướng xảy ra.

Quá khứ tự nó sẽ lặp lại

Nội dung cơ bản của phân tích kỹ thuật và nghiên cứu hành động thị trường là nghiên cứu về tâm lý con người. Chẳng hạn như những mẫu hình đồ thị, chúng được xác định và phân loại một trăm năm qua, phản ánh các bức tranh chính xác về những gì xuất hiện trên đồ thị giá. Những bức tranh này thể hiện tâm lý tăng hoặc giảm của thị trường. Từ khi các mẫu hình này hoạt động tốt trong quá khứ, nên nó được giả định chúng sẽ tiếp tục hoạt động tốt trong tương lai. Những mẫu hình này được dựa trên việc nghiên cứu tâm lý con người, tâm lý con người thường có xu hướng không thay đổi. Cách khác để nói về giả thuyết cuối cùng này – quá khứ tự nó sẽ lặp lại – đây là vấn đề mẫu chốt để hiểu về tương lai là dựa vào việc nghiên cứu quá khứ, hoặc tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ.

Sự khác nhau giữa dự báo bằng phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản

Trong khi phân tích kỹ thuật tập trung vào việc nghiên cứu hành động thị trường, thì phân tích cơ bản lại chú trọng vào nghiên cứu các ảnh hưởng kinh tế của cung và cầu làm cho giá cả dịch chuyển cao hơn, thấp hơn

8 Phân tích kỹ thuật

hoặc không đổi. Phương pháp phân tích cơ bản xem xét tất cả các yếu tố có liên quan ảnh hưởng đến giá cả của một thị trường để xác định giá trị nội tại của thị trường đó. Giá trị nội tại là giá trị mà các yếu tố cơ bản chỉ ra giá trị thực sự dựa trên quy luật cung và cầu. Nếu giá trị nội tại này thấp hơn giá trị thị trường, thì thị trường đang đánh giá cao tài sản đó, và tài sản này có khả năng sẽ bán ra. Nếu giá trị thị trường thấp hơn giá trị nội tại thì thị trường đang đánh giá thấp tài sản đó và tài sản này sẽ được mua vào.

Cả hai phương pháp dự báo thị trường đều nhắm vào việc giải quyết cùng một vấn đề đó là xác định chiều hướng mà giá cả thị trường có khả năng dịch chuyển. Hai phương pháp này tiếp cận vấn đề từ hai hướng khác nhau. Phân tích cơ bản nghiên cứu nguyên nhân của sự dịch chuyển thị trường trong khi phân tích kỹ thuật thì nghiên cứu kết quả hay chiều hướng của các sự dịch chuyển này. Dù nhiên một nhà phân tích kỹ thuật tin rằng kết quả hay chiều hướng của sự dịch chuyển thị trường là tất cả những gì mà anh ta muốn hoặc cần để biết và các lý do, hoặc nguyên nhân thì không cần thiết. Các nhà phân tích cơ bản luôn luôn cần biết tại sao.

Hầu hết các nhà kinh doanh đều tự phân loại mình vào một trong hai nhóm hoặc là nhà phân tích cơ bản hoặc là nhà phân tích kỹ thuật. Trong thực tế có nhiều sự chồng chéo nhau giữa hai trường phái này. Nhiều nhà phân tích cơ bản có một kiến thức rất tốt về những nguyên lý cơ bản của phân tích đồ thị. Trong khi đó, các nhà phân tích kỹ thuật ít nhất cũng nhận biết được các yếu tố cơ bản. Vấn đề ở đây là các đồ thị và các yếu tố cơ bản thường xung đột lẫn nhau. Thông thường ở điểm khởi đầu của những sự dịch chuyển thị trường quan trọng, phân tích cơ bản không giải thích được hoặc không hỗ trợ cho những gì thị trường đang làm. Đó là những lúc mà hai phương pháp này khác nhau hoàn toàn. Thông thường chúng ăn khớp nhau ở một số điểm nhưng thường thì quá muộn đối với nhà kinh doanh để giao dịch.

Một lời giải thích đối với những sự khác nhau này là giá trị thị trường có xu hướng dẫn dắt các yếu tố cơ bản được biết đến. Nói cách khác giá cả thị trường đóng vai trò như là yếu tố dẫn dắt các yếu tố cơ bản hoặc sự hiểu biết thông thường của đà phát triển. Trong khi các yếu tố cơ bản đã biết được phản ánh và đã thực sự phổ biến trên thị trường, thì giá cả sẽ tiếp tục phản ứng lại các yếu tố cơ bản chưa được biết đến. Một số trong nhiều thị trường tăng giá hoặc giảm giá đáng kể trong quá khứ đã bắt đầu với một ít hoặc không nhận được sự thay đổi từ các yếu tố cơ bản. Vào thời điểm những thay đổi này trở nên phổ biến thì xu hướng mới đã hoạt động tốt.

Sau một thời gian, các nhà phân tích kỹ thuật nâng nièm tin của mình lên trong khả năng đọc các đồ thị. Nhà phân tích kỹ thuật học cách thích ứng trong một tình huống mà ở đó sự dịch chuyển thị trường không giống như những gì gọi là hiểu biết thông thường – conventional wisdom. Nhà phân tích kỹ thuật bắt đầu yêu thích ít đi. Anh ta biết rằng cuối cùng, những lý do đối với hành động thị trường sẽ được mọi người biết đến. Điều này chỉ đơn giản, nhà phân tích kỹ thuật không sẵn lòng chờ đợi để xác nhận thêm nữa.

Sự chấp nhận các giả thuyết của phương pháp phân tích kỹ thuật, người ta có thể biết tại sao các nhà phân tích kỹ thuật tin rằng phương pháp này là tốt hơn so với phương pháp phân tích cơ bản. Nếu một nhà kinh doanh phải lựa chọn một trong hai phương pháp để sử dụng, thì một sự lựa chọn hợp logic là phải chọn phân tích kỹ thuật. Bởi vì theo định nghĩa, phương pháp phân tích kỹ thuật bao gồm cả phân tích cơ bản. Nếu các yếu tố cơ bản được phản ánh trong giá trị thị trường thì các yếu tố cơ bản này trở nên không cần thiết. Đọc hiểu đồ thị trở thành một con đường tắt của phân tích cơ bản. Tuy nhiên, ngược lại thì không đúng. Phân tích cơ bản không bao hàm một sự nghiên cứu về hành động giá. Có thể việc giao dịch trong những thị trường tài chính bằng cách sử dụng phương pháp phân tích kỹ thuật. Nhưng đáng ngờ rằng, một người nào đó có thể

10 Phân tích kỹ thuật

đánh đổi phân tích cơ bản mà không có sự cân nhắc nào về khía cạnh phân tích kỹ thuật của thị trường.

Phân tích so với định thời gian

Vấn đề cuối cùng sẽ được làm rõ hơn nếu quy trình đưa ra quyết định được chia thành hai giai đoạn – phân tích và định thời gian. Bởi vì yếu tố đòn bẩy cao trong những thị trường giao sau mà vấn đề định thời gian trở nên đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực này. Điều đó rất có thể đúng trên những xu hướng chung của thị trường và vẫn bị mất tiền. Bởi vì các yêu cầu ký quỹ là quá thấp trong các giao dịch của thị trường giao sau (thường ít hơn 10%), một sự dịch chuyển giá cả tương đối nhỏ trong xu hướng sai lệch có thể buộc các nhà kinh doanh phải ra khỏi thị trường với một kết quả thua lỗ tất cả hoặc một phần ký quỹ đó. Trái lại, trong kinh doanh chứng khoán, một nhà kinh doanh tự nhận biết được mình đang đứng sai lệch thị trường có thể quyết định tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, với hy vọng rằng đến một lúc nào đó giá thị trường sẽ trở lại.

Các nhà kinh doanh trên thị trường giao sau không phải là những người xa xỉ, một chiến lược “mua và nắm giữ” không được áp dụng đối với lĩnh vực thị trường giao sau. Cả hai phương pháp phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản có thể được sử dụng trong giai đoạn thứ nhất – quy trình dự báo. Tuy nhiên, câu hỏi về định thời gian, xác định rõ ràng những thời điểm vào và ra khỏi thị trường, hoàn toàn chỉ có ở phân tích kỹ thuật. Vì thế việc xem xét các bước mà một nhà kinh doanh phải trải qua trước khi đưa ra quyết định, có thể thấy rằng, việc áp dụng đúng các nguyên tắc phân tích kỹ thuật trở nên không thể thiếu được ở một vài thời điểm trong quy trình, thậm chí phân tích cơ bản đã được áp dụng ở những giai đoạn sớm hơn của quyết định. Định thời gian cũng quan trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán riêng lẻ và trong mua bán các chứng khoán này.

Tính linh hoạt và khả năng thích ứng của phương pháp phân tích kỹ thuật

Một trong những điểm mạnh của phân tích kỹ thuật là nó có khả năng thích ứng với hầu như bất kì một hoàn cảnh kinh doanh nào và phạm vi thời gian nào. Không có lĩnh vực kinh doanh nào kể cả trong chứng khoán và thị trường giao sau mà phân tích kỹ thuật không được áp dụng.

Nhà lập đồ thị có thể theo đuổi nhiều thị trường như mong muốn của anh ta, thường thì điều này không đúng trong phân tích cơ bản. Bởi vì phải đổi mặt với một lượng số liệu lớn phải giải quyết, nên phần lớn các nhà phân tích cơ bản có xu hướng chuyên môn hóa. Ưu điểm đối với phân tích kỹ thuật là sẽ không bị bỏ sót.

Thứ nhất, thị trường sẽ trải qua những thời kỳ biến động hoặc nằm im, những giai đoạn hình thành xu hướng và không hình thành xu hướng. Nhà phân tích kỹ thuật có thể tập trung sự chú ý và nguồn lực của mình vào những thị trường có xu hướng mạnh và bỏ qua phần còn lại. Kết quả là nhà tạo lập đồ thị có thể luân chuyển sự chú ý và vốn đầu tư của mình để phát huy được ưu điểm của tính chất luân chuyển trong thị trường. Ở một số thời điểm khác, một số thị trường trở nên “nóng” và kinh nghiệm cho thấy những xu hướng là quan trọng. Thông thường các thời kỳ thị trường có xu hướng này được theo sau bởi những thời kỳ thị trường trầm lặng và không có xu hướng trong khi các thị trường hay các nhóm cổ phiếu khác tiếp tục xu hướng. Nhà kinh doanh dựa vào phân tích kỹ thuật sẽ tự do để lựa chọn kỹ càng. Tuy nhiên, những nhà phân tích cơ bản, những người có xu hướng chuyên môn hóa vào một nhóm nhân tố nào đó, sẽ không có được sự linh hoạt đó. Cho dù nhà phân tích cơ bản có thể tự do xoay quanh những nhóm này thì khả năng linh hoạt của nhà phân tích cơ bản vẫn gặp nhiều khó khăn hơn so với những nhà tạo lập đồ thị.

Ưu điểm khác là nhà phân tích kỹ thuật đã bao quát được “bức tranh lớn”. Bằng cách theo đuổi tất cả các thị trường, nhà phân tích kỹ thuật cảm thấy hài lòng đối với những gì mà thị trường đang diễn tiến, và tránh “sự phiến

12 Phân tích kỹ thuật

diện” do chỉ theo dõi từ một nhóm nhân tố nào đó của thị trường. Hơn nữa, do nhiều thị trường được xây dựng trong các mối quan hệ kinh tế và phản ứng lại với các nhân tố kinh tế đó, hành động giá trong một thị trường hay một nhóm thị trường có thể cho ra những manh mối quan trọng đến chiều hướng tương lai của thị trường hoặc một nhóm thị trường khác.

Phân tích kỹ thuật được áp dụng trong các hoàn cảnh kinh doanh khác nhau

Các nguyên tắc của phân tích đồ thị được áp dụng được cho cả cổ phiếu và các hợp đồng giao sau. Thực sự, phân tích kỹ thuật được áp dụng lần đầu tiên đối với thị trường chứng khoán, sau đó được áp dụng cho các hợp đồng giao sau. Với sự giới thiệu của các hợp đồng giao sau về chỉ số cổ phiếu thì đường ngăn cách giữa hai lĩnh vực này nhanh chóng bị phá bỏ. Các thị trường chứng khoán quốc tế cũng được vẽ ra trên đồ thị và được phân tích theo các nguyên tắc phân tích kỹ thuật. (xem hình 1.2)

Hình 1.2: Đồ thị đường trên thị trường chứng khoán Việt Nam



Các hợp đồng giao sau về tài chính, bao gồm thị trường lãi suất và ngoại tệ đã trở nên hết sức phổ biến trong thập kỷ qua và đã minh chứng là một chủ đề tốt cho phân tích đồ thị.

Các nguyên tắc phân tích kỹ thuật thể hiện vai trò quan trọng trong giao dịch quyền chọn. Việc dự báo bằng phân tích kỹ thuật cũng có thể được sử dụng với nhiều ưu điểm trong quy trình phòng ngừa.

Phân tích kỹ thuật áp dụng đối với các khoảng thời gian khác nhau

Một điểm mạnh khác của phương pháp phân tích đồ thị là khả năng vận dụng với các khoảng thời gian khác nhau. Cho dù người sử dụng đang kinh doanh với sự thay đổi từng giây trong ngày đối với mục đích kinh doanh ngày hoặc giao dịch xu hướng theo xu hướng trung hạn thì việc áp dụng các nguyên tắc này đều tương tự nhau. Độ lớn thời gian thường bị lờ đi đó là việc dự báo bằng phân tích kỹ thuật dài hạn hơn. Sự lựa chọn khoảng thời gian trong một số quý cho rằng phân tích đồ thị trong ngắn hạn thường là không đúng. Có lời đề nghị rằng phân tích cơ bản nên được sử dụng đối với việc dự báo dài hạn và với phân tích kỹ thuật nên được giới hạn trong ngắn hạn. Thực ra, việc dự báo khoảng thời gian dài hạn thường sử dụng các đồ thị hàng tuần và hàng tháng để di ngược lại vài năm, đã minh chứng là một ứng dụng cực kỳ hữu ích của các kỹ thuật này.

Một khi các nguyên tắc phân tích kỹ thuật trong cuốn sách này được hiểu một cách thấu đáo, thì những nguyên tắc này sẽ cung cấp cho người sử dụng sự linh hoạt trong việc áp dụng, cả khía cạnh về hoàn cảnh phân tích và khoảng thời gian để nghiên cứu.

Dự báo kinh tế

Phân tích kỹ thuật có thể đóng vai trò quan trọng trong dự báo kinh tế. Chẳng hạn như chiều hướng của giá cả hàng hoá nói cho chúng ta biết về

14 Phân tích kỹ thuật

xu hướng của lạm phát. Phân tích kỹ thuật cũng cho chúng ta những dấu mốc về điểm mạnh và điểm yếu của nền kinh tế. Giá cả hàng hoá gia tăng thường hàm ý một nền kinh tế mạnh và sức ép lạm phát gia tăng. Giá cả hàng hoá giảm thường cảnh báo nền kinh tế cùng với lạm phát đang chững lại. Xu hướng của lãi suất bị tác động bởi xu hướng của giá cả hàng hoá. Kết quả là các đồ thị về thị trường hàng hoá như vàng, dầu hỏa, cũng như các trái phiếu, có thể nói cho chúng ta biết nhiều điều về những điểm mạnh và điểm yếu của nền kinh tế cũng như những kỳ vọng lạm phát. Xu hướng của đồng USD và các ngoại tệ khác trong tương lai cũng cung cấp sự chỉ dẫn sớm về điểm mạnh và điểm yếu của viễn cảnh nền kinh tế toàn cầu. Thậm chí còn đáng ngạc nhiên hơn khi các xu hướng trong những thị trường giao sau này thường xuất hiện một thời gian dài trước khi chúng phản ánh vào trong các chỉ số kinh tế truyền thống được công bố hàng tháng hay hàng quý, và thường chỉ nói cho chúng ta biết những gì đã xảy ra. Giống như cái tên của nó, thị trường giao sau thường cho chúng ta những hiểu biết về tương lai. Danh mục thị trường chứng khoán S&P500 được coi như là một chỉ số kinh tế quan trọng. Một cuốn sách được viết bởi một trong các chuyên gia hàng đầu cấp quốc gia về chu kỳ kinh doanh, *các chỉ số hàng đầu trong thập kỷ 90* (Moore), đưa ra một trường hợp thuyết phục đối với tầm quan trọng của xu hướng hàng hoá, trái phiếu và cổ phiếu như các chỉ số kinh tế. Cả ba thị trường này đều được nghiên cứu bằng cách áp dụng phân tích kỹ thuật.

Nhà phân tích kỹ thuật hay nhà lập đồ thị

Có nhiều cách gọi khác nhau đối với những người áp dụng phương pháp phân tích kỹ thuật: chuyên gia phân tích kỹ thuật, nhà lập đồ thị, chuyên gia phân tích thị trường, và chuyên gia hình ảnh. Cho tới thời điểm này, tất cả đều mang cùng một ý nghĩa. Tuy nhiên, với sự chuyên môn hóa ngày càng tăng trong lĩnh vực này thì cần phải có một chút phân biệt và định nghĩa các thuật ngữ một cách thận trọng hơn. Bởi vì hầu như tất cả

các nhà phân tích kỹ thuật đều dựa trên việc sử dụng các đồ thị tính tới cách đây một thế kỷ, nên thuật ngữ “nhà phân tích kỹ thuật” và “nhà lập đồ thị” là giống nhau. Nhưng mà sau đó thì nó không còn đúng nữa.

Lĩnh vực phân tích kỹ thuật khá rộng lớn nên yêu cầu phải chia những người ứng dụng phân tích kỹ thuật thành hai dạng là các nhà lập đồ thị truyền thống và các nhà phân tích kỹ thuật thống kê. Phải thừa nhận là có sự đan xen ở đây và hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật kết hợp cả hai lĩnh vực ở một mức độ nào đó. Cũng như trong trường hợp phân biệt giữa nhà phân tích kỹ thuật và nhà phân tích cơ bản hầu hết những người ứng dụng phân tích kỹ thuật chỉ rơi vào một trong hai loại này.

Cho dù các nhà lập đồ thị truyền thống sử dụng công việc định lượng để bổ sung cho việc phân tích của mình hay không thì các đồ thị vẫn là một công cụ làm việc chủ yếu. Tất cả yếu tố khác đều thứ cấp. Xét về mức độ cần thiết, lập đồ thị vẫn là mục tiêu. Hầu như, sự thành công của phương pháp này tùy thuộc vào kỹ năng của mỗi người lập đồ thị. Thuật ngữ “nghệ thuật lập đồ thị” được áp dụng trong phương pháp này bởi vì đọc hiểu đồ thị là cả một nghệ thuật.

Ngược lại, nhà phân tích thống kê hoặc phân tích định lượng sử dụng các nguyên tắc chủ quan này, định lượng, kiểm tra và làm tối ưu hoá chúng nhằm mục đích phát triển hệ thống giao dịch có tính máy móc. Các hệ thống, hay các mô hình giao dịch này được lập trình vào máy vi tính để tạo ra các tín hiệu “mua” và “bán”. Các hệ thống này được sắp xếp từ đơn giản đến phức tạp. Tuy nhiên sâu xa hơn là để giảm bớt hoặc loại trừ yếu tố chủ quan của con người trong giao dịch, làm cho nó có tính khoa học hơn. Các nhà thống kê có thể sử dụng hoặc không sử dụng đồ thị giả cả trong công việc của họ, nhưng họ cho rằng các nhà phân tích kỹ thuật và công việc của những người này bị giới hạn trong việc nghiên cứu diễn biến thị trường.

Thậm chí các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng máy vi tính có thể được phân chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn, những người thiên về các hệ thống

16 Phân tích kỹ thuật

máy móc, hoặc phương pháp “chiếc hộp đen”, và những người sử dụng công nghệ máy tính để phát triển các chỉ số kỹ thuật tốt hơn. Nhóm sau cùng này duy trì sự kiểm soát của họ lên việc giải thích các chỉ số và đồng thời kiểm soát luôn cả quy trình để ra quyết định.

Một cách khác để phân biệt giữa nhà phân tích kỹ thuật thống kê và nhà lập đồ thị đó là gọi tất cả các nhà lập đồ thị là các nhà phân tích kỹ thuật nhưng không được gọi tất cả các nhà phân tích kỹ thuật là nhà lập đồ thị. Mặc dù các thuật ngữ này được sử dụng thay thế nhau trong cuốn sách này nhưng cần phải nhớ rằng việc lập đồ thị chỉ thể hiện một lĩnh vực nhỏ trong chủ đề rộng lớn của phân tích kỹ thuật.

Một sự so sánh ngắn gọn về phân tích kỹ thuật chứng khoán và hợp đồng giao sau

Một câu hỏi thường được đặt ra là phân tích kỹ thuật có được áp dụng cho các hợp đồng giao sau giống như thị trường chứng khoán không. Câu trả lời là cả hai đều như nhau và cũng không như nhau. Nguyên tắc cơ bản thì giống nhau nhưng có một vài điểm khác biệt. Các nguyên tắc phân tích kỹ thuật được áp dụng lần đầu tiên đối với việc dự báo thị trường chứng khoán và sau đó mới được áp dụng cho các hợp đồng giao sau. Hầu hết các công cụ cơ bản của phân tích kỹ thuật – đồ thị hình thanh, đồ thị hình và điểm, các mẫu hình giá, khối lượng, các đường xu hướng, trung bình di động, các chỉ số dao động Oscillator – được sử dụng chung cho cả hai lĩnh vực. Bất kỳ một người nào đã học các khái niệm này trong thị trường chứng khoán hoặc thị trường giao sau đều không gặp phải một rắc rối nào trong việc điều chỉnh đổi với khía cạnh còn lại. Tuy nhiên có một vài lĩnh vực khác biệt về bản chất của chứng khoán và hợp đồng giao sau hơn là khác nhau về bản thân các công cụ thực tế.

Cấu trúc giá

Cấu trúc giá trong các hợp đồng giao sau phức tạp hơn nhiều so với trong thị trường chứng khoán. Các hàng hoá được yết giá theo các đơn vị và các thành tố khác nhau. Chẳng hạn như thị trường ngũ cốc được yết giá bao nhiêu cent trên một giã, thị trường vật nuôi thì bao nhiêu cent trên 1 pound, thị trường vàng và bạc thì bao nhiêu đôla trên một ounce, lãi suất thì tính bằng điểm. Các nhà giao dịch phải học các chi tiết hợp đồng ở mỗi thị trường: nó được già định bằng ngoại tệ nào, việc yết giá của mỗi hợp đồng được thực hiện bằng cách nào, những mức độ giá tối đa và tối thiểu là bao nhiêu, và những mức độ giá này có giá trị gì.

Vòng đời bị giới hạn

Không giống như chứng khoán, các hợp đồng giao sau có ngày đáo hạn. Ví dụ, một hợp đồng trái phiếu tháng 3 năm 1999 đáo hạn vào 3/1999. Các hợp đồng giao sau thường giao dịch một năm hoặc nửa năm trước ngày đáo hạn. Vì vậy, ở bất kỳ một thời gian nào, ít nhất có 6 tháng hợp đồng khác nhau giao dịch cùng một loại hàng hoá ở cùng một thời điểm. Nhà giao dịch bắt buộc phải biết hợp đồng nào để giao dịch và hợp đồng nào phải tránh. Đặc điểm vòng đời giới hạn này gây ra một số rắc rối cho việc dự báo giá ở một phạm vi dài hơn. Cần phải có những đồ thị mới để tiếp tục một khi các hợp đồng cũ đã kết thúc giao dịch. Đồ thị của một hợp đồng đã đáo hạn thì không còn được sử dụng nữa. Những đồ thị mới phải đạt được đối với những hợp đồng mới hơn cùng với những chỉ dẫn kỹ thuật của chúng. Sự luân phiên thường xuyên này tạo ra sự duy trì một kho đồ thị cùng cố xu hướng phức tạp hơn. Đối với người sử dụng máy vi tính thì tốn nhiều thời gian và chi phí hơn do cần thiết phải đạt được các dữ liệu lịch sử mới khi các hợp đồng cũ đáo hạn.

18 Phân tích kỹ thuật

Những yêu cầu khoán ký quỹ thấp hơn

Điều này có thể là sự khác biệt quan trọng nhất giữa chứng khoán và các hợp đồng giao sau. Tất cả các hợp đồng giao sau đều được giao dịch trên khoán ký quỹ, thông thường chúng thấp hơn 10% so với giá trị hợp đồng. Hậu quả của các yêu cầu khoán ký quỹ thấp này thường làm khuyếch đại đòn bẩy. Chỉ cần một biến động nhỏ trong giá cả cho dù theo hướng nào cũng làm phóng đại ảnh hưởng của chúng lên toàn bộ các kết quả giao dịch. Vì lý do này, người giao dịch có thể phải gánh chịu một khoản lỗ lớn trong một thời gian rất ngắn ở thị trường giao sau. Vì nhà kinh doanh chỉ đặt 10% giá trị hợp đồng như là một khoán ký quỹ, nên chỉ cần một sự thay đổi 10% dù là theo hướng nào cũng có thể làm số tiền của nhà kinh doanh tăng lên gấp đôi hoặc tiêu hủy toàn bộ. Do sự phóng đại tác động từ biến động nhỏ của thị trường mà yêu tố đòn bẩy cao thình thoáng làm cho thị trường giao sau biến động hơn mức thông thường. Ví dụ, khi có một người nào đó nói rằng anh ta bị tiêu huy hoàn toàn trong thị trường giao sau thì hãy nhớ rằng anh ta chỉ chấp nhận 10% so với vị trí ban đầu.

Từ quan điểm của phân tích kỹ thuật, yêu tố đòn bẩy cao sẽ làm cho việc tiêu tốn thời gian ở thị trường giao sau nhiều hơn so với thị trường chứng khoán. Xác định đúng thời điểm vào và ra khỏi thị trường là điều cốt yếu trong giao dịch các hợp đồng giao sau, khó khăn và phức tạp hơn nhiều so với phân tích thị trường. Vì lý do này mà các kỹ năng giao dịch bằng phân tích kỹ thuật trở nên không thể thiếu được để một chương trình giao dịch các hợp đồng giao sau thành công.

Phạm vi thời gian thì ngắn hơn nhiều

Bởi vì mức độ đòn bẩy cao và nhu cầu cần phải kiểm soát chặt chẽ vị thế thị trường mà giới hạn thời gian của nhà giao dịch hàng hoá cần phải ngắn hơn nhiều. Các nhà phân tích kỹ thuật ở thị trường chứng khoán thường tập trung nhiều hơn về các bức tranh dài hạn và nói nhiều hơn về

các phạm vi thời gian mà điều này thường nằm ngoài mối quan tâm của các nhà giao dịch hàng hoá. Các nhà phân tích kỹ thuật chứng khoán thường nói về việc giá sẽ đi đến đâu trong 3 hoặc 6 tháng tới. Các nhà kinh doanh hợp đồng giao sau thì muốn biết giá sẽ như thế nào vào tuần tới, ngày mai hay thậm chí có thể là chiều nay. Cần thiết phải có sự chọn lọc lại các công cụ sử dụng trong ngắn hạn. Ví dụ như trung bình di động. Hầu hết các trung bình di động đối với các cổ phiếu là từ 50 tới 200 ngày. Trong thị trường hàng hoá, trung bình di động thường thấp hơn 40 ngày. Chẳng hạn một sự kết hợp các trung bình di động phổ biến trong thị trường giao sau là 4, 9 và 18 ngày.

Sự phụ thuộc về việc định thời gian nhiều hơn

Việc định thời gian là tất cả trong giao dịch các hợp đồng giao sau. Xác định đúng hướng của thị trường chỉ giải quyết được một phần nhỏ của vấn đề giao dịch. Nếu xác định thời điểm tham gia vào thị trường trễ một ngày hay chỉ là một vài phút cũng là một sự khác biệt giữa thành công và thất bại. Thật tồi tệ nếu bạn ở vào vị thế sai của thị trường và hứng chịu lỗ. Ở vào vị thế đúng của thị trường mà vẫn lỗ là một trong những điều làm nản lòng nhất trong giao dịch thị trường giao sau. Nó diễn tiến mà không hề nói với bạn là việc định thời điểm có tính chất kỹ thuật thuận túy, bởi vì các yếu tố cơ bản hiếm khi thay đổi hàng ngày.

Ít dựa vào các trung bình thị trường và các chỉ số thị trường

Phân tích thị trường chứng khoán thì dựa nhiều vào các biến động trung bình của thị trường – như chỉ số Dow Jone hay S&P500, thậm chí ngay cả khi đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam cũng cần xem xét thường xuyên chỉ số VN-Index như một tham số cần thiết.Thêm vào đó, các chỉ số phân tích kỹ thuật đo lường mức độ mạnh yếu của thị trường như đường tăng giảm chỉ số NYSE, VN-Index hay các danh sách giá cao

20 Phân tích kỹ thuật

thấp mới, được sử dụng nhiều. Trong khi thị trường hàng hóa có thể được theo dõi bằng cách sử dụng các thước đo như danh mục giá tương lai của Ủy ban nghiên cứu hàng hoá, ít nhấn mạnh đến phương pháp nghiên cứu thị trường rộng lớn hơn. Phân tích thị trường hàng hoá tập trung nhiều hơn lên hành động của các thị trường riêng lẻ. Phân tích thị trường làm nảy sinh tình trạng, các chỉ số kỹ thuật do lường các xu hướng hàng hoá rộng lớn hơn không được sử dụng. Chỉ cần khoảng 20 hoặc một thị trường hàng hóa năng động hơn thì sẽ không cần thiết nhiều.

Các công cụ phân tích kỹ thuật cụ thể

Trong khi phần lớn các công cụ phân tích kỹ thuật bắt nguồn từ thị trường chứng khoán đã được sử dụng trong thị trường hàng hoá nhưng chúng vẫn không được sử dụng theo cùng một cách. Chẳng hạn như các mẫu hình đồ thị trong thị trường giao sau thường không hướng đến việc hình thành các mẫu hình đầy đủ như trong thị trường chứng khoán.

Các nhà giao dịch hợp đồng giao sau thường dựa nhiều vào các chỉ số ngắn hạn mà chúng thường nhấn mạnh đến các dấu hiệu mua bán rõ ràng hơn. Tất cả những điểm khác biệt này và những khác biệt nữa sẽ được thảo luận ở phần sau cuốn sách này.

Cuối cùng có một điểm khác nhau giữa chứng khoán và hợp đồng giao sau. Phân tích kỹ thuật trong chứng khoán dựa nhiều vào việc sử dụng các chỉ số tâm lý và phân tích dòng tiền của những quỹ đầu tư. Các chỉ số tâm lý theo dõi sự thể hiện của các nhóm nhà đầu tư khác nhau như các quỹ đầu tư, các chuyên gia trên các sàn giao dịch. Tâm quan trọng nhất được đặt lên các chỉ số tâm lý đó là những chỉ số đo lường toàn bộ sự tăng giảm của thị trường về mặt lý thuyết là ý kiến của số đông thường sai. Phân tích dòng tiền của những quỹ đầu tư thể hiện vị thế tiền mặt của các nhóm nhà đầu tư khác nhau, chẳng hạn như các quỹ tương

hỗ hoặc các định chế tài chính lớn. Quan điểm ở đây là vị thế tiền mặt càng lớn thì khả năng đầu tư vào thị trường chứng khoán càng nhiều.

Phân tích kỹ thuật trong thị trường giao sau là một hình thức thuận túy hơn trong phân tích giá. Trong khi lý thuyết về quan điểm trái ngược được sử dụng ở một mức độ nào đó thì sự nhấn mạnh nhiều hơn nằm ở việc phân tích các xu hướng cơ bản và việc áp dụng các chỉ số kỹ thuật truyền thống.

Một vài nhược điểm của phương pháp phân tích kỹ thuật

Nói chung, một vài câu hỏi này sinh sau những buổi thảo luận về phân tích kỹ thuật. Một trong những mối quan tâm đó là sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực. Một câu hỏi khác là dữ liệu giá trong quá khứ có thể dùng để dự đoán tương lai được không? Những lời phê bình thường được nói dưới dạng như “Đô thị có thể nói cho chúng ta thị trường đã ở đâu nhưng không thể nói cho chúng ta biết thị trường sẽ đi về đâu”. Ngay lập tức, chúng ta có thể đưa ra câu trả lời rằng đô thị sẽ không nói cho chúng ta bất cứ thứ gì nếu ta không biết cách đọc nó. Lý thuyết bước đi ngẫu nhiên đặt ra câu hỏi giá cả thị trường có hoàn toàn đi theo xu hướng không và nghi ngờ rằng kỹ thuật dự báo có thể đánh lừa chiến lược mua và nắm giữ. Các câu hỏi này xứng đáng được hưởng ứng.

Sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực

Câu hỏi đặt ra là có hay không sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực khi mà hoạt động đó dường như gây bức悯 cho hầu hết mọi người bởi vì nó có thể được đưa ra khá thường xuyên. Nó thực sự là một sự quan tâm có giá trị nhưng tầm quan trọng của nó thì ít hơn mọi người nghĩ. Có lẽ cách tốt nhất để trả lời câu hỏi này là xuất phát từ việc thảo luận một vài nhược điểm của việc sử dụng những mẫu hình đồ thị:

22 Phân tích kỹ thuật

1. Việc sử dụng hầu hết các mẫu hình đồ thị đã được phổ biến trong nhiều năm qua. Nhiều nhà giao dịch đã khá quen thuộc với các mẫu hình đồ thị và thường hành động đúng các mẫu hình này. Điều này tạo ra một sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực, cũng như các đợt sóng mua và bán được tạo ra tương ứng với các mẫu hình “giá lên” hoặc “giá xuống”.
2. Các mẫu hình đồ thị gần như là chủ quan hoàn toàn. Chưa có nghiên cứu nào thành công trong việc định lượng theo kiểu toán học bất cứ mẫu hình nào của chúng. Chúng đúng như trong đầu người quan sát.

Hai quan điểm này trái ngược nhau và quan điểm thứ hai gần như loại bỏ quan điểm thứ nhất. Nếu như các mẫu hình đồ thị là “sự chủ quan hoàn toàn” và “đúng như trong đầu người quan sát” thì thật khó có thể tưởng tượng mọi người có thể nhìn thấy cùng một điều gì đó ở cùng một thời điểm, nhưng đây lại là điều cơ bản của sự tiên đoán hoàn toàn hiện thực. Các nhà phê bình việc lập đồ thị không chỉ trích cả hai mặt này. Họ không thể vừa phê bình rằng việc lập đồ thị thì quá khách quan và rõ ràng đến nỗi mọi người sẽ hành động như nhau ở cùng một thời điểm (điều này tạo nên một mẫu hình giá được hoàn chỉnh) vừa phê bình việc lập đồ thị thì quá chủ quan.

Sự thật của vấn đề đó là việc vẽ đồ thị rất chủ quan. Đọc đồ thị là một nghệ thuật. (Có lẽ sử dụng từ “kỹ năng” sẽ đúng hơn). Các mẫu hình đồ thị rất hiếm khi rõ ràng đến nỗi mà các nhà lập đồ thị có kinh nghiệm luôn đồng ý theo những gì chúng giải thích. Luôn có một yếu tố hoài nghi và không đồng tình. Như quyển sách này trình bày, có nhiều phương pháp khác nhau để phân tích kỹ thuật mà phương pháp này thường thì không đồng tình với phương pháp khác.

Ngay cả khi hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật đồng tình với dự báo thị trường thì họ không nhất thiết phải tham gia vào thị trường ở cùng một thời điểm và theo cùng một cách. Một vài người có thể cố gắng dự báo

tín hiệu đồ thị và tham gia vào thị trường sớm hơn. Một vài người khác lại thích mua ở những “điểm phá vỡ” từ một mẫu hình và chỉ số đã hình thành. Một vài người khác lại tiếp tục chờ đợi cho tới khi có sự kéo lại sau khi có điểm phá vỡ rồi mới hành động. Một vài nhà giao dịch thì rất nóng vội, một số khác lại thận trọng. Một vài người sử dụng lệnh dừng khi tham gia vào thị trường, trong khi một số khác lại thích dùng lệnh thị trường hoặc lệnh giới hạn. Một số thì giao dịch dài hạn trong khi số khác lại giao dịch ngắn hạn. Do đó, khả năng mà tất cả các nhà phân tích kỹ thuật hành động ở cùng một thời điểm và cùng một cách thì thực sự hơi xa vời.

Thậm chí nếu việc tiên đoán hoàn toàn tự thực hiện là một mối quan tâm lớn thì điều đó có thể “tự đúng” xét về bản chất. Nói cách khác, nhà giao dịch sẽ hoàn toàn dựa vào đồ thị cho tới khi các hành động dự tính của chúng bắt đầu tác động và bóp méo thị trường. Một khi các nhà giao dịch nhận ra điều này đang xảy ra thì hoặc là họ có thể dừng sử dụng các đồ thị này hoặc là họ sẽ điều chỉnh các chiến thuật giao dịch của mình. Chẳng hạn, các nhà giao dịch sẽ cố gắng hành động trước đám đông hoặc đợi cho tới khi có sự cung cống hơn. Vì thế thậm chí nếu việc tiên đoán hoàn toàn tự thực hiện trở thành một vấn đề trở ngại qua một khoản thời gian ngắn thì nó có thể hướng đến việc tự hoàn chỉnh lầy.

Cần phải nhớ rằng thị trường giá lên và thị trường giá xuống chỉ xảy ra và được duy trì khi chúng bị điều chỉnh bởi quy luật cung cầu. Các nhà phân tích kỹ thuật không thể gây nên một sự dịch chuyển thị trường chỉ bằng khả năng mua và bán của riêng họ. Nếu điều này xảy ra, có thể tất cả các nhà phân tích kỹ thuật sẽ nhanh chóng trở nên giàu có.

Một điều đáng được quan tâm nhiều hơn là các nhà tạo lập đồ thị gia tăng sử dụng các hệ thống giao dịch bằng phân tích kỹ thuật được vi tính hoá trong thị trường giao sau. Những hệ thống này xét về bản chất thì thường theo sát xu hướng, có nghĩa là tất cả chúng được lập trình để xác định và giao dịch theo các xu hướng chính. Với sự gia tăng tính chuyên

24 Phân tích kỹ thuật

nghiệp trong quản lý tiền trong tương lai, và cùng với sự tăng nhanh các quỹ đầu tư công cộng và tư nhân, hầu hết các quỹ đầu tư này đang sử dụng hệ thống phân tích kỹ thuật này, tập trung một lượng tiền lớn đang theo đuổi các xu hướng đang tồn tại. Bởi vì nhiều thị trường giao sau vẫn còn nhỏ, tiềm năng để các hệ thống giao dịch này bóp méo hành động giá trong ngắn hạn đang gia tăng. Tuy nhiên, thậm chí trong những trường hợp mà ở đó những sự bóp méo đã xảy ra, về bản chất chúng cũng chỉ trong ngắn hạn và không gây ra các dịch chuyển lớn.

Một lần nữa, ngay cả vấn đề tập trung một lượng tiền bằng cách sử dụng hệ thống phân tích kỹ thuật có thể tự điều chỉnh. Nếu tất cả các hệ thống bắt đầu làm cùng một điều ở cùng một thời gian thì các nhà giao dịch có thể thực hiện các điều chỉnh bằng cách làm cho hệ thống của họ ít nhiều linh hoạt hơn.

Sự tiên đoán hoàn toàn tự thực hiện được liệt kê như là một sự phê bình về đồ thị. Nó có thể phù hợp hơn để liệt kê vào những lời ca tụng. Cuối cùng để cho các kỹ thuật dự báo trở nên phổ biến đến mức có thể ảnh hưởng tới các sự kiện thì đòi hỏi nó phải đủ tốt. Chúng ta chỉ có thể suy xét xem tại sao mối quan tâm này hiếm khi phát sinh liên quan đến việc sử dụng phân tích cơ bản.

Có thể dùng quá khứ để dự báo tương lai?

Một câu hỏi khác thường này sinh liên quan đến tính hiệu lực của việc sử dụng các dữ liệu quá khứ để dự đoán tương lai. Thật đáng ngạc nhiên về mức độ thường xuyên của các lời phê bình của phương pháp phân tích kỹ thuật đưa ra câu hỏi này bởi vì mọi phương pháp dự báo được biết đến, từ dự báo thời tiết cho đến phân tích cơ bản đều hoàn toàn dựa trên việc nghiên cứu các dữ liệu quá khứ. Vậy, liệu có còn loại dữ liệu nào khác có thể sử dụng được ở đây?

Lĩnh vực thống kê tạo ra một sự khác biệt giữa thống kê diễn dịch và thống kê quy nạp. Thống kê diễn dịch ám chỉ đến việc mô tả các dữ liệu dưới dạng đồ thị, chẳng hạn như dữ liệu giá mô tả lên đồ thị thanh. Thống kê quy nạp ám chỉ đến tính tổng quát hoá, sự tiên đoán hoặc phép quy nạp được rút ra từ dữ liệu đó. Vì thế, đồ thị giá tự nó sẽ diễn dịch, trong khi đó các nhà phân tích kỹ thuật thực hiện trên dữ liệu giá đó rơi vào lĩnh vực quy nạp.

Như một đoạn trích từ thống kê “bước đầu tiên trong dự báo tương lai kinh tế hay hoạt động kinh doanh bao gồm việc thu thập các quan sát từ quá khứ”. Phân tích đồ thị chỉ là một hình thức khác của phân tích chuỗi thời gian, dựa trên việc nghiên cứu quá khứ, điều mà thực sự đã được thực hiện trong tất cả các hình thức của phân tích chuỗi thời gian. Một loại dữ liệu mà bất kỳ một ai đều phải bắt đầu là dữ liệu quá khứ. Chúng ta chỉ có thể ước lượng tương lai bằng cách hướng các kinh nghiệm quá khứ vào tương lai.

Vì vậy dường như việc sử dụng dữ liệu giá quá khứ để dự đoán tương lai trong phân tích kỹ thuật truyền tải vào những khái niệm thống kê hợp lý. Nếu bất kỳ ai nghi ngờ khía cạnh dự báo kỹ thuật này, anh ta cũng hoài nghi tính hiệu lực của tất cả các phương pháp dự báo khác dựa trên dữ liệu lịch sử, mà các phương pháp này thì bao gồm phân tích cơ bản và phân tích kinh tế.

Lý thuyết bước đi ngẫu nhiên

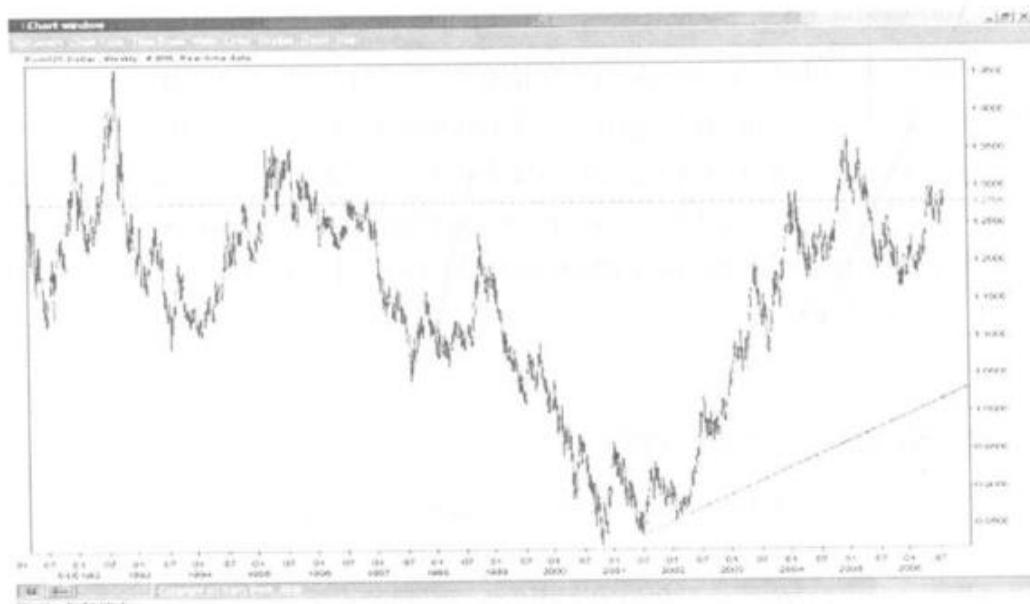
Lý thuyết bước đi ngẫu nhiên, được phát triển và được khuyến khích trong cộng đồng học thuật, cho rằng những thay đổi giá cả là “độc lập lẫn nhau” và giá cả trong quá khứ thì không phải là một chỉ dẫn xác thực cho xu hướng giá tương lai. Nói tóm lại, sự biến động giá cả là ngẫu nhiên và không thể dự đoán được. Lý thuyết này dựa trên giả định thị trường hiệu quả, giả định này hàm ý rằng giá cả dao động ngẫu nhiên xoay quanh giá trị nội tại của chúng. Lý thuyết cũng cho rằng chiến lược thị trường hiệu

26 Phân tích kỹ thuật

quá nhất là “mua và nắm giữ” trái ngược với chiến lược “đánh cược với thị trường”.

Trong khi vẫn còn có một chút nghi ngờ về bước đi ngẫu nhiên hay “tính nội nhiễu” tồn tại trong tất cả các thị trường thì thật không thực tế khi tin rằng tất cả các biến động giá đều ngẫu nhiên. Điều này có thể là một trong các điểm nơi mà các quan sát quá khứ và kinh nghiệm thực tế cho thấy tính hữu dụng hơn là các kỹ thuật thống kê phức tạp, điều mà các kỹ thuật vốn dĩ có thể ủng hộ cho bất kỳ điều gì có trong đầu và cũng không ủng hộ cho bất kỳ điều gì. Thật hữu dụng khi nhớ rằng bước đi ngẫu nhiên chỉ có thể được xác định trong khía cạnh phù định của một sự bất lực để phát hiện ra những mẫu hình có tính hệ thống trong hành động giá. Sự thật, nhiều học giả đã không khám phá ra sự hiện diện của các mẫu hình này, không thể chứng minh chúng không tồn tại.

Hình 1.3: Một “bước đi ngẫu nhiên” của thị trường ngoại tệ Euro/USD.



Các học giả tranh luận về việc có hay không việc thị trường vận động theo xu hướng là một chủ đề được quan tâm bởi các chuyên gia thị trường hay những nhà giao dịch, người bị buộc phải mua bán trong thê

giới thực nơi mà xu hướng thị trường là hoàn toàn có thể nhìn thấy được. Nếu như các đọc giả còn bất kỳ mối nghi ngờ nào về quan điểm này thì xem qua bất kỳ cuốn sách đồ thị (được lựa chọn ngẫu nhiên) sẽ minh họa sự xuất hiện của các xu hướng theo cách sinh động. Làm thế nào mà “các bước đi ngẫu nhiên” này giải thích được sự tồn tại của các xu hướng này nếu giá cả độc lập lẫn nhau, có nghĩa là những gì xảy ra vào ngày hôm qua, hoặc tuần trước thì không có mối liên hệ gì với những gì xảy ra vào ngày hôm nay hoặc ngày mai? Làm sao mà các bước đi ngẫu nhiên này có thể giải thích các thành tích lợi nhuận thực tế của các hệ thống giao dịch theo sau xu hướng.

Chẳng hạn như bằng cách nào mà một chiến lược mua và nắm giữ có thể tồn tại trong thị trường hàng hoá giao sau nơi mà việc định thời gian là điều quyết định. Làm sao có thể nắm giữ những vị thế mua trong suốt thời kì thị trường giá xuống? Bằng cách nào các nhà giao dịch có thể biết được sự khác nhau giữa thị trường giá lên và thị trường giá xuống nếu như giá cả không thể đoán trước và không theo xu hướng? Trong thực tế, một thị trường giá xuống có thể tồn tại như thế nào ở vị trí đầu tiên bởi vì vị trí đó ngũ ý một xu hướng?

Dường như có sự hoài nghi về việc chứng cứ thống kê sẽ minh chứng hay không minh chứng cho lý thuyết bước đi ngẫu nhiên. Tuy nhiên, ý tưởng thị trường là ngẫu nhiên đã hoàn toàn bị phá bỏ bởi một cộng đồng phân tích kỹ thuật. Nếu thị trường hoàn toàn là ngẫu nhiên thì không một kỹ thuật dự báo nào hoạt động. Chẳng những không chứng minh tính hiệu lực của phương pháp phân tích kỹ thuật, giả định thị trường hiệu quả rất gần với giả thuyết phân tích kỹ thuật đó là giá cả phản ánh tất cả các yếu tố thị trường. Tuy nhiên, các học giả cảm thấy rằng bởi vì thị trường nhanh chóng phản ánh tất cả các thông tin nên không có cách nào dễ kiểm lợi nhuận từ những thông tin này. Nền tảng của dự báo bằng phân tích kỹ thuật đó là thông tin thị trường quan trọng được phản ánh vào giá cả thị trường rất lâu trước khi nó được biết đến. Các học giả đã rất hùng hồn khi cho rằng nhu cầu quan sát hành động giá và sự cố gắng

28 Phân tích kỹ thuật

vô ích để kiểm lời từ thông tin cơ bản là không có ý nghĩa, ít nhất trong thời gian ngắn hạn.

Cuối cùng, dường như là công bằng để hiểu rằng bất kỳ một quy trình nào đó xuất hiện một cách ngẫu nhiên và không dự đoán được đối với những người không hiểu được những nguyên tắc mà quy trình này hoạt động. Chẳng hạn như dữ liệu in ra từ một điện tâm đồ có thể xuất hiện hàng loạt độ nội nhiễu ngẫu nhiên đối với một người không biết gì. Nhưng với những người được qua đào tạo y học thì tất cả các độ nội nhiễu đó đều có ý nghĩa và không hề ngẫu nhiên. Sự vận động của thị trường có thể xuất hiện tính ngẫu nhiên đối với những người không chịu bỏ thời gian ra để nghiên cứu các nguyên tắc ứng xử của thị trường. Sự ảo tưởng của bước đi ngẫu nhiên dần dần sẽ biến mất khi mà kỹ năng trong việc đọc đồ thị được nâng lên. Hy vọng điều này đúng với những người đọc cuốn sách này.

Thậm chí vẫn còn hy vọng đối với một thế giới học thuật. Nhiều trường đại học hàng đầu ở Mỹ đã bắt đầu khảo sát tài chính hành vi, điều mà cho rằng tâm lí con người và giá chứng khoán là một cặp song sinh luôn đi cùng nhau. Dĩ nhiên, đó là một nền tảng cơ bản của phân tích kỹ thuật.

Quy tắc chung

Trong một thế kỷ qua, các công cụ phân tích kỹ thuật đã được áp dụng rộng rãi vào việc phân tích các xu hướng thị trường chứng khoán. Các nguyên tắc phân tích kỹ thuật được thảo luận trong cuốn sách này có thể được áp dụng rộng rãi đến tất cả các thị trường – thậm chí các quỹ tương hỗ. Một đặc điểm truyền thống của giao dịch thị trường chứng khoán được sự phổ biến rộng rãi trong một thế kỷ qua đã và đang được đầu tư, chủ yếu thông qua quyền chọn chỉ số và các quỹ tương hỗ.

LÝ THUYẾT DOW

Lý thuyết Dow là lý thuyết lâu đời nhất và cũng là phương pháp được biết đến nhiều nhất về việc xác định các xu hướng chính trên thị trường chứng khoán. Một sự xem xét mở rộng sẽ không cần thiết ở đây vì có rất nhiều cuốn sách tuyệt vời nói về chủ đề này. Tuy nhiên, một lời giải thích ngắn gọn lại là hợp lệ bởi vì các nguyên tắc cơ bản của lý thuyết Dow được sử dụng trong các nhánh khác nhau của phân tích kỹ thuật.

Mục đích của lý thuyết Dow là xác định những thay đổi trong sự dịch chuyển chính hay còn gọi là sự dịch chuyển cơ bản của thị trường. Một khi xu hướng đã được xác lập, thì xu hướng này được giả định sẽ tồn tại cho đến khi có sự đảo ngược xu hướng xảy ra. Lý thuyết Dow liên quan đến phương hướng của một xu hướng và nó không có giá trị dự báo đối với khoảng thời gian hay phạm vi sau cùng của xu hướng.

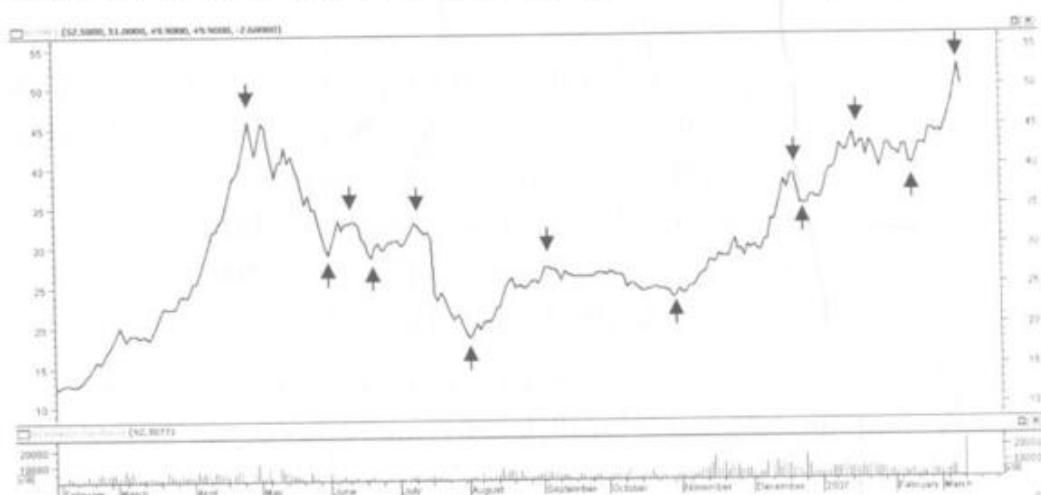
Bắt đầu từ năm 1897, một nhà đầu tư, người đã mua các chứng khoán trong danh mục chỉ số trung bình công nghiệp - Dow Jones Industrial Average - DJIA theo tín hiệu mua của lý thuyết Dow và bán vị thế này theo các tín hiệu bán của lý thuyết Dow, và sau đó lại tái đầu tư số tiền này khi có tín hiệu mua tiếp theo, ông ta có khoản đầu tư ban đầu vào năm 1897 là 44\$ tăng lên khoảng 51.268\$ vào tháng 1 năm 1990.¹ Thay vì nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng khoán với vốn đầu tư ban đầu là 44\$ vào cuối thời kỳ đó thì vốn đầu tư này cũng có sự tăng trưởng nhưng chỉ

¹ Điều này thừa nhận rằng những giá trị trung bình là có sẵn vào năm 1897. Thực ra, lý thuyết Dow phát hành vào năm 1900.

30 Phân tích kỹ thuật

vào khoảng 2.500\$. Trong thực tế, lợi nhuận kiếm được bằng cách tuân theo lý thuyết Dow sẽ bị giảm đi do có chi phí giao dịch và các khoản thuế lãi vốn. Ngay cả khi giới hạn sai số cho phép có thể lớn hơn nữa thì thành quả đầu tư từ việc sử dụng lý thuyết này cũng vẫn tốt hơn so với kết quả của chiến lược mua và nắm giữ.

Hình 2.1: VF1, Thể hiện những tín hiệu mua và bán theo lý thuyết Dow

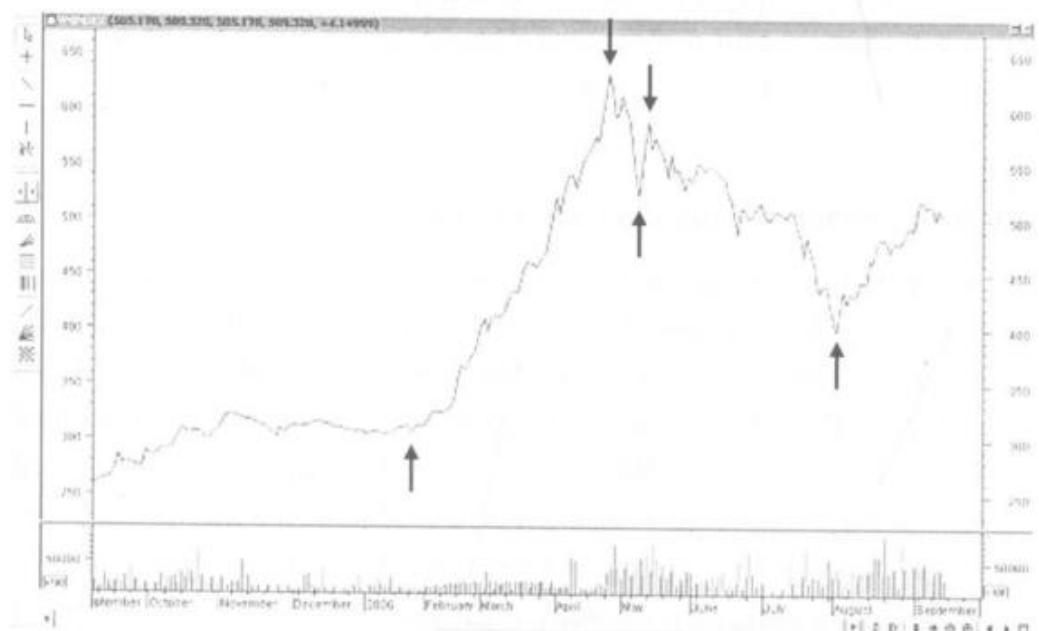


Chúng ta nhận thấy rằng không phải lý thuyết Dow lúc nào cũng theo kịp những sự kiện xảy ra trong thực tế. Thỉnh thoảng nó làm cho nhà đầu tư phải nghi ngờ. Tuy vậy không có nghĩa là lý thuyết Dow dự đoán sai vì đôi khi tình trạng lỗ vẫn xảy ra nhưng tương đối ít. Những quan điểm này nhấn mạnh rằng trong khi phương tiện máy móc kỹ thuật có thể hữu ích trong việc dự báo thị trường chứng khoán, thì không có một cái gì có thể thay thế được những phân tích hỗ trợ dựa trên các nhận định hợp lý, đã được cân nhắc.

Lý thuyết Dow ra đời từ những nghiên cứu của Charles H. Dow, được xuất bản hàng loạt các bài xã luận trên tạp chí *Wall Street Journal* từ năm 1900 đến 1902. Dow đã sử dụng hành vi của thị trường chứng khoán như một phong vũ biểu về điều kiện kinh doanh hơn là xem nó

như là một nền tảng đối với việc dự báo giá chứng khoán. Người kế nghiệp của Dow, William Peter Hamilton, đã phát triển các nguyên tắc của Dow và tổ chức chúng thành lý thuyết Dow hiện đại như chúng ta biết ngày nay. Những nguyên tắc này được phát thảo ngắn gọn trong cuốn sách "*The Stock Market Barometer*" của Hamilton, xuất bản năm 1922. Nhưng cuốn sách này chỉ tồn tại cho đến khi Robert Rhea xuất bản cuốn *Dow Theory*, vào năm 1932, trong cuốn sách này các nguyên tắc được hoàn thiện hơn và chính thức trở thành nguyên tắc phổ biến.

Hình 2.2: Vn-Index, thể hiện những tín hiệu mua và bán theo lý thuyết Dow



Lý thuyết Dow giả định rằng phần lớn các chứng khoán tuân theo xu hướng căn bản của thị trường trong hầu hết thời gian. Để đo lường "thị trường", Dow đã xây dựng 2 danh mục, mà ngày nay chúng được gọi là Dow Jones Industrial Average, lúc đầu danh mục này bao gồm một sự kết hợp của 12 cổ phiếu đảm bảo chắc chắn nhưng ngày nay bao gồm 30 cổ phiếu, và Dow Jones Rail Average, danh mục này lúc đầu cũng gồm

32 Phân tích kỹ thuật

12 cổ phiếu của các công ty đường sắt. Vì Rail Averages được xem như là đại diện cho những cổ phiếu của ngành giao thông vận tải. Tuy nhiên, sau này sự phát triển của ngành hàng không và các loại hình vận chuyển khác nên cần thiết phải điều chỉnh chỉ số Rail Averages để nó phản ánh cả tình trạng của ngành này. Cuối cùng, cái tên của danh mục này đã được đổi thành *Transportation Average*.

Giải thích lý thuyết

Để giải thích lý thuyết Dow một cách chính xác, rất cần thiết phải ghi chép các mức giá đóng cửa² hàng ngày của danh mục và tổng số các giao dịch hàng ngày trên thị trường chứng khoán Việt Nam – VN-Index. Sáu nguyên lý cơ bản của lý thuyết được biết đến như sau:

Giá phản ánh tất cả hành động thị trường

Những sự thay đổi trong các mức giá đóng cửa hàng ngày phản ánh một cách nhìn tổng hợp và tình cảm của tất cả những người tham gia vào thị trường chứng khoán, cả những nhà đầu tư hiện tại và những nhà đầu tư tiềm năng. Vì thế mà nó được già định rằng quy trình này phản ánh tất cả hành động thị trường được biết đến và có thể dự đoán được, điều này có thể tác động tới mối quan hệ cung cầu của cổ phiếu. Mặc dù các hành động của “thượng đế” rõ ràng là không thể dự đoán được, nhưng việc xảy ra các hành động này thì được đánh giá một cách nhanh chóng và các hàm ý của các hành động này sẽ được phản ánh.

Thị trường có 3 sự chuyển dịch

Trên thị trường chứng khoán có 3 sự dịch chuyển cùng một lúc.

² Rất quan trọng để sử dụng giá đóng cửa vì những sự dao động hàng ngày là tùy thuộc vào sự thao tác.

Sự dịch chuyển chính. Sự dịch chuyển quan trọng nhất là xu hướng chính, nói chung sự dịch chuyển này được biết đến như là thị trường dầu cơ giá lên hoặc thị trường dầu cơ giá xuống. Những sự dịch chuyển này thường kéo dài từ ít hơn một năm đến vài năm.

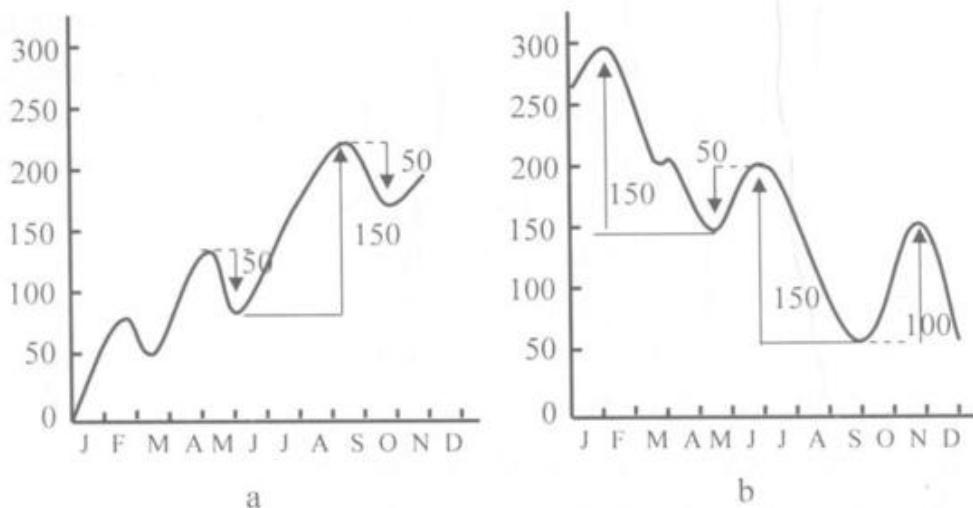
Thị trường dầu cơ giá xuống là một sự giảm giá kéo dài và sẽ ngừng lại khi có những sự phục hồi đáng kể trong giá cổ phiếu. Thị trường dầu cơ giá xuống bắt đầu bằng việc từ bỏ những sự kỳ vọng mà theo đó các cổ phiếu được mua vào. Giai đoạn thứ hai tiến triển khi có sự sụt giảm mức độ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận. Thị trường giá xuống sẽ đạt tới đỉnh điểm khi các cổ phiếu bị bán ra bất chấp dưới giá trị của chúng (bởi vì tình trạng suy giảm của những thông tin, hay bởi việc mua bán ép buộc tạo ra, ví dụ như mua bán margin). Điều này biểu hiện giai đoạn thứ ba của thị trường dầu cơ giá xuống.

Một thị trường dầu cơ giá lên là một sự dịch chuyển lên trên một cách rộng lớn, mức trung bình thông thường ít nhất là 18 tháng, nó bị gián đoạn bởi các phản ứng thứ cấp. Thị trường dầu cơ giá lên bắt đầu khi mức giá trung bình đã phản ánh các thông tin có thể coi là tồi tệ nhất, và sự tin tưởng về một tương lai bắt đầu phục hồi. Giai đoạn thứ hai của thị trường giá lên là phản ứng của những cổ phần đối với những cải thiện trong các điều kiện kinh doanh được biết đến, trong khi giai đoạn thứ ba và giai đoạn cuối cùng lại mở ra từ sự tin tưởng quá mức và sự đầu cơ khi những cổ phiếu đã tăng giá trên những dự đoán mà thông thường minh chứng tính không thực tế.

Những phản ứng thứ cấp. Phản ứng thứ cấp hay trung gian được định nghĩa như là “một sự sụt giảm quan trọng trong một thị trường dầu cơ giá lên hoặc một sự tăng giá quan trọng trong một thị trường dầu cơ giá xuống, thường kéo dài từ 3 tuần đến nhiều tháng (thường là 3 tháng), trong suốt chu kỳ này, sự dịch chuyển nhìn chung thoái lùi từ 33% đến

mức thay đổi giá từ điểm kết thúc của phản ứng thứ cấp có trước³. Mỗi quan hệ này được miêu tả trong hình 2.3.

Hình 2.3: Những sự thoái lùi thứ cấp. Hình 2.3a đối với thị trường giá lên, hình 2.3b đối với thị trường giá xuống.



Đôi khi một phản ứng thứ cấp có thể thoái lùi toàn bộ sự dịch chuyển trước đó, nhưng thỉnh thoảng sự dịch chuyển giảm trong khoảng 1/3 đến 2/3, và thông thường là mức 50%. Vẫn đề khó khăn nhất đối với những người theo lý thuyết Dow là làm sao để có thể phân biệt một cách chính xác giữa “điểm đáy” đầu tiên của xu hướng mới với sự dịch chuyển thứ cấp trong xu hướng đang tồn tại.

Những sự dịch chuyển nhỏ. Sự dịch chuyển nhỏ kéo dài từ khoảng vài giờ cho tới không quá 3 tuần. Nó chỉ quan trọng trong việc hình thành nên một phần của những sự dịch chuyển chính cũng như sự dịch chuyển thứ cấp; nó không có giá trị dự báo đối với các nhà đầu tư dài hạn. Điều này đặc biệt quan trọng bởi vì các sự dịch chuyển trong ngắn hạn có thể bị thao túng ở một mức độ nào đó, không giống như các xu hướng chính hay thứ cấp. Chúng ta sẽ thảo luận phần này trong các chương tiếp theo.

³ Robert Rhea, Dow Theory, Barron's, New York, 1932.

ở đó chúng ta sẽ tiếp tục sử dụng những khái niệm cơ bản và thuật ngữ tương tự ngày nay.

Những đường xu hướng chỉ ra sự dịch chuyển

Dow đã tập trung sự chú ý của mình vào những xu hướng chính, xu hướng mà ông ta cảm thấy thường xảy ra trong 3 giai đoạn riêng biệt: Giai đoạn tích luỹ, giai đoạn tham gia công chúng, giai đoạn phân phối. Giai đoạn tích luỹ thể hiện việc mua có hiểu biết của hầu hết các nhà đầu tư tinh thông. Nếu xu hướng trước đó là xu hướng giảm, thì tại điểm này những nhà đầu tư tinh thông nhận ra rằng thị trường đã tiêu hoá tất cả những thông tin “xấu”. Giai đoạn tham gia công chúng, là giai đoạn mà ở đó hầu hết các nhà sau xu hướng phân tích kỹ thuật bắt đầu tham gia vào thị trường, xảy ra khi các mức giá bắt đầu gia tăng một cách nhanh chóng và những tin tức kinh doanh sẽ được cải thiện. Giai đoạn phân phối xảy ra khi các tờ báo bắt đầu đưa tin những câu chuyện thị trường đều cơ giá lên; khi những tin tức kinh tế trở nên tồi hơn; và khi khối lượng có tính chất đầu cơ và sự tham gia công chúng gia tăng. Suốt giai đoạn này, những nhà đầu tư có hiểu biết như nhau đã bắt đầu “tích luỹ” đến gần đáy thị trường đều cơ giá xuống (khi không một ai khác muốn mua) bắt đầu phân phối trước khi bất kỳ người nào khác bắt đầu bán ra.

Tương tự cách tiếp cận của Dow, Rhea định nghĩa một đường xu hướng như là “một sự dịch chuyển giá từ 2 đến 3 tuần hoặc dài hơn, trong suốt thời kỳ này, sự biến động giá của cả 2 danh mục Industrial và Transportation dịch chuyển trong khoảng xấp xỉ 5% (tính trung bình). Một sự dịch chuyển như vậy chỉ ra rằng hoặc là tích lũy (cỗ phiếu chạy vào tay những người mạnh và am hiểu và vì thế giá tăng) hoặc là phân phối (cỗ phiếu chạy vào tay những người yếu ớt và vì thế giá giảm)”. (những từ trong ngoặc đơn được thêm vào)

Một sự tăng lên trên giới hạn của “đường xu hướng” này chỉ ra sự tích lũy và những dự đoán giá cao hơn, và ngược lại. Khi đường này xảy ra ở

36 Phân tích kỹ thuật

khoảng giữa của sự tăng giá chính, nó sẽ thực sự hình thành nên sự dịch chuyển thứ cấp dưới dạng đường ngang và nó sẽ bị đổi xử tương tự.

Các mối quan hệ giá và khối lượng tạo ra nền tăng cơ bản

Mối quan hệ cơ bản là khối lượng tăng khi giá phục hồi và thu hẹp khi giá giảm. Nếu khối lượng trở nên ứ đọng khi giá tăng và gia tăng khi giá giảm, thì một lời cảnh báo cho rằng xu hướng chính có thể sẽ sớm bị đảo ngược. Nguyên tắc này chỉ được sử dụng như là một thông tin nền tảng, bởi vì bằng chứng thuyết phục về sự đảo ngược xu hướng có thể chỉ được đưa ra theo giá của những mức trung bình tương ứng.

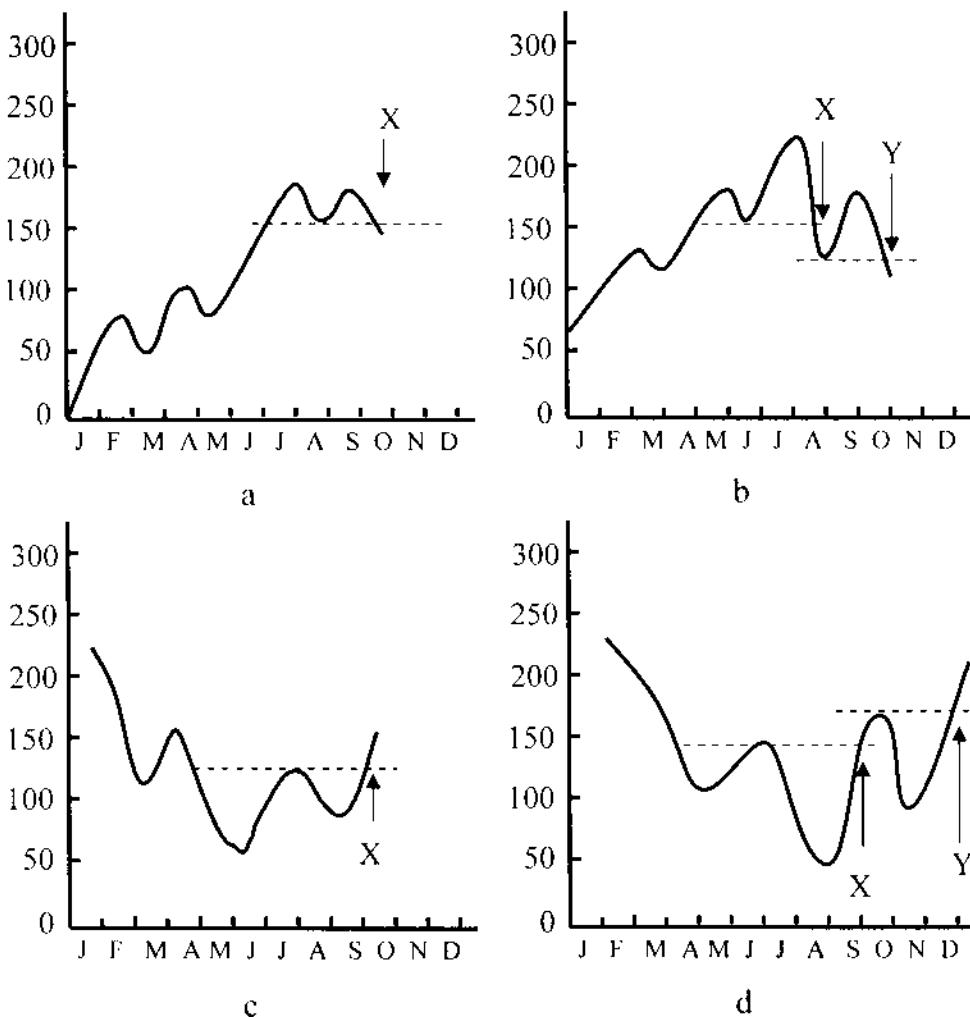
Hành động giá xác định xu hướng

Các dấu hiệu tăng giá được đưa ra khi những sự tăng giá liên tiếp tạo ra các đỉnh trong khi các đáy của sự giảm giá xen vào là cao hơn đáy trước đó. Ngược lại, các dấu hiệu của sự giảm giá xuất phát từ một chuỗi các đỉnh và đáy giảm dần.

Hình 2.4 chỉ ra xu hướng tăng giá có tính chất lý thuyết bị phá vỡ bởi một sự phản ứng thứ cấp. Trong hình 2.4a danh mục tạo ra một chuỗi 3 đỉnh và đáy, mỗi một đỉnh hay đáy tương ứng cao hơn mức trước đó. Danh mục tăng giá sau lần giảm thứ ba nhưng lại không thể vượt qua đỉnh thứ ba. Sự giảm giá tiếp theo dẫn đến mức trung bình thấp hơn đáy trước đó, xác định dấu hiệu thị trường giá xuống, minh họa điều này tại điểm X. Trong hình 2.4b, theo sau đỉnh thứ ba trong thị trường dầu cơ giá lên, một thị trường dầu cơ giá xuống được biểu thị như là những mức giảm trung bình thấp hơn mức đáy thứ cấp trước đó. Trong trường hợp này, sự dịch chuyển thứ cấp trước đó là một phần của thị trường dầu cơ giá lên, chứ không phải là đáy đầu tiên của thị trường dầu cơ giá xuống, như trình bày trong hình 2.4a. Có nhiều nhà lý luận của lý thuyết Dow vẫn không cho rằng điểm X trong hình 2.4b đủ để là dấu hiệu của một thị

trường đầu cơ giá xuống. Họ thích tạo ra vị thế vừa phải hơn bằng cách chờ đợi một sự phục hồi và sau đó giảm xuống thấp hơn đáy trước đó, được đánh dấu như là điểm Y trong hình 2.4b.

Hình 2.4: Những sự đảo ngược chính

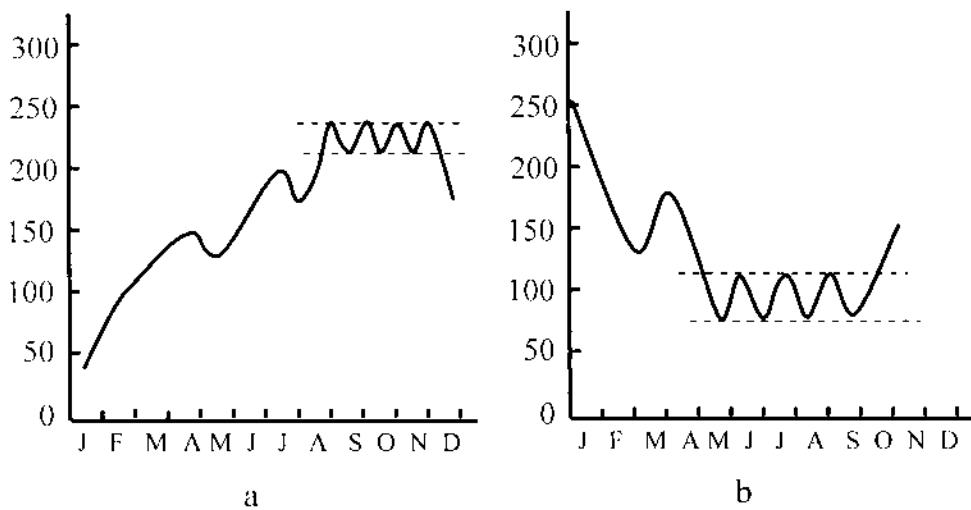


Trong những trường hợp như vậy, thật khôn ngoan để tiếp cận một sự lý giải với một nguyên nhân khác. Nếu một dấu hiệu giảm giá xuất phát từ những mẫu hình khối lượng và giai đoạn đầu cơ được chỉ ra rõ ràng đối với thị trường đầu cơ giá lên đã hình thành, sẽ an toàn khi giả định rằng

38 Phân tích kỹ thuật

dấu hiệu giảm giá là hợp lý. Trong trường hợp thiếu vắng các đặc điểm này, thực khôn ngoan hơn để đưa ra sự hoài nghi lợi ích thị trường giá lên và chấp nhận một vị thế thận trọng hơn. Nên nhớ rằng, phân tích kỹ thuật là nghệ thuật của việc xác định những sự đảo ngược xu hướng dựa trên các mức độ của chứng cứ. Lý thuyết Dow là một phần của chứng cứ, vì thế nếu có 4 hoặc 5 chứng cứ nào khác đang chỉ ra sự đảo ngược xu hướng, sẽ là một ý tưởng hay khi cho điểm X là một dấu hiệu của sự đảo ngược xu hướng. Hình 2.4c và 2.4d lý giải các trường hợp tương tự tại đây của thị trường giá xuống.

Hình 2.5: Những đường xu hướng



Các ví dụ trong hình 2.5 chỉ ra sự đảo ngược xu hướng chính xuất hiện như thế nào nếu thị trường đã hình thành một đường xu hướng tại đỉnh và đáy. Tầm quan trọng về những gì có thể phân biệt được giữa một sự dịch chuyển thứ cấp có hiệu lực với đáy đầu tiên của một xu hướng chính mới là chứng cứ. Đây có thể là phần khó giải thích nhất của lý thuyết và không thể tránh né được sự phê bình.

Cần thiết để chứng minh rằng phản ứng thứ cấp đã thoái lùi ít nhất 1/3 sự dịch chuyển chính trước đó, như là sự cân nhắc từ sự chấm dứt của phản

ứng thứ cấp trước đó. Các phản ứng thứ cấp cũng kéo dài ít nhất từ 3 đến 4 tuần.

Chúng ta cũng có thể có được những manh mối quan trọng từ các đặc trưng khối lượng và từ một sự đánh giá về kỳ hạn của xu hướng chính đang chiếm ưu thế. Tỷ lệ về một sự đảo ngược xu hướng chính sẽ lớn hơn nếu thị trường đã trải qua giai đoạn thứ 3, được đặc trưng bởi sự đầu cơ và những kỳ vọng sai trong suốt một đợt xu hướng tăng lên hoặc một đợt bán tổng liên tục và sự bùng lan rộng trong suốt kỳ giảm giá chính. Một sự thay đổi trong xu hướng chính có thể xảy ra mà không cần đến khi giai đoạn thứ 3 có thể nhận diện rõ ràng, nhưng nhìn chung những sự đảo ngược như thế chứng minh được sự tồn tại tương đối rất ngắn. Mặt khác, những khuynh hướng chính lớn nhất thường phát triển khi mà những đặc trưng của giai đoạn thứ 3 đặc biệt được đánh dấu trong suốt sự dịch chuyển chính trước đó. Do đó, các đợt đầu cơ quá mức trong những năm 1919, 1929, 1968, và 2000 bị theo sau bởi những sự thoái trào đột ngột đặc biệt. Những sự dịch chuyển được thảo luận bao quát hơn trong phụ lục những tham số diễn hình đối với xu hướng trung gian.

Danh mục phải được xác nhận (hai danh mục cũng có lẩn nhau)

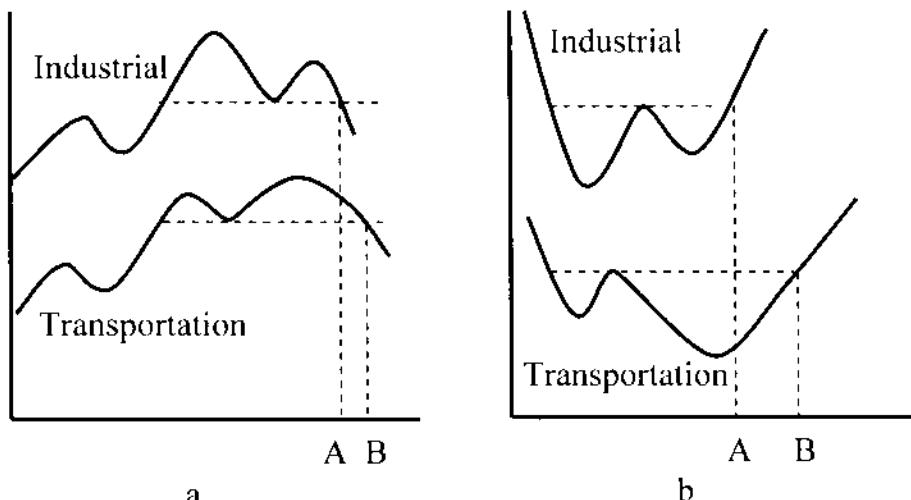
Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của lý thuyết Dow là sự dịch chuyển của hai chỉ số bình quân ngành công nghiệp (Industrial) và chỉ số ngành giao thông vận tải (Transportation) nên luôn được quan tâm cùng nhau; nghĩa là hai chỉ số phải cũng có lẩn nhau.

Nhu cầu về hành động cũng có lẩn nhau đối với cả hai chỉ số này được xem như là thiết yếu, bởi vì nếu thị trường thực sự là một phong vũ biểu về những tình trạng tương lai doanh nghiệp, các nhà đầu tư sẽ tăng giá cả những công ty sản xuất hàng hóa lẫn các công ty vận chuyển hàng hóa trong một nền kinh tế đang mở rộng. Không thể có một nền kinh tế mạnh nào mà trong đó hàng hóa được sản xuất ra nhưng không được bán

40 Phân tích kỹ thuật

(nghĩa là được vận chuyển đến thị trường). Nguyên tắc về việc cung có lansi nhau này được trình bày trong hình 2.6.

Hình 2.6: Những sự cung có lansi nhau giữa chỉ số bình quân ngành công nghiệp và ngành giao thông vận tải.

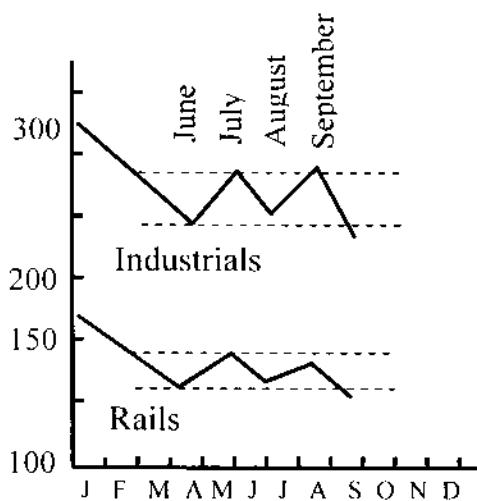


Trong hình 2.6a, đầu tiên chỉ số Industrial chỉ ra tín hiệu của xu hướng đầu cơ giá xuống (diễn A), nhưng thị trường đầu cơ giá xuống thực sự sẽ không được chỉ ra cho tới khi có sự cung có lansi của chỉ số Transportation tại điểm B. Hình 2.6b chỉ ra sự bắt đầu của một thị trường đầu cơ giá lên mới. Theo sau một sự giảm giá nhanh chóng, chỉ số Industrial tạo ra đáy mới. Một sự phục hồi bắt đầu sau đó, nhưng phản ứng kế tiếp giữ ở vị thế cao hơn đáy trước đó. Khi các mức giá đáy lên cao hơn sự phục hồi trước đó, một tín hiệu của thị trường giá lên được đưa ra bởi chỉ số Industrial tại điểm A. Trong khi chờ đợi, chỉ số Transportation tạo ra một chuỗi gồm hai đáy liên tiếp. Câu hỏi đặt ra là chỉ số nào thể hiện chính xác một xu hướng chiếm ưu thế? Bởi vì luôn giả định rằng một xu hướng sẽ tồn tại mãi cho tới khi một sự đảo ngược xu hướng được chứng thực, kết luận sẽ được chỉ ra tại điểm mà chỉ số Transportation tỏ ra là kết quả chính xác.

Chi khi chỉ số này vượt quá đỉnh của sự dịch chuyển thứ cấp trước đó tại điểm B thì thị trường đầu cơ giá lên mới được củng cố bởi cả hai chỉ số này, dẫn đến tín hiệu mua của lý thuyết Dow.

Sự dịch chuyển của một chỉ số mà không được sự ủng hộ của chỉ số kia có thể dẫn đến kết luận sai lầm, điều này được minh họa trong hình 2.7 bởi ví dụ sau đây từ năm 1930.

Hình 2.7: Ví dụ năm 1930



Thị trường giá xuống giai đoạn 1929-1932 bắt đầu từ tháng 9 năm 1929 và được xác nhận bởi cả 2 chỉ số vào cuối tháng 10. Vào tháng 6 năm 1930 cả hai chỉ số đều tạo ra đáy mới và sau đó phục hồi và tác động trở lại vào tháng 8. Theo sau sự hiệu chỉnh này, ngành công nghiệp đã vượt qua đỉnh trước đó của chúng. Nhiều nhà quan sát tin rằng đây là tín hiệu kết thúc thị trường giá xuống và tin rằng đó chỉ là vấn đề về thời gian trước khi chỉ số Rail theo sau thích hợp. Điều này chỉ ra rằng, sự hoạt động của chỉ số Industrial đã dẫn đến việc hiểu sai hoàn toàn, thị trường giá xuống vẫn còn kèo dài thêm 2 năm nữa.

42 Phân tích kỹ thuật

Các mối quan tâm khác

Lý thuyết Dow không chỉ rõ một khoảng thời gian kế tiếp mà dựa vào đó một sự cung cố của chỉ số này bởi một chỉ số kia trở nên không còn hiệu lực. Nhìn chung, càng gần sự cung cố thì sự dịch chuyển theo sau càng có khả năng mạnh hơn. Chẳng hạn sự cung cố của thị trường giá xuống giai đoạn 1929-1932 được chỉ ra bởi chỉ số Rail chỉ một ngày sau chỉ số Industrial. Điểm gãy dột ngọt vào năm 1962 được xác nhận vào cùng một ngày.

Một trong những lời phê bình chính về lý thuyết Dow là nhiều tín hiệu của nó được chứng minh quá muộn, thường là khoảng 20 tới 25% sau một đỉnh hoặc đáy trong những chỉ số đã xảy ra. Nguyên tắc thực nghiệm đã cho phép các nhà lý luận của lý thuyết Dow dự đoán trước những sự đảo ngược vào một ngày sớm hơn bằng cách quan sát tỷ suất cổ tức của các cổ phiếu trong chỉ số Industrial. Khi tỷ suất cổ tức của các cổ phiếu trong chỉ số Industrial giảm xuống còn 3% hoặc thấp hơn, xét về phương diện lịch sử thì nó sẽ là một tín hiệu đáng tin cậy tại các đỉnh của thị trường. Tương tự, tỷ suất cổ tức 6% là một tín hiệu đáng tin cậy tại các đáy của thị trường.

Các nhà lý luận của lý thuyết Dow không cần thiết phải sử dụng các mức độ này như là các điểm mua hoặc bán thực sự, nhưng họ có thể quan tâm tới sự thay đổi về phần trăm vốn cổ phần của họ nếu như không một sự xác nhận đáng kể xảy ra giữa chỉ số Industrial và Transportation khi mà tỷ suất cổ tức dựa trên lý thuyết Dow đạt tới các đỉnh điểm này. Chiến lược này sẽ giúp cải thiện tỷ suất sinh lợi đầu tư của lý thuyết Dow, nhưng sẽ không luôn dẫn tới một thành quả vượt trội. Ví dụ, tại đỉnh năm 1976, mặc dù tỷ suất sinh lợi của Dow không bao giờ đạt được mức 3%, và các mức giá đã giảm 20% trước khi có tín hiệu được cung cấp bởi cả hai chỉ số.

Qua nhiều năm, rất nhiều lời phê bình về lý thuyết này đã bị dập tắt dựa trên cơ sở rằng chỉ số Rail đã được điều chỉnh từ thời gian này qua thời

gian khác, hoặc là chỉ số Transportation đã không còn phản ánh được những sự kỳ vọng của các nhà đầu tư về sự dịch chuyển tương lai của hàng hóa. Tuy nhiên, lý thuyết vẫn có chỗ đứng theo thời gian, như bảng 2.1 chỉ ra. Quả thực, những lời phê bình hoàn toàn lành mạnh, vì nếu lý thuyết đạt được sự đồng thuận rộng rãi và các tín hiệu của nó thuần túy là máy móc thay vì yêu cầu phán đoán dựa trên kinh nghiệm, ngay lập tức chúng sẽ bị xem nhẹ, chúng sẽ làm cho lý thuyết Dow trở nên vô dụng đối với đầu tư có thể sinh lợi.

Tóm lại

Lý thuyết Dow quan tâm tới việc xác định hướng của xu hướng thị trường, không xác định khoảng thời gian sau cùng của xu hướng. Một khi đã được xác nhận xu hướng bởi cả hai chỉ số thì xu hướng mới được giả định là tồn tại mãi cho tới khi một sự xác nhận lại bởi cả 2 chỉ số diễn ra.

Mỗi thị trường giá lên và giá xuống chính có ba giai đoạn riêng biệt. Cả sự nhận dạng các giai đoạn này và sự xuất hiện bất kỳ sự trái ngược nào trong mối quan hệ khối lượng và giá cả đưa ra nhiều tín hiệu hữu ích rằng một sự đảo ngược trong xu hướng đang diễn ra. Các chứng cứ bổ sung thì đặc biệt hữu ích khi mà hành động của chỉ số giá tự chúng không đi đến kết luận.

44 Phân tích kỹ thuật

Bảng 2.1: Những tín hiệu mua và bán

Tín hiệu mua			Tín hiệu bán		
Ngày	Giá của Dow	Phần trăm kiếm được từ tín hiệu mua	Ngày	Giá của Dow	Phần trăm kiếm được từ tín hiệu bán
07/1897	44		12/1899	63	43
10/1900	59	6	06/1903	59	0
07/1904	51	14	04/1906	92	80
04/1908	70	24	05/1910	85	21
10/1910	82	4	01/1913	85	3
04/1915	65	24	08/1917	86	32
05/1918	82	5	02/1920	99	22
02/1922	84	16	06/1923	91	8
12/1923	94	-3	10/1929	306	226
05/1933	84	73	09/1937	164	95
06/1938	127	23	03/1939	136	7
07/1939	143	5	05/1940	138	-7
02/1943	126	8	08/1946	191	52
04/1948	184	4	11/1948	173	-6
10/1950	229	-32	04/1953	280	22
01/1954	288	-3	10/1956	468	63
04/1958	450	4	03/1960	612	36
11/1960	602	2	04/1962	683	13
11/1962	625	8	05/1966	900	43
01/1967	823	9	06/1969	900	9
12/1970	823	9	04/1973	921	12
01/1975	680	26	10/1977	801	18
04/1978	780	3	06/1981	960	23
08/1982	840	13	02/1984	1186	41
01/1985	1261	-6	01/1990	2546	102
Trung bình của tất cả các chu kỳ, 10%			Trung bình của tất cả các chu kỳ, 38%		

PHỤ LỤC

NHỮNG THAM SỐ ĐIỀN HÌNH ĐỔI VỚI XU HƯỚNG TRUNG GIAN

Một vài quan sát cơ bản

Đối với bất kỳ thị trường chứng khoán nào, việc phân tích thành công những xu hướng trung gian đưa ra một số thuận lợi sau:

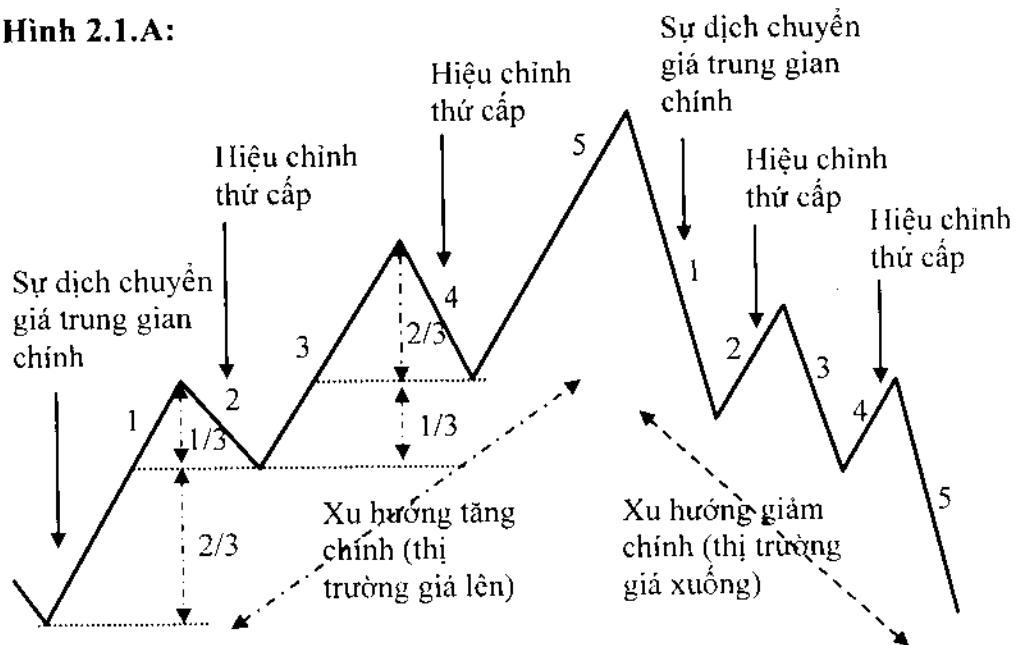
- a. Những thay đổi trong xu hướng trung gian giúp xác định các điểm đổi chiều trong xu hướng chính.
- b. Giao dịch trung gian liên quan đến một vài giao dịch hơn là giao dịch về sự dịch chuyển giá nhỏ và vì vậy dẫn đến có ít chi phí hoa hồng hơn.
- c. Những điểm đảo ngược xu hướng trung gian xảy ra một vài lần trong năm và nếu những điểm này được giải thích rõ ràng, thì có thể tạo ra một tỷ suất sinh lợi trên vốn cao và nhanh.

Định nghĩa về những chu kỳ trung gian

Một xu hướng chính điển hình bao gồm 5 xu hướng trung gian, 3 trong số đó là xu hướng chính trong khi đó 2 xu hướng còn lại di theo chiều ngược. Trong một thị trường giá lên, những xu hướng đảo chiều trung gian được thể hiện bằng việc giảm giá; trong một thị trường giá xuống, chúng tạo thành những sự phục hồi khác với 3 sóng giảm trung gian như đã thể hiện trong hình 2.1A.

46 Phân tích kỹ thuật

Hình 2.1.A:



Rõ ràng, qua phần thảo luận trên, có hai loại dịch chuyển giá trung gian. Thứ nhất, sự dịch chuyển giá theo hướng của xu hướng chính, còn được gọi là “sự thay đổi giá trung gian chính”. Thứ hai, một sự dịch chuyển giá quan trọng kéo dài từ 3 tuần đến 4 tháng (thỉnh thoảng lâu hơn) và thông thường chúng đảo chiều giá trị từ $1/3$ đến $2/3$ đối với sự dịch chuyển trung gian chính trước đó. Sự thay đổi giá này đi ngược lại với xu hướng chính thì được gọi là xu hướng cấp hai hay một đợt phản ứng giá. Bởi vì diễn biến giá trung gian cấp một hoạt động theo cùng một hướng như xu hướng chính của thị trường, nên nó luôn luôn trải qua thời gian lâu hơn xu hướng cấp hai. Thông thường giá của nó lớn hơn nhiều so với xu hướng cấp hai.

Rõ ràng rất khó dự báo đặc trưng của những xu hướng đảo ngược này hoặc sự phản ứng giá, cũng như về độ lớn và thời gian của nó. Vì vậy, theo quan điểm về điểm giao dịch, nên tránh các xu hướng này vì chúng sẽ gây ra các sai lệch. Với bản chất đó, các xu hướng này có khuynh hướng đánh lừa đa số và không thể tin được. Có thể thiết kế thành công

những hệ thống dự báo theo phương tiện máy móc dựa trên những thay đổi giá trung gian, nhưng những tín hiệu nghèo nàn và sai lệch thường đến từ những bước dịch chuyển của thị trường cấp hai mà diễn ra chống lại xu hướng chính. Những xu hướng trung gian mà dịch chuyển theo cùng hướng với xu hướng cấp một nói chung có lợi. Những nhà giao dịch không có kiên nhẫn để đầu tư dài hạn sẽ thấy rằng sự phân tích thành công về những bước dịch chuyển trung gian đưa ra kết quả tốt, đặc biệt như những dao động hàng ngày hay những dao động nhỏ hơn có độ lớn ngẫu nhiên và vì vậy khó khăn hơn để vốn hoá. Khuynh hướng này rõ nét trong những năm gần đây khi mà ngày càng tăng những bước dịch chuyển giá đột ngột được tạo ra từ những phản ứng mang tính cảm quan đối với các tiết lộ về tình hình kinh tế không khả quan.

Một phản ứng giá thứ hai không phải là một sự giảm giá trong thị trường giá lên hay sự phục hồi trong thị trường giá xuống.

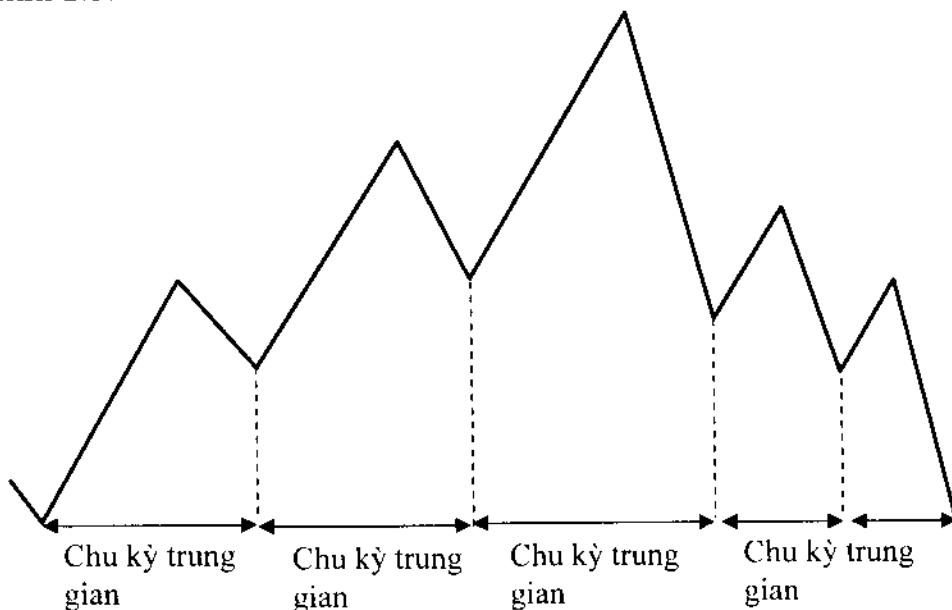
Những bước di trung gian có thể đi cùng với xu hướng chính hoặc có thể ngược lại. Điều này có nghĩa là chỉ khi nào có một xu hướng cấp một thì sẽ có một chu kỳ trung gian. Một chu kỳ trung gian bao gồm một diễn biến giá trung gian cấp một và một phản ứng giá cấp hai. Nó mở rộng từ điểm thấp của xu hướng trung gian này đến điểm thấp của xu hướng trung gian khác. Như được minh họa trong hình 2.2A.

Trong một thị trường giá tăng giai đoạn mà xu hướng di theo hướng lên nên dài hơn và quan trọng hơn. Điểm thấp của phản ứng giá cấp hai nên cao hơn điểm thấp trước của nó. Trong một thị trường giá giảm, những điều kiện đảo ngược thị trường là đúng, chẳng hạn, giai đoạn mà xu hướng di theo hướng xuống dài hơn và quan trọng hơn trong khi đó sự phục hồi thì ngắn và đột ngột nhưng ít quan trọng hơn. Theo đó cảnh báo các nhà chuyên môn rằng có khả năng về sự đảo ngược trong xu hướng cấp một khi chu kỳ trung gian thứ ba sắp hoàn thành. Cũng rất quan trọng để nhận biết rằng cấu trúc kỹ thuật không đủ sức thuyết phục (mạnh trong thị trường giá giảm) khi đường xu hướng tiến đến mức thấp (cao) của xu

48 Phân tích kỹ thuật

hướng trung gian trước và cuối cùng, nên biết rằng ở mức thấp (cao) đó đường xu hướng bị gãy và đi theo hướng xuống (hướng lên).

Hình 2.2A:



Điều này không có nghĩa xu hướng cấp một có thể không bao giờ có ít hơn hoặc nhiều hơn ba xu hướng giá trung gian cấp một. Mong rằng ba xu hướng giá như là một tiêu chuẩn của xu hướng cấp một, nhưng không bắt buộc phải luôn như vậy nếu có nhiều hoặc ít hơn ba xu hướng.

Những nguyên nhân của phản ứng giá cấp hai

Bởi vì xu hướng giá cấp một của giá cổ phiếu được xác định bởi thái độ của nhà đầu tư đối với dòng lợi nhuận tương lai, mà những dòng lợi nhuận này được xác định theo mức độ phạm vi rộng bởi diễn biến của chu kỳ kinh doanh, cho nên việc kỳ vọng diễn biến giá dài hạn bị cắt bởi những phản ứng giá gượng ép thì đường như không hợp lý.

Lịch sử cho thấy rằng phản ứng giá xảy ra bởi vì sự bóp méo về mặt kỹ thuật xuất hiện trong thị trường như là kết quả của sự lạc quan quá mức

(hoặc bị quan quá mức), và cũng bởi vì những nhân tố mới xuất hiện cho rằng điều kiện kinh doanh sẽ không tốt như mong đợi ban đầu, hoặc thậm chí chúng sẽ cụ thể hoá theo hướng ngược lại. Ví dụ sau sự phục hồi trung hạn đầu tiên trong thị trường giá lên, có lẽ xuất hiện phản ứng giá bởi vì những nhà đầu tư nếu đã tính đến sự phục hồi mạnh mẽ thì bây giờ nhận ra một vài sự sai lệch, thậm chí có thể dự báo một chiều hướng giảm thật sự trong những điều kiện kinh doanh. Mặc dù những nỗi sợ như vậy được chứng minh là không có căn cứ nhưng nó đủ để gây ra một phản ứng trung gian theo chu kỳ ngược lại. Một khả năng nữa, có thể họ sợ rằng một tỷ suất sinh lợi cao có thể làm mất khả năng phục hồi. Bởi vì giá không kể đến yếu tố phục hồi mạnh nên thay đổi trong nhận thức làm cho nhà đầu tư kéo giá trở lại và theo đó giá sẽ giảm. Đồng thời, nhiều nhà đầu tư bị lôi cuốn trong suốt giai đoạn phục hồi và tác dụng của đòn bẩy. Khi giá bắt đầu giảm, điều này làm cho lượng vốn của nhà đầu tư co lại và do đó buộc họ phải thanh khoản nhanh, điều này tiếp thêm nhiên liệu cho việc đẩy giá đi xuống.

Nói chung sẽ diễn ra sự phục hồi của thị trường cổ phiếu đang trong xu hướng đi xuống bởi vì triển vọng về những điều kiện kinh doanh đã được cải thiện. Một sự phục hồi về thị trường trái phiếu đang trong thị trường giá xuống thì tăng lên dưới những điều kiện ngược lại. Sự hiệu chỉnh trong thị trường hàng hoá và tiền tệ là cơ sở cho một nhận thức đã thay đổi nhưng không chính xác về xu hướng kinh tế cơ bản. Chất xúc tác cho sự phục hồi của xu hướng cấp một là sự đổ sô vào mua cổ phiếu bởi các nhà giao dịch và nhà đầu tư. Bên cạnh đó cần phải kể đến sự hiệu chỉnh được liên kết trực tiếp với quan điểm về kinh doanh và tỷ suất sinh lợi. Ví dụ, sự hiệu chỉnh được liên kết với những giải pháp được liệu trước hoặc tình hình tồi tệ về chính trị cũng như những vấn đề quân sự. Sự thay đổi trong điều kiện dự báo cần kết hợp với bóp méo về mặt kỹ thuật của xu hướng trung gian cấp một trước đó và sự thay đổi giá đột ngột do sự kết hợp đó thì đủ để làm bối rối đa số các nhà đầu tư. Chỉ khi nào điều kiện

50 Phân tích kỹ thuật

kinh doanh được dự báo là thay đổi từ thời kỳ phục hồi đến thời kỳ trì trệ (hoặc ngược lại) thì lợi tức trong xu hướng cấp một gần như bị đảo ngược.

Mối quan hệ giữa những bước dịch chuyển trung gian cấp một với phản ứng giá theo sau

Theo kết luận của Gartley, tác giả của cuốn sách “lợi nhuận trong thị trường chứng khoán”, xu hướng tăng giá có độ lớn càng giảm thì xu hướng ngược lại có khuynh hướng mở rộng hơn và ngược lại. Ông cũng chú ý rằng điều này chỉ có hiệu lực đối với phản ứng giá của thị trường giá lên và sự phục hồi của thị trường giá xuống. Những quan sát trong giai đoạn từ năm 1933 đối với hầu hết tất cả thị trường đường như ống hộ giá thuyết trên. Ví dụ, mức thấp của thị trường chứng khoán 1962 chỉ phục hồi 18% so với mức trung bình 30% giữa 1933 và 1982. Mối quan hệ này tượng trưng một phần của mô hình hai đáy và sự phục hồi trung gian đầu tiên của xu hướng cấp một. Theo sau sự tăng giá tương đối nhẹ này là sự đảo chiều có độ lớn khoảng 71%. Tuy nhiên, sự phục hồi tiếp theo từ cuối 1962 đến giữa 1963 là 32% và tiếp theo là một sự đảo chiều nhỏ khoảng 25%.

Thị trường vàng 1976-1980 theo xu hướng đi lên rất mạnh, nhưng những sự hiệu chỉnh trung gian thì hoàn toàn ngắn gọn. Mặt khác sự phục hồi giữa 1982-1990 ít mạnh hơn nhưng được sau bởi sự hiệu chỉnh lớn hơn.

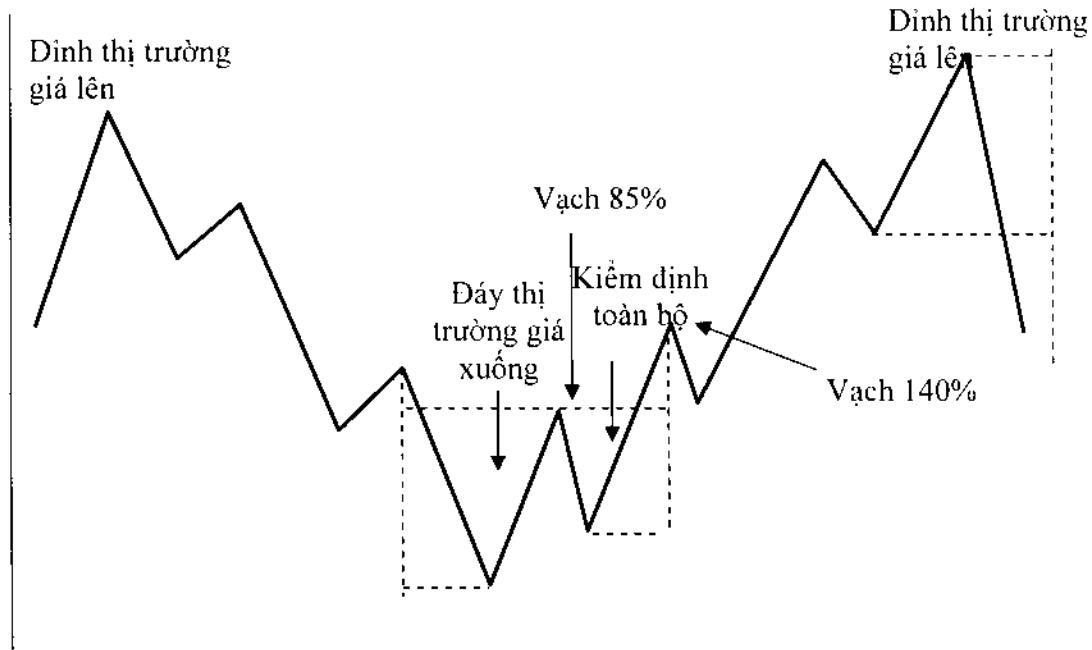
Việc sử dụng chu kỳ trung gian để xác định sự đảo ngược trong xu hướng cấp một

Số lượng chu kỳ trung gian

Diễn biến giá cấp một thông thường bao gồm $2\frac{1}{2}$ chu kỳ trung gian (hình 2.3A). Nhưng không phải tất cả diễn biến giá cấp một bao gồm 1, 2, 3 hoặc 4 chu kỳ trung gian. Hơn nữa, những chu kỳ trung gian này có độ dài hoặc độ lớn không bằng nhau. Tuy nhiên sự phân tích chu kỳ trung

gian có thể vẫn còn được sử dụng như một cơ sở cho việc xác định thời điểm kết thúc của xu hướng cấp một trong hầu hết các trường hợp.

Hình 2.3A:



Bất kỳ khi nào giá tăng lên nhanh trong một xu hướng trung gian cấp một theo sau hai chu kỳ trung gian phức tạp, cảnh báo của các nhà chuyên môn rằng có một sự đảo ngược xu hướng cấp một. Nhưng nếu nó theo sau một chu kỳ trung gian, cơ hội để giá tiến đến mức cao hơn (mức thấp trong thị trường giá xuống) là rất cao.

Những đặc trưng của chu kỳ trung gian cuối của một xu hướng cấp một

Bên cạnh việc đếm số chu kỳ trung gian thật sự, cũng có thể so sánh các đặc trưng của một chu kỳ cụ thể với những chu kỳ khác về chu kỳ đảo ngược của xu hướng cấp một. Những đặc trưng này được đề cập dưới đây.

Đảo ngược từ thị trường giá lên sang thị trường giá xuống Vì khối lượng dẫn đến giá, việc giảm khối lượng rồi đến tăng lên trên mức của chu kỳ

52 Phân tích kỹ thuật

trung gian trước đó trong giai đoạn tăng là một tín hiệu giảm giá. Nếu lựa chọn một trong hai, trên một giai đoạn 3 đến 4 tuần, khối lượng mở rộng trong giai đoạn phục hồi trung gian gần với điểm đỉnh khối lượng trước nhưng không làm thay đổi giá một cách đáng kể, nó giống như việc đánh sữa làm bơ và nên được xem xét. Có hai đặc trưng lớn cho thấy rằng giai đoạn đi theo hướng xuống của một chu kỳ trung gian có thể là bước giảm đầu tiên của thị trường giá giảm. Bước giảm đầu tiên này là một sự tăng khối lượng lớn trong suốt giai đoạn giảm giá. Bước giảm thứ hai là một sự huỷ bỏ hay sự lặp lại 80% hoặc nhiều hơn nữa trong giai đoạn tăng của cùng một chu kỳ trung gian. Khi sự lặp lại càng lớn thì khả năng về xu hướng cơ bản bị đảo chiều càng lớn, vì một sự lặp lại vượt quá 100% có nghĩa là bất kỳ một loạt tăng giá nào từ điểm đáy đều bị gãy và bằng cách đó xu hướng cấp một có khả năng thay đổi.

Sự đảo ngược từ thị trường giá xuống sang thị trường đầu cơ giá lên
Giai đoạn tăng trung gian đầu tiên của thị trường giá lên thường đi cùng với một khối lượng lớn mà khối lượng này lớn hơn những khối lượng khác trong giai đoạn tăng trung gian trước đó. Nói cách khác, bước đi đầu tiên trong thị trường giá lên thu hút khối lượng nhiều hơn bất kỳ khối lượng nào trong các giai đoạn phục hồi của thị trường giá xuống. Một tín hiệu nữa được nhận thấy khi giá lặp lại ít nhất 80% mức giảm trước đó. Khi mà sự lặp lại càng lớn thì mức chênh lệch của sự đảo ngược trong xu hướng cơ bản càng lớn. Nếu mà sự lặp lại lớn hơn 100%, sự chênh lệch ấy chỉ ra rằng có một sự đảo ngược trong xu hướng theo hướng xuống.

Bởi vì khối lượng thường mở rộng một cách đáng kể khi giai đoạn giảm trung gian trong suốt thị trường giá xuống tiến đến mức thấp, nên một sự co lại về khối lượng trong suốt giai đoạn giảm trung gian có thể là một lời cảnh báo rằng thị trường giá xuống đã bắt đầu tiến trình của nó. Điều này đặc biệt đúng nếu giá không tiến đến mức thấp mới trong suốt giai đoạn giảm, vì một đợt giảm mang tính chu kỳ - đặc trưng của thị trường giá xuống có lẽ không còn nguyên vẹn nữa.

THIẾT KẾ CÁC ĐỒ THỊ

Giới thiệu

Chương này giành cho những người chưa được làm quen với việc tạo các đồ thị. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc thảo luận những kiểu đồ thị khác nhau sẵn có và sau đó chuyển sang những đồ thị được sử dụng phổ biến nhất (đồ thị hình thanh hàng ngày). Chúng ta sẽ xem dữ liệu về giá được đọc và biểu diễn như thế nào trên đồ thị. Khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng cũng được xem xét bên cạnh giá. Tiếp theo, chúng ta sẽ xem các biến thể khác của đồ thị hình thanh, bao gồm đồ thị hàng tháng và hàng tuần với thời gian dài hơn. Sau khi điều này hoàn tất, chúng ta sẽ đủ sẵn sàng để bắt đầu xem xét một số công cụ phân tích áp dụng cho đồ thị ở những chương sau. Chỉ khi nào bạn cảm thấy quen thuộc với những đồ thị cơ bản, thì bạn mới có thể thoải mái qua chương tiếp theo.

Các dạng đồ thị

Đồ thị hình thanh (Bar) hàng ngày được biết đến như là một dạng đồ thị được sử dụng rộng rãi trong phân tích kỹ thuật. Tuy nhiên, cũng có những dạng đồ thị khác được các nhà phân tích sử dụng, ví dụ như: dạng đồ thị đường (line), đồ thị điểm và hình (Point and Figure), và gần đây nhất là đồ thị hình nến (Candlestick).

54 Phân tích kỹ thuật

Hình 3.1: Đồ thị hình thanh hàng ngày của GIL. Mỗi đồ thị hình thanh thẳng đứng thể hiện hành động của mỗi ngày.



Hình 3.2: Một đồ thị đường của GIL. Loại đồ thị này tạo ra một đường liền bằng cách kết nối những mức giá đóng cửa liên tục.



Hình 3.1 cho thấy một đồ thị hình thanh hàng ngày chuẩn. Nó được gọi là đồ thị hình thanh bởi vì dao động mỗi ngày sẽ được biểu diễn bởi một thanh thẳng đứng. Đồ thị hình thanh cho biết giá mở cửa, cao nhất, thấp nhất và đóng cửa. Gạch ngang về phía bên phải của hình thanh thẳng đứng là giá đóng cửa. Giá mở cửa là gạch ngang về phía bên trái của hình thanh.

Hình 3.2 thể hiện cùng thị trường đó nhưng bằng đồ thị đường. Trong đồ thị này, chỉ có giá đóng cửa được thể hiện liên tục mỗi ngày. Nhiều nhà đồ thị tin rằng bởi vì giá đóng cửa là giá then chốt nhất của ngày giao dịch, nên một đồ thị đường (chỉ có giá đóng cửa) cũng có thể được xem là một công cụ tốt đo lường sự biến động của giá.

Hình 3.3: Đồ thị điểm và hình của GIL. Chú ý rằng những cột qua lại x và o. Cột x thể hiện giá tăng. Cột o thể hiện giá giảm. những tín hiệu mua và bán thể hiện rõ ràng hơn trên đồ thị loại này.



Loại đồ thị thứ 3 là đồ thị điểm và hình (hình 3.3). Điểm chú ý ở đây là đồ thị điểm và hình cũng chỉ ra những biến động của giá nhưng cô động hơn. Để ý đến sự thay thế giữa cột x và cột o. Cột x thể hiện giá tăng và

56 Phân tích kỹ thuật

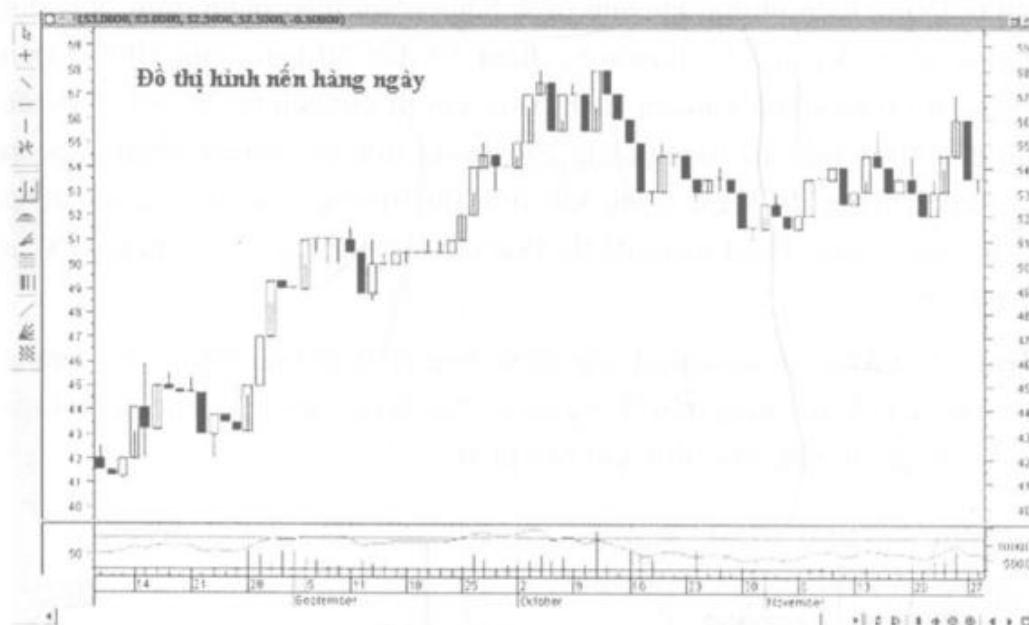
cột o thể hiện giá giảm. Tín hiệu mua và bán được chỉ ra dễ dàng và chính xác trên đồ thị điểm và hình hơn là đồ thị hình thanh. Loại đồ thị này cũng có tính linh hoạt nhiều hơn.

Đồ thị hình nến

Đồ thị hình nến là đồ thị hình thanh theo phiên bản của Nhật và đã trở nên phổ biến trong những năm gần đây giữa những nhà phân tích đồ thị phương Tây. Đồ thị hình nến của người Nhật ghi nhận 4 mức giá giống như đồ thị hình thanh truyền thống: giá mở cửa, giá đóng cửa, giá cao nhất và giá thấp nhất. Tuy nhiên cách trình bày trực quan thì khác. Trên đồ thị hình nến một thanh mỏng (được gọi là bóng mờ) chỉ ra phạm vi giá trong ngày từ cao nhất đến thấp nhất. Một phần rộng hơn của hình thanh (được gọi là thân nến) đo lường khoảng cách giữa giá đóng cửa và giá mở cửa. Nếu giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa, thì thân nến có màu trắng. Nếu giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa, thân nến có màu đen. (Hình 3.4)

Điểm chính của đồ thị hình nến là mối quan hệ giữa giá đóng cửa và giá mở cửa. Có lẽ, vì sự phát triển rộng rãi của đồ thị hình nến, ngày nay những nhà phân tích đồ thị phương Tây quan tâm nhiều hơn những đường mờ trên đồ thị hình thanh. Bạn có thể làm mọi thứ trên đồ thị hình nến như những gì mà bạn làm với đồ thị hình thanh. Nói cách khác, tất cả những công cụ kỹ thuật và những công cụ mà chúng tôi chỉ cho bạn trên đồ thị hình thanh cũng có thể được dùng trên đồ thị hình nến. Chúng tôi sẽ trình bày một ít trong chương này về cách thức xây dựng một đồ thị hình thanh cho thời kỳ hàng tuần và hàng tháng. Bạn cũng có thể làm tương tự như vậy đối với đồ thị hình nến. Chương 10 “Đồ thị hình nến của Nhật Bản” cung cấp những giải thích nhiều hơn về đồ thị hình nến.

Hình 3.4: Đồ thị hình nến của GIL. Màu của đồ thị nến được xác định bằng mối quan hệ giữa giá mở cửa và giá đóng cửa. Cây nến màu trắng là vị thế tăng giá, trong khi đó cây nến màu đen thì ngược lại.



Thang đo số học và thang đo loga

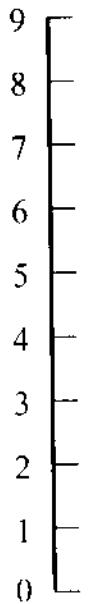
Đồ thị có thể được phân tích bằng thang đo số học hoặc thang đo loga. Trong một vài kiểu phân tích, đặc biệt đối với phân tích xu hướng phạm vi rất dài hạn, thì việc sử dụng thang đo loga có một số ưu điểm (xem hình 3.5 và 3.6).

Hình 3.5 chỉ ra sự khác nhau giữa 2 thang đo này là gì. Trên thang đo số học, thang giá thẳng đứng thể hiện những khoảng cách bằng nhau cho mỗi mức giá thay đổi. Lưu ý trong ví dụ này mỗi điểm trên thang đo số học là những khoảng cách bằng nhau. Tuy nhiên, trên thang đo loga, phần trăm giá tăng nhỏ hơn giá tăng trong mức giá. Khoảng cách từ điểm 1 đến điểm 2 bằng khoảng cách từ điểm 5 đến điểm 10 bởi vì chúng đều thể hiện một sự gia tăng gấp đôi trong giá. Ví dụ, di chuyển từ 5 đến 10

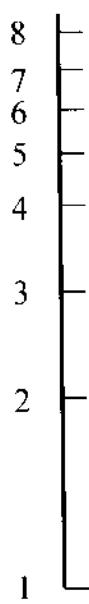
58 Phân tích kỹ thuật

trên thang đo số học thì khoảng cách cũng giống như di chuyển từ điểm 50 đến 55, dù là phần trước thể hiện sự gia tăng gấp đôi trong giá, trong khi phần sau giá chỉ tăng có 10%. Mức giá trên thang đo loga hay thang đo tỷ lệ thể hiện những khoảng cách bằng nhau theo phần trăm thay đổi giống nhau. Ví dụ, di chuyển từ điểm 10 đến 20 (gia tăng 100%) trên thang đo loga sẽ có khoảng cách bằng với di chuyển từ 20 đến 40 hoặc 40 đến 80. Nhiều hệ thống cung cấp đồ thị trên thị trường chứng khoán sử dụng thang đo loga, trong khi trên thị trường giao sau lại sử dụng thang đo số học. Phần mềm đồ thị trọn gói làm được cả 2 đồ thị này, xem hình 3.6.

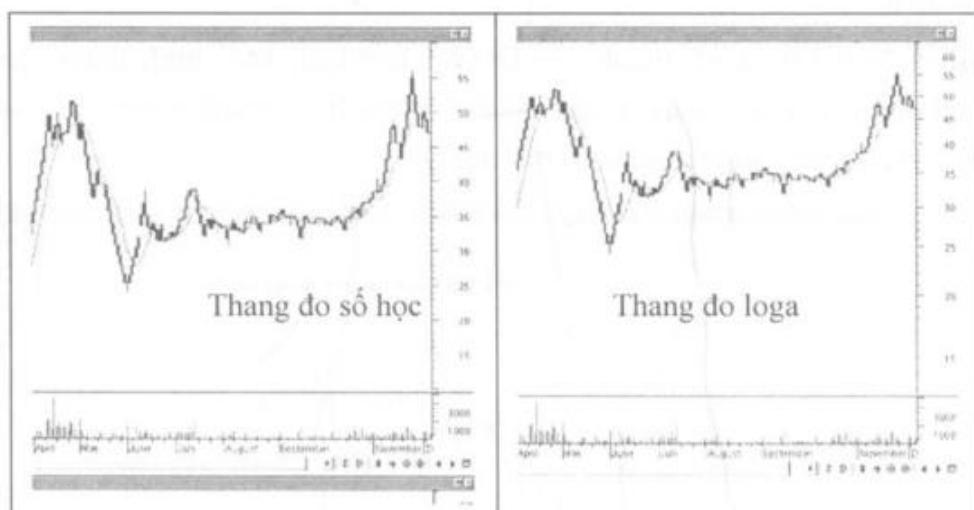
Hình 3.5: Một sự so sánh thang đo số học và thang đo loga. Chú ý rằng những tỷ lệ bằng nhau trên thang đo số học ở cột bên trái. Thang đo loga thể hiện phần trăm thay đổi (cột bên phải).



Thang đo số học



Thang đo loga

Hình 3.6: Các thang đo giá khác nhau của cổ phiếu SGH.

Xây dựng đồ thị thanh hàng ngày

Xây dựng đồ thị hình thanh hàng ngày là cực kỳ đơn giản. Đồ thị hình thanh là một đồ thị bao gồm trục giá và trục thời gian. Trục thẳng đứng (trục y) là một thước đo thể hiện giá khớp lệnh. Trục nằm ngang (trục x) ghi nhận đường đi của thời gian. Ngày tháng được ghi dọc theo đáy của đồ thị. Tất cả những gì người sử dụng phải làm là vẽ một thanh thẳng đứng ứng với từng ngày biểu diễn giá cao nhất đến giá thấp nhất của ngày (gọi là phạm vi giá). Đặt một đường kẻ ngang bên phải của thanh thẳng đứng xác định giá đóng cửa. (xem hình 3.7).

Lý do để đặt một đường kẻ về phía bên phải của thanh là để phân biệt nó với giá mở cửa, giá mở cửa được các nhà lập đồ thị ghi nhận phía bên trái của thanh. Một khi hoạt động giao dịch của ngày đó đã được ghi nhận, người sử dụng sẽ chuyển qua bên phải để ghi nhận ngày tiếp theo. Hầu hết dịch vụ cung cấp đồ thị sử dụng tuần có 5 ngày. Những ngày cuối tuần không được biểu diễn trên đồ thị. Bất kỳ khi nào việc giao dịch bị ngưng trong tuần giao dịch, thì khoảng trống của ngày đó là một ô

trong bên trái. Những thanh dọc theo đáy của đồ thị đo lường khối lượng giao dịch.

Hình 3.7: Đồ thị hình thanh của DOW chemical. Mỗi hình thanh ước lượng phạm vi giá của ngày giao dịch. Những hình thanh ở bên dưới đo lường mức khối lượng giao dịch mỗi ngày.

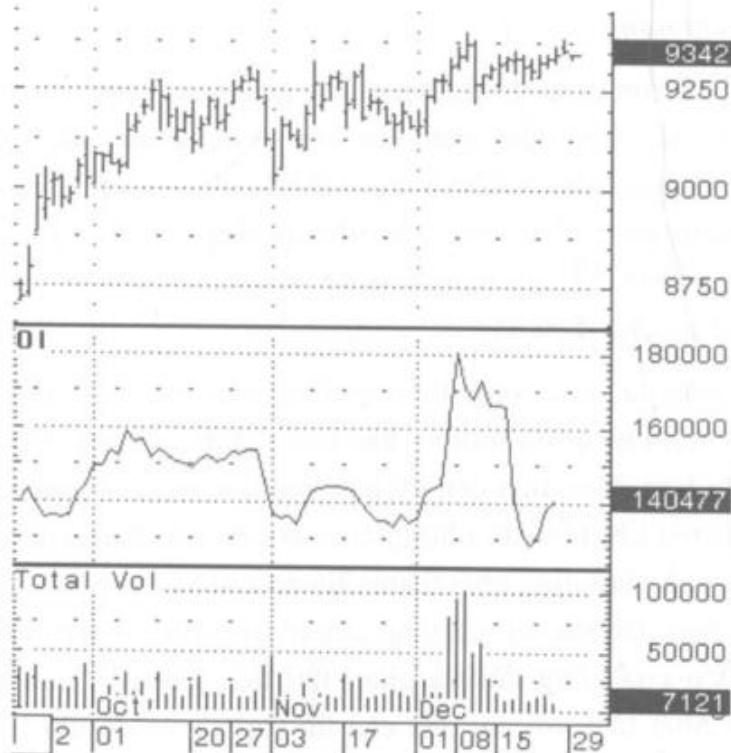


Khối lượng giao dịch

Một phần thông tin quan trọng khác được đưa vào trên đồ thị hình thanh là khối lượng giao dịch. Khối lượng giao dịch thể hiện tổng số khối lượng hoạt động mua bán trên thị trường trong một ngày giao dịch. Nó là toàn bộ hợp đồng giao sau đã được mua bán trong ngày hoặc số lượng cổ phần thường đã thay đổi chủ sở hữu trong một ngày nhất định trên thị trường chứng khoán. Khối lượng giao dịch được ghi nhận bởi một thanh đứng ở phần đáy của đồ thị, phía dưới đồ thị giá hàng ngày. Một thanh cao hơn nghĩa là khối lượng giao dịch nhiều hơn trong ngày đó. Một thanh thấp hơn thể hiện một khối lượng giao dịch ít hơn. Một thanh đo

thẳng đứng dọc theo đáy của đồ thị được cung cấp để giúp đánh dấu dữ liệu như được thể hiện ở hình 3.7.

Hình 3.8: Đồ thị đường của giao dịch tiềm năng ở giữa, phần cuối là khối lượng giao dịch hàng ngày và phần trên là đồ thị hình thanh của diễn biến giá hàng ngày.



Giao dịch tiềm năng

Giao dịch tiềm năng là tổng số lượng các hợp đồng giao sau hiện hành được nắm giữ bởi người tham gia thị trường vào cuối ngày, là số lượng các hợp đồng hiện hành được nắm giữ bởi người mua hoặc người bán, không bao gồm cả hai. Lưu ý, chúng ta đang đề cập đến những hợp đồng giao sau, nên mỗi vị thế mua sẽ phải có một vị thế bán. Điều này có nghĩa là một giao dịch tiềm năng luôn đại diện cho hai người, một người bán và một người mua. Do đó, chúng ta chỉ cần biết tổng của một phía

62 Phân tích kỹ thuật

mà thôi. Giao dịch tiềm năng được ghi nhận trên đồ thị với những đường liên tục dọc theo đáy, thường trên khối lượng giao dịch nhưng dưới đồ thị giá. (Hình 3.8)

Tổng khối lượng so với khối lượng giao dịch riêng lẻ và khối lượng giao dịch tiềm năng

Những dịch vụ cung cấp đồ thị hợp đồng giao sau, cùng với hầu hết nhà phân tích kỹ thuật hợp đồng giao sau, chỉ sử dụng tổng khối lượng giao dịch và số lượng giao dịch tiềm năng. Mặc dù những con số này là có sẵn cho mỗi tháng giao nhận riêng lẻ nhưng tổng số lượng cho mỗi thị trường hàng hoá là một chỉ tiêu được sử dụng cho mục đích dự báo. Đây chính là lý lẽ tốt cho điều này.

Trong giai đoạn đầu của vòng đời hợp đồng giao sau, số lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng thì thường khá nhỏ. Những con số này được xây dựng dần khi hợp đồng tiến đến kỳ hạn thanh toán. Tuy nhiên, trong vài tháng cuối trước khi hết hạn những con số này bắt đầu giảm trở lại. Rõ ràng, những nhà giao dịch phải thanh khoản các vị thế mở khi hợp đồng tiến đến kỳ hạn. Do đó, sự tăng của những con số này vào một vài tháng đầu tiên của vòng đời và giảm khi tiến gần đến cuối giao dịch không có gì phải làm với chỉ dẫn của thị trường và đó chỉ là một hoạt động của đặc trưng vòng đời giới hạn của hợp đồng giao sau hàng hoá.

Nói cách khác, giao dịch tiềm năng gia tăng khi một người mua và một người bán tạo ra các hợp đồng mới. Điều này xảy ra khi người mua bắt đầu vị thế mua và người bán bắt đầu vị thế bán. Giao dịch tiềm năng giảm khi người mua bán vị thế mua hiện hữu và người bán mua vị thế bán hiện hữu.

Bản thân giao dịch tiềm năng chỉ thể hiện tính thanh khoản của một hợp đồng hay một thị trường cụ thể nào đó. Tuy nhiên, kết hợp phân tích khối

lượng với giao dịch tiềm năng đôi khi cung cấp những manh mối tinh tế về dòng tiền vào và ra của thị trường:

- Khối lượng tăng và giao dịch tiềm năng tăng khẳng định thêm xu hướng hiện tại.
- Khối lượng giảm và giao dịch tiềm năng giảm ra hiệu một sự kết thúc xu hướng hiện tại có thể sắp xảy ra.

Để cung cấp sự liên tục cần thiết trong số lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng, và cung cấp giá trị dự báo, con số tổng thường được sử dụng. (Đồ thị chứng khoán ghi nhận toàn bộ số lượng giao dịch, nhưng không bao gồm giao dịch tiềm năng, trên thị trường chứng khoán Việt Nam, các sản phẩm chứng khoán phái sinh chưa được áp dụng do đó những giao dịch tiềm năng chưa tồn tại).

Khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng được báo cáo trễ 1 ngày trong hợp đồng giao sau

Khối lượng giao dịch hợp đồng giao sau và những con số giao dịch tiềm năng được báo cáo trễ 1 ngày. Do đó, những nhà phân tích đồ thị phải chấp nhận sự chậm trễ 1 ngày trong việc thống kê và thể hiện những con số. Những con số này luôn được báo cáo trong suốt giờ giao dịch của ngày sau đó, nhưng là quá trễ cho sự công bố trên những tờ tạp chí tài chính của ngày hiện tại. Tuy nhiên, những con số về khối lượng giao dịch ước tính thì sẵn có, sau khi thị trường đóng cửa và được đưa vào trong báo chí sáng ngày sau đó. Những con số về khối lượng giao dịch ước tính này chỉ gần đúng nhưng chúng ít nhất cũng cung cấp cho các nhà phân tích kỹ thuật hợp đồng giao sau vài ý tưởng về liệu hoạt động giao dịch sẽ nhiều hơn hay ít hơn ngày hôm trước. Do đó, trong tờ báo buổi sáng, điều mà người đọc có được là giá hợp đồng giao sau cuối ngày cùng với con số về khối lượng giao dịch ước tính. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch và con số giao dịch tiềm năng chính thức của ngày hôm

64 Phân tích kỹ thuật

trước được cung cấp. Những nhà lập đồ thị chứng khoán không phải gặp vấn đề này. Toàn bộ số lượng giao dịch của cổ phiếu là sẵn có ngay lập tức.

Giá trị của khối lượng giao dịch riêng lẻ và con số về giao dịch tiềm năng trong hợp đồng giao sau

Những con số giao dịch tiềm năng riêng lẻ trong hợp đồng giao sau cung cấp thông tin rất có giá trị. Chúng nói cho chúng ta biết hợp đồng nào có tính thanh khoản nhất cho mục đích giao dịch. *Như một qui luật chung, hoạt động giao dịch nên được hạn chế đối với những tháng ghi nhận có giao dịch tiềm năng cao nhất. Những tháng với giao dịch tiềm năng thấp nên được né tránh.* Như những ẩn ý, giao dịch tiềm năng cao hơn nghĩa là ở đó có nhiều sự quan tâm hơn trong những tháng ghi nhận này.

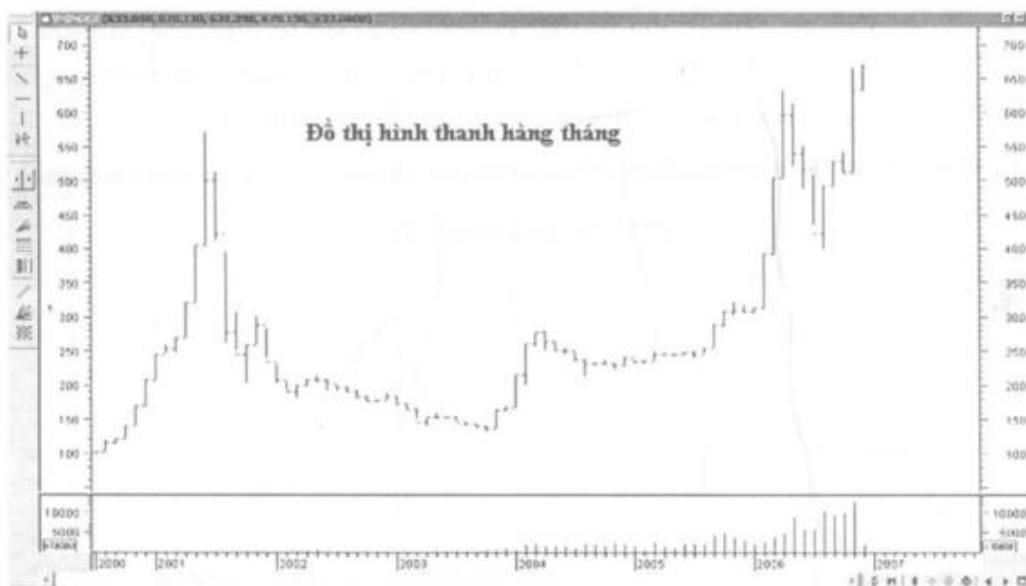
Đồ thị hình thanh hàng tháng và hàng tuần

Cho tới giờ, chúng ta đã xem xét đồ thị hình thanh hàng ngày. Tuy nhiên, phải nhận thức rằng đồ thị hình thanh có thể xây dựng cho bất kỳ chu kỳ thời gian nào. Đồ thị hình thanh trong ngày đo lường giá cao nhất, thấp nhất và cuối mỗi chu kỳ rất ngắn như 5 phút chẳng hạn. Đồ thị hình thanh trung bình hàng ngày bao gồm hoạt động của giá từ sáu đến chín tháng. Tuy nhiên, đối với những phân tích xu hướng có phạm vi dài hơn, thì đồ thị hình thanh hàng tuần và hàng tháng được sử dụng. Giá trị của việc sử dụng những đồ thị có phạm vi dài hơn này được trình bày trong chương 7 “Đồ thị dài hạn”. Nhưng phương pháp xây dựng và cập nhật đồ thị thì giống nhau (xem hình 3.9 và 3.10).

Hình 3.9: Đồ thị hình thanh hàng tuần của cổ phiếu IBM. Mỗi thanh thể hiện dữ liệu giá của một tuần. Bằng cách nén lại dữ liệu giá, đồ thị hàng tuần cho phép các nhà phân tích đồ thị xác định những xu hướng giá phạm vi dài hạn hơn, thường trong khoảng thời gian 5 năm.



Trên đồ thị hàng tuần, mỗi thanh thể hiện biến động giá trong toàn bộ một tuần. Trên đồ thị hàng tháng, mỗi thanh thể hiện toàn bộ biến động giá trong tháng. Rõ ràng, đồ thị hàng tuần và hàng tháng đã cõi động biến động của giá để giúp cho việc phân tích xu hướng có phạm vi dài hơn. Một đồ thị hàng tuần có thể xem xét lại tối đa 5 năm và một đồ thị hàng tháng có thể lên đến 20 năm. Đó là một kỹ thuật đơn giản nhằm giúp những nhà phân tích nghiên cứu thị trường từ một viễn cảnh với khoảng cách dài hơn. Đó là một trường hợp rất có giá trị mà thường là không thể có được nếu chỉ duy nhất dựa vào đồ thị hàng ngày.

Hình 3.10:

Kết luận

Bây giờ chúng ta đã biết cách biểu diễn một đồ thị hình thanh, và cũng đã giới thiệu về 3 nguồn thông tin cơ bản là giá, khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng - chúng ta đã sẵn sàng để xem xét cách lý giải các dữ liệu. Nên nhớ rằng đồ thị chỉ ghi nhận số liệu. Bản thân nó có rất ít giá trị. Nó rất giống với những cây bút vẽ và vài. Bản thân chúng không có giá trị. Tuy nhiên, qua bàn tay của những họa sĩ tài ba, chúng có thể giúp tạo ra những bức tranh tuyệt vời. Có lẽ một sự so sánh tốt hơn đó là nó giống như một con dao mổ. Qua bàn tay của những nhà phẫu thuật tài giỏi, chúng có thể giúp cứu người. Tuy nhiên, vào tay của hầu hết chúng ta, thì một con dao mổ không chỉ không có giá trị mà thậm chí có thể là nguy hiểm. Đồ thị có thể trở thành một công cụ cực kỳ hữu dụng trong nghệ thuật hay kỹ năng dự báo thị trường mỗi khi chúng ta hiểu được qui luật. Chúng ta hãy bắt đầu công việc này. Trong những chương tiếp theo, Chúng ta sẽ xem xét những nội dung cơ bản của xu hướng và điều mà chúng ta quan tâm là xây dựng những nền tảng của phân tích đồ thị.

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Định nghĩa về xu hướng

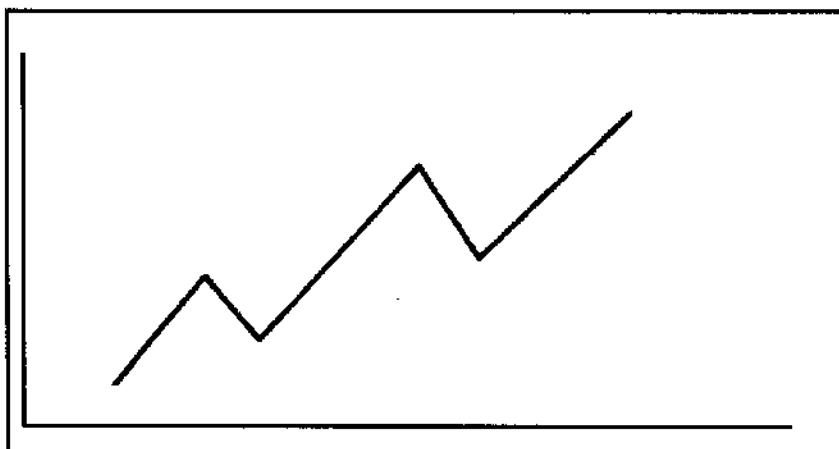
Nội dung của xu hướng là một yếu tố cực kỳ thiết yếu đối với phương pháp phân tích kỹ thuật để phân tích thị trường. Tất cả những công cụ được nhà phân tích đồ thị sử dụng – mức chống đỡ và kháng cự, các mẫu hình giá, trung bình di động, đường xu hướng, v.v... – có một mục đích duy nhất là giúp đánh giá xu hướng của thị trường nhằm tham gia vào xu hướng đó. Chúng ta thường nghe những thành ngữ quen thuộc như là “luôn giao dịch theo chỉ dẫn của xu hướng”, “không bao giờ vượt khỏi xu hướng” hoặc “xu hướng là bạn của chúng ta”. Vì vậy, chúng ta hãy bỏ ra một ít thời gian để xác định xu hướng là gì và phân loại chúng thành một số nhóm.

Một cách tổng quát, xu hướng đơn giản chỉ là chiều hướng của thị trường, con đường mà thị trường đang dịch chuyển. Nhưng chúng ta cần một định nghĩa chính xác hơn về xu hướng để thực hành. Trước hết, nhìn chung thị trường không dịch chuyển theo một đường thẳng trong bất kỳ chiều hướng nào. Dịch chuyển của thị trường được đặc trưng bởi một chuỗi các đường zig zag. Mỗi đường zig zag này tương đồng với một chuỗi các sóng liên tục với các đỉnh và đáy khá rõ ràng. Chiều hướng của những đỉnh và đáy cấu thành nên xu hướng của thị trường. Những đỉnh và đáy này dịch chuyển lên, xuống hoặc dịch chuyển ngang, điều đó nói

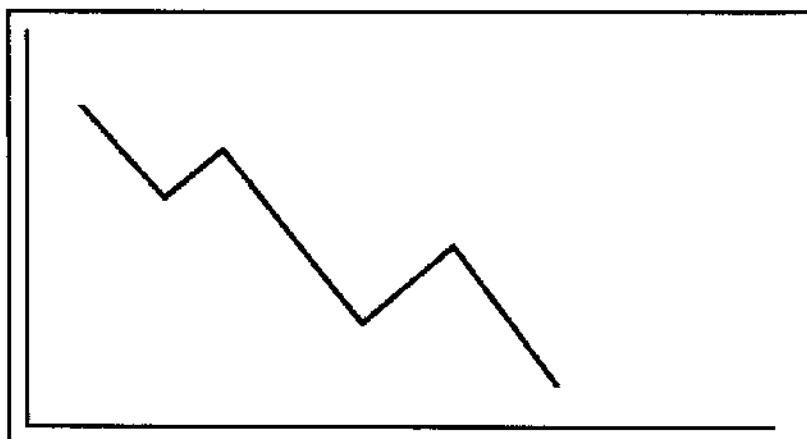
68 Phân tích kỹ thuật

cho chúng ta xu hướng của thị trường. Một xu hướng tăng sẽ được định nghĩa là một chuỗi những đỉnh và đáy cao hơn liên tục, một xu hướng giảm thì ngược lại, một chuỗi các đỉnh và đáy thấp hơn đi xuống. Các đỉnh và đáy nằm ngang sẽ xác định một xu hướng giá ngang.

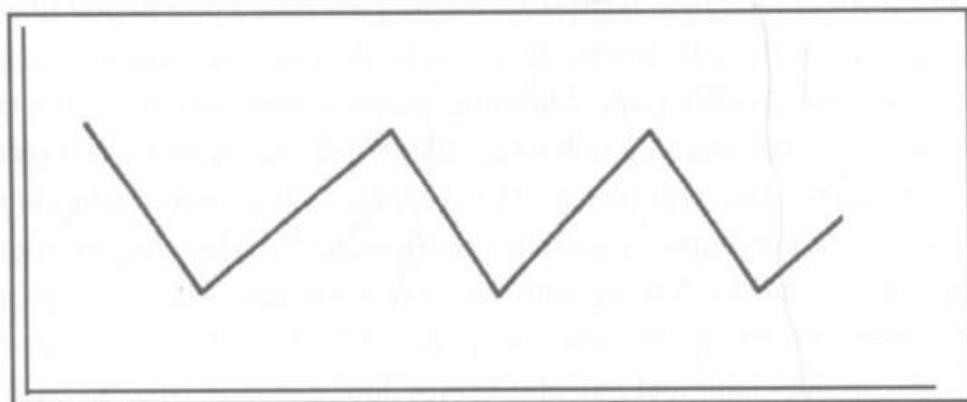
Hình 4.1a: Ví dụ của một xu hướng tăng với các đỉnh và đáy tăng.



Hình 4.1b: Ví dụ của một xu hướng giảm với các đỉnh và đáy giảm.



Hình 4.1c: Ví dụ của một xu hướng dịch chuyển ngang với các đỉnh và đáy dịch chuyển ngang. Loại thị trường này thường được ám chỉ như là thị trường không tồn tại xu hướng.



Hình 4.1d: Ví dụ của một xu hướng giảm chuyển thành một xu hướng tăng. Phần chia đầu tiên ở bên trái thể hiện một xu hướng giảm. Từ tháng 10/1997 đến tháng 1/1998 thị trường đã giao dịch theo xu hướng dịch chuyển ngang. Trong suốt thời gian từ tháng 1 đến tháng 5/1998 thị trường dịch chuyển theo xu hướng tăng.



70 Phân tích kỹ thuật

Xu hướng có ba chiều hướng

Chúng ta đã đề cập một xu hướng tăng, xu hướng giảm và xu hướng dịch chuyển ngang là rất hợp lý. Hầu hết mọi người có khuynh hướng nghĩ rằng thị trường luôn luôn hoặc là xu hướng tăng hoặc là xu hướng giảm. Sự thật của vấn đề là thị trường dịch chuyển theo ba chiều hướng – tăng, giảm hoặc dịch chuyển ngang. Điều quan trọng là nhận biết được sự khác biệt này bởi vì với một ước tính tương đối ít nhất một phần ba thời gian, giá dịch chuyển trên mặt phẳng, thì mẫu hình dịch chuyển ngang được nói đến như là một phạm vi giao dịch. Kiểu diễn biến dịch chuyển ngang này phản ánh thời kỳ ở trạng thái cân bằng trong mức giá, ở đó áp lực cung cầu ở tình trạng cân bằng tương đối. (Nếu bạn nhớ lại, lý thuyết Dow đề cập mẫu hình loại này như là một đường thẳng). Mặc dù chúng ta định nghĩa một thị trường phẳng có xu hướng dịch chuyển ngang, nó thường được đề cập như là thị trường không tồn tại xu hướng.

Về bản chất, hầu hết các phương pháp và công cụ kỹ thuật là hành động theo xu hướng, có nghĩa rằng chúng được thiết kế chủ yếu đối với các thị trường đang tăng giá hay giảm giá. Chúng luôn có hiệu lực không cao, hoặc không giúp ích được gì, khi thị trường rơi vào tình trạng dịch chuyển ngang hoặc không có xu hướng. Trong suốt những giai đoạn thị trường dịch chuyển ngang như vậy, những nhà giao dịch kỹ thuật ném mùi sai lầm lớn nhất và những nhà giao dịch hệ thống thì bị những khoản lỗ vốn cực lớn. Phương pháp theo sau xu hướng, theo khái niệm của nó, cần một xu hướng để có thể hoạt động hiệu quả. Sự thất bại ở đây không phải là ở phương pháp. Đúng hơn, sự thất bại nằm ở chỗ các nhà giao dịch đang cố gắng áp dụng một phương pháp được thiết kế để mô tả xu hướng vào một điều kiện thị trường không có xu hướng.

Ở đây có ba quyết định mà nhà giao dịch phải đương đầu - liệu nên mua, nên bán hoặc không làm gì cả. Khi thị trường tăng, chiến lược mua là thích hợp. Khi thị trường giảm, chọn lựa thứ hai là đúng. Tuy nhiên, khi

thị trường dịch chuyển ngang, lựa chọn thứ ba – đứng ngoài thị trường – luôn là khôn ngoan nhất.

Xu hướng có ba loại

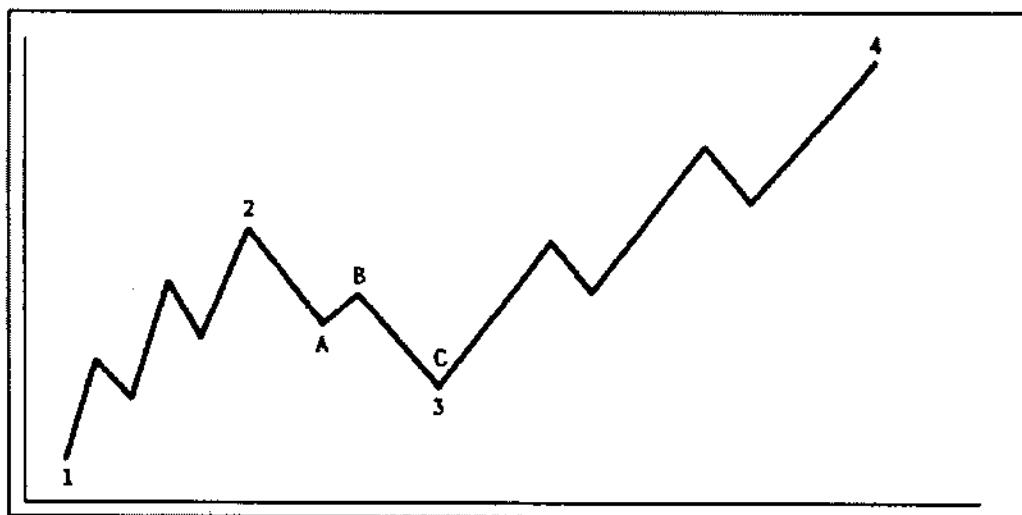
Bên cạnh có ba chiều hướng, xu hướng luôn được phân thành ba loại. Ba loại đó là xu hướng chính, xu hướng trung gian và xu hướng ngắn hạn. Thật ra, hầu như có một số lượng không giới hạn các xu hướng có tương tác với một xu hướng khác, từ xu hướng rất ngắn hạn bao gồm vài phút hoặc vài giờ đến những xu hướng cực dài từ 10 đến 20 năm. Tuy nhiên, hầu hết những nhà phân tích kỹ thuật giới hạn phân loại xu hướng làm ba loại. Tuy vậy, ở đây cũng có đôi chút nhằng nhằng về cách thức xác định mỗi xu hướng của các nhà phân tích khác nhau.

Ví dụ, theo lý thuyết Dow, phân loại xu hướng chính như là xu hướng có hiệu lực đối với thời gian dài hơn một năm. Bởi vì những nhà giao dịch hợp đồng giao sau hoạt động trong thời gian ngắn hơn các nhà đầu tư chứng khoán, chúng ta sẽ thiên về rút ngắn xu hướng chính là đối với bất kỳ khoảng thời gian vượt qua 6 tháng trên thị trường hàng hoá. Lý thuyết Dow xác định xu hướng trung gian hay xu hướng thứ cấp là có thời gian khoảng 3 tuần đến nhiều tháng, những xu hướng này cũng được xem xét như vậy trên thị trường giao sau. Xu hướng ngắn hạn luôn được xác định với những khoảng thời gian ít hơn 2 hoặc 3 tuần.

Mỗi xu hướng trở thành một phần của xu hướng lớn hơn tiếp theo của nó. Ví dụ, xu hướng trung gian sẽ là phần hiệu chỉnh trong xu hướng chính. Trong xu hướng đi lên dài hạn, thị trường sẽ dừng đê tự hiệu chỉnh chính nó trong một vài tháng trước khi phục hồi lại con đường đi lên trong dài hạn. Sự điều chỉnh thứ cấp này chính nó sẽ bao gồm những đợt sóng ngắn hơn tương tự như những vùng lõm và vùng phục hồi trong ngắn hạn. Hiện tượng này tái diễn rất nhiều lần – mỗi xu hướng là một phần của xu hướng lớn hơn tiếp theo và bản thân nó cũng bao gồm những xu hướng nhỏ hơn. (xem hình 4.2a và 4.2b)

72 Phân tích kỹ thuật

Hình 4.2a: Ví dụ về ba mức độ của xu hướng: chính, thứ cấp, ngắn hạn. Những điểm 1, 2, 3 và 4 thể hiện xu hướng tăng chính. Sóng 2-3 thể hiện như là một sóng hiệu chỉnh thứ cấp. Mỗi sóng thứ cấp lần lượt được chia thành những xu hướng ngắn hạn. Chẳng hạn, sóng thứ cấp 2-3 chia thành những sóng nhỏ hơn A-B-C.



Trong hình 4.2a, xu hướng chính là đi lên phản ánh bởi những đỉnh và đáy đi lên (điểm 1, 2, 3, 4). Giai đoạn hiệu chỉnh (2-3) thể hiện một sự điều chỉnh trung gian trong xu hướng chính đi lên. Nhưng lưu ý, sóng 2-3 cũng chia ra thành 3 sóng nhỏ hơn (A, B, C). Ở điểm C, nhà phân tích sẽ nói rằng xu hướng chính vẫn đi lên, nhưng xu hướng trung gian và xu hướng ngắn hạn là đi xuống. Ở điểm 4, cả 3 xu hướng đều lên. Vấn đề quan trọng là hiểu được sự khác biệt giữa mức độ khác nhau của xu hướng. Khi một người nào đó hỏi xu hướng nào được đưa ra cho thị trường, thật khó, nếu không muốn nói là không thể, để trả lời vấn đề này mãi cho đến khi bạn biết xu hướng nào người đó đang cần hỏi. Bạn có thể phải trả lời theo cách trước đó đã thảo luận bằng việc xác định 3 loại xu hướng khác nhau.

Có khá nhiều sai lầm này sinh bởi vì sự khác biệt trong nhận thức của nhà giao dịch về ý nghĩa của một xu hướng. Đối với nhà giao dịch vị thế

dài hạn, biến động giá một vài ngày đến một vài tuần có thể không quan trọng. Đối với một nhà giao dịch hàng ngày, hai hoặc 3 ngày giá lên có thể thiết lập một xu hướng đi lên chính. Vì vậy, đặc biệt quan trọng để hiểu được mức độ khác nhau của xu hướng và để đảm bảo rằng tất cả rắc rối trong một giao dịch là đang nói về cùng một thứ.

Hình 4.2b: Xu hướng chính (hơn 1 năm) là xu hướng tăng trong suốt năm 1997. Một xu hướng hiệu chỉnh ngắn hạn đã xảy ra trong suốt tháng 3. Một sự hiệu chỉnh thức cấp sau đó từ tháng 8 đến tháng 11 (ba tháng). Xu hướng hiệu chỉnh trung gian được chia thành 3 xu hướng ngắn hạn.



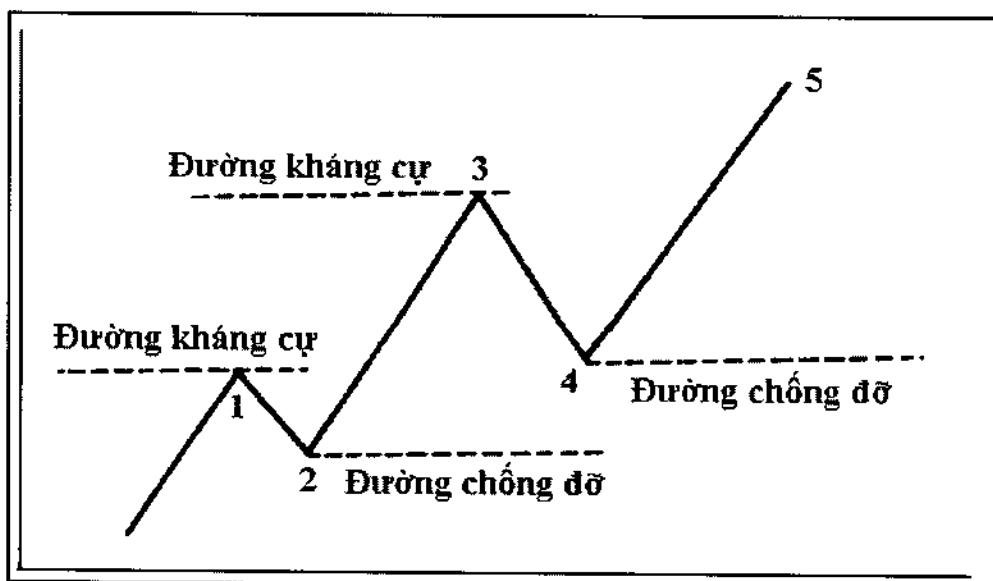
Tóm lại, hầu hết phương pháp theo xu hướng tập trung vào xu hướng trung gian, là xu hướng có thể kéo dài trong một vài tháng. Xu hướng ngắn hạn chủ yếu được sử dụng cho mục đích định thời gian. Trong một xu hướng đi lên trung gian, những điều chỉnh giảm ngắn hạn sẽ được sử dụng để khởi đầu vị thế mua.

Đường chống đỡ và đường kháng cự

Trong phần thảo luận trước về xu hướng, đã xác định rằng giá dịch chuyển theo một chuỗi các đỉnh, đáy và chiều hướng của đỉnh và đáy sẽ quyết định xu hướng của thị trường. Nay giờ chúng ta hãy đặt cho các đỉnh và đáy này những tên hợp lý và cùng lúc này giới thiệu về thuật ngữ chống đỡ và kháng cự.

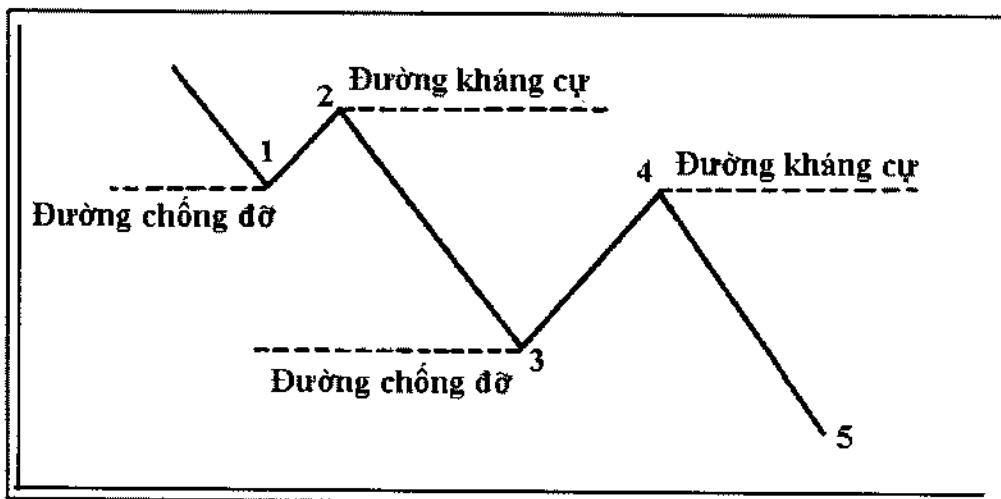
Các đáy, hoặc những mức thoái lùi, được gọi là mức chống đỡ. Thuật ngữ này bản thân nó đã tự giải thích và ngũ ý rằng mức chống đỡ là mức hoặc vùng trên đồ thị dưới thị trường nơi sức mua mạnh hơn áp lực bán. Kết quả, sự giảm giá là không vững và giá tăng trở lại. Mức chống đỡ luôn được xác định bởi một mức thoái lùi trước đó. Hành động giá tại các điểm 2 và 4 được đề cập đến như là mức chống đỡ vì người mua hỗ trợ ngăn không cho giá giảm thấp hơn nữa. Trong hình 4.3a, điểm 2 và 4 thể hiện mức chống đỡ trong xu hướng đi lên. (xem hình 4.3a và 4.3b)

Hình 4.3a: Minh họa các mức chống đỡ và kháng cự gia tăng trong xu hướng tăng.



Mức kháng cự thì trái ngược với mức chống đỡ và thể hiện mức giá hoặc vùng trên thị trường nơi mà sức bán vượt quá sức mua và sự giảm giá trở lại. Thông thường tại mức kháng cự người mua dành quyền kiểm soát giá và ngăn không cho giá cao hơn. Mức kháng cự luôn được xác định bởi một đỉnh trước đó. Trong hình 4.3a, điểm 1 và 3 là mức kháng cự. Hình 4.3a chỉ ra một xu hướng tăng. Trong xu hướng tăng, mức chống đỡ và kháng cự chỉ ra mẫu hình đi lên. Hình 4.3b chỉ ra một xu hướng giảm với những đỉnh và đáy giảm dần. Trong xu hướng giảm, điểm 1 và 3 là mức chống đỡ dưới thị trường và điểm 2 và 4 là mức kháng cự vượt quá thị trường.

Hình 4.3b: Minh họa mức chống đỡ và kháng cự trong xu hướng giảm.



Trong một xu hướng giá lên, mức kháng cự thể hiện sự tạm dừng trong xu hướng đó và thông thường được vượt qua vài điểm. Trong xu hướng giá giảm, mức chống đỡ là không đủ mạnh để dừng sự giảm giá lâu dài nhưng tại đó có thể để kiểm tra ít nhất là trong tạm thời.

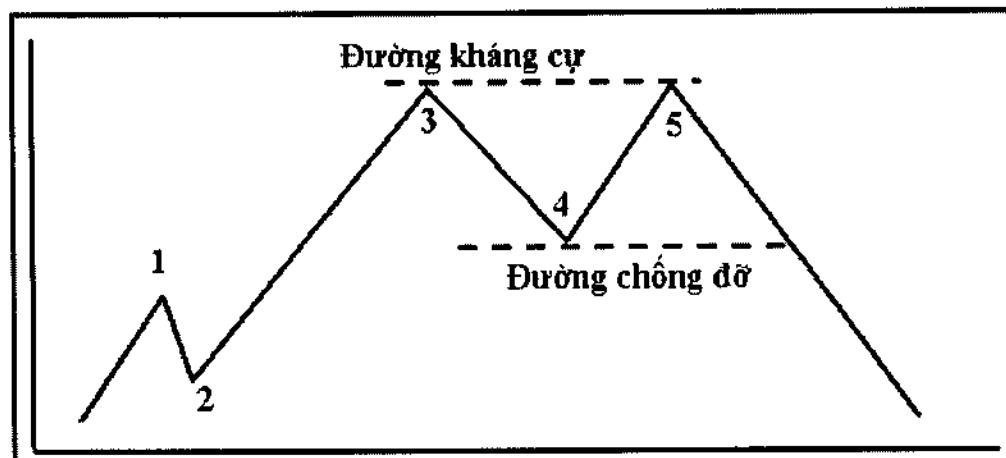
Nắm vững về nội dung của mức chống đỡ và kháng cự là điều cần thiết cho việc hiểu đầy đủ về nội dung của xu hướng. Để một xu hướng đi lên tiếp tục, mỗi mức thoái lùi (mức chống đỡ) phải cao hơn mức thoái lùi trước đó. Mỗi mức cao phục hồi (mức kháng cự) phải cao hơn mức

76 Phân tích kỹ thuật

kháng cự trước đó. Nếu vùng lõm hiệu chỉnh trong một xu hướng tăng đang đi xuống đến mức thấp trước đó, điều này có thể là một cảnh báo sớm rằng xu hướng tăng sắp kết thúc hoặc ít nhất là dịch chuyển từ xu hướng tăng sang xu hướng dịch chuyển ngang. Nếu mức chống đỡ bị phá vỡ, thì một sự đảo ngược xu hướng tăng thành xu hướng giảm có thể xảy ra.

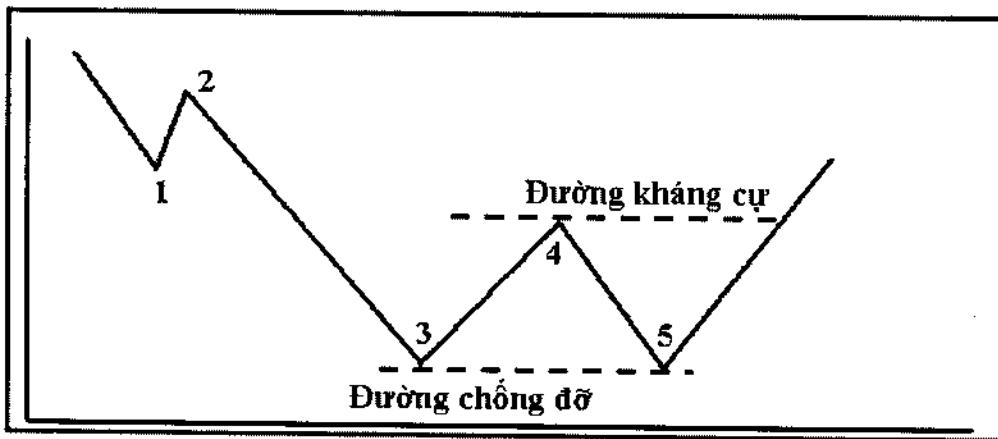
Mỗi lần một đỉnh kháng cự trước đó được kiểm nghiệm, thì xu hướng đi lên dang trong giai đoạn nguy kịch nhất. Việc không vượt qua được đỉnh trước đó trong xu hướng đi lên, hoặc khi giá vượt khỏi mức chống đỡ trước đó trong xu hướng đi xuống luôn là cảnh báo đầu tiên rằng xu hướng hiện tại đang thay đổi. Chương 5 và 6 về mẫu hình giá sẽ cho thấy cách thức kiểm nghiệm các mức chống đỡ và kháng cự trên bức tranh đồ thị để xem có hay không một sự đảo chiều xu hướng chính hay chỉ đơn thuần là một sự tạm dừng trong xu hướng đang tồn tại. Nhưng những nền tảng xây dựng cơ bản của các mẫu hình giá này dựa vào mức chống đỡ và mức kháng cự.

Hình 4.4a: Ví dụ về một sự đảo ngược xu hướng. Việc không vượt qua các mức giá tại điểm 5 để vượt qua đỉnh trước đó tại điểm 3 theo sau bởi một sự giảm giá xuống dưới mức thoái lui trước đó tại điểm 4 cấu thành một sự đảo ngược xu hướng giảm. Mẫu hình loại này được gọi là mẫu hình hai đỉnh.



Hình 4.4a đến 4.4c là một ví dụ của sự đảo chiều xu hướng kinh điển. Lưu ý, trong hình 4.4a, ở điểm 5 giá rót xuống qua đỉnh trước đó (điểm 3) trước khi giảm xuống phá vỡ mức chống đỡ trước đó (điểm 4). Sự đảo chiều xu hướng này có thể được xác định một cách đơn giản bằng quan sát mức chống đỡ và kháng cự. Trong xem xét chúng ta về mẫu hình giá, mẫu hình đảo chiều loại này sẽ được xác định như là mẫu hình hai đỉnh.

Hình 4.4b: Ví dụ về mẫu hình đảo ngược đáy. Thông thường dấu hiệu đầu tiên của một đáy là khả năng về những mức giá tại điểm 5 duy trì ở mức đáy trước đó tại điểm 3. Đó được xác định khi giá bứt phá quá đỉnh 4.



Mức chống đỡ và mức kháng cự đảo ngược vai trò của chúng như thế nào

Trong một chừng mực nào đó, chúng ta vừa định nghĩa mức chống đỡ như là một mức đáy trước đó và mức kháng cự như là một mức đỉnh trước đó. Tuy nhiên, điều này không phải luôn luôn đúng. Điều này dẫn chúng ta đến một khía cạnh thú vị hơn và ít được biết hơn của mức chống đỡ và kháng cự - đó là sự đảo ngược vai trò của chúng. Bất kỳ lúc nào một mức chống đỡ hoặc kháng cự bị xâm nhập bởi một lượng đáng kể, chúng đảo vai trò cho nhau và trở nên ngược lại. Nói cách khác, mức kháng cự trở thành mức chống đỡ và mức chống đỡ trở thành mức kháng cự. Để hiểu được tại sao có điều này xảy ra, chúng ta sẽ thảo luận một

vài nguyên nhân tâm lý ẩn chứa đằng sau sự hình thành các mức chống đỡ và kháng cự.

Hình 4.4c: Ví dụ về một sự đảo ngược đáy.



Tâm lý ẩn chứa đằng sau mức chống đỡ và mức kháng cự

Để minh họa, chúng ta sẽ chia những người tham gia thị trường thành 3 nhóm – thành phần mua, thành phần bán và thành phần không tham gia. Thành phần mua là những nhà giao dịch chứng khoán đang sẵn sàng để mua hợp đồng, thành phần bán là những người sẵn sàng tham gia vào bên bán, thành phần không tham gia là những người hoặc đứng ngoài thị trường hoặc vẫn chưa quyết định tham gia vào bên nào.

Chúng ta hãy giả định rằng thị trường dịch chuyển lên cao so với một vùng chống đỡ nơi mà giá đang dao động một vài lần. Thành phần mua (những người đã mua gần vùng chống đỡ) vui mừng, nhưng hối tiếc là đã không mua nhiều hơn. Nếu thị trường hạ xuống một ít gần vùng chống đỡ lần nữa, họ có thể tăng vị thế mua của mình. Những người ở thành

phần bán bấy giờ nhận ra (hoặc hoài nghi mạnh mẽ) rằng họ đang đứng nhầm bên của thị trường. (Thị trường dịch chuyển càng xa vùng chống đỡ sẽ tác động rất lớn đến quyết định đó, lát nữa chúng ta sẽ quay trở lại vấn đề này). Những người bán đang hy vọng (và cầu nguyện) cho một sự giảm giá thoáng chốc trở lại vùng mà nơi họ đã bán để họ có thể thoát ra khỏi vị thế chính nơi họ đã tham gia vào (diễn hoà vốn của họ).

Ở vị trí ranh giới có thể chia thành 2 nhóm – những người không bao giờ có một vị thế và những người, vì lý do này hoặc lý do khác, đã từ bỏ vị thế mua nắm giữ trước đó trong vùng chống đỡ. Dĩ nhiên, nhóm thứ hai bản thân họ là điên rồ do việc từ bỏ vị thế mua của họ lâu dài và đang hy vọng về một cơ hội nào khác để phục hồi lại vị thế mua đó gần nơi họ đã bán chúng.

Nhóm cuối cùng, nhóm không quyết định, bấy giờ nhận ra rằng, giá đang đi lên cao hơn và quyết định tham gia vào thị trường ở bên mua trên cơ hội mua tốt tiếp theo. Tất cả 4 nhóm đã quyết định “mua ở vùng trũng tiếp theo”. Tất cả họ có một “quyền lợi được đảm bảo” trong vùng chống đỡ ở dưới thị trường này. Đương nhiên, nếu giá giảm gần mức chống đỡ, hồi phục lại việc mua bởi tất cả 4 nhóm sẽ là nguyên nhân để kéo giá lên.

Càng nhiều giao dịch hơn diễn ra trong vùng chống đỡ, nó càng trở nên quan trọng hơn bởi vì nhiều người tham gia hơn có quyền lợi được đảm bảo trong vùng này. Số lượng giao dịch trong vùng chống đỡ hoặc kháng cự định sẵn có thể được quyết định theo 3 cách: lượng thời gian trải qua, khối lượng giao dịch, và giao dịch gần nhất xảy ra như thế nào.

Khoảng thời gian mà giá giao dịch trong vùng chống đỡ và kháng cự càng dài, thì vùng này càng trở nên có ý nghĩa. Ví dụ, nếu giá giao dịch kéo dài 3 tuần trong một vùng dày đặc trước khi dịch chuyển lên cao hơn, vùng chống đỡ này sẽ có ý nghĩa hơn trong trường hợp chỉ xảy ra giao dịch 3 ngày.

Khối lượng giao dịch là một cách khác để đo lường tầm quan trọng của vùng chống đỡ và kháng cự. Nếu mức chống đỡ được hình thành trên

80 Phân tích kỹ thuật

một khối lượng giao dịch lớn, điều này chỉ ra rằng một lượng lớn hàng hoá đã được thay đổi người nắm giữ và sẽ đánh dấu rằng mức chống đỡ là quan trọng hơn trường hợp nếu rất ít giao dịch diễn ra. Đồ thị hình và điểm đo lường hoạt động giao dịch trong ngày đặc biệt hữu dụng trong việc xác định những mức giá mà ở đó hầu hết các giao dịch diễn ra, do vậy, đó là nơi mà vùng chống đỡ và kháng cự sẽ có khả năng nhất để thực hiện chức năng của mình.

Cách thứ ba để quyết định mức ý nghĩa của vùng chống đỡ và kháng cự là giao dịch gần nhất diễn ra như thế nào. Bởi vì chúng ta đang bàn về sự phản ứng của những nhà giao dịch đối với sự dịch chuyển của thị trường và với vị thế mà họ đã tham gia hoặc không tham gia, điều đó cung cấp một lý lẽ rằng, hoạt động giao dịch gần đây càng nhiều, nó càng trở nên có ý nghĩa.

Bây giờ, quay trở lại các bảng và tương tượng rằng, thay cho việc giá dịch chuyển lên bằng giá dịch chuyển xuống. Trong ví dụ trước, bởi vì giá đi lên, phản ứng kết hợp của những người tham gia thị trường đã gây ra phản ứng phía dưới để đáp ứng việc mua thêm (do đó tạo ra một mức chống đỡ mới). Tuy nhiên nếu giá bắt đầu rớt và dao động dưới vùng chống đỡ trước đó, sự phản ứng sẽ ngược lại. Tất cả những người mua trong vùng chống đỡ bây giờ nhận ra rằng họ đã sai lầm. Với những nhà giao dịch hợp đồng giao sau, nhà môi giới của họ bây giờ đang điện cuồng đối với các khoản ký quỹ bổ sung lớn hơn. Bởi vì tính chất đòn bẩy cao của các giao dịch hợp đồng giao sau, nên những nhà giao dịch không thể ngồi yên với những khoản lỗ kéo dài. Họ phải bỏ thêm vào khoản tiền ký quỹ hoặc chấm dứt vị thế lỗ của họ.

Điều tạo nên mức chống đỡ trước đó trong vị trí đầu tiên chính là ưu thế của những lệnh mua dưới mức thị trường. Tuy nhiên, bây giờ tất cả những lệnh mua dưới mức thị trường đã trở thành những lệnh bán trên mức thị trường. *Mức chống đỡ trở thành mức kháng cự.* Và vùng chống đỡ trước đây càng quan trọng, có nghĩa là vùng mà càng gần đây càng

nhiều giao dịch diễn ra, thì bây giờ nó càng có nhiều tiềm năng trở thành vùng kháng cự. Tất cả những nhân tố đã tạo nên mức chống đỡ bởi 3 nhóm người tham gia thị trường – người mua, người bán và người không tham gia – bây giờ sẽ thực hiện chức năng đặt một mức trần trên những mức giá ở mức phục hồi giá sau đó.

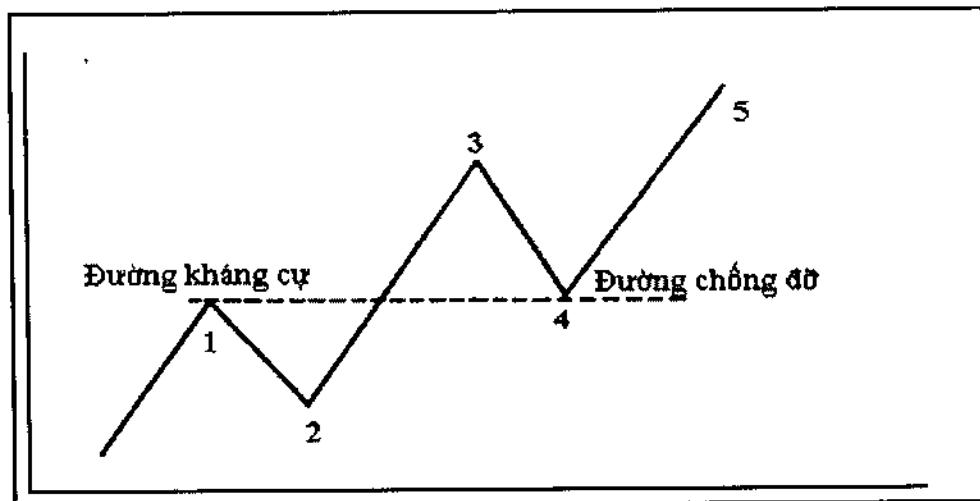
Thật có ích để chúng ta tạm dừng trong giây lát và xem xét tại sao những mẫu hình giá được sử dụng bởi các nhà phân tích đồ thị, và những khái niệm như mức chống đỡ và kháng cự thực sự có hiệu quả. Không một phép màu nhiệm nào được tạo ra bởi các đồ thị hay các đường vẽ trên những đồ thị đó. Tuy nhiên, những mẫu hình này có ích bởi vì chúng cung cấp một bức tranh về những điều mà người tham gia thị trường thực sự đang làm và cho phép chúng ta xác định các phản ứng của họ đối với những sự kiện của thị trường. Phân tích đồ thị thực sự là một nghiên cứu về tâm lý con người và phản ứng của những nhà giao dịch đối với những thay đổi điều kiện thị trường. Thật không may, bởi vì chúng ta sống trong thế giới có tốc độ biến đổi nhanh của thị trường tài chính, nên chúng ta có khuynh hướng phụ thuộc nhiều vào hệ thống đồ thị và diễn tả ngắn gọn nghĩa là bỏ qua những yếu tố ngầm đã tạo nên những bức tranh trên đồ thị ở phần trước. Đây là những lập luận tâm lý một cách có căn cứ tại sao mức chống đỡ và kháng cự có thể được xác định trên đồ thị giá và tại sao chúng có thể được sử dụng để dự báo các dịch chuyển của thị trường.

Mức chống đỡ trở thành mức kháng cự và ngược lại: mức độ của sự phá vỡ

Một mức chống đỡ, bị bứt phá bởi một biên độ đáng kể, trở thành một mức kháng cự và ngược lại. Hình 4.5a đến 4.5c tương tự hình 4.3a và 4.3b nhưng với một cách làm tinh vi được thêm vào. Lưu ý bởi vì giá đang tăng trong hình 4.5a nên mức thoái lùi tại điểm 4 là ngừng lại hay cao hơn đỉnh tại điểm 1. Đỉnh tại điểm 1 trước đây đã từng là một mức

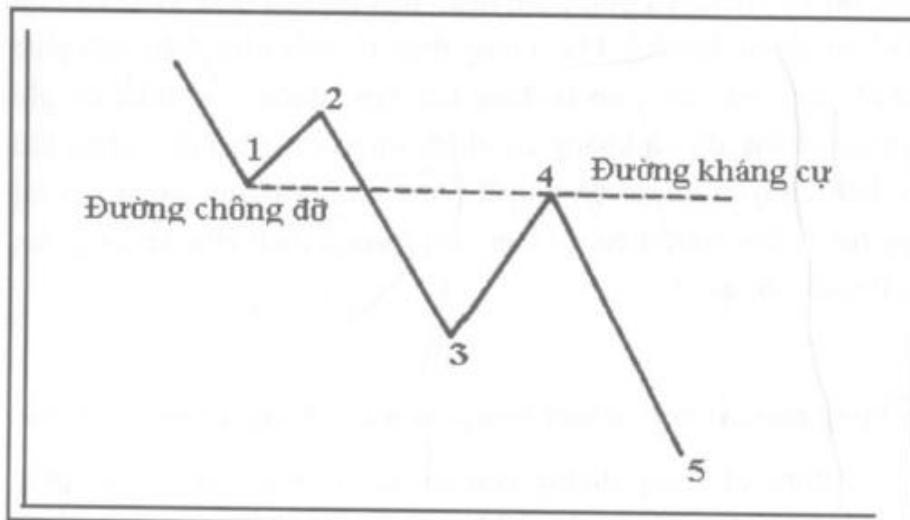
kháng cự. Nhưng một khi nó bị bứt phá bởi sóng 3, đỉnh kháng cự trước đây giờ trở thành mức chống đỡ. Tất cả những hành động bán trước đó gần đỉnh của sóng 1 (tạo nên mức kháng cự) bây giờ đã trở thành hành động mua dưới giá thị trường. Trong hình 4.5b, chỉ ra giá giảm, điểm 1 (từng là một mức chống đỡ dưới giá thị trường) bây giờ trở thành mức kháng cự trên giá thị trường đóng vai trò như là mức trần tại điểm 4.

Hình 4.5a: Trong một xu hướng tăng, các mức kháng cự đã bị bứt phá bởi một biên độ đáng kể trở thành những mức chống đỡ. Chú ý rằng mỗi khi mức kháng cự tại điểm 1 đã bị vượt qua, nó trở thành một mức chống đỡ tại điểm 4.

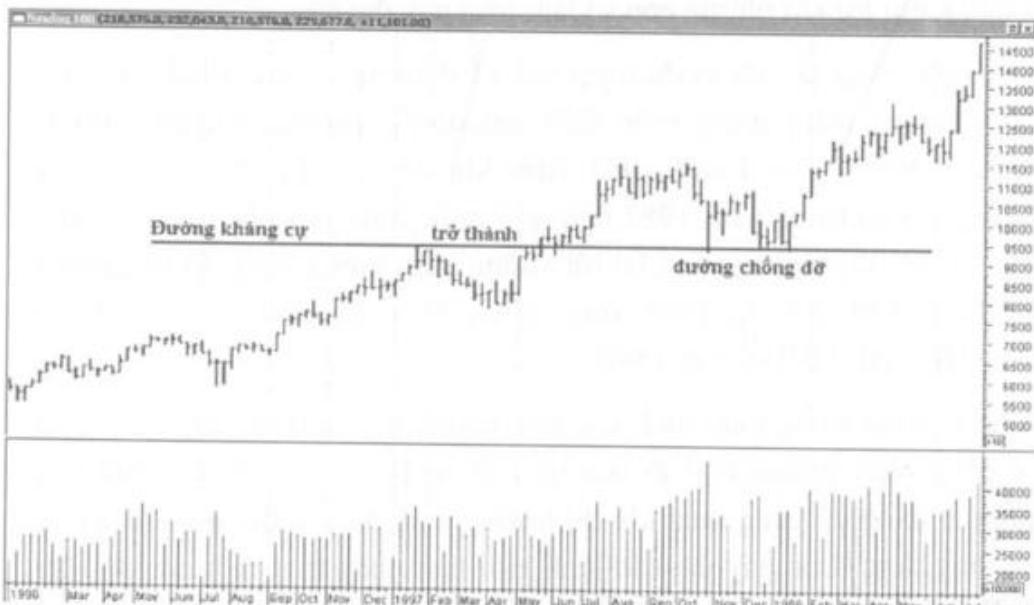


Như đã đề cập trước đây, khoảng cách các dịch chuyển của giá so với mức chống đỡ hoặc mức kháng cự làm tăng mức độ quan trọng của mức chống đỡ hoặc kháng cự này. Điều này đặc biệt đúng khi mức chống đỡ và kháng cự bị phá vỡ và hoán đổi vai trò cho nhau. Ví dụ, người ta cho rằng mức chống đỡ và kháng cự chỉ hoán đổi vai trò cho nhau sau khi một sự bứt phá đáng kể. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là xác định sự bứt phá đó là đáng kể hay không?. Có khá nhiều quan điểm liên quan ở đây trong việc quyết định một mức bứt phá là đáng kể hay không.

Hình 4.5b: Trong một xu hướng giảm, các mức chống đỡ trở thành các mức kháng cự.



Hình 4.5c: Sự đảo ngược vai trò đã xảy ra. Một khi đỉnh kháng cự ở đầu năm 1997 bị phá vỡ, nó sẽ trở thành mức chống đỡ. Một năm sau đó, xu hướng giá trung gian giảm tại mức chống đỡ, tại đó mức kháng cự trước đó trở thành mức chống đỡ mới.



Như một mức chuẩn, vài nhà phân tích đồ thị sử dụng một sự bứt phá 3% là một tiêu chuẩn, đặc biệt đối với mức chống đỡ và kháng cự chính. Vùng chống đỡ và kháng cự giai đoạn ngắn hạn hơn có lẽ sẽ yêu cầu một con số nhỏ hơn nhiều, khoảng 1%. Trong thực tế, mỗi nhà phân tích phải tự quyết định mức bứt phá nào là đáng kể. Tuy nhiên, cần thiết để ghi nhớ rằng, mức chống đỡ và kháng cự chỉ hoán đổi vai trò cho nhau khi thị trường dịch chuyển dù xa để thuyết phục những người tham gia thị trường rằng họ đã làm một điều sai lầm. Thị trường dịch chuyển càng xa, họ càng bị thuyết phục.

Tầm quan trọng của các con số làm tròn như mức chống đỡ và kháng cự

Ở đây có xu hướng sử dụng những con số làm tròn để dừng việc tăng hoặc giảm giá. Các nhà giao dịch có khuynh hướng nghĩ về các con số làm tròn quan trọng như 10, 20, 25, 50, 75, 100 (và bội số của 1.000), như là các mục tiêu giá và hành động theo các con số đó. Do vậy, những con số làm tròn này thường đóng vai trò như là các mức chống đỡ hoặc kháng cự “tâm lý”. Một nhà giao dịch có thể sử dụng thông tin này để bắt đầu kiểm lời khi những con số làm tròn này đạt đến.

Thị trường vàng là một ví dụ tuyệt vời về điều này. Năm 1982 mức đáy của thị trường giảm xuống mức 300\$, sau đó thị trường phục hồi chỉ vừa vượt trên 500\$ ở quý I năm 1983 trước khi rơi xuống còn 400\$. Một sự gia tăng trở lại trong năm 1987 ngừng ở mức 500\$ một lần nữa. Từ năm 1990 - 1997, thị trường vàng lại rớt xuống khỏi mức chống đỡ để phá vỡ mức 400\$. Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones đã chỉ ra một xu hướng chặn lại ở bội số của 1.000.

Một ứng dụng trong giao dịch của tiêu chuẩn này là tránh đặt lệnh giao dịch đúng ngay những con số làm tròn rõ ràng này. Ví dụ, nếu một nhà giao dịch đang cố gắng mua khi thị trường ngắn hạn giáng chấn lát trong xu hướng tăng. Lúc này đặt các lệnh giới hạn ngay trên một con số làm tròn là việc làm khôn ngoan. Bởi vì những người khác đang cố gắng để

mua tại con số làm tròn này, thị trường có thể không bao giờ đạt tới nơi đó. Các nhà giao dịch đang xem xét để bán khi giá tăng chốc lát nên đặt một lệnh ngừng bán ngay dưới những số lượng chẵn. Điều ngược lại sẽ là đúng khi đặt lệnh dừng phòng ngừa trên vị thế hiện tại. Như một qui luật chung, tránh đặt lệnh dừng phòng ngừa ở các con số làm tròn rõ ràng.

Nói cách khác, mức dừng bảo vệ ở vị thế mua nên được đặt dưới con số làm tròn và ở vị thế bán thì nên đặt trên những con số đó. Xu hướng thoái lui của thị trường đối với những con số làm tròn và đặc biệt những con số làm tròn quan trọng hơn đã được đề cập đến là một trong những đặc trưng kỳ lạ của thị trường mà nó có thể chứng tỏ sự hữu ích nhất trong giao dịch và nên được ghi nhớ bởi những nhà giao dịch kỹ thuật.

Đường xu hướng

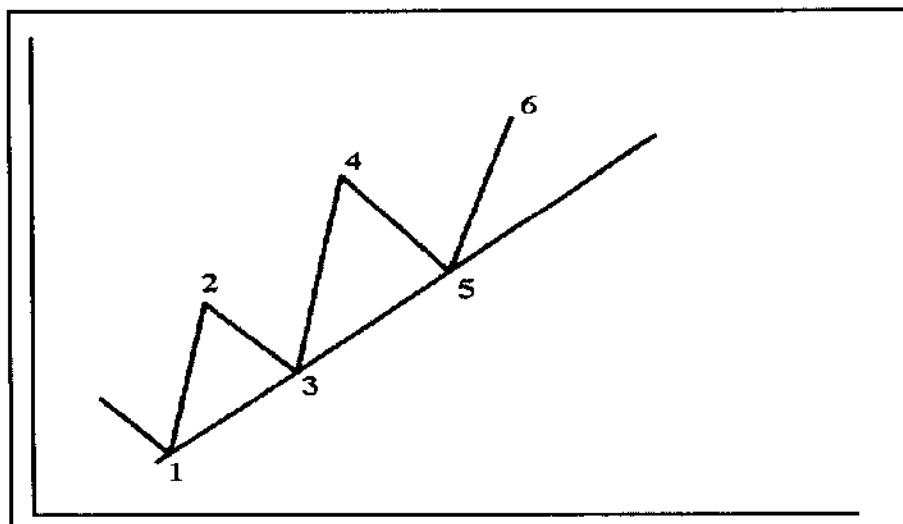
Bây giờ khi chúng ta đã hiểu về mức chống đỡ và kháng cự, chúng ta hãy bổ sung thêm những nền tảng cơ sở khác vào kho công cụ kỹ thuật của chúng ta – đó là đường xu hướng (hình 4.6a đến 4.6c). Đường xu hướng cơ bản là một trong những công cụ kỹ thuật đơn giản nhất được sử dụng bởi những nhà phân tích kỹ thuật, nhưng cũng là một trong những công cụ giá trị nhất. Một đường xu hướng tăng là một đường thẳng được vẽ hướng lên phía phải nối dọc theo các đáy như được thể hiện bởi một đường liên tục ở hình 4.6a. Một đường xu hướng giảm được vẽ dốc xuống phía bên phải dọc theo các đỉnh như hình 4.6b.

Vẽ một đường xu hướng

Vẽ đúng các đường xu hướng là một trò chơi rút thăm giống như nhiều khía cạnh khác của việc vẽ đồ thị và việc thử nghiệm với các đường khác nhau luôn là cần thiết để tìm ra một đường xu hướng đúng. Đôi khi một xu hướng trông có vẻ đúng có thể phải vẽ lại. Tuy vậy, ở đây có vài gợi ý hữu ích trong việc tìm ra đường xu hướng đúng đó.

86 Phân tích kỹ thuật

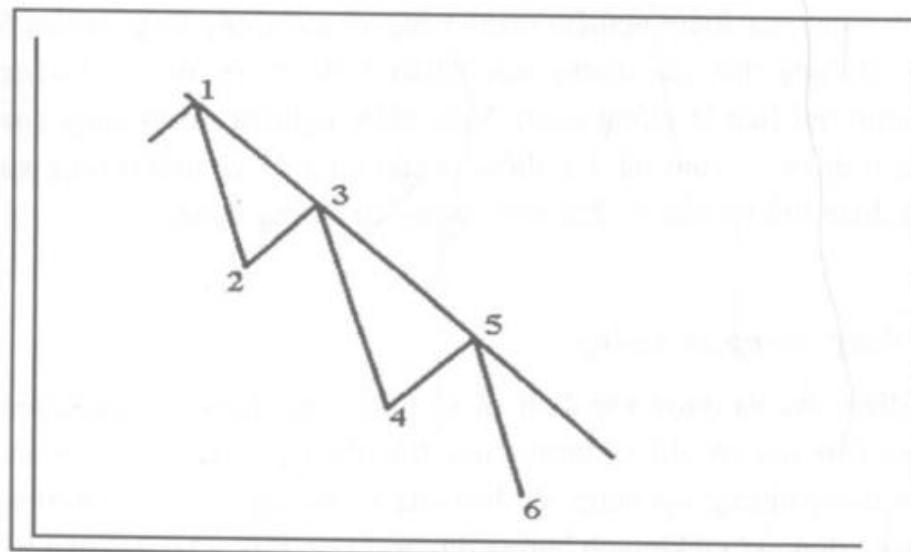
Hình 4.6a: Ví dụ về một đường xu hướng tăng. Đường xu hướng tăng được vẽ bên dưới các mức đáy gia tăng. Đường xu hướng thăm dò được vẽ đầu tiên bên dưới hai đáy cao hơn hoàn thành (1 và 3), nhưng cần một sự kiểm nghiệm thứ ba để xác nhận sự đúng đắn của đường xu hướng (điểm 5).



Trước hết, phải có chứng cứ của một xu hướng. Điều này nghĩa là, khi một xu hướng đi lên được vẽ, phải có ít nhất 2 đáy với đáy thứ 2 cao hơn đáy thứ nhất. Dĩ nhiên, luôn luôn lấy 2 điểm để vẽ một đường thẳng. Ví dụ, trong hình 4.6a, chỉ sau khi giá bắt đầu dịch chuyển cao hơn từ điểm 3 nhà phân tích đồ thị mới tin chắc rằng một đáy được hình thành, và sau đó chỉ có thể vẽ một đường xu hướng đi lên tạm thời từ điểm 1 và 3.

Một vài nhà phân tích đồ thị yêu cầu định tại điểm 2 phải được phá vỡ để xác nhận một xu hướng tăng trước khi vẽ xu hướng. Những người khác chỉ yêu cầu một sự thoái lùi 50% của sóng 2-3, hoặc giá đạt đến đỉnh của sóng 2. Cho dù tiêu chuẩn có thể khác nhau, nhưng điểm chính để nhớ là những nhà phân tích đồ thị muốn chắc chắn rằng một đáy được hình thành trước khi xác định đáy có giá trị. Một khi hai đáy đi lên được xác định, một đường thẳng được vẽ nối 2 đáy, đi lên và sang phải.

Hình 4.6b: Một đường xu hướng giảm được vẽ ngang qua những mức đỉnh thấp hơn đã hoàn thành. Đường xu hướng giảm thăm dò cần hai điểm (điểm 1 và 3) để vẽ và một sự kiểm nghiệm thứ ba (điểm 5) để xác nhận sự đúng đắn của nó.



Hình 4.6c: Hoạt động của một đường xu hướng tăng dài hạn.



Dường xu hướng thăm dò so với đường xu hướng đúng

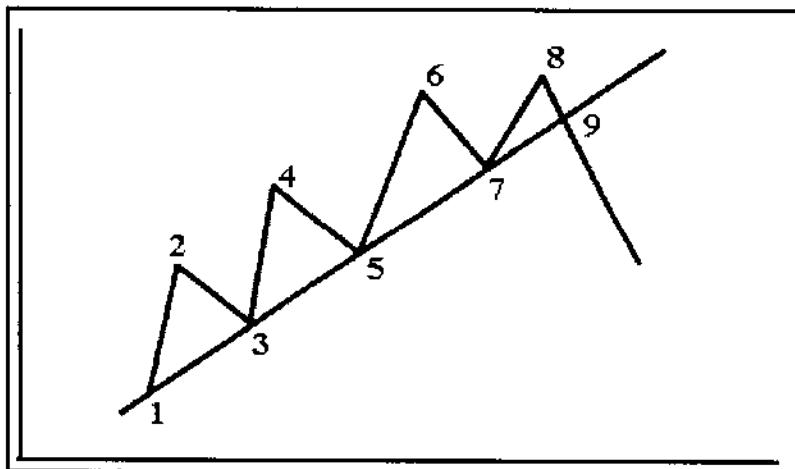
Cho tới giờ, tất cả những gì chúng ta có là một đường xu hướng thăm dò. Tuy nhiên, để xác định sự đúng đắn của một đường xu hướng, đường này nên được xem xét lần thứ ba với giá dao động vượt khỏi nó. Do vậy, trong hình 4.6a, việc kiểm nghiệm thành công về xu hướng tăng ở điểm 5 xác định sự đúng đắn của đường này. Hình 4.6b chỉ ra một xu hướng giảm, nhưng qui luật là giống nhau. Việc kiểm nghiệm thành công của xu hướng ở điểm 5. Tóm lại, hai điểm là cần thiết để vẽ một đường xu hướng và điểm thứ ba đưa nó đến một đường xu hướng đúng.

Cách sử dụng đường xu hướng

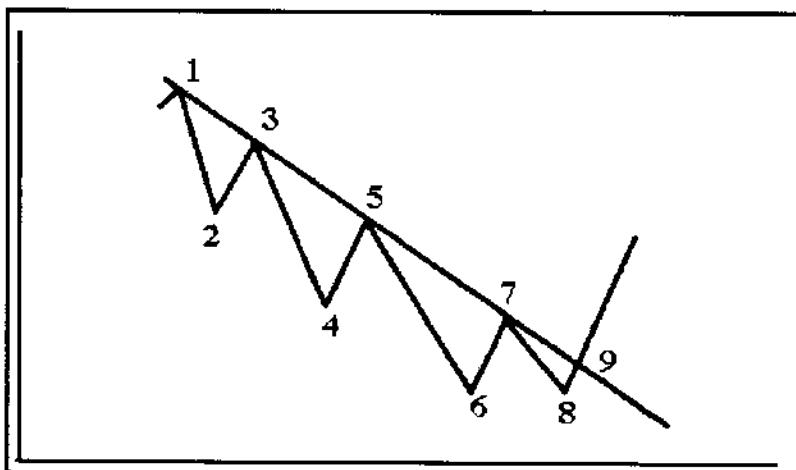
Mỗi khi điểm thứ ba được xác định và xu hướng bắt nguồn trong chiều hướng ban đầu của nó, thì xu hướng này trở nên rất có ích trong nhiều cách. Một trong những nội dung căn bản của xu hướng là một xu hướng đang chuyển động sẽ có khuynh hướng duy trì trong tương lai. Hệ quả là, khi mà một xu hướng già định một độ dốc hoặc tốc độ nào đó như được xác định bởi đường xu hướng, nó sẽ luôn duy trì độ dốc đó. Tiếp theo, một đường xu hướng không chỉ giúp chúng ta quyết định giới hạn của các giai đoạn hiệu chỉnh, thậm chí quan trọng hơn nó nói cho chúng ta biết khi nào xu hướng này thay đổi.

Ví dụ, trong một xu hướng đi lên, sự giảm giá hiệu chỉnh không thể tránh khỏi sẽ thường tiếp xúc hoặc tiến đến rất gần đường xu hướng lên. Bởi vì ý định của các nhà giao dịch là mua ở mức giá giảm khi xu hướng đi lên, đường xu hướng này cung cấp một ranh giới chống đỡ dưới thị trường mà nó có thể được sử dụng như là vùng mua. Một đường xu hướng giảm có thể được sử dụng như một vùng kháng cự cho mục đích bán (xem hình 4.7a và 4.7b).

Hình 4.7a: Một khi đường xu hướng tăng đã được hình thành, đáy sau gần với đường xu hướng có thể được sử dụng như là vùng mua. Điểm 5 và 7 trong ví dụ này có thể được sử dụng để tăng vị thế mua. Sự bứt phá của đường xu hướng tại điểm 9 được xem là điểm thanh khoản tất cả các vị thế mua bởi tín hiệu của một sự đảo ngược xu hướng giảm.



Hình 4.7b: Điểm 5 và 7 có thể được sử dụng như là những vùng bán. Sự bứt phá của đường xu hướng tại điểm 9 là tín hiệu của sự đảo ngược xu hướng tăng.



90 Phân tích kỹ thuật

Chứng nào mà đường xu hướng chưa bị phá vỡ, nó có thể được sử dụng để quyết định vùng mua và vùng bán. Tuy nhiên, ở điểm 9 trong hình 4.7a và 4.7b, việc phá vỡ đường xu hướng báo hiệu một sự thay đổi xu hướng, báo hiệu sự thanh khoản tất cả các vị thế trong chiều hướng của xu hướng trước đó. Thông thường, việc phá vỡ đường xu hướng là một trong những cảnh báo sớm tốt nhất về sự thay đổi trong xu hướng.

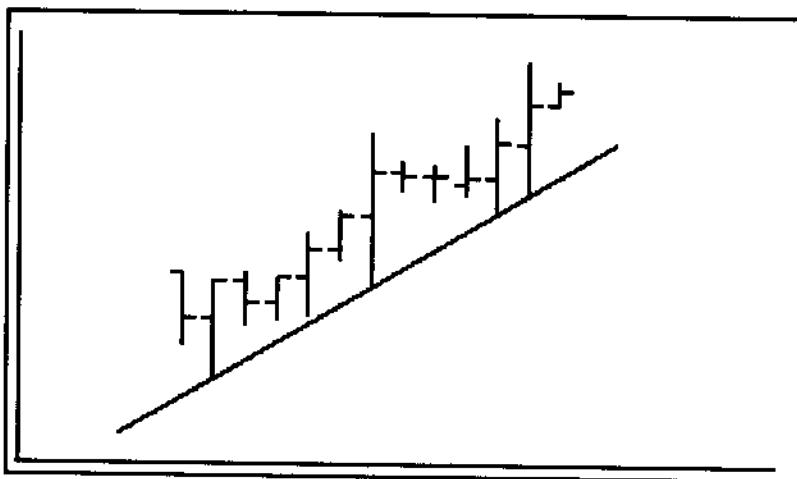
Làm thế nào để xác định mức độ quan trọng của một đường xu hướng

Chúng ta hãy thảo luận một vài sự chính yếu của đường xu hướng. Trước hết, điều gì quyết định tầm quan trọng của một đường xu hướng? Trả lời cho câu hỏi này gồm hai phần - độ dài của đường xu hướng và số lần nó được kiểm định. Ví dụ, một xu hướng được kiểm định thành công 8 lần, và tiếp tục chứng tỏ sự đúng đắn của nó, rõ ràng đường xu hướng này quan trọng hơn một đường xu hướng chỉ tiếp xúc được 3 lần. Còn nữa, một đường xu hướng có hiệu lực trong chín tháng thì có tầm quan trọng hơn đường xu hướng có hiệu lực trong 9 tuần hay 9 ngày. Một đường xu hướng càng có ý nghĩa, nó càng tạo ra một sự tin cậy và quan trọng hơn là sự phá vỡ nó.

Đường xu hướng nên bao gồm tất cả diễn biến của giá

Đường xu hướng trên đồ thị hình thanh nên được vẽ trên hoặc dưới toàn bộ phạm vi giá của ngày. Một vài nhà phân tích đồ thị chỉ thích vẽ đường xu hướng bằng cách chỉ nối các mức giá đóng cửa, nhưng điều này không phải là một thông lệ chuẩn. Giá đóng cửa có thể rất chính đáng vì nó là mức giá quan trọng nhất trong ngày, nhưng nó vẫn chỉ thể hiện một mẫu giá đại diện cho diễn biến trong ngày. Kỹ thuật đưa phạm vi giá của ngày vào xem xét tất cả các hoạt động của giá là cách được sử dụng thông thường hơn (xem hình 4.8).

Hình 4.8: Một đường xu hướng được vẽ đúng sẽ bao gồm toàn bộ phạm vi giao dịch trong ngày.



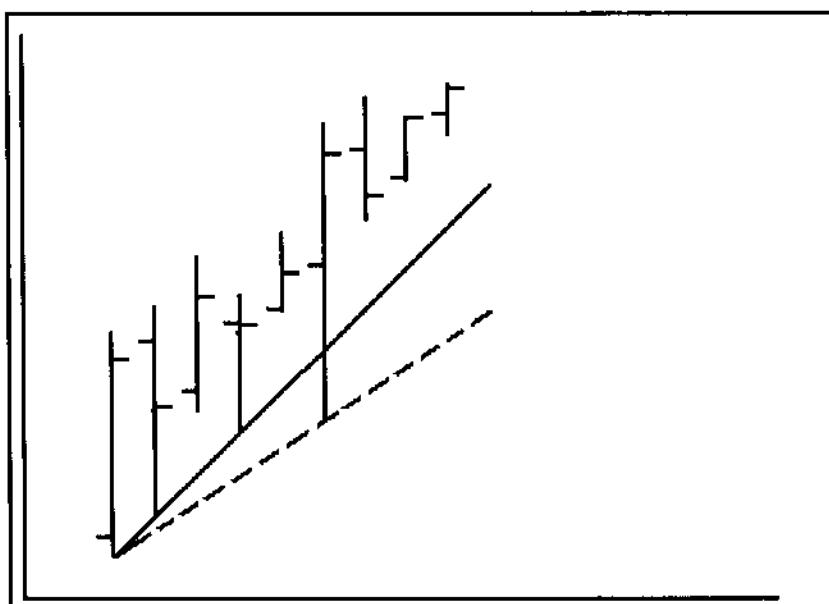
Cách xử lý sự phá vỡ nhỏ đường xu hướng

Đôi khi các mức giá sẽ phá vỡ một đường xu hướng trên cơ sở giao dịch trong ngày, nhưng sau đó giá đóng cửa nằm trong chiều hướng của xu hướng cũ, để lại cho nhà phân tích một vài nghi ngờ liệu có hay không đường xu hướng thật sự đã bị phá vỡ (xem hình 4.9). Hình 4.9 chỉ ra một tình huống như thế có thể xem xét. Giá giảm dưới đường xu hướng trong suốt ngày, nhưng giá đóng cửa quay trở lại trên đường xu hướng gốc. Đường xu hướng này có nên được vẽ lại hay không?

Đáng tiếc là không có một qui luật chắc chắn, nào để tuân theo trong tình huống này. Đôi khi tốt nhất là lờ đi sự vi phạm không đáng kể này, đặc biệt nếu hoạt động của thị trường tiếp theo sau đó chứng minh đường xu hướng gốc vẫn đúng.

92 Phân tích kỹ thuật

Hình 4.9: Đôi khi một sự vi phạm của một đường xu hướng trong ngày sẽ dẫn nhà phân tích đồ thị hoài nghi có hay không hoặc là đường xu hướng gốc vẫn có giá trị hoặc là đường xu hướng mới sẽ được vẽ. Một sự giải quyết ở đây là giữ đường xu hướng gốc, nhưng vẽ một đường xu hướng nét đứt mới.



Điều gì cấu thành nên sự phá vỡ đáng kể của đường xu hướng

Quy tắc chung là một mức giá đóng cửa vượt khỏi phạm vi đường xu hướng thì có ý nghĩa hơn chỉ một sự phá vỡ trong ngày. Tiềm thêm một bước nữa, thậm chí đôi khi sự phá vỡ của mức giá đóng cửa là không đủ. Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng nhiều phễu lọc giá và thời gian trong việc cố gắng để tách những sự phá vỡ xu hướng đáng kể và rút ra những tín hiệu nguy hại. Một ví dụ về phễu lọc giá là tiêu chuẩn vượt khỏi 3%. Phễu lọc giá này được sử dụng chủ yếu cho sự phá vỡ xu hướng dài hạn, nhưng đòi hỏi đường xu hướng bị phá vỡ bởi ít nhất 3%

trên cơ sở giá đóng cửa. (Quy tắc 3% không được áp dụng cho thị trường giao sau tài chính như là các thị trường lãi suất).

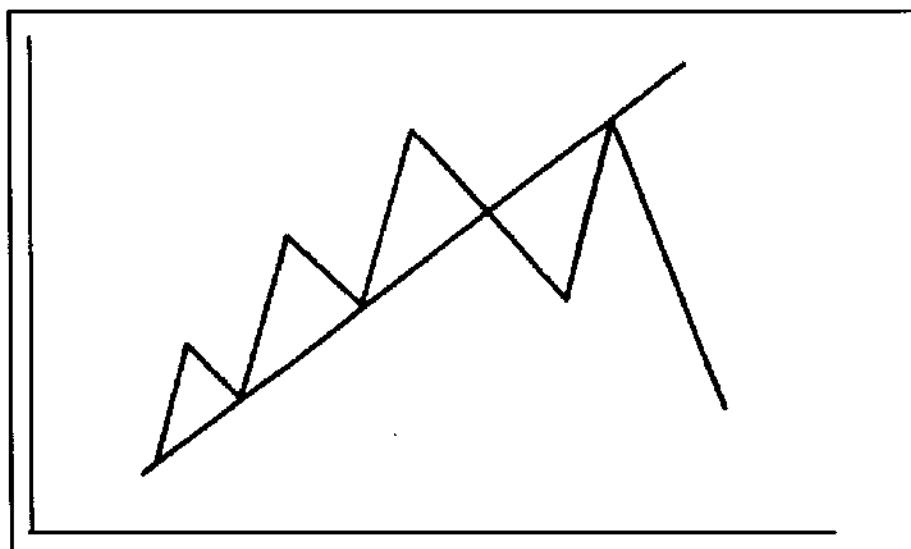
Ví dụ, nếu giá vàng phá vỡ xu hướng lên ở mức 400\$, giá đóng cửa phải nằm dưới đường này 3% so với mức giá nơi đường này bị phá vỡ (trong trường hợp này, giá đóng cửa thấp hơn đường xu hướng 12\$ hay ở mức 388\$). Rõ ràng, tiêu chuẩn vượt khỏi 12\$ sẽ không thích hợp cho giao dịch ngắn hạn. Có lẽ tiêu chuẩn 1% sẽ tốt hơn trong trường hợp như vậy. Nguyên tắc % chỉ đại diện cho một loại phễu lọc giá. Ví dụ, những nhà phân tích đồ thị cổ phiếu có thể yêu cầu một sự phá vỡ hoàn toàn và bỏ qua những sự chuyển động nhỏ bé. Có một sự đánh đổi liên quan đến việc sử dụng bất kỳ loại phễu lọc nào. Nếu phễu lọc quá nhỏ, nó sẽ không có ích trong việc làm giảm đi sự ảnh hưởng của những tín hiệu nhiễu. Nếu nó quá lớn, nhiều chuyển động ban đầu sẽ bị bỏ qua trước khi một dấu hiệu có giá trị được đưa ra. Ở đây, một lần nữa những nhà giao dịch phải quyết định loại phễu lọc nào là phù hợp nhất đối với mức độ xu hướng để theo đuổi, luôn luôn có thừa nhận sự khác biệt trong các thị trường khác nhau.

Một sự thay thế phễu lọc giá (đòi hỏi xu hướng bị phá vỡ bởi biên độ hoặc phần trăm giá định trước) là phễu lọc thời gian. Một phễu lọc thời gian thông dụng là quy tắc 2 ngày. Nói cách khác, để có sự phá vỡ đáng kể của một xu hướng, giá phải kết thúc vượt khỏi đường xu hướng 2 ngày liên tục. Do vậy, để phá vỡ một xu hướng đi lên, giá phải kết thúc dưới đường xu hướng 2 ngày liên tục. Sự phá vỡ một ngày sẽ không được tính. Nguyên tắc 1-3% và nguyên tắc 2 ngày không chỉ áp dụng cho đường xu hướng chính, mà cũng được áp dụng đối với việc phá vỡ mức chống đỡ và kháng cự quan trọng. Một phễu lọc khác yêu cầu giá đóng cửa ngày thứ 6 vượt khỏi điểm phá vỡ chính để đảm bảo một tín hiệu tuần.

Đường xu hướng hoán đổi vai trò như thế nào

Trước đây chúng ta đã đề cập mức chống đỡ và kháng cự trở nên hoán đổi cho nhau mỗi khi bị vi phạm. Tiêu chuẩn tương tự cũng đúng đối với đường xu hướng (xem hình 4.10a đến 4.10c). Nói cách khác, một xu hướng đi lên (một đường chống đỡ) sẽ luôn trở thành một đường kháng cự mỗi khi nó bị phá vỡ đáng kể. Một xu hướng đi xuống (đường kháng cự) thường sẽ trở thành một đường chống đỡ mỗi khi nó bị phá vỡ đáng kể. Điều này giải thích tại sao luôn là một ý tưởng hay để nghĩ rằng tất cả các đường xu hướng càng xa về phía phải trên đồ thị càng tốt thậm chí sau khi chúng đã bị phá vỡ. Điều ngạc nhiên là các xu hướng cũ hoán đổi vai trò như những đường chống đỡ và những đường kháng cự thường xuyên ra sao trong tương lai.

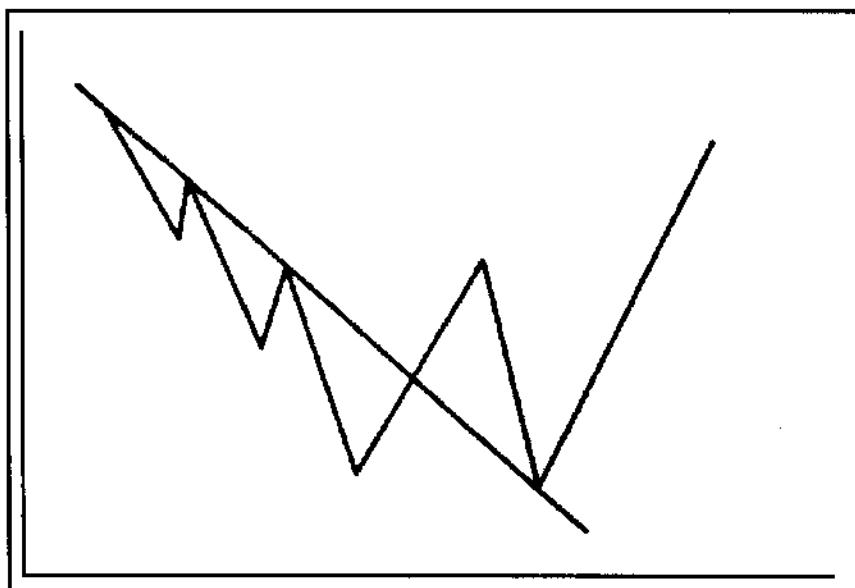
Hình 4.10a: Ví dụ về một đường chống đỡ trở thành đường kháng cự. Thông thường một đường chống đỡ sẽ có chức năng như là một đường kháng cự sau khi nó bị phá vỡ.



Đo lường những hàm ý của đường xu hướng

Đường xu hướng có thể được sử dụng để giúp xác định mục tiêu của giá. Chúng ta sẽ có nhiều thứ để nói về mục tiêu của giá trong 2 chương tiếp theo về mẫu hình giá. Thật ra, một số mục tiêu giá được rút ra từ những mẫu hình giá khác nhau thì tương tự với điều mà chúng ta sẽ xem xét ở đây với đường xu hướng. Nói ngắn gọn, một khi đường xu hướng bị phá vỡ, giá sẽ luôn dịch chuyển một khoảng cách vượt khỏi đường xu hướng bằng với khoảng cách thẳng đứng cao nhất mà giá đạt được trên phía còn lại của đường xu hướng, trước khi đường xu hướng đảo chiều.

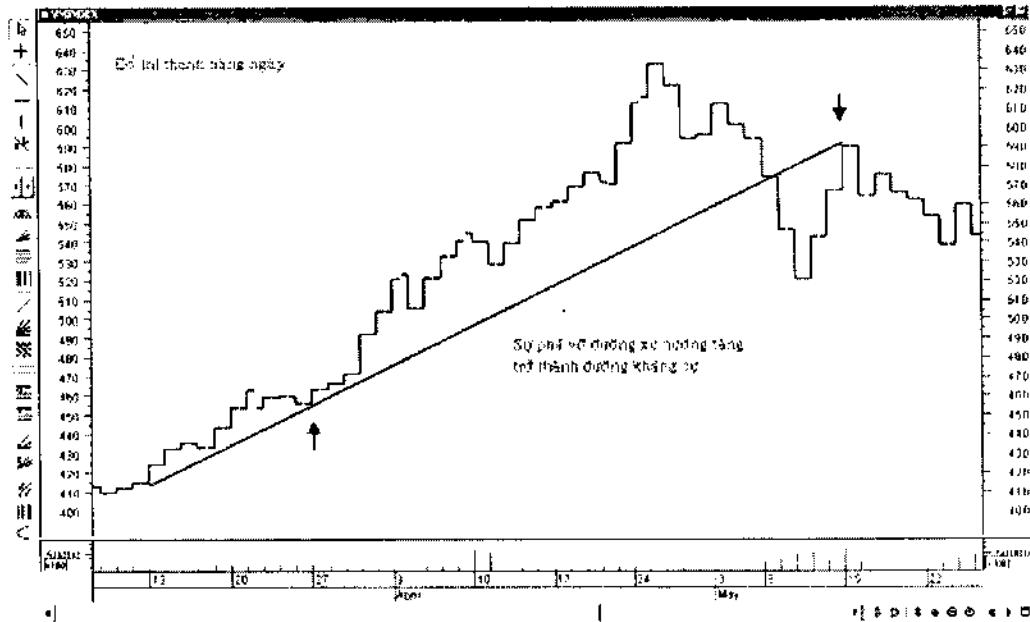
Hình 4.10b: Một đường xu hướng giảm thường trở thành một đường chổng đỡ, một khi nó bị phá vỡ trong một xu hướng lên.



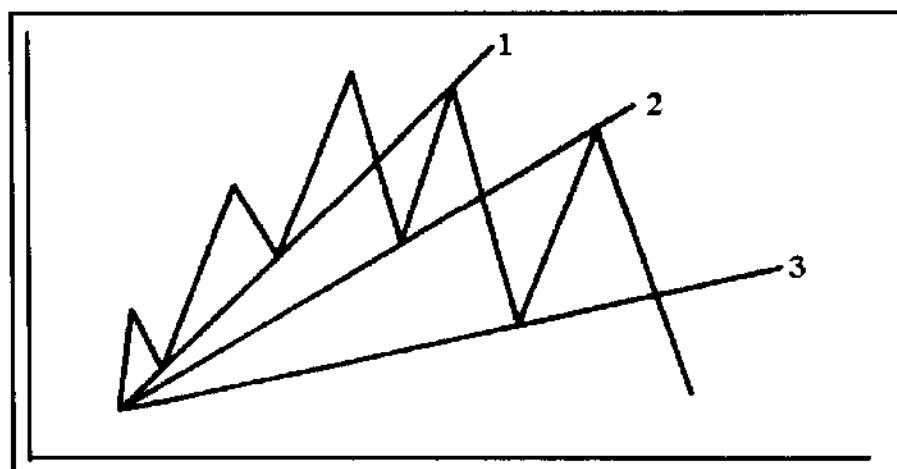
Nghĩa là, nếu trong một đường xu hướng đi lên, giá dịch chuyển lên 50\$ trên đường xu hướng di lên (đo thẳng đứng), thì giá được kỳ vọng sẽ giảm 50\$ tương tự dưới đường xu hướng sau khi nó bị phá vỡ. Ví dụ, trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ thấy rằng quy tắc đo lường này bằng cách sử dụng đường xu hướng thì tương tự quy tắc được sử dụng đối với mẫu hình đảo chiều đầu và vai nổi tiếng, ở đó khoảng cách từ đầu đến

“đường viền cổ - neckline” được dự kiến vượt ra ngoài xu hướng mỗi khi nó bị phá vỡ.

Hình 4.10c: Đường xu hướng cũng bị đảo ngược vai trò.



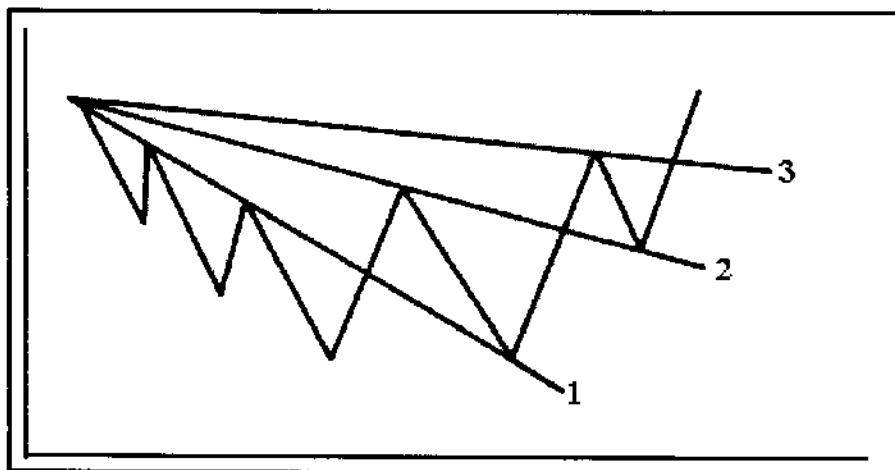
Hình 4.11a: Ví dụ về nguyên tắc hình quạt. Sự phá vỡ đường xu hướng thứ ba đưa ra tín hiệu sự đảo ngược của một đường xu hướng. Cũng chú ý rằng, đường xu hướng bị phá vỡ 1 và 2 thường trở thành đường kháng cự.



Nguyên tắc hình quạt

Phần này đưa chúng ta đến một cách sử dụng thú vị khác của đường xu hướng - Nguyên tắc hình quạt (xem hình 4.11a đến 4.11c). Đôi khi, sau sự phá vỡ một đường xu hướng đi lên, giá sẽ giảm một ít trước khi phục hồi trở lại đến mức đáy của đường xu hướng đi lên cũ (bây giờ là một đường kháng cự). Xem hình 4.11a, lưu ý giá phục hồi như thế nào khi chỉ mới rót xuống bứt phá đường 1. Một đường xu hướng thứ 2 (đường 2) bây giờ có thể được vẽ, và nó cũng bị phá vỡ. Sau một nỗ lực phục hồi bị thất bại khác, một đường xu hướng thứ 3 được vẽ (đường 3). Sự phá vỡ đường xu hướng thứ 3 này thường là một dấu hiệu rằng giá tiến về mức thấp hơn.

Hình 4.11b: Ví dụ về nguyên tắc hình quạt tại mức đáy. Sự bứt phá của đường xu hướng thứ ba đưa ra tín hiệu sự đảo ngược xu hướng tăng. Các đường xu hướng bị phá vỡ trước đó thường trở thành các mức chống đỡ.



Trong hình 4.11b, sự phá vỡ đường xu hướng đi xuống thứ 3 tạo nên một dấu hiệu về một xu hướng đi lên mới. Trong những ví dụ này chú ý về cách thức các đường chống đỡ bị phá vỡ trước đó trở thành đường kháng cự và các đường kháng cự trở thành đường chống đỡ. Thuật ngữ “nguyên tắc hình quạt” rút ra từ việc xuất hiện các đường xu hướng trải ra dần dần

98 Phân tích kỹ thuật

và tương tự một cái quạt. Điểm quan trọng cần nhớ ở đây là sự phá vỡ đường thứ 3 là tín hiệu đảo chiều xu hướng có giá trị.

Hình 4.11c: Những đường quạt được vẽ dọc theo các đỉnh hình thành như đã thể hiện trong đồ thị. Sự bứt phá của đường quạt thứ ba thường đưa ra tín hiệu bắt đầu xu hướng tăng.



Tầm quan trọng của con số ba

Trong việc xem xét ba đường xu hướng ở nguyên tắc hình quạt, điều thú vị cần lưu ý là số lần con số ba hiện ra trong các nghiên cứu của những nhà phân tích kỹ thuật và vai trò quan trọng mà nó đảm nhiệm trong nhiều phương pháp kỹ thuật khác. Ví dụ, nguyên tắc hình quạt sử dụng ba đường xu hướng, thị trường tăng và giảm chính luôn có ba giai đoạn (lý thuyết Dow và lý thuyết sóng Elliott); có ba loại khoảng trống giá (được xem xét trong thời gian ngắn), một vài mẫu hình đảo chiều được

biết đến thông dụng như mẫu hình ba đỉnh, mẫu hình đầu và vai cũng có ba đỉnh. Có ba cách phân loại khác nhau của xu hướng (chính, thứ cấp, dịch chuyển nhỏ) và ba chiều xu hướng (tăng, giảm và dịch chuyển ngang). Trong số những mẫu hình được chấp nhận chung, có ba loại mẫu hình tam giác - đối xứng, đi lên và đi xuống; có ba nguồn thông tin cơ bản: giá, khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng. Dù lý do gì đi chăng nữa, thì con số 3 đóng vai trò rất nổi bật suốt toàn bộ lĩnh vực phân tích kỹ thuật.

Độ dốc tương đối của đường xu hướng

Độ dốc tương đối của đường xu hướng cũng quan trọng. Nhìn chung, các đường xu hướng lên có ý nghĩa nhất có khuynh hướng xấp xỉ một độ dốc trung bình 45 độ. Vài nhà phân tích đồ thị đơn giản vẽ một đường 45 độ trên đồ thị từ điểm cao nhất hoặc thấp nhất và sử dụng nó như một đường xu hướng chính. Đường 45 độ là một trong những kỹ thuật được ủng hộ bởi W.D Gann. Những đường như thế phản ánh một trạng thái nơi giá đang tăng hoặc giảm với mức độ mà giá và thời gian trong trạng thái cân bằng hoàn toàn.

Nếu một đường xu hướng quá dốc (xem đường 1 ở hình 4.12), nó luôn chứng tỏ rằng giá đang tăng quá nhanh và đường dốc hiện tại sẽ không thể duy trì. Sự phá vỡ đường xu hướng quá dốc này có thể chỉ là một sự điều chỉnh để trở về một độ dốc có thể chấp nhận hơn gần với đường 45 độ (đường 2). Nếu một đường xu hướng quá phẳng (xem đường 3), nó có thể chứng tỏ rằng xu hướng đi lên là quá yếu và không được tin tưởng.

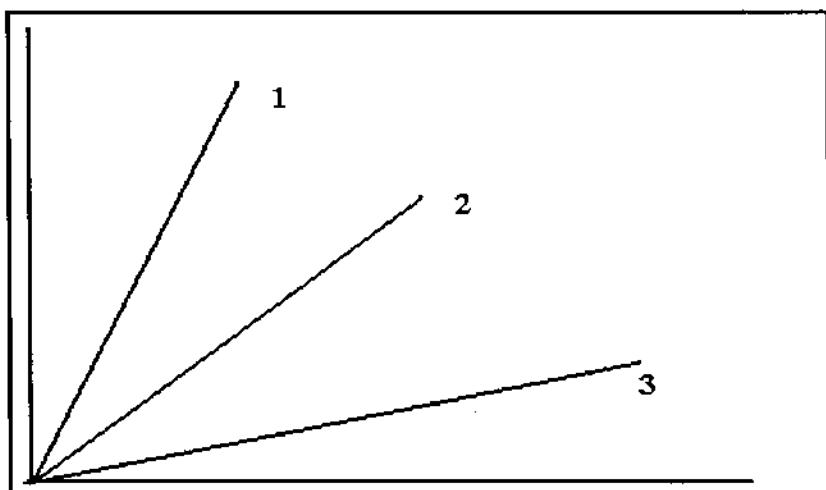
Điều chỉnh đường xu hướng như thế nào

Dôi khi các đường xu hướng phải được điều chỉnh để phù hợp với một xu hướng tăng hoặc giảm. (xem hình 4.13 và hình 4.14a và b). Ví dụ, đã trình bày trong trường hợp trước, nếu một đường xu hướng quá dốc bị

100 Phân tích kỹ thuật

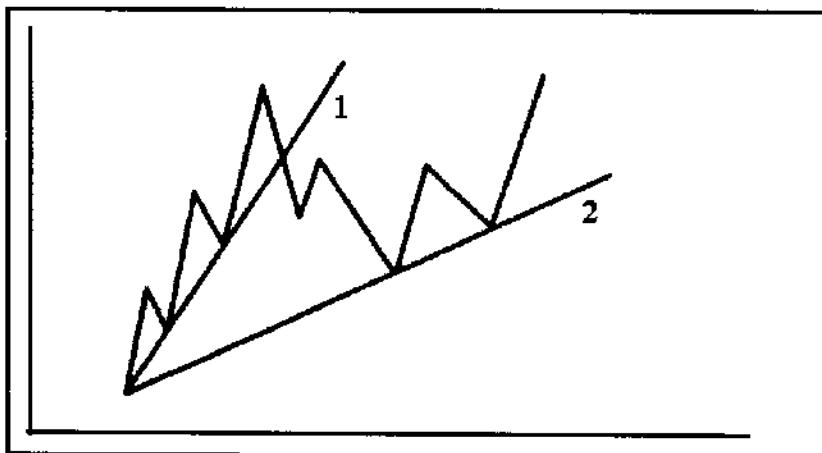
phá vỡ, một đường xu hướng ít dốc hơn có thể được vẽ ra. Nếu đường xu hướng gốc là quá phẳng, nó có thể phải được vẽ lại ở gốc dốc hơn. Hình 4.13a trình bày trường hợp nơi sự phá vỡ đường xu hướng dốc hơn (đường 1) đòi hỏi phải vẽ một đường xu hướng chậm hơn (đường 2).

Hình 4.12: Phần lớn đường xu hướng đáng tin cậy nằm gần đường có độ dốc 45 độ (xem đường 2). Nếu đường xu hướng quá dốc (đường 1), nó thường chỉ ra rằng tỷ lệ của độ dốc là không chống đỡ. Một đường xu hướng quá phẳng (đường 3) ám chỉ rằng xu hướng tăng thì quá yếu và có thể bị hoài nghi. Nhiều nhà phân tích kỹ thuật sử dụng đường 45 độ từ những đỉnh hoặc đáy trước đó như là đường xu hướng chính.

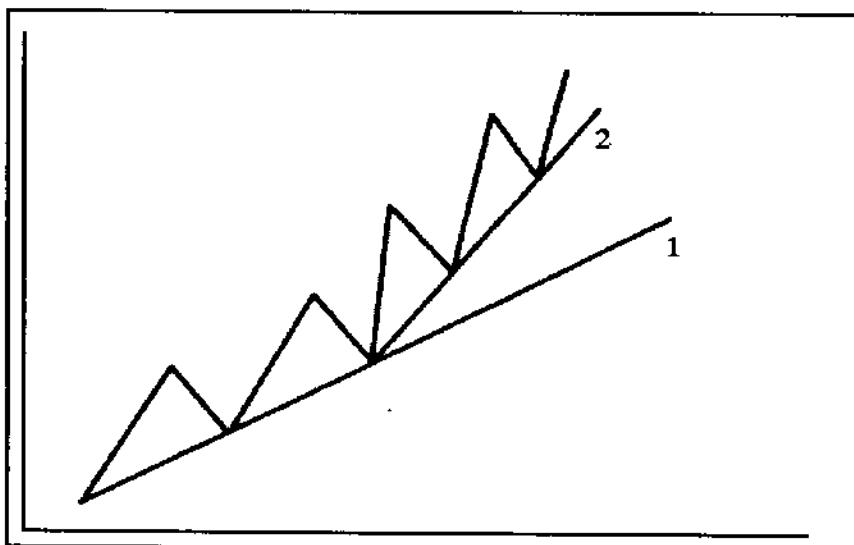


Trong hình 4.14a, đường xu hướng gốc (đường 1) quá phẳng và phải được vẽ lại với một gốc dốc hơn (đường 2). Xu hướng đi lên này tăng nhanh hơn nên yêu cầu một đường dốc hơn. Một đường xu hướng mà nó quá xa hoạt động của giá rõ ràng là ít hữu dụng trong việc theo dõi xu hướng.

Hình 4.13: Ví dụ về một đường xu hướng quá dốc (đường 1). Đường xu hướng tăng ban đầu là quá dốc. Thường sự phá vỡ một đường xu hướng dốc chỉ là một sự điều chỉnh để làm chậm lại đường xu hướng tăng (đường 2).



Hình 4.14a: Ví dụ về một đường xu hướng quá phẳng (đường 1). Đường 1 ra có độ dốc thấp khi đường xu hướng tăng nhanh hơn. Trong trường hợp này, một đường xu hướng thứ hai có độ dốc cao hơn (đường 2) nên được vẽ lại để mô phỏng sát hơn xu hướng tăng.



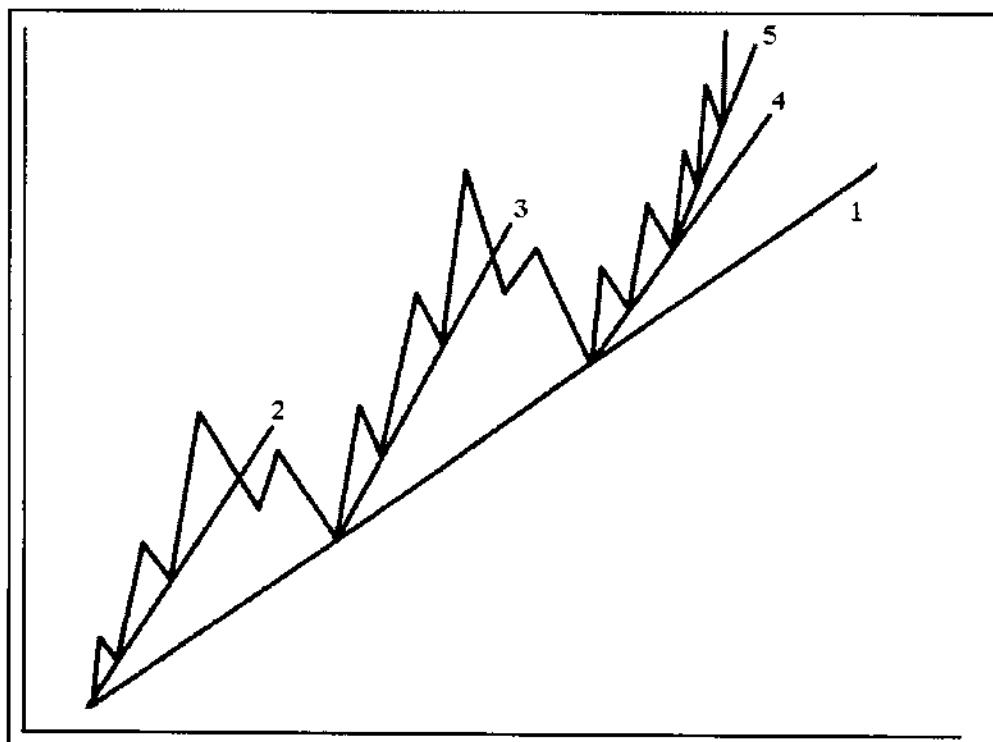
Hình 4.14b: Một xu hướng tăng nhanh hơn yêu cầu vẽ lại với đường xu hướng dốc hơn như thể hiện trong đồ thị này.



Trong trường hợp một xu hướng tăng nhanh hơn, đôi khi nhiều đường xu hướng có thể phải được vẽ với các gốc dốc hơn tăng dần. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của chúng tôi, nơi các đường xu hướng dốc hơn trở nên cần thiết, tốt nhất là sử dụng một công cụ khác – trung bình di động – giống như một đường xu hướng cong. Một trong những thuận lợi của việc sử dụng nhiều loại công cụ kỹ thuật khác nhau là có thể chọn được công cụ thích hợp nhất cho một tình huống được đưa ra. Tất cả những kỹ thuật trình bày trong quyển sách này có thể tốt trong tình huống nào đó, nhưng lại không hiệu quả trong những tình huống khác. Bằng việc có một kho các công cụ để sử dụng, nhà phân tích đồ thị có thể nhanh chóng chuyển từ một công cụ này đến một công cụ khác tốt hơn trong tình huống đã cho. Một xu hướng tăng nhanh hơn là một trong các trường hợp mà ở đó công cụ trung bình di động sẽ hữu ích hơn một chuỗi các đường xu hướng dốc hơn.

Có nhiều mức độ khác nhau của xu hướng có hiệu lực ở bất kỳ một thời gian nào, vì vậy ở đây cần thiết có nhiều đường xu hướng khác nhau để đo lường nhiều loại xu hướng này. Ví dụ, một đường xu hướng đi lên chính sẽ nối các điểm đáy của xu hướng lên chính, trong khi một đường ngắn hơn và nhạy cảm hơn có thể được sử dụng cho khuynh hướng trung gian. Một đường thậm chí ngắn hơn có thể đo lường những dịch chuyển ngắn hạn (xem hình 4.15).

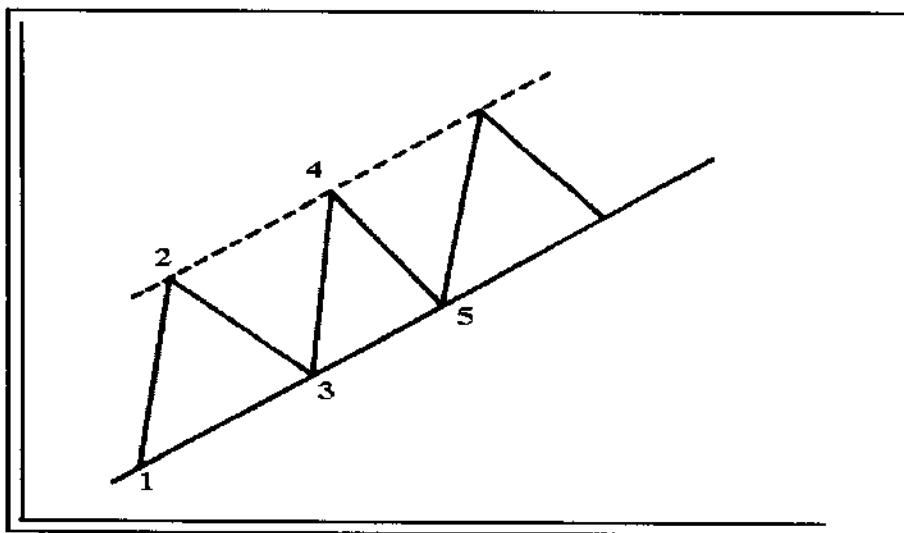
Hình 4.15: Các đường xu hướng khác nhau thường được sử dụng để xác định các mức độ khác nhau của xu hướng. Đường 1 trong ví dụ trên là đường xu hướng đi lên chính, xác định một xu hướng tăng chính. Đường 2, 3, 4 xác định xu hướng tăng trung gian. Cuối cùng đường 5 xác định xu hướng tăng ngắn hạn trong một xu hướng tăng trung gian sau cùng. Các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng nhiều đường khác nhau trong cùng một đồ thị.



Đường kênh giá

Đường kênh giá hoặc đôi khi được gọi là đường trở lại là một sự biến thể hữu ích khác của kỹ thuật đường xu hướng. Đôi khi giá có khuynh hướng dịch chuyển giữa 2 đường song song – đường xu hướng cơ bản và đường kênh giá. Rõ ràng khi điều này đúng và khi nhà phân tích nhận ra một đường kênh giá tồn tại, thì sự hiểu biết về đường này có thể được sử dụng để đem lại lợi nhuận.

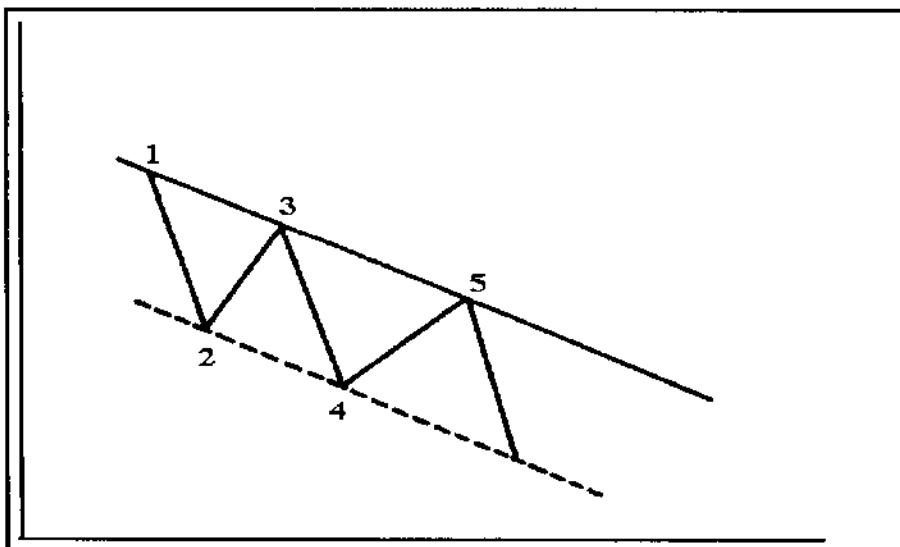
Hình 4.16a: Ví dụ về một kênh xu hướng. Một khi đường xu hướng tăng cơ bản được vẽ (các điểm đáy 1 và 3) một đường kênh giá là đường ngắt quãng có thể được phỏng theo định đầu tiên tại 2, đường này song song với đường xu hướng tăng cơ bản.



Vẽ một đường kênh thì tương đối đơn giản. Trong một xu hướng đi lên (xem hình 4.16a), đầu tiên là vẽ một đường xu hướng đi lên cơ bản dọc theo các điểm đáy. Sau đó vẽ một đường ngắt quãng từ đỉnh đầu tiên (đỉnh 2), đường này sẽ song song với đường xu hướng lên cơ bản. Cả 2 đường dịch chuyển đi lên và sang phải, hình thành một kênh giá. Nếu đỉnh tiếp theo đạt đến và giảm trở lại từ đường kênh giá (điểm 4), thì một kênh giá có thể tồn tại. Tiếp theo, nếu giá rót trở lại đường xu hướng cơ

bản (diễn 5), thì hầu như chắc chắn một kênh giá tồn tại. Cũng tương tự đối với xu hướng giảm (hình 4.16b) nhưng dĩ nhiên trong chiều hướng ngược lại.

Hình 4.16b: Một đường kênh xu hướng trong một xu hướng giảm. Đường kênh giá được phỏng theo đường xu hướng giảm từ đáy đầu tiên tại điểm 2, song song với đường xu hướng giảm dọc theo các đỉnh 1 và 3. Các mức giá sẽ thường duy trì trong phạm vi đường kênh xu hướng.



Độc giả sẽ nhìn thấy ngay lập tức giá trị của những trường hợp như thế này. Một đường xu hướng đi lên cơ bản có thể được sử dụng để bắt đầu của vị thế mua mới. Đường kênh giá có thể được sử dụng cho việc kiểm lợi nhuận ngắn hạn. Các nhà giao dịch liều lĩnh hơn thậm chí có thể sử dụng đường kênh giá để bắt đầu một vị thế bán hướng ngược lại, mặc dù giao dịch ở chiều hướng đối ngược với xu hướng hiện hành có thể là một chiến thuật nguy hiểm và luôn luôn trả giá đắt. Như trường hợp của đường xu hướng cơ bản, một đường kênh giá duy trì càng lâu không bị vi phạm và được kiểm định tính đúng đắn càng nhiều lần, thì càng trở nên có ý nghĩa và được tin tưởng.

Hình 4.16c: Chú ý rằng các mức giá biến động giữa hai đường kênh song song trên và dưới.

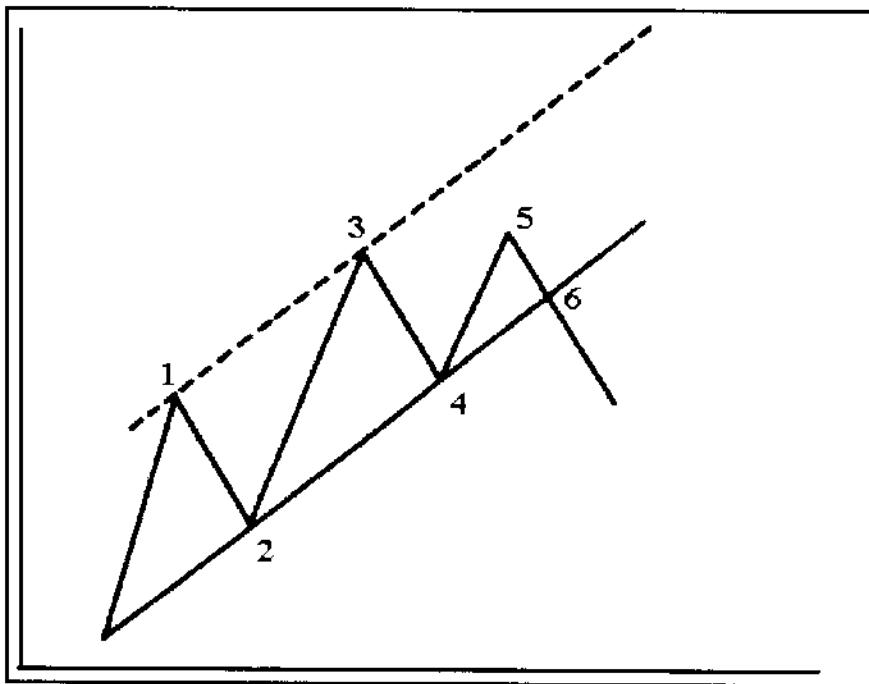


Việc phá vỡ đường xu hướng chính báo hiệu một sự thay đổi quan trọng trong xu hướng. Nhưng sự phá vỡ một đường kênh giá đi lên có ý nghĩa ngược lại và báo hiệu một sự gia tăng của xu hướng đang tồn tại. Một vài nhà giao dịch xem việc giá vượt qua đường phía trên trong xu hướng tăng như một lý do để tăng thêm vị thế mua.

Một cách khác để sử dụng kỹ thuật đường kênh giá là phát hiện những sự thất bại trong việc tiến đến đường kênh giá, thường là tín hiệu của một đường xu hướng yếu. Trong hình 4.17, sự thất bại của giá trong việc tiến đến đỉnh của đường kênh giá (điểm 5) có thể là một cảnh báo sớm rằng xu hướng đang đổi chiều và gia tăng khả năng đường còn lại (đường xu hướng cơ bản) sẽ bị phá vỡ. Như một qui luật chung, sự thất bại của bất kỳ chuyển động trong phạm vi đường kênh giá đã được thiết lập trong việc tiến đến một phía của đường kênh giá luôn báo hiệu rằng xu hướng

đang thay đổi và gia tăng khả năng phía còn lại của đường kênh giá sẽ bị phá vỡ.

Hình 4.17: Sự thất bại để đạt đến giới hạn trên của đường kênh giá thường là một cảnh báo sớm đường thấp hơn sẽ bị bứt phá. Chú ý rằng sự thất bại để đạt được đường phía trên tại điểm 5 được theo sau bởi sự bứt phá của đường xu hướng tăng cơ bản tại điểm 6.

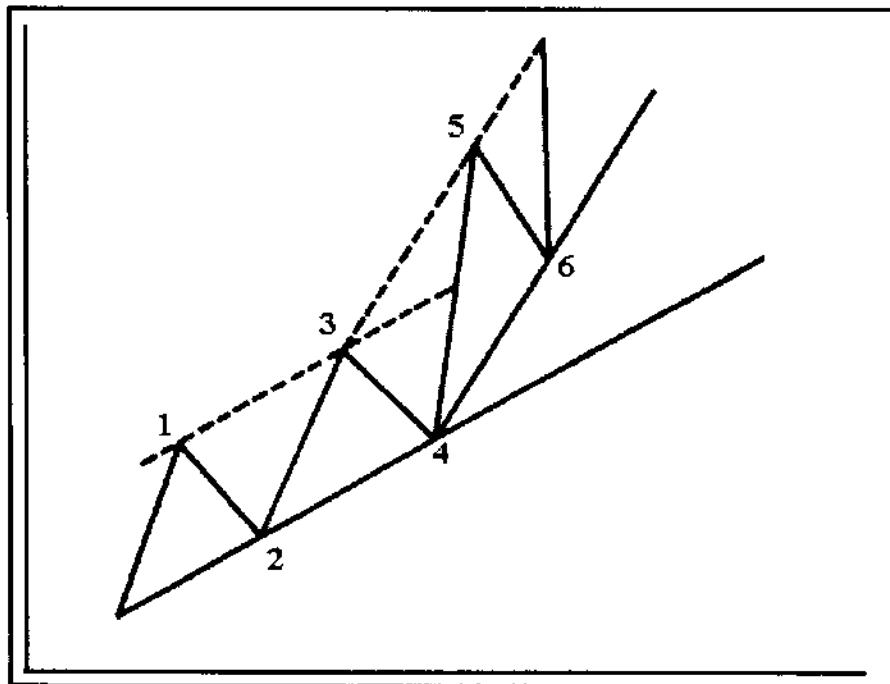


Đường kênh giá cũng có thể được sử dụng để điều chỉnh đường xu hướng cơ bản (xem hình 4.18 và 4.19). Nếu giá dịch chuyển phía trên đường kênh giá đã dự kiến với lượng đáng kể, nó luôn chứng tỏ có một xu hướng mạnh hơn. Khi ấy một vài nhà phân tích đồ thị sẽ vẽ một đường xu hướng đi lên cơ bản dốc hơn từ điểm đáy cuối cùng song song với đường kênh giá mới (như minh họa trong hình 4.18). Thông thường, đường ch่อง dỡ mới dốc hơn này hoạt động tốt hơn đường cũ. Tương tự, sự thất bại của một xu hướng đi lên trong việc tiến đến giới hạn trên của một kênh giá biện hộ cho việc vẽ một đường ch่อง dỡ mới từ điểm đáy

108 Phân tích kỹ thuật

cuối cùng song song với đường kháng cự mới ngang qua hai đỉnh đã có. (xem hình 4.19).

Hình 4.18: Khi đường kênh giá cao hơn bị phá vỡ (như trong sóng 5), nhiều nhà tạo lập đồ thị sẽ vẽ lại đường xu hướng tăng cơ bản song song với đường kênh giá cao hơn. nói cách khác, đường 4-6 vẽ song song với đường 3-5.

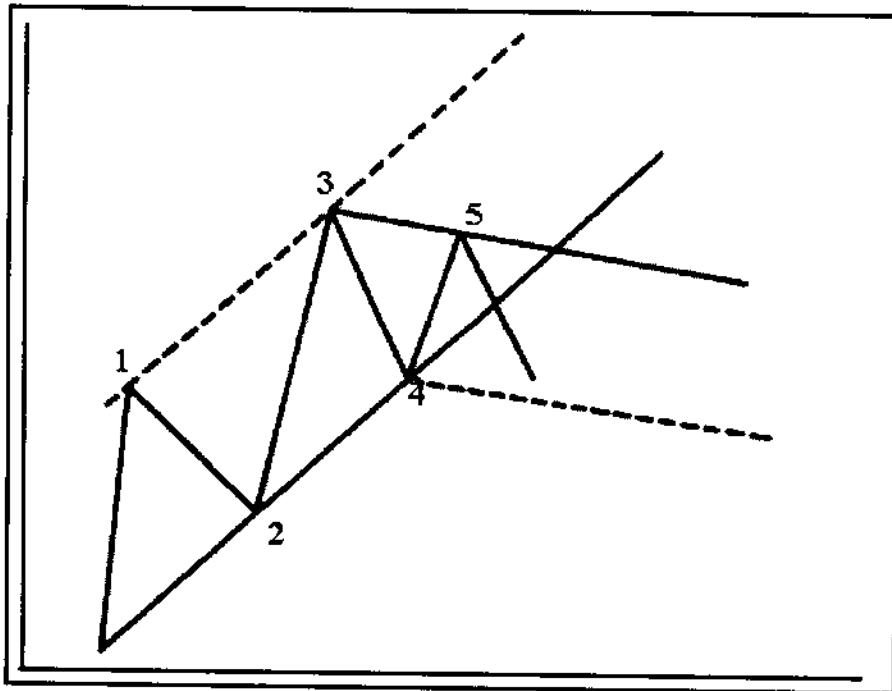


Các đường kênh giá có hàm ý đo lường. Mỗi khi một sự phá vỡ xảy ra cho một kênh giá đang tồn tại, giá luôn dịch chuyển một khoảng bằng với độ rộng của kênh giá. Do đó, người sử dụng đơn giản phải đo lường độ rộng của kênh giá và sau đó dự kiến mức độ giá đạt đến từ điểm mà tại đó một trong hai đường xu hướng bị phá vỡ.

Tuy nhiên, nên luôn ghi nhớ rằng trong hai đường, đường xu hướng cơ bản quan trọng hơn và đáng tin cậy hơn. Đường kênh giá có giá trị thứ yếu trong kỹ thuật đường xu hướng. Nhưng giá trị đường kênh giá

thường đủ để chứng tỏ vị thế của nó trong hành trang công cụ của nhà phân tích đồ thị.

Hình 4.19: Khi giá không đạt đến giới hạn trên của đường kênh giá. Đường xu hướng giảm được vẽ ngang qua hai đỉnh giảm dần (3 và 5), một đường kênh giá thăm dò có thể được vẽ từ đáy tại điểm 4 song song với đường 3-5.



Phản trăm sự thoái lùi

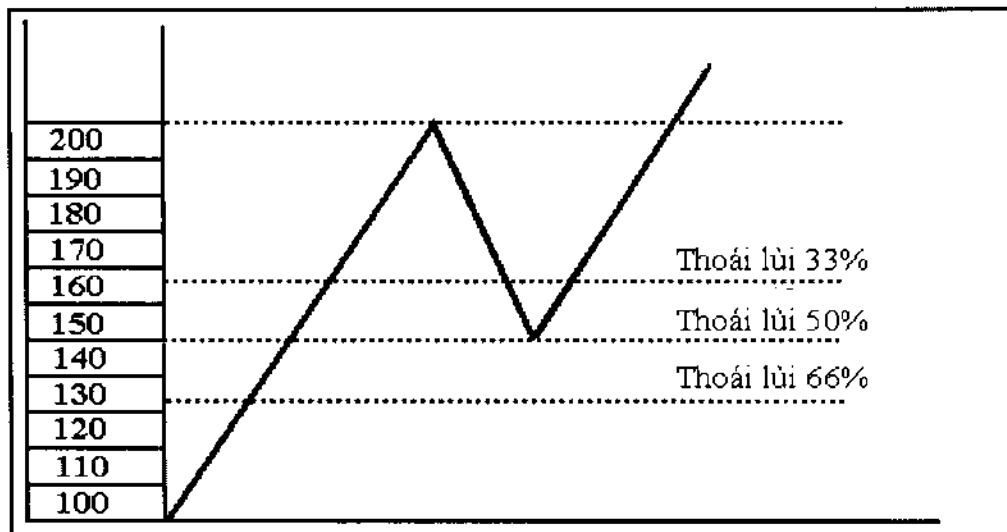
Trong tất cả những ví dụ trước của xu hướng đi lên và đi xuống, người đọc không hề chú ý rằng sau khi thị trường chuyển dịch, giá trở lại một phần theo xu hướng trước đó trước khi tiếp tục dịch chuyển theo chiều hướng chính. Sự dịch chuyển xu hướng ngược lại này có khuynh hướng theo những tham số tỷ lệ có thể dự đoán nào đó. Một ứng dụng được biết đến tốt nhất là sự thoái lùi 50%. Có nghĩa là, ví dụ, một thị trường đang có khuynh hướng lên cao hơn và dịch chuyển từ mức 100 đến mức 200.

110 Phân tích kỹ thuật

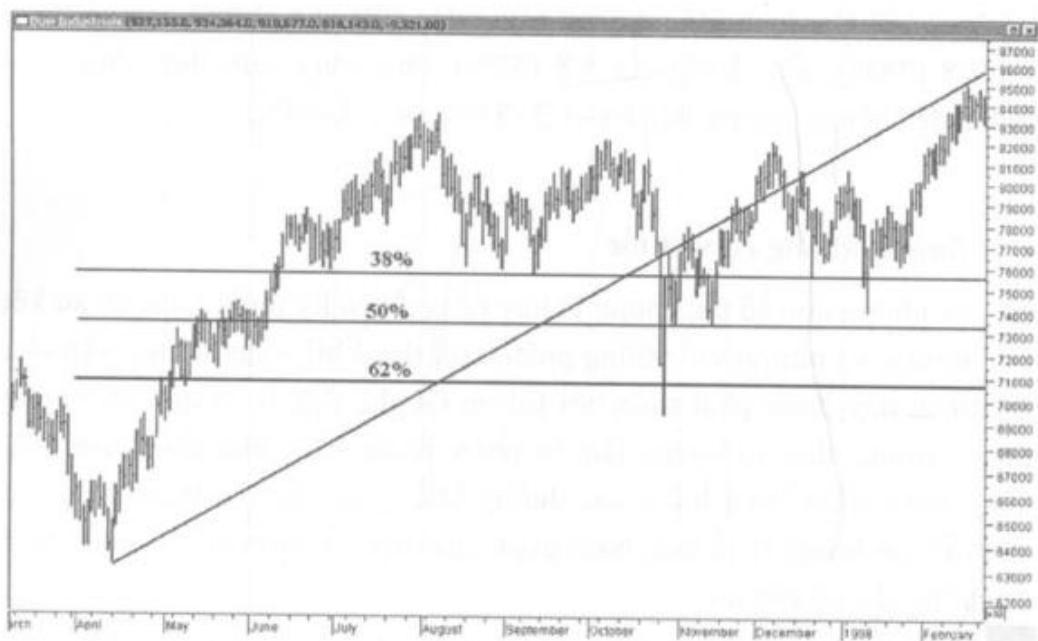
Rất thường xuyên, phản ứng sau là kéo giá lùi lại khoảng bằng một nửa của dịch chuyển trước đó, tức ở khoảng mức 150 trước khi đà đi lên đạt được trở lại. Đây là một xu hướng phổ biến của thị trường và xảy ra khá thường xuyên. Ngoài ra, phần trăm sự trở lại này có thể ứng dụng cho bất kỳ mức độ nào của xu hướng – chính, phản ứng thứ cấp, và dịch chuyển nhỏ.

Bên cạnh sự thoái lùi 50%, ở đây có các tham số tỷ lệ tối đa và tối thiểu được thừa nhận rộng rãi - sự thoái lùi hai phần ba và một phần ba. Nói cách khác, xu hướng của giá có thể chia làm ba phần. Thông thường, sự trở lại tối thiểu là khoảng 33% và tối đa là khoảng 66%. Điều này có nghĩa rằng, trong một sự hiệu chỉnh của một xu hướng mạnh, thị trường luôn trở lại xu hướng cũ ít nhất một phần ba của sự dịch chuyển trước đó. Đây là thông tin hữu ích vì một vài lý do. Nếu một nhà giao dịch đang chờ đợi vùng mua dưới giá thị trường, họ có thể chỉ tính toán một miền 33-50% trên đồ thị và sử dụng miền giá này như một khung chung cho sự tham khảo về cơ hội mua (xem hình 4.20a và 4.20b).

Hình 4.20a: Các mức giá thường thoái lùi khoảng một nửa xu hướng trước đó trước giả định theo hướng ban đầu. Ví dụ này thể hiện một sự thoái lùi 50%.



Hình 4.20b: Ba đường nằm ngang thể hiện các mức thoái lùi 38%, 50%, và 62%.



Tham số thoái lùi tối đa là 66%, trở thành một vùng tới hạn đặc biệt. Nếu xu hướng trước được duy trì, sự hiệu chỉnh phải ngừng ở mức 2/3. Tiếp theo, đây trở thành một vùng mua có rủi ro tương đối thấp trong xu hướng tăng và vùng bán trong xu hướng giảm. Nếu giá dịch chuyển vượt khỏi mức 2/3, khả năng thiên về một sự đảo chiều xu hướng hơn là chỉ một sự thoái lùi. Sau đó, sự dịch chuyển này luôn quay trở lại mức bằng toàn bộ 100% của xu hướng trước đó.

Bạn có thể phải lưu ý rằng ba tham số tỷ lệ thoái lùi chúng ta vừa đề cập – 50%, 33%, 66% – được lấy từ lý thuyết Dow. Khi chúng ta có lý thuyết sóng Elliott và các tỷ lệ Fibonacci, chúng ta sẽ thấy những người theo cách tiếp cận này sử dụng tỷ lệ thoái lùi là 38% và 62%. Tôi thích kết hợp cả hai cách tiếp cận để có một miền thoái lùi tối thiểu 33%- 38% và một miền tối đa 62%-66%. Một vài nhà kỹ thuật làm tròn những con số này hơn nữa để có một miền thoái lùi 40-60%.

112 Phân tích kỹ thuật

Các sinh viên của W.D.Gann đã nhận thức rằng ông ta chia cấu trúc xu hướng thành tám nhóm - 1/8, 2/8, 3/8, 4/8, 5/8, 6/8, 7/8, 8/8 - Tuy nhiên, ngay cả khi Gann cho là sự quan trọng đặc biệt của những con số thoái lùi 3/8 (38%), 4/8 (50%), và 5/8 (52%), ông cũng cảm thấy thật có ý nghĩa để chia xu hướng làm ba -1/3 (33%) và 2/3 (66%).

Các đường kháng cự vận tốc

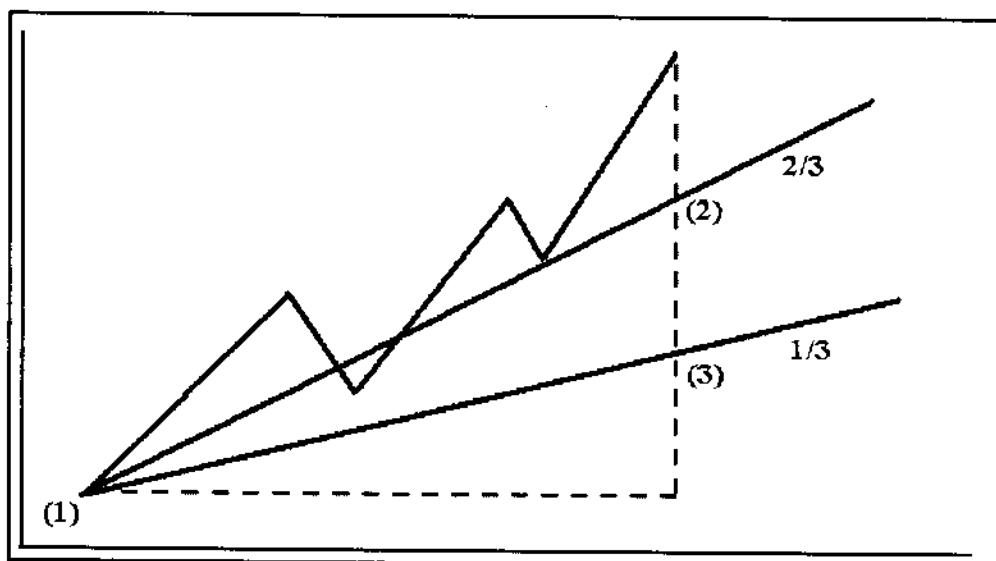
Nói về những con số ba, chúng ta hãy đề cập đến kỹ thuật khác có sự kết hợp đường xu hướng với những phần trăm thoái lùi – các đường vận tốc. Kỹ thuật này được phát triển bởi Edson Gould, thật ra là một sự phỏng theo ý tưởng chia xu hướng làm ba phần. Điểm khác biệt chính với khái niệm phần trăm thoái lùi là các đường kháng cự vận tốc (hay là đường vận tốc) đo lường tỷ lệ tăng hoặc giảm của một xu hướng (nói cách khác, đo lường tốc độ của nó).

Để xây dựng một đường vận tốc thị trường đầu cơ giá lên, tìm điểm cao nhất trên xu hướng đi lên hiện tại (xem hình 4.21a). Từ điểm cao nhất đó trên đồ thị, vẽ một đường thẳng đứng hướng về phần dưới cùng của đồ thị nơi xu hướng bắt đầu. Sau đó đường thẳng đứng này được chia làm ba phần. Tiếp theo, đường xu hướng được vẽ từ nơi bắt đầu của xu hướng xuyên qua hai điểm đã được đánh dấu trên đường thẳng đứng, tương ứng điểm 1/3 và 2/3. Trong một xu hướng giảm, chỉ cần đảo ngược quá trình. Đo lường khoảng cách thẳng đứng từ điểm thấp nhất trên xu hướng giảm đến nơi bắt đầu của xu hướng, và vẽ hai đường từ nơi bắt đầu của xu hướng xuyên qua điểm 1/3 và 2/3 trên đường thẳng đứng (xem hình 4.21a và 4.21b).

Mỗi khi một điểm cao mới được thiết lập ở xu hướng đi lên hoặc một mức thấp mới ở xu hướng đi xuống, một tập hợp các đường mới phải được vẽ (bởi vì bây giờ có một điểm cao mới hoặc một điểm thấp mới). Vì các đường vận tốc được vẽ từ nơi bắt đầu xu hướng đến điểm 1/3 và 2/3, nên những đường xu hướng này đôi khi có thể đi xuyên qua một vài

biến động của giá. Đây là một trường hợp các đường xu hướng được vẽ không dưới các đáy hoặc trên các đỉnh, mà thực sự xuyên qua hành động giá.

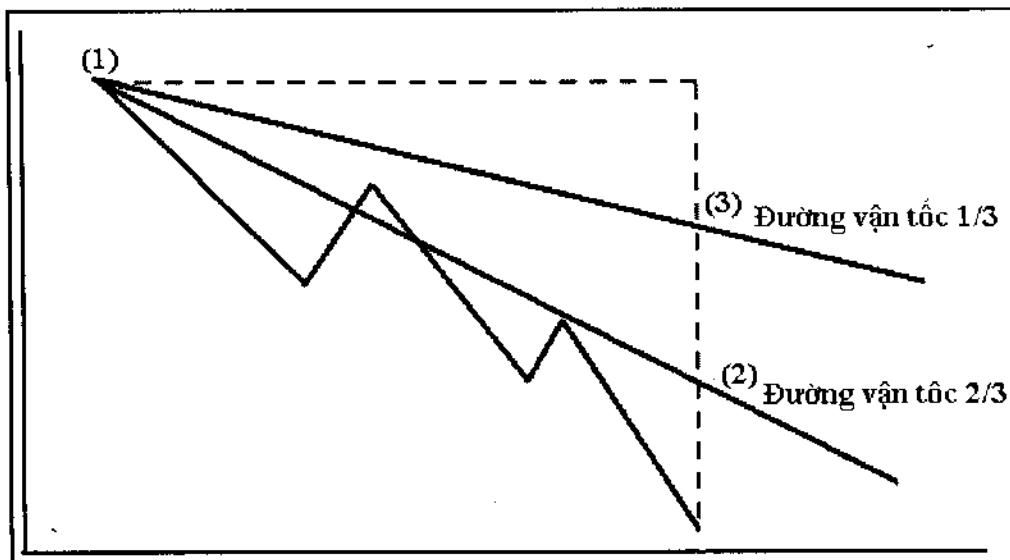
Hình 4.21a: Ví dụ về đường kháng cự vận tốc trong một xu hướng lên. Khoảng cách thẳng đứng từ đỉnh đến điểm bắt đầu xu hướng được chia thành ba. Sau đó, hai đường xu hướng được vẽ từ điểm 1 qua điểm 2 và 3. Đường trên là đường vận tốc $2/3$ và đường thấp hơn là $1/3$. Các đường này hoạt động như là đường chống đỡ trong suốt những sự kiện chỉnh thị trường.



Nếu một xu hướng đi lên đang trong quá trình hiệu chỉnh chính nó, sự hiệu chỉnh bên dưới sẽ luôn dừng lại ở đường vận tốc cao hơn (đường vận tốc $2/3$). Nếu không, giá sẽ rót đến đường vận tốc thấp hơn (đường vận tốc $1/3$). Nếu đường thấp hơn cũng bị phá vỡ, giá sẽ có khả năng tiếp tục con đường tiến đến điểm khởi đầu của xu hướng trước đó. Trong một xu hướng giảm, việc phá vỡ đường vận tốc thấp hơn chứng tỏ có khả năng giá phục hồi đến đường vận tốc cao hơn. Nếu đường này cũng bị phá vỡ, báo hiệu một sự tăng đến đỉnh của xu hướng trước đó.

114 Phân tích kỹ thuật

Hình 4.21b: Đường vận tốc trong một xu hướng giảm



Như tất cả các đường xu hướng, những đường vận tốc hoán đổi vai trò mỗi khi chúng bị phá vỡ. Do đó, trong suốt sự hiệu chỉnh của một xu hướng đi lên, nếu đường cao hơn (đường 2/3) bị phá vỡ và giá rớt đến đường 1/3 và tăng trở lại từ đó. Đường cao hơn này trở thành một hàng rào kháng cự. Chỉ khi đường cao hơn này bị phá vỡ sẽ là một dấu hiệu được đưa ra rằng các đỉnh cũ có khả năng sẽ bị vượt qua. Nguyên tắc tương tự cũng đúng trong xu hướng đi xuống.

Đường hình quạt Gann và Fibonacci

Phần mềm vẽ đồ thị cho phép chúng ta vẽ các đường hình quạt Gann và Fibonacci. Đường hình quạt Fibonacci được vẽ với hình dáng tương tự đường vận tốc đặc biệt là đường Fibonacci được vẽ ở góc 38% và 62%. (chúng ta sẽ giải thích con số 38% và 62% từ đâu đến trong chương 11 “Lý thuyết sóng Elliott”).

Các đường Gann (được đặt tên theo nhà kinh doanh hàng hóa huyền thoại, W.D.Gann) là những đường xu hướng vẽ từ các đỉnh hoặc đáy với

góc hình học cụ thể. Đường Gann quan trọng nhất được vẽ trong một xu hướng đi lên là ở góc $63\frac{3}{4}$ độ và góc 75 độ. Các đường Gann phẳng hơn được vẽ ở góc $26\frac{1}{4}$ và góc 15 độ. Có thể vẽ đến 9 đường Gann khác nhau.

Đường Fibonacci và Gann được sử dụng theo cách giống như đường vận tốc. Chúng có mục đích là cung cấp mức chống đỡ trong suốt sự hiệu chỉnh hướng xuống. Khi một đường bị phá vỡ, giá sẽ luôn giảm xuống đến đường thấp hơn tiếp theo. Các đường Gann đôi khi gây tranh cãi. Thậm chí nếu một trong chúng đang hoạt động, bạn không thể chắc chắn rằng nó sẽ là đường nào. Một số nhà phân tích đồ thị nghi ngờ đôi chút về tính hiệu lực của việc vẽ các đường xu hướng hình học.

Các đường xu hướng nội bộ

Có nhiều biến thể của đường xu hướng, những đường này không dựa vào các đỉnh và đáy xa nhất. Thay vào đó, các đường xu hướng nội bộ được vẽ đi qua biến động của giá và nối càng nhiều đỉnh hoặc đáy bên trong càng tốt. Một vài nhà phân tích đồ thị đánh giá cao loại xu hướng này và thấy chúng hữu ích. Tuy nhiên, vấn đề của đường xu hướng nội bộ là việc vẽ chúng rất chủ quan. Trong khi nguyên tắc vẽ các đường xu hướng truyền thống dọc theo các đỉnh và đáy xa nhất là chính xác hơn. (xem hình 4.21c)

Những ngày đảo chiều

Một nền tảng quan trọng khác là ngày đảo chiều. Sự hình thành đồ thị cụ thể đưa đến nhiều tên gọi – ngày đảo chiều đỉnh, ngày đảo chiều đáy, cao trào mua hoặc bán và ngày đảo chiều chính. Sự hình thành này bẩn thỉu nó thì không có tầm quan trọng lớn, nhưng được đưa vào trong bối cảnh các thông tin kỹ thuật khác, đôi khi nó rất có ý nghĩa. Trước hết chúng ta hãy định nghĩa ngày đảo chiều là gì.

Hình 4.21c: Đường xu hướng nội bộ được vẽ thông qua hành động giá kết nối những mức đỉnh và đáy có thể xảy ra.

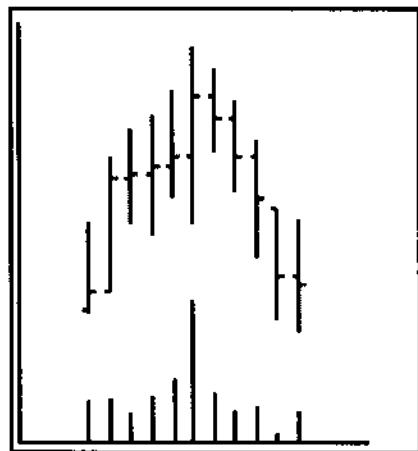


Một ngày đảo chiều xảy ra hoặc ở đỉnh hoặc ở đáy. Định nghĩa được chấp nhận chung của một ngày đảo chiều đỉnh là thiết lập một đỉnh mới trong một xu hướng đi lên, sau đó là một mức giá đóng cửa thấp hơn trong cùng ngày. Tức là, giá sẽ tạo một đỉnh mới cho chiều hướng đi lên sẵn có ở một vài điểm trong suốt ngày (thường ngay tại hoặc gần giá mở cửa) sau đó yếu dần đi và giá đóng cửa thực sự thấp hơn giá đóng cửa ngày hôm trước. Một ngày đảo chiều đáy sẽ tạo một đáy mới trong suốt ngày sau là một mức giá đóng cửa cao hơn giá đóng cửa ngày trước.

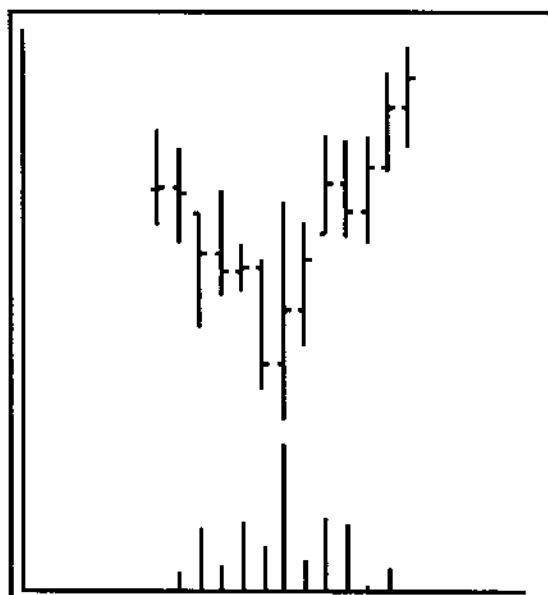
Phạm vi giá của ngày càng rộng và khối lượng giao dịch càng lớn thì tín hiệu đảo chiều xu hướng ngắn hạn càng đáng kể. Hình 4.22a và 4.22b chỉ ra cả giá và khối lượng trên đồ thị hình thanh. Lưu ý khối lượng giao dịch lớn hơn trong ngày đảo chiều. Cũng lưu ý rằng cả đỉnh và đáy trong ngày đảo chiều vượt quá phạm vi của ngày trước đó, hình thành một

ngày bên ngoài. Mặc dù một ngày bên ngoài không là một yêu cầu cho một ngày đảo chiều, nhưng nó thật sự có nhiều ý nghĩa (xem hình 4.22c).

Hình 4.22a: Ví dụ về một ngày đảo chiều đỉnh. Khối lượng gia tăng vào ngày đảo chiều và phạm vi rộng, nó trở nên quan trọng hơn.



Hình 4.22b: Ví dụ về ngày đảo chiều đáy. Nếu khối lượng đặc biệt gia tăng, những sự đảo chiều đáy thường ám chỉ như là những cao trào bán.



Một ngày đảo chiều đáy đôi khi được đề cập như cao trào mua. Điều này luôn là một sự quay lại kịch tính ở đáy của một xu hướng đi xuống nơi tất cả người mua đã nản lòng cuối cùng bị áp lực ra khỏi thị trường với khối lượng giao dịch lớn. Sự thiếu áp lực bán tiếp theo tạo ra một khoảng trống trên thị trường, nơi mà giá tăng lên nhanh chóng để điền vào. Cao trào bán là một trong những ví dụ kịch tính hơn của ngày đảo chiều và mặc dù không thể đánh dấu đáy cuối cùng của thị trường đang xuống, nhưng nó luôn báo hiệu rằng một đáy quan trọng được hình thành.

Hình 4.22c: Ví dụ về ngày đảo chiều tăng hoặc một cao trào bán.



Đảo chiều hàng tuần và hàng tháng

Loại mẫu hình đảo chiều này thể hiện trên đồ thị hình thanh hàng tuần và hàng tháng với ý nghĩa lớn hơn nhiều. Trên một đồ thị hàng tuần, mỗi thanh thể hiện phạm vi giá của toàn bộ tuần với giá đóng cửa được qui định là ngày thứ 6. Do đó, một sự đảo chiều hàng tuần xu hướng lên sẽ xuất hiện khi thị trường giao dịch thấp hơn trong suốt tuần, tạo ra một

đáy mới cho sự dịch chuyển, nhưng giá đóng cửa vào ngày thứ 6 cao hơn giá đóng cửa ngày thứ 6 tuần trước đó.

Những sự đảo chiều hàng tuần có ý nghĩa nhiều hơn các sự đảo chiều hàng ngày vì những lẽ hiển nhiên và được những nhà phân tích đồ thị xem xét kỹ lưỡng khi có tín hiệu các điểm đổi chiều quan trọng. Tương tự, những sự đảo chiều hàng tháng thậm chí quan trọng hơn.

Các khoảng trống giá

Các khoảng trống giá đơn giản là những vùng trên đồ thị hình thanh nơi mà không có giao dịch xảy ra. Ví dụ, trong một xu hướng lên, giá mở cửa cao hơn giá cao nhất của ngày hôm trước, để lại một khoảng trống giá hay mở ra một khoảng không trên đồ thị mà nó không được lấp kín trong ngày. Trong một xu hướng đi xuống, giá cao nhất của ngày thấp hơn mức giá ở đáy của ngày trước đó. Khoảng trống bên trên là dấu hiệu của thị trường mạnh lên, trong khi các khoảng trống bên dưới luôn là dấu hiệu của tình trạng yếu đi. Các khoảng trống có thể xuất hiện trên đồ thị hàng tuần và hàng tháng dài hạn và chúng luôn rất quan trọng. Nhưng chúng thường được thấy nhiều hơn trên đồ thị hàng ngày.

Nhiều sự tưởng tượng tồn tại liên quan đến việc làm sáng tỏ các khoảng trống. Một trong những châm ngôn thường nghe là “khoảng trống luôn luôn được lấp kín”. Điều này hoàn toàn không đúng. Một vài khoảng trống được lấp kín, những khoảng trống khác thì không. Chúng ta cũng sẽ thấy rằng các khoảng trống có những ngụ ý dự báo khác nhau phụ thuộc vào chúng là loại nào và chúng xuất hiện ở đâu.

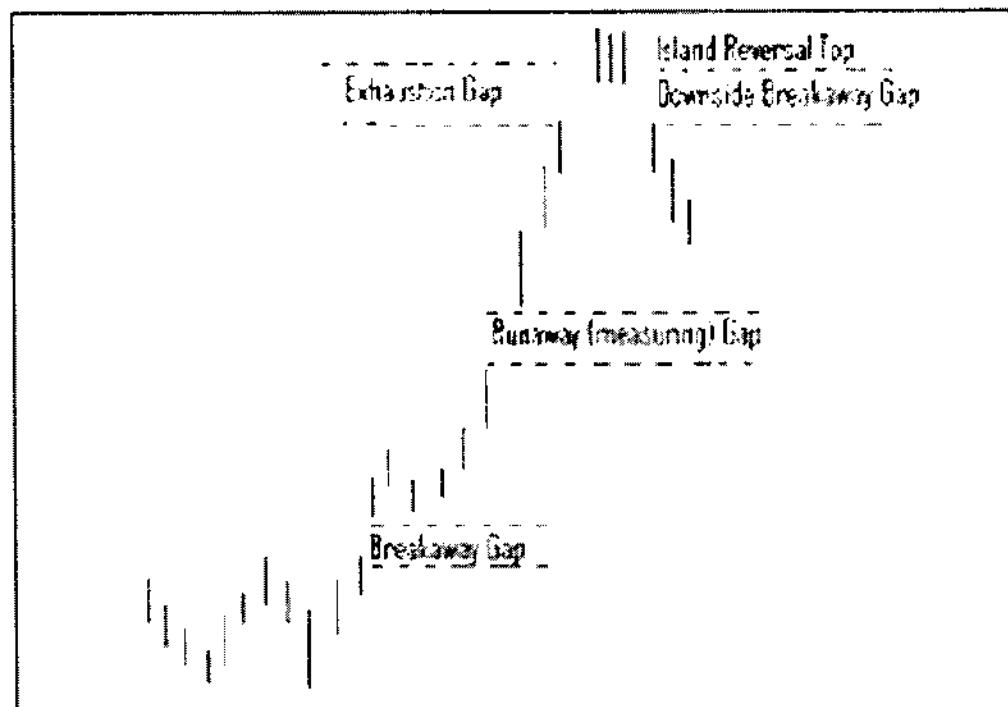
Ba loại khoảng trống

Có ba loại khoảng trống phổ biến – breakaway, runaway (hay measuring) và exhaustion.

120 Phân tích kỹ thuật

Khoảng trống breakaway. Khoảng trống breakaway luôn xuất hiện tại nơi hoàn thành một mẫu hình giá quan trọng và luôn báo hiệu bắt đầu của sự dịch chuyển thị trường đáng kể. Sau khi thị trường hoàn thành một mẫu hình giá quan trọng, việc phá vỡ đường kháng cự thường xuất hiện trên khoảng trống breakaway. Những sự bứt phá từ vùng đỉnh hoặc đáy này sinh nguyên nhân về loại khoảng trống này. Việc phá vỡ một đường xu hướng chính, tín hiệu một sự đảo chiều xu hướng, cũng có thể xem như một khoảng trống breakaway.

Hình 4.23a: Có ba loại khoảng trống. Khoảng trống breakaway thường xuất hiện khi hoàn tất một mẫu hình cơ bản. Khoảng trống runaway xảy ra tại điểm giữa. Một khoảng trống exhaustion giá lên, được theo sau (trong vòng một tuần) bởi khoảng trống breakaway giá xuống, phía trái là một đỉnh đảo chiều.



Three Types of Gap - Breakaway, Runaway and Exhaustion



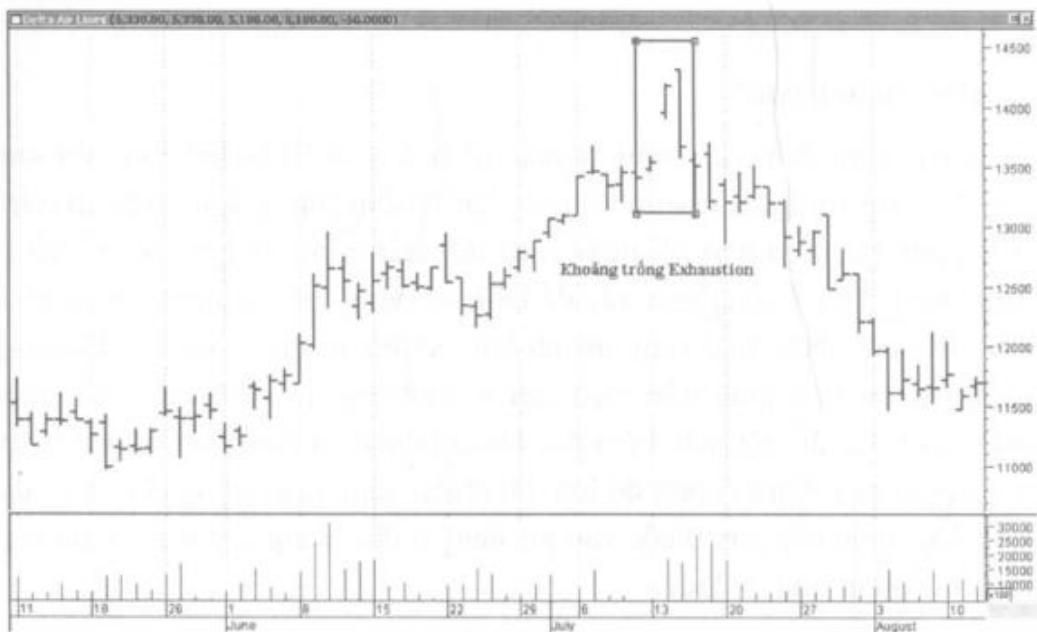
Khoảng trống breakaway rất hay xuất hiện với khối lượng giao dịch lớn. Thông thường, các khoảng trống breakaway không được lấp kín. Giá có thể quay trở lại giới hạn trên của khoảng trống (trong trường hợp sự bứt phá đi lên), và thậm chí có thể tới gần một phần của khoảng trống, nhưng vài phần của khoảng trống còn lại thường không được lấp kín. Như một nguyên tắc, khối lượng giao dịch càng lớn sau một khoảng trống như vậy xuất hiện, càng ít khả năng nó có thể được lấp kín. Các khoảng trống giá lên luôn hoạt động như các vùng chổng đỡ trong những hiệu chỉnh thị trường sau đó. Quan trọng là giá không rớt dưới các khoảng trống trong một xu hướng đi lên. Trong tất cả các trường hợp, một mức giá đóng cửa nằm dưới khoảng trống giá lên là một tín hiệu của tình trạng yếu đi (xem hình 4.23a và 4.23b).

Hình 4.23b: Hộp đầu tiên thể hiện một khoảng trống exhaustion gần với sự kết thúc đỉnh. Các mức giá giảm xuống khoảng trống báo hiệu một đỉnh. Hộp thứ hai là một khoảng trống runaway khoảng giữa của xu hướng giảm. Hộp thứ ba cũng là một khoảng trống exhaustion tại mức đáy. Sự dịch chuyển trở ngược lại khoảng trống này báo hiệu giá sẽ tăng lên.



Khoảng trống runaway hay measuring. Là một hay một chuỗi các khoảng trống giá mà nó xuất hiện ở khoảng điểm giữa của hướng dịch chuyển của xu hướng. Loại khoảng trống này thể hiện tình trạng thị trường đang dịch chuyển dễ dàng với một khối lượng giao dịch vừa phải. Trong một xu hướng lên, nó là dấu hiệu của thị trường mạnh, trong một xu hướng giảm, nó là dấu hiệu của tình trạng yếu. Một lần nữa, khoảng trống runaway hoạt động như mức chống đỡ dưới thị trường với những hiệu chỉnh sau đó và thường không được lấp kín. Như trường hợp của breakaway, giá đóng cửa dưới khoảng trống runaway là một dấu hiệu tiêu cực trong xu hướng lên.

Hình 4.23c: Hai khoảng trống trên đồ thị ngày thể hiện đỉnh đảo ngược. Khoảng trống đầu tiên thể hiện một khoảng trống tăng sau một đỉnh. Hộp thứ hai thể hiện một khoảng trống giảm sau ba tuần. Sự kết hợp của những khoảng trống thường là tín hiệu của một đỉnh quan trọng.



Loại khoảng trống này cũng được gọi là khoảng trống measuring bởi vì nó rất hay xuất hiện khoảng điểm giữa của xu hướng. Bằng việc đo lường khoảng cách xu hướng đã dịch chuyển, tính từ đỉnh xuất phát, một ước tính về phạm vi dịch chuyển còn lại ban đầu của xu hướng có thể được xác định bằng gấp đôi khoảng cách đã đạt được.

Khoảng trống exhaustion. Loại khoảng trống cuối cùng này xuất hiện gần cuối sự dịch chuyển của thị trường. Sau khi tất cả các mục đích đã đạt được và hai loại khoảng trống kia (breakaway và runaway) đã được xác định, nhà phân tích nên bắt đầu nghĩ đến khoảng trống exhaustion. Vì thế có thể nói gần cuối xu hướng đi lên, giá sẽ vượt lên phía trước trong giai đoạn cuối cùng. Tuy nhiên, sự vượt lên phía trên này nhanh chóng yếu đi và giá quay trở lại thấp hơn trong vài ngày hoặc một tuần.

Khi giá đóng cửa dưới khoảng trống cuối cùng này, nó luôn là một tín hiệu chứng tỏ sự kết thúc mà khoảng trống exhaustion chuẩn bị cho sự xuất hiện xu hướng. Đây là ví dụ kinh điển ở đó giá rót dưới khoảng trống trong xu hướng đi lên có nhiều ngụ ý giá đi xuống.

Sự đảo chiều Island

Điều này đem đến cho chúng ta mẫu hình đảo chiều Island. Đôi khi sau một khoảng trống exhaustion hướng lên hình thành, giá sẽ dịch chuyển trong một phạm vi hẹp đôi ngày hoặc đôi tuần trước khi mở rộng xuống phía dưới. Tình huống như vậy để lại hoạt động giá vài ngày giống như một “Island” được bao xung quanh bởi “không trung và nước”. Khoảng trống exhaustion phía trên sau bởi khoảng trống breakaway phía dưới hoàn thành một mẫu hình đảo chiều Island và luôn báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng cường độ lớn. Dĩ nhiên, tầm quan trọng chủ yếu của loại đảo chiều này phụ thuộc vào giá đang ở đâu trong cấu trúc xu hướng tổng thể (xem hình 4.23c).

Kết luận

Chương này giới thiệu các công cụ kỹ thuật mở đầu mà chúng ta xem xét để có nền tảng về phân tích đồ thị - mức chống đỡ và kháng cự, đường xu hướng và đường kênh giá, phần trăm sự thoái lùi, đường kháng cự vận tốc, ngày đảo chiều và khoảng trống. Mọi phương pháp kỹ thuật trong các chương sau sử dụng những nội dung và công cụ này. Để hiểu tốt hơn về những nội dung này, bây giờ chúng ta đã sẵn sàng để bắt đầu nghiên cứu mẫu hình giá.

CÁC MẪU HÌNH ĐÀO CHIỀU CHÍNH

Giới thiệu

Cho đến giờ, chúng ta đã tiếp cận với lý thuyết Dow, lý thuyết này là nền tảng của hầu hết các phương pháp phân tích xu hướng đang được sử dụng phổ biến hiện nay. Chúng ta cũng đã xem xét các khái niệm cơ bản về xu hướng, chẳng hạn như mức chống đỡ, mức kháng cự và đường xu hướng. Và chúng ta cũng đã đề cập đến khối lượng giao dịch và giao dịch tiềm năng. Nay giờ chúng ta đã sẵn sàng để bước tiếp, đó là nghiên cứu các mẫu hình đồ thị. Chúng ta sẽ sớm nhận thấy rằng các mẫu hình này hình thành nên các khái niệm mà chúng ta đã nghiên cứu trước đó.

Trong chương 4, định nghĩa về một xu hướng được xem như là một chuỗi tăng dần hoặc giảm dần của các đỉnh hay các đáy. Khi chúng tăng dần, xu hướng này là xu hướng giá đi lên; còn nếu chúng giảm dần, đó là xu hướng giá đi xuống. Tuy nhiên, có khi các thị trường cũng dịch chuyển ngang trong một khoảng thời gian nào đó. Đó là các thời kỳ giá dịch chuyển ngang mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong hai chương tiếp theo.

Sẽ là một thiếu sót nếu cho rằng hầu hết các thay đổi của xu hướng là rất đột ngột. Thực tế những thay đổi quan trọng trong xu hướng thường đòi hỏi có một khoảng thời gian chuyển tiếp. Vấn đề là những khoảng thời gian chuyển tiếp này không phải lúc nào cũng đưa ra tín hiệu một sự đảo

126 Phân tích kỹ thuật

chiều. Đôi khi những khoảng thời gian giá dịch chuyển ngang chỉ thể hiện một sự tạm dừng hay chỉ là một sự cung cống xu hướng đã tồn tại trước đó.

Các mẫu hình giá

Nghiên cứu những thời kỳ chuyển tiếp và những hàm ý dự báo của chúng dẫn chúng ta đến những chủ đề về mẫu hình giá. Trước hết, mẫu hình giá là gì? Mẫu hình giá là những bức tranh hay những hình dạng cụ thể xuất hiện trên đồ thị giá chứng khoán hay giá các hàng hóa. Những mẫu hình giá chứng khoán hay hàng hóa này có thể được phân loại thành các nhóm khác nhau và giá trị của chúng có thể dự báo được.

Hai kiểu mẫu hình: Đảo chiều và cung cống xu hướng

Có hai loại mẫu hình giá chủ yếu – đó là mẫu hình đảo chiều và mẫu hình cung cống xu hướng. Như hàm ý bởi tên gọi của chúng, mẫu hình đảo chiều thể hiện sự đảo ngược quan trọng xảy ra trong xu hướng. Ngược lại, mẫu hình cung cống ám chỉ rằng thị trường chỉ tạm dừng, có thể chỉ để cung cống vị thế mua hay bán quá nhiều trong ngắn hạn, sau đó xu hướng đang tồn tại vẫn sẽ tiếp tục. Vẫn đề quan trọng là làm sao phân biệt hai kiểu xu hướng này càng sớm càng tốt trong suốt thời gian hình thành mẫu hình.

Trong chương này, chúng ta sẽ nghiên cứu năm mẫu hình đảo chiều chính thường được sử dụng nhất: mẫu hình đầu và vai, ba đỉnh và ba đáy, hai đỉnh và hai đáy, đỉnh và đáy nhọn (V), mẫu hình lượn tròn (hay đĩa). Chúng ta sẽ xem xét sự hình thành mẫu hình giá, nó được thiết lập trên đồ thị ra sao và nó có thể được xác định như thế nào. Sau đó chúng ta sẽ xem xét các cân nhắc quan trọng khác – đó là mẫu hình khối lượng và các hàm ý do lường đi kèm.

Khối lượng giao dịch giữ một vai trò quan trọng trong tất cả các mẫu hình giá. Trước đây, việc nghiên cứu mẫu hình khối lượng đi kèm với dữ

liệu giá có thể là nhân tố quyết định xem mẫu hình này có đáng tin cậy hay không.

Hầu hết các mẫu hình giá cũng có một vài kỹ thuật đo lường nào đó để giúp nhà phân tích xác định các mục tiêu giá tối thiểu. Mặc dù các mục tiêu này chỉ là một sự ước chừng về mức độ của sự dịch chuyển sau đó, nhưng chúng rất hữu dụng trong việc trợ giúp những nhà giao dịch xác định phần thưởng đối với tỷ lệ rủi ro của mình.

Trong chương 5, chúng ta sẽ xem xét loại mẫu hình thứ hai – mẫu hình cung cổ xu hướng. Trong đó, chúng ta sẽ lần lượt xem xét mẫu hình tam giác, cờ hiệu, cờ đuôi nheo, hình chữ V (cái nêm), và hình chữ nhật. Các mẫu hình này thường phản ánh sự tạm dừng của xu hướng hiện tại hơn là sự đảo ngược xu hướng, và chúng thường được xếp vào xu hướng trung gian và dịch chuyển nhỏ chứ không phải là xu hướng chính.

Những điểm chung khởi đầu đối với tất cả các mẫu hình đảo chiều

Trước khi bắt đầu những thảo luận về các mẫu hình đảo chiều chính, có một vài điểm chung cơ bản cho hầu hết các mẫu hình đảo chiều mà chúng ta cần quan tâm.

1. Một điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ mẫu hình đảo chiều nào là sự tồn tại của xu hướng trước đó.
2. Tín hiệu đầu tiên về một sự đảo ngược xu hướng sắp xảy ra thường là sự phá vỡ đường xu hướng chính.
3. Mẫu hình càng lớn thì sự dịch chuyển của giá sau đó càng mạnh.
4. Các mẫu hình đinh thường tồn tại ngắn hơn và biến động mạnh hơn các mẫu hình đáy.
5. Các mẫu hình đáy thường có phạm vi dao động giá nhỏ hơn và cần thời gian dài hơn để hình thành.
6. Khối lượng giao dịch thường quan trọng hơn ở xu hướng giá lên.

Sự cần thiết đối với xu hướng trước đó. Sự tồn tại của xu hướng chính trước đó là một điều kiện tiên quyết quan trọng đối với bất kỳ mẫu hình đảo chiều nào. Rõ ràng thị trường phải có một vài điều gì đó mới có thể đảo ngược được. Đôi khi mẫu hình xuất hiện trên đồ thị gần giống một trong những mẫu hình đảo chiều. Tuy nhiên, nếu không có xu hướng nào xuất hiện trước đó thì sẽ không có gì để đảo ngược và mẫu hình đó đáng hoài nghi. Nhận biết các mẫu hình có nhiều khả năng xảy ra tại đâu trong cấu trúc của đường xu hướng là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nhận diện mẫu hình.

Hệ quả của việc có một xu hướng trước đó để đảo ngược là vẫn đề các hàm ý đo lường. Như đã xác định trước đây rằng hầu hết các kỹ thuật đo lường chỉ đưa ra mục tiêu giá tối thiểu. Mục tiêu giá tối đa có thể là phạm vi tổng thể của sự dịch chuyển trước đó. Nếu thị trường giá lên xảy ra và mẫu hình đỉnh được hình thành thì hàm ý về sự dịch chuyển tiềm năng tối đa đối với xu hướng giá giảm có thể là mức thoái lui 100% của thị trường giá lên hay là điểm mà tại đó mọi thứ bắt đầu lại từ đầu.

Sự phá vỡ của đường xu hướng chính. Tín hiệu đầu tiên của một sự đảo chiều xu hướng sắp xảy ra thường là sự phá vỡ của đường xu hướng chính. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng, sự thay đổi của đường xu hướng chính không nhất thiết báo hiệu một sự đảo chiều xu hướng. Điều gì báo hiệu một sự thay đổi trong xu hướng. Sự phá vỡ xu hướng chính đi lên có thể báo hiệu một sự khởi đầu bởi mẫu hình giá nằm ngang mà sau đó có thể được xem như hoặc là kiểu đảo chiều hay cung cấp. Đôi khi sự bứt phá đường xu hướng chính trùng với việc hoàn tất mẫu hình giá.

Mẫu hình càng lớn, tiềm năng càng cao. Khi chúng ta sử dụng thuật ngữ “càng lớn” chúng ta đang đề cập tới chiều cao và độ rộng của mẫu hình giá. Chiều cao do lường mức độ thay đổi của mẫu hình. Độ rộng do lường lượng thời gian đòi hỏi để xây dựng và hoàn thành mẫu hình. Kích thước của mẫu hình càng lớn – có nghĩa là mức thay đổi giá trong mẫu hình càng

rộng và thời gian hình thành mẫu hình càng dài – thì mẫu hình càng trở nên quan trọng hơn và tiềm năng thay đổi giá sau đó sẽ càng lớn.

Hầu như tất cả các kỹ thuật đo lường trong hai chương này dựa trên chiều cao của mẫu hình. Đây là cách thức được áp dụng chủ yếu đối với các dạng đồ thị hình thanh. Việc ứng dụng thước đo độ rộng của mẫu hình giá thường được dành cho các dạng đồ thị hình và điểm. Phương pháp đồ thị sử dụng một công cụ được biết đến là phép đếm, công cụ này thừa nhận mối quan hệ mật thiết giữa độ rộng của đỉnh hay đáy và mục tiêu giá sau đó.

Sự khác biệt giữa đỉnh và đáy. Mẫu hình đỉnh thường có thời gian ngắn hơn và biến động mạnh hơn các đáy. Sự biến động giá trong phạm vi các đỉnh thì rộng hơn và bất ổn hơn. Các đỉnh thường cần ít thời gian để hình thành. Các đáy thường có giới hạn biến động giá nhỏ hơn nhưng phải mất nhiều thời gian hơn để hình thành. Vì nguyên nhân này mà việc nhận dạng và giao dịch tại đáy thì dễ hơn và ít tốn kém chi phí hơn là ở các đỉnh. Một nhân tố anủi làm cho mẫu hình đỉnh có giá trị đó là giá cả có xu hướng giảm nhanh hơn so với khi chúng tăng. Vì thế, các nhà giao dịch có thể kiếm được nhiều tiền hơn bằng cách bám theo vị thế bán của thị trường giá xuống thay vì giao dịch ở vị thế mua của thị trường giá lên. Mọi thứ trong cuộc sống là một sự đánh đổi giữa phần thưởng và rủi ro. Rủi ro lớn hơn thì được bù đắp bởi một phần thưởng lớn hơn và ngược lại. Các mẫu hình đỉnh thì khó để nắm bắt nhưng chúng lại có giá trị hơn để theo đuổi.

Khối lượng giao dịch thì quan trọng hơn ở xu hướng giá lên. Khối lượng nói chung sẽ làm tăng xu hướng thị trường và là một nhân tố quyết định quan trọng trong việc hoàn thành các mẫu hình giá. Việc hoàn thành mỗi mẫu hình sẽ đi kèm với sự tăng đáng chú ý trong khối lượng giao dịch. Tuy nhiên, trong các giai đoạn đầu của một sự đảo ngược xu hướng, khối lượng thì không quan trọng như ở các đỉnh của thị trường. Các thị trường có hướng “sụt giảm khối lượng” một khi sự dịch chuyển

giá xuống đang xảy ra. Những người theo trường phái đồ thị thích chứng kiến sự gia tăng trong hoạt động giao dịch khi giá giảm nhưng đây không phải là điều tiên quyết. Tuy nhiên, tại các đáy sự tăng cường trong khối lượng giao dịch thì tuyệt đối cần thiết. Nếu mẫu hình khối lượng không thể hiện một sự gia tăng đáng kể trong khi giá ở xu hướng lên bị phá vỡ, mẫu hình giá sẽ là vấn đề hoài nghi.

Mẫu hình đảo chiều đầu và vai

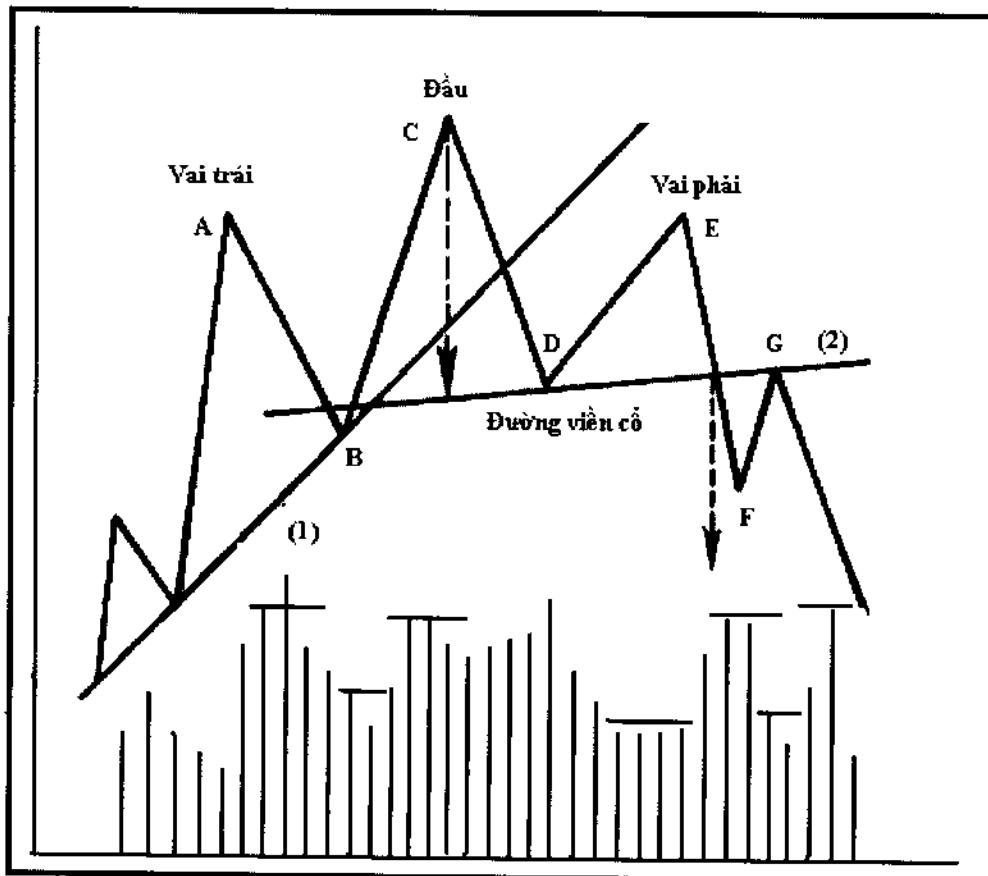
Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu xem xét kỹ mẫu hình phổ biến nhất và đáng tin cậy nhất trong tất cả các mẫu hình đảo chiều chính – mẫu hình đảo chiều đầu và vai. Chúng ta sẽ dành nhiều thời gian hơn cho mẫu hình này vì nó quan trọng và cũng để giải thích cho tất cả các dạng có liên quan. Hầu hết các mẫu hình đảo chiều khác cũng chỉ là sự biến tướng của mẫu hình đầu và vai và sẽ không cần phải thảo luận dài dòng.

Mẫu hình đảo chiều chính này, giống như tất cả các mẫu hình khác, chỉ là một sự chọn lọc hơn của các khái niệm về xu hướng đã đề cập trong chương 4. Nó vẽ lên một tình huống trong xu hướng đi lên chính mà ở đó sự gia tăng của một chuỗi các đỉnh và đáy bắt đầu dần bị mờ đà. Sau đó xu hướng lên chững lại một thời gian ngắn. Trong suốt thời gian này áp lực của cung và cầu thì cân bằng tương đối. Một khi giai đoạn phân bố này hoàn thành, mức chống đỡ dọc theo đáy của phạm vi giao dịch ngang bị phá vỡ và một xu hướng đi xuống mới được thiết lập. Xu hướng đi xuống mới này bây giờ có các đỉnh và đáy thấp hơn.

Chúng ta hãy xem xét tình huống này sẽ có đầu và vai như thế nào. (xem hình 5.1a và 5.1b). Tại điểm A, xu hướng đi lên đang tiếp tục như được kỳ vọng mà không có tín hiệu nào cho thấy đó là một đỉnh. Khối lượng giao dịch mở rộng trên sự dịch chuyển giá vào một mức cao mới. Điều này thì bình thường. Mức hiệu chỉnh giảm xuống tại điểm B ở khối lượng giao dịch ít hơn, giá trị này cũng được kỳ vọng. Tuy nhiên, tại điểm C, những người theo trường phái đồ thị lanh lợi có thể nhận thấy

rằng khối lượng giao dịch trên xu hướng tăng bứt phá lên trên điểm A là nhỏ hơn một ít so với đỉnh trước đó. Sự thay đổi này bản thân là không quan trọng chính nhưng trong đầu nhà phân tích, một dấu hiệu cảnh báo đáng ngờ xuất hiện.

Hình 5.1a: Ví dụ về mẫu hình đầu và vai. Vai trái và vai phải (A và E) có độ cao gần như nhau. Đỉnh đầu (C) cao hơn hai đỉnh kia. Chú ý rằng khối lượng giao dịch nhỏ hơn tại mỗi đỉnh. Mẫu hình này hoàn tất ở mức gần với đường viền cổ (2). Mục tiêu giá tối thiểu là khoảng cách thẳng đứng từ đỉnh đầu tới đường viền cổ được chiếu xuống từ chỗ bẻ gãy của đường này. Sự dịch chuyển ngược lại thường xảy ra trở lại tới đường viền cổ (2) và sẽ không cắt trở lại đường này một khi nó đã bị bẻ gãy.



Sau đó giá cả bắt đầu giảm xuống điểm D và điều gì đó nguy hại hơn xảy ra. Sự suy giảm vượt xuống mức thấp hơn đỉnh A trước đó. Nên nhớ rằng, trong xu hướng đi lên, một đỉnh xuyên qua sẽ giữ vai trò như là một sự chống đỡ cho sự hiệu chỉnh sau đó. Sự sụt giảm xuống dưới điểm A, gần với mức đáy hiệu chỉnh trước đây tại điểm B, là một sự cảnh báo khác rằng mọi thứ có thể đang đi sai với xu hướng lên.

Thị trường một lần nữa phục hồi trở lại tại điểm E, thậm chí khôi lượng giao dịch nhỏ hơn và nó không thể đạt tới đỉnh trước đó tại C. (Sự phục hồi đỉnh cuối cùng tại điểm E thường sẽ giảm một nửa đến hai phần ba của sự sụt giảm từ điểm C đến điểm D). Để tiếp tục xu hướng đi lên, mỗi đỉnh phải vượt quá đỉnh của sự phục hồi trước nó. Sự thất bại của lần phục hồi này tại điểm E để đạt tới mức đỉnh trước đó tại C đáp ứng một nửa yêu cầu đối với một xu hướng đi xuống mới – là xu hướng có các đỉnh thấp dần.

Hình 5.1b: Một mẫu hình đầu và vai. Đỉnh đầu cao hơn hai vai khác. Sự dịch chuyển trở lại đường viền cổ đã xảy ra.



Lúc này đường xu hướng đi lên chính (đường 1) đã bị phá vỡ, thường là tại điểm D tạo thành một tín hiệu nguy hiểm khác. Nhưng cho dù tất cả những cảnh báo đó, những gì mà chúng ta biết tại điểm này là xu hướng đã thay đổi từ đi lên sang nằm ngang (đường 2). Đây có lẽ là điều kiện đủ để thanh khoản các vị thế mua, nhưng không nhất thiết là điều kiện đủ để ủng hộ cho các đợt bán không mới.

Sự bẻ gãy đường viền cổ hoàn tất mẫu hình

Lúc này, đường xu hướng phẳng hơn có thể được vẽ dưới hai mức thấp gần nhất (tại điểm B và D), đường này được gọi là đường viền cổ (xem đường 2). Nói chung đường này dốc nhẹ lên trên tại các đỉnh (thậm chí có đôi khi nó có thể nằm ngang và ít khi nó dốc xuống). Nhân tố quyết định trong vấn đề xác định đầu và vai là sự biến động có tính chất quyết định của đường viền cổ này. Giờ đây thị trường đã thay đổi, đường xu hướng dọc theo các đáy tại điểm B và D, phá vỡ mức chống đỡ tại điểm D, và hoàn thành một xu hướng xuống mới – các đỉnh và các đáy giảm dần. Đường xu hướng mới này được nhận dạng bởi các đỉnh và đáy thấp dần tại các điểm C, D, E và F. Khối lượng sẽ gia tăng tại điểm bị đường viền cổ bẻ gãy. Tuy nhiên một sự gia tăng mạnh trong khối lượng dưới đường này thì không có tính chất quyết định trong giai đoạn đầu của đỉnh thị trường.

Sự dịch chuyển trở lại

Thông thường sự dịch chuyển ngược trở lại là một sự nhảy vọt trở lại tới mức đáy của đường viền cổ hoặc tới mức đáy trước đó ở điểm D (chẳng hạn như tăng lên tới điểm G), bây giờ cả hai điểm này bắt đầu trở thành mức kháng cự. Sự dịch chuyển ngược lại của giá không luôn xảy ra hoặc đôi khi chỉ tăng lên rất nhỏ. Khối lượng có thể giúp xác định mức độ của sự gia tăng này. Nếu như điểm gãy ban đầu của đường viền cổ nằm tại

134 Phân tích kỹ thuật

mức giao dịch lớn, sự quyết định đối với việc dịch chuyển ngược lại sẽ tương đối nhỏ do hoạt động giao dịch gia tăng phản ánh áp lực giảm giá lớn hơn. Nhưng nếu khối lượng giao dịch nhỏ hơn tại điểm gãy ban đầu của đường viền cổ thì sẽ làm tăng khả năng dịch chuyển ngược lại. Tuy nhiên, sự gia tăng đó sẽ ở khối lượng giao dịch nhỏ và sự tiếp tục sau đó của một xu hướng xuống mới sẽ đi kèm với hoạt động giao dịch mạnh mẽ hơn nhiều.

Tóm lược

Chúng ta hãy xem một vài thành tố cơ bản của mẫu hình đầu và vai.

1. Xu hướng đi lên trước đó.
2. Một vai trái hình thành ở khối lượng giao dịch lớn hơn (điểm A) và sau đó giảm xuống tới điểm B.
3. Một sự hồi phục tới đỉnh mới nhưng ở khối lượng giao dịch nhỏ hơn (điểm C).
4. Một sự giảm xuống dưới mức đỉnh trước đó (tại A) và đạt tới mức đáy (tại D).
5. Sự phục hồi lần thứ 3 (tại E) ở khối lượng giao dịch nhỏ hơn đáng kể làm cho sự phục hồi này không thể đạt tới mức cao như đỉnh trước đó (tại C).
6. Một sự kết thúc ở dưới đường viền cổ.
7. Sự dịch chuyển ngược tới đường viền cổ (điểm G) theo sau bởi các mức thấp mới.

Bằng chứng để xem đó là mẫu hình đầu và vai là có ba đỉnh được xác định rõ ràng. Đỉnh ở giữa (còn gọi là đầu) thì cao hơn so với hai đỉnh kia (gọi là các vai – tại A và E). Tuy nhiên mẫu hình này thì chưa hoàn tất cho đến khi nào mà đường viền cổ bị bẻ gãy thực sự. Ở đây một lần nữa, tiêu chí giảm xuyên qua đường này 1 - 3% hoặc yêu cầu hai sự kết thúc ở

dưới đường viền cổ (quy tắc hai ngày) có thể được sử dụng thêm để xác định. Tuy nhiên cho tới khi giá giảm dưới đường viền cổ xảy ra thì vẫn luôn có khả năng là mẫu hình vẫn chưa thực sự là đầu và vai và xu hướng lên có thể phục hồi trở lại.

Tầm quan trọng của khối lượng

Mẫu hình khối lượng đi kèm giữ một vai trò quan trọng trong sự hình thành của đầu và các vai cũng như trong tất cả các mẫu hình giá. Nguyên tắc chung là, đỉnh thứ hai (tức là đầu) sẽ xảy ra ở khối lượng giao dịch nhỏ hơn khối lượng giao dịch ở vai trái. Điều này không phải là một yêu cầu nhưng là một xu thế mạnh và là một cảnh báo sớm về sự sụt giảm áp lực mua. Tín hiệu khối lượng quan trọng nhất xảy ra trong thời gian hình thành đỉnh thứ ba (vai phải). Khối lượng giao dịch thấp hơn đáng kể so với hai đỉnh trước đó. Sau đó khối lượng giao dịch sẽ tăng tại điểm gãy của đường viền cổ, giảm trong thời kỳ giá dịch chuyển trở lại và sau đó giao dịch sẽ tăng trở lại khi sự dịch chuyển trở lại đã vượt qua đường viền cổ.

Như đã đề cập trước đây, khối lượng thì ít quan trọng trong thời kỳ hoàn thành các đỉnh của thị trường. Nhưng, tại một vài thời điểm quan trọng khối lượng có thể bắt đầu gia tăng nếu như xu hướng xuống mới tiếp tục. Khối lượng giữ vai trò quyết định nhiều hơn tại các mức đáy của thị trường, đây là một chủ đề sẽ được thảo luận ngắn gọn. Tuy nhiên, trước khi làm điều này chúng ta hãy thảo luận vài hàm ý của mẫu hình đầu và vai.

Tìm một mục tiêu giá

Cách thức để có được một mục tiêu giá là dựa vào độ cao của mẫu hình. Lấy khoảng cách dọc từ đỉnh đầu (C) tới đường viền cổ. Sau đó, chiều khoảng cách này từ điểm mà tại đó đường viền cổ bị bẻ gãy. Ví dụ như giả sử đỉnh đầu ở mức 100 và đường viền cổ là 80. Vì thế khoảng cách sẽ

136 Phân tích kỹ thuật

là 20. 20 điểm đó sẽ được đo xuống từ điểm mà đường viền cổ bị bẻ gãy. Nếu như đường viền cổ ở hình 5.1a ở mức 82 tại điểm bị bẻ gãy thì mục tiêu bên dưới sẽ được chiếu xuống tới mức 62 ($82 - 20 = 62$).

Một kỹ thuật khác cũng có thể hoàn thành công việc tương tự nhưng dễ hơn, là đơn giản đo lường chiều dài của đợt giảm đầu tiên (từ điểm C tới D) và sau đó nhân đôi nó. Trong trường hợp đó, chiều cao hoặc độ biến động của mẫu hình càng lớn thì mục tiêu giá càng cao. Chương 4 đã xác định rằng thước đo rút ra từ sự bứt phá của đường xu hướng thì tương tự với thước đo được sử dụng trong mẫu hình đầu và vai. Chúng ta có thể thấy điều đó ngay sau đây. Giá cả dịch chuyển mạnh ở dưới nơi mà đường viền cổ bị bẻ gãy cũng giống như những dịch chuyển khi nó ở trên đường này. Bạn sẽ thấy xuyên suốt nghiên cứu của chúng ta về các mẫu hình giá mà hầu hết các mục tiêu giá trên đồ thị hình thanh thì dựa trên chiều cao hoặc mức thay đổi của các mẫu hình khác nhau. Chủ đề đo lường chiều cao của mẫu hình này và sau đó chiều khoảng cách đó từ điểm bị bẻ gãy sẽ được lặp lại rất thường xuyên.

Thật quan trọng để nhớ rằng mục tiêu giá đạt được chỉ là mục tiêu tối thiểu. Giá cả sẽ thường dịch chuyển ra ngoài mức mục tiêu này. Tuy nhiên có một mục tiêu giá tối thiểu phù hợp sẽ rất hữu dụng trong việc sớm xác định xem có đủ tiềm năng trong việc dịch chuyển của thị trường để chọn vị thế. Nếu thị trường vượt quá mục tiêu giá, đó chỉ là đang làm đông lạnh một chiếc bánh. Mục tiêu tối thiểu là mức độ (hay phạm vi) dịch chuyển giá trước đó. Nếu thị trường giá lên trước đây từ mức 30 đến 100, thì mục tiêu giá giảm tối đa từ một mẫu hình đỉnh sẽ là một sự thoái lùi hoàn toàn của sự dịch chuyển giá đi lên này. Các mô hình đảo chiều có thể chỉ được kỳ vọng là đảo chiều hay trở ngược lại xu hướng trước đó.

Điều chỉnh các mục tiêu giá

Một số các nhân tố sẽ được xem xét trong quá trình cố gắng để đạt được mục tiêu giá. Các kỹ thuật đo lường từ các mẫu hình giá, chẳng hạn như

kỹ thuật đầu và vai đã đề cập, chỉ là bước khởi đầu. Còn có các nhân tố kỹ thuật khác cần được đưa vào xem xét. Ví dụ, các mức chống đỡ được tạo thành ở nơi nào bởi các đáy trong suốt sự dịch chuyển đi lên trước đó? Thị trường giá xuống thường tạm dừng ở những mức này. Phần trăm sự thoái lùi là bao nhiêu? Mục tiêu tối đa sẽ là một sự thoái lùi 100% của thị trường giá lên trước đó. Nhưng các mức thoái lùi 50% và 66% thì ở đâu? Những mức đó thường cung cấp mức chống đỡ đáng kể bên dưới thị trường. Các khoảng trống nói lên điều gì? Chúng thường đóng vai trò như là vùng chống đỡ. Có đường xu hướng dài hạn nào hiện hữu bên dưới thị trường không?

Các nhà phân tích kỹ thuật phải xem xét dữ liệu kỹ thuật khác nhằm nỗ lực xác định các mục tiêu giá từ các mẫu hình giá. Nếu mức giá bên dưới chẳng hạn đặt một mục tiêu là 30 và có một mức chống đỡ đáng kể tại 32, lúc đó các nhà phân tích bằng đồ thị sẽ khôn ngoan để tiến hành điều chỉnh mức giá mục tiêu dưới tới 32 thay vì 30. Như một nguyên tắc chung, khi một sự không nhất quán nhỏ tồn tại giữa mục tiêu giá và một mức chống đỡ hoặc mức kháng cự rõ ràng, thì việc điều chỉnh mục tiêu giá tới mức chống đỡ hoặc mức kháng cự thường an toàn hơn. Điều chỉnh các mục tiêu từ các mẫu hình giá bằng việc xem xét những thông tin kỹ thuật khác thì thường là cần thiết. Nhà phân tích có nhiều công cụ khác nhau tùy theo sở thích của người đó. Những nhà phân tích kỹ thuật có kỹ năng nhất là những người biết kết hợp tất cả các công cụ với nhau một cách hợp lý.

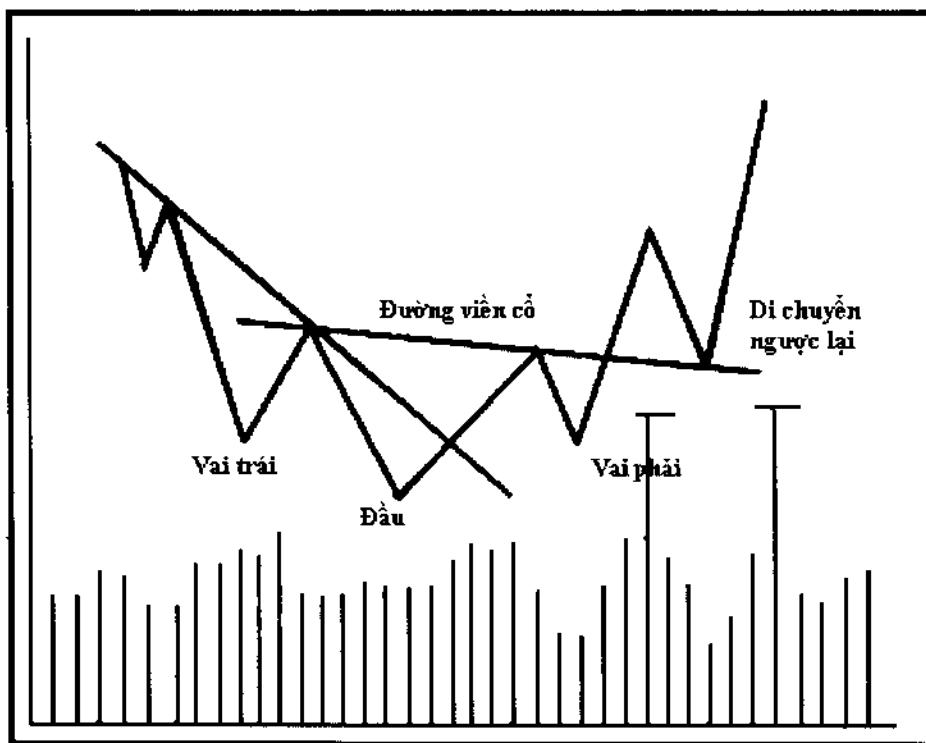
Mẫu hình đầu và vai ngược

Đáy đầu và vai hay đầu và vai ngược thì giống như tên gọi của nó, là hình ảnh phản chiếu của mẫu hình đỉnh đầu và vai. Như hình 5.2a cho thấy, có ba đáy với đáy đầu (đáy ở giữa) thấp hơn một ít so với hai đáy kia. Một sự kết thúc có tính quyết định xuyên qua đường viền cổ cũng cần thiết để hoàn tất mẫu hình và kỹ thuật đo lường cũng tương tự. Một

sự khác biệt nhỏ tại đáy này đó là xu hướng quay trở lại đường viền cổ xảy ra sau khi giá tăng mạnh trở lại. (xem hình 5.2b)

Sự khác biệt quan trọng nhất giữa các mẫu hình đỉnh và đáy là ở khối lượng giao dịch. Khối lượng giữ vai trò chủ đạo hơn trong việc xác định và hoàn tất đáy đầu và vai. Nói chung điều này thì đúng đối với tất cả các mẫu hình đáy. Như đã xác định trước đây là thị trường có xu hướng “mất trọng lượng”. Tuy nhiên tại các đáy thị trường đòi hỏi một sự gia tăng đáng kể trong áp lực mua, được phản ánh ở khối lượng giao dịch lớn hơn để đạt đến một thị trường tăng giá mới.

Hình 5.2a: Ví dụ về một mẫu hình đầu và vai ngược. Đây của mẫu hình này là một hình ảnh ngược của đỉnh.



Một cách kỹ thuật hơn để xem xét sự khác biệt này là thị trường có thể giảm do quán tính. Sự thiếu vắng trong nhu cầu và lượng mua của phần lớn các nhà giao dịch thường có thể đẩy thị trường xuống thấp hơn;

nhưng thị trường sẽ không tăng do quán tính. Giá chỉ tăng khi cầu vượt quá cung và người mua nhiều hơn người bán.

Mẫu hình khối lượng tại đáy thì rất giống với mẫu hình khối lượng tại đỉnh trước đây. Có nghĩa là, khối lượng tại đáy đầu nhỏ hơn một chút so với khối lượng giao dịch ở vai trái. Tuy nhiên, sự phục hồi từ đáy đầu sẽ bắt đầu thể hiện không chỉ một sự gia tăng trong hoạt động giao dịch mà còn cho thấy mức độ khối lượng thường vượt quá khối lượng vai trái. Khối lượng giao dịch ở vai phải cũng ở mức khá nhỏ. Điểm quyết định xảy ra tại mức phục hồi xuyên qua đường viền cổ. Tín hiệu này phải đi kèm bởi sự gia tăng đột ngột trong khối lượng giao dịch nếu sự phá vỡ đường viền cổ này là đúng đắn.

Hình 5.2b: Mẫu hình đáy của đầu và vai.



Vấn đề là mẫu hình đáy khác với mẫu hình đỉnh nhiều nhất ở điểm nào? Ở mẫu hình đáy, khối lượng giao dịch lớn là một thành phần tuyệt đối quan trọng trong việc hoàn tất mẫu hình cơ bản. Sự di chuyển ngược lại thường xảy ra tại các đáy hơn là tại các đỉnh và sẽ xảy ra ở khối lượng

140 Phân tích kỹ thuật

nhỏ. Sau đó, một xu hướng tăng giá mới sẽ bắt đầu ở khối lượng giao dịch lớn hơn. Kỹ thuật đo lường này thì giống như ở mẫu hình đỉnh.

Độ dốc của đường viền cỏ

Đường viền cỏ tại đỉnh thường dốc lên nhẹ. Tuy nhiên đôi khi nó nằm ngang. Trong cả hai trường hợp đều không có sự khác biệt lớn. Tuy nhiên, thỉnh thoảng đường viền cỏ ở đỉnh dốc xuống. Độ dốc này là một tín hiệu yếu đi của thị trường và thường đi kèm bởi một vai phái yếu. Tuy nhiên đây chỉ là một sự suy đoán hỗn hợp. Nhà phân tích chờ đợi có sự bẻ gãy đường viền cỏ để bắt đầu vị thế bán thì phải mất nhiều thời gian hơn vì tín hiệu từ đường viền cỏ dốc xuống xảy ra rất lâu sau đó và chỉ sau khi nhiều thay đổi đã xảy ra. Đối với mẫu hình cơ bản, hầu hết các đường viền cỏ có một độ nghiêng xuống thấp. Một đường viền cỏ đi lên là tín hiệu của thị trường mạnh lên nhưng có hạn chế tương tự là đưa ra tín hiệu trễ hơn.

Mẫu hình đầu và vai phức tạp

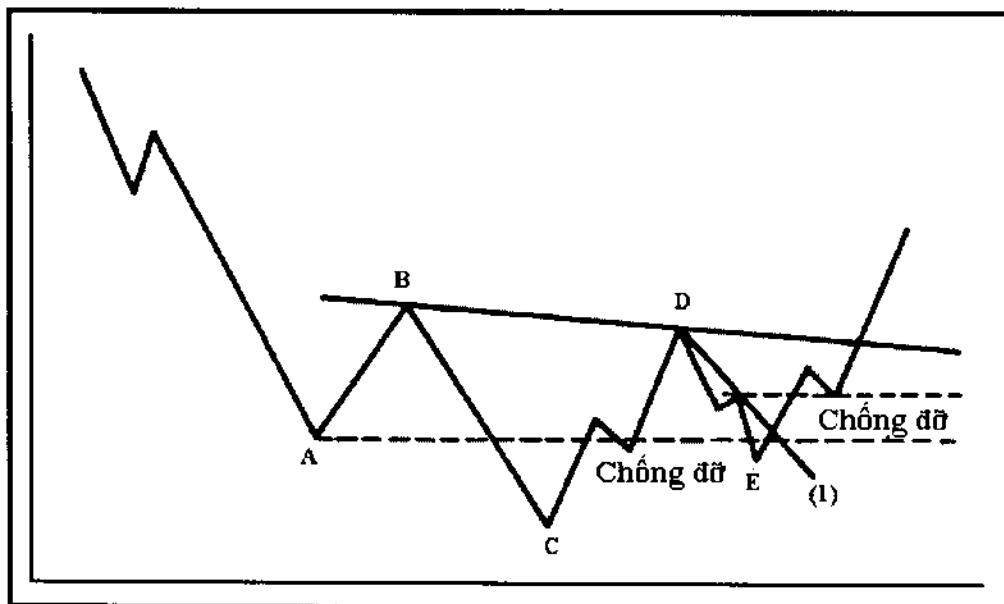
Sự biến tướng của mẫu hình đầu và vai đôi khi cũng xảy ra mà người ta gọi đó là mẫu hình đầu và vai phức tạp. Có những mẫu hình mà ở đó có thể có hai đầu hay hai vai trái và hai vai phải. Các mẫu hình này ít phổ biến nhưng chúng có hàm ý dự báo tương tự. Một lời gợi ý hữu ích liên quan đến trường hợp này là xu hướng có tính đối xứng mạnh trong mẫu hình đầu và vai. Điều này có nghĩa là vai đơn ở phía trái có thể sẽ có một vai đơn phía phải. Hai vai trái sẽ tương ứng có hai vai phải.

Các sách lược

Sách lược thị trường giữ một vai trò quan trọng trong hầu hết các giao dịch. Không phải tất cả những người mua bán dựa trên phân tích kỹ thuật

đều chờ đợi cho tới khi xảy ra điểm gãy của đường viền cổ mới bắt đầu một vị thế mới. Như hình 5.3 cho thấy, những người giao dịch tin là mình nhận diện được một cách chính xác một đáy đầu và vai sẽ bắt đầu tham gia vào vị thế mua trong quá trình hình thành vai phải. Hoặc họ sẽ mua tín hiệu kỹ thuật đầu tiên đó là sự suy giảm tới vai phải.

Hình 5.3: Sách lược đổi với đáy đầu và vai. Nhiều nhà giao dịch kỹ thuật sẽ bắt đầu vị thế mua trong khi vai phải (E) vẫn đang được hình thành. Sự thoái lùi một phần hai đến hai phần ba mức phục hồi từ những điểm C và D, một sự sụt giảm xuống bằng vai trái tại điểm A, hoặc một sự bứt phá đường xu hướng giảm ngắn hạn (đường 1) đều cung cấp những cơ hội sớm tham gia vào thị trường. Các vị thế trên có thể thêm vào nơi đường viền cổ bị phá vỡ hoặc nơi dịch chuyển trở lại đường viền cổ.



Một vài nhà giao dịch sẽ đo lường khoảng cách phục hồi từ đáy đến đỉnh (từ điểm C tới điểm D) và sau đó mua tại 50% hoặc 65% của mức phục hồi đó. Còn những người khác sẽ vẽ một đường xu hướng đi xuống dọc theo mức giảm từ điểm D tới điểm E và mua tại điểm gãy ở xu hướng giá lên của đường này. Vì những mẫu hình này có tính đối xứng tương đối

nên một vài người sẽ mua vào vai phải khi nó đạt mức tương tự như đáy của vai trái. Rất nhiều hoạt động mua sớm đã xảy ra trong quá trình hình thành vai phải. Nếu vị thế mua thăm dò ban đầu cho thấy có khả năng sinh lợi thì các vị thế mua khác có thể được bổ sung tại nơi xuyên qua của đường viền cổ hoặc tại khi dịch chuyển ngược lại đường viền cổ sau khi bị bẻ gãy.

Sự thất bại của mẫu hình đầu và vai

Một khi giá đã dịch chuyển qua đường viền cổ và đã hình thành xong mẫu hình đầu và vai thì giá sẽ không cắt trở lại đường này một lần nữa. Tại đinh, một khi đường viền cổ đã bị phá vỡ ở xu hướng giá giảm thì bất kỳ sự trở lại có tính chất quyết định nào vượt lên trên đường này sẽ là một cảnh báo nghiêm trọng rằng sự phá vỡ ban đầu có khả năng là một tín hiệu tồi và tạo nên điều mà thường được gọi là một mẫu hình đầu và vai bị thất bại với một vài lý do. Loại mẫu hình này bắt đầu xem giống như một sự đảo chiều đầu và vai cổ điển nhưng đôi khi trong quá trình hình thành của mẫu hình (hoặc trước khi đường viền cổ bị phá vỡ hoặc sau đó), giá cả trở lại xu hướng ban đầu.

Có hai bài học quan trọng ở đây. Bài học đầu tiên là không một mẫu hình đồ thị nào là không thể sai. Chúng hoạt động hầu hết mọi lúc nhưng không phải luôn đúng. Bài học thứ hai là các nhà kinh doanh chứng khoán bằng phân tích kỹ thuật phải luôn cảnh giác đối với các tín hiệu đồ thị mà sự phân tích không đúng. Một trong những yếu tố đối với sự sống còn trong thị trường tài chính là cố giữ cho hoạt động giao dịch thua lỗ ít và rút khỏi giao dịch thua lỗ càng sớm càng tốt. Một trong những lợi điểm lớn nhất của phân tích đồ thị là nó có khả năng cảnh báo sớm cho người giao dịch rằng anh ta hay cô ta đang dự báo sai thị trường. Khả năng và sự sẵn sàng để nhận ra những sai lầm trong giao dịch và thực hiện hành động phòng ngừa ngay lập tức là kỹ năng không thể xem nhẹ trên thị trường tài chính.

Mẫu hình đầu và vai như là một mẫu hình cũng có xu hướng

Trước khi đi đến mẫu hình giá kế tiếp, có một điểm cuối cùng cần bàn bạc về mẫu hình đầu và vai. Chúng ta bắt đầu vấn đề này bằng cách liệt kê mẫu hình này vào danh sách các mẫu hình đảo chiều chính đáng tin cậy và được biết nhiều nhất. Tuy nhiên bạn nên cảnh giác rằng thỉnh thoảng mẫu hình này hoạt động như là một sự cung cố hơn là một mẫu hình đảo chiều. Khi điều này xảy ra, thì đó là ngoại lệ hơn là quy luật. Chúng ta sẽ bàn về vấn đề này nhiều hơn trong chương 6 “Các mẫu hình cung cố xu hướng”.

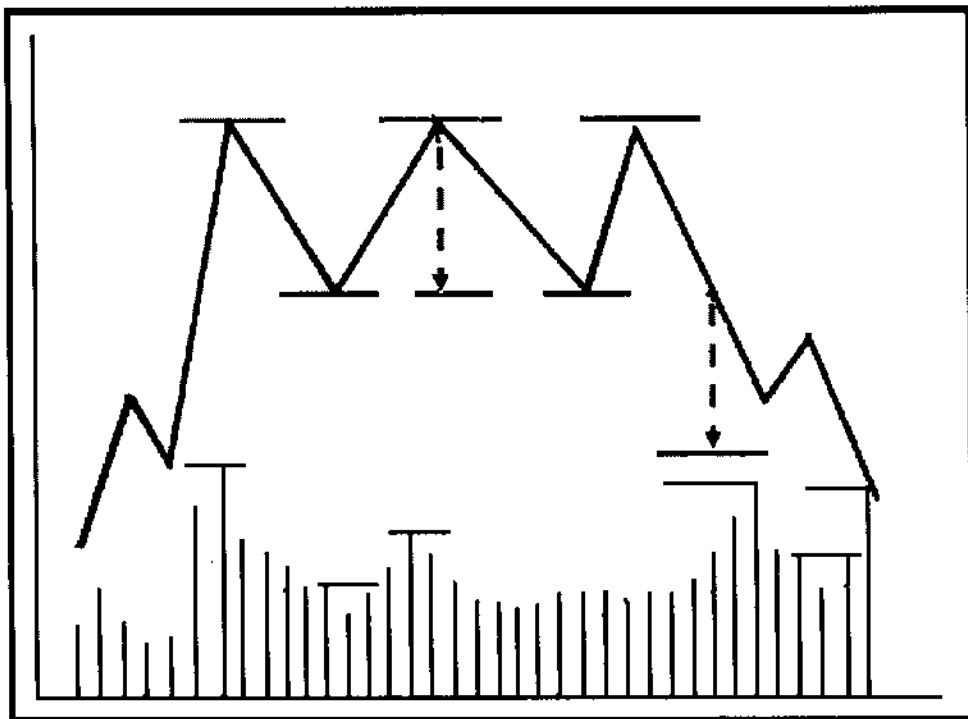
Mẫu hình ba đỉnh ba đáy

Hầu hết các vấn đề được xem xét trong mẫu hình đầu và vai cũng có thể được thực hiện cho các dạng mẫu hình đảo chiều khác. (xem hình 5.4a – c). Mẫu hình ba đỉnh hoặc ba đáy là mẫu hình hiếm khi xảy ra, nó chỉ là một hình thức biến thể rất nhỏ của các mẫu hình đầu và vai. Sự khác biệt chủ yếu là ba đỉnh hoặc ba đáy trong mẫu hình ba đỉnh hoặc ba đáy ở mức độ tương đương nhau (xem hình 5.4a). Các nhà phân tích bằng đồ thị thường không đồng tình với việc một mẫu hình đảo chiều là mẫu đầu và vai hoặc một mẫu hình 3 đỉnh. Cuộc tranh luận này có tính chất học thuật vì cả hai mẫu hình này đều có cùng hàm ý.

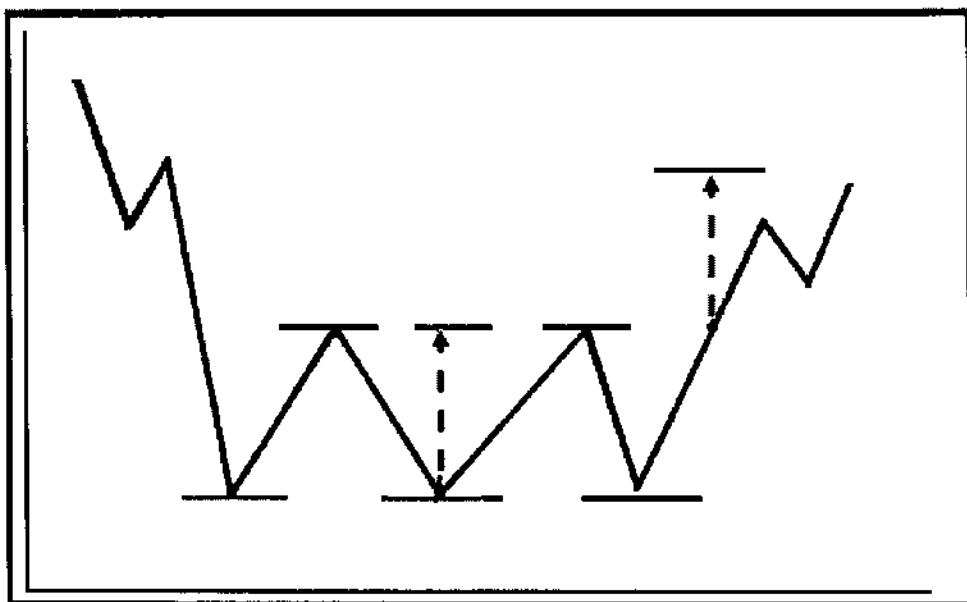
Khối lượng giao dịch có xu hướng giảm tại mỗi đỉnh và sẽ tăng tại điểm gãy. Mẫu hình ba đỉnh không hoàn tất cho tới khi những mức chống đỡ dọc theo các đáy giữa bị bẻ gãy. Ngược lại, giá cả phải kết thúc cao hơn hai đỉnh trước để hoàn thành đáy thứ ba. (Một chiến lược khác là điểm gãy của đỉnh hoặc đáy gần nhất cũng có thể được sử dụng như là một tín hiệu đảo chiều). Khối lượng giao dịch phía trên lớn để hoàn thành đáy cũng cần thiết.

144 Phân tích kỹ thuật

Hình 5.4a: Một mẫu hình ba đỉnh.

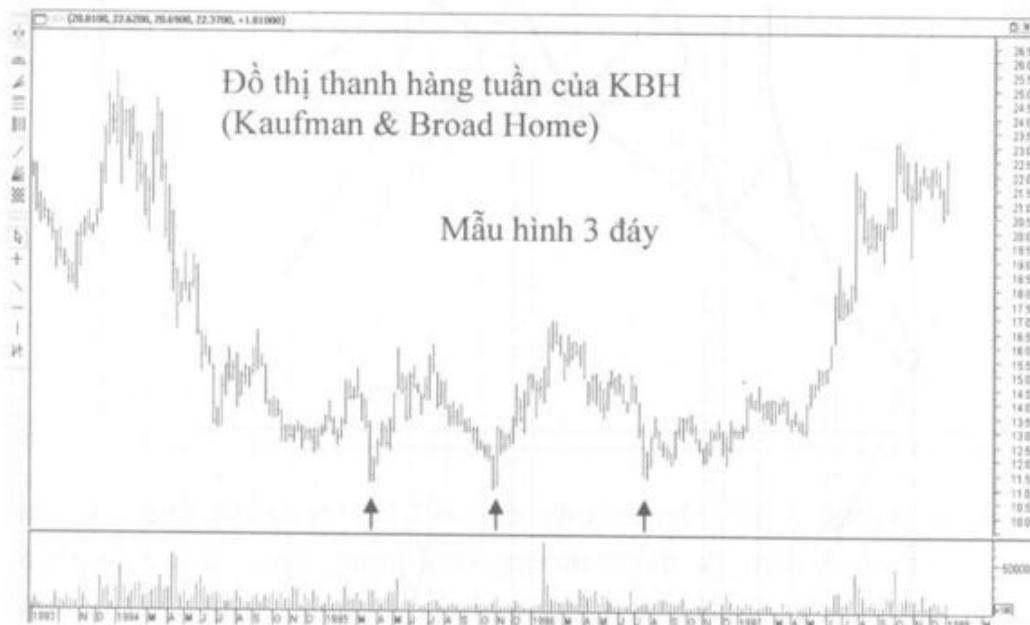


Hình 5.4b: Một mẫu hình ba dây.



Hàm ý đo lường này cũng tương tự với mẫu hình đầu và vai và dựa trên độ cao của mẫu hình. Giá cả sẽ luôn thay đổi một khoảng nhỏ từ điểm gãy ít nhất bằng với độ cao của mẫu hình. Một khi điểm gãy xảy ra, thì sự dịch chuyển ngược lại đến điểm gãy này là không bình thường. Vì mẫu hình ba đỉnh và đáy chỉ đại diện cho một sự biến thể của mẫu hình đầu và vai, chúng ta sẽ không nói nhiều hơn về nó ở đây.

Hình 5.4c: Mẫu hình đảo ngược ba đáy.

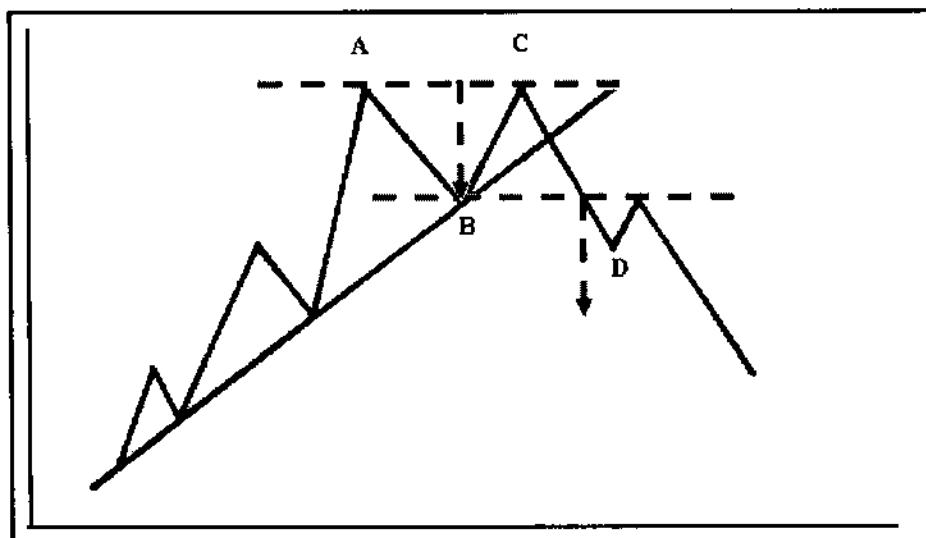


Mẫu hình hai đỉnh và hai đáy

Một mẫu hình phổ biến hơn nhiều là hai đỉnh và hai đáy. Mẫu hình này thường dễ thấy và dễ phát hiện nhất, sau mẫu hình đầu và vai. (Xem hình 5.5a đến 5.5e). Hình 5.5a và 5.5b cho thấy cả đỉnh và đáy. Lý do rõ ràng là đỉnh thường đẽ cặp đến như là chữ “M” và đáy là “W”. Các đặc điểm chung của một mẫu hình hai đỉnh tương tự như mẫu hình đầu và vai và mẫu hình ba đỉnh ngoại trừ nó chỉ có hai đỉnh thay vì ba. Mẫu hình khối lượng thì tương tự.

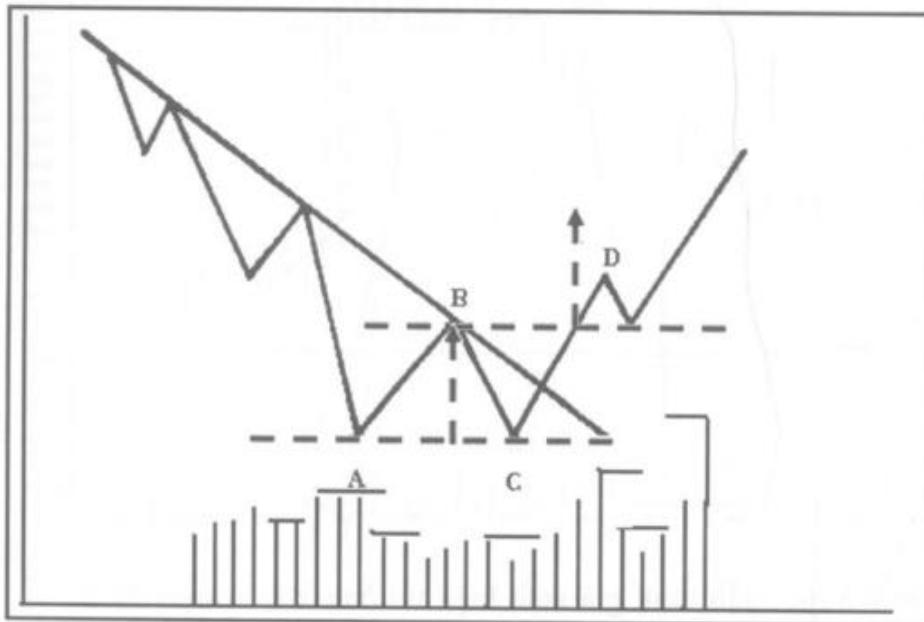
146 Phân tích kỹ thuật

Hình 5.5a: Ví dụ về mẫu hình hai đỉnh. Mẫu hình này có hai đỉnh (A và C) có mức độ tương đương nhau. Mẫu hình hoàn thành khi đáy giữa tại điểm B bị phá vỡ. Khối lượng thường ít hơn tại đỉnh thứ hai (C) và hồi phục tại điểm phá vỡ đi xuống (D). Mục tiêu đo lường tối thiểu là chiều cao của đỉnh phồng theo hướng xuống từ điểm phá vỡ.



Trong xu hướng đi lên (như thể hiện ở hình 5.5a) thị trường thiết lập một mức cao mới tại điểm A, thông thường khối lượng tăng, và sau đó giảm xuống đến điểm B ở mức khối lượng giao dịch giảm. Cho đến giờ mọi thứ diễn ra như kỳ vọng trong một xu hướng đi lên bình thường. Tuy nhiên, sự phục hồi tiếp theo kết thúc tại điểm C thì không thể vượt qua đỉnh trước đó tại A và bắt đầu giảm trở lại. Một mẫu hình hai đỉnh tiềm năng được thiết lập. Chúng tôi sử dụng từ “tiềm năng” vì nó như là một trường hợp trong tất cả các mẫu hình đảo chiều, việc đảo chiều sẽ không hoàn thành nếu giá biến động và kết thúc ở điểm chốt đõ trước đó (tại B). Nếu điều đó xảy ra, giá cả sẽ chỉ ở trong giai đoạn cung cõi nằm ngang, chuẩn bị cho việc tiếp tục duy trì xu hướng đi lên trước đó.

Hình 5.5b: Ví dụ về một mẫu hình hai đáy. Một hình ảnh phản chiếu của mẫu hình hai đỉnh. Khối lượng thì khá quan trọng phía trên nơi bị phá vỡ. Những sự dịch chuyển trở lại đến điểm phá vỡ là phổ biến hơn ở các đáy.



Hình 5.5c: Ví dụ về mẫu hình hai đáy.



Hình 5.5d: Ví dụ về mẫu hình hai đỉnh.**Hình 5.5e:** Những mẫu hình giá xuất hiện thường xuyên trên đồ thị về những mức trung bình của các cổ phiếu lớn.

Mẫu hình định lý tưởng có hai đỉnh ở cùng mức giá. Khối lượng giao dịch có xu hướng lớn hơn trong đỉnh thứ nhất và ít hơn ở đỉnh thứ hai. Một sự kết thúc có tính chất quyết định thấp hơn đáy giữa tại điểm B ở khối lượng giao dịch lớn hơn làm hoàn tất mẫu hình này và ra hiệu một sự đảo chiều của xu hướng. Một sự dịch chuyển ngược lại đến điểm gãy thì không có gì bất thường trước khi tiếp tục xu hướng đi xuống.

Kỹ thuật đo lường đối với mẫu hình hai đỉnh

Kỹ thuật đo lường đối với mẫu hình hai đỉnh là độ cao của mẫu hình được chiếu từ điểm gãy (là điểm mà ở đó đáy giữa tại B bị phá vỡ). Một cách khác là đo lường độ cao từ điểm A đến điểm B và chiếu độ dài thẳng xuống từ đáy giữa tại điểm B. Việc đo lường tại đáy thì làm tương tự, nhưng theo hướng khác.

Những biến thể từ mẫu hình lý tưởng

Như trong hầu hết các phần khác của phân tích thị trường tài chính, các ví dụ trong thực tế thường có một vài thay đổi so với trường hợp lý tưởng. Trên thực tế, thỉnh thoảng hai đỉnh thì không chính xác cùng một mức giá như nhau. Đôi khi đỉnh thứ hai không đạt được mức độ như đỉnh đầu tiên, điều này thì không thành vấn đề. Điều gây ra vài vấn đề là khi đỉnh thứ hai vượt quá đỉnh đầu tiên với một mức độ nhỏ. Điều mà ban đầu có thể nhầm tưởng là một điểm gãy có hiệu lực và tiếp tục xu hướng đi lên hóa ra là một phần của quy trình hình thành đỉnh. Để giải quyết tình trạng tiến thoái lưỡng nan này, một vài tiêu chuẩn lọc đã đề cập có thể có ích.

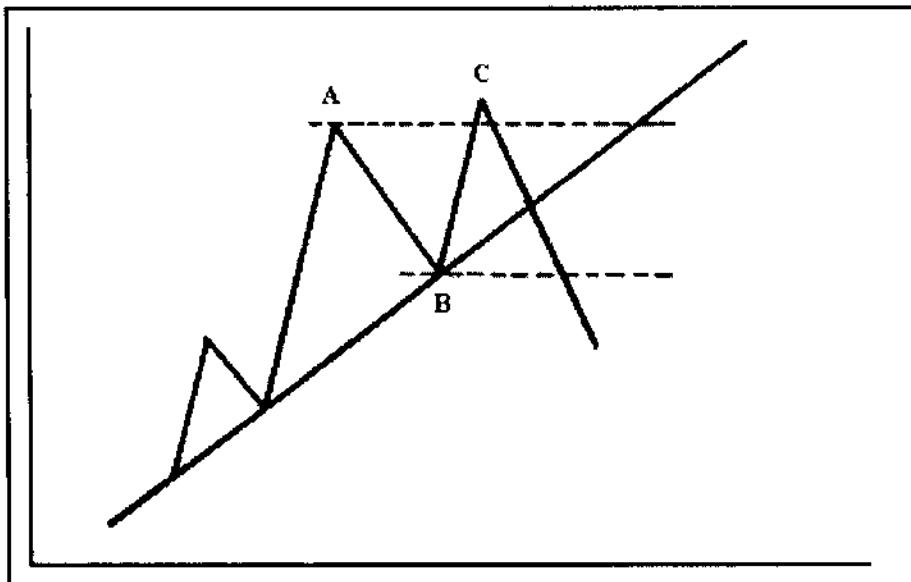
Lọc

Hầu hết các nhà phân tích bằng đồ thị yêu cầu một sự kết thúc dựa trên định kháng cự trước đó thay vì chỉ là một sự vượt quá. Thứ hai, một tiêu chuẩn lọc giá của một số mẫu hình có thể được sử dụng. Một ví dụ như vậy là một tiêu chuẩn phần trăm (chẳng hạn 1% hay 3%). Thứ ba, quy tắc hai ngày sẽ được sử dụng như là một ví dụ của tiêu chuẩn lọc thời gian. Nói cách khác, giá cả sẽ phải kết thúc cao hơn định thứ nhất trong hai ngày liên tiếp để ra hiệu một sự vượt quá có hiệu lực. Một tiêu chuẩn lọc thời gian khác có thể là giá đóng cửa của ngày thứ 6 ở trên đỉnh trước đó. Khối lượng giao dịch tại điểm gãy phía trên cũng có thể cung cấp một manh mối cho độ tin cậy của nó.

Các tiêu chuẩn lọc chắc chắn là không thể không có khả năng sai lầm song nó giúp làm giảm số lượng các tín hiệu sai thường xảy ra. Thỉnh thoảng, các tiêu chuẩn lọc này thì hữu dụng và đôi khi thì lại không. Nhà phân tích phải đối mặt với thực tế là anh ta hay cô ta đang xử lý tỷ lệ phần trăm hay xác suất và rằng sẽ có những khi các tín hiệu xấu xảy ra. Điều đó đơn giản là một mặt của hoạt động giao dịch trong thế giới thực.

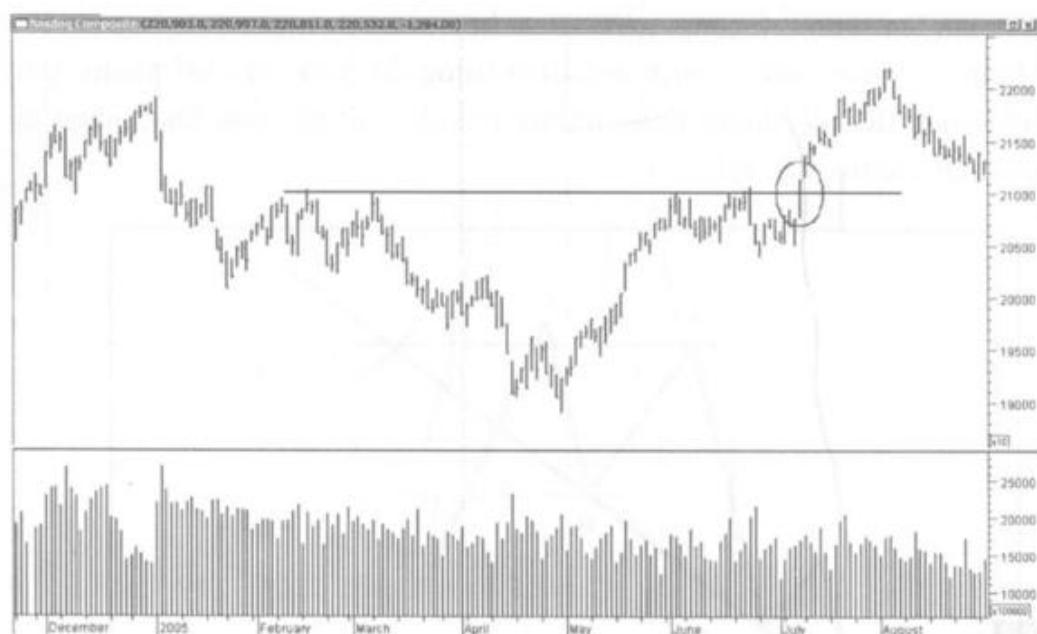
Sẽ không bình thường đối với giai đoạn cuối hay đợt sóng cuối của một thị trường giá lên để thiết lập một mức cao mới trước khi đảo ngược xu hướng. Trong trường hợp như vậy, điểm gãy trên cuối cùng sẽ trở thành một “cạm bẫy giá lên”. (Xem hình 5.6a và 5.6b) Chúng tôi sẽ cho bạn thấy một số công cụ chỉ báo sau đó để giúp bạn phát hiện ra các điểm gãy sai lệch này.

Hình 5.6a: Ví dụ về một sự phá vỡ lên trên sai, thường được gọi là cạm bẫy giá lên. Thỉnh thoảng, gần với sự kết thúc của một xu hướng giá lên chính, các mức giá sẽ vượt quá đỉnh trước đó trước khi sai phạm. Các nhà phân tích đồ thị sử dụng những lọc giá và thời gian khác nhau để giảm đi các tín hiệu sai.



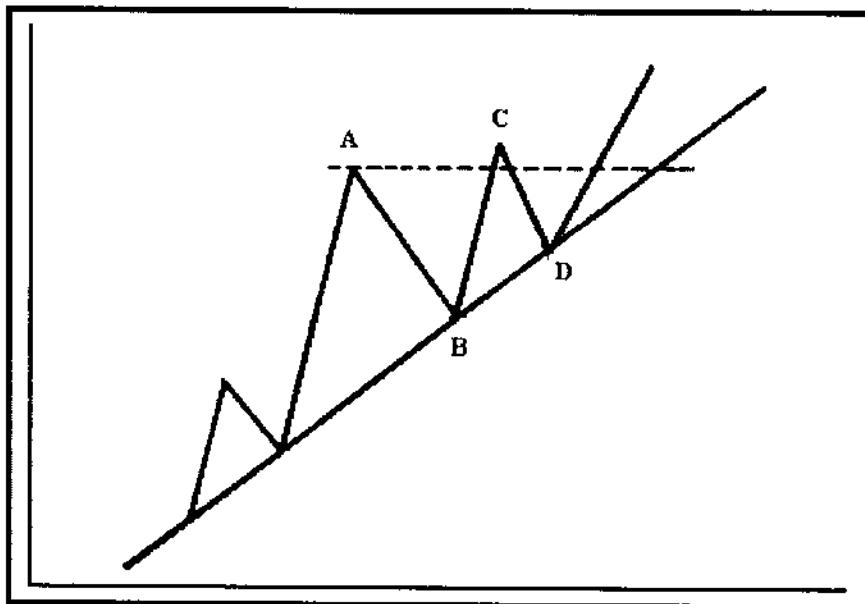
Thuật ngữ “hai đỉnh” quá bị lạm dụng

Thuật ngữ “Hai đỉnh và hai đáy” thì bị lạm dụng quá nhiều trong các thị trường tài chính. Hầu hết các đỉnh hay các đáy kép tiềm năng tăng cường là một điều gì đó khác. Lý do của vấn đề này là giá cả có một xu hướng trở lại mạnh mẽ từ đỉnh trước đó và vượt lên khỏi đáy trước đó. Những thay đổi trong giá này là một phản ứng tự nhiên và bản thân chúng không tạo thành một mẫu hình đảo chiều. Nên nhớ rằng, tại đỉnh, giá phải luôn biến động ở mức thấp hơn trước đó trước khi hai đỉnh xuất hiện.

Hình 5.6b: Ví dụ về một sự phá vỡ sai.

Chú ý trong hình 5.7a rằng giá tại điểm C trở lại từ đỉnh trước đó tại A. Đây là một hành động giá thông thường trong xu hướng đi lên. Tuy nhiên nhiều nhà giao dịch sẽ ngay lập tức gán mẫu hình này như là hai đỉnh ngay khi giá giảm xuống. Hình 5.7b cho thấy tình huống tương tự trong xu hướng giá giảm. Rất khó cho các nhà phân tích đồ thị xác định có sự thoái lùi từ đỉnh trước đó hoặc vượt quá đáy trước đó chỉ là một sự thiết lập lại tạm thời trong xu hướng hiện tại hoặc là sự khởi đầu của mẫu hình đảo chiều đỉnh và đáy. Vì lợi thế về mặt kỹ thuật thường ủng hộ sự củng cố xu hướng hiện tại nên thường là khôn ngoan để chờ đợi cho đến khi hoàn tất mẫu hình trước khi hành động.

Hình 5.7a: Ví dụ về một sự thoái lùi thông thường từ một đỉnh trước đó trước khi bắt đầu lại xu hướng tăng. Đây là hành động thị trường thông thường và không nên nhầm lẫn với một mẫu hình hai đỉnh. Mẫu hình hai đỉnh chỉ xảy ra khi đường chống đỡ tại điểm B bị phá vỡ.

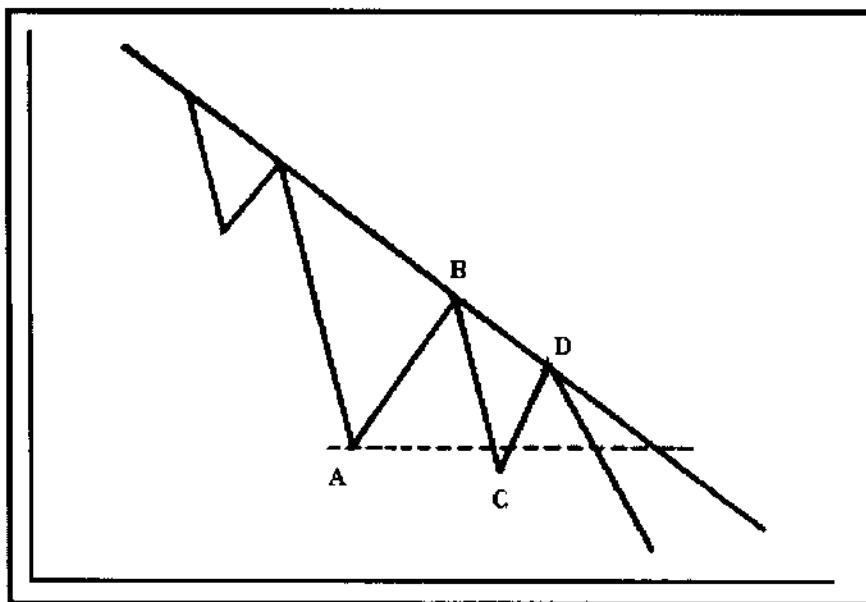


Thời gian giữa các đỉnh và đáy thì rất quan trọng

Cuối cùng, kích thước của mẫu hình thì luôn quan trọng. Khoảng thời gian giữa hai đỉnh càng dài và độ cao của mẫu hình càng lớn thì khả năng đảo ngược xu hướng sắp xảy ra càng lớn. Điều này đúng cho tất cả các mẫu hình đồ thị. Nói chung, hầu hết các mẫu hình hai đỉnh hoặc hai đáy có hiệu lực sẽ có ít nhất một tháng giữa hai đỉnh hoặc hai đáy. Thậm chí có những mẫu hình sẽ có khoảng hai hay ba tháng. (Trên các đồ thị có phạm vi rộng hơn như đồ thị theo tháng và theo tuần, thì những mẫu hình này có thể kéo dài một vài năm). Hầu hết các ví dụ được sử dụng trong phần thảo luận này diễn tả đối với các đỉnh thị trường. Người đọc sẽ biết ngay bây giờ rằng mẫu hình đáy là bức tranh phản chiếu của mẫu

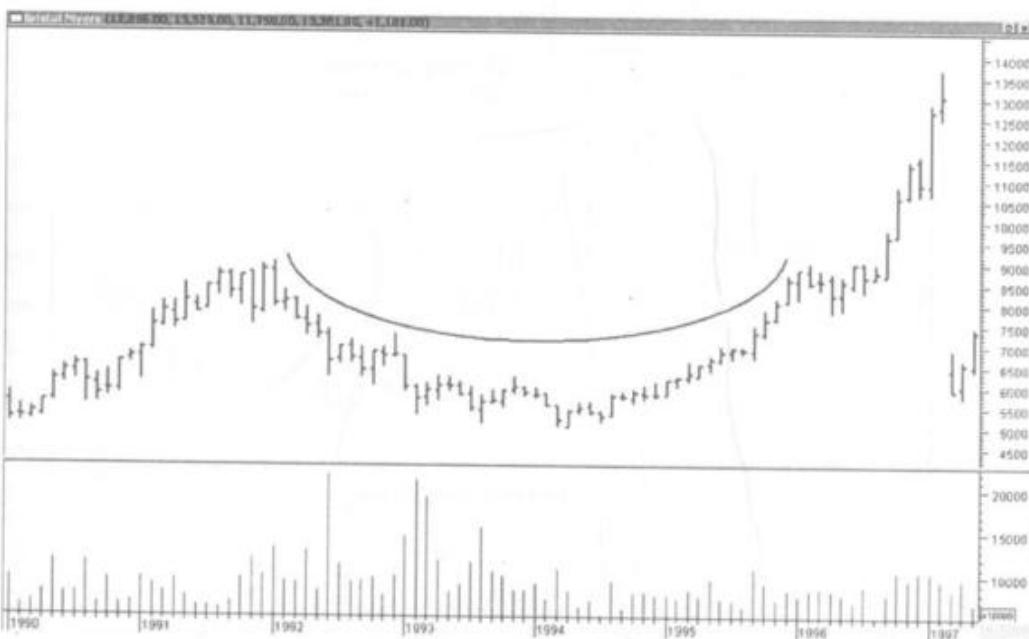
hình định ngoại trừ một vài sự khác biệt chung đã đề cập đến ở đầu chương.

Hình 5.7b: Ví dụ về một sự nảy lên thông thường một đáy trước đó. Đây là hành động thị trường thông thường và không nên nhầm lẫn với mẫu hình hai đáy. Thông thường các mức giá này lên so với mức đáy trước đó ít nhất một lần, làm cho người phân tích hấp tấp gán cho mẫu hình hai đáy.



Mẫu hình đĩa và mẫu hình thanh nhọn

Mặc dù không thường xuyên gặp nhưng những mẫu hình đảo chiều đôi khi có dạng của những chiếc đĩa hoặc các đáy tròn. Đáy hình chiếc đĩa cho thấy một sự đổi hướng rất từ từ và rất chậm từ thấp tới nằm ngang đến lên cao. Thật khó để nói một cách chính xác lúc nào mẫu hình đĩa này hoàn thành hoặc đo lường giá sẽ dịch chuyển ngược lại như thế nào. Các đáy của mẫu hình đĩa thì thường xuất hiện trên các đồ thị giá theo tháng hoặc theo tuần mà các đồ thị này kéo dài một vài năm. Chúng càng kéo dài thì càng trở nên quan trọng. (xem hình 5.8)

Hình 5.8: Đồ thị này thể hiện một mẫu hình đĩa (đáy tròn).

Các mẫu hình thanh nhọn là mẫu hình đảo chiều thị trường khó xử lý nhất vì mẫu hình thanh nhọn (hay mẫu hình chữ V) xảy ra rất nhanh với rất ít hoặc không có thời kỳ chuyển tiếp. Chúng thường xảy ra trong các thị trường mở rộng quá mức trong một xu hướng đến nỗi một mẫu thông tin bất lợi nào đó bất ngờ xảy đến làm cho thị trường đảo chiều đột ngột. Sự đảo hướng hàng ngày hoặc hàng tuần ở khối lượng giao dịch rất lớn thì thỉnh thoảng là lời cảnh báo duy nhất cho chúng ta. Trong trường hợp đó, không có gì hơn để chúng ta có thể nói ngoại trừ là chúng tôi hy vọng bạn sẽ không gặp phải nhiều tình huống như vậy. Một vài chỉ báo có tính chất kỹ thuật mà chúng ta sẽ thảo luận trong chương sau sẽ giúp bạn xác định khi nào thị trường đang gặp phải sự mở rộng quá mức. (xem hình 5.9).

Hình.5.9: Ví dụ về một mẫu hình thanh nhọn (mẫu hình chữ V).

Kết luận

Chúng ta vừa thảo luận xong năm loại mẫu hình đảo chiều được sử dụng phổ biến nhất – đầu và vai, hai đỉnh và hai đáy, ba đỉnh và ba đáy, mẫu hình đĩa, và mẫu hình chữ “V” (thanh nhọn). Trong số này thì phổ biến nhất là đầu và vai, hai đỉnh hai đáy, và ba đỉnh ba đáy. Những mẫu hình này thường phát ra tín hiệu đảo chiều quan trọng trong giá và được xếp vào các mẫu hình đảo chiều chính. Có các loại mẫu hình khác song về mặt bản chất chúng có kỳ hạn ngắn hơn và thường ám chỉ các mẫu hình cùng có xu hướng hơn là các mẫu hình đảo chiều. Những mẫu hình đó được gọi là các mẫu hình cùng cổ thì thích hợp hơn. Chúng ta sẽ xem loại mẫu hình này trong chương 6.

CÁC MẪU HÌNH CÙNG CỐ XU HƯỚNG

Giới thiệu

Các mẫu hình đồ thị xuyên suốt chương này được gọi là các mẫu hình cùng cố xu hướng. Các mẫu hình này thường cho thấy sự diễn biến của giá nằm ngang trên đồ thị, không có gì khác hơn đó là một sự tạm dừng xu hướng trước đó và sau đó giá sẽ tiếp tục dịch chuyển theo xu hướng đã hình thành trước đó. Đây là điểm phân biệt với các mẫu hình đảo chiều mà chúng ta đã nghiên cứu trong chương trước – những mẫu hình thường cho thấy sự đảo ngược xu hướng chính trong diễn biến của giá.

Một điểm khác biệt nữa giữa các mẫu hình đảo chiều và các mẫu hình cùng cố xu hướng là khoảng thời gian của chúng. Các mẫu hình đảo chiều thường mất nhiều thời gian để thiết lập hơn và đại diện cho những thay đổi xu hướng chính. Trong khi đó các mẫu hình cùng cố xu hướng thường có thời gian ngắn hơn và được xếp vào loại các mẫu hình ngắn hạn hay các mẫu hình trung gian.

Chú ý việc sử dụng thuật ngữ “thường”. *Việc xử lý tất cả các mẫu hình đồ thị cần thiết phải kết hợp với xu hướng chung chứ không phải như những quy tắc cứng nhắc*. Nhớ rằng luôn có những ngoại lệ. Thậm chí việc nhóm các mẫu hình giá thành các loại khác nhau đôi khi ít có ý nghĩa. Dạng tam giác thường là các mẫu hình cùng cố xu hướng nhưng đôi khi nó lại đóng vai trò như là các mẫu hình đảo chiều. Mặc dù mẫu

hình tam giác thường được xem như các mẫu hình trung gian nhưng đôi khi chúng cũng có thể xuất hiện trên các đồ thị dài hạn và có ý nghĩa đối với xu hướng chính. Một biến thể khác của dạng hình tam giác – dạng đảo ngược – thường đưa ra tín hiệu của đỉnh thị trường trong mẫu hình đảo chiều chính. Ngay cả mẫu hình đầu và vai, được xem là mẫu hình đảo chiều chính phổ biến nhất, cũng thỉnh thoảng được xem như là một mẫu hình cung cổ xu hướng.

Mặc dù có sự nhập nhằng và các tình huống ngoại lệ, các mẫu hình đồ thị nói chung sẽ rơi vào hai nhóm trên và nếu được lý giải phù hợp, chúng có thể giúp các nhà phân tích đồ thị xác định được thị trường có khả năng dịch chuyển phần lớn theo nhóm nào.

Mẫu hình dạng tam giác

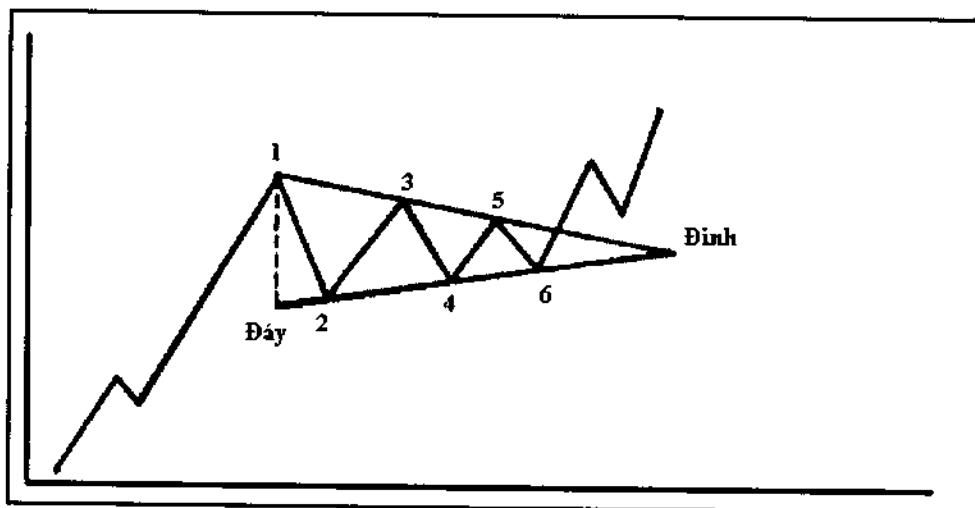
Chúng ta hãy bắt đầu các thảo luận về mẫu hình cung cổ xu hướng với mẫu hình dạng tam giác. Có ba loại hình tam giác – tam giác đều, dạng tam giác hướng lên và dạng tam giác hướng xuống. (Một số nhà phân tích đồ thị đưa ra thêm loại hình tam giác thứ tư gọi là tam giác mở rộng. Loại này sẽ được thảo luận như là một mẫu hình riêng biệt sau đó). Mỗi loại tam giác có hình dạng hơi khác nhau và có các hàm ý dự báo khác nhau.

Hình 6.1a đến 6.1c thể hiện các ví dụ về hình dạng của mỗi loại hình tam giác. Tam giác đối xứng (xem hình 6.1a) cho thấy hai đường xu hướng hội tụ nhau, đường cao hơn thì dốc xuống và đường thấp hơn thì dốc lên. Đoạn thẳng phía trái đo lường chiều cao của mẫu hình và được gọi là cạnh đáy. Điểm cắt nhau bên phải, chỗ hai đường này gặp nhau, được gọi là đỉnh tam giác. Vì một vài lý do mà dạng tam giác đều cũng được gọi là dạng sóng.

Dạng tam giác hướng lên có một đường phía dưới hướng lên và một đường thẳng nằm ngang phía trên (hình 6.1b). Ngược lại dạng tam giác xuống (hình 6.1c) có đường phía trên dốc xuống và một đường bên dưới

nằm ngang. Chúng ta sẽ xem các cạnh của mỗi dạng tam giác này cắt nhau như thế nào.

Hình 6.1a: Ví dụ về dạng tam giác đối xứng trong thị trường đầu cơ giá lên. Lưu ý rằng hai đường xu hướng hội tụ nhau. Một sự kết thúc vượt ra ngoài cả hai đường này hoàn tất xu hướng. Đường thẳng đứng phía trái là đáy. Điểm cắt nhau của hai đường xu hướng ở bên phải là đỉnh tam giác.



Mẫu hình dạng tam giác đều

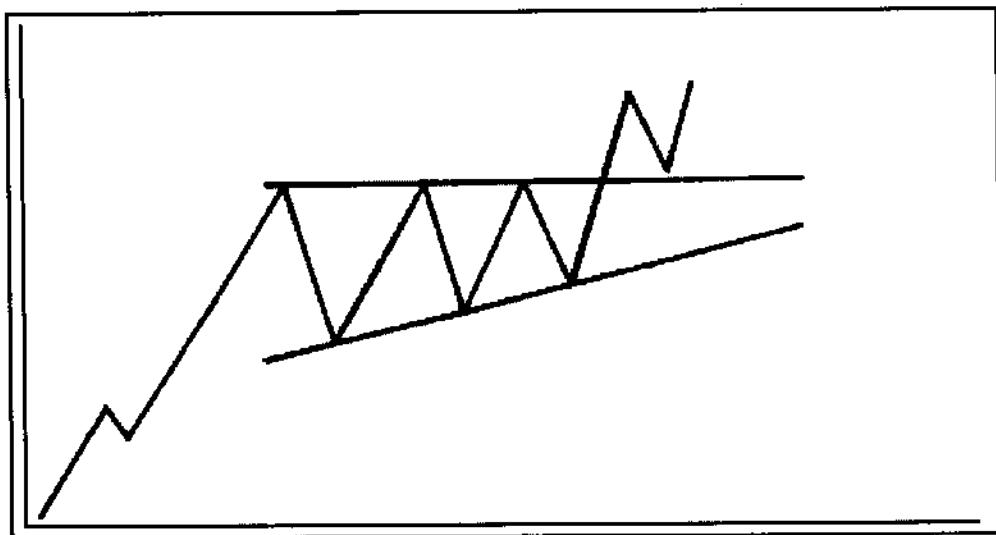
Tam giác đều (hay dạng sóng) thường là mẫu hình cung cõ xu hướng. Nó thể hiện một sự tạm dừng xu hướng đã tồn tại sau đó xu hướng hiện tại sẽ được phục hồi. Trong ví dụ ở hình 6.1a, xu hướng trước đó đang đi lên, vì thế nhiều khả năng ủng hộ mẫu hình cung cõ dạng tam giác theo hướng lên. Nếu xu hướng trước đó là đi xuống thì tam giác đều sẽ có hàm ý là thị trường đầu cơ giá xuống.

Yêu cầu tối thiểu đối với một tam giác là bốn điểm đảo ngược. Hãy nhớ rằng luôn cần hai điểm để vẽ được một đường xu hướng. Vì thế, để vẽ hai đường xu hướng hội tụ, mỗi đường phải tiếp xúc ít nhất là hai lần.

Trong hình 6.1a, tam giác đều bắt đầu tại điểm 1, đó là nơi cung cấp xu hướng lên bắt đầu. Giá cả sẽ kéo ngược trở lại đến điểm 2 và sau đó phục hồi đến điểm 3. Tuy nhiên, điểm 3 thấp hơn điểm 1. Đường xu hướng phía trên chỉ có thể được vẽ một khi giá đã giảm xuống điểm 3.

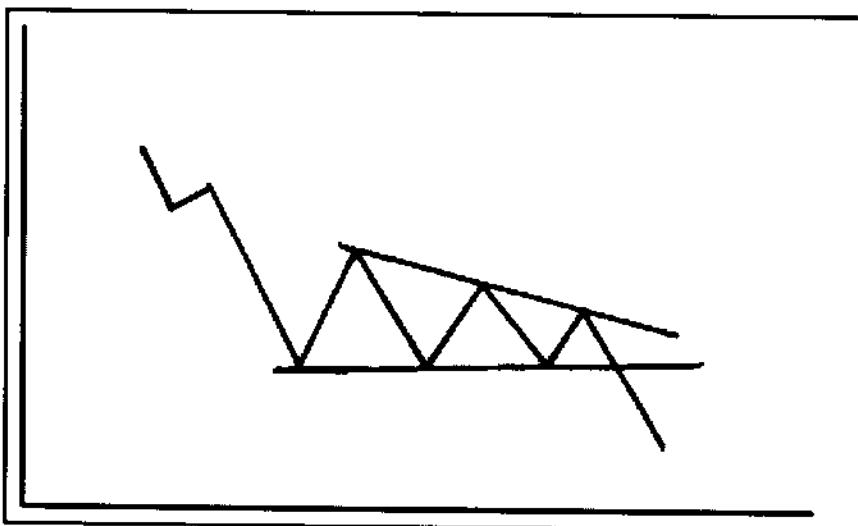
Chú ý điểm 4 cao hơn điểm 2. Chỉ khi giá phục hồi đến điểm 4 thì đường xu hướng dốc lên mới được vẽ. Tại đây nhà phân tích mới bắt đầu hoài nghi là mình đang gặp dạng tam giác đều. Bây giờ có bốn điểm (1, 2, 3 và 4) và hai đường xu hướng hội tụ.

Hình 6.1b: Ví dụ về dạng tam giác lên. Lưu ý rằng đường phía trên nằm ngang và đường phía dưới dốc lên. Dạng này thường thấy trong thị trường giá lên.



Mặc dù yêu cầu tối thiểu là cần 4 điểm đảo chiều nhau, nhưng nhiều tam giác có tới 6 điểm đổi chiều như ở hình 6.1a. Điều này có nghĩa là thực chất có 3 đỉnh và ba đáy kết hợp lại để hình thành nên 5 sóng trong lòng tam giác đều trước khi xu hướng lên phục hồi. (Khi thảo luận tới lý thuyết sóng Elliott, chúng ta sẽ nói nhiều hơn về xu hướng 5 sóng trong lòng tam giác).

Hình 6.1c: Ví dụ về dạng tam giác xuồng. Lưu ý rằng đường phía dưới nằm ngang và đường phía trên dốc xuồng. Dạng này thường thấy trong thị trường giá xuồng.



Giới hạn thời gian đối với việc hình thành mẫu hình tam giác

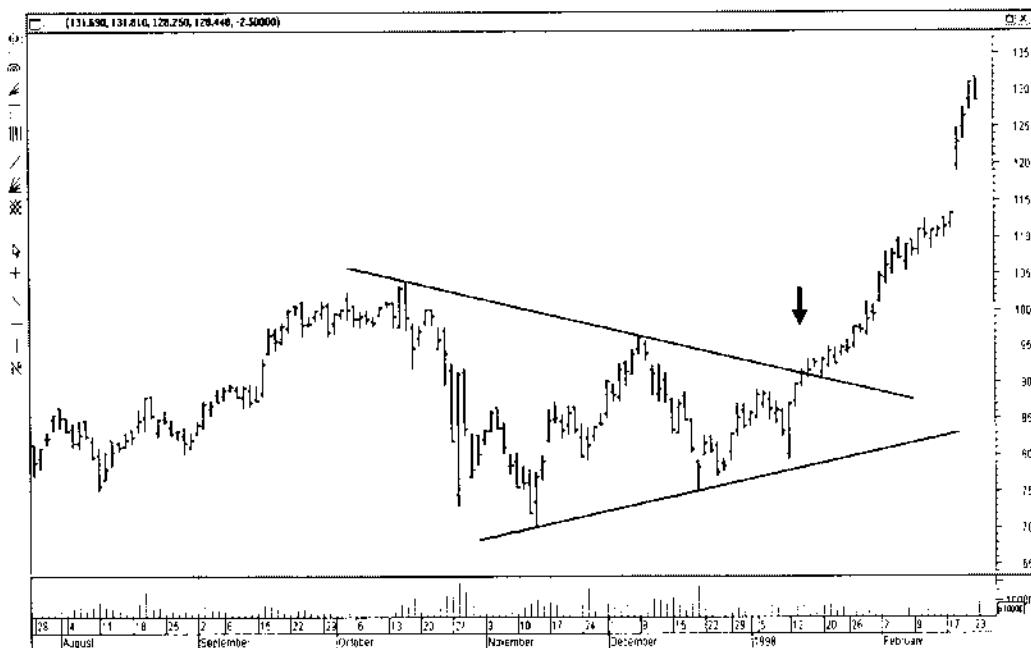
Có một giới hạn về thời gian cho việc hoàn tất mẫu hình này và đó là thời điểm mà ở đó hai đường xu hướng cắt nhau – tại đỉnh. Nguyên tắc chung là, giá sẽ phá vỡ xu hướng trước đó ở giữa 2/3 đến 3/4 chiều rộng nằm ngang của tam giác. Có nghĩa là khoảng cách từ cạnh đáy phía trái đến đỉnh tam giác phía bên phải. Vì hai đường xu hướng phải cắt nhau tại một điểm nên phạm vi thời gian có thể được đo lường một khi hai đường hội tụ này được vẽ ra. Một sự phá vỡ đường xu hướng phía trên có tín hiệu từ một sự vượt quá đường này. Nếu giá cả vẫn duy trì trong lòng tam giác trên điểm 3/4, thì tam giác bắt đầu mất hiệu lực và thường có nghĩa là giá cả sẽ tiếp tục đạt về phía đỉnh và vượt ra ngoài phạm vi đỉnh.

Vì thế, mẫu hình tam giác cung cấp một sự kết hợp thú vị giữa giá và thời gian. Hai đường hội tụ hình thành nên đường biên giá của mẫu hình và cho thấy tại điểm nào thì mẫu hình hoàn tất và đường xu hướng được

162 Phân tích kỹ thuật

khôi phục bởi sự xuyên qua của đường xu hướng phía trên (trong trường hợp thị trường giá lên). Nhưng những đường xu hướng này cũng cung cấp một mục tiêu về thời gian bằng cách đo lường độ rộng của mẫu hình. Chẳng hạn độ rộng là 20 tuần thì sự phá vỡ sẽ xảy ra ở đâu đó từ tuần thứ 13 đến tuần thứ 15. (xem hình 6.1d).

Hình 6.1d: Sự hình thành tam giác đều trong quý 4 năm 1997. Được đo lường từ trái sang phải, độ rộng của tam giác là 18 tuần. Giá bị phá vỡ vào tuần thứ 13 (xem mũi tên), chỉ trên mức 2/3.



Tín hiệu xu hướng thực tế sẽ được chỉ ra bởi sự phá vỡ có tính quyết định của một trong hai đường xu hướng này. Đôi khi giá dịch chuyển ngược trở lại đường xu hướng sau khi bị phá vỡ. Trong xu hướng lên, đường này trở thành đường chống đỡ. Trong xu hướng xuống đường bên dưới sẽ trở thành đường kháng cự một khi nó bị phá vỡ. Mẫu tam giác cũng giữ vai trò như là một mức chống đỡ hay mức duy trì quan trọng sau khi sự phá vỡ xảy ra. Tiêu chuẩn xuyên qua có thể được áp dụng đối

với sự phá vỡ này, tương tự như sự phá vỡ đã xem xét ở hai chương trước đó. Một tiêu chuẩn vượt quá tối thiểu sẽ là giá đóng cửa ở bên ngoài đường xu hướng và không chỉ vượt quá trong ngày.

Tầm quan trọng của khối lượng

Khối lượng giao dịch sẽ giảm khi giá dịch chuyển hép trong phạm vi tam giác. Xu hướng khối lượng nhỏ lại đúng cho tất cả các mẫu hình cung cố xu hướng. Nhưng khối lượng sẽ tăng lên đáng ngạc nhiên tại nơi giá bứt phá đường xu hướng để hoàn thành mẫu hình. Sự dịch chuyển ngược lại sẽ ở mức khối lượng thấp và hoạt động giao dịch sôi động trở lại khi xu hướng phục hồi trở lại.

Hai điểm khác cần đề cập liên quan tới khối lượng giao dịch. Cũng như trong trường hợp của mẫu hình đảo chiều, khối lượng thì quan trọng hơn đối với phía trên hơn là phía dưới. Một sự gia tăng trong khối lượng thì cần thiết để phục hồi trở lại xu hướng lên trong tất cả các mẫu hình cung cố xu hướng.

Điểm thứ hai về khối lượng là cho dù hoạt động giao dịch giảm trong suốt thời gian hình thành mẫu hình nhưng một sự xem xét cuối cùng về khối lượng thường cho chúng ta một manh mối liên quan tới khối lượng giao dịch lớn hơn có xảy ra trong thời kỳ dịch chuyển đi lên và đi xuống hay không. Chẳng hạn, trong xu hướng lên có một xu hướng nhỏ là khối lượng sẽ lớn hơn tại các đường biên và thấp hơn tại các mức giá giảm (mức đáy).

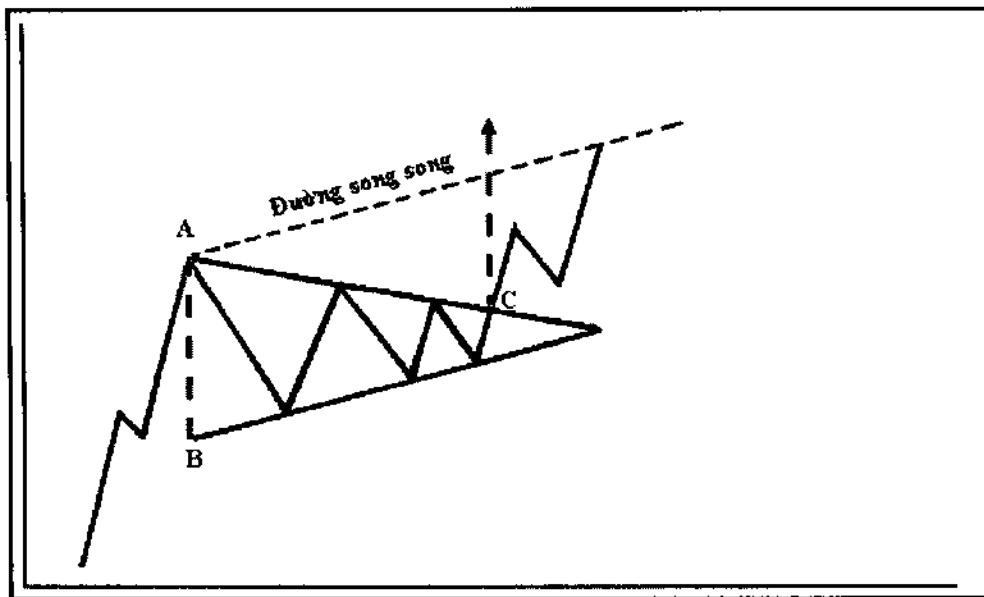
Kỹ thuật đo lường

Mỗi loại tam giác có kỹ thuật đo lường khác nhau. Đối với tam giác đều, có hai kỹ thuật thường được sử dụng. Kỹ thuật đơn giản nhất là đo chiều cao của đường thẳng ở phần rộng nhất của tam giác (ở đáy) và đo lường khoảng cách đó từ điểm bị phá vỡ. Hình 6.2 cho thấy khoảng cách được kẻ từ điểm bị phá vỡ.

164 Phân tích kỹ thuật

Phương pháp thứ hai là vẽ một đường xu hướng từ đỉnh của cạnh đáy (đỉnh A) song song với đường xu hướng bên dưới. Đường này sau đó sẽ trở thành đường mục tiêu phía trên trong xu hướng lên. Đôi khi giá có thể chạm đến đường kênh giá cùng lúc hai đường hội tụ gặp nhau tại đỉnh. Đôi khi giá sẽ đạt đến đường kênh này ở thời điểm hai đường hội tụ gặp nhau tại đỉnh tam giác.

Hình 6.2: Có hai cách đo lường đối với tam giác đều. Cách thứ nhất đo lường độ cao của đáy (AB); chiều đoạn thẳng đứng này từ điểm bị phá vỡ C. Cách thứ hai là kẻ một đường song song hướng lên từ đỉnh của cạnh đáy (A) song song với cạnh thấp hơn của hình tam giác.

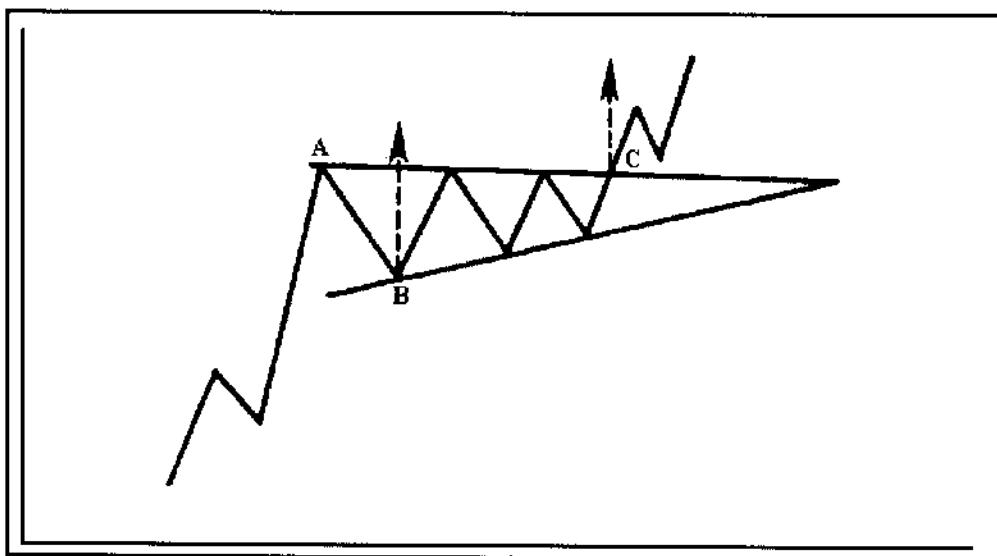


Mẫu hình tam giác hướng lên

Các tam giác hướng lên và hướng xuống là các biến thể của tam giác đều nhưng chúng có hàm ý dự báo khác nhau. Hình 6.3a và 6.3b cho chúng ta thấy những ví dụ về một tam giác hướng lên. Chú ý rằng đường xu hướng phía trên nằm ngang trong khi đường xu hướng bên dưới dốc lên.

Mẫu hình này cho thấy người mua lớn hơn người bán. Nó được xem là mẫu hình đầu cơ giá lên và thường được hoàn thành khi đường phía trên bị phá vỡ.

Hình 6.3a: Một ví dụ về dạng tam giác hướng lên. Mẫu hình này hoàn tất tại mức giá kết thúc có tính chất quyết định vượt đường xu hướng trên. Sự phá vỡ này sẽ có một sự tăng mạnh trong khối lượng. Đường duy trì phía trên sẽ giữ vai trò là mức chống đỡ cho xu hướng tiếp theo sau khi bị phá vỡ. Mục tiêu giá tối thiểu đạt được bằng cách đo độ cao của tam giác (AB) và chiều khoảng cách đó thẳng lên từ điểm bị phá vỡ C.



Cả dạng tam giác lên và xuống đều khác với dạng tam giác đều ở một số điểm rất quan trọng. Các mẫu hình tam giác lên xuống này xuất hiện bất kỳ ở đâu trong cấu trúc xu hướng, chúng đều có hàm ý dự báo hết sức rõ ràng. Tam giác lên thể hiện thị trường tăng giá, tam giác xuống thể hiện một thị trường giảm giá. Ngược lại, tam giác đều vốn dĩ là một mô hình trung tính. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là mẫu hình tam giác đều không có giá trị dự báo. Ngược lại, vì tam giác đều là mẫu hình cung cổ xu hướng nên các nhà phân tích phải đơn giản xem xét để thấy xu hướng trước đó và sau đó giả định rằng xu hướng trước đó vẫn tiếp tục.

Chúng ta hãy trở lại với dạng tam giác lên. Như đã xác định, tam giác lên là thị trường giá lên. Một mức giá kết thúc có tính chất quyết định ở trên đường xu hướng nằm ngang phía trên ra hiệu sự bứt phá. Như trong trường hợp của tất cả các phá vỡ bên trên có hiệu lực, khối lượng sẽ tăng đáng kể ở chỗ bị phá vỡ. Một sự dịch chuyển ngược lại đường chống đỡ (đường nằm ngang phía trên) không phải là bất thường và sẽ xảy ra ở khối lượng giao dịch nhỏ.

Hình 6.3b: Chỉ số Dow Transport hình thành nên tam giác giá lên ở gần cuối của năm 1997. Chú ý đường nằm ngang phía trên ở mức 3400 và đường phía dưới dốc lên. Dạng này thì thông thường là mẫu hình giá lên không kể nó xuất hiện ở đâu trên đồ thị.



Kỹ thuật đo lường

Kỹ thuật đo lường đối với tam giác lên tương đối đơn giản. Đơn giản là đo chiều cao của mẫu hình tại điểm rộng nhất của nó và chiều khoảng cách đó từ điểm bị phá vỡ. Đây chỉ là một ví dụ khác về việc sử dụng độ biến động của mẫu hình giá để xác định mục tiêu giá tối thiểu.

Mẫu hình tam giác lên như là một mẫu hình đáy

Mặc dù hầu hết các tam giác lên thường xuất hiện trong xu hướng lên và được xem là một mẫu hình cung cố xu hướng, nhưng thỉnh thoảng nó vẫn xuất hiện như là một mẫu hình đáy. Không có gì bất thường đối với việc kết thúc xu hướng đi xuống để thấy một xu hướng tam giác lên hình thành. Tuy nhiên, ngay cả trong tình huống này, mẫu hình này là xu hướng thị trường đầu cơ giá lên. Sự phá vỡ đường xu hướng trên ra hiệu hoàn thành cạnh đáy và được xem là một tín hiệu giá tăng. Cả tam giác lên và xuống đều thỉnh thoảng được đề cập như là các tam giác có góc nghiêng bên phải.

Mẫu hình tam giác hướng xuống

Mẫu hình tam giác hướng xuống chỉ là một bức tranh phản chiếu của mẫu hình tam giác hướng lên và nói chung được xem như là một mẫu hình đầu cơ giá xuống. Chú ý hình 6.4a và 6.4b, đường phía trên dốc xuống và đường phía dưới thì nằm ngang. Mẫu hình này cho thấy người bán nhiều hơn người mua. Một sự kết thúc có tính quyết định dưới đường xu hướng bên dưới, thể hiện một tín hiệu đi xuống, thường ở khối lượng giao dịch tăng. Một sự dịch chuyển ngược trở lại thỉnh thoảng xảy ra và gấp mức chống đỡ ở đường xu hướng bên dưới.

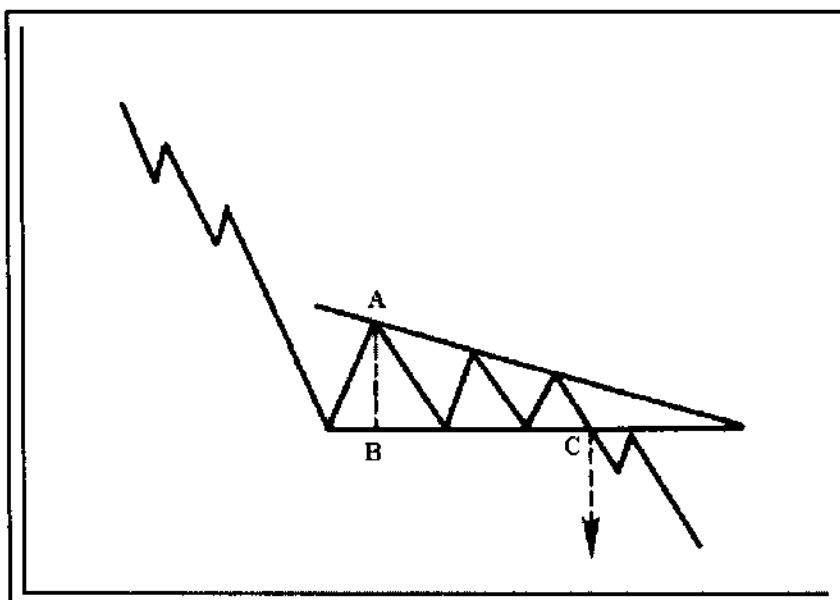
Kỹ thuật đo lường giống hoàn toàn với mẫu hình tam giác hướng lên nghĩa là nhà phân tích phải đo lường chiều cao của mẫu hình tại đáy ở phía bên trái và sau đó chiều khoảng cách này từ điểm bị phá vỡ.

Mẫu hình tam giác hướng xuống giống như một mẫu hình đỉnh

Mặc dù mẫu hình tam giác xuống là một mẫu hình cung cố xu hướng và thường gặp trong các xu hướng giảm giá, nhưng đôi khi không có gì là bất thường nếu tìm thấy mẫu hình này ở đỉnh của thị trường. Loại mẫu hình này thì không quá khó để nhận ra khi nào nó xuất hiện trong quá

trình hình thành đỉnh. Trong trường hợp đó, mức giá kết thúc ở dưới đường xu hướng nằm ngang bên dưới sẽ ra hiệu một sự đảo ngược xu hướng chính đến đường bên dưới.

Hình 6.4a: Mẫu hình một tam giác xuồng, mẫu hình giảm giá này hoàn tất bằng một mức giá kết thúc có tính quyết định nằm dưới đường nằm ngang phía dưới. Kỹ thuật đo là độ cao tam giác (AB) và chiều xuồng từ điểm bị phá vỡ C.



Mẫu hình khối lượng

Khối lượng trong cả mẫu hình tam giác lên và xuồng rất giống nhau, trong đó khối lượng giao dịch giảm trong mẫu hình nhưng gia tăng khi bị phá vỡ. Như trong trường hợp tam giác đều, trong quá trình hình thành mẫu hình, nhà phân tích đồ thị có thể phát hiện ra những thay đổi tinh tế trong khối lượng xảy ra đồng thời với mức thay đổi trong diễn biến của giá. Điều này có nghĩa là trong mẫu hình tam giác hướng lên, khối lượng có xu hướng tăng nhẹ ở đường biên và thấp hơn ở đáy. Trong mẫu hình

tam giác hướng xuống khỏi lượng giao dịch sẽ lớn hơn ở bên dưới nhưng thấp hơn ở biên trên.

Hình 6.4b: Một tam giác xuống trong thị trường giá giảm được hình thành trong Du Pont vào mùa thu năm 1997. Đường phía trên dốc xuống trong khi đường phía dưới thì nằm ngang. Sự phá vỡ khỏi đường phía dưới vào đầu tháng 10 đã kết thúc mẫu hình tam giác xuống.



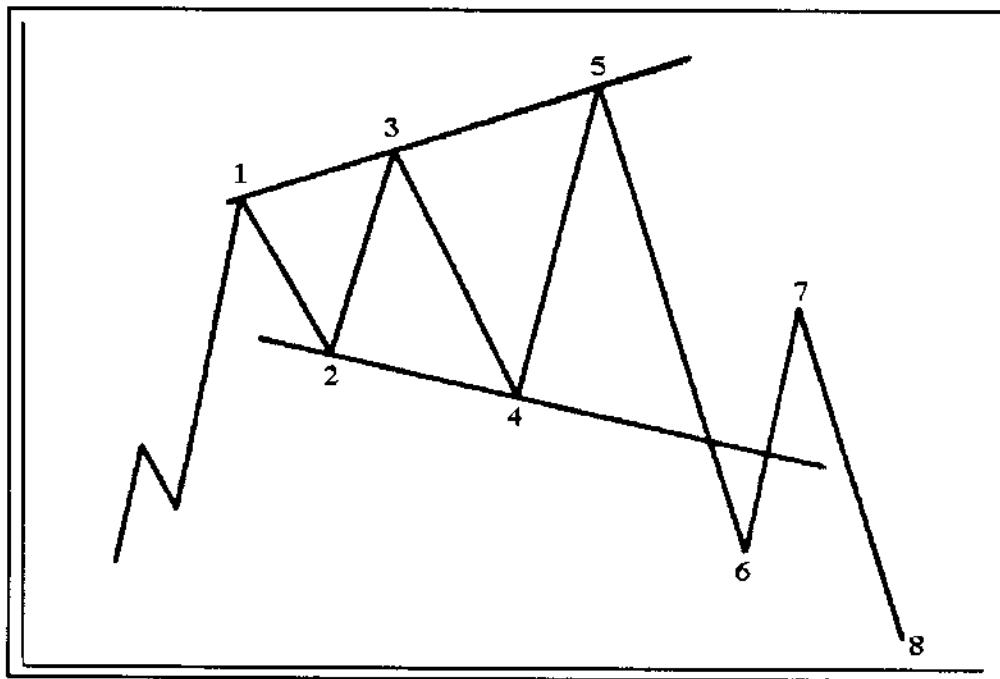
Nhân tố thời gian trong các mẫu hình tam giác

Một nhân tố cuối cùng được xem xét trong chủ đề các mẫu hình tam giác là phạm vi thời gian. Một mẫu hình tam giác được xem như là một mẫu hình trung gian có nghĩa là nó thường kéo dài hơn một tháng để hình thành nhưng nói chung thường không vượt quá ba tháng. Một mẫu hình tam giác kéo dài ít hơn một tháng có khả năng là một mẫu hình khác, chẳng hạn như dạng cờ đuôi heo mà chúng ta sẽ thảo luận ngắn gọn. Như đã đề cập trước đây, các tam giác đôi khi xuất hiện trên đồ thị dài hạn nhưng bản chất của chúng vẫn không có gì thay đổi.

Mẫu hình tam giác mở rộng

Mẫu hình giá kế tiếp này là một biến tướng khác thường của dạng tam giác và tương đối hiếm. Nó thường là một tam giác ngược. Tất cả các mẫu hình tam giác đã xem xét cho đến bây giờ cho thấy có điểm hội tụ của các đường xu hướng. Nhưng mẫu hình tam giác mở rộng này, đúng như tên gọi của nó, thì ngược lại. Như mẫu hình ở hình 6.5 cho thấy các đường xu hướng phân kỳ trong một hình thức mở rộng, tạo nên một bức tranh trông giống như một tam giác mở. Mẫu hình này cũng được gọi là mẫu hình loa.

Hình 6.5: Mẫu hình tam giác mở rộng. Dạng tam giác mở rộng này thường xảy ra tại các đỉnh thị trường. Nó cho thấy ba đỉnh cao và hai đáy giảm. Sự biến động của đáy thứ hai làm hoàn tất mẫu hình. Đây là một mẫu hình khó bắt thường cho giao dịch và rất may loại này tương đối hiếm xảy ra.



Mẫu hình khối lượng ở đây cũng khác biệt. Trong các mẫu hình tam giác khác, khối lượng có xu hướng giảm khi giá thay đổi trong phạm vi hẹp của tam giác. Nhưng trong mẫu hình tam giác mở rộng này thì ngược lại. Khối lượng có xu hướng mở rộng cùng với sự thay đổi giá rộng hơn. Tình huống này thể hiện một thị trường vượt ngoài tầm kiểm soát và biến động bất thường. Vì mẫu hình này cũng thể hiện một khối lượng tham gia thị trường bất thường của công chúng nên nó thường xảy ra tại các đỉnh của thị trường. Vì thế mẫu hình tam giác mở rộng thường là một mẫu hình trong thị trường giá xuống. Nó thường xuất hiện gần cuối của thị trường giá lên chính.

Mẫu hình cờ hiệu và cờ đuôi nheo

Các mẫu hình cờ hiệu và cờ đuôi nheo thì khá phổ biến. Chúng thường được xem xét cùng với nhau vì chúng thường xuất hiện như nhau, thể hiện ở vị trí tương tự nhau trong xu hướng hiện tại và có cùng các tiêu chuẩn khối lượng và tiêu chuẩn đo lường.

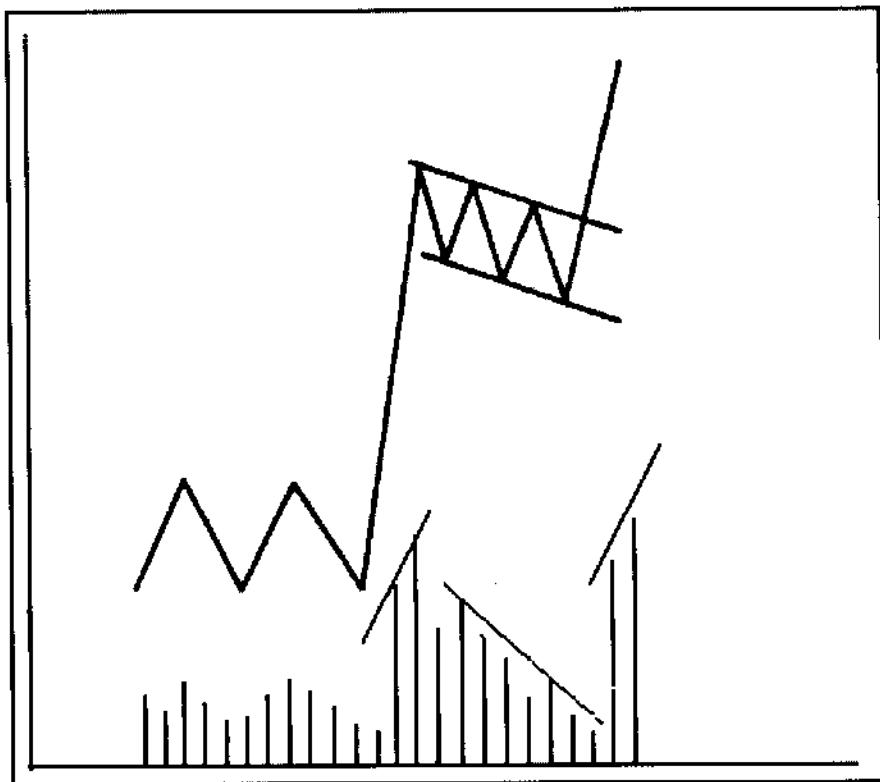
Dạng cờ hiệu và cờ đuôi nheo cho thấy một sự tạm dừng ngắn trong hướng chính của thị trường. Thực chất, một trong các yêu cầu đối với cả hai mẫu hình này là ở chỗ đi trước chúng là một sự dịch chuyển gần như theo đường thẳng và rất dốc. Chúng thể hiện cho tình huống mà ở đó có sự tăng vọt hoặc giảm mạnh và tại đó thị trường tạm dừng trong thời gian ngắn để “bắt kịp nhịp độ” trước khi tiếp tục xu hướng cũ.

Loại mẫu hình cờ này là những mẫu hình cùng có xu hướng đáng tin cậy nhất và hiếm khi gây ra một sự đảo ngược xu hướng. Hình 6.6a và 6.6b cho thấy hình dạng hai mẫu hình cờ hiệu và cờ đuôi nheo này. Để bắt đầu, chúng ta lưu ý rằng giá tăng nhanh xảy ra trước khi hình thành mẫu hình ở khối lượng giao dịch cao. Cũng nên chú ý rằng, sự giảm mạnh của hoạt động giao dịch khi các mẫu hình đã hình thành và sau đó tăng đột ngột ở trên điểm phá vỡ.

Xây dựng các mẫu hình cờ hiệu và cờ đuôi nheo

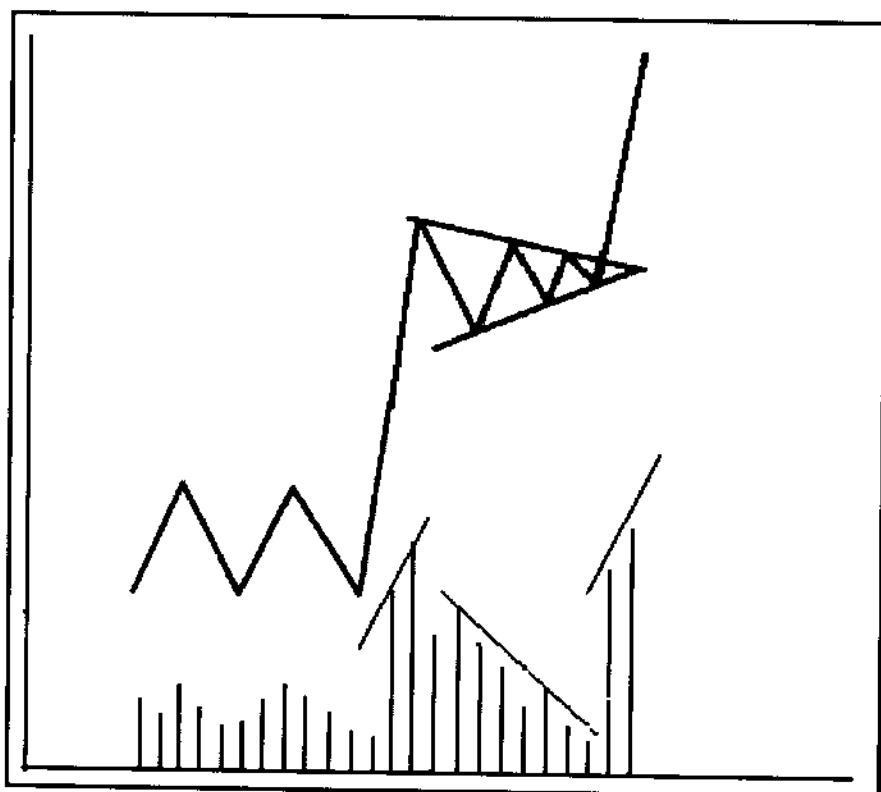
Việc xây dựng hai mẫu hình này ít có sự khác nhau. Dạng hình cờ hiệu giống với hình bình hành hoặc hình chữ nhật, được biểu thị bởi hai đường xu hướng song song, hai đường xu hướng này dốc ngược lại so với xu hướng trước đó. Trong xu hướng xuống cờ hiệu này sẽ có độ dốc nhẹ đi lên.

Hình 6.6a: Ví dụ của một dạng hình cờ hiệu trong thị trường đầu cơ giá lên. Cờ hiệu này thường xảy ra sau một sự tăng giá đột ngột và thể hiện cho một sự tạm dừng trong thời gian ngắn của xu hướng thị trường. Cờ hiệu này sẽ dốc xuống ngược với xu hướng ban đầu. Khối lượng giao dịch sẽ rất lớn trước khi hình thành và trên điểm bị phá vỡ. Dạng cờ hiệu thường xuất hiện gần với điểm giữa của xu hướng.



Mẫu hình cờ đuôi nheo được xác định bởi hai đường thẳng hội tụ và nằm ngang nhiều hơn. Nó rất giống với mẫu hình tam giác đều nhỏ. Một yếu cầu quan trọng đó là khối lượng sẽ rất thấp trong quá trình hình thành mẫu hình.

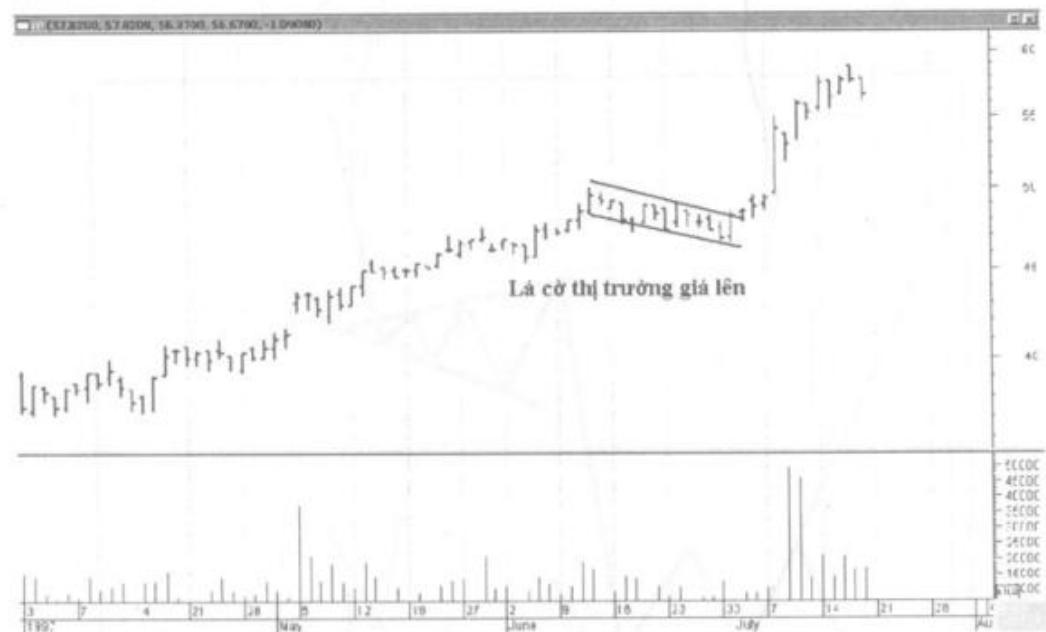
Hình 6.6b: Mẫu hình cờ đuôi nheo trong một thị trường đầu cơ giá lên. Giống như một tam giác đều nhưng chỉ kéo dài không quá ba tuần. Khối lượng giao dịch sẽ ở mức thấp trong quá trình hình thành mẫu hình. Sự dịch chuyển của giá sau khi cờ đuôi nheo hoàn thành sẽ gấp đôi mức dịch chuyển trước đó.



Cả hai mẫu hình này có kỳ hạn tương đối ngắn và sẽ hoàn tất trong vòng một đến ba tuần. Dạng cờ hiệu và cờ đuôi nheo trong xu hướng xuống có thể cần ít thời gian hơn để hình thành và thường kéo dài không quá một hoặc hai tuần. Cả hai mẫu hình đều hoàn tất ở sự xuyên qua

đường xu hướng phía trên trong xu hướng lên. Sự phá vỡ của đường xu hướng bên dưới sẽ ra hiệu tiếp tục xu hướng đi xuống. Sự phá vỡ của các đường xu hướng này sẽ xảy ra ở khối lượng giao dịch lớn hơn. Như thường lệ, khối lượng giao dịch ở phía trên thì quan trọng hơn khối lượng giao dịch phía dưới. (xem hình 6.7a và 6.7b).

Hình 6.7a: Dạng cờ hiệu trong một thị trường giá lên của cổ phiếu IP. Dạng cờ hiệu trông giống như hình bình hành nghiêng xuống. Lưu ý rằng dạng cờ hiệu xảy ra tại điểm giữa của xu hướng lên.



Các hàm ý đo lường

Các hàm ý đo lường thì tương tự đối với cả hai dạng cờ. Người ta nói cả hai dạng cờ này “bay ở lưng chừng” cột cờ. Cột cờ là sự tăng hoặc giảm giá mạnh trước đó. Thuật ngữ “lưng chừng” muốn nói rằng các mẫu hình cùng cổ xu hướng thứ yếu này có xu hướng xuất hiện khoảng điểm giữa của sự dịch chuyển giá. Nói chung, sự dịch chuyển sau xu hướng này sẽ tiếp tục phần còn lại của cột cờ và hoàn tất mẫu hình.

Để rõ hơn, chúng ta đo khoảng cách của sự dịch chuyển giá trước đó từ điểm bị phá vỡ ban đầu. Điều này muốn nói rằng, tại điểm mà giá vượt ra khỏi mức chống đỡ hoặc duy trì hoặc một đường xu hướng quan trọng đưa ra dấu hiệu xu hướng ban đầu. Khoảng cách dọc của dịch chuyển giá trước đó sẽ được đo từ điểm phá vỡ mẫu hình cờ hoặc cờ đuôi nheo – có nghĩa là ở điểm mà đường xu hướng nằm trên bị phá vỡ trong thị trường giá lên hoặc đường xu hướng nằm dưới bị phá vỡ trong thị trường giá xuống.

Hình 6.7b: Mẫu hình cờ đuôi nheo đang bay trên đồ thị Caterpillar. Các cờ hiệu này là những mẫu hình cung cõ xu hướng ngắn hạn và trông giống như những tam giác đều nhỏ. Cờ đuôi nheo bên trái và bên phải cũng cõ xu hướng giá giảm trong khi cờ đuôi nheo ở giữa cung cõ xu hướng giá tăng.



Tóm lược

Chúng ta sẽ tổng kết các điểm quan trọng của hai mẫu hình này.

1. Cả hai mẫu hình đều được dẫn trước bởi sự dịch chuyển của giá trên một đường gần như là đường thẳng (gọi là cột cờ) ở khối lượng giao dịch lớn.

176 Phân tích kỹ thuật

2. Sau đó giá sẽ tạm dừng trong khoảng từ một đến ba tuần ở khối lượng khá nhỏ.
3. Xu hướng tiếp tục ở mức bùng nổ của hoạt động giao dịch.
4. Cả hai mẫu hình đều xảy ra khoảng điểm giữa của sự dịch chuyển giá.
5. Mẫu hình cờ đuôi nheo giống như mẫu hình tam giác đều nhỏ.
6. Mẫu hình cờ hiệu giống một hình bình hành nhỏ có độ dốc (độ nghiêng) ngược với xu hướng trước đó.
7. Cả hai mẫu hình đều cần ít thời gian để hình thành trong thị trường giá xuống.
8. Cả hai mẫu hình đều phổ biến trong các thị trường tài chính.

Mẫu hình dạng hình nêm

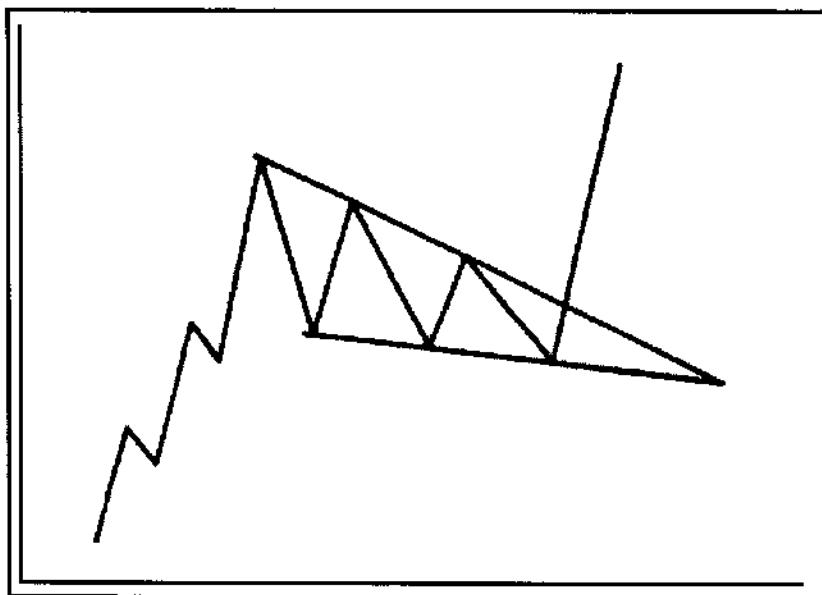
Mẫu hình dạng hình nêm thì tương tự như dạng tam giác đều cả về hình thức và thời gian để hình thành mẫu hình. Giống như dạng tam giác đều, dạng hình nêm cũng được xác định bởi hai đường xu hướng hội tụ tại một đỉnh. Về thời gian hình thành, dạng hình nêm thường kéo dài hơn một tháng nhưng không quá 3 tháng, chính vì thế mà nó cũng được xếp vào nhóm trung gian.

Điều làm nên sự khác biệt của mẫu hình nêm là độ dốc đáng chú ý của nó. Mẫu hình nêm có một độ dốc đi lên hoặc đi xuống đáng chú ý. Một quy tắc là, như mẫu hình là cờ, mẫu hình dạng nêm cũng nghiêng ngược lại với xu hướng trước đó. Vì thế, mẫu hình nêm đi xuống được xem là thị trường giá lên và đi lên được xem là thị trường giá xuống. Chú ý trong hình 6.8a rằng hình nêm trong thị trường giá lên dốc xuống giữa hai đường xu hướng hội tụ. Trong thị trường giá xuống như ở hình 6.8b thì các đường hội tụ này sẽ dốc lên.

Mẫu hình nêm được xem như là các mẫu hình đảo chiều đỉnh và đáy

Hình nêm cho thấy hầu như thường xuất hiện trong phạm vi xu hướng hiện hữu và thường tạo nên các mẫu hình cùng có xu hướng. Dạng hình nêm có thể xuất hiện ở đỉnh hoặc đáy đưa ra tín hiệu đảo ngược xu hướng. Nhưng những tình huống đó thì ít khi xảy ra. Gần cuối của xu hướng lên, các nhà phân tích đồ thị có thể quan sát thấy hình nêm hướng lên rõ ràng. Vì hình nêm trong xu hướng giá lên sẽ nghiêng ngược lại với xu hướng trước đó nên hình nêm hướng lên là đầu mối cho các nhà phân tích đồ thị biết rằng đây là xu hướng giá giảm chứ không phải là xu hướng giá tăng. Tại các đáy, dạng hình nêm hướng xuống sẽ là một lời cảnh báo cho sự kết thúc có thể của xu hướng giá xuống.

Hình 6.8a: Ví dụ về một hình nêm dốc xuống trong thị trường giá lên. Mẫu hình nêm có hai đường xu hướng hội tụ nhưng dốc ngược lại với xu hướng trước đó. Một hình nêm nghiêng xuống thì thường là sự tăng giá.

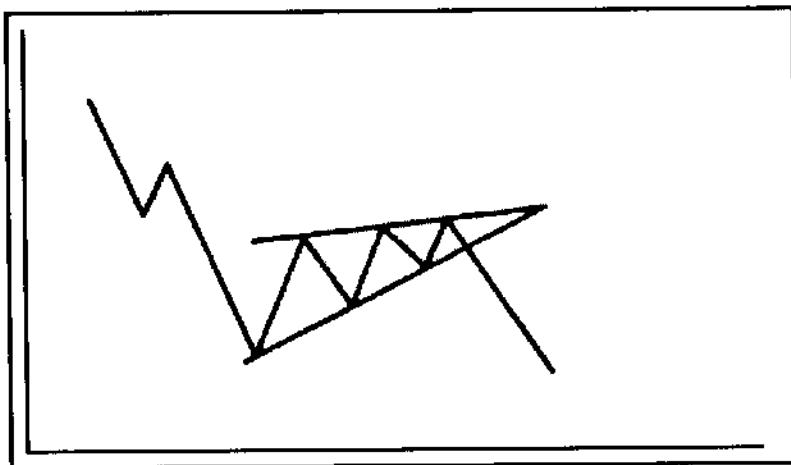


Dạng hình nêm xuất hiện ở giữa hoặc ở cuối của sự thay đổi giá, các nhà phân tích thị trường sẽ luôn được chỉ dẫn bởi câu châm ngôn chung

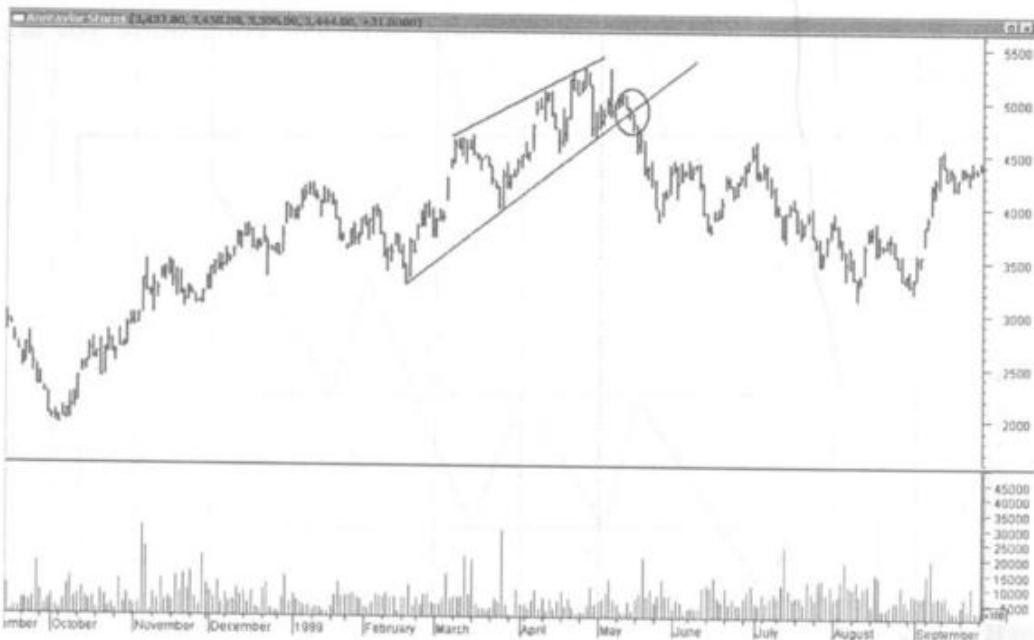
178 Phân tích kỹ thuật

chung rằng “*hình nêm hướng lên là xu hướng giảm giá và hình nêm hướng xuống là xu hướng tăng giá.*” (xem hình 6.8c)

Hình 6.8b: Ví dụ về một mẫu hình cái nêm trong một thị trường đầu cơ giá xuống. Một mẫu hình cái nêm trong thị trường đầu cơ giá xuống sẽ dốc lên ngược lại với xu hướng xuống hiện hành.



Hình 6.8c: Ví dụ về dạng hình nêm hướng lên trong xu hướng giảm giá. Hai đường xu hướng hội tụ có độ dốc đi lên rõ ràng. Hình nêm nghiêng ngược với xu hướng trước đó. Vì thế, một hình nêm hướng lên là xu hướng giảm giá và hướng xuống là xu hướng tăng giá.



Dạng hình chữ nhật

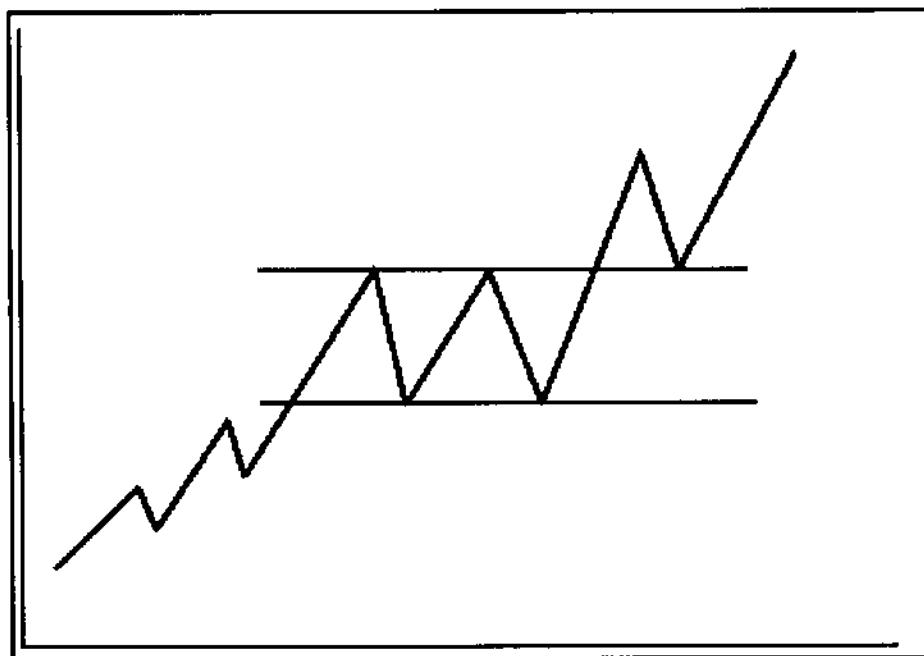
Dạng hình chữ nhật thường đi kèm bởi tên gọi khác nhưng thường dễ xác định trên đồ thị giá. Nó thể hiện một sự tạm dừng xu hướng trong thời kỳ giá dịch chuyển ngang giữa hai đường nằm ngang song song với nhau (xem hình 6.9a).

Dạng hình chữ nhật này đôi khi được đề cập đến như là giới hạn giao dịch hoặc vùng tắc nghẽn. Theo cách nói của lý thuyết Dow, nó được xem như là một đường. Dù được gọi là gì đi nữa thì dạng hình chữ nhật thường thể hiện một giai đoạn cung cống xu hướng hiện tại và thường kết thúc trong xu hướng thị trường xuất hiện trước nó. Về giá trị dự báo,

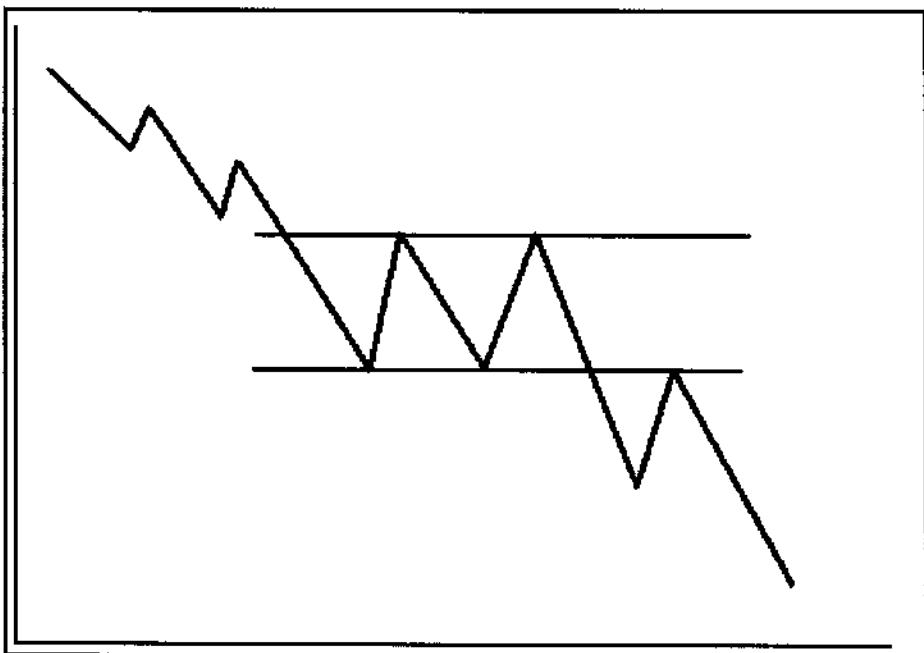
180 Phân tích kỹ thuật

mẫu hình này có thể được xem là tương tự với dạng tam giác đều nhưng với các đường xu hướng song song thay vì hội tụ.

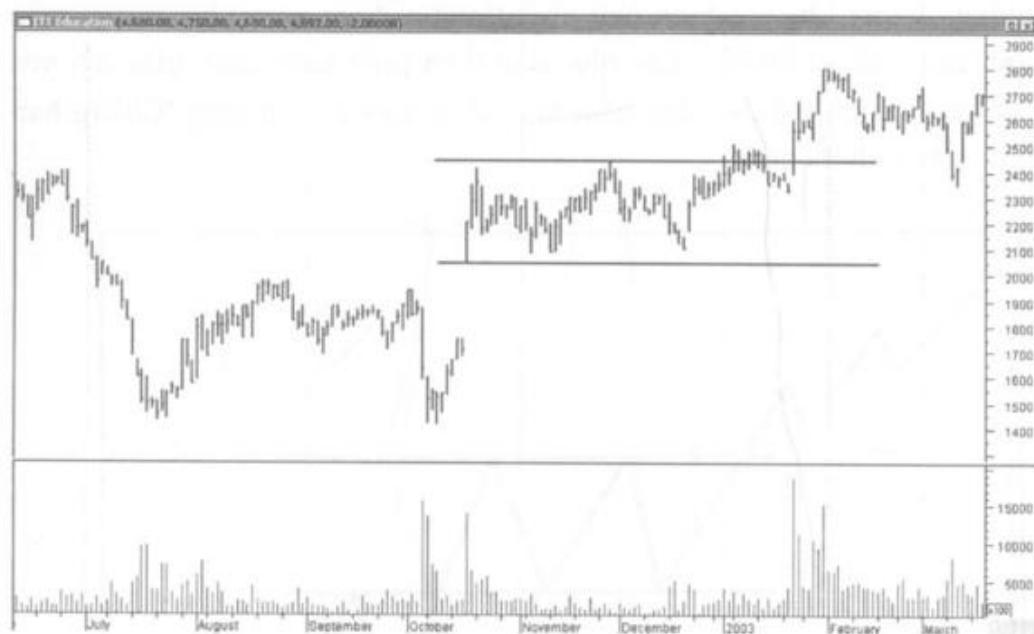
Hình 6.9a: Một ví dụ về dạng hình chữ nhật trong xu hướng giá lên. Mẫu hình này cũng được gọi là giới hạn giao dịch và cho thấy giá giao dịch nằm ở giữa hai đường xu hướng song song. Nó cũng được gọi là vùng nghẽn.



Hình 6.9b: Ví dụ về một hình chữ nhật trong thị trường dầu cơ giá xuống. Trong khi các hình chữ nhật thường được xem như là các mẫu hình cùng cỗ xu hướng. Các nhà giao dịch phải luôn cảnh giác đối với các tín hiệu có thể dẫn đến mẫu hình đảo ngược xu hướng. Chẳng hạn như mẫu hình ba đỉnh.



Điểm kết thúc có tính quyết định vượt ra khỏi đường biên trên hay dưới đều ra tín hiệu hoàn tất mẫu hình dạng chữ nhật và chỉ ra chiều của xu hướng. Tuy nhiên, các nhà phân tích thị trường phải luôn cảnh giác để mẫu hình cùng cỗ dạng chữ nhật này không chuyển thành một mẫu hình đảo chiều. Trong xu hướng lên như hình 6.9a thể hiện, lưu ý rằng ba đỉnh lúc đầu có thể xem như là mẫu hình đảo chiều ba đỉnh.

Hình 6.9c: Hình chữ nhật đầu cơ giá lên.

Tầm quan trọng của mẫu hình khối lượng

Một điều mồi quan trọng để chú ý là mẫu hình khối lượng. Vì sự thay đổi giá trong cả hai hướng đều khá rộng, nhà phân tích nên tập trung sự chú ý vào sự dịch chuyển có khối lượng giao dịch lớn hơn. Nếu như sự phục hồi xảy ra tại khối lượng lớn hơn và sự thoái lùi (hay giảm giá) tại khối lượng giao dịch nhỏ hơn, lúc đó mẫu hình này có thể là một mẫu hình cung cố xu hướng lên. Nhưng nếu khối lượng giao dịch lớn hơn ở bên dưới thì nó có thể được xem là một lời cảnh báo có thể có sự đảo chiều.

Những thay đổi trong giới hạn có thể giao dịch

Một số nhà phân tích đồ thị giao dịch ở các mức giá thay đổi trong phạm vi một mẫu hình như thế bằng cách mua gần đáy và bán gần đỉnh của giới hạn này. Kỹ thuật này cho phép các nhà kinh doanh ngắn hạn khai thác lợi thế của các đường biên giá đã được xác định rõ và kiểm lợi

nhuận từ một thị trường không theo xu hướng. Vì các vị thế được thực hiện tại các mức biên của giới hạn này nên rủi ro tương đối nhỏ và được xác định. Nếu giới hạn giao dịch duy trì không đổi, kiểu giao dịch ngược xu hướng này hoạt động khá tốt. Khi sự phá vỡ xảy ra, nhà kinh doanh không chỉ thoát khỏi giao dịch thua lỗ kéo dài ngay tức thời mà còn có thể đảo ngược vị thế trước đó bằng cách bắt đầu một giao dịch mới trong xu hướng mới. Mẫu hình dao động thì đặc biệt hữu dụng trong thị trường giao dịch giá nằm ngang, nhưng ít có ích một khi sự phá vỡ xảy ra vì một vài lý do được thảo luận trong chương 9 “Chi số dao động Oscillator và ý kiến đối lập”.

Các nhà kinh doanh khác thừa nhận mẫu hình dạng hình chữ nhật là một mẫu hình cung cõi xu hướng và giữ vị thế mua gần cận dưới của giải băng trong xu hướng lên hoặc bắt đầu các vị thế bán gần cận trên của giới hạn giá trong xu hướng xuống. Các nhà kinh doanh khác nói chung tránh né các thị trường không có xu hướng như thế nói chung và đợi một sự phá vỡ rõ ràng trước khi chuyển vị thế của họ. Hầu hết các hệ thống theo xu hướng hoạt động rất kém trong những thời kỳ giá nằm ngang và diễn biến thị trường không có xu hướng.

Những điều tương tự và khác biệt khác

Về mặt thời gian, dạng hình chữ nhật thường rơi vào nhóm một đến ba tháng tương tự như dạng tam giác và hình nêm. Mẫu hình khối lượng khác với các mẫu hình cung cõi xu hướng khác ở chỗ sự thay đổi giá mạnh ngăn cản sự giảm mạnh trong hoạt động giao dịch thường thấy trong các mẫu hình khác.

Kỹ thuật đo lường phổ biến nhất được áp dụng đối với dạng hình chữ nhật là dựa trên chiều cao của giới hạn giá. Đo lường chiều cao của giới hạn giao dịch, từ cận trên đến cận dưới, và sau đó chiều khoảng cách thẳng đứng này từ điểm bị phá vỡ. Phương pháp này thì tương tự với các kỹ thuật đo lường khác đã đề cập và dựa trên tính biến động của thị

trường. Khi chúng ta xem xét hết đồ thị dạng số và hình, chúng ta sẽ bàn nhiều hơn về vấn đề thước đo giá theo chiều ngang.

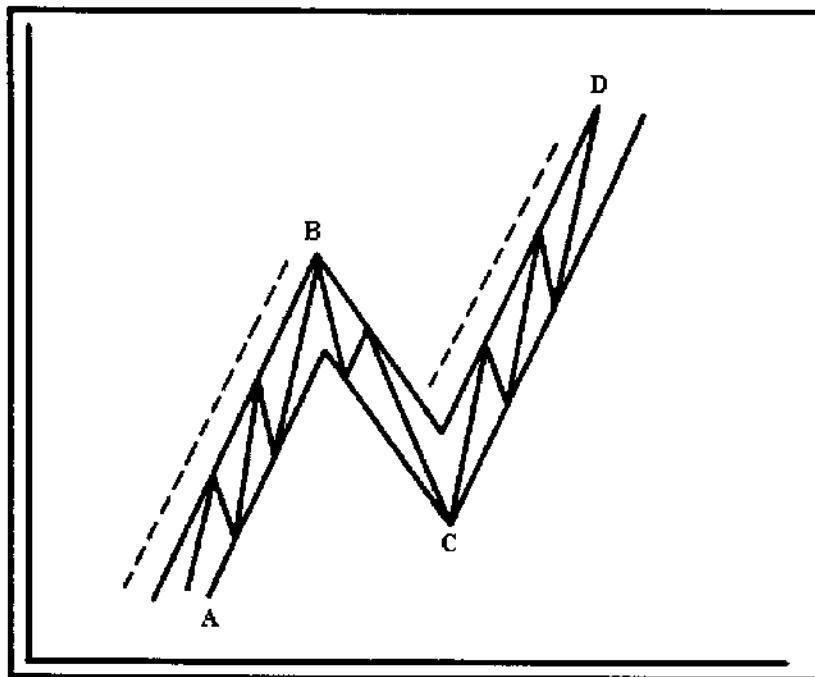
Cho đến giờ, mọi thứ được đề cập tập trung vào khối lượng tại điểm bị phá vỡ và khả năng dịch chuyển ngược lại. Vì các đường giới hạn trên và giới hạn dưới thì nằm ngang và được xác định rõ trong mẫu hình chữ nhật, nên các mức chống đỡ và kháng cự là bằng chứng rõ ràng nhất. Điều này có nghĩa là tại điểm bị phá vỡ phía trên, biên trên của dây giá trước đây giờ sẽ cung cấp mức chống đỡ vững chắc. Sau điểm gãy trong xu hướng xuống, đường biên dưới của giới hạn giao dịch (vùng chống đỡ trước đây) giờ sẽ cung cấp một mức trần chắc chắn cho thị trường trong bất kỳ nỗ lực phục hồi nào.

Sự dịch chuyển đều đặn

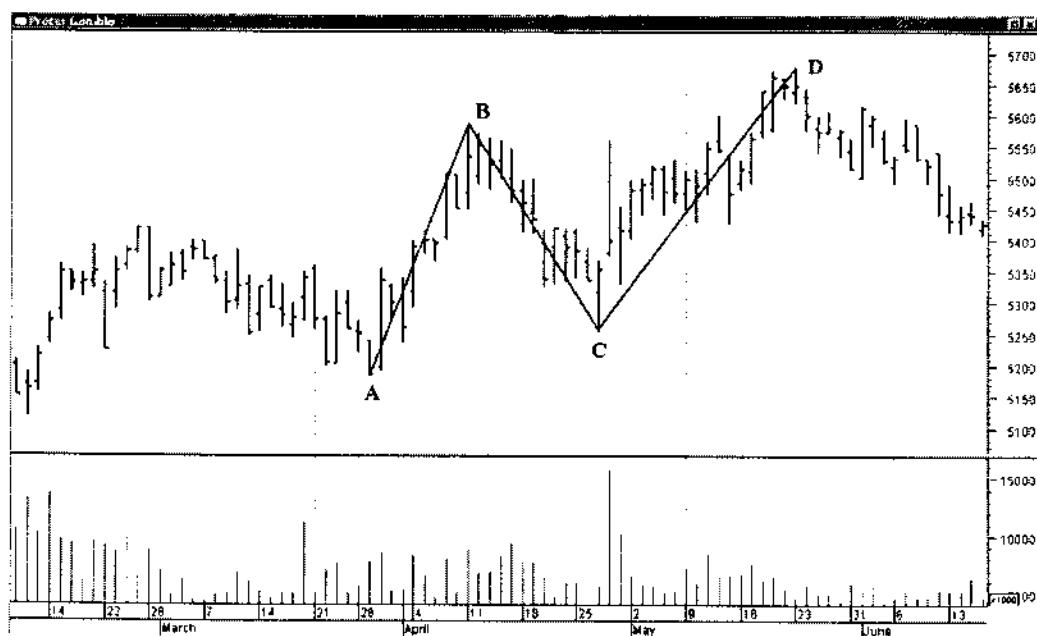
Sự dịch chuyển đều đặn hay đôi khi được gọi là đo lường sự thay đổi, diễn tả hiện tượng ở đó sự tăng và giảm giá của thị trường chủ yếu được chia thành hai sự dịch chuyển song song và bằng nhau như thể hiện ở hình 6.10a. Để mẫu hình này hoạt động thì sự dịch chuyển của thị trường sẽ khá trật tự và được xác định rõ. Sự dịch chuyển được đo lường này thì thực chất chỉ là một biến thể của một số các kỹ thuật mà chúng ta đã tiếp cận. Chúng ta thấy rằng các mẫu hình cũng có xu hướng, chẳng hạn như dạng cờ hiệu hay cờ đuôi nheo thường xuất hiện tại khoảng giữa của sự dịch chuyển giá thị trường. Chúng ta cũng đã đề cập đến xu hướng thị trường thoái lui khoảng 1/3 đến 1/2 xu hướng trước đó trước khi tiếp tục xu hướng đó.

Trong sự dịch chuyển đều đặn, các nhà phân tích đồ thị nhìn thấy một tình huống rất rõ ràng, chẳng hạn như ở hình 6.10a, với sự phục hồi từ điểm A đến điểm B theo sau bởi một sự đảo ngược xu hướng từ B đến C (thoái lui 1/3 đến một nửa bước sóng AB), nó được giả định rằng chân kế tiếp trong xu hướng lên (CD) sẽ bằng chân đầu tiên (AB). Vì thế, độ cao của sóng (AB) thì đơn giản được đo lên từ đáy C.

Hình 6.10a: Ví dụ về sự dịch chuyển đều đặn trong một xu hướng lên.



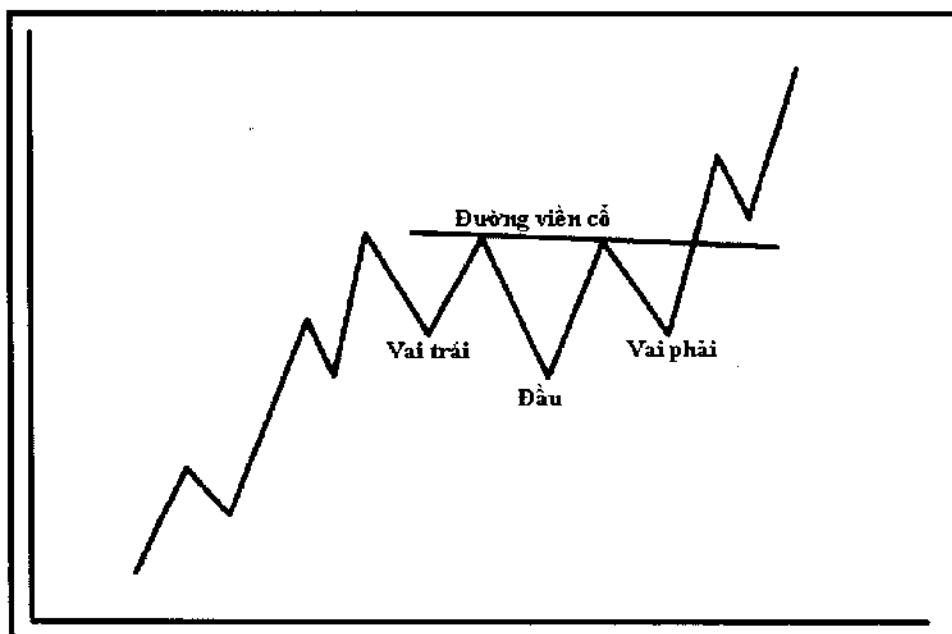
Hình 6.10b: Một sự dịch chuyển đều đặn



Mẫu hình cung cổ xu hướng đầu và vai

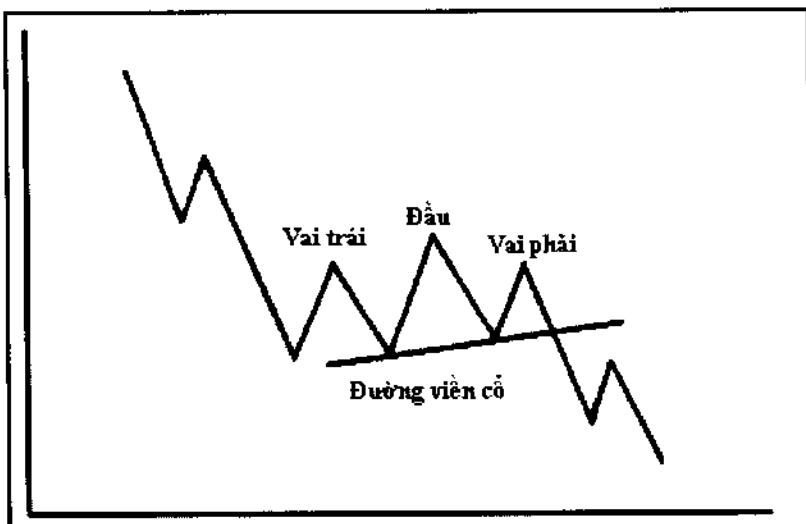
Trong chương trước chúng ta đã thảo luận về mẫu hình đầu và vai và diễn tả nó như là một mẫu hình đáng tin cậy và phổ biến nhất trong tất cả các mẫu hình đảo chiều. Nhưng đôi khi mẫu hình đầu và vai có thể xuất hiện như là một mẫu hình cung cổ xu hướng hơn là một mẫu hình đảo chiều.

Hình 6.11a: Ví dụ về mẫu hình đầu và vai cung cổ xu hướng trong thị trường giá lên.



Trong mẫu hình cung cổ xu hướng đầu và vai, giá cả xác định mẫu hình trông rất giống với dạng hình chữ nhật nằm ngang ngoại trừ đáy giữa thấp hơn hai đáy còn lại trong thị trường giá lên (xem hình 6.11a). Trong thị trường giá xuống, đỉnh giữa trong mẫu hình cung cổ xu hướng vượt quá hai đỉnh còn lại (xem hình 6.11b). Trong cả hai trường hợp kết quả là một mẫu hình đầu và vai lật ngược. Vì nó bị lật ngược xuống nên không thể nhầm lẫn nó với mẫu hình đảo chiều.

Hình 6.11b: Ví dụ về mẫu hình cung cõ xu hướng đầu và vai trong thị trường giá xuống.



• Sự cung cõ và sự phân kỳ

Nguyên tắc của sự cung cõ là một trong những chủ đề xuyên suốt của phân tích thị trường và được sử dụng cùng với mặt đối lập của nó – sự phân kỳ. Chúng ta sẽ giới thiệu cả hai khái niệm này ở đây và giải thích ý nghĩa của chúng, nhưng chúng ta sẽ trở lại bàn về chúng một lần nữa vì những ảnh hưởng của chúng thì khá quan trọng. Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận sự cung cõ trong khung cảnh của các mẫu hình đồ thị, nhưng nó áp dụng cho hầu hết mọi khía cạnh của phân tích kỹ thuật. Sự cung cõ để cập đến việc so sánh tất cả các tín hiệu kỹ thuật và tín hiệu chỉ báo để chắc rằng hầu hết các tín hiệu chỉ báo đó đang chỉ ra xu hướng như nhau và đang cung cõ lẫn nhau.

Sự phân kỳ thì ngược lại với cung cõ và muốn nói tới một tình huống mà ở đó các tín hiệu chỉ báo kỹ thuật khác nhau không cung cõ lẫn nhau. Mặc dù nó được sử dụng trong ý nghĩa phủ định nhưng sự phân kỳ là một khái niệm có giá trị trong phân tích thị trường và là một trong những dấu hiệu

cảnh báo sớm nhất rằng sắp xảy ra sự đảo ngược xu hướng. Chúng ta sẽ thảo luận các nguyên tắc của sự phân kỳ này một cách chi tiết hơn trong chương 9 “Chỉ số dao động Oscillator và ý kiến đối lập”.

Hình 6.11c: Giá cổ phiếu General Motors đã hình thành mẫu hình đầu và vai trong thời kỳ nửa năm đầu của 1997. Mẫu hình này thì rất rõ ràng nhưng xuất hiện ở vị trí khác thường. Mẫu hình này hoàn tất và tiếp tục xu hướng lên với giá quyết định vượt khỏi 60 của đường viền cổ.



Kết luận

Chúng ta đã xem xét xong các mẫu hình của giá. Trước đây chúng ta đã xác định rằng ba nguồn dữ liệu thô được sử dụng bởi các nhà phân tích kỹ thuật gồm giá, khối lượng, và giao dịch tiềm năng. Hầu hết những gì chúng ta thảo luận cho tới giờ chủ yếu tập trung trên giá.

ĐỒ THỊ DÀI HẠN

Giới thiệu

Trong tất cả các đồ thị được các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng cho việc dự báo và giao dịch trên thị trường tài chính, đồ thị thanh hàng ngày là phổ biến nhất. Đồ thị hình thanh hàng ngày thường bao gồm một chu kỳ chỉ từ 6 đến 9 tháng. Tuy nhiên, bởi vì hầu hết những người mua bán thường giới hạn mối quan tâm đến những biến động thị trường trong kỳ hạn tương đối ngắn, do đó đồ thị hình thanh hàng ngày nhận được sự chấp nhận rộng rãi như là một công cụ cơ bản của các nhà phân tích đồ thị.

Tuy nhiên sự phụ thuộc của những nhà giao dịch vào những đồ thị hàng ngày này và mối quan tâm đối với những ứng xử của thị trường ngắn hạn gây ra nhiều khả năng bỏ qua những vùng rất hữu ích và đáng giá của đồ thị giá – Do đó nên sử dụng những đồ thị hàng tuần và hàng tháng cho việc phân tích và dự báo xu hướng dài hạn hơn.

Đồ thị hình thanh hàng ngày chứa đựng một chu kỳ tương đối ngắn trong vòng đời của bất kỳ thị trường nào. Tuy nhiên, việc phân tích xu hướng kỹ lưỡng của một thị trường nên bao gồm sự xem xét giá thị trường hàng ngày biến động như thế nào trong mối quan hệ với cấu trúc xu hướng dài hạn của nó. Để hoàn thành công việc này, đồ thị dài hạn phải được sử dụng. Trong khi trên đồ thị hình thanh hàng ngày, mỗi thanh thể hiện biến động giá của một ngày, trên đồ thị hàng tuần hay hàng tháng, mỗi

thanh giá thể hiện biến động giá trong một tuần hay trong một tháng. Mục đích của đồ thị hàng tuần và hàng tháng là cố định hành động giá, theo cách như thế thì phạm vi thời gian có thể được mở rộng ra và chu kỳ thời gian dài hơn có thể được nghiên cứu.

Tầm quan trọng của viễn cảnh dài hạn

Đồ thị giá dài hạn cung cấp một viễn cảnh xu hướng thị trường mà điều đó không thể đạt được với việc chỉ sử dụng những đồ thị giá hàng ngày. Trong phần giới thiệu của chúng tôi về phân tích kỹ thuật ở chương 1, chúng tôi đã chỉ ra rằng một thuận lợi lớn nhất của phân tích đồ thị là việc ứng dụng những nguyên tắc của nó đối với hầu hết bất kỳ một phạm vi thời gian nào, kể cả dự báo dài hạn. Chúng tôi cũng chỉ ra những sai lầm cũng như tán thành một vài điều, như phân tích kỹ thuật nên được giới hạn trong phân tích thời gian ngắn hạn còn dự báo dài hạn thì dành cho các nhà phân tích cơ bản.

Những đồ thị đi cùng sẽ cho thấy rằng nguyên tắc của phân tích kỹ thuật - bao gồm phân tích xu hướng, mức chống đỡ và mức kháng cự, đường xu hướng, tỷ lệ thoái lui và các mẫu hình giá – bổ sung khá tốt cho các phân tích về những biến động giá dài hạn. Một ai đó không lưu tâm đến các đồ thị dài hạn này có thể sẽ thiếu một lượng lớn những thông tin về giá có giá trị.

Xây dựng những đồ thị cung cố xu hướng đối với các hợp đồng giao sau

Hợp đồng giao sau bình quân có một vòng đời giao dịch khoảng một năm hay nửa năm trước khi đáo hạn. Đặc trưng vòng đời hữu hạn này đặt ra những vấn đề rõ ràng cho những nhà phân tích đó là quan tâm đến việc xây dựng đồ thị dài hạn nhiều năm. Những nhà phân tích trên thị trường chứng khoán không phải gặp vấn đề này. Các đồ thị thì sẵn có

cho mỗi cỗ phần thường và thị trường tính toán mức trung bình từ sự khởi đầu của giao dịch. Tiếp theo, những nhà phân tích kỹ thuật hợp đồng giao sau xây dựng đồ thị dài hạn cho những hợp đồng đang dần đáo hạn như thế nào?

Câu trả lời đó là đồ thị cung cố xu hướng. Lưu ý nhấn mạnh đến từ “cung cố”. Kỹ thuật được sử dụng thông thường nhất đơn giản là kết nối con số của những hợp đồng lại với nhau để tạo nên một sự liên tục. Khi một hợp đồng hết hạn, một hợp đồng khác được tạo ra. Để làm được điều này, phương pháp đơn giản nhất và được sử dụng bởi hầu hết các dịch vụ cung cấp đồ thị là luôn sử dụng giá của hợp đồng đáo hạn gần nhất. Khi hợp đồng đáo hạn gần nhất này ngừng giao dịch, hợp đồng tiếp theo kè đó sẽ trở thành hợp đồng gần nhất và là hợp đồng được vẽ ra.

Một vài cách khác để xây dựng đồ thị cung cố

Kỹ thuật nối kết giá của những hợp đồng đáo hạn gần nhất là tương đối đơn giản và giải quyết được vấn đề cung cấp giá liên tục. Tuy nhiên, cũng có một số vấn đề với phương pháp này. Đôi khi hợp đồng sắp kết thúc có thể được giao dịch ở mức phí hoặc mức chiết khấu cao đối với hợp đồng tiếp theo, và việc chuyển qua một hợp đồng mới có thể gây nên sự tăng hoặc giảm giá đột ngột trên đồ thị. Sự bóp méo tiềm ẩn khác là tính chất không ổn định quá mức xảy ra từ một vài hợp đồng giao ngay trước khi đáo hạn.

Các nhà kỹ thuật phân tích hợp đồng giao sau đã tạo ra nhiều cách thức để xử lý những bóp méo này. Một vài nhà phân tích sẽ ngừng vẽ những hợp đồng gần nhất một tháng hoặc hai tháng trước khi nó đáo hạn để tránh sự bất ổn trong tháng giao nhận. Một vài cách khác sẽ tránh sử dụng tất cả những hợp đồng gần nhất và sẽ thay bằng các đồ thị thứ hai hoặc thứ 3. Một phương pháp khác là vẽ đồ thị của hợp đồng có giao dịch tiềm năng cao nhất dựa trên lý thuyết rằng tháng giao nhận thể hiện chính xác nhất giá thị trường.

Những đồ thị cung cố xu hướng có thể được xây dựng bằng cách nối kết những tháng đặc thù theo lịch. Ví dụ, một đồ thị cung cố xu hướng của đậu nành tháng Mười Một sẽ chỉ kết hợp dữ liệu lịch sử được cung cấp bởi hợp đồng đậu nành tháng Mười Một của những năm trước đó. (Kỹ thuật nối kết những tháng giao nhận đặc thù được ủng hộ bởi W.D Gann). Một vài nhà phân tích đồ thị thậm chí đi xa hơn bằng việc tính trung bình giá của nhiều hợp đồng, hoặc xây dựng những chỉ số mà những chỉ số này cố gắng giảm đi những thay đổi quá mức bằng cách điều chỉnh phần bù giá hoặc chiết khấu.

Hợp đồng vĩnh viễn

Một giải pháp mang tính đột mới đối với vấn đề sự liên tục của giá được phát triển bởi Robert Pelletier, Chủ tịch của Commdity Systerms Inc, dịch vụ cung cấp dữ liệu chứng khoán và hàng hóa (CSI. 200W. Palmetto Park Road, Boca Raton, FL 334200), được gọi là hợp đồng vĩnh viễn. (“Perpetual Contract™” là một thương hiệu đã được đăng ký của công ty này.

Mục đích của hợp đồng vĩnh viễn là cung cấp lịch sử về giá hợp đồng giao sau của nhiều năm trong một chuỗi thời gian liên tục. Điều này đã được thực hiện bằng cách xây dựng một chuỗi thời gian dựa trên chu kỳ thời gian cố định. Ví dụ, một chuỗi sẽ quyết định giá trị 3 tháng hoặc 6 tháng trong hợp đồng giao sau. Chu kỳ thời gian khác nhau và có thể được chọn bởi người sử dụng. Hợp đồng vĩnh viễn được xây dựng bằng cách lấy bình quân tỷ trọng của hai hợp đồng giao sau xung quanh thời kỳ đề nghị.

Giá trị của hợp đồng vĩnh viễn không phải là một mức giá chính xác, mà là bình quân tỷ trọng giá của hai hợp đồng khác. Ưu điểm chính của hợp đồng kỳ hạn là nó loại bỏ nhu cầu chỉ sử dụng hợp đồng đáo hạn gần nhất và đưa ra chuỗi giá bằng cách loại bỏ những sự bóp méo có thể xảy ra trong suốt thời kỳ chuyển tiếp giữa những tháng giao nhận. Vì mục

dịch phân tích đồ thị, những đồ thị cung cố xu hướng tháng gần nhất được công bố bởi những dịch vụ cung cấp đồ thị thì dày dủ hơn. Tuy nhiên, một chuỗi giá liên tục là nhiều hữu ích cho những hệ thống và chỉ báo giao dịch kiểm tra trở lại. Một sự mở rộng hoàn hảo về những phương pháp xây dựng những hợp đồng giao sau liên tục được cung cấp bởi Greg Morris.

Xu hướng dài hạn không đồng thuận với sự ngẫu nhiên

Đặc trưng nổi bật nhất của những đồ thị dài hạn là nó không chỉ là những xu hướng được xác định rất rõ ràng, mà những xu hướng dài hạn này thường kéo dài trong nhiều năm. Hãy hình dung bạn có thể đưa ra một dự báo dựa trên một trong những xu hướng dài hạn và không phải thay đổi dự báo này trong một vài năm!.

Sự ổn định của những xu hướng dài hạn làm nảy sinh một câu hỏi thú vị khác câu hỏi nên được đề cập – câu hỏi về sự ngẫu nhiên. Trong khi phân tích kỹ thuật không tán thành lý thuyết cho rằng diễn biến thị trường là ngẫu nhiên và không thể dự đoán trước được, nó dường như tin cậy để cho rằng bất kỳ sự ngẫu nhiên nào xuất hiện trong biến động của giá có lẽ là một hiện tượng của giai đoạn rất ngắn mà thôi. Sự bền vững của những xu hướng đang tồn tại qua những chu kỳ thời gian dài, trong nhiều trường hợp cho nhiều năm là một luận cứ thuyết phục chống lại những khẳng định của lý thuyết bước đi ngẫu nhiên rằng giá là không phụ thuộc từng kỳ và diễn biến của giá trong quá khứ không ảnh hưởng đến diễn biến giá trong tương lai.

Những mẫu hình trên đồ thị: Mẫu hình đảo chiều tháng và tuần

Những mẫu hình giá xuất hiện trên đồ thị dài hạn, được giải thích theo cách như vậy trên đồ thị hàng ngày. Mẫu hình hai đỉnh và đáy là phổ biến trên những đồ thị này như mẫu hình sự đảo chiều đầu và vai. Mẫu

hình tam giác, thường là mẫu hình cung có xu hướng thì thường được nhìn thấy.

Một mẫu hình khác xuất hiện khá thường xuyên trên những đồ thị này là mẫu hình sự đảo chiều hàng tuần và hàng tháng. Ví dụ, trên đồ thị hàng tháng, một mức cao mới trong tháng kèm theo mức đóng cửa thấp hơn mức đóng cửa của tháng trước thường thể hiện một sự quay trở lại đáng kể, đặc biệt nếu nó xuất hiện gần mức chống đỡ chính hoặc vùng kháng cự. Mẫu hình đảo chiều hàng tuần là khá thường xuyên trên đồ thị hàng tuần. Những mẫu hình này là tương đương mẫu hình ngày đảo chiều chính trên đồ thị hàng ngày, ngoại trừ rằng trên đồ thị dài hạn những mẫu hình đảo ngược này mang lại nhiều ý nghĩa.

Đồ thị dài hạn đến ngắn hạn

Điều đặc biệt quan trọng là đánh giá thứ tự trên đồ thị giá, những đồ thị này nên được nghiên cứu thông qua việc thực hiện phân tích xu hướng tì mỉ. Thứ tự hợp lý trong phân tích đồ thị là bắt đầu với phạm vi dài và dần dần làm việc với kỳ hạn ngắn. Lý do của điều này trở nên rõ ràng khi chúng ta làm việc với những phạm vi thời gian khác nhau. Nếu nhà phân tích bắt đầu với chi viễn cảnh ngắn hạn, anh ta hoặc cô ta phải đổi mặt với việc xem xét lại những kết luận khi nhiều dữ liệu giá hơn được tính toán. Một phân tích tì mỉ đồ thị hàng ngày có thể phải làm lại hoàn toàn sau khi xem xét những đồ thị dài hạn. Bằng cách bắt đầu với một viễn cảnh tổng quát, di lùi lại cho đến 20 năm, tất cả dữ liệu được xem xét đã được bao gồm sẵn sàng trên đồ thị và đạt được một viễn cảnh hợp lý. Một khi nhà phân tích nhận biết thị trường nằm ở đâu từ viễn cảnh dài hạn, thì họ sẽ tập trung dần vào ngắn hạn.

Đồ thị đầu tiên được xem xét là đồ thị hàng tháng trong 20 năm. Nhà phân tích tìm kiếm những mẫu hình đồ thị rõ ràng hơn, những đường xu hướng chính, hoặc vùng lân cận của mức chống đỡ chính hoặc mức kháng cự. Sau đó, anh ta hoặc cô ta xem xét 5 năm gần nhất trên đồ thị

hàng tuần, lặp lại quá trình giống nhau vậy. Có được điều này, nhà phân tích thu hẹp tâm điểm chú ý của mình đối với diễn biến của thị trường kéo dài từ 6 đến 9 tháng trên đồ thị hàng ngày, như vậy là đi từ tiếp cận vĩ mô đến vi mô. Nếu những nhà giao dịch muốn xem xét xa hơn nữa, lúc đó các đồ thị trong ngày có thể được khảo sát cho nghiên cứu khoảng thời gian nhỏ hơn nữa.

Tại sao đồ thị dài hạn nên được điều chỉnh với lạm phát?

Một câu hỏi thường được đặt ra khi xem xét đồ thị dài hạn là liệu mức giá lịch sử trên những đồ thị này có nên được điều chỉnh với lạm phát hay không. Cuối cùng, tranh luận đi đến câu hỏi, nếu không có điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi của giá trị đồng USD, những đỉnh và đáy trên đồ thị dài hạn này có hiệu lực hay không nếu không được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi trong đồng USD? Đây chính là điểm tranh luận giữa những nhà phân tích.

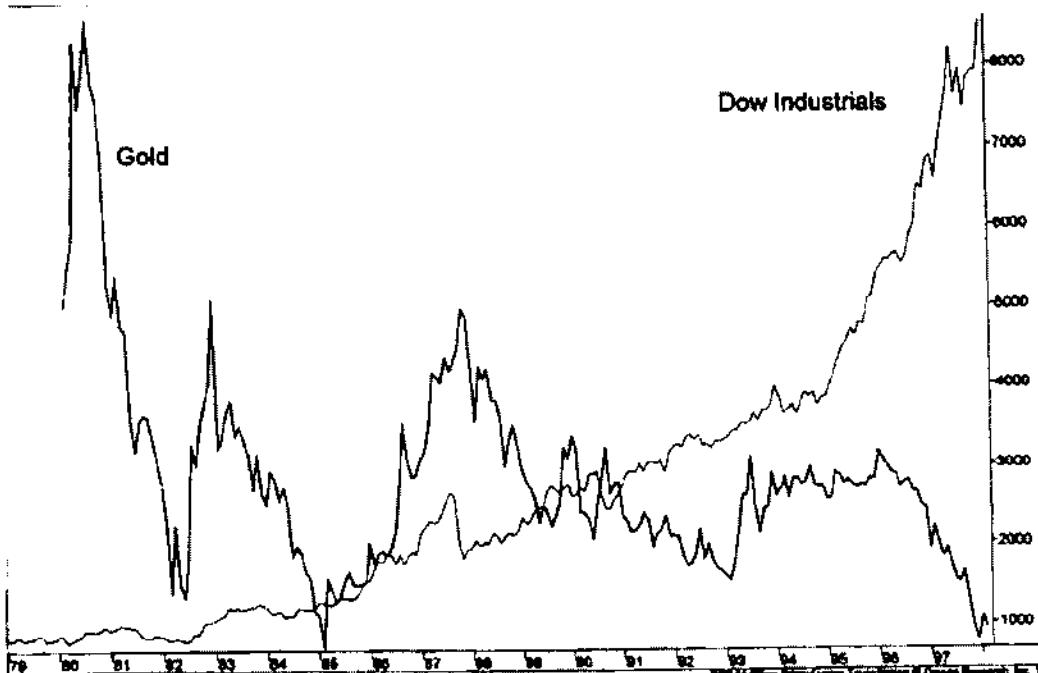
Tôi không tin là bất kỳ sự điều chỉnh nào đều cần thiết trên những đồ thị dài hạn này vì một số lý do. Lý do chính là niềm tin của tôi là chính bản thân thị trường đã làm những điều chỉnh cần thiết rồi. Một đồng tiền giảm giá trị làm cho hàng hoá được định giá lại trên đồng tiền đó để làm tăng giá trị. Do đó, một sự giảm giá đồng đô la sẽ góp phần làm tăng giá hàng hoá. Một sự tăng giá đồng đô la sẽ làm cho hầu hết các hàng hóa đều giảm giá.

Một mức giá khủng khiếp trong thị trường hàng hoá suốt thập niên 1970 và mức giá giảm trong thập niên 1980 và 1990 là những ví dụ kinh điển của ảnh hưởng lạm phát. Có đề nghị trong suốt thập niên 1970 rằng mức giá hàng hoá đã tăng gấp đôi và gấp ba, sau đó nên được điều chỉnh để phản ánh sự gia tăng của lạm phát đã không có được một đồng tình nào hết. Thị trường hàng hoá tăng giá đã biểu thị lạm phát này rồi. Thị trường hàng hoá giảm giá từ thập niên 1980 phản ánh một giai đoạn dài của sự giảm phát. Chúng ta có nên lấy giá của vàng, cái mà bây giờ giá

trị ít hơn một nửa giá trị của nó trong năm 1980, và điều chỉnh lại để phản ánh tỷ lệ thấp hơn trong lạm phát hay không? Thị trường đã quan tâm đến điều này rồi.

Điểm cuối cùng trong thảo luận này đi đến là mấu chốt của lý thuyết phân tích kỹ thuật, lý thuyết này cho rằng diễn biến của giá đã chiết khấu mọi thứ, ngay cả lạm phát. Tất cả thị trường tài chính đều điều chỉnh đối với những thời kỳ lạm phát, giảm phát và thay đổi trong giá trị tiền tệ. Câu trả lời đúng đắn là đồ thị dài hạn có nên được điều chỉnh với những ước lệ sai lầm lạm phát trên chính chúng hay không. Nhiều thị trường đã rớt xuống ở mức kháng cự sớm hơn nhiều năm và sau đó nhảy qua mức chống đỡ chưa nhìn thấy trong nhiều năm. Nó cũng rõ ràng rằng việc lạm phát giảm từ đầu thập niên 1980 đã giúp chống đỡ thị trường trái phiếu và cổ phiếu tăng giá. Nó cũng có nghĩa rằng chính những thị trường này đã làm những điều chỉnh lạm phát. (xem hình 7.1).

Hình 7.1: Định giá vàng năm 1980 đánh dấu sự khởi đầu trong hai thập niên của dòng chảy lạm phát.



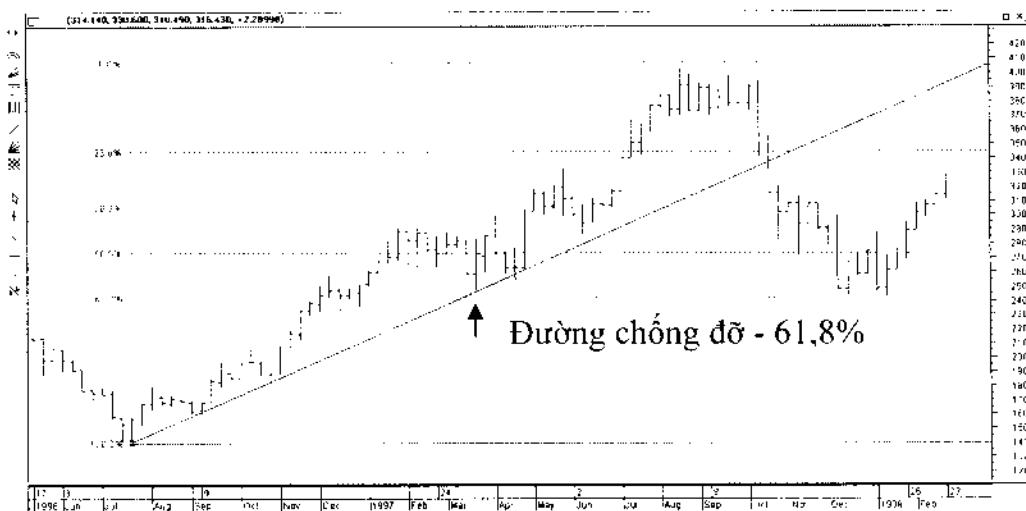
Đồ thị dài hạn không có ý định cho mục đích giao dịch

Đồ thị dài hạn thì không có ý nghĩa cho mục đích giao dịch. Một sự khác biệt phải được làm giữa phân tích thị trường cho mục đích dự báo và quyết định thời gian cho các thoả thuận thị trường. Đồ thị dài hạn có ích trong quá trình phân tích để giúp quyết định xu hướng chính và mục tiêu giá. Tuy nhiên, chúng không phù hợp cho việc quyết định thời gian nào nên tham gia, lúc nào nên rút ra và không nên sử dụng chúng cho mục đích này. Đối với nhiệm vụ nhạy cảm đó, đồ thị hàng ngày và đồ thị trong ngày nên được sử dụng.

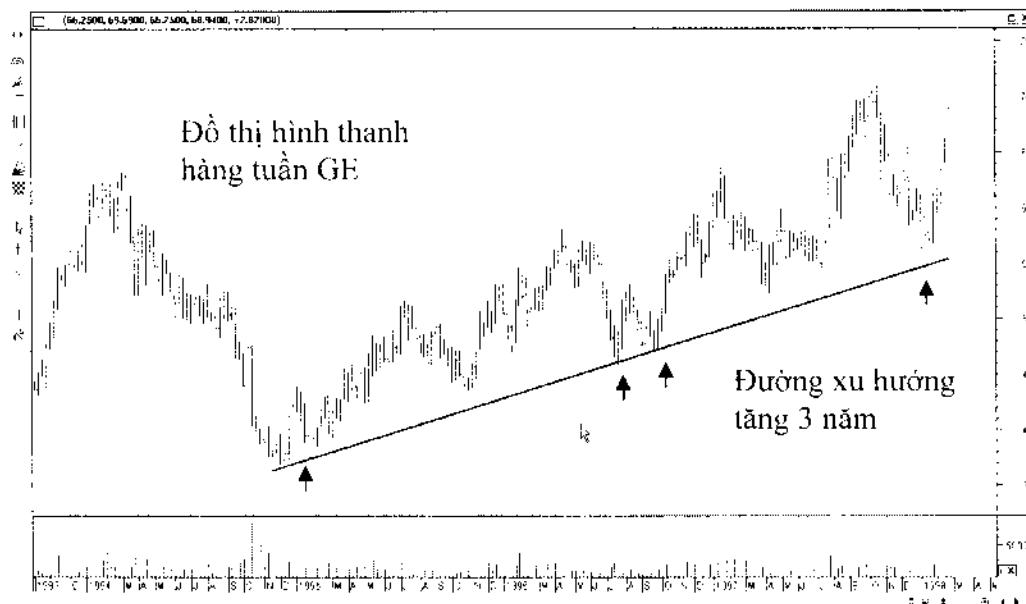
Ví dụ về đồ thị dài hạn

Những trang tiếp theo chứa đựng các ví dụ về những đồ thị hàng tháng và hàng tuần dài hạn. (Hình 7.2 đến 7.8). Những điều rút ra trên đồ thị này là giới hạn mức chống đỡ và mức kháng cự dài hạn, đường xu hướng, tỷ lệ phần trăm thoái lùi, sự đảo ngược hàng tuần và một mẫu hình giá không thường xuyên. Tuy nhiên, cần nhận thức rằng bất kỳ điều gì có thể làm được trên đồ thị hàng ngày cũng có thể được làm trên đồ thị hàng tuần và hàng tháng. Chúng tôi sẽ chỉ cho bạn sau trong cuốn sách này những ứng dụng của các công cụ kỹ thuật khác nhau trên những đồ thị dài hạn được hoàn thành như thế nào. Các dấu hiệu trên đồ thị hàng tuần trở thành những phễu lọc có giá trị cho các quyết định thời gian trong giai đoạn ngắn hạn như thế nào. Cũng lưu ý rằng thước đo đồ thị trở nên giá trị hơn khi nghiên cứu xu hướng giá dài hạn.

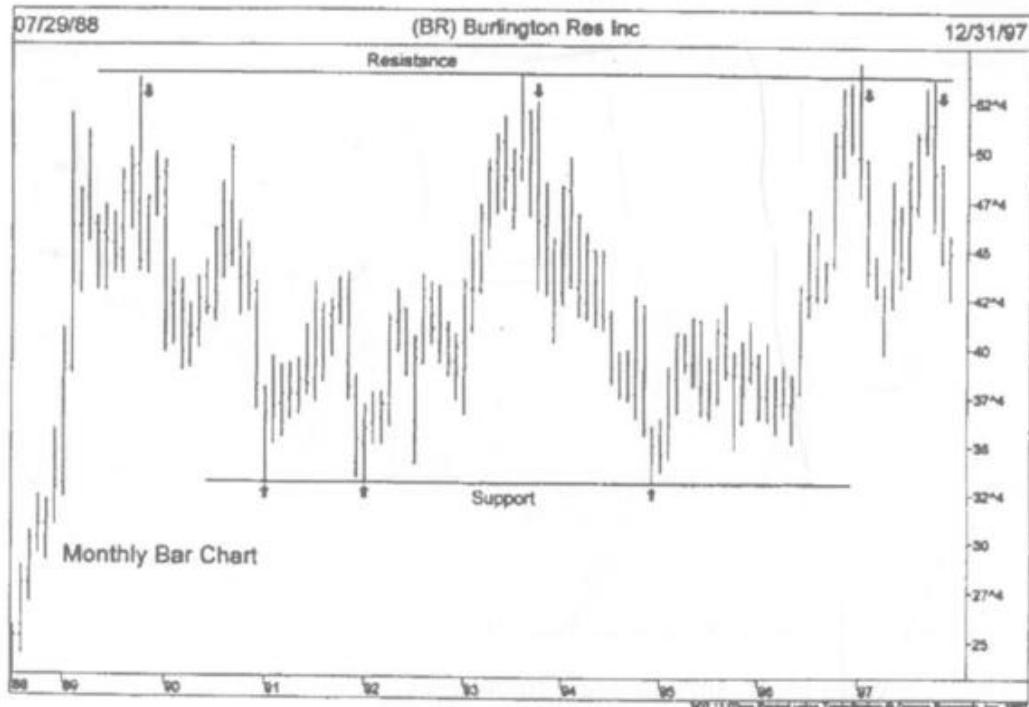
Hình 7.2: Đồ thị tuần của SOXX, theo đó đường chống đỡ được hình thành ở mức 62% từ đường Fibonacci vạch.



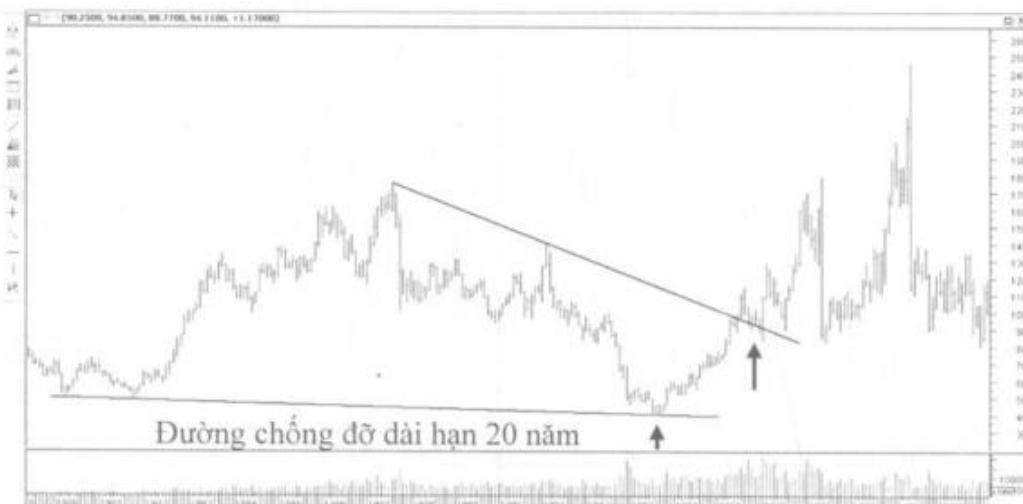
Hình 7.3: Dây năm 1998 của GE được xác lập căn cứ vào đường xu hướng đáy được vẽ từ năm 1995-1996 của đồ thị tuần.



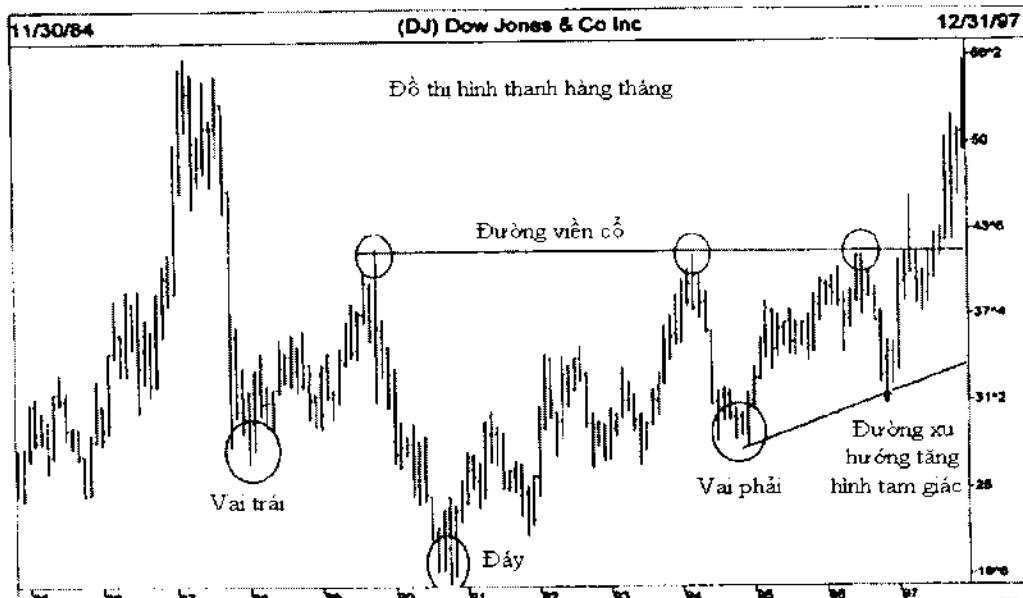
Hình 7.4: Đường chống đỡ và đường kháng cự của đồ thị hình thanh hàng tháng của cổ phiếu BR



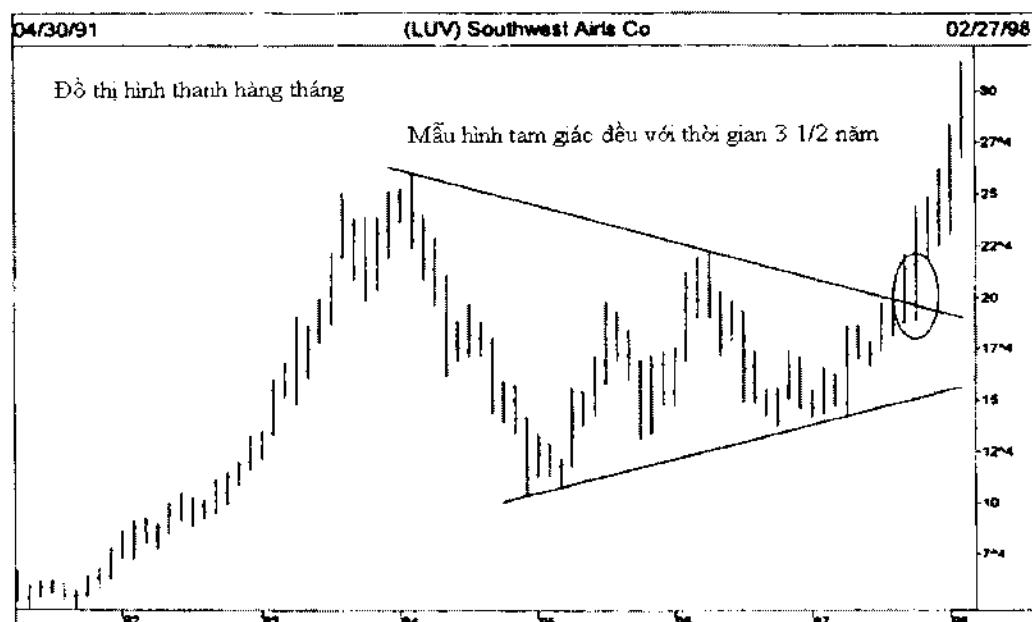
Hình 7.5: Dây năm 1993 của cổ phiếu IBM cùng với mức độ này cách đó 20 năm vào năm 1973. Một đường phá vỡ xu hướng xuống sau 8 năm vào năm 1995 (xem mũi tên thứ 2).



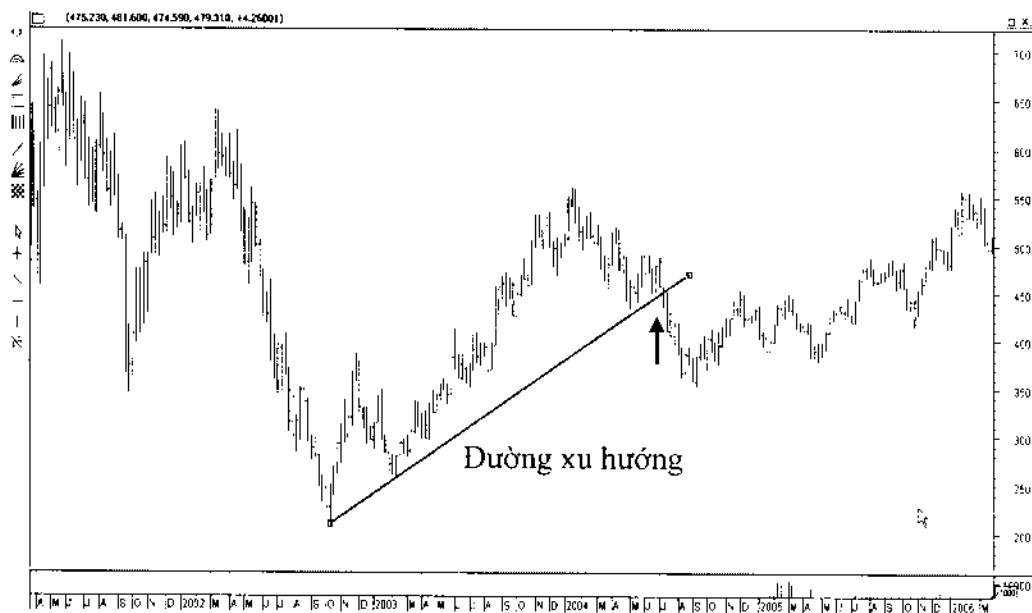
Hình 7.6: Đồ thị hàng tháng của DOW Jones thể hiện mẫu hình đầu và vai từ năm 1988 đến năm 1997. Ngoài ra nó cũng cho thấy mẫu hình xu hướng tăng đầu cơ giá lên. Điểm phá vỡ đường viền cổ tại mức giá 42.



Hình 7.7: Mẫu hình tam giác đều đầu cơ giá lên.



Hình 7.8: Đường xu hướng của cổ phiếu SOX, sự phá vỡ đường xu hướng vào năm 1994.



TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Giới thiệu

Trung bình di động (Moving Average – MA) là một trong những chỉ số kỹ thuật đa năng nhất và được sử dụng nhiều nhất. Do cách mà chỉ số được xây dựng nên và cũng như do chỉ số này có thể dễ dàng định lượng và thực hiện, chỉ số này được xem là nền tảng đối với nhiều hệ thống xác định xu hướng sử dụng ngày nay.

Phân tích đồ thị là một vấn đề lớn và rất khó thực hiện. Như là một kết quả, phân tích đồ thị không tự thích ứng tốt với hệ thống hoá máy vi tính. Ngược lại, các quy tắc của MA có thể dễ dàng được lập trình vào máy vi tính, sau đó chương trình tạo ra các tín hiệu mua và bán cụ thể. Trong khi hai nhà phân tích kỹ thuật còn phải tranh cãi có hay không mẫu hình giá là mẫu hình tam giác hay mẫu hình cái nêm, hoặc có hay không mẫu hình khối lượng ủng hộ thị trường giá lên hoặc thị trường giá xuống, những tín hiệu về xu hướng MA là rõ ràng và không hề gây tranh cãi.

Hãy bắt đầu với khái niệm đường trung bình di động – đường MA là gì? Như từ thứ nhất ám chỉ “trung bình” (Average) có nghĩa là điều cốt lõi của dữ liệu. Chẳng hạn chúng ta mong muốn có trung bình 10 ngày của giá đóng cửa, chúng ta chỉ việc cộng lại giá đóng cửa của 10 ngày vừa qua và sau đó lấy tổng đó chia cho 10. Còn từ thứ hai “di động” (Moving) được sử dụng ở đây là bởi vì chúng ta chỉ lấy 10 ngày gần nhất để đưa vào tính toán. Vì thế mà điều cốt lõi của dữ liệu để tính trung bình

(giá đóng cửa 10 ngày sau cùng) là những sự dịch chuyển hướng về trước với mỗi ngày giao dịch mới. Cách thông dụng nhất để tính MA là từ giá đóng cửa của 10 ngày gần nhất. Mỗi ngày có thêm một mức giá đóng cửa mới được cộng vào và giá đóng cửa của ngày thứ 11 bị loại ra. Sau đó, tổng giá trị mới này sẽ được chia cho số ngày (10 ngày) (xem hình 8.1a).

Hình 8.1a: Đường MA 10 ngày hàm ý một đồ thị hình thanh hàng ngày của chỉ số VN-Index. Những mức giá vượt qua đường trung bình một vài thời điểm (xem những mũi tên) trước khi mức giá cao hơn đảo ngược sau cùng.



Ví dụ trên giải quyết một vấn đề đơn giản về đường MA 10 ngày của giá đóng cửa. Tuy nhiên, có rất nhiều loại MA khác mà chúng không hề đơn giản chút nào. Có 7 loại MA phổ biến: MA giản đơn (SMA – simple Moving Average – ám chỉ đến cả cách tính toán), MA hàm mũ (EMA – Exponential Moving Average), MA chuỗi thời gian (TSMA – Time Series Moving Average), MA tam giác (TMA – Triangular Moving Average), MA biến thiên (VMA – Variable Moving Average), MA được điều chỉnh khối lượng (AMA – Volume-adjusted Moving Average), MA

tỷ trọng (WMA – Weighted Moving Average). Và cũng có rất nhiều câu hỏi như cách tốt nhất để áp dụng MA. Chẳng hạn, nên sử dụng đường MA bao nhiêu ngày? Có nên sử dụng MA dài hạn hay ngắn hạn? Có chăng một MA tốt nhất đối với tất cả các thị trường hay chỉ cho một thị trường riêng lẻ mà thôi? Có phải mức giá đóng cửa là mức giá tốt nhất để tính MA không? Sử dụng nhiều hơn một MA thì có tốt hơn không? Hay kiểu trung bình nào hữu dụng hơn – SMA, WMA hay EMA? Hay câu hỏi đâu là những khoảng thời gian mà MA hoạt động tốt hơn các khoảng thời gian khác?

Sự khác biệt quan trọng duy nhất giữa các loại MA là tỷ trọng gán cho dữ liệu hiện tại. Với SMA thì tỷ trọng cho các mức giá là bằng nhau, với EMA và WMA thì tỷ trọng của các mức giá gần hiện nay được đặt mức cao hơn, trong khi đó TMA thì tỷ trọng cao hơn ứng với các mức giá ở giữa thời kỳ và VMA thì tỷ trọng thay đổi tùy theo mức biến động giá.

Có rất nhiều câu hỏi được quan tâm khi sử dụng MA. Chúng tôi sẽ giải đáp nhiều câu hỏi trong chương này và những ví dụ minh họa về những cách ứng dụng MA thông dụng hơn.

MA: Một phương sách làm san bằng sự biến động bằng việc làm chậm lại thời gian

MA là một phương sách cần thiết để bám sát xu hướng. Mục đích của nó là để xác định hoặc chỉ ra tín hiệu rằng một xu hướng mới đã bắt đầu hay một xu hướng cũ đã kết thúc hoặc đảo chiều. Mục đích của nó là theo dõi sự tiến triển của xu hướng. MA có thể được coi là một đường xu hướng cong. Tuy nhiên, nó không dự đoán hành động thị trường giống như cách mà phân tích đồ thị chuẩn thực hiện. MA là một người theo sau chứ không phải là một người dẫn dắt. Nó không bao giờ tiên đoán mà chỉ đơn thuần là phản ứng trở lại. MA bám sát một thị trường và nói cho chúng ta biết một xu hướng đã bắt đầu, chứ không chỉ đơn giản là theo sau các số liệu đã diễn ra.

MA là một phương sách làm san bằng các biến động. Bằng việc tính toán mức trung bình dữ liệu giá, một đường giá bằng phẳng hơn được tạo ra, giúp quan sát dễ dàng hơn xu hướng giá cơ bản. Tuy nhiên về bản chất, đường MA cũng trở nên chậm trễ hơn so với hành động thị trường. Một đường MA ngắn hơn, chẳng hạn như một trung bình 20 ngày, bám sát thị trường hơn là MA 200 ngày. Sự chậm trễ về thời gian có thể được giảm bớt bằng cách sử dụng MA ngắn hạn hơn, nhưng sự chậm trễ về thời gian này không bao giờ loại bỏ hoàn toàn được. Những đường MA ngắn hạn hơn sẽ nhạy cảm hơn với hành động giá, trong khi đó những đường MA dài hạn hơn thì ít nhạy cảm hơn. Tùy vào từng loại thị trường mà chúng ta sử dụng MA ngắn hạn hay dài hạn, có những thời điểm chúng ta sử dụng MA ngắn hạn phát huy tác dụng nhưng cũng có những thời điểm khác sử dụng MA dài hạn lại tốt hơn. (Xem hình 8.1b)

Hình 8.1b: Một sự so sánh đường MA 20 ngày và 200 ngày. Trong suốt thời kỳ từ tháng tám đến tháng hai đường MA 20 ngày lệch về một phía, những mức giá di ngang qua đường MA ngắn hạn hơn ở một vài thời điểm. Tuy nhiên, chúng được duy trì trên đường MA 200 ngày trong toàn bộ thời kỳ.



Phương pháp sử dụng MA phổ biến nhất là so sánh mỗi quan hệ giữa MA với giá của bản thân chứng khoán đó. Khi giá chứng khoán tăng cao hơn MA thì đó là tín hiệu mua, và ngược lại, khi giá chứng khoán giảm xuống thấp hơn MA thì đó là tín hiệu bán ra.

MA không được sử dụng để cung cấp cho nhà đầu tư một định hay đáy hoàn toàn chính xác trong xu hướng mà chỉ giúp nhà đầu tư tiến gần hơn với xu hướng bằng cách mua sau các đáy và bán sau các đỉnh của thị trường đã xảy ra.

Các mức giá dùng để tính MA

Từ trước đến nay chúng ta đã sử dụng mức giá đóng cửa để tính MA trong hầu hết các ví dụ trên. Tuy nhiên, mức giá đóng cửa được xem là mức giá quan trọng nhất trong giao dịch ngày và là mức giá được sử dụng nhiều nhất trong việc xây dựng nên đường MA, nhưng độc giả cũng nên quan tâm đến vẫn có một vài nhà phân tích kỹ thuật ưa thích sử dụng các mức giá khác hơn. MA có thể được tính toán từ bất kỳ loại dữ liệu nào, có thể là giá mở cửa, đóng cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất, khối lượng giao dịch hay bất kỳ loại chỉ số nào khác. Một MA của một trung bình nào khác cũng là chuyện bình thường. Một vài người ưa thích sử dụng một giá trị trung bình, giá trị trung bình này có được bằng cách chia đôi phạm vi giá trong ngày.

Có một số người thì đưa mức giá đóng cửa vào tính toán MA bằng cách cộng ba mức giá cao nhất, thấp nhất, và giá đóng cửa lại rồi chia cho 3. Còn một số người khác lại xây dựng những dải bằng giá bằng cách lấy trung bình từng mức giá cao nhất và thấp nhất. Kết quả là hai đường MA riêng lẻ mà hai đường này hoạt động như là một kiểu của vùng đệm biến động hay vùng trung hòa. Mặc dù những dao động này, mức giá đóng cửa vẫn là mức giá được sử dụng nhiều nhất đối với việc phân tích MA và cũng là mức giá mà chúng ta sẽ đề cập đến trong hầu hết chương này.

208 Phân tích kỹ thuật

MA cũng có thể được tính toán cho các chỉ số. Kết quả MA tính ra từ các chỉ số cũng được lý giải một cách tương tự. Khi chỉ số tăng cao hơn MA thì đó là dấu hiệu cho xu hướng tăng lên của chỉ số. Ngược lại khi chỉ số rơi xuống thấp hơn MA thì chỉ số có xu hướng giảm.

Các chỉ số đặc biệt thích hợp cho việc sử dụng MA là MACD, Price ROC, Momentum và Stochastic Oscillator. Một vài chỉ số như Stochastic ngắn hạn biến động quá nhiều đến nỗi khó có thể nhìn thấy được xu hướng của nó. Bằng cách sử dụng MA nhà đầu tư có thể nhìn thấy xu hướng tổng quát của nó một cách dễ dàng hơn.

Sự lý giải hàng đầu về MA là sử dụng nó để quan sát sự thay đổi trong giá cả. Các nhà đầu tư thường mua khi giá chứng khoán cao hơn MA và bán khi giá chứng khoán giảm xuống thấp hơn MA.

Khoảng thời gian dùng để tính MA

Vấn đề khó khăn nhất khi sử dụng MA là khoảng thời gian đưa vào tính toán. Thông thường người ta hay tính MA 39 tuần, nhưng dù là bao nhiêu đi nữa thì MA cũng phải đảm bảo tính chất là ghi chép đầy đủ các dấu vết theo thời gian của các chu kỳ thị trường. Có nghĩa rằng độ dài của một MA phải phù hợp với chu kỳ thị trường mà nhà đầu tư đang theo. Chẳng hạn như, cần tính độ dài đối với một MA của một chứng khoán có chu kỳ 40 ngày (từ đỉnh này đến đỉnh khác mất 40 ngày), thì chỉ cần áp dụng công thức:

$$\text{Độ dài lý tưởng của một MA} = \frac{\text{Độ dài chu kỳ}}{2} + 1$$

Kết quả là nhà đầu tư có được một MA 21 ngày.

Có thể chuyển một MA hàng ngày thành một MA hàng tháng hay hàng tuần một cách dễ dàng. Nếu muốn chuyển từ MA hàng ngày sang MA

hàng tuần, lấy số ngày chia cho 5. Có nghĩa là một MA 200 ngày sẽ tương đương với một MA 40 tuần. Tương tự nếu muốn chuyển qua MA hàng tháng, lấy số ngày chia cho 21 (bởi vì hàng tháng có xấp xỉ khoảng 21 ngày giao dịch). Chẳng hạn một MA 200 ngày sẽ tương đương với một MA 9 tháng.

Người ta đã đúc kết kinh nghiệm sử dụng MA qua bảng sau, để cho thấy số kỳ mà nhà đầu tư nên sử dụng khi tính toán MA:

Xu hướng	MA
Rất ngắn hạn	5–13 ngày
Ngắn hạn	14–25 ngày
Trung hạn nhỏ	26–49 ngày
Trung hạn	50–100 ngày
Dài hạn	100–200 ngày

MA giản đơn – SMA

Hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng loại SMA, hoặc trung bình số học. Nhưng có một số người thắc mắc về tính hữu dụng của MA ở hai điểm. Lời chỉ trích đầu tiên rằng chỉ có khoảng thời gian dùng để tính MA mới được xem xét. Lời chỉ trích thứ hai rằng SMA cho tỷ trọng ngang bằng nhau đối với mức giá mỗi ngày. Ví dụ, một đường MA 10 ngày, mức giá ngày sau cùng có cùng tỷ trọng với mức giá của ngày đầu tiên trong việc tính toán. Mức giá mỗi ngày được xác định một tỷ trọng là 10%. Một đường MA 5 ngày, mỗi ngày có một tỷ trọng 20%. Một số nhà phân tích tin tưởng rằng, sẽ tốt hơn nếu đặt một tỷ trọng cao hơn cho mức giá gần đây.

MA tỷ trọng tuyến tính – WMA

Một nỗ lực để hiệu chỉnh vấn đề tranh cãi về tỷ trọng, một số nhà phân tích sử dụng MA tỷ trọng tuyến tính. Việc tính toán này là: mức giá đóng cửa của ngày thứ 10 (trong trường hợp đường MA 10 ngày) được nhân với 10, mức giá đóng cửa ngày thứ 9 nhân với 9, mức giá đóng cửa ngày thứ 8 nhân với 8 và tương tự như vậy. Do đó, các mức giá đóng cửa càng gần hiện tại càng có tỷ trọng lớn hơn. Sau đó lấy tổng vừa tìm được chia cho tổng các thừa số (trong trường hợp này là 55, tính bằng cách: $10 + 9 + 8 + \dots + 1$). Tuy nhiên, MA tỷ trọng tuyến tính này vẫn chưa giải quyết được rắc rối về việc chỉ có khoảng thời gian dùng để tính toán MA được xem xét.

MA san bằng hàm mũ – EMA

Loại MA này giải quyết được cả hai rắc rối mà MA giản đơn mắc phải. Thứ nhất, MA san bằng hàm mũ đặt tỷ trọng lớn hơn cho các mức giá gần hiện tại hơn. Vì thế nó cũng chính là một đường MA có tính tỷ trọng. Nhưng trong khi nó gán tỷ trọng nhỏ hơn cho các mức giá trước, nó cũng không dựa vào tính toán tất cả các dữ liệu giá trong vòng đời của công cụ tài chính (chứng khoán, ngoại tệ, vàng...).Thêm vào đó, người sử dụng MA này có thể điều chỉnh tỷ trọng lớn hơn hoặc nhỏ hơn cho các mức giá gần đây. Việc điều chỉnh này được thực hiện bằng cách thay đổi giá trị phần trăm đối với mức giá của ngày sau cùng, tỷ trọng mà giá trị của ngày trước đó được cộng vào phần trăm MA. Tổng của hai giá trị phần trăm này phải là 100%. Nói cách khác, EMA được tính toán bằng cách áp dụng một tỷ lệ phần trăm của mức giá đóng cửa ngày hôm nay và một tỷ lệ phần trăm còn lại cho giá trị MA của ngày hôm qua. EMA thường gán một tỷ lệ phần trăm cao hơn đối với những mức giá gần đây. Chẳng hạn, đối với MA 10 ngày, mức giá của ngày sau cùng có thể được xác định một giá trị tỷ trọng 10% (0,1), còn tỷ trọng của MA tính tới ngày trước đó là 90% (0,9). Điều này làm cho mức giá cuối cùng chiếm

tỷ trọng 10% trong tổng tỷ trọng. Điều đó có thể tương tự một MA 20 ngày. Bằng cách cho mức giá ngày cuối cùng một giá trị nhỏ hơn là 5% (0,05). Tỷ trọng ngày cuối cùng ít hơn, MA ít nhạy cảm hơn. Tiếp tục làm với MA 40 ngày. (Xem hình 8.2)

Máy vi tính sẽ tính toán các MA này hết sức đơn giản cho bạn. Bạn chỉ phải chọn số ngày mà bạn muốn tính trong MA – 10, 20, 40 v.v. Sau đó lựa chọn loại MA mà bạn muốn – giản đơn, tỷ trọng tuyến tính hay san bằng hàm mũ. Bạn cũng có thể lựa chọn nhiều đường trung bình mà bạn muốn – 1, 2, hay 3.

Hình 8.2: MA hàm mũ 40 ngày (đường ngắt quãng) ít biến động hơn đường MA giản đơn 40 ngày (đường nét liền).



MA chuỗi thời gian – TSMA

Một MA chuỗi thời gian cũng giống như một dự báo chuỗi thời gian. Đôi khi nó ám chỉ như là một sự nghiên cứu “đường hồi quy tuyến tính di động”. Chỉ số dự báo chuỗi thời gian thể hiện xu hướng thống kê về giá

212 Phân tích kỹ thuật

của một chứng khoán qua một thời kỳ đặc biệt. Xu hướng được dựa trên việc phân tích đường hồi quy tuyến tính. Việc giải thích về dự báo chuỗi thời gian giống hệt với MA. Tuy nhiên, chỉ số dự báo chuỗi thời gian có hai ưu điểm so với MA.

Thứ nhất, không giống như đường MA, dự báo chuỗi thời gian không biểu lộ nhiều sự chậm trễ khi điều chỉnh những sự thay đổi giá. Do chỉ số là sự điều chỉnh chính nó đến dữ liệu hơn là mức trung bình của chúng, dự báo chuỗi thời gian thì dễ đáp ứng hơn đến những sự thay đổi giá. Thứ hai, giống như tên gọi của nó, chúng ta có thể sử dụng dự báo chuỗi thời gian để dự báo mức giá của thời kỳ tiếp theo. Việc ước lượng này dựa trên xu hướng của các mức giá của chứng khoán qua thời kỳ cụ thể. Nếu xu hướng hiện hành là tiếp tục, giá trị của dự báo chuỗi thời gian là một dự báo giá của thời kỳ tiếp theo.

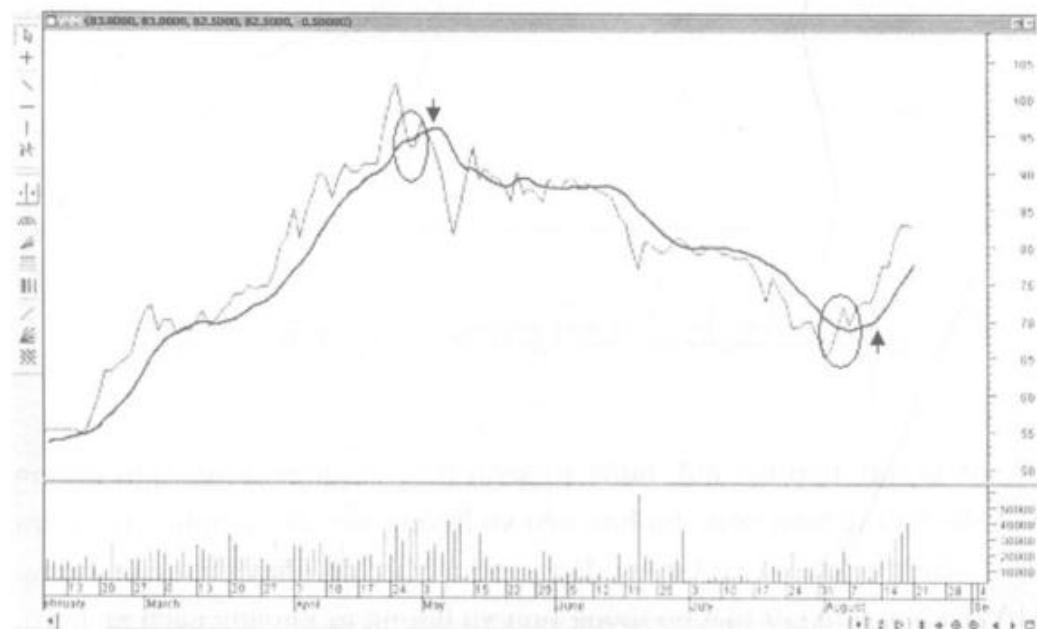
Sử dụng một MA

MA giản đơn là một trong những đường MA được các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng nhiều nhất, và nó cũng là một trong những đường MA mà chúng ta đang tập trung vào. Một số nhà giao dịch chỉ sử dụng duy nhất một đường MA để đưa ra các tín hiệu xu hướng. Đường MA được vẽ trên đồ thị hình thanh (hoặc đồ thị đường) với giao dịch trong ngày phù hợp cùng hành động giá trong ngày giao dịch đó. Khi giá đóng cửa dịch chuyển lên trên đường MA, tín hiệu mua được tạo ra. Còn một tín hiệu bán được tạo ra khi giá dịch chuyển xuống dưới đường MA. Để tăng thêm sự xác nhận, một vài nhà phân tích kỹ thuật còn xem đường MA để chỉ ra hướng giá tại điểm giao nhau. (Xem hình 8.3)

Nếu chúng ta áp dụng một đường MA ngắn hạn (5 hoặc 10 ngày, chúng ta sẽ thấy rằng đường trung bình này sẽ theo rất sát được giá và tạo ra nhiều điểm cắt nhau hơn. Hành động này có thể hoặc tốt hoặc không tốt. Việc sử dụng một đường MA rất nhạy cảm này sẽ tạo ra nhiều giao dịch (với chi phí hoa hồng cao hơn) và những kết quả của nó cũng có nhiều tín hiệu sai

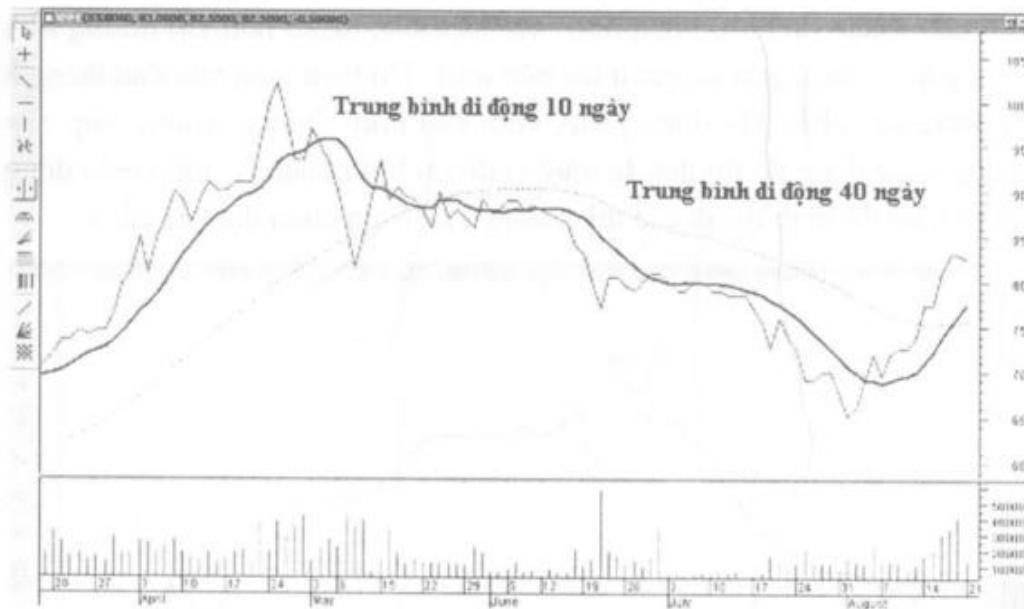
(tín hiệu giả). Nếu đường MA quá nhạy cảm, các biến động giá ngẫu nhiên trong ngắn hạn (độ nhiễu) sẽ đưa ra các tín hiệu xu hướng tồi.

Hình 8.3: Những mức giá giảm dưới đường MA 10 ngày trong suốt một thời gian (xem hình tròn bên trái). Tín hiệu bán mạnh hơn khi đường MA cũng gập xuống (xem dấu mũi tên bên trái). Tín hiệu mua vào đầu tháng 8 đã được xác nhận khi đường MA vượt cao hơn. (Trong trường hợp này chúng ta sử dụng đồ thị đường thay vì đồ thị hình thanh vì rằng biến động giá trên đồ thị hình thanh của thị trường Việt Nam chưa đạt yêu cầu).



Trong khi đường MA ngắn hạn hơn tạo ra nhiều dấu hiệu sai, nhưng đường này có ưu điểm đó là tạo ra các tín hiệu mua bán sớm hơn. Đó chính là lý do tại sao đường MA càng nhạy cảm thì tín hiệu mua bán càng được đưa ra sớm. Vì thế, có một sự đánh đổi diễn ra ở đây. Thủ thuật là phải tìm ra được một đường MA mà nó đủ nhạy cảm để tạo ra các tín hiệu sớm hơn, nhưng mức độ nhạy cảm này cũng phải đủ để tránh phần lớn các biến động ngẫu nhiên. (Xem hình 8.4)

Hình 8.4: Một đường MA ngắn hạn hơn cho ra những tín hiệu sớm hơn. Một đường MA dài hạn hơn sẽ đưa ra ít tín hiệu hơn, nhưng có khả năng tin tưởng hơn.



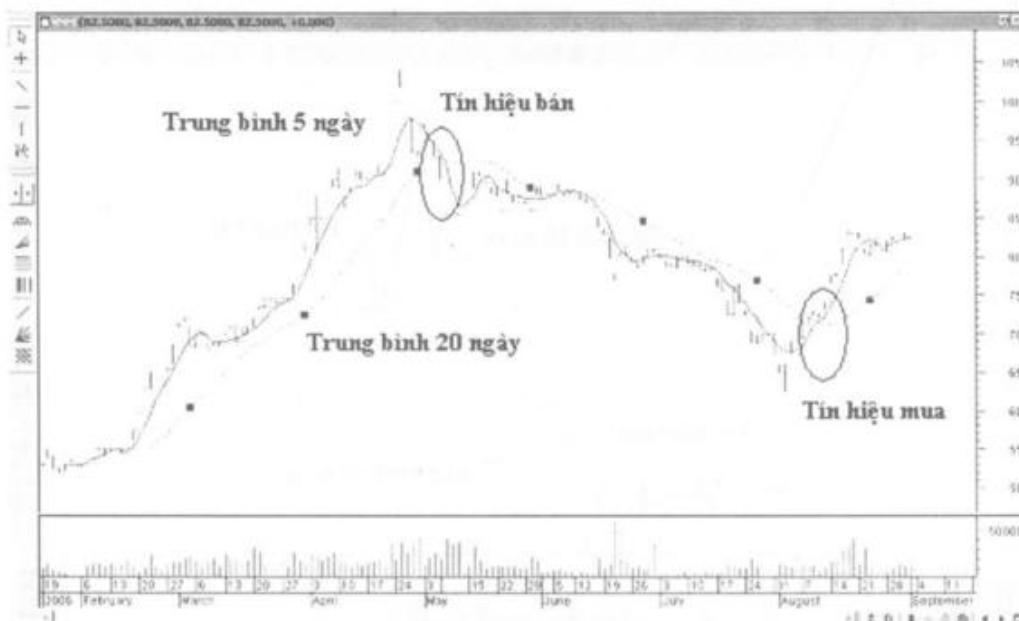
Chúng ta hãy tiếp tục một bước so sánh sâu hơn. Trong khi đường MA dài hạn sẽ hoạt động tốt hơn nếu xu hướng vẫn còn ý nghĩa, nó sẽ trả lại nhiều hơn khi có xu hướng đảo ngược. Mức độ nhạy cảm của đường MA dài hạn hơn (sự thật nó thống lĩnh xu hướng từ khoảng cách xa hơn), giữ cho đường MA khỏi những rối loạn do giảm giá nhất thời gây ra, nhưng đường MA dài hạn đi ngược lại với nhà giao dịch khi xu hướng thực sự đảo ngược. Vì thế, chúng tôi đưa thêm một hậu quả tất yếu ra đây: đường MA dài hạn sẽ hoạt động tốt hơn trong một thị trường có xu hướng và xu hướng được giữ vững, còn đối với đường MA ngắn hạn sẽ hữu dụng hơn khi xu hướng thị trường đảo chiều liên tục.

Vì thế, cho thấy một điều là chỉ sử dụng đường MA thôi sẽ có những nhược điểm. Thường sẽ tốt hơn nếu chúng ta sử dụng hai MA.

Làm sao để sử dụng hai đường MA để tạo ra các tín hiệu mua bán

Kỹ thuật này được gọi là phương pháp cắt hai lần. Điều này có nghĩa là tín hiệu mua được tạo ra khi đường MA ngắn hạn cắt lên trên đường MA dài hạn. Ví dụ như, hai kết hợp phổ biến là, đường MA 5 ngày và 20 ngày; đường MA 10 ngày và 50 ngày. Một cách chính thức, tín hiệu mua xảy ra khi đường MA 5 ngày cắt lên trên đường MA 20 ngày và tín hiệu bán được tạo ra khi đường MA 5 ngày cắt xuống dưới đường MA 20 ngày. Còn trong ví dụ thứ hai, khi đường MA 10 ngày cắt lên trên đường MA 50 ngày cho thấy xu hướng tăng và xu hướng giảm xảy ra khi đường MA 10 ngày cắt xuống dưới đường MA 50 ngày. Sử dụng kỹ thuật hai đường MA này sẽ làm tăng thêm độ trễ về thời gian nhưng lại tạo ra ít hơn các tín hiệu sai khi sử dụng đường MA giản đơn. (Xem hình 8.5 và 8.6)

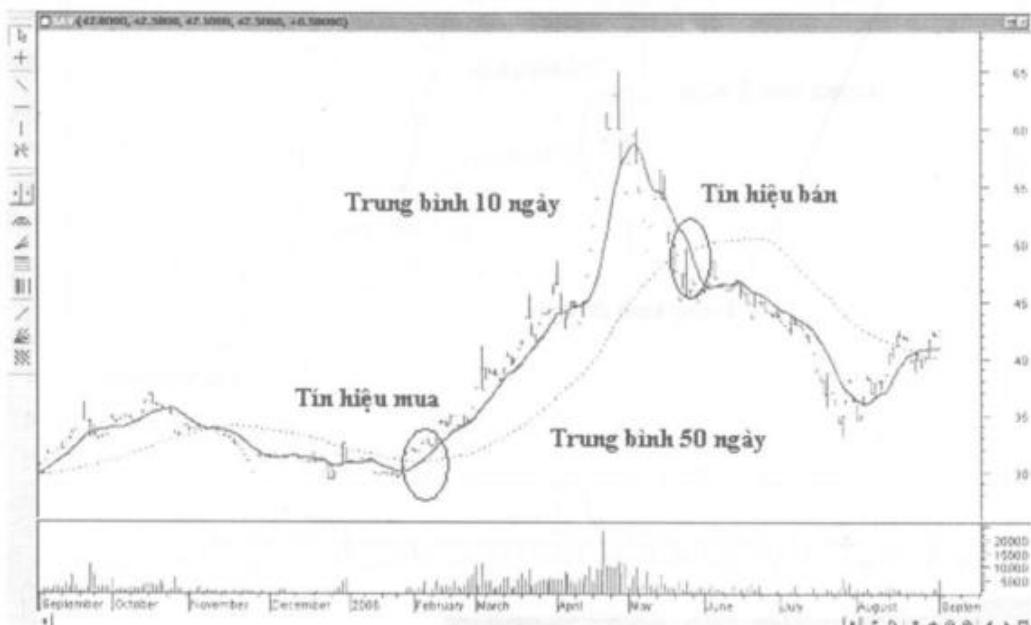
Hình 8.5: Phương pháp cắt hai lần sử dụng hai đường MA. Sự kết hợp hai đường MA 5 ngày và 20 ngày là khá phổ biến đối với các nhà giao dịch giao sau.



Sử dụng 3 MA, hoặc phương pháp cắt 3 lần

Ba đường MA đưa chúng ta theo với phương pháp cắt 3 lần. Hệ thống ba đường MA được sử dụng rộng rãi nhất là 4–9–18 ngày. Phương pháp ba đường trung bình 4–9–18 được sử dụng chủ yếu trong giao dịch giao sau. Khái niệm này được đề cập lần đầu tiên bởi R.C Allen trong cuốn sách năm 1972 của ông, “Làm thế nào để xây dựng một cơ đồ trong thị trường hàng hoá”, và sau này năm 1974 nó cũng được nghiên cứu bởi cùng một tác giả, “Làm sao để sử dụng đường MA 4 ngày, 9 ngày, và 18 ngày để tạo ra nhiều lợi nhuận hơn từ thị trường hàng hoá”. Hệ thống đường MA 4–9–18 ngày này khác với hệ thống đường MA 5–10–20 ngày, nó được sử dụng trong những chu kỳ hàng hoá. Nhiều đồ thị phục vụ công chúng một kết hợp những đường MA 4–9–18 ngày. (Nhiều phần mềm vẽ đồ thị sử dụng sự kết hợp 4–9–18 ngày như là một giá trị mặc định khi vẽ ba đường MA).

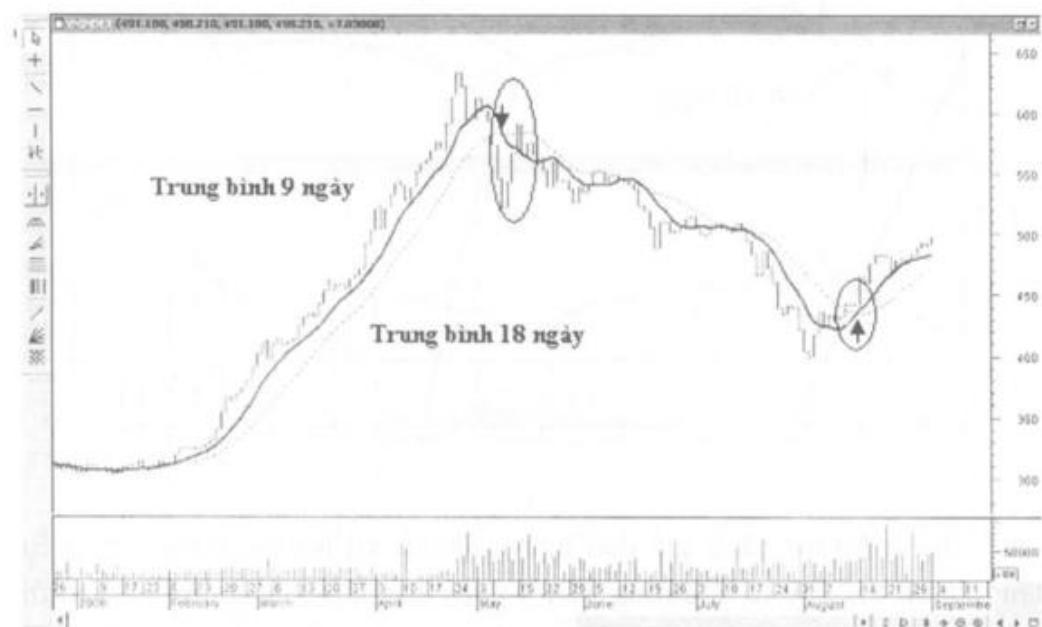
Hình 8.6: Các nhà giao dịch chứng khoán sử dụng đường MA 10 ngày và 50 ngày.



Làm sao để sử dụng hệ thống đường MA 4–9–18 ngày

Chúng ta đã giải thích, đường MA càng ngắn hạn thì càng theo dõi sát xu hướng giá. Đó là lý do tại sao mà đường MA ngắn nhất – 4 ngày – sẽ theo sát xu hướng giá nhất, sau đó tới 9 ngày và 18 ngày. Vì thế, trong một xu hướng tăng giá, chính sự sắp xếp thích đáng này làm cho đường MA 4 ngày nằm trên đường MA 9 ngày, còn đường MA 9 ngày nằm trên đường MA 18 ngày. Trong xu hướng giảm giá, thứ tự này bị đảo ngược và sự sắp xếp hoàn toàn ngược lại. Có nghĩa là đường MA 4 ngày thấp nhất, tiếp theo là đường MA 9 ngày và sau cùng là 18 ngày. (Xem hình 8.7a và 8.7b)

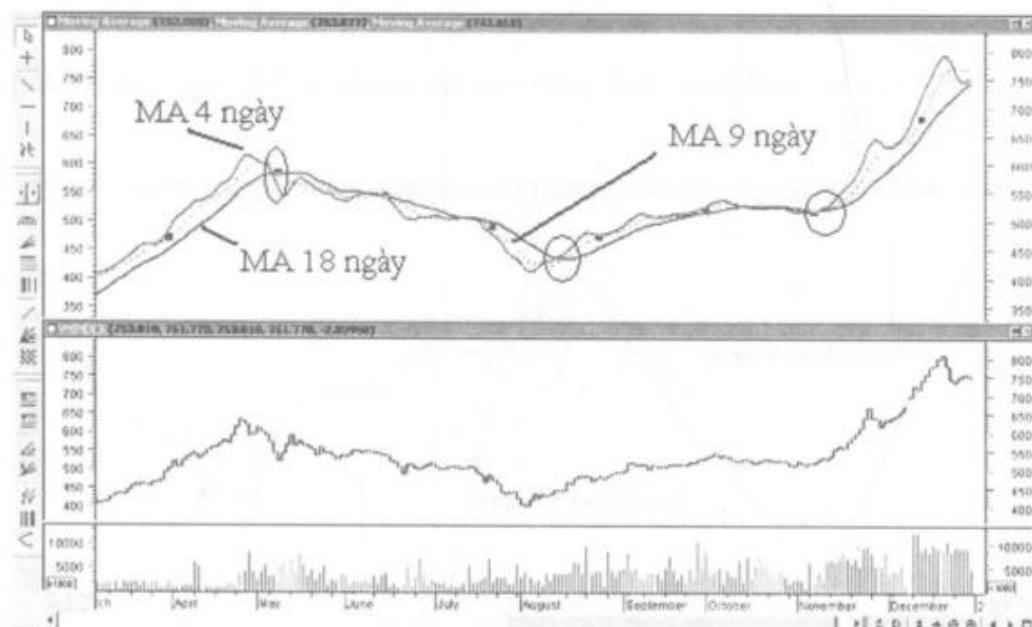
Hình 8.7a: Các nhà giao dịch giao sau ưa thích sự kết hợp của đường MA 9 ngày và 18 ngày.



Một lời cảnh báo mua xảy ra trong xu hướng giảm giá khi đường MA 4 ngày cắt lên trên đường MA 9 ngày và 18 ngày. Tín hiệu mua được xác nhận chỉ khi đường MA 9 ngày cũng cắt lên trên đường MA 18 ngày. Có nghĩa là đường MA 4 ngày cắt lên trên đường MA 9 ngày và đường MA

9 ngày cắt lên trên đường MA 18 ngày. Sự hoà lẫn vào nhau của 3 đường trung bình này có thể xảy ra trong thời kỳ hiệu chỉnh hoặc cùng cố xu hướng nhưng nhìn chung xu hướng tăng giá vẫn duy trì. Một số nhà giao dịch vẫn có thể tạo ra lợi nhuận trong quá trình hoà lẫn này và họ còn có thể sử dụng nó như là một cơ hội để mua vào. Rõ ràng ở đây có một sự linh động lớn khi áp dụng các quy tắc này, tùy thuộc vào nhà giao dịch đó muốn mua bán như thế nào.

Hình 8.7b: Sự kết hợp đường MA 4–9–18 ngày cũng phô biến đối với các nhà giao dịch giao sau.

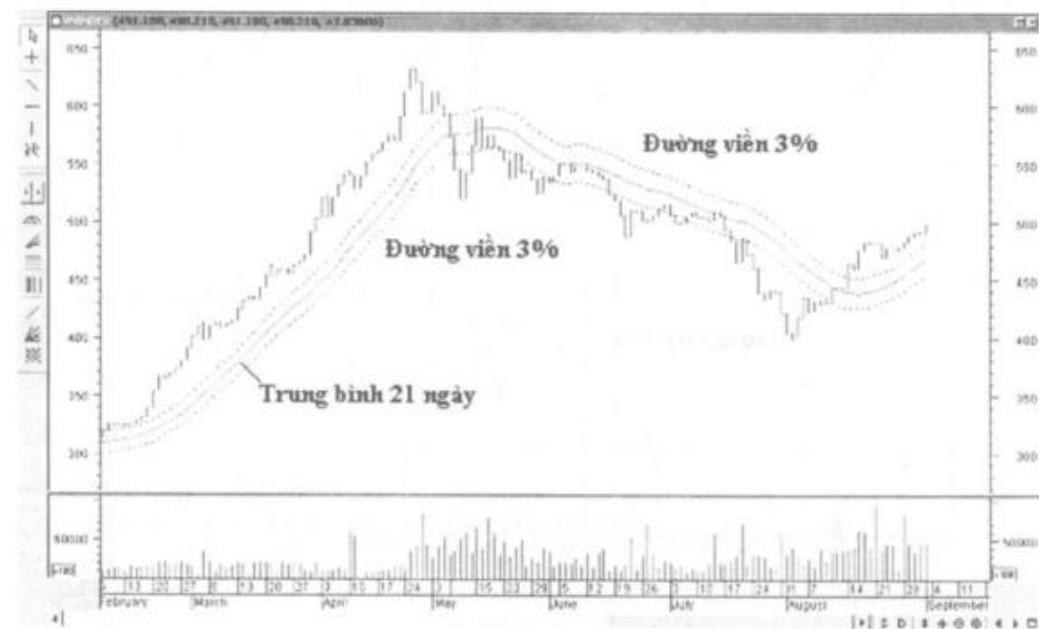


Khi một xu hướng tăng giá đảo ngược thành xu hướng giảm giá, điều đầu tiên có thể xảy ra là đường MA 4 ngày sẽ trượt sâu xuống phía dưới đường MA 9 ngày và 18 ngày. Đó chỉ là sự cảnh báo bán. Tuy nhiên vẫn có một số nhà giao dịch sử dụng tín hiệu này như là lý do đủ để bắt đầu thanh lý các vị thế mua. Sau đó, nếu đường MA dài hạn kế tiếp – 9 ngày – cắt xuống dưới đường MA 18 ngày, tín hiệu bán ngắn hạn được cung cấp.

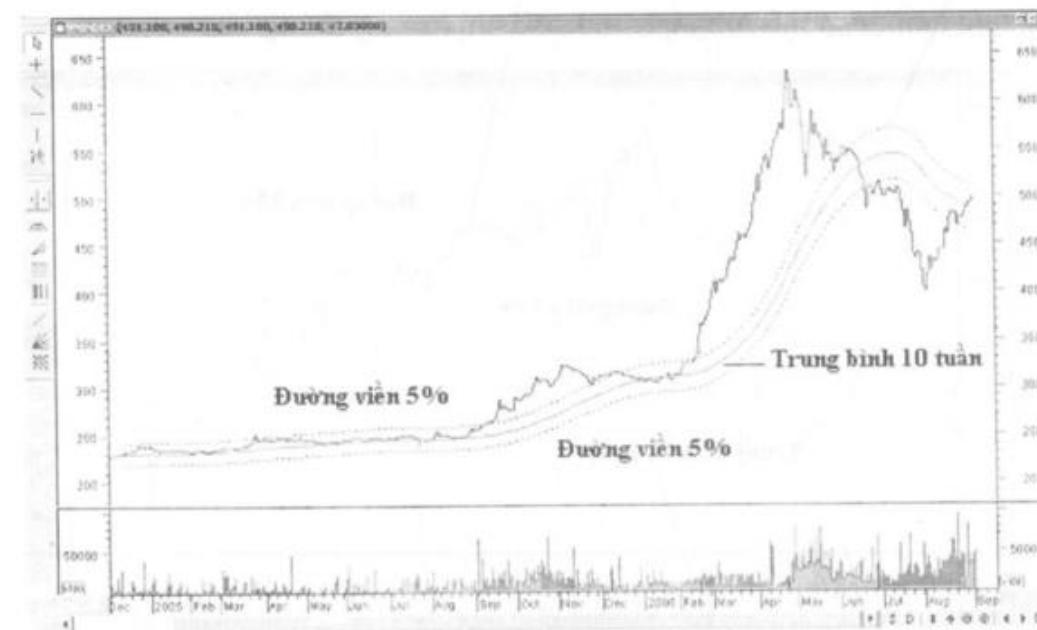
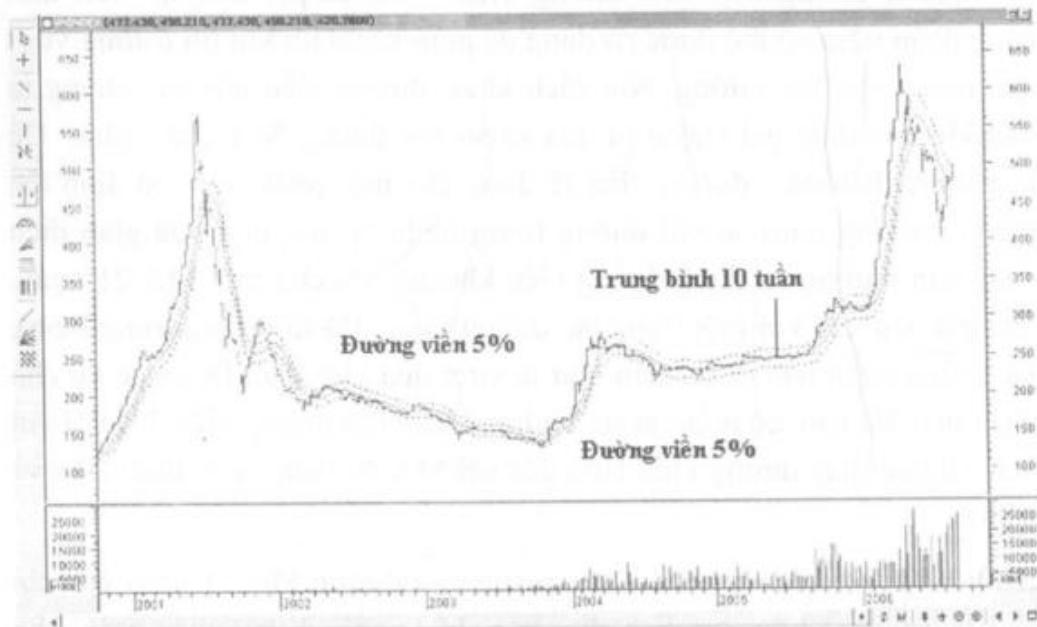
Đường viền bao quanh đường MA

Tính hữu dụng của đường MA giản đơn có thể được nâng lên bằng cách bao quanh đường MA một đường viền – Envelope. Đường viền tính bằng phần trăm có thể được sử dụng để giúp xác định khi thị trường vượt quá một trong hai hướng. Nói cách khác, đường viền nói cho chúng ta biết khi các mức giá chênh ra quá xa so với đường MA của chúng. Để làm được điều này, đường viền sẽ được cho một phần trăm cố định lên trên và xuống dưới so với đường trung bình. Ví dụ, một nhà giao dịch ngắn hạn thường sử dụng đường viền khoảng 3% cho một MA 21 ngày. Khi giá tiếp xúc với một trong hai đường viền (3% từ đường trung bình), xu hướng ngắn hạn được xem như là vượt quá giới hạn. Để phục vụ cho phân tích dài hạn, có một vài sự kết hợp khác như đường viền 5% đối với MA 10 tuần hay đường viền 10% đối với MA 40 tuần (xem hình 8.8a và 8.8b).

Hình 8.8a: Đường viền 3% xoay quanh một đường MA 21 ngày của chỉ số VN-Index. Những sự dịch chuyển ra bên ngoài đường viền gợi ý cho chúng ta một sự mở rộng quá mức của thị trường chứng khoán.



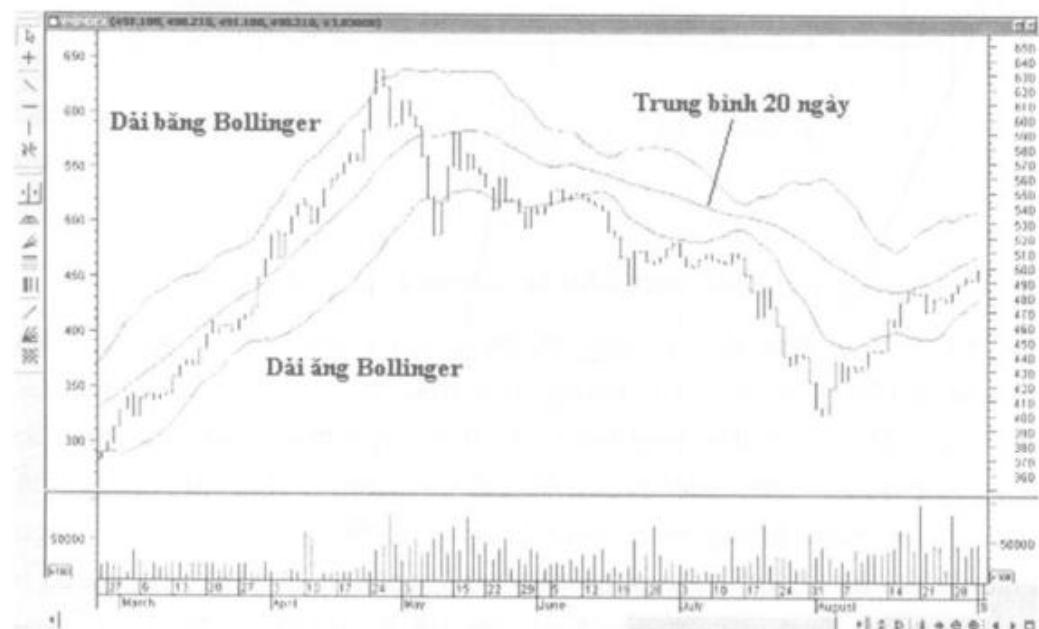
Hình 8.8b: Đối với việc phân tích trong phạm vi dài hạn, đường viền 5% có thể được đưa vào xoay quanh một đường MA 10 tuần. Những sự dịch chuyển ra ngoài đường viền xác định những thái cực của thị trường.



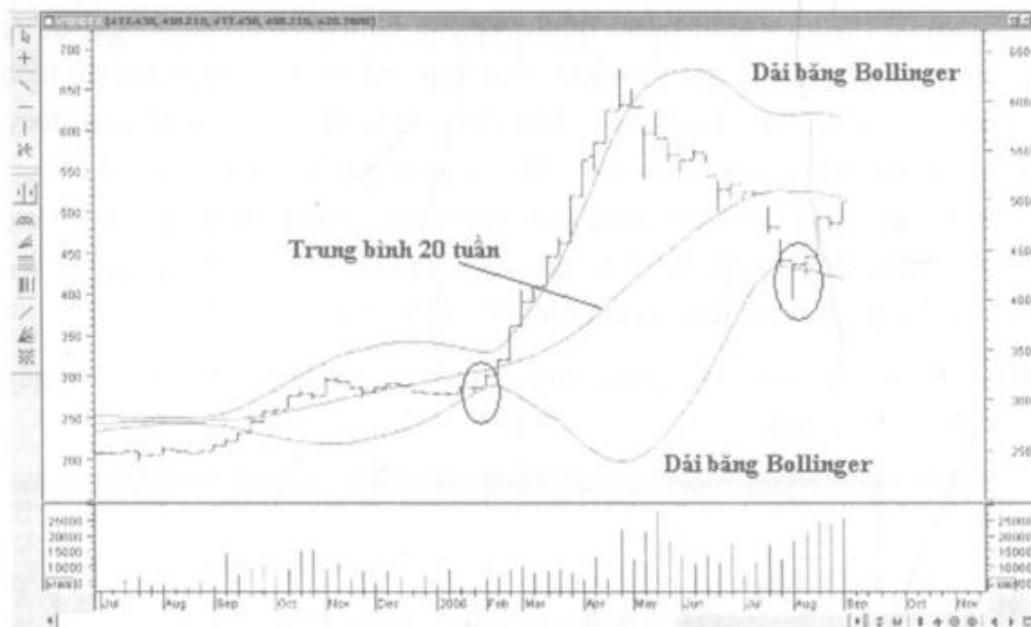
Dải băng Bollinger

Kỹ thuật này do John Bollinger phát triển. Hai dải băng giao dịch được hình thành bao quanh một đường MA giống như kỹ thuật đường viền. Ngoại trừ một điều, dải băng Bollinger được đặt trên hai độ lệch chuẩn phía trên và phía dưới đường MA, đường MA thường là 20 ngày. Độ lệch chuẩn là một khái niệm thống kê, nó cho thấy các mức giá được phân tán xung quanh giá trị trung bình như thế nào. Sử dụng hai độ lệch chuẩn này giúp đảm bảo chắc chắn rằng 95% dữ liệu giá sẽ dao động giữa hai dải băng giao dịch này. Như là một quy tắc, các mức giá được xem là vượt quá lên trên (mua quá mức) khi chúng dụng đến dải băng trên. Chúng được xem là vượt quá xuống phía dưới (bán quá mức) khi chúng dụng dải băng dưới (xem hình 8.9a và 8.9b).

Hình 8.9a: Dải băng Bollinger được vẽ xung quanh đường MA 20 ngày của chỉ số VN-Index.



Hình 8.9b: Dải băng Bollinger hoạt động tốt trên những đồ thị tuần, bằng việc sử dụng đường MA 20 tuần như là đường ở giữa. Mỗi sự giao nhau giữa những mức giá và dải băng phía dưới (xem các vòng tròn) được đánh dấu như là một điểm đáy của thị trường quan trọng và một cơ hội mua vào.



Sử dụng dải băng Bollinger như là những mục tiêu

Cách đơn giản nhất để sử dụng dải băng Bollinger là sử dụng dải băng trên và dải băng dưới như là những mục tiêu giá. Nói cách khác, nếu các mức giá bật ra khỏi dải băng dưới và cắt lên trên đường MA 20 ngày thì dải băng trên sẽ trở thành mục tiêu giá cao hơn. Tương tự, một sự cắt xuống phía dưới đường trung bình 20 ngày có thể xác định mục tiêu giá giảm là dải băng dưới. Trong một thị trường tăng giá mạnh, các mức giá thường biến động giữa đường biên trên và đường trung bình 20 ngày. Trong trường hợp này, một sự cắt xuống phía dưới đường trung bình báo hiệu đảo ngược xu hướng thành giảm giá.

Độ rộng của dải băng đo lường sự biến động giá

Có một điểm khác biệt chính giữa dải băng Bollinger và đường viền Envelope. Trong khi đường viền có một độ rộng phần trăm cố định, còn dải băng Bollinger có thể mở rộng hoặc thu hẹp lại tùy thuộc vào sự biến động của đường trung bình 20 ngày. Trong suốt thời kỳ biến động giá tăng, khoảng cách giữa hai dải băng Bollinger sẽ mở rộng. Ngược lại, trong suốt thời kỳ biến động thị trường giá giảm, khoảng cách giữa hai dải băng Bollinger sẽ thu hẹp lại. Có một khuynh hướng đối với dải băng đó là độ rộng và độ hẹp của dải băng xen kẽ nhau. Khi các dải băng cách xa nhau một cách bất bình thường, đó thường là một tín hiệu xu hướng hiện tại có thể sắp kết thúc. Khi khoảng cách giữa hai dải băng bị thu hẹp lại, điều đó thường là một tín hiệu thị trường có thể bắt đầu hình thành một xu hướng mới. Dải băng Bollinger cũng có thể áp dụng đối với đồ thị giá hàng tuần hoặc hàng tháng bằng cách sử dụng đường trung bình 20 tuần hay 20 tháng thay vì 20 ngày. Dải băng Bolliger hoạt động tốt nhất khi nó được kết hợp với những chỉ số dao động mua quá mức/bán quá mức, những chỉ số dao động này được giải thích trong chương tiếp theo.

Đặt trung tâm cho đường MA

Một cách chính xác có tính chất thống kê hơn để vẽ một đường MA là đặt nó vào trung tâm. Có nghĩa là đặt đường MA vào giữa thời kỳ tính toán MA. Chẳng hạn như, một đường MA 10 ngày sẽ được đặt vào trở lại 5 ngày. Một đường MA 20 ngày có thể được vẽ trở lại 10 ngày. Tuy nhiên, trung tâm hóa đường MA có một thiếu sót quan trọng về việc tạo ra nhiều xu hướng trễ hơn làm thay đổi các tín hiệu. Chính vì thế, đường MA thường lấy cuối thời kỳ hơn là giữa thời kỳ. Kỹ thuật trung tâm này được sử dụng bởi các nhà phân tích chu kỳ để cô lập các chu kỳ thị trường cơ bản.

MA gắn chặt với các chu kỳ thời gian

Nhiều nhà phân tích thị trường tin tưởng rằng chu kỳ thời gian đóng một vai trò quan trọng trong sự dịch chuyển thị trường. Bởi vì các chu kỳ thời gian này có đặc trưng lặp đi lặp lại và có thể đo lường được, nó có thể xác định các khoảng thời gian phù hợp khi các định hoặc đáy thị trường sẽ xảy ra. Có nhiều chu kỳ thời gian khác nhau tồn tại cùng một lúc, từ một chu kỳ ngắn nhất là 5 ngày cho đến một chu kỳ dài 54 năm. Chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn về chủ đề hấp dẫn này trong chương 12 “Chu kỳ thời gian”.

Mục tiêu giới thiệu các chu kỳ ở đây chỉ để đưa ra quan điểm rằng đường như có một mối quan hệ giữa các chu kỳ cơ bản mà nó tác động tới thị trường và các MA được sử dụng. Nói cách khác, đường MA có thể bị điều chỉnh cho phù hợp với những chu kỳ thống lĩnh trong mỗi thị trường.

Có vẻ như có một mối quan hệ xác định nào đó giữa MA và chu kỳ thời gian. Ví dụ, chu kỳ hàng tháng là một trong những chu kỳ được biết tới nhiều nhất đang hoạt động trong thị trường hàng hoá. Một tháng có khoảng 20 hoặc 21 ngày giao dịch. Các chu kỳ thường được liên hệ đến các chu kỳ dài hơn hoặc ngắn hơn hoặc cả hai. Điều này có nghĩa rằng chu kỳ kế tiếp dài hơn sẽ gấp đôi độ dài của một chu kỳ và chu kỳ kế tiếp ngắn hơn sẽ bằng một nửa độ dài của chu kỳ.

Vì thế, chu kỳ tháng tháng có thể giải thích tính phổ biến của các đường MA 5, 10, 20, 40 ngày. Chu kỳ 20 ngày đo lường chu kỳ hàng tháng. Đường MA 40 ngày thì gấp đôi đường MA 20 ngày. Đường MA 10 ngày thì bằng một nửa đường MA 20 ngày và đường MA 5 ngày là một nửa của đường MA 10 ngày.

Nhiều người ngày càng sử dụng đường MA (bao gồm các đường MA 4, 9 và 18 ngày, các đường này cũng xuất phát từ các đường trung bình 5, 10 và 20 ngày) có thể giải thích được bởi các biến động có tính chu kỳ và mối quan hệ hài hoà của các chu kỳ kế tiếp nhau. Một cách ngẫu nhiên,

một chu kỳ 4 tuần cũng có thể giúp giải thích sự thành công của quy tắc 4 tuần, được trình bày trong chương sau, và phản tương ứng ngắn hơn của chu kỳ là quy tắc 2 tuần.

Các con số Fibonacci được sử dụng như là các MA

Chúng tôi đã đề cập tới các dãy số Fibonacci trong chương lý thuyết sóng Elliott. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nhắc lại ở đây rằng một chuỗi các dãy số bí ẩn này – như 13, 21, 34, 55 và v.v. – thường được sử dụng tốt trong phân tích MA. Điều này không chỉ đúng với các đồ thị hàng ngày mà còn đúng với cả các đồ thị hàng tuần. Đường MA 21 ngày là một con số Fibonacci. Trong đồ thị hàng tuần, đường MA 13 tuần đã chứng tỏ giá trị trong cả hai thị trường chứng khoán và hàng hóa. Chúng tôi sẽ hoan lại việc thảo luận sâu hơn về những con số này trong chương 11.

MA áp dụng trong các đồ thị dài hạn

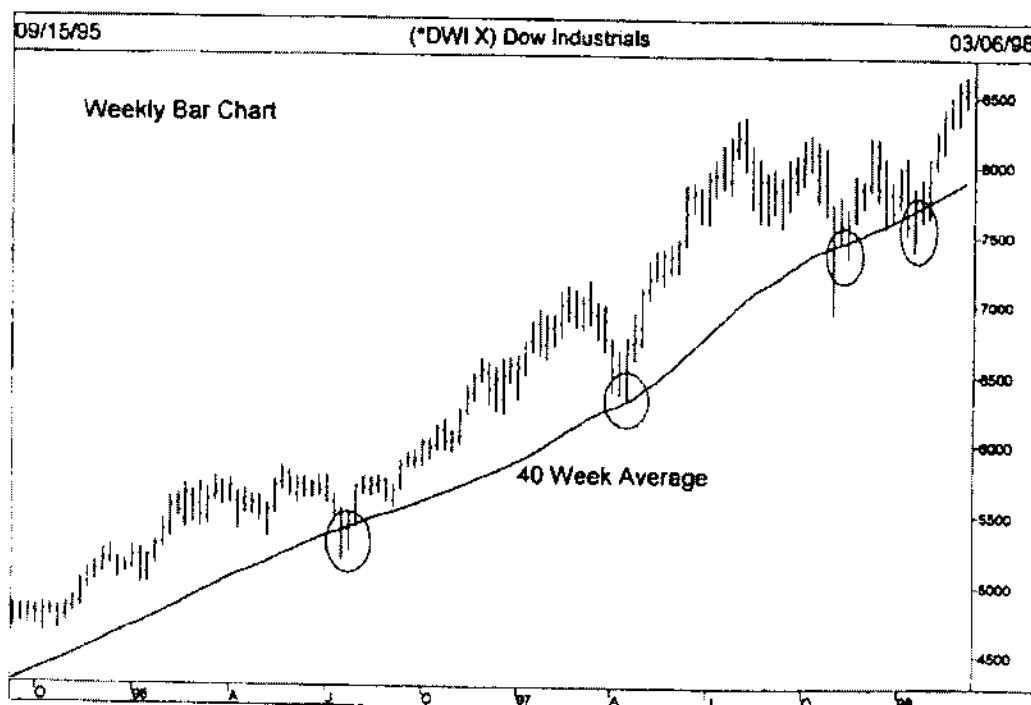
Người đọc có thể liếc qua cách sử dụng kỹ thuật này trong phân tích xu hướng phạm vi dài hạn hơn. Đường MA phạm vi dài hạn hơn, chẳng hạn như 10 hoặc 13 tuần, cùng chung với MA 30 hoặc 40 tuần, đã được sử dụng trong phân tích thị trường chứng khoán. Nhưng lại ít được chú ý trong phân tích thị trường giao sau. MA 10 và 40 tuần có thể giúp theo dõi xu hướng giá chủ đạo trong đồ thị hàng tuần đối với các hợp đồng giao sau hoặc các chứng khoán. (xem hình 8.10).

Một vài lý lẽ tán thành và phản đối về đường MA

Một trong những ưu điểm lớn nhất của việc sử dụng đường MA, và là một trong những lý do mà chúng trở nên phổ biến như là những hệ thống theo sát xu hướng giá, rằng chúng hàm chứa nhiều lời châm ngôn xưa

nhất về giao dịch thành công. Chúng giao dịch về hướng xu hướng. Chúng làm tăng lợi nhuận và làm cắt giảm lỗ. Hệ thống đường MA bắt buộc người sử dụng phải tuân theo các quy tắc này bằng cách cung cấp các tín hiệu mua và bán cụ thể dựa trên những quy tắc đó.

Hình 8.10: Các đường MA là có giá trị trên đồ thị hàng tuần. Đường MA 40 tuần sẽ cung cấp một mức chổng đỡ trong suốt những mức hiệu chỉnh thị trường đầu cơ giá lên như nó thể hiện ở đây.



Tuy nhiên, vì bản chất của chúng là theo sát xu hướng, những đường MA hoạt động tốt nhất khi thị trường đang trong thời kỳ hình thành xu hướng. Chúng sẽ tồi tệ khi thị trường luôn gặp sự biến động và giao dịch hướng về một phía đối với một khoảng thời gian. Và điều đó có thể chiếm một phần ba đến một nửa khoảng thời gian.

Tuy nhiên, thật ra rằng chúng không hoạt động tốt trong các thời kỳ quan trọng đó là một lý do rất thuyết phục tại sao nó sẽ nguy hiểm nếu dựa quá nhiều vào kỹ thuật MA. Trong một thị trường có xu hướng, đường

MA không bao giờ đánh lừa bạn. Chỉ cần áp dụng chương trình một cách tự động MA là được. Trong những thời điểm khác, một phương pháp không hình thành xu hướng như chỉ số dao động mua quá mức/bán quá mức lại phù hợp hơn.

Đường MA như là các chỉ số dao động Oscillator

Một cách để xây dựng chỉ số Oscillator là so sánh sự khác biệt giữa hai đường MA. Vì thế, cách sử dụng hai đường MA trong phương pháp cắt hai lần có ý nghĩa quan trọng hơn và thậm chí còn trở thành một kỹ thuật hữu dụng hơn. Chúng ta sẽ xem chỉ số này hoạt động như thế nào trong chương 9. Một phương pháp so sánh hai đường MA san bằng hàm mũ. Phương pháp đó gọi là trung bình di động phân kỳ và hội tụ – MACD – Moving Average Convergence and Divergence. MACD là một phần của Oscillator. Do đó, chúng tôi sẽ đề cập trước việc giải thích của chúng tôi về kỹ thuật MA và sau đó sẽ giải quyết triệt để chủ đề về Oscillator cho tới khi kết thúc chương 9 “Chỉ số dao động Oscillator và ý kiến đối lập”.

MA áp dụng trong các dữ liệu kỹ thuật khác

MA hoàn toàn có thể áp dụng được hầu như bất kỳ dữ liệu kỹ thuật hay các chỉ số nào khác. Nó có thể được sử dụng trong các giao dịch tiềm năng và khôi lượng giao dịch, bao gồm cả khôi lượng cân bằng. MA có thể sử dụng trên nhiều chỉ số và tỷ số khác. Nó có thể được áp dụng luôn cho cả Oscillator.

Quy tắc hàng tuần

MA xuất phát từ nhiều cách khác nhau. Một trong những kỹ thuật thành công và nổi tiếng nhất là kênh giá hàng tuần hoặc, đơn giản là quy tắc

hàng tuần. Kỹ thuật này phát huy được nhiều ưu điểm của đường MA, nhưng lại ít tốn thời gian và dễ dàng sử dụng.

Với sự cải tiến về công nghệ máy tính trong thập kỷ qua, một khối lượng đáng kể các nghiên cứu được thực hiện để phát triển hệ thống giao dịch bằng phân tích kỹ thuật. Những hệ thống này về bản chất là máy móc, có nghĩa là xúc cảm và phán đoán của con người bị loại trừ. Hệ thống này trở nên gia tăng tính phức tạp. Đầu tiên, đường MA giản đơn được sử dụng. Sau đó là các đường MA cắt 2 lần và 3 lần, tiếp theo là MA tỷ trọng tuyến tính và MA san bằng hàm mũ. Các hệ thống này chủ yếu theo sát xu hướng, có nghĩa là mục đích chủ yếu là để xác định và sau đó là để giao dịch hướng đến một xu hướng đang tồn tại.

Tuy nhiên, bằng những sự đam mê ngày càng gia tăng của người sành điệu và cùng với các hệ thống phức tạp hơn, đã có một xu hướng bỏ qua một vài kỹ thuật đơn giản hơn mà chúng vẫn còn giá trị về thời gian và vẫn thể hiện tốt. Chúng ta sẽ thảo luận về một trong các công cụ đơn giản nhất của kỹ thuật này là quy tắc hàng tuần.

Năm 1970, một cuốn sách có tên “Sổ tay của nhà giao dịch – Trader’s Notebook” được xuất bản bởi nhà xuất bản Dunn & Hargitt’s Financial Services ở Lafayette, Ấn Độ. Những hệ thống giao dịch trong ngày về hàng hoá nổi tiếng nhất đã được kiểm định bằng máy vi tính và cũng được so sánh. Kết luận cuối cùng của tất cả các nghiên cứu đó là hệ thống thành công nhất trong tất cả các hệ thống đã được kiểm định, là quy tắc 4 tuần, do Richard Donchian phát triển. Donchian được thừa nhận như là người đầu tiên trong lĩnh vực hàng hoá giao dịch theo xu hướng bằng cách sử dụng những hệ thống máy móc. (Năm 1983, hãng Managed Account Report bình chọn Donchian là người khai phá ra lĩnh vực quản trị các hợp đồng tiền tệ giao sau, và truyền bá giải thưởng của Donchian cho những người khác.)

Công việc gần đây được thực hiện bởi Louis Lukac, giám đốc nghiên cứu ở Dunn & Hargitt và hiện nay là chủ tịch của Wizard Trading (một

Massachusetts CTA) ủng hộ các kết luận hiện tại, các kết luận này đã phá vỡ (hoặc xoay vào) các hệ thống tương tự với quy tắc hàng tuần tiếp tục thể hiện các kết luận sau này.

Một trong 12 hệ thống được kiểm định vào năm 1975–1984, chỉ có 4 hệ thống được tạo ra lợi nhuận. Trong số 4 hệ thống này có 2 hệ thống là hệ thống phá vỡ đường kênh, và một là hệ thống MA lưỡng tính. Một bài viết gần đây do Lukac và Brorsen trong tạp chí Financial Review (tháng 11 năm 1990) đã xuất bản những kết luận của một cuộc nghiên cứu rộng lớn hơn trên dữ liệu từ 1976 đến 1986, nghiên cứu này đã được so sánh với 23 giao dịch bằng hệ thống phân tích kỹ thuật. Một lần nữa, các hệ thống phá vỡ đường kênh và các hệ thống MA vẫn được giữ vị trí hàng đầu. Cuối cùng Lukac kết luận rằng hệ thống phá vỡ đường kênh là một sự lựa chọn cá nhân của ông như là một điểm khởi đầu tốt nhất cho tất cả các hệ thống giao dịch bằng phân tích kỹ thuật đã được kiểm định và phát triển.

Quy tắc 4 tuần

Quy tắc 4 tuần được sử dụng chủ yếu đối với giao dịch các hợp đồng giao sau. Hệ thống dựa trên quy tắc 4 tuần rất đơn giản.

1. Bao gồm những vị thế bán và mua vị thế mua khi giá vượt quá 4 điểm cao của 4 tuần liên tục.
2. Tiến hành bán vị thế mua và bán vị thế bán khi giá rớt xuống dưới mức thấp của 4 tuần liên tiếp.

Hệ thống, được thể hiện ở đây, về bản chất vẫn tiếp tục, điều này có nghĩa rằng nhà giao dịch luôn có một vị thế, hoặc là mua hoặc là bán. Như là một quy tắc chung, các hệ thống liên tục có một điểm yếu cơ bản. Nó thường đưa ra các tín hiệu sai trong suốt thời kỳ thị trường không tồn tại xu hướng. Rõ ràng nó đã nhấn mạnh rằng, các hệ thống theo sát xu

230 Phân tích kỹ thuật

hướng thường không hoạt động tốt khi những thị trường mà giá biến động theo một đường thẳng.

Quy tắc 4 tuần có thể được chỉnh sửa để nó có thể liên tục. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng khoảng thời gian ngắn, chẳng hạn như quy tắc 1 hoặc 2 tuần, cho mục đích thanh khoản. Nói cách khác, một sự phá vỡ 4 tuần sẽ cần thiết để bắt đầu một vị thế mới, nhưng một tín hiệu một tuần hoặc 2 tuần trong phương hướng đối lập có thể đảm bảo tính thanh khoản của vị thế. Nhà giao dịch sau đó sẽ ra khỏi thị trường cho tới khi điểm phá vỡ 4 tuần mới được hình thành.

Trật tự đăng sau hệ thống này dựa trên các nguyên tắc kỹ thuật âm thanh. Những tín hiệu của chúng là rõ ràng và máy móc. Bởi vì nó theo sát xu hướng, nó gần như đảm bảo được sự tham gia vào phía đúng của xu hướng chính. Nó cũng được tạo nên để theo sau lời cách ngôn trong ngoặc kép về giao dịch thành công – “hãy để lợi nhuận hoạt động còn lõi thì cắt giảm”. Một đặc điểm khác, nó có thể bị bỏ qua, phương pháp này thường giao dịch ít thường xuyên, vì thế mà chi phí hoa hồng thấp hơn. Một điều khác nữa là hệ thống này có thể thực hiện mà không cần có một cái máy vi tính.

Điểm yếu lớn nhất của quy tắc hàng tuần là chỉ có một mức độ cho tất cả các phương pháp theo sát xu hướng, cụ thể là, nó không bắt kịp định và đáy của thị trường. Nhưng hệ thống theo sát xu hướng là gì? Điểm quan trọng đáng nhớ là hệ thống theo sát xu hướng cũng tốt như các hệ thống khác và cũng có thể tốt hơn nhiều, nhưng tăng thêm lợi ích của tính đơn giản là thường.

Điều chỉnh quy tắc 4 tuần

Mặc dù chúng ta đang xem xét quy tắc 4 tuần theo mẫu nguyên bản của nó, nhưng có rất nhiều sự điều chỉnh và phương pháp tinh vi có thể được áp dụng. Trước tiên, quy tắc không phải được sử dụng như một hệ thống

giao dịch. Các tín hiệu hàng tuần cũng có thể được áp dụng một cách đơn giản như chỉ số kỹ thuật khác để xác định các điểm phá vỡ và sự đảo ngược xu hướng. Các điểm phá vỡ hàng tuần có thể được sử dụng như là cái phễu lọc có xác nhận cho các kỹ thuật khác, chẳng hạn như các điểm cắt nhau của MA. Chức năng của các quy tắc một hoặc hai tuần được xem như là những cái phễu lọc hoàn hảo. Một tín hiệu từ điểm cắt nhau của MA có thể được xác nhận bởi điểm phá vỡ 2 tuần trong cùng một xu hướng để định vị thị trường.

Các khoảng thời gian dài và ngắn đối với độ nhạy cảm

Khoảng thời gian áp dụng có thể mở rộng hoặc thu hẹp lại tùy theo mối quan tâm về mức độ nhạy cảm và quản trị rủi ro. Chẳng hạn, khoảng thời gian có thể thu ngắn lại nếu chúng ta muốn hệ thống nhạy cảm hơn. Trong một thị trường bị định giá cao, nơi mà giá được tăng rất nhanh, một khoảng thời gian ngắn có thể được chọn lựa để làm cho hệ thống nhạy cảm hơn. Chẳng hạn, giả định rằng một vị thế mua xảy ra trên một điểm phá vỡ 4 tuần với một điểm dừng tự vệ chỉ xảy ra ở điểm thấp của hai tuần trước đó. Nếu thị trường đã tăng giá quá nhanh và người giao dịch muốn theo đuổi vị thế với một điểm dừng tự vệ gần hơn, một điểm dừng để ra khỏi vị thế 1 tuần có thể được sử dụng.

Trong tình huống phạm vi giao dịch, nơi một người giao dịch theo xu hướng có thể sẵn sàng đứng bên ngoài cho tới khi có tín hiệu về một xu hướng quan trọng, khoảng thời gian có thể được mở rộng đến 8 tuần. Điều này có thể ngăn ngừa những vị thế ngắn hạn hơn và những tín hiệu xu hướng sớm.

Quy tắc 4 tuần gắn chặt với các chu kỳ

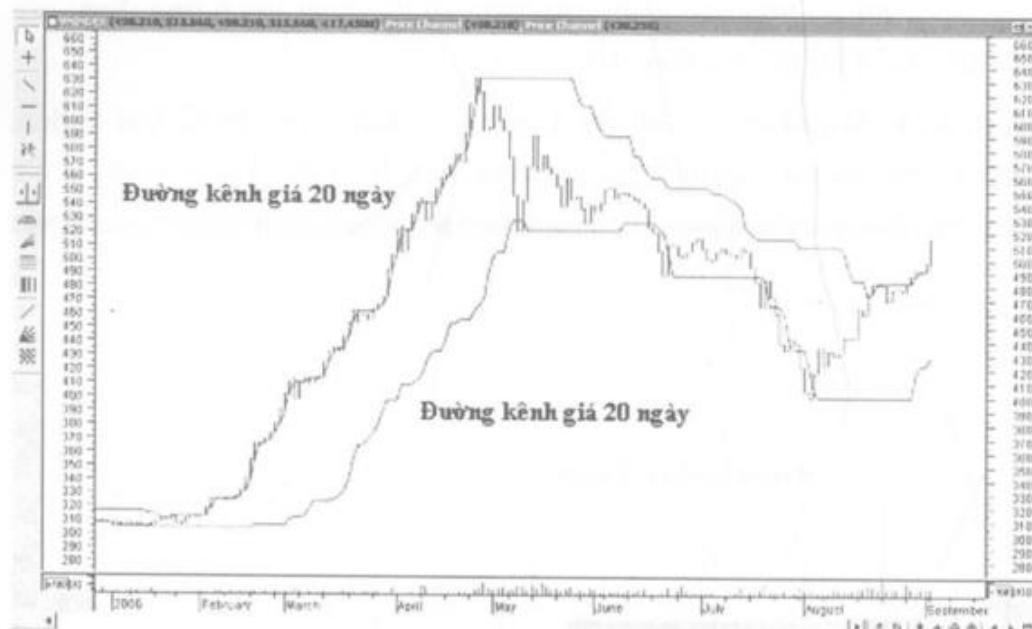
Quy tắc 4 tuần gắn chặt với các chu kỳ trong chương trước đã đề cập về tầm quan trọng của chu kỳ hàng tháng trong các thị trường hàng hóa.

Chu kỳ 4 tuần, 20 ngày hay chu kỳ giao dịch là một chu kỳ chi phối mà nó ảnh hưởng tới tất cả các thị trường. Điều này giúp giải thích tại sao khoảng thời gian 4 tuần đã chứng tỏ sự thành công. Chú ý rằng, việc đề cập đến các quy tắc 1, 2 và 8 tuần. Quy tắc điều hoà trong phân tích chu kỳ chưa đựng điều mà mỗi chu kỳ có liên quan đến những chu kỳ khác (những chu kỳ ngắn hơn hoặc dài hơn) hai lần.

Trong phần thảo luận trước về đường MA, chúng tôi đã chỉ ra chu kỳ hàng tháng và những sự điều hoà được giải thích cho tính phổ biến của các đường MA 5, 10, 20 và 40 ngày. Những khoảng thời gian tương tự cũng đúng trong lĩnh vực quy tắc hàng tuần. Các con số hàng ngày được chuyển thành các thời kỳ hàng tuần là 1, 2, 4 và 8 tuần. Vì thế, việc điều chỉnh quy tắc 4 tuần đường như hoạt động tốt nhất khi con số bắt đầu (4) được chia hoặc nhân với 2. Để khoảng thời gian ngắn thì đi từ 4 đến 2 tuần. thậm chí nếu khoảng thời gian ngắn hơn được mong muốn thì đi từ 2 đến 1 tuần. Để dài hơn, đi từ 4 đến 8 tuần. Bởi vì phương pháp này kết hợp giá và thời gian nên không có lý do tại sao quy tắc có tính chu kỳ về những sự điều hoà này không thể đóng một vai trò quan trọng. Kỹ thuật chia các con số hàng tuần cho 2 để được chu kỳ ngắn hơn hoặc nhân 2 để có chu kỳ dài hơn, đều có trật tự chu kỳ đằng sau nó.

Quy tắc 4 tuần là một hệ thống phá vỡ đơn giản. Hệ thống căn bản ban đầu có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng khoảng thời gian ngắn hơn, quy tắc 1 hoặc 2 tuần, tùy theo mục đích thanh khoản. Nếu người sử dụng muốn một hệ thống nhạy cảm hơn, một khoảng thời gian 2 tuần có thể được áp dụng để có các tín hiệu mua. Vì quy tắc này có ý nghĩa là đơn giản, nên áp dụng nó cũng đơn giản. Quy tắc 4 tuần là đơn giản ngoại trừ nó hoạt động. (Đồ thị cho phép bạn vẽ các đường kênh giá trên hoặc dưới các mức giá hiện tại để chỉ ra các điểm phá vỡ đường kênh. Những đường kênh giá có thể được sử dụng cho các đồ thị hàng ngày, hàng tuần, hoặc hàng tháng. Xem hình 8.11 và 8.12).

Hình 8.11: Một đường kênh giá 20 ngày (4 tuần) được áp dụng đối với chỉ số VN-Index. Một tín hiệu mua được nhận biết khi các mức giá gần phía trên đường kênh giá phía trên. Các mức giá gần phía dưới đường kênh giá phía dưới cho thấy dấu hiệu đảo chiều.



Tối ưu hóa hay không

Trong cuốn sách xuất bản đầu tiên của Merrill Lynch, ông đã tổng hợp các kết quả của các công trình nghiên cứu của mình. Cuốn sách này bao gồm hàng loạt các bài nghiên cứu về kỹ thuật giao dịch thông qua máy vi tính được áp dụng đối với các thị trường giao sau từ năm 1978 đến 1982. Bài kiểm định mở rộng về MA và các tham số phá vỡ đường kênh giá được thực hiện để tìm ra cách kết hợp tốt nhất trong mỗi thị trường giao sau. Các bài nghiên cứu của Merrill Lynch tạo ra nhiều điểm khác biệt về các giá trị chỉ số tối ưu đối với mỗi thị trường.

Hầu hết mỗi đồ thị đều cho phép bạn các hệ thống và các chỉ số tối ưu. Thay vì sử dụng cùng một đường MA trong tất cả các thị trường, bạn có

thể ra lệnh máy tính để tìm ra đường MA hoặc các kết hợp về đường MA mà nó hoạt động tốt nhất trong quá khứ ở thị trường đó. Điều này cũng có thể được thực hiện tương tự đối với các hệ thống phá vỡ hàng tuần và hàng ngày và cho tất cả các chỉ số kỹ thuật được đề cập trong cuốn sách này. Việc tối ưu hóa cho phép các tham số kỹ thuật thích ứng được với các điều kiện thị trường thay đổi.

Hình 8.11: Một đường kênh giá 4 tháng áp dụng cho chỉ số VN-Index. Những mức giá cắt đường kênh giá phía trên cho biết tín hiệu mua.



Một vài nhà giao dịch thì cho rằng sự tối ưu hoá giúp cho các kết quả giao dịch của họ còn một số người khác thì không đồng tình. Trung tâm của sự tranh cãi là dữ liệu như thế nào được coi là tối ưu. Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh rằng quy trình chính xác nhất để sử dụng một phần dữ liệu là tìm ra các tham số tốt nhất và tỷ lệ khác để kiểm định kết quả. Kiểm định các tham số tối ưu trên dữ liệu giả không nằm trong mẫu giúp đảm bảo rằng các kết quả cuối cùng sẽ được lại gần với những gì có thể trải qua từ giao dịch thực sự.

Quyết định tối ưu hoá hay không là một vấn đề mang tính cá nhân. Tuy nhiên, hầu hết mọi chứng cứ đều cho thấy sự tối ưu không phải là một "*chén nước thánh – Holy Grail*" như mọi người vẫn nghĩ. Nhìn chung, chúng tôi khuyên các nhà giao dịch nên đi theo một nhóm các thị trường để tìm ra sự tối ưu. Tại sao các trái phiếu chính phủ hay đồng Euro có cùng chung một đường MA như ngũ cốc hay cotton?. Các nhà giao dịch trên thị trường chứng khoán lại có một câu chuyện khác hơn. Tuân theo hàng ngàn cổ phiếu làm họ khó tối ưu hoá. Nếu như bạn chuyên sâu vào một nhóm thị trường, cố gắng tối ưu hoá. Nếu bạn là một chuyên gia chung chung, người nghiên cứu nhiều thị trường, hãy sử dụng cùng một tham số cho tất cả các thị trường đó.

Kết luận

Chúng tôi để trình bày nhiều vấn đề khác nhau về đường MA. Hãy cố gắng làm đơn giản hoá một chút. Hầu hết các nhà phân tích đều sử dụng một sự kết hợp gồm hai đường MA. Hai đường MA này thường là các đường MA giản đơn. Mặc dù đường MA san bằng hàm mũ đã trở nên phổ biến, nhưng chưa có chứng cứ thực sự nào chứng minh chúng hoạt động tốt hơn các MA giản đơn. Những sự kết hợp MA giao dịch hàng ngày được sử dụng nhiều nhất trong các thị trường giao sau là 4 và 9; 9 và 18; 5 và 20; và 10 và 40. Các nhà giao dịch chứng khoán dựa nhiều vào một đường MA 50 ngày (hoặc 10 tuần). Trong phân tích thị trường chứng khoán dài hạn hơn, những đường MA hàng tuần phổ biến là 30 và 40 tuần (hoặc 200 ngày). Những dải băng Bollinger sử dụng MA 20 ngày và MA 20 tuần. MA 20 tuần có thể chuyển thành các đồ thị hàng ngày bằng cách sử dụng MA 100 ngày, đó là một cách sử dụng khác về MA. Các hệ thống phá vỡ đường kênh giá hoạt động tốt trong các thị trường có xu hướng và thường được sử dụng trong các đồ thị hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.

Đường MA có khả năng thích ứng

Một trong các vấn đề rắc rối với đường MA là lựa chọn giữa MA ngắn hạn hay MA dài hạn. Trong khi một số MA có thể hoạt động tốt trong thị trường không có xu hướng thì một số khác chỉ hoạt động tốt khi thị trường có xu hướng. Câu trả lời về sự lựa chọn giữa hai đường này có thể không đúng với một phương pháp có tính chất đối mới được gọi là “đường MA có khả năng thích ứng”.

Perry Kaufman trình bày kỹ thuật của ông ta trong cuốn sách “giao dịch quyết liệt hơn – Smarter Trading”. MA có khả năng thích ứng của Kaufman có thể điều chỉnh tùy theo mức độ biến động của thị trường. AMA (MA điều chỉnh – Adjusted Moving Average) di chuyển chậm hơn khi thị trường không có xu hướng, nhưng sau đó di chuyển mạnh hơn khi thị trường có xu hướng. Điều này sẽ giúp tránh được việc sử dụng MA dài hạn hơn trong suốt quá trình giao dịch và sử dụng MA ngắn hạn hơn mà bỏ xa đằng sau thị trường khi thị trường là có xu hướng.

Kaufamn thực hiện điều này bằng cách xây dựng tỷ số hiệu suất đó là việc so sánh giữa hướng giá với mức độ biến động. Khi tỷ số hiệu suất này quá cao, thị trường có xu hướng nhiều hơn là biến động (tốt cho việc sử dụng một MA ngắn hạn). Khi tỷ số này thấp, có nhiều biến động hơn xu hướng (tốt cho việc sử dụng một MA dài hạn). Bằng cách kết hợp tỷ số hiệu suất, AMA được điều chỉnh tự động với tốc độ phù hợp nhất đối với thị trường hiện hành.

Sự lựa chọn khác thay đường MA

MA không hoạt động tốt ở tất cả thời gian. Chúng chỉ hoạt động tốt trong những giai đoạn thị trường có xu hướng. Chúng sẽ không hữu dụng khi thị trường chỉ biết dịch chuyển sang ngang. May mắn thay có rất nhiều chỉ số hoạt động tốt trong các loại thị trường kiểu như vậy. Chúng được gọi là Oscillator và chúng tôi sẽ giải thích chúng trong chương tiếp theo.

CHỈ SỐ OSCILLATOR VÀ Ý KIẾN ĐỔI LẬP

Giới thiệu

Trong chương này chúng ta sẽ nói về một dạng khác với cách tiếp cận theo xu hướng – chỉ số dao động Oscillator. Chỉ số Oscillator thì cực kỳ hữu dụng trong các thị trường không có xu hướng, ở các thị trường đó giá cả dao động theo dải băng ngang, hoặc phạm vi giao dịch, tạo nên một tình huống thị trường mà hầu hết những phương pháp theo xu hướng đơn giản không hoạt động tốt được. Chỉ số Oscillator cung cấp cho người giao dịch kỹ thuật một công cụ có thể giúp người đó tạo ra lợi nhuận từ các thị trường mà giá chứng khoán dịch chuyển theo hướng ngang và trong điều kiện thị trường không tồn tại xu hướng.

Tuy nhiên, giá trị của chỉ số Oscillator thì không hạn chế trong phạm vi giao dịch hàng ngang. Nếu được sử dụng cùng với các đồ thị giá trong các thời kỳ xu hướng, chỉ số Oscillator trở thành người bạn đồng hành cực kỳ giá trị thông qua việc cảnh báo cho nhà giao dịch các thái cực của thị trường ngắn hạn, mà thông thường đề cập đến như là các tình trạng mua hoặc bán quá mức. Chỉ số Oscillator cũng có thể cảnh báo cho nhà giao dịch biết một xu hướng đang bắt đầu trước khi sự thay đổi rõ ràng trong những diễn biến giá. Chỉ số Oscillator có thể là tín hiệu mà một xu hướng có thể gần hoàn tất thông qua việc thể hiện những sự phân kỳ nào đó.

38 Phân tích kỹ thuật

Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc giải thích một chỉ số Oscillator là gì và cơ sở cho việc xây dựng và giải thích chỉ số này. Sau đó chúng ta sẽ thảo luận ý nghĩa của đà tăng trưởng - momentum và các hàm ý của nó trong việc dự báo thị trường. Một vài kỹ thuật chỉ số Oscillator phổ biến sẽ được trình bày từ đơn giản đến phức tạp. Vấn đề quan trọng của sự phân kỳ cũng sẽ được xem xét. Chúng ta sẽ tiếp cận giá trị của việc kết hợp phân tích Oscillator với chu kỳ thị trường. Cuối cùng chúng ta sẽ thảo luận xem các chỉ số Oscillator sẽ được sử dụng như là một phần của phân tích kỹ thuật nói chung như thế nào.

Sử dụng chỉ số Oscillator kết hợp với xu hướng

Chi số Oscillator chỉ là một chỉ báo thứ cấp có nghĩa là nó phải được kết hợp với phân tích xu hướng cơ bản. Khi chúng ta đã đi qua các dạng Oscillator được các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng thì tầm quan trọng của hoạt động giao dịch theo xu hướng chủ yếu của thị trường cũng sẽ được nhấn mạnh. Người đọc cũng cần biết rằng có những lúc chỉ số Oscillator thì hữu dụng hơn các mẫu hình khác. Chẳng hạn như lúc gần với sự khởi đầu của những sự dịch chuyển giá quan trọng, phân tích chỉ số Oscillator thì không hữu ích mà thậm chí còn sai lầm. Tuy nhiên khi kết thúc những sự dịch chuyển của thị trường thì chỉ số Oscillator trở nên hết sức hữu dụng. Chúng ta sẽ dần thảo luận những vấn đề này. Cuối cùng, không một nghiên cứu nào của các thái cực thị trường được hoàn tất mà không thảo luận các quan điểm đối lập. Chúng ta sẽ bàn về vai trò của các lập luận trái ngược và xem nó có thể được kết hợp vào trong các phân tích thị trường và hoạt động giao dịch ra sao.

Giải thích chỉ số Oscillator

Cho dù có nhiều cách khác nhau để xây dựng các chỉ số dao động - momentum Oscillator, nhưng cuối cùng những giải thích rất ít giữa cách

này với cách khác. Hầu hết các dao động trông rất giống nhau. Chúng được đánh dấu dọc theo đáy của đồ thị giá và tương tự như một dải băng nằm ngang. Dải băng dao động này về cơ bản là nằm ngang trong khi giá có thể đi lên, xuống hoặc nằm ngang. Tuy nhiên, các đỉnh và đáy trong dao động thì trùng với các đỉnh và đáy trên đồ thị giá. Một vài dao động có giá trị giữa là giá trị phân chia dải băng ngang thành hai, một nửa trên và một nửa dưới. Tùy thuộc vào công thức được sử dụng mà đường ở giữa này thường là đường zero. Một vài dao động cũng có biên trên và biên dưới trong giới hạn từ 0 đến 100.

Các quy tắc chung đối với việc giải thích chỉ số Oscillator

Quy tắc chung, khi dao động đạt đến giá trị cao nhất có thể là ở trên hay ở dưới dải băng, ám chỉ này gợi ý rằng sự dịch chuyển giá hiện tại có thể rất xa và đã đến lúc điều chỉnh hay cung cấp về các mẫu hình xu hướng. Một quy tắc chung khác là nhà giao dịch sẽ mua khi đường chỉ số dao động ở cuối biên dưới của dải băng và bán ở cuối biên trên. Điểm giao nhau với đường giữa thường được sử dụng để tạo ra các tín hiệu mua và bán. Chúng ta sẽ thấy cách thức áp dụng các quy tắc chung này khi chúng ta thảo luận các loại chỉ số dao động Oscillator.

Ba ứng dụng quan trọng nhất của Oscillator

Có ba tình huống mà ở đó chỉ số Oscillator hữu dụng nhất. Bạn sẽ thấy rằng ba tình huống này thì phổ biến đối với hầu hết các chỉ số dao động.

1. Chỉ số Oscillator thì hữu dụng nhất khi giá trị của nó đạt tới gần mức trên hay dưới cùng của các đường biên. Thị trường được xem là mua quá mức khi nó gần với cận trên và bán quá mức khi nó gần với cận dưới. Điều này cảnh báo rằng xu hướng của giá bị mở rộng quá mức và bị giảm sút quá mức.

- Sự phân kỳ giữa chỉ số Oscillator và hành động giá khi chỉ số Oscillator đang ở vị trí xa nhất thường là một cảnh báo quan trọng.
- Điểm cắt nhau của đường zero (điểm giữa) có thể cho thấy những tín hiệu giao dịch quan trọng trong xu hướng của giá.

Hình 9.1a: Đường Momentum 10 ngày dao động xoay quanh đường zero. Giá trị vượt trên quá xa đường zero là tình trạng mua quá mức, trong khi đó giá trị nằm quá thấp so với đường zero là tình trạng bán quá mức.



Đo lường Momentum

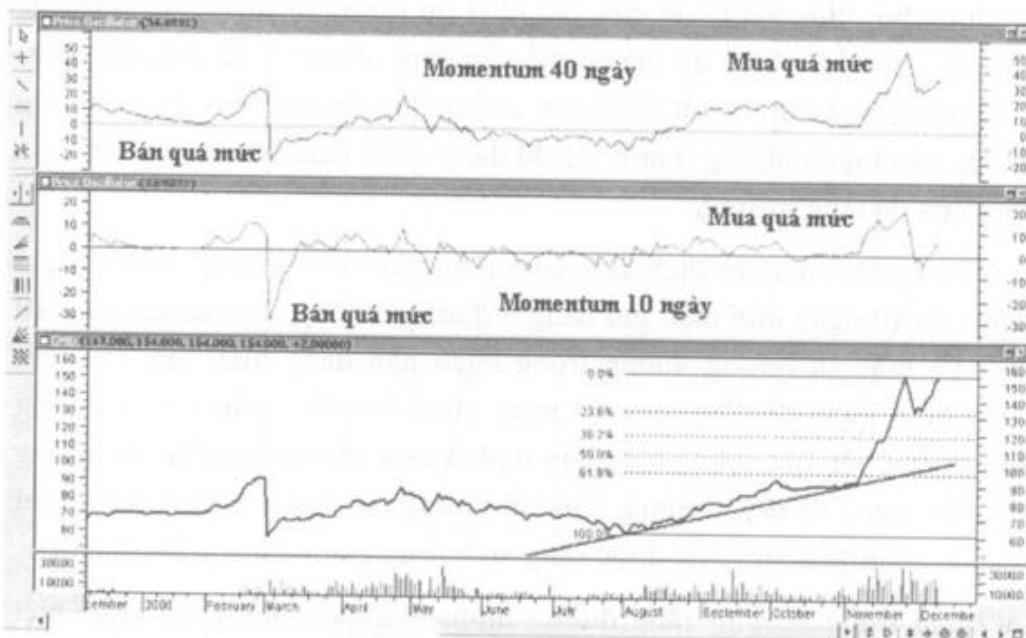
Khái niệm momentum là ứng dụng cơ bản nhất của phân tích dao động. Momentum đo lường tốc độ của các thay đổi giá khi nó đi ngược với mức giá thực tế. Momentum thị trường được đo lường bằng sự khác biệt về giá trong một thời kỳ cố định. Để xây dựng đường momentum 10 ngày, đơn giản là trừ giá đóng cửa cách đây 10 ngày khỏi giá đóng cửa gần nhất. Giá trị âm hay dương này sau đó được đánh dấu trên đồ thị xoay quanh đường zero. Công thức tính momentum là:

$$M = V - V^x$$

Trong đó V là giá đóng cửa mới nhất và V^x là giá đóng cửa của x ngày trước đó.

Nếu giá đóng cửa gần nhất lớn hơn giá cách đây 10 ngày (nói cách khác giá đang tăng) thì giá trị dương sẽ được đánh dấu ở phía trên đường zero. Nếu giá đóng cửa gần nhất thấp hơn giá đóng cửa 10 ngày (giá đã giảm) thì một giá trị âm được đánh dấu phía dưới đường zero.

Hình 9.1b: So sánh đường momentum 10 ngày và 40 ngày. Thời gian càng dài thì càng hữu ích hơn trong việc nắm bắt các đảo hướng chủ yếu của thị trường.



Mặc dù đường momentum 10 ngày là khoảng thời gian được sử dụng phổ biến vì một vài lý do mà chúng ta sẽ thảo luận sau, bất kỳ khoảng thời gian nào cũng có thể được chọn (xem hình 9.1a). Khoảng thời gian ngắn hơn (chẳng hạn như 5 ngày) tạo ra một đường nhạy cảm hơn với các dao động dễ nhận thấy hơn. Một khoảng thời gian dài hơn (chẳng

242 Phân tích kỹ thuật

hạn như 40 ngày) sẽ dẫn đến một đường phẳng hơn trong đó sự dao động thì ít bất ổn hơn. (xem hình 9.1b)

Momentum đo lường tỷ lệ tăng và giảm giá

Chúng ta hãy bàn thêm chút ít về các chỉ báo momenum này đo lường điều gì. Bằng việc biểu diễn các khác biệt giá cho một thời kỳ, các nhà phân tích đồ thị đang nghiên cứu tỷ lệ tăng hoặc giảm giá. Nếu giá tăng và đường momentum nằm trên đường zero và đang đi lên thì điều này có nghĩa là xu hướng tăng giá đang nhanh hơn. Nếu như đường momentum nghiêng lên bắt đầu giảm xuống, điều này có nghĩa là sự gia tăng mới đã đạt được bởi mức giá đóng cửa gần nhất thì tương tự như mức tăng của 10 ngày trước đó. Mặc dù giá có thể vẫn tăng nhưng tỷ lệ tăng đã giảm. Khi đường momentum bắt đầu giảm xuống đến đường zero thì xu hướng giá lên vẫn mạnh nhưng ở một tốc độ đang giảm dần. Xu hướng tăng giá đang mất đà tăng trưởng.

Khi đường momentum dịch chuyển xuống bên dưới đường zero thì giá đóng cửa 10 ngày mới nhất giờ đang ở dưới giá đóng cửa của cách đó 10 ngày và một xu hướng xuống trong ngắn hạn đang hiệu lực. (Và đột nhiên bình quân di động của 10 ngày cũng bắt đầu giảm). Khi đường momentum tiếp tục giảm nhiều hơn ở phía dưới đường zero thì xu hướng giảm lấy được đà tăng trưởng. Chỉ khi đường này bắt đầu tăng trở lại thì các nhà phân tích mới biết được rằng xu hướng giảm đang giảm nhanh.

Rất quan trọng để nhớ rằng đường momentum đo lường sự khác biệt giữa giá ở hai khoảng thời gian. Để đường momentum tăng lên, giá cả đạt được mức tăng tại ngày kết thúc gần nhất phải lớn hơn mức tăng giá của 10 ngày trước đó. Nếu giá tăng chỉ bằng với mức tăng của 10 ngày trước đó thì đường momentum sẽ phẳng. Nếu mức tăng thấp hơn giá của 10 ngày trước đó thì đường momentum bắt đầu giảm thậm chí giá vẫn tăng. Đây là cách mà đường momentum đo lường mức tăng hoặc giảm giá trong đường xu hướng giá.

Dường momentum dẫn đến hành động giá

Do cách thức mà đường momentum được xây dựng, chúng ta thấy đường này luôn đi trước một bước các dịch chuyển của giá. Nó dẫn đến sự tăng hay giảm trong giá, sau đó khụng lại trong khi xu hướng giá hiện tại vẫn có hiệu lực. Sau đó nó bắt đầu dịch chuyển theo hướng ngược lại khi giá bắt đầu khụng lại.

Giao điểm của đường zero như là một tín hiệu giao dịch

Hình 9.2a: Các đường xu hướng trên đồ thị momentum bị phá vỡ sớm hơn các đường xu hướng trên đồ thị giá. Giá trị của các chỉ báo momentum thì đổi chiều sớm hơn bản thân thị trường, điều này làm cho nó trở thành một chỉ báo đi trước. (cổ phiếu AMR)



Đồ thị momentum có một đường zero. Nhiều nhà phân tích kỹ thuật sử dụng giao điểm của đường zero để tạo ra các tín hiệu mua và bán. Đường momentum vượt lên trên đường zero sẽ là tín hiệu mua và xuyên xuồng

dưới đường zero sẽ là tín hiệu bán. Một điểm nhấn mạnh ở đây là việc phân tích xu hướng cơ bản vẫn là mối quan tâm nhất. Phân tích dao động không được sử dụng như là một lý do để giao dịch ngược với xu hướng thị trường trước đó. Ví thế mua sẽ chỉ xảy ra tại giao điểm để vượt lên trên đường zero nếu thị trường đang có xu hướng lên. Vị thế bán sẽ xảy ra trên giao điểm để xuyên xuống dưới đường zero. (xem hình 9.2a và 9.2b)

Hình 9.2b: Một vài nhà giao dịch xem giao điểm vượt trên đường zero như là tín hiệu mua và giao điểm bên dưới đường này như là tín hiệu bán (xem các vòng tròn). Đường trung bình di động thì hữu dụng để xác định những thay đổi của xu hướng. Đường momentum đạt đỉnh cao trước đường giá (xem các mũi tên).

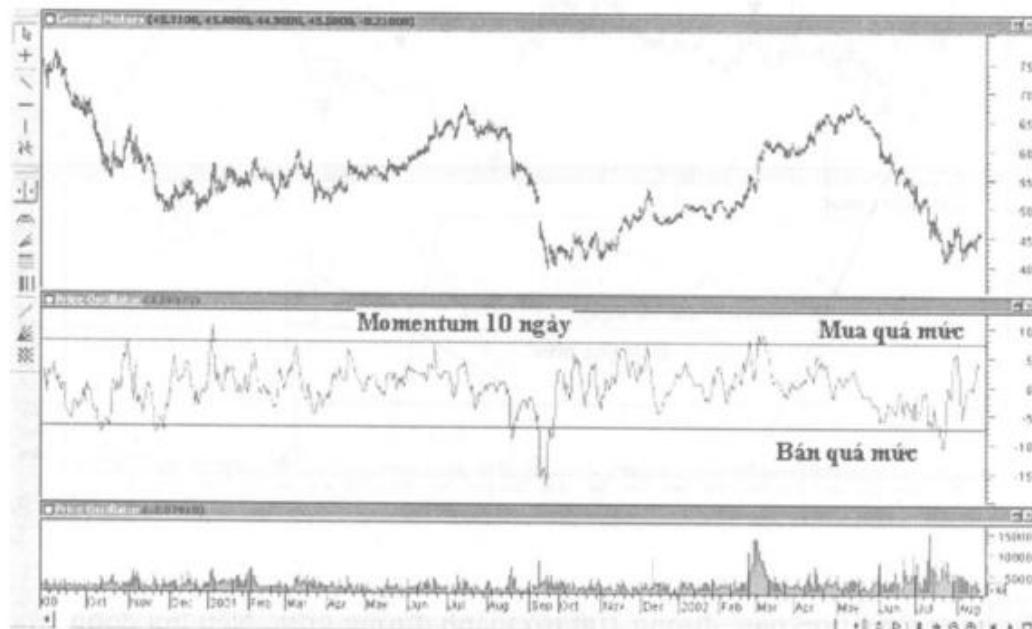


Sự cần thiết của đường biên trên và đường biên dưới

Một vấn đề với đường momentum, như nó được diễn tả ở đây, là thiếu một đường ranh giới cố định trên và dưới. Như đã xác định trước đây,

một trong những giá trị chính yếu của phân tích chi số dao động là có thể xác định khi nào thị trường ở vùng xa nhất. Nhưng mức độ quá cao và quá thấp trên đường momentum ra sao? Cách thức đơn giản nhất để tìm câu trả lời cho vấn đề này là nhìn kỹ bằng mắt. Kiểm tra lại lịch sử của đường momentum trên đồ thị và vẽ các đường nằm ngang dọc theo các ranh giới trên và dưới của nó. Những đường này sẽ được điều chỉnh về mặt độ dài thời gian, đặc biệt sau khi những thay đổi quan trọng trong xu hướng xảy ra. Nhưng nó là cách đơn giản và có lẽ là hiệu quả nhất để xác định các giới hạn ngoài cùng. (xem hình 9.3 và 9.4)

Hình 9.3: Quan sát kỹ bằng mắt, nhà phân tích có thể tìm ra các đường giới hạn momentum trên và dưới phù hợp đối với mỗi thị trường (xem các đường nằm ngang).



Đo lường tỷ lệ thay đổi – “Rate of Change ROC”

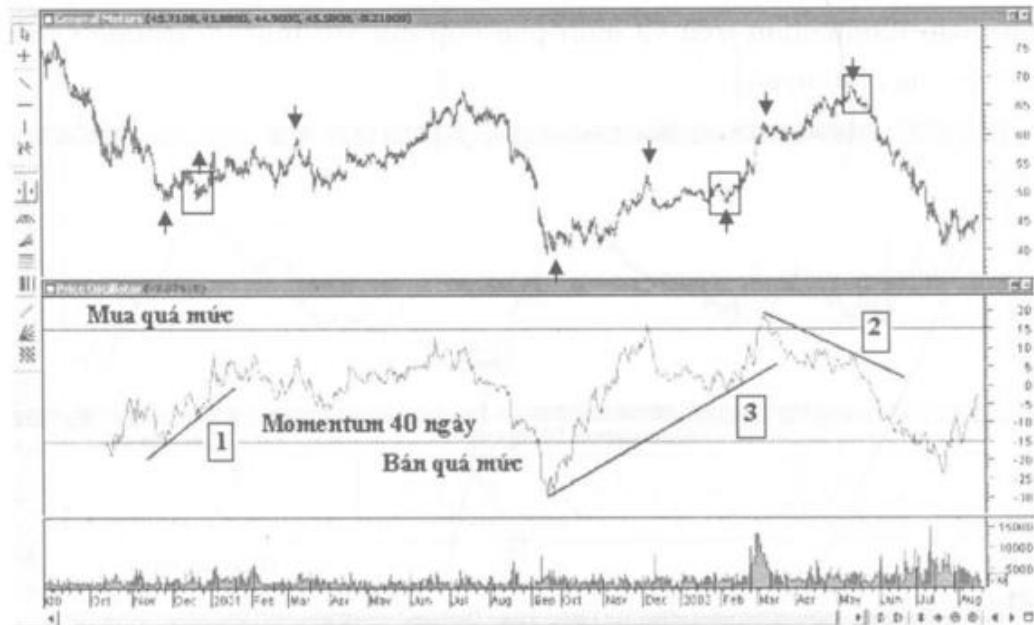
Để đo mức độ thay đổi, một tỷ số được xây dựng cho hầu hết các mức giá đóng cửa mới nhất so với mức giá ở một số ngày nào đó trong quá

khứ. Để xây dựng một tỷ lệ dao động thay đổi cho 10 ngày, lấy giá đóng cửa mới nhất chia cho giá cách đó 10 ngày. Công thức tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ thay đổi - ROC} = 100 (V/V^x)$$

Trong đó V là giá đóng cửa mới nhất và V^x là giá đóng cửa của cách đó x ngày.

Hình 9.4: Đường momentum 40 ngày trên đồ thị theo ngày của cổ phiếu General Motors. Mũi tên đánh dấu bước ngoặt từ các giá trị xa nhất của đường momentum. Đường momentum đổi hướng trước đường giá tại mỗi bước ngoặt chính (các điểm 1, 2, và 3).



Trong trường hợp này, đường 100 trở thành đường giữa. Nếu giá đóng cửa mới nhất lớn hơn giá cách đó 10 ngày (nghĩa là giá tăng), thì tỷ lệ thay đổi sẽ nhận giá trị lớn hơn 100. Nếu giá đóng cửa mới nhất nhỏ hơn giá cách đó 10 ngày (nghĩa là giá giảm), thì tỷ lệ thay đổi sẽ nhận giá trị nhỏ hơn 100. (Phần mềm đồ thị đôi khi sử dụng giá trị chênh lệch từ phương trình

trước đây đối với momentum và tỷ lệ thay đổi). Mặc dù các kỹ thuật xây dựng có thể khác nhau nhưng sự lý giải vẫn không có gì thay đổi.

Xây dựng một chỉ số dao động Oscillator bằng cách sử dụng hai đường trung bình di động

Chương 8 “Trung bình di động” đã thảo luận hai đường trung bình di động được sử dụng để tạo ra các tín hiệu mua và bán. Điểm cắt của đường trung bình di động ngắn ngày ở trên hay ở dưới đường trung bình di động dài ngày hơn đưa đến các tín hiệu mua và bán tương ứng. Như đã đề cập ở chương 8, sự kết hợp hai đường trung bình di động này có thể được sử dụng để xây dựng các đồ thị dao động. Việc này có thể được thực hiện bằng cách biểu diễn sự khác biệt giữa hai mức trung bình di động này như một biểu đồ. Những thanh trên biểu đồ này xuất hiện như là một giá trị cộng vào hay trừ ra xoay quanh đường zero ở giữa. Dạng chỉ số dao động này có 3 ứng dụng:

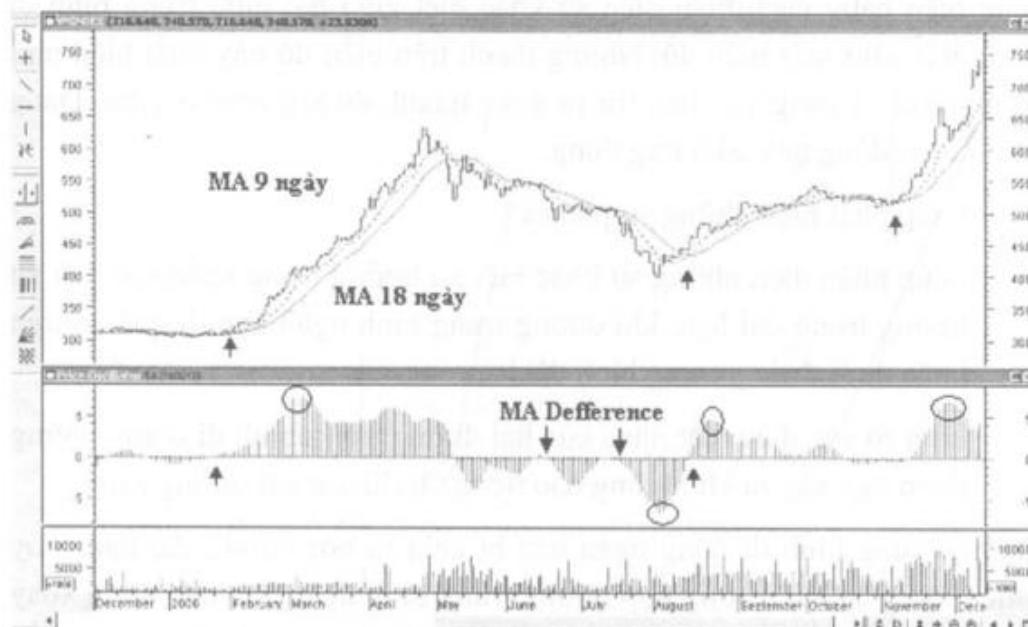
1. Giúp phát hiện những sự phân kỳ
2. Giúp nhận diện những sự khác biệt xu hướng trong ngắn hạn với xu hướng trong dài hạn, khi đường trung bình ngắn hạn đi quá xa trên hoặc dưới đường trung bình dài hạn.
3. Làm rõ các điểm cắt nhau của hai đường trung bình di động, những điểm này xảy ra khi đường dao động Oscillator cắt đường zero.

Đường trung bình di động ngắn hạn bị chia ra bởi đường dài hạn. Tuy nhiên trong cả hai trường hợp đường trung bình ngắn hạn dao động xoay quanh đường trung bình dài hạn, đó là hiệu lực của đường zero. Nếu đường trung bình ngắn hạn ở trên đường trung bình dài hạn thì mức dao động là dương. Mức dao động âm sẽ thể hiện đường trung bình ngắn hạn nằm dưới đường trung bình dài hạn. (xem hình 9.5 đến hình 9.7)

Khi hai đường trung bình này cách nhau quá xa, một thái cực thị trường được tạo ra báo hiệu một sự tạm dừng trong xu hướng. (xem hình 9.6).

Rất thường xuyên, xu hướng duy trì cho tới khi đường trung bình ngắn hạn di chuyển ngược trở lại đường trung bình dài hạn. Khi đường ngắn hạn tiếp cận đường dài hạn, đó là lúc đạt đến điểm tới hạn. Chẳng hạn trong xu hướng lên, đường ngắn hạn nghiêng xuống đường trung bình dài hạn nhưng sẽ này lên khỏi đường trung bình dài hạn. Điều này thông thường thể hiện một vùng mua lý tưởng. Nó rất giống sự kiểm định một xu hướng lên. Tuy nhiên nếu đường trung bình ngắn hạn di xuống dưới đường trung bình dài hạn thì sẽ là một tín hiệu đảo chiều.

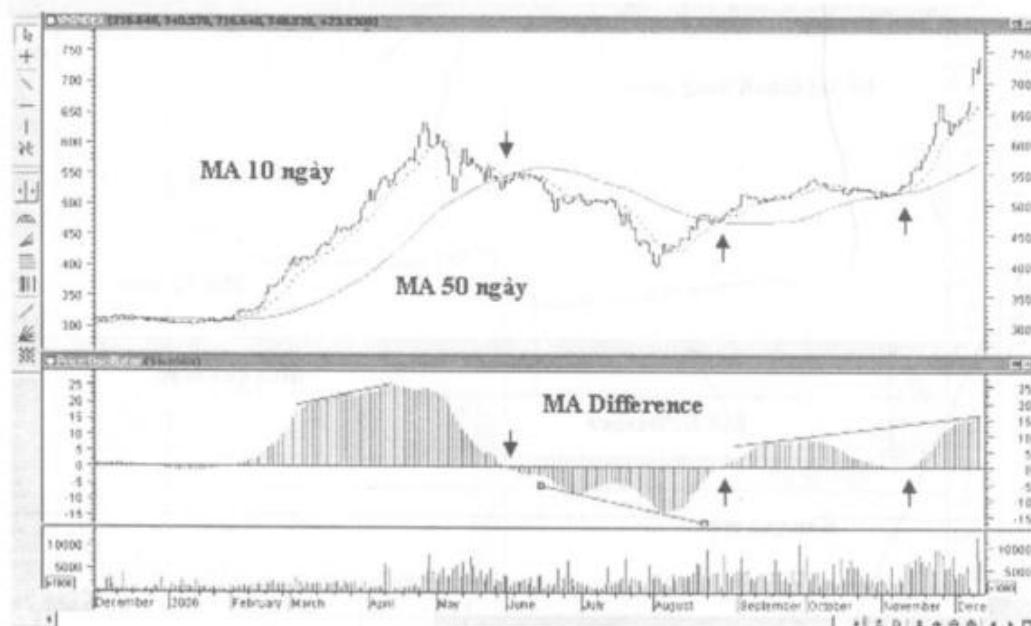
Hình 9.5: Biểu đồ đo lường sự khác biệt giữa hai đường trung bình di động. Vượt lên trên hay xuyên xuống dưới đường zero đưa ra các tín hiệu mua và bán (xem các mũi tên). Lưu ý rằng biểu đồ hình thanh quay ngược lại trước các tín hiệu thực tế (xem các vòng tròn).



Trong xu hướng giảm, một sự gia tăng của đường trung bình ngắn hạn đến đường trung bình dài hạn thường thể hiện một vùng mua lý tưởng nếu đường trung bình dài hạn không bị cắt, trong trường hợp này tín hiệu đảo ngược xu hướng sẽ được biểu lộ. Vì thế, những mối quan hệ hai

đường trung bình di động có thể được sử dụng không chỉ như là một hệ thống tốt theo sau xu hướng mà còn giúp phát hiện các trường hợp mua và bán quá mức trong ngắn hạn.

Hình 9.6: Biểu đồ do lường sự khác biệt giữa đường trung bình di động 10 ngày và 50 ngày. Biểu đồ này luôn quay trở ngược lại trước điểm cắt đường zero. Trong xu hướng tăng, biểu đồ này sẽ đạt đến mức chống đỡ tại đường zero và đi ngược lên lại (mũi tên thứ 3).

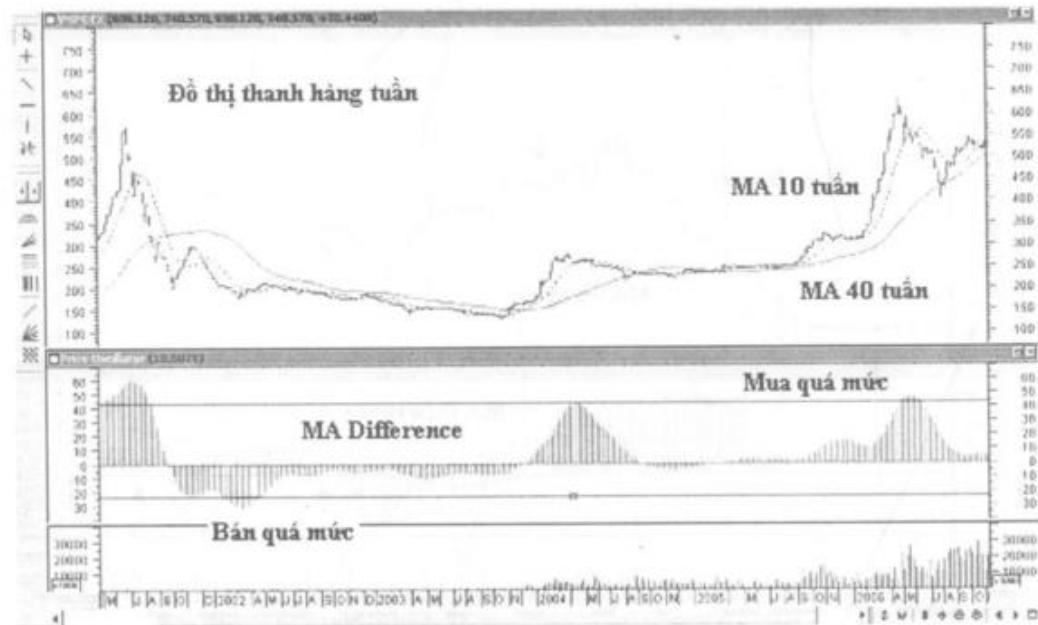


Chi số kênh giá hàng hóa - Commodity Channel Index

Có thể chuẩn hóa một dao động bằng cách chia các giá trị cho một số chia không đổi. Khi xây dựng chi số kênh giá hàng hóa (Commodity Channel Index - CCI), Donald R. Lambert đã so sánh giá cả hiện tại với trung bình di động trên một khoảng thời gian được chọn – thường là 20 ngày. Sau đó ông chuẩn hóa giá trị dao động bằng cách sử dụng một số chia dựa trên độ lệch trung bình. Kết quả là, chi số CCI biến động trong một giới hạn không đổi từ +100 ở cận trên đến -100 ở cận dưới. Lambert

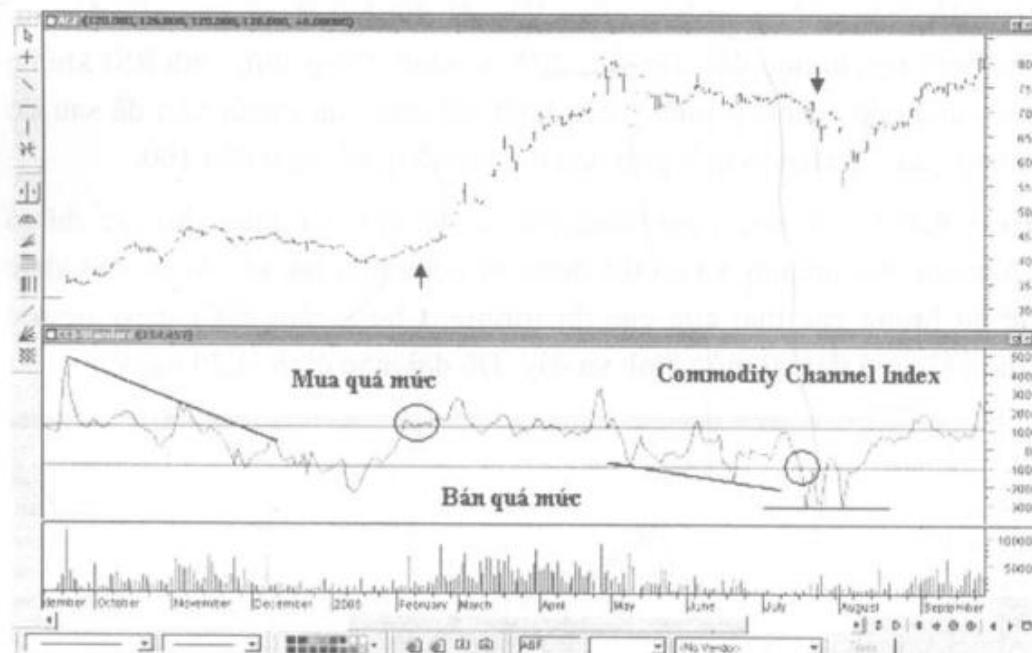
để xuất các vị thế mua trong các thị trường có giá trị vượt quá +100. Những thị trường có giá trị của chỉ số CCI dưới mức -100 là đối tượng cho những hoạt động bán khống.

Hình 9.7: Biểu đồ biểu diễn sự khác biệt giữa hai đường trung bình di động theo tuần. Biểu đồ này trở lại xu hướng của mức giá mới trước khi cắt đường zero biểu đồ này. Lưu ý rằng những mức độ mua quá mức và bán quá mức rất dễ nhận thấy.



Tuy nhiên dường như hầu hết các nhà phân tích đồ thị sử dụng chỉ số CCI đơn giản như là một dao động mua/bán quá mức. Được sử dụng trong các tình huống vượt trên +100 thì được xem là mua quá mức và dưới -100 được xem là bán quá mức. Mặc dù chỉ số kênh giá hành hóa này được xây dựng đầu tiên cho các hàng hóa, nhưng nó cũng được sử dụng cho các giao dịch hợp đồng giao sau, quyền chọn chỉ số cổ phiếu chẵng hạn như VN-Index. Mặc dù 20 ngày là giá trị mặc nhiên thông dụng nhất đối với CCI nhưng người sử dụng có thể thay đổi con số này để điều chỉnh độ nhạy cảm của nó (xem hình 9.8 và 9.9).

Hình 9.8: Một chỉ số kênh giá hàng hóa 20 ngày. Ý định ban đầu của chỉ số này là mua khi CCI vượt +100 và bán khi dưới -100.



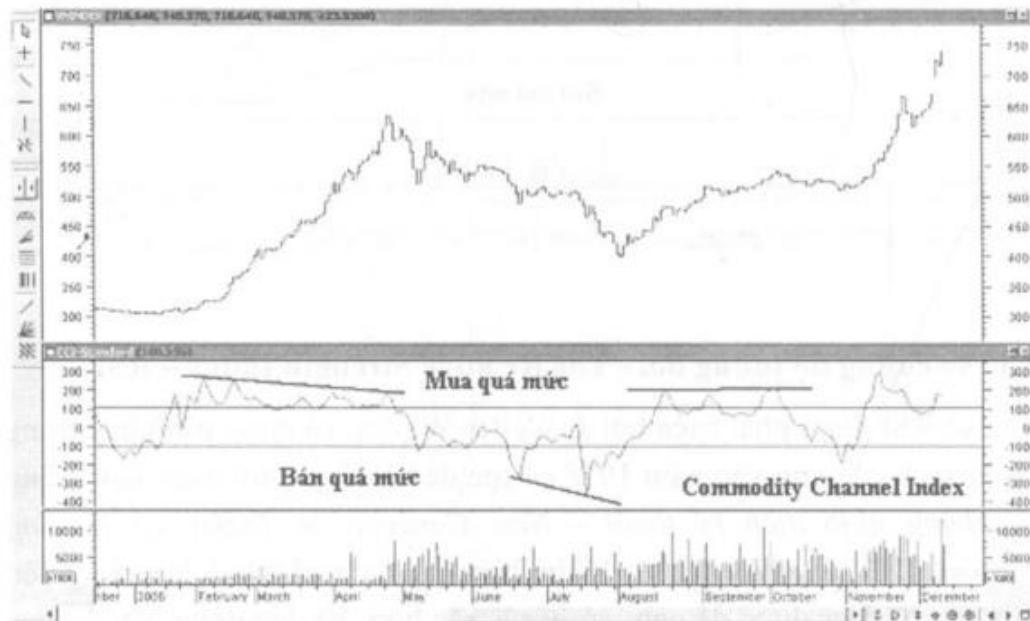
Chỉ số cường độ tương đối - The Relative Strength Index – RSI

Chỉ số RSI được phát triển bởi J. Welles Wilder, và được trình bày trong cuốn sách của ông vào năm 1978 có tựa đề “*Những khái niệm mới trong hệ thống giao dịch kỹ thuật – New Concepts in Technical Trading Systems*”. Ở đây chúng ta sẽ chỉ tìm hiểu các điểm chính. Kết quả nghiên cứu của Wilder được đề nghị xử lý sâu sắc hơn. Vì dao động này thi quá thông dụng trong giới giao dịch nên chúng ta sẽ sử dụng nó để làm sáng tỏ phần lớn các nguyên tắc của phân tích dao động.

Như Wilder đã chỉ ra, một trong hai vấn đề cốt lõi trong việc xây dựng một đường momentum (sử dụng các khác biệt trong giá) là những dịch chuyển thất thường thường là kết quả của những thay đổi đột ngột trong giá trị đường momentum. Một sự tăng hoặc sụt giảm giá mạnh trước đó 10 ngày (trong trường hợp của đường momentum 10 ngày) có thể gây

nên những thay đổi đột ngột trong đường momentum ngay cả khi giá ở hiện tại có sự thay đổi nhỏ. Vì thế đôi khi sự bằng phẳng lại cần thiết để tối thiểu hóa những sự bóp méo. Vấn đề thứ hai là có nhu cầu đối với một giới hạn không đổi cho mục đích so sánh. Công thức tính RSI không chỉ cung cấp sự bằng phẳng cần thiết mà còn giải quyết vấn đề sau đó thông qua việc tạo ra một giới hạn đứng không đổi từ 0 đến 100.

Hình 9.9: Chỉ số kênh giá hàng hóa có thể được sử dụng cho các chỉ số cổ phiếu như thế này và có thể được sử dụng như bất kỳ chỉ số nào khác để đo lường các thái cực của thị trường. Chú ý rằng CCI quay ngược trước khi giá đạt tại mức đỉnh và đáy. Độ dài mặc định là 20 ngày.



Thuật ngữ “cường độ tương đối – relative strength” vô tình là một việc sử dụng sai và thường gây ra sự nhầm lẫn với những thuật ngữ khác khi nó được sử dụng trong phân tích thị trường chứng khoán. Cường độ tương đối nói chung có nghĩa là một đường tỷ số so sánh giữa hai đại lượng khác nhau. Một tỷ số của một cổ phiếu hoặc của một nhóm ngành so với chỉ số VN-Index là một cách đo lường cường độ tương đối của các

cỗ phiếu khác nhau hoặc của các nhóm ngành với danh mục chuẩn mục tiêu. Chỉ số cường độ tương đối của Wilder thực sự không đo lường cường độ tương đối giữa các đại lượng khác nhau và trong ý nghĩa đó, tên gọi như trên đôi khi dẫn đến sai lầm. Tuy nhiên, chỉ số RSI giải quyết vấn đề của những dịch chuyển bất thường và giải quyết nhu cầu về một biên độ giới hạn trên và dưới không đổi. Chỉ số RSI được xác định theo công thức sau:

$$RSI = 100 - \frac{100}{1 + RS}$$

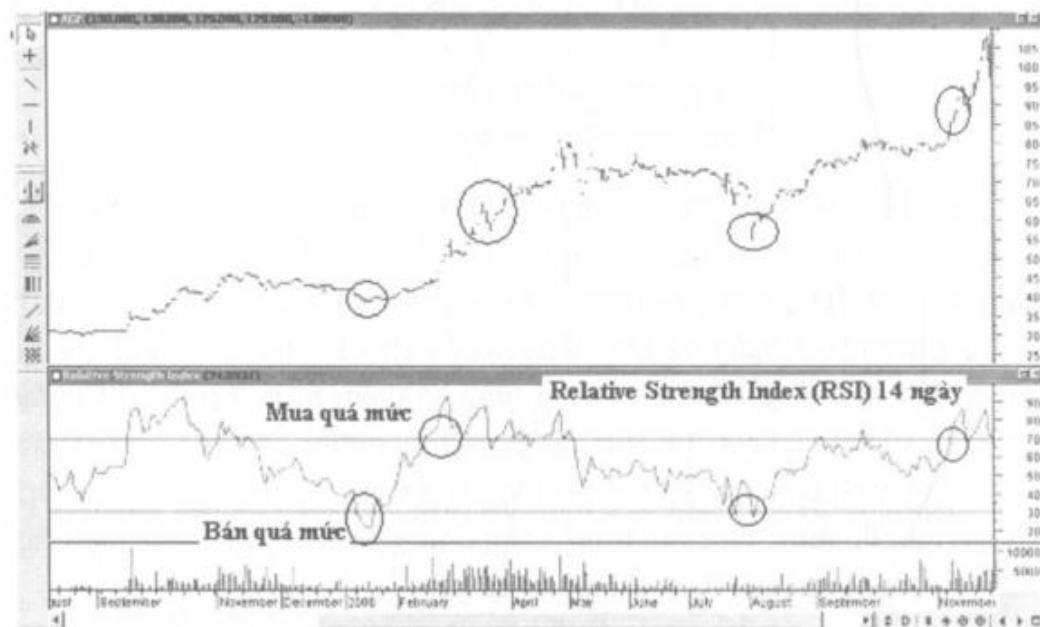
$$RS = \frac{\text{Trung bình giá đóng cửa tăng của } x \text{ ngày}}{\text{Trung bình giá đóng cửa giảm của } x \text{ ngày}}$$

Số ngày được sử dụng trong tính toán là 14 ngày theo đồ thị hàng ngày; sử dụng đồ thị tuần số ngày sẽ là 14 tuần. Để xác định được các giá trị trung bình đi lên, chúng ta cộng tổng số điểm đạt được trong các ngày giá tăng trong 14 ngày và chia tổng số đó cho 14. Để xác định giá trị trung bình đi xuống, chúng ta cộng tổng số điểm bị mất trong 14 ngày giá giảm và chia lại cho 14. Sau đó “cường độ tương đối – RS” được xác định bằng cách chia trung bình giá tăng cho trung bình giá giảm. Giá trị RS này sau đó được đưa vào trong công thức tính RSI. Số lượng ngày có thể thay đổi bằng cách thay đổi giá trị của x.

Ban đầu Wilder đã chọn khoảng thời gian 14 ngày. Thời gian càng ngắn thì chỉ số Oscillator trở nên càng nhạy cảm hơn và biên độ của nó càng lớn. RSI hoạt động tốt nhất khi những biến động của nó đạt đến các thái cực trên và dưới. Vì thế, nếu người sử dụng giao dịch trên cơ sở ngắn hạn và muốn sự dao động lên xuống mạnh mẽ hơn thì khoảng thời gian có thể ngắn hơn. Khoảng thời gian dài làm cho dao động bằng phẳng hơn và ở trong biên độ hẹp hơn. Biên độ trong một dao động 9 ngày vì thế lớn hơn 14 ngày như lúc ban đầu. Mặc dù khoảng thời gian 9 ngày và 14 ngày là giá trị được sử dụng phổ biến nhất, các nhà phân tích kỹ thuật cũng thực hiện với các khoảng thời gian khác. Một số người sử dụng

những thời kỳ ngắn hơn chẳng hạn như 5 hoặc 7 ngày, để làm tăng độ biến động của đường RSI. Những người khác sử dụng khoảng thời gian 21 ngày hoặc 28 ngày để làm bằng phẳng đường tín hiệu RSI. (xem hình 9.10 và 9.11)

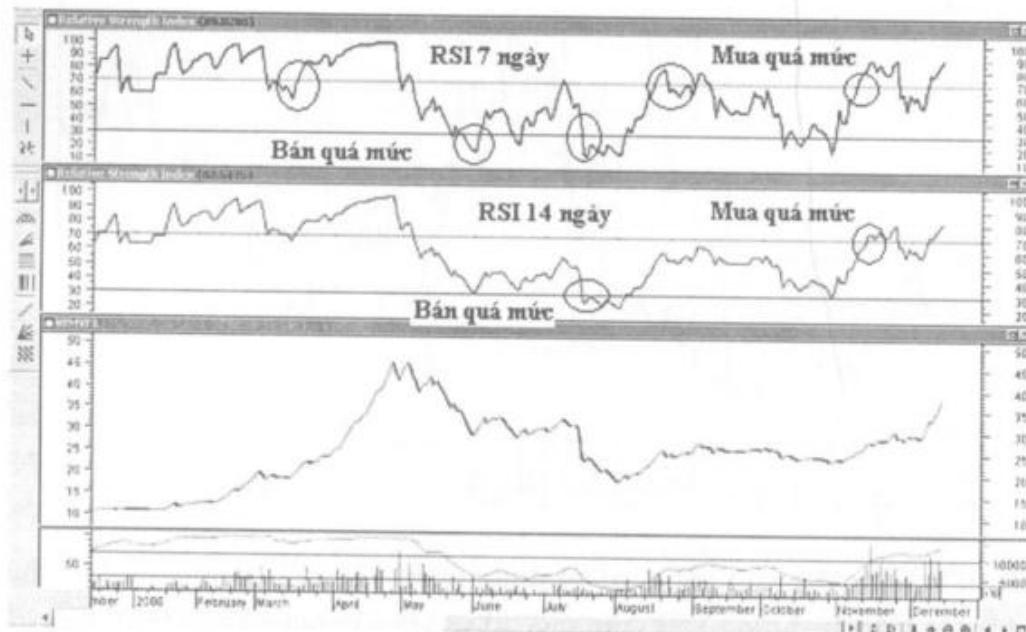
Hình 9.10: Chỉ số cường độ tương đối 14 ngày trở nên bị mua quá mức ở trên 70 và bán quá mức dưới 30. Đồ thị này cho thấy cổ phiếu AGF bị bán quá mức vào tháng 1, 8/2006 và mua quá mức trong suốt tháng 3, 4 và tháng 11/2006.



Giải thích RSI

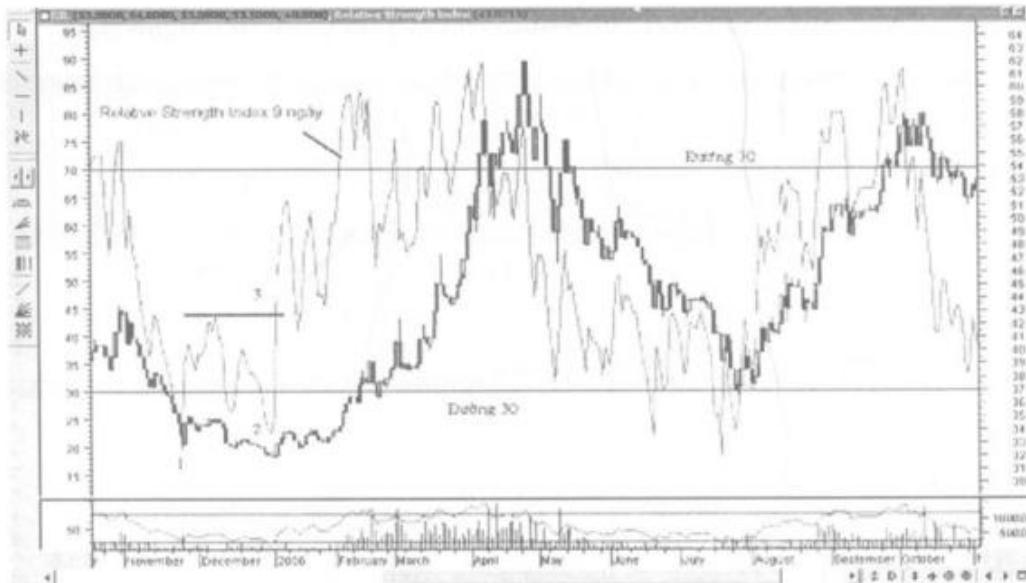
RSI được biểu diễn trên mặt chia đứng từ 0 tới 100. Những dịch chuyển ở trên mức 70 được xem là mua quá mức trong khi tình trạng bán quá mức là những dịch chuyển dưới mức 30. Vì sự thay đổi xảy ra trong những thị trường giá lên và giá xuống nên mức 80 thường trở thành mua quá mức trong thị trường giá lên và mức 20 trở thành mức bán quá mức trong thị trường giá xuống.

Hình 9.11: Biên độ của đường RSI có thể được mở rộng bằng cách lấy những khoảng thời gian ngắn hơn. Lưu ý rằng đường RSI 7 ngày đạt đến các thái cực thường xuyên hơn đường RSI 14 ngày. Điều đó làm cho đường RSI 7 ngày hữu dụng hơn đối với các nhà giao dịch ngắn hạn.

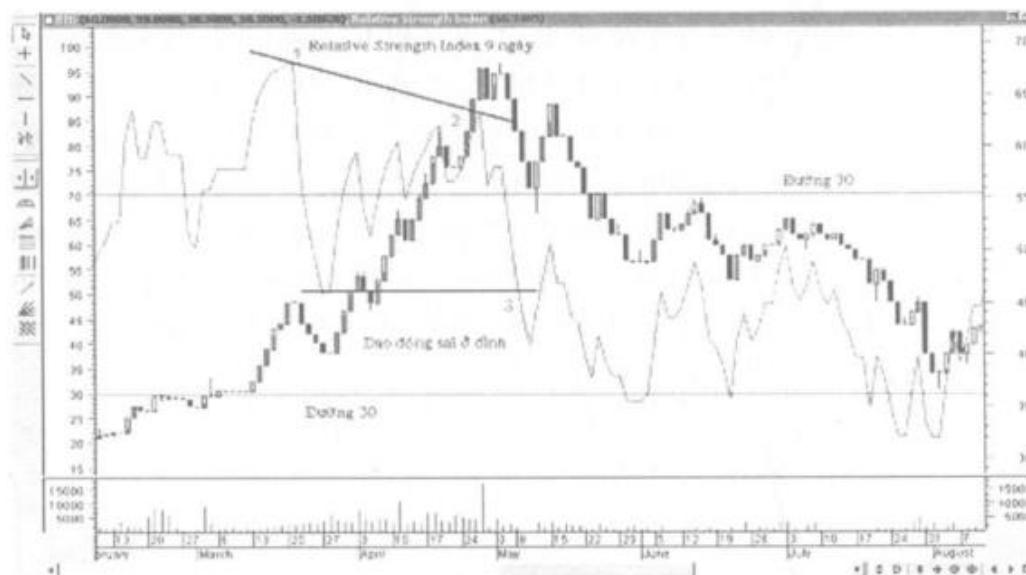


“Những dao động sai – failure swings” như Wilder gọi, xảy ra khi đường RSI nằm trên 70 hoặc dưới 30. Một dao động sai ở đỉnh (top failure swing) xảy ra khi một đỉnh trong đường RSI (vượt 70) không vượt quá đỉnh trước đó trong xu hướng thị trường giá tăng, theo sau bởi một sự phá vỡ bên dưới của đáy trước đó. Một dao động sai ở đáy (bottom failure swing) xảy ra khi đường RSI trong xu hướng thị trường giá giảm (dưới 30) không thiết lập một đáy mới và sau đó đi lên vượt quá đỉnh trước đó (xem hình 9.12a – b).

Hình 9.12a: Một dao động sai ở đáy trong đường RSI. Đáy thứ hai (điểm 2) cao hơn đáy thứ nhất (điểm 1) mặc dù RSI nằm dưới 30 và giá vẫn giảm. Sự vượt lên của đỉnh RSI (điểm 3) là tín hiệu của một đáy.



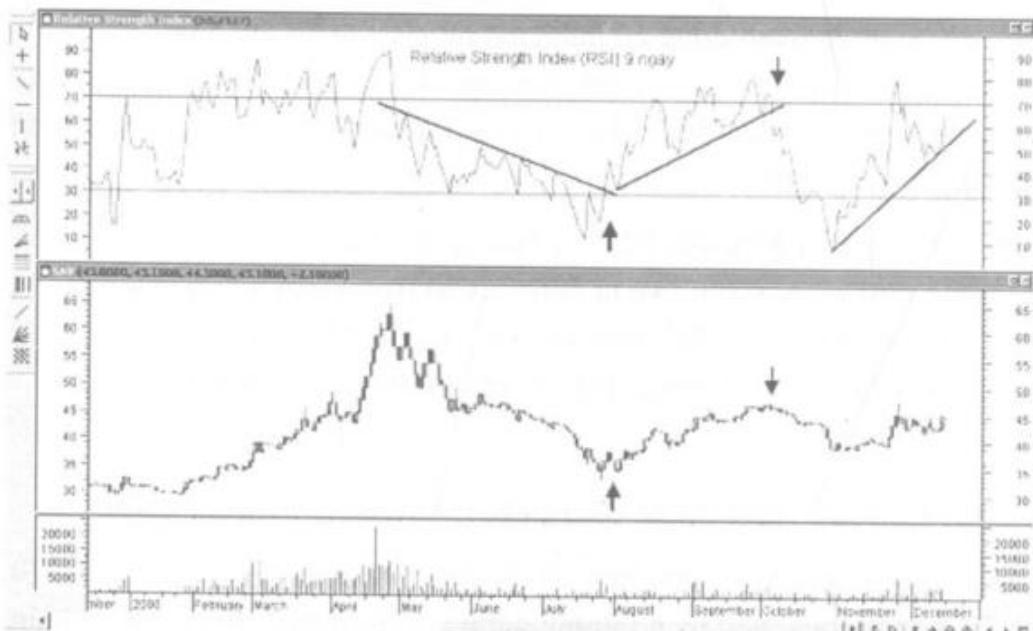
Hình 9.12b: Một dao động sai tại đỉnh. Đỉnh thứ 2 (2) thấp hơn đỉnh thứ nhất (1) mặc dù đường RSI vượt quá 70 và giá vẫn phục hồi (tăng). Sự phá vỡ bởi đường RSI nằm dưới đáy giữa (3) là dấu hiệu của một đỉnh.



Sự sai biệt giữa đường RSI và đường giá, khi đường RSI nằm trên 70 hoặc dưới 30 là một cảnh báo nguy hiểm cần được chú ý. Wilder tự xem sự sai lệch là “đặc điểm biếu lộ rõ nhất của chỉ số cường độ tương đối” [Wilder, p.70].

Phân tích xu hướng có thể được sử dụng để tìm ra những thay đổi trong xu hướng của đường RSI. Trung bình di động cũng có thể được sử dụng cho mục đích tương tự (xem hình 9.13).

Hình 9.13: Những đường xu hướng hoạt động rất hiệu quả ở trên đường RSI. Sự phá vỡ của hai đường xu hướng này đưa ra những tín hiệu mua và bán đúng lúc trên đồ thị (xem các dấu mũi tên).



Về kinh nghiệm của riêng cá nhân chúng tôi với chỉ số dao động RSI, giá trị lớn nhất của nó nằm trong các dao động sai hoặc các sai lệch xảy ra khi RSI ở trên mức 70 hoặc dưới mức 30. Chúng ta hãy làm rõ một điểm quan trọng khác trong việc sử dụng các dao động. Trong xu hướng mạnh, có thể lên hoặc xuống, thường tạo ra một biểu hiện dao động mạnh trước đó quá lâu. Trong những trường hợp như vậy, lời tuyên bố rằng thị

trường đang bị mua quá mức hoặc bán quá mức là thường quá sớm và có thể dẫn đến sự đào thoát quá sớm khỏi xu hướng có khả năng sinh lợi. Trong xu hướng lên mạnh, những thị trường mua quá mức có thể vẫn ở trong trạng thái mua quá mức trong một thời gian. Chỉ vì sự dao động dịch chuyển vào vùng phía trên thì không đủ cơ sở để loại bỏ vị thế mua (hoặc thậm tệ hơn, vị thế bán trong xu hướng lên mạnh).

Sự dịch chuyển đầu tiên vào trong vùng mua và bán quá mức thì thường chỉ là một cảnh báo. Tín hiệu để chú ý là sự dịch chuyển thứ hai bởi sự dao động vào khu vực nguy hiểm. Nếu dao động thứ hai không cùng có sự dịch chuyển của giá vào các đỉnh và đáy mới (hình thành nên hai đỉnh hoặc hai đáy trên đường chỉ số dao động) thì sự sai lệch có thể biến mất. Lúc đó, một vài hành động có tính chất phòng thủ có thể được thực hiện để bảo vệ việc loại bỏ các vị thế. Nếu dao động dịch chuyển theo hướng ngược lại, phá vỡ đỉnh hoặc đáy trước đó thì sự sai lệch hoặc dao động sai được khẳng định.

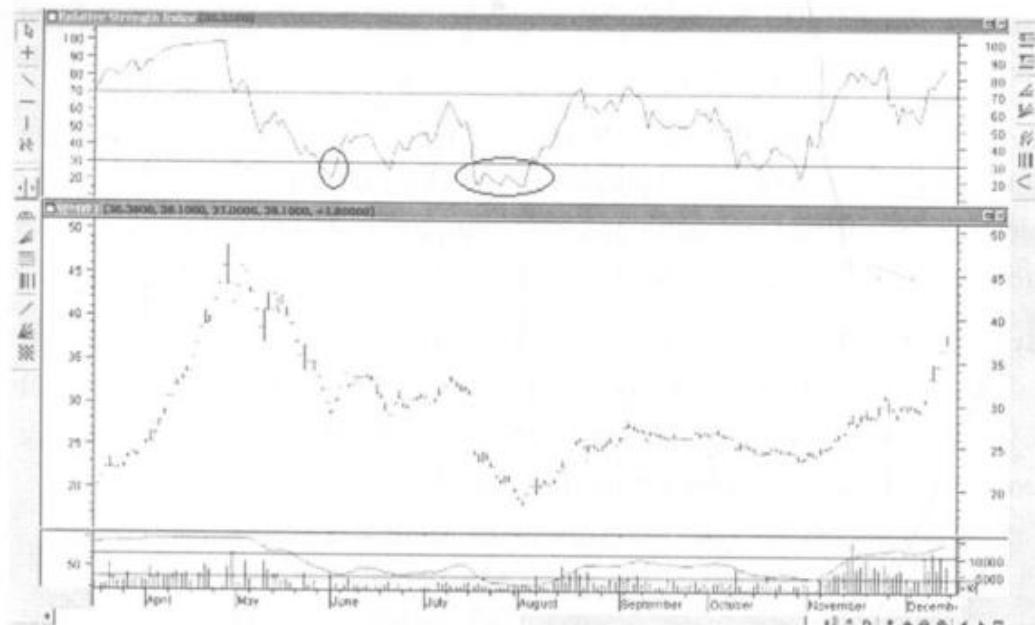
Mức 50 là giá trị giữa của RSI và thường giữ vai trò như là mức chổng đỡ trong thời kỳ bị kéo lùi và là mức duy trì trong thời kỳ thị trường tăng lên. Một vài nhà giao dịch ứng xử với các giao điểm của đường RSI ở trên hoặc dưới mức 50 tương ứng với các tín hiệu mua và bán.

Sử dụng đường 70 và 30 để tạo ra các tín hiệu

Các đường ngang xuất hiện trên đồ thị đường dao động tại các giá trị 70 và 30. Những nhà giao dịch thường dùng các đường đó để tạo ra tín hiệu mua và bán. Chúng ta đã biết rằng một sự dịch chuyển xuống dưới mức 30 báo trước một tình trạng bán quá mức. Giả sử nhà giao dịch nghĩ rằng thị trường đang ở mức đáy và đang tìm kiếm cơ hội mua. Người đó sẽ xem đáy dao động dưới mức 30. Một vài dạng sai lệch hoặc hai đáy có thể tạo ra trong dao động ở vùng bán quá mức. Một sự cắt trở lại trên đường 30 lúc đó được tận dụng bởi nhiều nhà giao dịch như là một sự xác nhận rằng xu hướng trong dao động đang kéo lên. Tương ứng, trong

một thị trường mua quá mức, sự cắt trở lại ở dưới đường 70 có thể thường được sử dụng như là một tín hiệu bán (xem hình 9.14).

Hình 9.14: Chi số dao động RSI có thể được sử dụng trên đồ thị theo ngày. Chú ý rằng hai tín hiệu mua bán quá mức cuối tháng 5/2006 và cuối tháng 7, 8/2006. Đỉnh mua quá mức trên đường RSI giữ vai trò thiết thực trong việc định vị các đỉnh.



Dao động ngẫu nhiên (Stochastic) (K%D)

Geogre Lane đưa ra phương pháp dao động ngẫu nhiên (Geogre Lane chủ tịch của Investment Educators, Inc., Watseka, IL). Nó dựa trên quan sát rằng khi giá tăng thì giá đóng cửa có xu hướng gần hơn với mức trên cùng của giới hạn giá. Ngược lại, khi giá giảm giá đóng cửa có xu hướng tiến gần đến mức dưới cùng của giới hạn giá. Hai đường này được sử dụng trong quy trình biến động ngẫu nhiên – đường %K và đường %D. Đường %D quan trọng hơn và là đường cung cấp các tín hiệu chủ yếu.

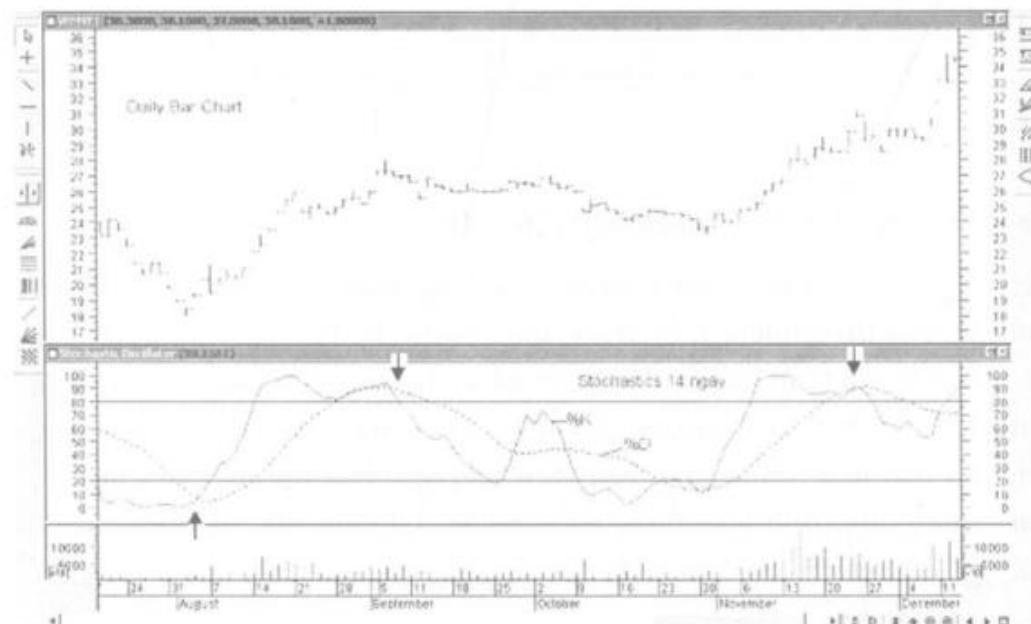
Mục đích là xác định điểm mà mức giá đóng cửa mới so với giới hạn giá cho một thời kỳ được lựa chọn. 14 là khoảng thời gian thông dụng nhất được dùng đối với dao động này. Để xác định đường K, thành phần nhạy cảm hơn trong hai thành phần, công thức là:

$$\%K = 100 [C - L_{14}] / (H_{14} - L_{14})$$

Trong đó C là giá đóng cửa gần nhất, L_{14} là đáy thấp nhất đối với 14 kỳ sau cùng, và H_{14} là đỉnh cao nhất trong cùng 14 kỳ đó (14 kỳ có thể nói đến ngày, tuần hoặc tháng).

Công thức này đơn giản đo lường trên cơ sở % từ 0 đến 100, ở đó giá đóng cửa so với tổng giới hạn giá đối với thời kỳ được chọn. Một tỷ lệ cao (trên 80) sẽ đặt giá đóng cửa gần đỉnh của giới hạn giá trong khi đó một mức thấp dưới 20 sẽ đặt giá đóng cửa gần với đáy của giới hạn giá.

Hình 9.15: Các mũi tên xuống cho thấy hai tín hiệu xảy ra khi đường dao động nhanh hơn %K băng qua dưới đường dao động chậm hơn %D ở vùng phía trên mức 80. Đường %K vượt lên trên đường %D ở vùng dưới mức 20 là một tín hiệu mua (mũi tên lên).



Đường thứ hai (%D) là một đường trung bình di động ba kỳ của đường %K. Công thức này tạo ra một dạng gọi là dao động nhanh. Bằng cách lấy trung bình 3 kỳ khác của %D thì một dạng bằng phẳng hơn được gọi là dao động chậm được tính toán. Hầu hết những nhà giao dịch sử dụng dạng biến động chậm vì tín hiệu đáng tin cậy hơn của nó.¹

Các công thức này tạo ra hai đường, hai đường này dao động giữa một giới hạn đứng từ 0 đến 100. Đường K thì dao động nhanh hơn trong khi đường D thì chậm hơn. Tín hiệu chủ yếu để quan sát là sự sai lệch giữa đường D và đường giá của thị trường khi đường D nằm trong vùng mua hay bán quá mức. Các thái cực trên và dưới là 80 và 20. (xem hình 9.15).

Hình 9.16: Dao động ngẫu nhiên 14 tuần từ trên mức 80 và dưới mức 20 là một dự báo tốt việc quay ngược chủ yếu của cổ phiếu GMD. Đồ thị dao động ngẫu nhiên có thể được xây dựng cho 14 ngày, 14 tuần và 14 tháng.

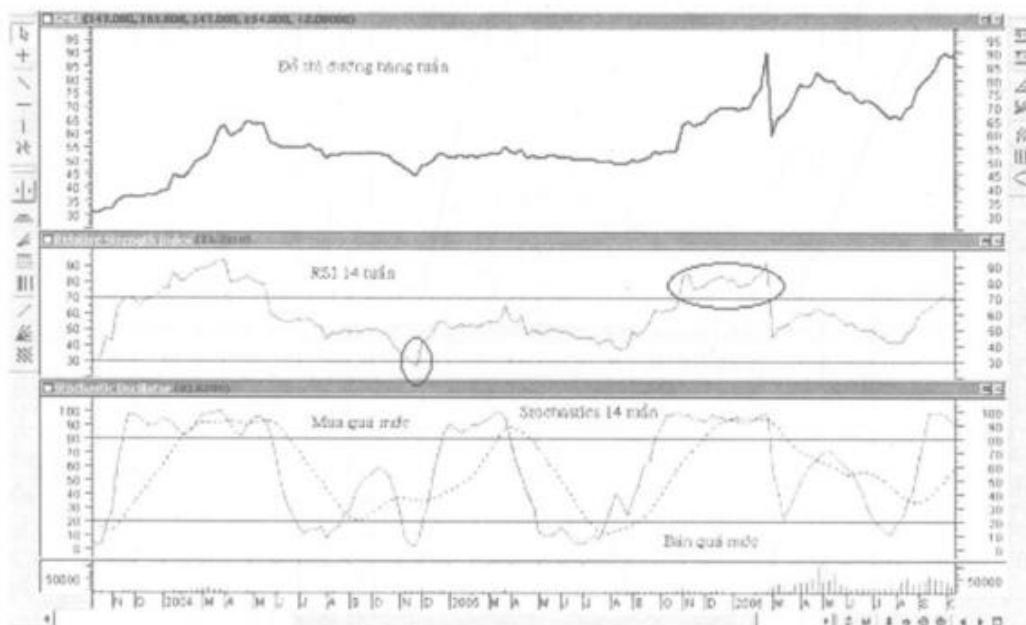


¹ Dạng bằng phẳng thứ hai tạo ra 3 đường. Dao động nhanh sử dụng hai đường đầu tiên. Biến động chậm sử dụng hai đường cuối.

Sự sai lệch đầu cơ giá xuống xảy ra khi đường D nằm trên mức 80 và hình thành hai đỉnh giảm mặc dù giá vẫn tiếp tục đi lên. Sự sai lệch đầu cơ giá lên hiện diện khi đường D nằm dưới mức 20 và hình thành hai đáy tăng trong khi giá vẫn tiếp tục giảm xuống. Giá định tất cả các nhân tố này là phù hợp, tín hiệu mua và bán thực sự được đưa ra khi đường dao động nhanh hơn K cắt đường dao động chậm hơn D.

Còn có các cải tiến khác trong việc sử dụng dao động ngẫu nhiên, nhưng việc lý giải sẽ tập trung vào các điểm thiết yếu hơn. Mặc dù mức ở độ phức tạp hơn, việc lý giải dao động cơ bản vẫn không thay đổi. Một sự cảnh báo được đưa ra khi đường %D ở trong vùng cực độ và xa rời với diễn biến của giá. Tín hiệu thực tế xảy ra khi đường D bị cắt bởi đường K.

Hình 9.17: Một sự so sánh đường RSI 14 tuần và dao động ngẫu nhiên. Đường RSI biến động ít hơn và tần số đạt tới các thái cực ít hơn đường dao động ngẫu nhiên. Tín hiệu tốt nhất xảy ra khi cả hai đường dao động này nằm trong vùng mua và bán quá mức.



Dao động ngẫu nhiên có thể được sử dụng trên các đồ thị tuần và tháng vì giới hạn dài hơn. Nó cũng có thể được sử dụng hiệu quả trên đồ thị trong ngày đối với các giao dịch ngắn hạn hơn. (xem hình 9.16)

Một cách khác để kết hợp những dao động ngẫu nhiên Stochastic hàng tuần và hàng ngày là sử dụng những tín hiệu hàng tuần để xác định xu hướng thị trường và những tín hiệu hàng ngày để định thời gian. Đó là một ý tưởng tốt để kết hợp những dao động ngẫu nhiên Stochastic với đường RSI. (xem hình 9.17)

Dao động %R của Larry Williams

Dao động %R của Larry Williams dựa trên ý tưởng tương tự của việc đo lường giá đóng cửa gần nhất so với phạm vi giá trong số ngày được chọn nào đó. Giá đóng cửa hôm nay được trừ ra khỏi mức cao nhất của phạm vi giá trong một số ngày đã chọn và lấy phần chênh lệch này chia cho tổng giới hạn của cùng thời kỳ. Những vấn đề đã thảo luận trong việc diễn giải dao động cũng được áp dụng cho dao động %R với các nhân tố chính là sự hiện diện của sự sai lệch trong vùng mua hoặc bán quá mức. (hình 9.18). Vì đường %R được trừ ra khỏi mức giới hạn trên nên nó giống với một dao động ngẫu nhiên từ trên xuống. Để hiệu chỉnh chúng ta dùng các kết hợp đồ thị để biểu diễn một dạng của dao động %R.

Lựa chọn khoảng thời gian gắn liền với chu kỳ thị trường

Dộ dài của dao động có thể gắn liền với chu kỳ thị trường cơ bản. Một khoảng thời gian bằng 1/2 độ dài chu kỳ thị trường được sử dụng. Đầu vào thời gian thông dụng là 5, 10, và 20 ngày dựa vào các thời kỳ theo lịch 14, 28 và 5 ngày. Dao động RSI của Wilder sử dụng 14 ngày, tức là một nửa của 28 ngày. Trong chương trước chúng ta đã thảo luận một vài lý do mà các con số 5, 10 và 20 được sử dụng nhiều trong trung bình di động và các công thức của chỉ số dao động, vì thế chúng ta không lặp lại

việc giải thích ở đây. Chỉ cần đề cập ở đây là 28 ngày theo lịch (20 ngày giao dịch) đại diện cho một chu kỳ giao dịch hàng tháng quan trọng và các con số khác thì có quan hệ hài hòa với chu kỳ thị trường hàng tháng. Tính phổ biến của momentum 10 ngày và dao động RSI 14 ngày thì dựa trên chu kỳ giao dịch 28 ngày và đo lường 1/2 giá trị chu kỳ giao dịch. Chúng ta sẽ trở lại tầm quan trọng của chu kỳ trong chương 12 “Chu kỳ thời gian”.

Hình 9.18: Dao động %R của Larry Williams được sử dụng cùng hình thức với các dao động khác. Vượt trên 80 hay dưới 20 cho thấy các thái cực của thị trường.



Tầm quan trọng của đường xu hướng

Trong chương này chúng ta đã thảo luận cách sử dụng các dao động trong phân tích thị trường nhằm giúp xác định các tình trạng mua và bán quá mức trong ngắn hạn và cảnh báo cho các nhà giao dịch những sai lệch có thể. Chúng ta đã xem xét đường momentum. Chúng ta đã thảo

luận cách thức khác để đo lường tỷ lệ thay đổi - ROC bằng cách sử dụng các tỷ số giá thay cho sự khác biệt. Sau đó chúng tôi đã cho bạn thấy hai đường trung bình di động có thể so sánh với nhau như thế nào để phát hiện ra các thái cực thị trường và các điểm cắt nhau trong ngắn hạn. Cuối cùng chúng ta đã xem xét dao động RSI và dao động ngẫu nhiên Stochastic và xem các dao động này được đồng bộ hóa với chu kỳ thị trường ra sao.

Phân tích sự sai lệch cung cấp cho chúng ta giá trị lớn nhất của dao động. Tuy nhiên người đọc phải cẩn thận đối với những nơi quá quan trọng trong phân tích sai lệch ở các điểm mà tại đó phân tích xu hướng cơ bản bị bỏ qua hoặc bị bỏ sót. Hầu hết các tín hiệu dao động mua hoạt động tốt nhất trong xu hướng tăng và các tín hiệu dao động bán có lợi nhất trong xu hướng giảm. Vị trí để bắt đầu việc phân tích thị trường thì luôn xác định bởi xu hướng chung của thị trường. Nếu xu hướng đi tăng thì chiến lược mua được yêu cầu. Lúc đó các dao động được dùng để giúp định thời gian tham gia thị trường. Nên mua khi thị trường bị bán quá mức trong xu hướng tăng. Bán không khi đang bị mua quá mức trong xu hướng giảm. Hoặc bán khi chỉ số dao động momentum vượt lên lại trên đường zero khi xu hướng chủ yếu là thị trường đầu cơ giá tăng và bán khi đường dao động này băng xuống dưới đường zero trong thị trường đầu cơ giá giảm.

Không thể phóng đại tầm quan trọng của giao dịch trong xu hướng chính. Sự nguy hiểm khi quan trọng hóa các dao động là sự khuôn mẫu nhằm sử dụng sự sai lệch như là một nguyên cớ để bắt đầu thực hiện các giao dịch trái với xu hướng chung. Hành động này nói chung tỏ ra khá tốn kém và khó nhọc. Chỉ số dao động Oscillator chỉ là một công cụ trong rất nhiều công cụ khác và phải luôn được sử dụng như là công cụ trợ giúp chứ không phải là một sự thay thế đối với phân tích xu hướng.

Khi nào các chỉ số dao động hữu ích nhất

Có những khi mà các dao động hữu dụng hơn những lúc khác. Trong thời kỳ thị trường đổi chiều, khi giá cả dịch chuyển ngang trong một vài tuần hoặc vài tháng, các dao động theo rất sát những thay đổi của giá. Các đỉnh và đáy trên đồ thị giá gần như trùng khít với các đỉnh và đáy ở trên đường dao động. Vì cả đồ thị giá và dao động dịch chuyển ngang nên chúng trông rất giống nhau. Tuy nhiên, lúc đó sự phá vỡ xu hướng giá xảy ra và một xu hướng tăng hoặc giảm mới bắt đầu. Theo bản chất tự nhiên đường dao động nằm trong vị thế thái cực chỉ khi sự phá vỡ xảy ra. Sự phá vỡ xu hướng tăng thì đường dao động đang ở trong vùng mua quá mức. Tình trạng bán quá mức thường đi cùng với sự phá vỡ xu hướng giảm. Nhà giao dịch đối mặt với thách thức lưỡng nan. Anh ta hay cô ta có nên mua khi có sự phá vỡ giá tăng trước một đường dao động trong vùng mua quá mức không? Tại sự phá vỡ xu hướng giảm sẽ được bán trong một thị trường bán quá mức?

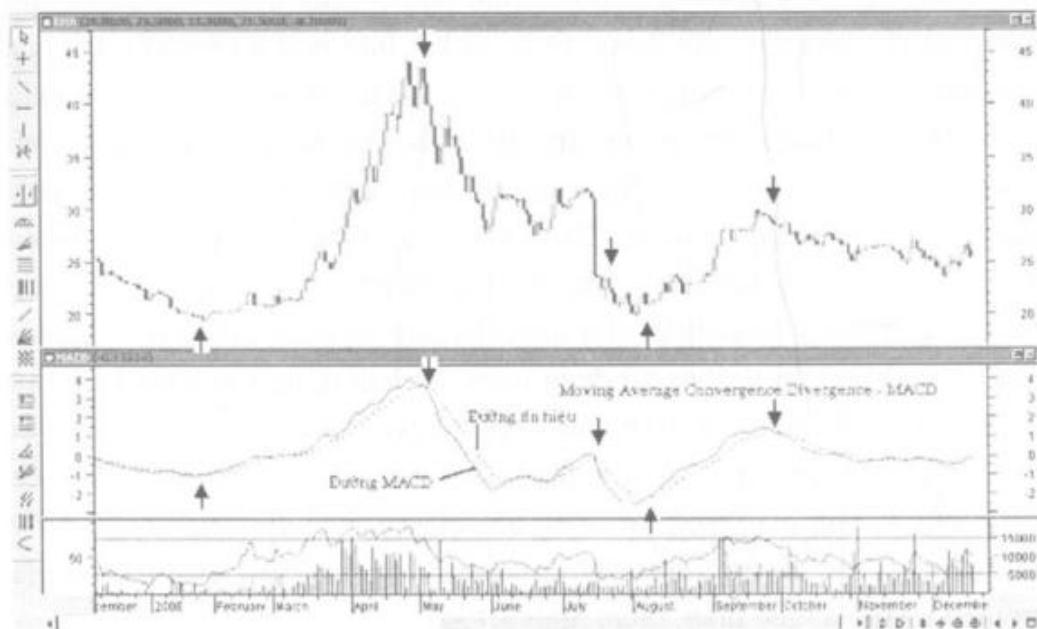
Trong những trường hợp như vậy, đường dao động tốt nhất nên bỏ qua và vị thế hiện tại nên được duy trì. Lý do của việc này là trong giai đoạn đầu của một xu hướng mới, theo sau một sự phá vỡ quan trọng thì các dao động thường đạt tới những thái cực rất nhanh và dừng lại ở đó một lúc. Phân tích xu hướng cơ bản nên là mối quan tâm chính trong những thời kỳ như thế, và những lúc như vậy thì các dao động có ít vai trò hơn. Thời kỳ sau đó, khi xu hướng bắt đầu sung mãn, các dao động có tác dụng lớn hơn. (Chúng ta sẽ thấy ở chương 11 là đợt sóng thứ năm và là sóng cuối cùng trong phân tích sóng của Elliott thường được khẳng định bởi những sai lệch chỉ số dao động thị trường đầu tư giá xuống). Nhiều sự dịch chuyển của giá theo chiều hướng tăng mạnh bị các nhà giao dịch bỏ lỡ do những người này chỉ xem xét tín hiệu xu hướng chính nhưng đã quyết định chờ đợi các dao động đi vào trong tình trạng bán quá mức mới tiến hành mua. Tóm lại, nên đặt ít quan tâm vào dao động ở những giai đoạn đầu của các dịch chuyển quan trọng nhưng quan tâm nhiều đến các tín hiệu của nó khi sự dịch chuyển của giá đạt đến mức chín mùi.

Phân kỳ và hội tụ của đường trung bình di động - MACD

Chúng ta đã đề cập trong chương trước về kỹ thuật phân tích chi số dao động sử dụng trung bình di động hàm mũ và ở đây chúng ta sẽ sử dụng nó. Công cụ chỉ báo MACD do Gerald Appel phát triển. Điều làm cho công cụ chỉ báo này hữu dụng đó là nó kết hợp một số nguyên tắc của dao động. Chúng ta đã giải thích với mô hình cắt nhau của hai đường trung bình di động. Bạn sẽ thấy chỉ có hai đường trên màn hình máy tính mặc dù thực chất có ba đường được sử dụng trong tính toán. Đường di động nhanh hơn (gọi là đường MACD) là sự chênh lệch giữa hai đường trung bình di động san bằng hàm mũ của các mức giá đóng cửa (thường là 12 và 26 ngày hoặc tuần vừa qua). Đường di động chậm hơn (gọi là đường tín hiệu) thì thường sử dụng trung bình di động san bằng hàm mũ 9 kỳ của đường MACD. Ban đầu Appel đề xuất một tập hợp số đối với các tín hiệu mua và một tập hợp khác đối với các tín hiệu bán. Tuy nhiên hầu hết các nhà giao dịch sử dụng các giá trị mặc định là 12, 26 và 9 trong tất cả các trường hợp. Những trường hợp này bao gồm cả các giá trị theo ngày và theo tuần. (xem hình 9.19a)

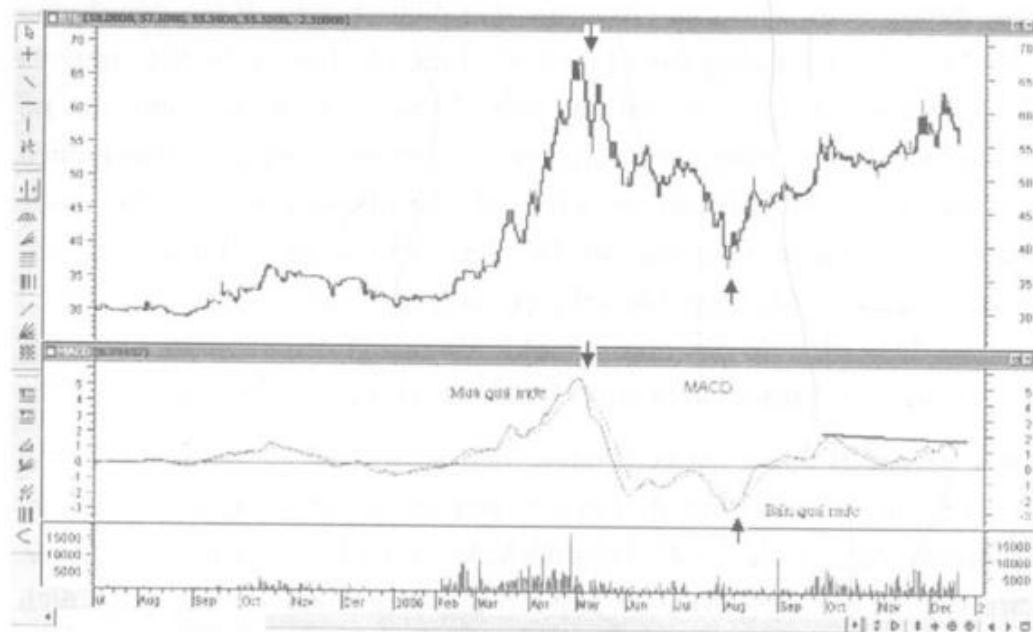
Các tín hiệu mua và bán thực chất được đưa ra khi hai đường này cắt nhau. Khi đường MACD cắt hướng lên đường tín hiệu chậm hơn thì đó là tín hiệu mua. Khi đường MACD băng xuống dưới đường tín hiệu chậm hơn thì đó là tín hiệu bán. Trong ý nghĩa đó, đường MACD giống như cách thức cắt nhau của hai đường trung bình di động. Tuy nhiên giá trị của đường MACD cũng dao động lên trên và xuống dưới đường zero. Đó là nơi nó bắt đầu tương đồng với một dao động. Tình trạng mua quá mức được thể hiện khi hai đường này nằm quá cao so với đường zero. Tình trạng bán quá mức là khi hai đường này nằm quá thấp so với đường zero. Tín hiệu mua tốt nhất được đưa ra khi những đường giá nằm nhiều dưới đường zero (tức là đang bị bán quá mức). Những điểm băng lên trên hay xuống dưới đường zero là cách thức khác để tạo ra các tín hiệu mua và bán tương ứng, tương tự với kỹ thuật momentum mà chúng ta đã thảo luận ở chương trước.

Hình 9.19a: Hệ thống phân kỳ/hội tụ trung bình di động thể hiện hai đường. Tin hiệu được đưa ra khi đường di động nhanh hơn MACD cắt đường tín hiệu chậm hơn. Các dấu mũi tên thể hiện 5 tín hiệu giao dịch trên đồ thị này của cổ phiếu KHA.



Sự sai lệch xuất hiện giữa xu hướng của các đường MACD và đường giá. Một sự sai lệch âm hay sai lệch thị trường đầu cơ giá xuống xuất hiện khi các đường MACD nằm xa phía trên đường zero (mua quá mức) và bắt đầu yếu đi mặc dù giá vẫn tiếp tục xu hướng tăng cao hơn. Đó thường là một lời cảnh báo của đỉnh thị trường. Một sự sai lệch dương hay sai lệch thị trường đầu cơ giá lên xuất hiện khi các đường MACD thấp xa phía dưới đường zero (bán quá mức) và bắt đầu dịch chuyển lên phía trên đường giá. Điều này thường là một tín hiệu sớm của đáy thị trường. Các đường xu hướng đơn giản có thể được vẽ trên các đường MACD để giúp phát hiện những thay đổi quan trọng trong xu hướng. (xem hình 9.19b)

Hình 9.19b: Các đường MACD dao động quanh đường zero làm cho nó có đặc tính của một dao động. Tín hiệu mua tốt nhất xảy ra phía dưới đường zero. Tín hiệu bán tốt nhất xảy ra phía trên đường zero. Chú ý sự sai lệch âm xảy ra vào tháng 5.

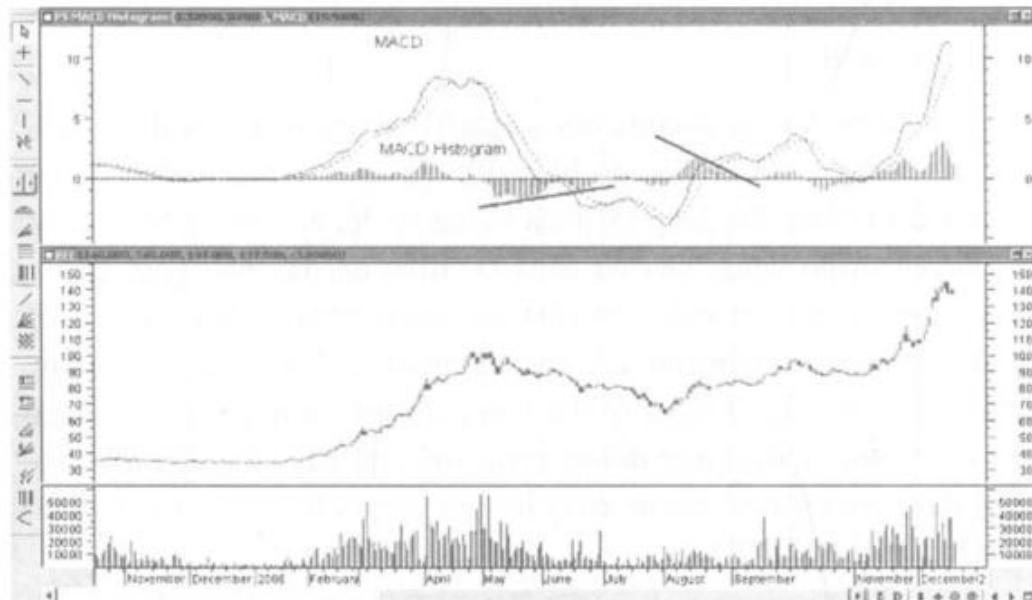


Biểu đồ MACD

Chúng ta đã thấy trong chương này về cách thức mà một biểu đồ MACD được xây dựng – đó là biểu đồ biểu diễn sự khác biệt giữa hai đường trung bình di động. Sử dụng kỹ thuật tương tự đó, hai đường MACD có thể chuyển thành dạng biểu đồ MACD. Biểu đồ này bao gồm những thanh đứng thể hiện sự khác biệt giữa hai đường MACD. Biểu đồ này có một đường zero cho riêng nó. Khi các đường MACD ở trong vị trí dương (nghĩa là khi đường di động nhanh hơn nằm trên đường di động chậm hơn), biểu đồ này nằm trên đường zero. Biểu đồ này băng lên trên hay xuống dưới đường zero của nó cùng lúc với các tín hiệu mua và bán trên đồ thị hai đường MACD.

Giá trị thực sự của biểu đồ thanh MACD là phát hiện ra lúc nào sự khác biệt giữa hai đường MACD rộng ra hay hẹp lại. Khi biểu đồ này nằm lên trên đường zero của nó (dương) nhưng bắt đầu giảm hướng xuống tới đường zero thì xu hướng lên đang bị yếu đi. Ngược lại khi biểu đồ này ở dưới đường zero (âm) của nó và bắt đầu dịch chuyển đi lên đến đường zero thì xu hướng xuống đang bị mất đà. Mặc dù chưa có tín hiệu mua và bán nào được đưa ra cho tới khi biểu đồ này cắt đường zero của nó nhưng biểu đồ này cũng cung cấp một lời cảnh báo sớm là xu hướng hiện tại đang bị mất đà. Biểu đồ này trở ngược lại đường zero luôn báo trước những tín hiệu giao nhau thực sự. Đến lượt biểu đồ này lại được sử dụng tốt nhất cho việc xác định các tín hiệu sớm để thoát khỏi các vị thế hiện hữu. Sử dụng biểu đồ này như là một lý do để bắt đầu các vị thế mới trái với các xu hướng trước đó là một vấn đề hết sức nguy hiểm. (hình 9.20a)

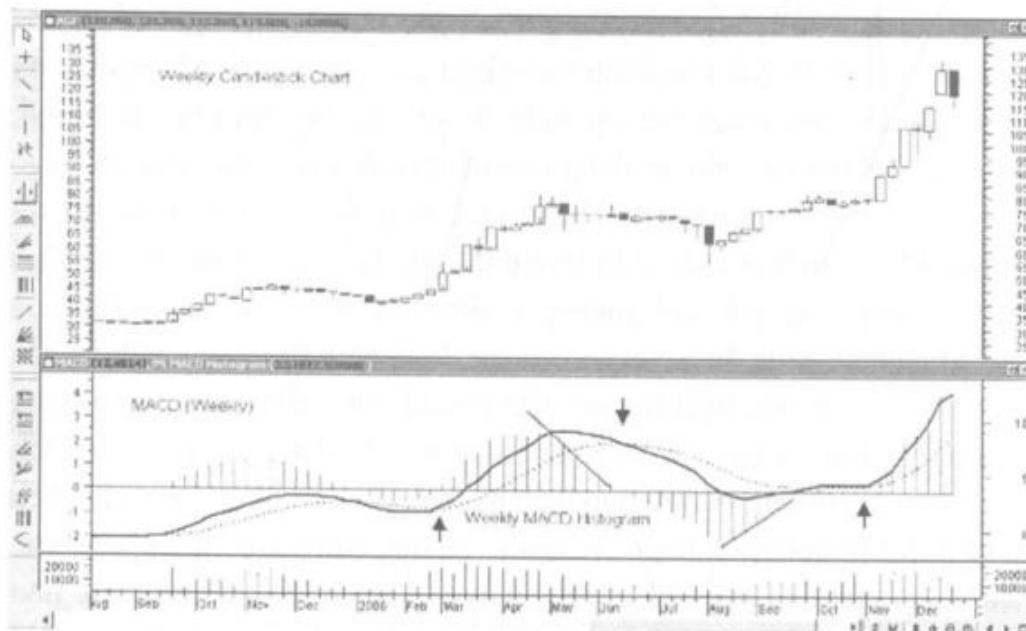
Hình 9.20a: Biểu đồ MACD biểu diễn sự khác biệt giữa hai đường MACD. Các tín hiệu được đưa ra dựa trên các giao điểm của biểu đồ này với đường zero. Lưu ý rằng biểu đồ MACD trở lại điểm cắt với đường zero sớm hơn đường MACD nên nó đưa đến cho các nhà giao dịch những cảnh báo có giá trị.



Kết hợp các đồ thị ngày và tuần

Như với tất cả các chỉ báo kỹ thuật, các tín hiệu trên đồ thị tuần luôn quan trọng hơn các tín hiệu trên đồ thị ngày. Cách tốt nhất để kết hợp chúng với nhau là sử dụng các tín hiệu tuần để xác định xu hướng của thị trường và các tín hiệu ngày để hài hòa tốt các thời điểm vào và ra khỏi vị thế. Một tín hiệu ngày chỉ được tuân theo khi nó đồng thuận với các tín hiệu tuần. Nó được sử dụng kết hợp, các tín hiệu tuần trở thành các phễu lọc xu hướng cho các tín hiệu ngày. Điều này ngăn chặn việc sử dụng các tín hiệu ngày để giao dịch ngược lại với xu hướng trước đó. Hai hệ thống cắt nhau mà trong đó nguyên tắc cơ bản này đặc biệt đúng là MACD và dao động ngẫu nhiên. (xem hình 9.20b)

Hình 9.20b: Biểu đồ hình thanh MACD hoạt động tốt trên các đồ thị tuần. Tại đỉnh giữa, biểu đồ này gập xuống sớm hơn tín hiệu bán (mũi tên xuống) 10 tuần. Tại hai xu hướng lên, biểu đồ này đi lên trước các tín hiệu mua (hai mũi tên lên) hơn hai và 4 tuần.



Nguyên lý của ý kiến đối lập trong các hợp đồng giao sau

Phân tích dao động là một nghiên cứu về các thái cực của thị trường. Một trong những lý thuyết được ứng dụng rộng rãi nhất vào việc đo lường các thái cực của thị trường đó là nguyên lý về ý kiến đối lập. Phần đầu cuốn sách này hai triết lý nền tảng của phân tích thị trường đã được nhìn nhận – đó là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Ý kiến đối lập, mặc dù nói chung nó được liệt kê vào loại phân tích kỹ thuật, nhưng đúng hơn nó được thể hiện như là một hình thức của phân tích tâm lý. Ý kiến đối lập bổ sung thêm tiêu chí thứ ba quan trọng cho phân tích thị trường – đó là tâm lý – thông qua việc xác định mức độ làm tăng giá hay giảm giá giữa các thành phần tham gia trong các thị trường tài chính.

Nguyên lý của ý kiến đối lập xảy ra khi phần lớn số người đồng ý một vấn đề gì đó, tất cả họ nói chung đều sai. Vì thế một người đối lập trước tiên sẽ cố gắng xác định xem hầu hết mọi người đang làm gì và sau đó sẽ hành động theo hướng ngược lại.

Humphrey B. Neill được xem là người đi đầu của các suy nghĩ đối lập đã trình bày các lý thuyết của mình trong một cuốn sách xuất bản năm 1954 với tựa đề là *Nghệ thuật của suy nghĩ đối lập*. Mười năm sau, năm 1964, James H. Sibbet bắt đầu áp dụng các nguyên lý của Neill vào các giao dịch giao sau đối với hàng hóa bằng cách sáng tạo ra dịch vụ tư vấn thị trường. Mỗi tuần một cuộc điều tra thị trường được thực hiện để xác định mức độ làm tăng giá hay giảm giá giữa các nhà mua bán hàng hóa chuyên nghiệp. Mục đích của cuộc thăm dò là định lượng quan điểm của thị trường trong việc thiết lập nên các con số được phân tích và sử dụng trong quy trình dự báo thị trường. Cơ sở hợp lý đằng sau phương cách này là hầu hết những người giao dịch giao sau bị ảnh hưởng bởi các dịch vụ tư vấn thị trường ở phạm vi rộng. Vì thế, bằng việc kiểm soát các quan điểm của dấu hiệu thị trường chuyên nghiệp, có thể đạt được tiêu chuẩn đánh giá khá chính xác về thái độ của công chúng giao dịch.

Dịch vụ khác cung cấp chỉ dẫn cho các quan điểm của thị trường là “chỉ số thuần nhất của ý kiến thị trường giá lên”, được xuất bản bởi *Consensus National Commodity Futures Weekly* (Consensus Inc., 1735 McGee Street, Kansas City, MO 64108). Những con số này được xuất bản vào mỗi ngày thứ sáu và sử dụng 75% như là một thước đo cho việc mua quá mức và 25% cho bán quá mức.

Lý giải con số thuần nhất về thị trường dầu cơ giá lên

Hầu hết những nhà giao dịch dường như sử dụng một phương pháp khá đơn giản trong phân tích các con số hàng tuần. Nếu con số này là trên 75% thì thị trường được xem là mua quá mức và có nghĩa là một đỉnh có thể gần xảy ra. Một con số dưới 25% là một cảnh báo về tình trạng bán quá mức và làm tăng khả năng đạt tới đáy thị trường.

Ý kiến đối lập đo lường việc duy trì vị thế mua và bán

Hãy xem trường hợp của một nhà đầu cơ cá nhân. Giả sử rằng nhà đầu cơ này thấy thông tin có lợi cho mình và bị thuyết phục bởi thông tin thị trường có khả năng tăng giá cao hơn nữa. Khả năng giá lên càng lớn thì nhà giao dịch sẽ càng tiếp cận thị trường nhiều hơn. Tuy nhiên, một khi ngân quỹ của nhà đầu cơ cá nhân đó đã đặt hết vào thị trường nào đó, thì anh ta hay cô ta đang mua quá mức – có nghĩa là không còn tiền để đầu tư vào thị trường này.

Mở rộng情境 này để bao hàm tất cả những người tham gia thị trường, nếu 80% - 90% những nhà giao dịch đang đầu tư giá lên trên thị trường, giả định rằng họ đã nắm giữ vị thế thị trường của mình. Những người còn lại mua và đẩy thị trường lên cao hơn hay không? Lúc đó đây là một trong những chìa khóa để hiểu về ý kiến đối lập. Nếu cảm xúc quá mạnh của những nhà giao dịch đang đứng về phía thị trường thì đơn giản là không đủ áp lực mua hoặc bán để tiếp tục xu hướng hiện tại.

Ý kiến đối lập do lường phia mạnh so với yếu

Một đặc trưng thứ hai của triết lý này là khả năng của nó trong việc so sánh phia mạnh so với phia yếu. Giao dịch giao sau là một trò chơi được bắt bằng zero. Trong mỗi vị thế mua cũng có một vị thế bán. Nếu 80% những nhà giao dịch đang ở vị thế mua của thị trường, còn 20% (những người còn lại đang nắm giữ vị thế bán) cũng phải được tài trợ đủ để hấp thu vị thế mua của 80% những người khác. Vì thế, vị thế bán phải được nắm giữ lớn hơn nhiều so với vị thế mua (trong trường hợp này 4 so với 1).

Điều này còn có nghĩa là vị thế bán phải được vốn hóa tốt và được xem là phia mạnh. Con số 80%, mỗi nhà giao dịch nắm giữ một vị thế nhỏ hơn rất nhiều, được xem là phia yếu hơn, những người này sẽ bị ép buộc thanh khoản các vị thế mua khi có bất kỳ sự thay đổi đột ngột trong giá.

Một vài đặc tính khác của con số thuận nhất trong thị trường đầu cơ giá lên

Hãy xem xét một ít điểm cần nhớ khi sử dụng các con số này. Điểm cân bằng là 55%. Điều này cho phép đối với sự thiên lệch gắn liền với thị trường đầu cơ giá lên trong một phần của giao dịch công chúng nói chung. Thái cực trên được xem xét là 90% và thái cực dưới là 20%. Ở đây một lần nữa, con số này tăng nhẹ để tính đến các thiên lệch thị trường đầu cơ giá lên.

Thông thường vị thế đối lập có thể được quan tâm khi con số thuận nhất thị trường đầu cơ giá lên nằm trên 90% hoặc dưới 20%. Các con số trên 75% hoặc dưới 25% cũng được xem là vùng cảnh báo và đề xuất rằng một sự đổi hướng có thể sắp xảy ra. Tuy nhiên, nói chung nên chờ đợi một sự thay đổi trong xu hướng các con số này trước khi thực hiện các giao dịch ngược lại với xu hướng. Một sự thay đổi hướng của con số thuận nhất thị trường đầu cơ giá lên, đặc biệt nếu nó xảy ra từ một trong số những vùng nguy hiểm, nên được theo dõi sát sao.

Tầm quan trọng của giao dịch tiềm năng (hợp đồng giao sau)

Giao dịch tiềm năng cũng giữ một vai trò quan trọng trong việc sử dụng các con số thuần nhất thị trường đầu cơ giá lên. Nói chung, con số giao dịch tiềm năng càng cao thì cơ hội mà các vị thế đối lập có thể có lợi nhuận càng lớn. Tuy nhiên một vị thế đối lập sẽ không được giữ mặc dù giao dịch tiềm năng vẫn đang còn gia tăng. Một sự gia tăng tiếp tục trong con số giao dịch tiềm năng làm tăng khả năng tiếp tục xu hướng hiện tại. Đợi cho con số giao dịch tiềm năng ổn định lại hoặc giảm xuống trước khi hành động.

Nghiên cứu các cam kết của báo cáo nhà giao dịch để đảm bảo rằng những người phòng ngừa nắm giữ ít hơn 50% giao dịch tiềm năng. Ý kiến đối lập hoạt động tốt hơn khi hầu hết giao dịch tiềm năng được nắm giữ bởi các nhà đầu cơ, những người này được xem là ở thế yếu hơn. Sẽ không hợp lý để giao dịch ngược lại với những số dư hợp đồng phòng ngừa lớn.

Quan sát phản ứng của thị trường đối với những thông tin nền tảng

Hãy quan sát phản ứng thị trường đối với các tin tức nền tảng một cách rất sát sao. Sự thất bại của giá tác động trở lại đối với các tin tức về thị trường đầu cơ giá lên trong vùng mua quá mức là một cảnh báo rõ ràng rằng một sự giảm giá có thể sắp xảy ra. Đầu tiên các tin tức bất lợi thường dù để đẩy giá lên nhanh chóng trong hướng khác. Vì lẽ đó, sự thất bại của giá trong vùng bán quá mức (dưới 25%) phản ứng lại các thông tin thị trường đầu cơ giá xuống có thể được sử dụng như là một cảnh báo rằng tất cả các thông tin xấu đã được phản ánh đầy đủ vào trong mức giá thấp hiện tại. Bất kỳ thông tin thị trường lên nào cũng sẽ đẩy giá lên cao hơn.

Kết hợp ý kiến đối lập với các công cụ kỹ thuật khác

Một quy tắc chung là giao dịch trong cùng xu hướng với xu hướng của các con số thuần nhất cho tới khi đạt tới thái cực, tại thời điểm này con số đó sẽ được giám sát cho tín hiệu thay đổi xu hướng. Nó không đi kèm với việc cho rằng các công cụ phân tích kỹ thuật chuẩn có thể và cũng nên được sử dụng để nhận diện các thay đổi của thị trường vào những thời điểm quyết định. Sự phá vỡ mức chống đỡ hay mức kháng cự, đường xu hướng, hoặc trung bình di động có thể được dùng để xác định rằng xu hướng thực sự đang thay đổi ngược lại. Sự chênh nhau trên các đồ thị dao động đặc biệt hữu dụng khi con số thuần nhất thị trường đầu cơ giá lên đang ở vùng mua hay bán quá mức.

Suy đoán tình cảm nhà đầu tư

Mỗi tuần Barron's đưa vào trong bộ phận thí nghiệm thị trường một tập hợp những con số dưới tựa đề "*Suy đoán tình cảm nhà đầu tư*". Trong đó, cuộc điều tra 4 nhóm nhà đầu tư khác nhau được thực hiện để đánh giá mức độ đầu cơ giá lên và đầu cơ giá xuống trong thị trường chứng khoán. Các con số này được rút ra cho tuần gần nhất và hai hoặc ba kỳ trở lại vì mục đích so sánh. Đây là một mẫu ngẫu nhiên của kết quả mà con số của tuần mới nhất có thể rất giống. Nên nhớ rằng, các con số này là các chỉ báo ngược nhau. Thị trường tăng giá quá mạnh thì xấu. Giảm giá quá mạnh thì tốt.

Các con số hiểu biết của nhà đầu tư - Investor Intelligence

Investor Intelligence (30 Church Street, New Rochelle, NY 10801) thực hiện cuộc khảo sát hàng tuần đối với các nhà tư vấn đầu tư và đưa ra ba con số - tỷ lệ phần trăm các nhà tư vấn đầu tư cho rằng thị trường đầu cơ giá lên và tỷ lệ phần trăm cho rằng thị trường đầu cơ giá xuống và phần trăm những người kỳ vọng giá sẽ ổn định. Dự đoán thị trường đầu cơ giá

lên trên 55% cảnh báo sự quá lạc quan và có khả năng tiêu cực đối với thị trường. Suy đoán thị trường đầu cơ giá lên dưới 35% phản ánh một sự quá bi quan và được xem như tích cực đối với thị trường. Con số về sự ổn định giá cho thấy các nhà tư vấn, những người cho rằng giá tăng nhưng kỳ vọng một sự yếu đi trong ngắn hạn.

Investor Inteligence cũng phát hành các con số mỗi tuần, những con số này đo lường số cổ phiếu nằm trên mức trung bình di động 10 và 30 tuần. Những con số này cũng có thể được sử dụng trong cách thức đối lập. Sự suy đoán trên 70% thể hiện thị trường cổ phiếu mua quá mức, dưới 30% thể hiện thị trường bán quá mức. Sự suy đoán 10 tuần thì hữu dụng hơn cho việc đo lường các thay đổi chủ yếu của thị trường. Tín hiệu thực sự của những thay đổi tiềm năng trong xu hướng xảy ra khi các con số này tăng trở lại trên 30 hoặc giảm xuống dưới 70.

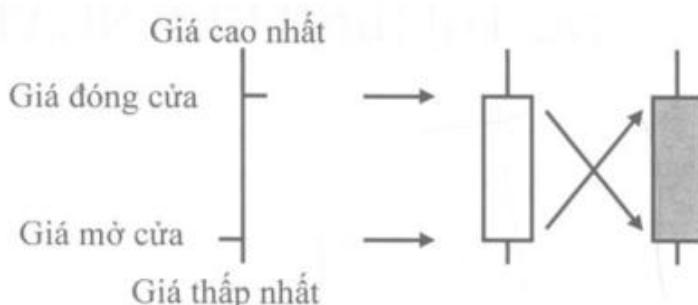
ĐỒ THỊ HÌNH NÊN NHẬT BẢN

Giới thiệu

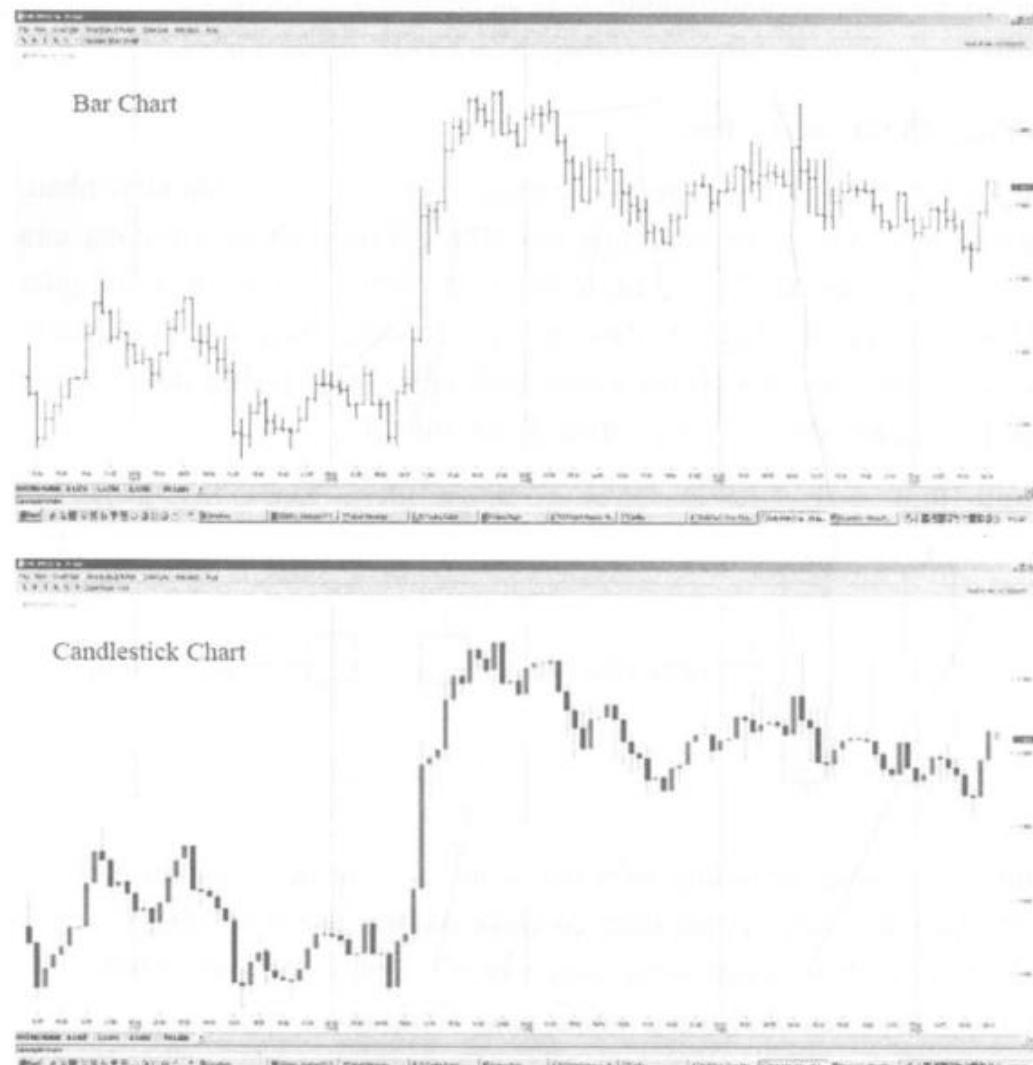
Trong khi người Nhật đã sử dụng đồ thị nền và kỹ thuật phân tích này hàng thế kỷ nay, nhưng mô hình này chỉ mới trở nên phổ biến ở các nước phương Tây trong những năm gần đây. Thuật ngữ, cây nền, thực ra đề cập đến hai khía cạnh khác nhau nhưng có liên quan với nhau. Đầu tiên, và dường như là quan trọng hơn, là phương pháp của sự thể hiện chứng khoán và dữ liệu tương lai đối với phân tích đồ thị. Thứ hai, nó là một nghệ thuật nhận biết sự kết hợp chắc chắn của cây nền trong sự kết hợp đã được xác định rõ và đã được chứng minh. May thay, cả hai kỹ thuật này có thể được sử dụng một cách độc lập hoặc trong sự kết hợp lẫn nhau.

Đồ thị nền

Việc vẽ đồ thị dữ liệu thị trường trong cây nền sử dụng cùng dữ liệu sẵn có như trong đồ thị hình thanh; giá mở cửa, giá cao, giá thấp và giá đóng cửa. Trong khi sử dụng cùng dữ liệu, đồ thị nền đưa ra một đồ thị có vẻ bè ngoài lõi cuốn nhiều hơn. Thông tin dường như được xuất phát từ màn hình máy vi tính. Thông tin thể hiện trên màn hình được giải thích và phân tích một cách dễ dàng hơn. Hình dưới đây mô tả giá của một ngày để chỉ ra sự khác biệt giữa một đồ thị thành (bên trái) và đồ thị nền.

Hình 10.1:

Bạn có thể nhìn thấy tên “cây nến” được hình thành như thế nào. Nó dường như có phần giống một cây nến với một cái bắc. Hình chữ nhật thể hiện sự khác biệt giữa giá mở cửa và giá đóng cửa trong ngày, và được gọi là thân nến. Chú ý rằng thân nến có thể hoặc màu đen hoặc màu trắng. Thân nến màu trắng có nghĩa là giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thực ra, thân nến không phải màu trắng, mà là thân mở, nó được vận hành tốt hơn khi sử dụng máy vi tính. Vì thế, nó sẽ được in ra một cách chính xác khi in đồ thị trên một máy vi tính. Đây là một trong những yếu tố thích nghi khi mà phương pháp này được sử dụng ở các nước phương Tây; người Nhật sử dụng màu xanh đối với thân nến mở. Thân nến màu đen có nghĩa là giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Giá mở cửa và giá đóng cửa đóng một vai trò quan trọng trong đồ thị nến Nhật Bản. Đường nhỏ ở phía trên và phía dưới thân nến được đẽ cập đến như là cái bắc hay tóc hay bóng mờ - shadow. Có nhiều tên gọi khác nhau đối với những đường này xuất hiện trong các tài liệu tham khảo tiếng Nhật, đó là sự kỳ quặc bởi vì chúng thể hiện giá cao và giá thấp trong ngày và thường thì không được quan tâm như là vấn đề sống còn trong phân tích của người Nhật. (xem hình 10.2)

Hình 10.2:

Hình 10.2 chỉ ra cùng dữ liệu như nhau trong cả hai đồ thị phổ biến là đồ thị thanh và đồ thị nến Nhật Bản. Bạn có thể nhanh chóng nhận ra rằng thông tin không dễ dàng có sẵn trên đồ thị thanh thì dường như được thể hiện trên đồ thị nến. Ban đầu, bạn có thể mất một khoảng thời gian để làm quen với đồ thị nến, nhưng sau đó bạn sẽ cảm thấy thích sử dụng nó hơn.

Những mẫu đồ thị nến khác nhau thì sẽ có ý nghĩa khác nhau. Người Nhật đã xác định những đồ thị nến cơ bản khác nhau, dựa trên mối liên

hệ giữa giá mờ cửa, giá cao, giá thấp, giá đóng cửa. Hiểu được những đồ thị nền cơ bản này là điểm khởi đầu của phân tích đồ thị nền.

Những đồ thị nền cơ bản

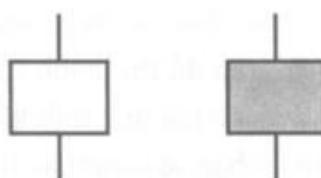
Sự kết hợp thân nền/bóng mờ khác nhau sẽ có những ý nghĩa khác nhau. Những thân nền có sự khác biệt lớn giữa giá mờ cửa và giá đóng cửa được gọi là thân dài. Tương tự, những thân nền có sự khác biệt nhỏ giữa giá mờ cửa và giá đóng cửa được gọi là thân ngắn. Nên nhớ rằng, chúng ta chỉ có thể bàn về kích thước của thân nền nhưng không đưa ra được tham chiếu nào đối với giá cao/thấp (xem hình 10.3).

Hình 10.3:



Đinh xoay vòng là những thân nền trong đó cây nền có thân nhỏ với bóng mờ phía trên và phía dưới có chiều dài lớn hơn thân nền. Màu của thân nền thì không quan trọng trong cây nền đinh xoay vòng. Những cây nền này được cân nhắc trong những ngày do dự (xem hình 10.4).

Hình 10.4: Đinh xoay vòng – Spinning top

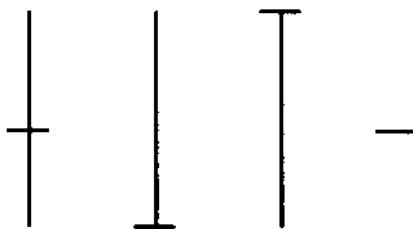


Khi giá đóng cửa và giá mở cửa bằng nhau, chúng được gọi là đường Doji. Cây nến Doji có thể có bóng mờ với chiều dài thay đổi. Khi đề cập đến cây nến Doji, có một vài sự luồng lự như liệu giá đóng cửa và giá mở cửa có cần phải bằng nhau hay không. Đó là thời điểm khi mà giá gần như cân bằng, đặc biệt là khi đề cập các biến động giá lớn.

Có nhiều cây nến Doji khác nhau và tất cả đều quan trọng. Doji chân dài (Long-legged Doji) có bóng mờ cận trên và cận dưới kéo dài và phản ánh khả năng cân nhắc thiếu quả quyết trong một bộ phận các thành viên thị trường. Doji bia đá (Gravestone Doji) chỉ có một bóng mờ cận trên kéo dài và không có bóng mờ cận dưới. Bóng mờ cận trên càng được kéo dài, thì càng có dấu hiệu của đầu cơ giá xuống.

Doji chuồn chuồn (Dragonfly Doji) thì ngược lại với Doji bia đá, bóng mờ cận dưới thì dài và không có bóng mờ cận trên. Nó thường được xem như là đầu cơ giá lên (xem hình 10.5).

Hình 10.5: Cây nến Doji



Các đường đồ thị nến riêng lẻ rất cần thiết để phân tích đồ thị nến Nhật Bản. Bạn có thể nhìn thấy tất cả các mẫu hình nến Nhật Bản đều xuất phát từ sự kết hợp của những cây nến cơ bản này.

Phân tích mẫu hình nến

Một mẫu hình nến của Nhật là một sự mô tả tâm lý của các nhà giao dịch ở một thời điểm. Nó thể hiện một cách sống động các hoạt động của các

nhà giao dịch khi thị trường mở cửa. Thực ra thì chính những phản ứng đồng nhất của con người trong những tình huống tương tự làm cho việc phân tích mẫu hình nến hoạt động.

Mẫu hình nến của Nhật có thể bao gồm một đường nến đơn hoặc là sự kết hợp của nhiều đường nến, thông thường không bao giờ nhiều hơn năm đường. Trong khi hầu hết các mẫu hình nến được sử dụng để xác định các điểm đảo chiều trên thị trường, thì có một số ít các mẫu hình nến được sử dụng để xác định sự tiếp tục xu hướng. Chúng được đề cập đến như là các mẫu hình đảo chiều và cùng cổ xu hướng. Bất cứ khi nào một mẫu hình đảo chiều có hàm ý đầu cơ giá lên, một mẫu hình liên quan ngược lại cho biết hàm ý đầu cơ giá xuống. Tương tự, bất cứ khi nào một mẫu hình cùng cổ xu hướng hàm ý đầu cơ giá lên, một mẫu hình ngược lại cho biết hàm ý giá xuống. Khi có một cặp mẫu hình diễn biến cả hai tình huống đầu cơ giá lên và đầu cơ giá xuống, chúng thường có tên giống nhau. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp, mẫu hình đầu cơ giá lên và mẫu hình đầu cơ giá xuống của nó có những tên gọi hoàn toàn khác nhau.

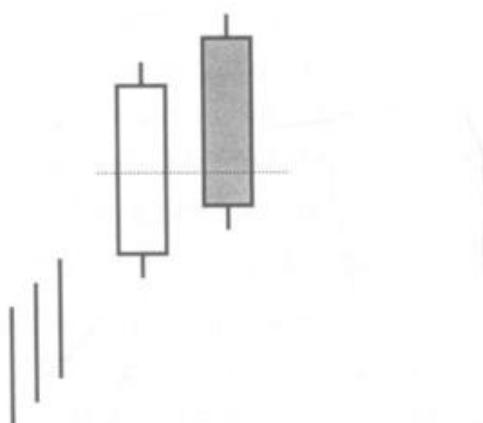
Những mẫu hình đảo chiều

Một mẫu hình nến đảo chiều là sự kết hợp của các cây nến mà thông thường thì nó chỉ ra một sự đảo ngược của xu hướng. Một sự xem xét cẩn thận xu hướng của thị trường trước khi hình thành mẫu hình sẽ giúp ích cho chúng ta trong việc xác định các mẫu hình đang là hoặc đầu cơ giá lên hoặc đầu cơ giá xuống. Bạn không thể có một mẫu hình đảo chiều đầu cơ giá lên trong một xu hướng lên. Bạn có thể có một loạt các cây nến giống như mẫu hình đầu cơ giá lên, nhưng nếu xu hướng thị trường đi lên thì nó không phải là mẫu hình nến đảo cơ giá lên của Nhật. Tương tự như vậy, bạn không thể có một mẫu hình nến đảo chiều đầu cơ giá xuống trong một xu hướng đi xuống.

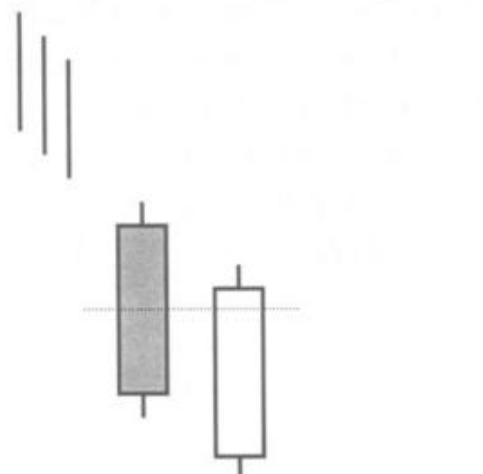
Điều này cho thấy một trong những vấn đề tồn tại khá lâu khi phân tích thị trường: Xu hướng là gì? Trước khi bạn vận dụng các mẫu hình nến Nhật Bản một cách có hiệu quả, bạn cần phải xác định xu hướng. Trong khi khối lượng giao dịch là đối tượng của việc xác định xu hướng, việc sử dụng trung bình trượt sẽ tốt hơn khi kết hợp với các mẫu hình nến. Một khi xu hướng ngắn hạn được xác định, mẫu hình nến sẽ hỗ trợ đáng kể trong việc xác định sự đảo ngược xu hướng đó.

Sự thống nhất trong tài liệu tiếng Nhật đưa ra khoảng 40 mẫu hình nến đảo chiều. Những mẫu hình này thay đổi từ những đường nến đơn giản đến những mẫu hình phức tạp hơn với hơn năm đường nến. Có nhiều tài liệu tham khảo hay về đồ thị nến, vì thế dưới đây chỉ đề cập đến một số ít các mẫu hình phổ biến.

Đám mây đen bao phủ (Dark cloud cover - Kabuse): Trong đời sống thực, những đám mây đen hàm ý khả năng trời sẽ mưa, vì vậy một mẫu hình nến đám mây đen hàm ý các mức giá thấp hơn. Đây là mẫu hình đảo chiều gồm hai thân nến có hàm ý đầu cơ giá xuống (xem hình 10.6). Đây cũng là một trong những thời điểm mà bản sao của mẫu hình này tồn tại nhưng có một tên khác (xem đường xuyên phá). Thân nến đầu tiên của mẫu hình này là một cây nến trắng dài. Điều này phản ánh xu hướng hiện tại của thị trường và giúp các nhà giao dịch xác nhận xu hướng đi lên. Giá mở cửa của ngày tiếp theo cao hơn mức giá cao của ngày trước đó, một lần nữa nhấn mạnh xu hướng đi lên. Tuy nhiên, việc giao dịch trong thời gian còn lại của ngày thứ hai thì thấp hơn mức giá đóng cửa thậm chí nằm dưới điểm trung bình của thân nến trắng. Đây là một đòn rất mạnh đánh vào tâm lý đầu cơ giá lên của nhà đầu tư và buộc nhiều người phải rời khỏi thị trường. Bởi vì giá đóng cửa thì nằm dưới giá mở cửa của ngày thứ hai, thân nến có màu đen. Đây là đám mây đen được ám chỉ như tên gọi của nó.

Hình 10.6: Đám mây đen bao phủ, người Nhật gọi là Kabuse

Đường xuyên phá (Piercing Line – Kirikomi): Mẫu hình này có một cái tên thích hợp hơn “bầu trời hực sáng – sunny sky” bởi vì nó trái ngược với mẫu hình đám mây đen bao phủ, có hàm ý đầu cơ giá lên (xem hình 10.7). Kịch bản thì hoàn toàn tương tự, nhưng trái ngược lại. Ở đây là xu hướng giảm xuống, cây nến đầu tiên là một thân nến dài màu đen, nó cũng cỗ niềm tin của các nhà giao dịch đang theo xu hướng xuống. Ngày kế tiếp, giá mở cửa ở một mức thấp mới và sau đó lượng giao dịch trong cả ngày tăng lên, và giá đóng cửa cao hơn điểm trung bình của thân nến đầu tiên. Điều này cho thấy sự thay đổi quan trọng đối với tâm lý xu hướng giá xuống và nhiều nhà đầu tư sẽ thay đổi hoàn toàn hoặc từ bỏ các vị thế của họ.

Hình 10.7: Đường xuyên phá - Piercing line, người Nhật gọi là Kirikomi

Ngôi sao ban chiều và ngôi sao ban mai (evening star and morning star):

Ngôi sao ban chiều và ngôi sao ban mai là hai mẫu hình nến đảo chiều mạnh. Đây là hai mẫu hình với ba thân nến hoạt động tốt một cách khác thường. Viễn cảnh đối với việc hiểu biết những sự thay đổi trong tâm lý nhà giao dịch với ngôi sao ban chiều sẽ được thảo luận một cách kỹ lưỡng ở đây và chúng ta có thể lập luận tương tự cho mẫu hình ngôi sao ban mai. (xem hình 10.8 và 10.9).

Hình 10.8: Ngôi sao ban chiều



Hình 10.9: Ngôi sao ban mai



Ngôi sao ban chiều là một mẫu hình nến đảo chiều đầu cơ giá xuống, như tên gọi của nó. Thân nến đầu tiên của mẫu hình này là một thân nến dài màu trắng, cây nến này tuân theo xu hướng đi lên hiện tại. Vào thời điểm mở cửa của ngày thứ hai, khe hở giá nằm phía trên thân nến của ngày thứ nhất. Lượng giao dịch trong ngày thứ hai này bị hạn chế đôi chút và giá đóng cửa gần với giá mở cửa trong khi giá đóng cửa vẫn nằm trên thân nến của ngày đầu tiên. Thân nến của ngày thứ hai thì nhỏ. Loại thân nến theo sau một thân nến dài như vậy được đề cập như là một mẫu hình ngôi sao. Một mẫu hình ngôi sao có một thân nến ngắn mà khe hở của nó cách xa một thân nến dài. Thân nến thứ ba và là cuối cùng của mẫu hình này mở ra với một khe hở nằm dưới thân của ngôi sao và có

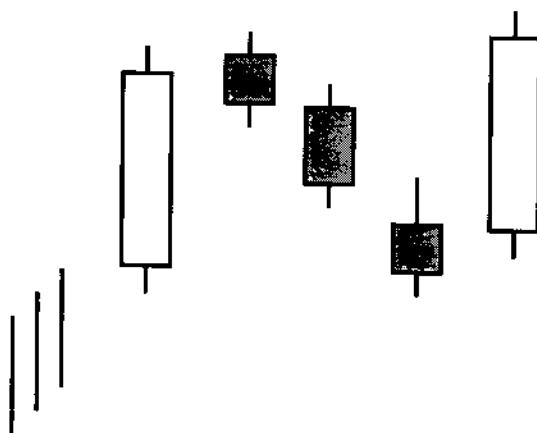
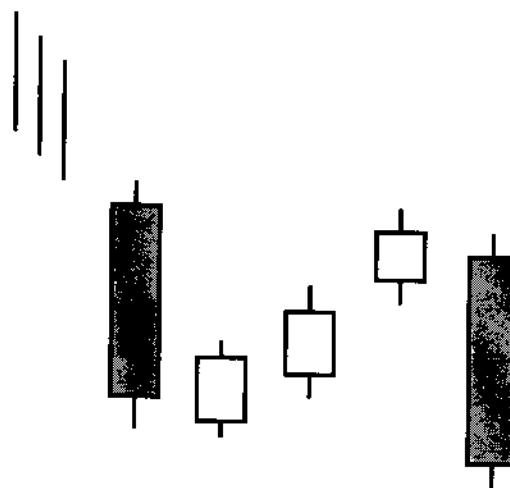
giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa và gần như nằm dưới điểm trung bình của thân nến đầu tiên.

Việc giải thích trên là một viễn cảnh hoàn hảo. Nhiều tài liệu tham khảo vẫn chấp nhận giá trị của mẫu hình ngôi sao ban chiều mà không chính xác đến từng chi tiết. Ví dụ, thân nến thứ ba có thể không có khe hở dưới hoặc giá đóng cửa của thân nến thứ ba có lẽ không hoàn toàn nằm dưới điểm trung bình của thân nến ngày đầu tiên. Những chi tiết này mang tính chủ quan khi xem xét đồ thị nến, nhưng không mang tính chủ quan khi sử dụng một chương trình máy tính để xác định một cách tự động các mẫu hình. Bởi vì chương trình máy tính đòi hỏi sự chỉ dẫn rõ ràng để đọc đồ thị nến, và không cho phép việc giải thích mang tính chủ quan.

Mẫu hình cùng cỗ xu hướng (Continuation pattern)

Mỗi ngày giao dịch, một quyết định cần phải được đưa ra, bất kể quyết định đó là để dừng một giao dịch, tham gia một giao dịch hay giữ vị thế một giao dịch. Một mẫu hình nến sẽ giúp xác định một thực tế là xu hướng hiện tại sẽ tiếp tục, xu hướng này có giá trị hơn nhiều so với xu hướng đầu tiên. Nó sẽ giúp bạn trả lời câu hỏi là liệu có nên giữ vị thế giao dịch này hay không. Tài liệu tiếng Nhật đề cập đến 16 mẫu hình nến cùng cỗ xu hướng. Một mẫu hình cùng cỗ xu hướng và mẫu hình đảo chiều có liên quan thể hiện khá tốt trong việc xác định sự tiếp tục của xu hướng.

Ba dấu hiệu hợp thành giá lên và giá xuống – rising and falling three method: Mẫu hình nến cùng cỗ xu hướng ba dấu hiệu hợp thành giá lên là một mẫu hình bổ sung đầu cơ giá lên đối với bộ đôi này và sẽ là chủ đề của việc xây dựng viễn cảnh này. Một mẫu hình cùng cỗ xu hướng đầu cơ giá lên chỉ có thể xảy ra trong một xu hướng lên và một mẫu hình cùng cỗ xu hướng đầu cơ giá xuống chỉ có thể xảy ra trong một xu hướng giảm. Điều này cho thấy mối quan hệ được yêu cầu đối với xu hướng này là cần thiết trong việc phân tích mẫu hình nến (xem hình 10.10 và 10.11).

Hình 10.10: Ba dấu hiệu hợp thành giá lên**Hình 10.11:** Ba dấu hiệu hợp thành giá xuống

Thân nến đầu tiên của mẫu hình “ba dấu hiệu hợp thành giá lên” là một thân nến trắng dài, hỗ trợ hoàn toàn cho một thị trường đang theo xu hướng đi lên. Tuy nhiên, vượt qua giai đoạn ba kỳ giao dịch tiếp theo, một nhóm các thân nến nhỏ diễn ra theo xu hướng giảm. Tất cả nằm trong biên độ của thân nến dài màu trắng của ngày đầu tiên và ít nhất hai trong số ba thân nến nhỏ có màu đen. Giai đoạn này xảy ra khi thị trường

dường như đứng yên được người Nhật xem như là “giai đoạn nghỉ ngơi”.

Trên thân nến thứ năm của mô hình này, một thân nến dài màu trắng khác hình thành, tiến tới mức giá cao mới. Cuối cùng, giá vượt ra khỏi biên độ giao dịch ngắn và xu hướng đi lên vẫn tiếp tục.

Một mẫu hình năm thân như mẫu hình “ba dấu hiệu hợp thành giá lên” đòi hỏi nhiều chi tiết như trong định nghĩa. Viễn cảnh trên là một ví dụ hoàn hảo của mẫu hình “ba dấu hiệu hợp thành giá lên”. Sự linh hoạt có thể được áp dụng với một vài sự thành công và điều này chỉ đạt được bằng kinh nghiệm. Ví dụ, ba thân nến phản ứng nhỏ có thể duy trì trong một phạm vi mức giá cao - thấp của thân nến đầu tiên thay vì phạm vi của thân nến. Các thân nến phản ứng nhỏ này không phải luôn luôn có màu đen chủ yếu. Và cuối cùng, khái niệm về “giai đoạn nghỉ ngơi” có thể được mở rộng ra gồm nhiều hơn ba thân phản ứng. Không chối bỏ mẫu hình ba dấu hiệu hợp thành giá lên và ba giá dấu hiệu hợp thành giá xuống có thể cho bạn cảm giác thoải mái khi bạn đang lo lắng về việc bảo vệ lợi nhuận trong giao dịch.

Sử dụng máy tính để xác định mẫu hình nến

Một máy tính cá nhân với phần mềm được thiết kế để ghi nhận những mẫu hình nến là một cách tốt để loại bỏ cảm xúc, đặc biệt trong suốt một giao dịch. Tuy nhiên, có một vài điểm cần nhớ khi xem đồ thị nến trên màn hình máy tính. Một màn hình máy tính được cấu tạo nên từ các phần tử ánh sáng nhỏ được gọi là các ảnh điểm (pixel). Có rất nhiều ảnh điểm trên màn hình máy tính của bạn với số lượng dựa trên sự kết hợp của card màn/màn hình. Nếu bạn xem dữ liệu giá trong một phạm vi lớn trong một khoảng thời gian ngắn, bạn có thể nghĩ rằng mình đang xem các thân Doji (giá đóng cửa và giá mở cửa bằng nhau) nhưng thực ra thì không phải như vậy. Với một phạm vi lớn về giá trên màn hình, mỗi một phần tử ảnh điểm sẽ có một mức giá riêng của chính nó. Một phần mềm máy tính xác định các mẫu hình dựa trên các quan hệ thuộc về toán học

sẽ vượt qua vấn đề sự không bình thường về thị giác. Hy vọng rằng, việc giải thích trên đây sẽ làm cho bạn không nghĩ là phần mềm của bạn không hoạt động.

Mẫu hình nến lọc

Greg Morris đã phát triển một khái niệm mang tính cách mạng vào năm 1991, khái niệm này được gọi là mẫu hình nến lọc, mẫu hình này cung cấp một phương pháp đơn giản để cài tiến độ tin cậy hoàn toàn của mẫu hình nến. Trong khi xu hướng ngắn hạn của thị trường cần phải được xác định trước khi một mẫu hình nến hình thành, việc xác định thị trường mua và bán quá mức sử dụng phân tích kỹ thuật truyền thống sẽ làm tăng khả năng dự báo của mẫu hình nến. Đồng thời, kỹ thuật này giúp loại bỏ các mẫu hình xấu hoặc còn sơ khai.

Đầu tiên chúng ta cần phải hiểu thấu đáo xem một chỉ báo kỹ thuật truyền thống tương ứng với dữ liệu giá như thế nào. Trong ví dụ này, chỉ báo Stochastic %D sẽ được sử dụng. Chỉ báo Stochastic dao động trong khoảng từ 0 đến 100, với mức 20 đang được bán quá mức và 80 đang được mua quá mức. Việc giải thích ban đầu đối với chỉ báo này là khi %D tăng trên 80 và sau đó giảm xuống 80, một tín hiệu bán xuất hiện. Tương tự, khi %D giảm xuống dưới 20 và sau đó tăng trên 20, một tín hiệu mua được hình thành (xem chương 9 đối với chỉ báo Stochastic).

Đây là những gì chúng ta biết về dự báo Stochastic %D: khi chỉ báo nằm trong vùng trên 80 hoặc dưới 20, rốt cuộc nó sẽ phát sinh một tín hiệu. Nói cách khác, đó chỉ là vấn đề về thời gian mãi cho đến khi một tín hiệu được nhận thấy. Vùng trên 80 và dưới 20 được gọi là vùng khởi đầu và cho thấy vùng %D phải tiếp cận trước khi nó có thể cho thấy một tín hiệu giao dịch. (xem hình 10.12)

Hình 10.12:

Khái niệm mẫu hình nến lọc sử dụng vùng khởi đầu này. Mẫu hình nến chỉ được xem xét khi %D nằm trong vùng khởi đầu. Nếu một mẫu hình nến xảy ra khi chỉ báo Stochastic %D là 65, mẫu hình sẽ bị loại bỏ. Vì thế, chỉ có mẫu hình nến đảo chiều mới được xem xét sử dụng khái niệm này.

Mẫu hình nến lọc không bị giới hạn trong việc chỉ sử dụng chỉ báo Stochastic %D. Bất kỳ một chỉ báo dao động kỹ thuật nào bạn thường dùng cho việc phân tích đều có thể được sử dụng cho mẫu hình nến lọc. Chỉ báo RSI của Wilder, chỉ báo CCI của Lambert, và chỉ báo %R của William là một số ít chỉ báo sẽ hoạt động tốt như nhau. (Những dao động này được giải thích trong chương 9)

Kết luận

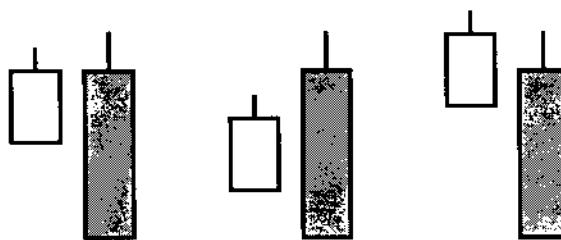
Đồ thị nến của Nhật Bản và phân tích mẫu hình nến là những công cụ cần thiết trong việc ra quyết định định thời điểm thị trường. Chúng ta có thể sử dụng mẫu hình nến Nhật Bản theo một cách thức tương tự như bất kỳ một công cụ hay một phương pháp kỹ thuật khác; đó là, nghiên cứu tâm lý của các thành viên thị trường. Một khi bạn đã bắt đầu làm quen với việc xem xét đồ thị giá bằng việc sử dụng đồ thị nến, bạn không cần phải sử dụng đồ thị thanh nữa. Mẫu hình nến của Nhật Bản được sử dụng trong sự kết hợp với các chỉ báo kỹ thuật khác theo khái niệm lọc, gần như đưa ra một tín hiệu giao dịch trước khi việc sử dụng các chỉ báo giá cơ bản khác.

Thực tế trải nghiệm

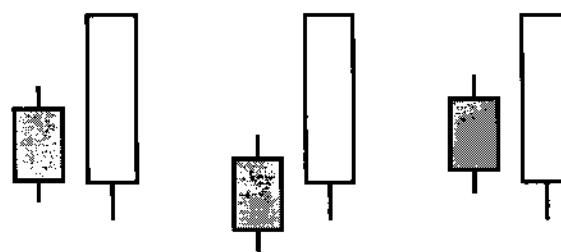
Các mẫu hình nến thì đáng tin cậy với tất cả các khoảng thời gian. Một vài mẫu hình như ngôi sao ban mai, ngôi sao ban chiều và harami thì hiếm khi được thấy trong giao dịch trong ngày bởi vì chúng yêu cầu một khe hở giữa giá đóng cửa của cây nến này và giá mở cửa của cây nến khia. Với việc giao dịch điện tử và các biến động giá hay thay đổi, các khe hở hiếm khi xảy ra trong các mẫu hình nến giao dịch trong ngày. Các khe hở được tìm thấy khi mà giá mở cửa của cây nến sau không bằng với giá đóng cửa của cây nến trước đó.

Tuy nhiên chúng ta vẫn có thể sử dụng các mẫu hình ngôi sao ban mai và ngôi sao ban chiều mà không có các khe hở. Đây là nơi mà chúng ta sử dụng “sự phóng túng về niêm luật” (nơi mà “sự phóng túng về niêm luật” là khởi đầu hợp lý từ các quy tắc hợp lý). Các ví dụ mà chúng tôi sẽ trình bày trong phần kế tiếp mô tả các mẫu hình nến lý tưởng, nhưng trong thực tế chúng không phải luôn luôn là các mẫu hình lý tưởng. Chẳng hạn, chúng tôi định nghĩa các mẫu hình sau như nhau.

Đường tác động mạnh đầu cơ giá xuống – Bearish engulfing



Đường tác động mạnh đầu cơ giá lên – Bullish engulfing



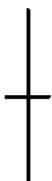
Xuất phát từ sự hình thành lý tưởng thường gây ra bởi các biến động giá bất chợt vì đồ thị sẽ cập nhật từ thời điểm này đến thời điểm khác. Một cách lý tưởng thì giá đóng cửa của cây nến trước đó phải bằng với giá mở cửa của cây nến kế tiếp.

Việc sử dụng các dấu hiệu đồ thị nến tạo ra lợi nhuận lớn, đó là ưu điểm, bởi vì nó cho phép người giao dịch đưa ra quyết định nhanh chóng. Kết hợp với mẫu hình đồ thị và các chỉ dẫn phù hợp, chúng tôi đã tìm ra các mẫu hình nến cung cấp các thời điểm tham gia vào thị trường (thời điểm mua) và các thời điểm rút ra khỏi thị trường (thời điểm bán) đáng tin cậy.

Doji

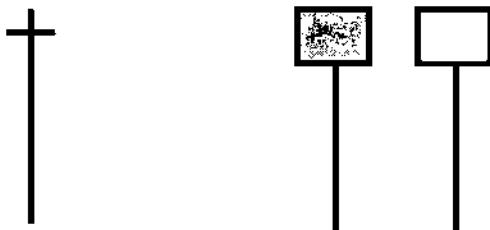
Doji là dấu hiệu đảo ngược xu hướng. Các mức giá mở cửa và đóng cửa bằng nhau hoặc gần như là bằng nhau. Sự thiếu vắng một thân nến thực sự có nghĩa rằng việc tăng và giảm giá đang giao chiến và sự cân bằng về

sức mạnh có thể đang xoay xở. Doji là một dấu hiệu cảnh báo về một sự đảo ngược chưa chắc chắn. Bắt đầu với nguyên nhân. Doji cần một mẫu hình nến củng cố trước khi bạn hành động lên nó, và khi bạn tìm thấy điều đó trong các mẫu hình nến khác thì mẫu hình nến Doji sẽ làm tăng thêm sức mạnh và khả năng tin cậy đối với mẫu hình. Nếu có một Doji trong một xu hướng lên, chúng ta cần một mức giá đóng cửa thấp hơn mức giá đóng cửa của Doji vì sự củng cố rằng xu hướng đã thay đổi.



Doji con chuồn chuồn - dragonfly doji (đầu cơ giá lên)

Doji này thường nhìn thấy ở đáy của một sự biến động. Các mức giá mở cửa và đóng cửa là bằng nhau. Một cái bắc (bóng mờ) dài ở phía dưới (cận dưới dài) chỉ ra một sự đảo ngược xu hướng. Mẫu hình này là đầu cơ giá lên hơn mẫu hình một cái búa.

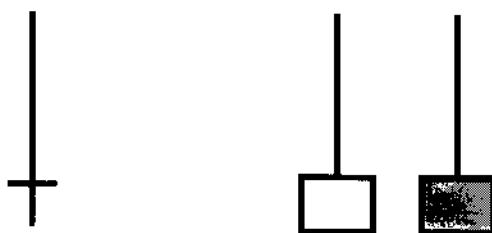


Doji bia đá - Garvestone doji (đầu cơ giá xuống)

Doji bia đá thường tìm thấy ở các đỉnh của xu hướng. Giá mở và giá đóng cửa là bằng nhau. Có một cái bắc (bóng mờ) rất cao (cận trên dài).

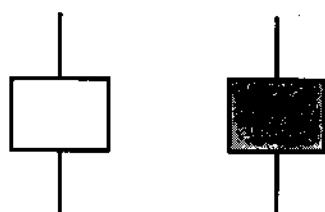
296 Phân tích kỹ thuật

Mẫu hình này là đầu cơ giá xuống hơn mẫu hình sao băng (shooting star). Mẫu hình sao băng cho thấy một sự đảo ngược trong ngắn hạn khi nó xuất hiện sau một thời kỳ hồi phục. Thân nến phải xuất hiện gần với mức giá thấp và đường thì có bóng mờ cận trên dài. Theo phân tích kỹ thuật, Doji bia đá sẽ không có thân nến.



Đỉnh xoay vòng - spinning tops

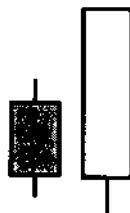
Đỉnh xoay vòng có thể là một dấu hiệu đảo ngược xu hướng rất tốt, và có thể có bất kỳ màu gì. Thân nến thực sự càng nhỏ, thì xu hướng thị trường càng ít thể hiện.



Mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá lên - bullish engulfing pattern

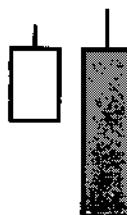
Thị trường phải ở trong một xu hướng giảm xác định rõ ràng, không thể là sự hợp nhất xu hướng một bên nào đó. Cây nến đầu tiên có màu của xu hướng ngắn hạn (xu hướng giảm) hay là một Doji. Cây nến thứ hai có màu của sự đảo ngược xu hướng (xu hướng tăng). Thân nến thứ hai nhấn chìm thân nến trước đó. Bỏ qua những cái bắc nến (bóng mờ). Một dấu

hiệu thậm chí mạnh hơn xảy ra khi một thân nến nhấn chìm thân nến thứ hai hoặc thứ ba trước đó.



Mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá xuống - bearish engulfing pattern

Thị trường phải ở trong một xu hướng xác định rõ ràng. Cây nến đầu tiên có màu của xu hướng ngắn hạn (xu hướng tăng) hay là một Doji. Cây nến thứ hai có màu của sự đảo ngược xu hướng (xu hướng giảm). Bỏ qua những cái bắc nến (bóng mờ). Kích cỡ của thân nến sẽ bị nhấn chìm và không thành ván đè. Dấu hiệu mạnh hơn xảy ra khi hai hoặc ba thân nến bị nhấn chìm bởi một thân nến.



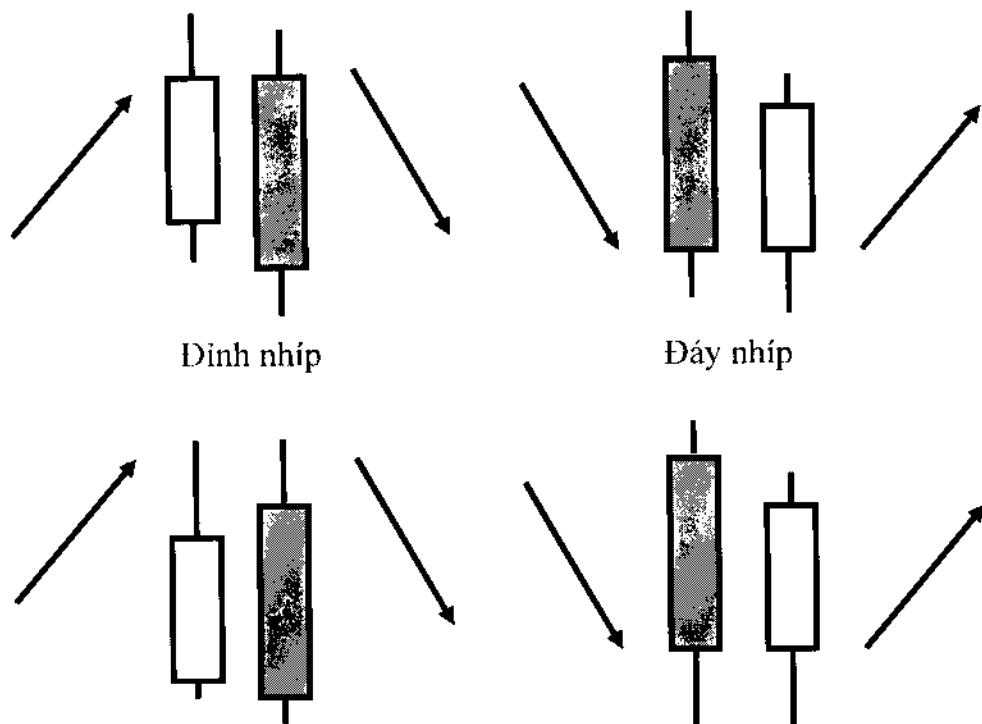
Đáy nhíp - Tweezer bottom

Hai hoặc nhiều cây nến có các đáy bằng nhau. Kích cỡ và màu sắc của cây nến thì không quan trọng. Những cây nến này thì không liên tục mà có sự ngắt quãng. Dấu hiệu đảo ngược ngắn này có tầm quan trọng nhiều hơn khi những cây nến này hình thành nên mẫu hình khác. Chúng có thể được tạo nên từ nhiều thân nến thực sự, nhiều cái bắc (bóng mờ), và/hoặc nhiều Doji.

Dỉnh nhíp - Tweezer top

Hai hoặc nhiều cây nến có các đỉnh bằng nhau. Chúng có thể được tạo nên từ nhiều thân nến thực sự, nhiều cái bắc, và/hoặc nhiều Doji. Điều này xảy ra ở những cây nến liên tục hoặc là gần nhau. Dấu hiệu đảo ngược ngắn này có tầm quan trọng nhiều hơn khi các cây nến này hình thành nến mẫu hình khác.

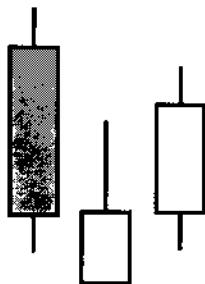
Những mẫu hình nến đỉnh và đáy nhíp là những dấu hiệu đảo ngược xu hướng rất tốt. Những cái bắc hay những thân nến phải ở cùng một mức giá. Hãy xem xét 2 loại đáy và đỉnh nhíp.



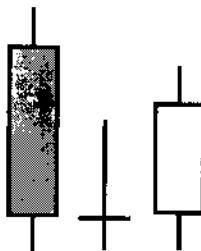
Ngôi sao ban mai - Morning star - dấu hiệu sự đảo ngược xu hướng đầu cơ giá tăng

Một ngôi sao ban mai là một mẫu hình gồm 3 cây nến đầu cơ giá lên. Cây nến đầu tiên có thân nến màu đỏ cao, cây nến thứ hai có thân nến nhỏ hơn (màu đỏ hoặc xanh), cây nến thứ hai này có một khe hở phía dưới thân nến thứ nhất và cây nến thứ ba là một cây nến màu xanh cao, mà giá đóng cửa ít nhất là 50% so với cây nến màu đỏ (cây nến thứ nhất). Tuy nhiên, không có khe hở ở đây bởi vì các cây nến giao dịch trong ngày không thường xuyên cách nhau, nó vẫn còn được coi là ngôi sao ban mai.

Ngôi sao ban mai thị trường đầu cơ giá lên



Ngôi sao Doji ban mai thị trường đầu cơ giá lên

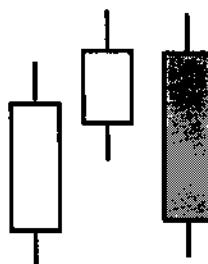


Ngôi sao ban chiều - Evening star – dấu hiệu sự đảo ngược xu hướng đầu cơ giá xuống

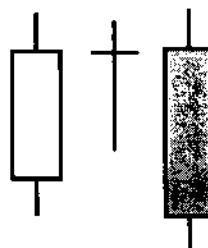
Mẫu hình ba cây nến trong một xu hướng giá lên. Cây nến đầu tiên là một cây nến cao màu xanh. Cây nến thứ hai là một cây nến nhỏ hơn

(màu đỏ hoặc xanh), cây nến này có khe hở ở phía trên so với cây nến trước đó, và cây nến thứ ba là cây nến cao có màu đỏ và giá đóng cửa ít nhất là 50% cây nến đầu tiên.

Ngôi sao ban chiều thị trường đầu cơ giá xuống

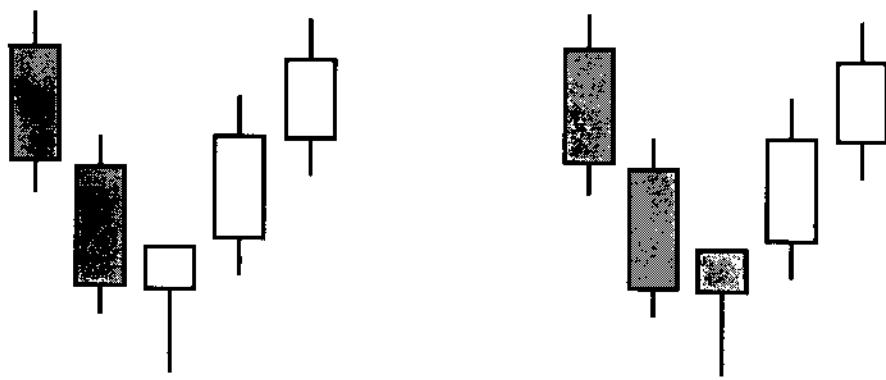


Ngôi sao Doji ban chiều thị trường đầu cơ giá xuống

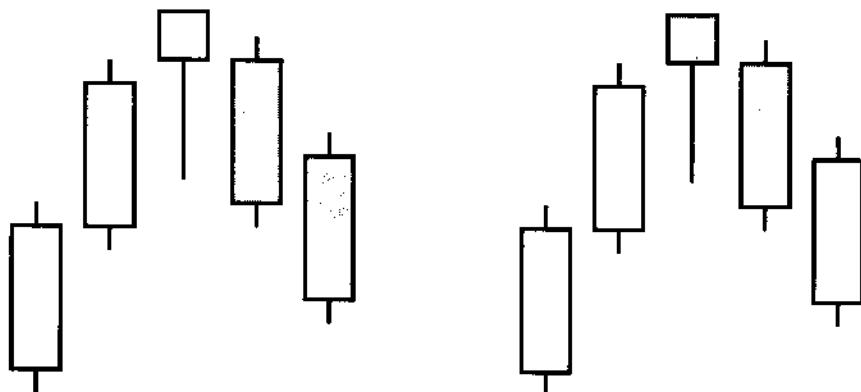


Cây búa – Hammer – đầu cơ giá lên sau một sự suy giảm giá đáng kể

Một dấu hiệu của sự đảo ngược xu hướng. Cây búa được nhận dạng bởi một thân nhỏ (nghĩa là giá mở cửa và giá đóng cửa có một khoảng cách nhỏ). Cận dưới mờ kéo dài ít nhất gấp 2 lần độ dài của thân nến (có nghĩa là mức giá thấp thì thấp hơn nhiều mức giá mở cửa, giá cao nhất, giá đóng cửa). Thân nến có thể có bất kỳ màu gì. Cây búa cần một cây nến xác nhận trước khi chúng ta hành động theo nó, chúng ta cần để xem một mức giá đóng cửa trên giá đóng cửa.

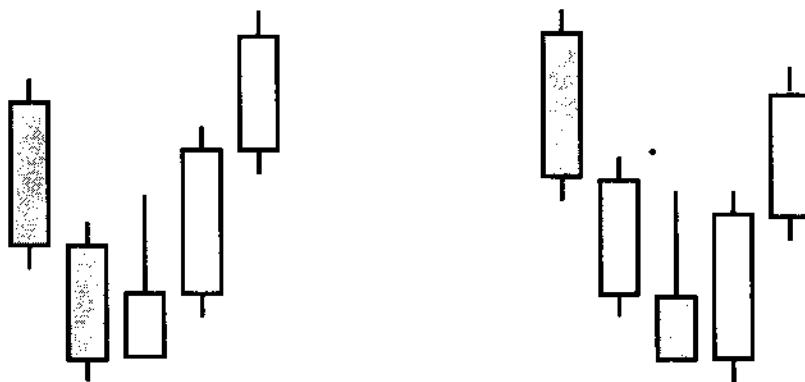


Đây là một đường đầu cơ giá lên nếu nó xảy ra sau một xu hướng giảm giá mạnh. Nếu nó xảy ra sau một đường xu hướng giá lên, nó được gọi là Hanging Man. Hanging Man cũng có dạng hình cây búa, nghĩa là có một thân nến nhỏ (có màu đen hoặc màu trắng) gần với giá cao, một bóng mờ cận dưới dài gấp hai hoặc ba lần thân nến, có thể có ít hoặc không có cận trên. Đây là những đường đầu cơ giá xuống nếu chúng xảy ra sau một xu hướng tăng giá mạnh.



Cây búa đảo ngược (Inverted Hammer) đầu cơ giá lên ở đáy của xu hướng

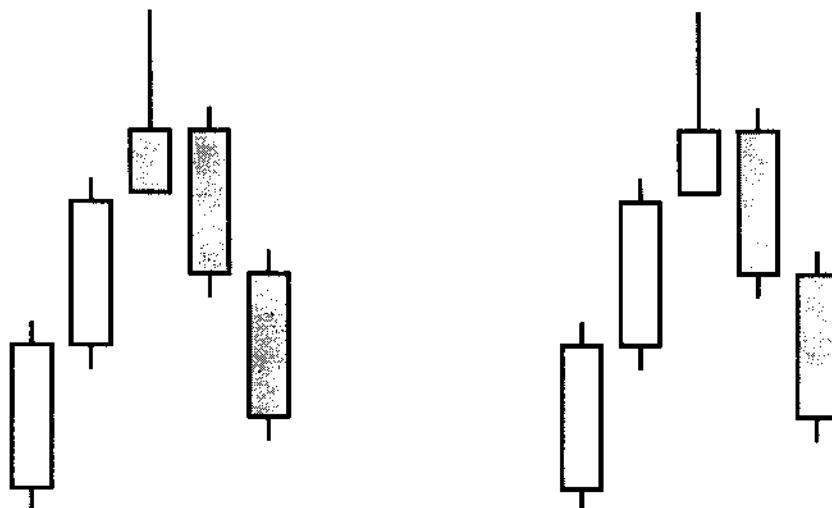
Chờ đợi một cây nến băng chứng đầu cơ giá lên trước khi hành động



Sao băng - Shooting star – đầu cơ giá xuống tại đỉnh của xu hướng

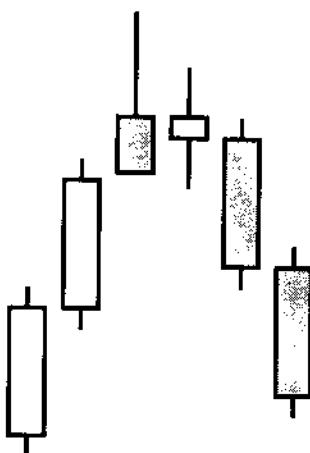
Một sao băng có thể đánh dấu một cái đỉnh và nó thường được kiểm tra lại. Mẫu hình này là một chi dẩn đảo ngược ngắn sau một xu hướng tăng (cận trên dài mờ là đầu cơ giá xuống khi các mức giá cao hơn bị loại bỏ). Thân của ngôi sao xuất hiện gần với mức giá thấp và đường có cận trên mờ dài.

Sao băng (sao băng là cây nến đỉnh) – cây búa đảo ngược

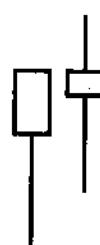


Thỉnh thoảng một mẫu hình với 4 cây nến xảy ra. Chúng bao gồm một cây nến thêm vào như một doji hay là một đỉnh xoay vòng. Khi điều này xảy ra mẫu hình trở nên mạnh hơn và đáng tin cậy hơn. Cũng tại nơi mà một cây búa xảy ra cùng chung với một đỉnh xoay vòng hoặc doji, thì kết quả sẽ đáng tin cậy hơn và mạnh hơn.

Sao băng với đỉnh xoay vòng



Cây búa và đỉnh xoay vòng

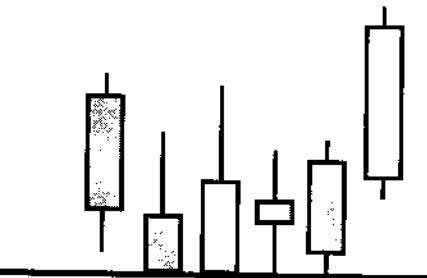
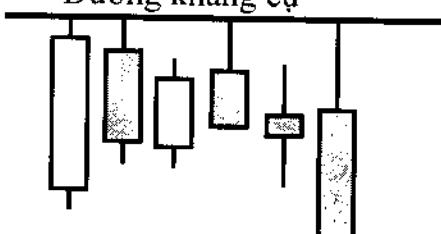


Các mẫu hình bắc bỏ đầu cơ giá lên và đầu cơ giá xuống

Các mẫu hình bắc bỏ đầu cơ giá lên và đầu cơ giá xuống là các mẫu hình đảo ngược xu hướng và xảy ra cùng chung với đường chống đỡ và đường kháng cự. Khi giá chứng khoán có xu hướng bứt phá đường chống đỡ hoặc đường kháng cự và phá vỡ nó đã bị loại bỏ mức giá đó và đảo ngược xu hướng.

Bắc bỏ đầu cơ giá xuống

Đường kháng cự



Bắc bỏ đầu cơ giá lên

Có rất nhiều sự kết hợp các mẫu hình nến. Chúng tôi chỉ lựa chọn một vài mẫu hình mà chúng hoạt động có hiệu quả đối với chúng tôi và chúng tôi cũng đã giới hạn số lượng để giữ cho mọi thứ trở nên đơn giản.

Tiếp theo phần này là một số đồ thị mà chúng minh họa các mẫu hình nến trong các hình mẫu khác nhau.



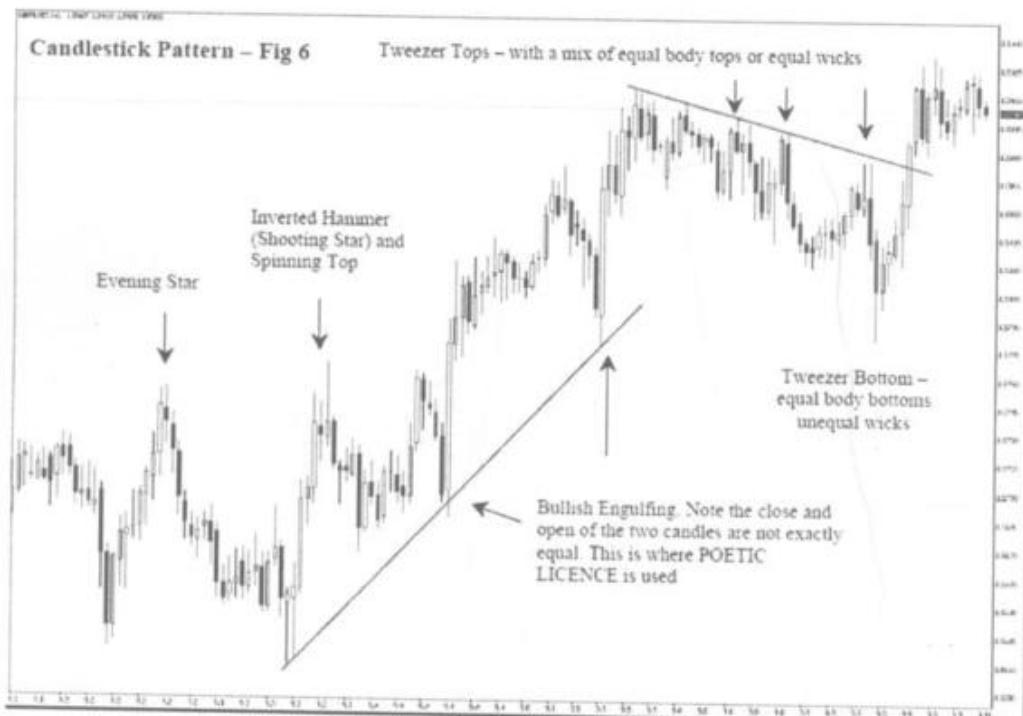




Candlesticks – Fig. 4



Candlesticks – Fig. 5



LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOTT

Quan cảnh lịch sử

Vào năm 1938, một công trình nghiên cứu lần đầu tiên được công bố có tựa đề “Nguyên tắc sóng – The Wave Principle”, liên quan đến những gì được biết đến như là nguyên tắc sóng Elliott. Công trình nghiên cứu do Charles J.Collins công bố và dựa trên tác phẩm ban đầu được thể hiện bởi người tìm ra nguyên tắc sóng, Ralph Nelson (R.N.) Elliott.

Elliott chịu nhiều ảnh hưởng của lý thuyết Dow, lý thuyết Dow có nhiều điểm chung với nguyên tắc sóng. Năm 1934 một lá thư gửi đến Collins, Elliott đã đề cập rằng ông ta đã đăng ký đến dịch vụ thị trường chứng khoán của Robert Rhea và đã quen thuộc với quyển sách của Rhea trong lý thuyết Dow. Elliott tiếp tục nói rằng nguyên tắc sóng là “một sự bổ sung rất cần thiết cho lý thuyết Dow”.

Vào năm 1946, hai năm trước khi ông mất, Elliott đã viết tác phẩm cuối cùng của mình dựa trên nguyên tắc sóng, “*Luật của tự nhiên – Bí quyết của vạn vật – Nature's law – The secret of the universe*”.

Ý tưởng của Elliott có thể đã bị biến mất theo trí nhớ nếu như A.Hamilton Boltom đã không quyết định phát hành phần bổ sung sóng Elliott đến nhà phân tích tín dụng ngân hàng vào năm 1953, hằng năm ông ta đã phát hành cho đến 14 năm, mãi cho đến khi ông ta chết vào năm 1967. Vào năm 1978, A.J. Frost đã chuyển những phần bổ sung sóng Elliott và đã cộng tác với Robert Prechter trong tác phẩm “Nguyên

310 Phân tích kỹ thuật

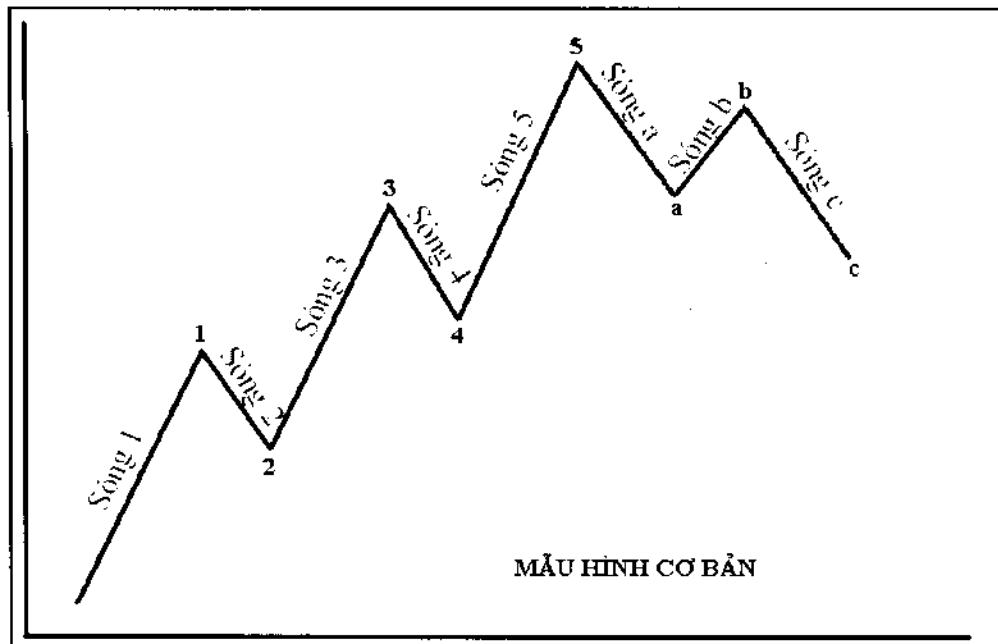
tắc sóng Elliott – Elliott Wave Principle". Phần lớn các biểu đồ trong chương này đã làm giảm bớt quyền sách của Prechter và Frost. Prechter đã tiến một bước dài và đã xuất bản tác phẩm "những công việc chính của R.N. Elliott – The Major works of R.N. Elliott", có thể làm nên nguồn gốc tác phẩm sóng Elliott mà đã từng không được xuất bản trong thời gian dài.

Những nguyên lý cơ bản của nguyên tắc sóng Elliott

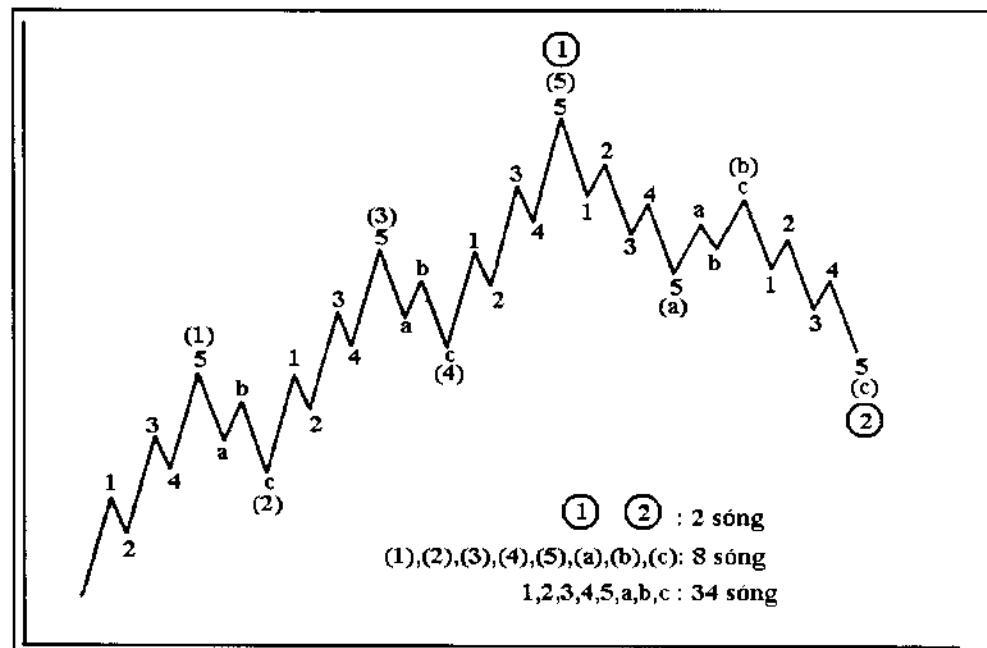
Có ba khía cạnh quan trọng của lý thuyết sóng – mẫu hình, tỷ lệ và thời gian – theo thứ tự quan trọng. Mẫu hình ám chỉ đến những mô hình sóng bao gồm các yếu tố quan trọng nhất của lý thuyết. Phân tích tỷ lệ là hữu ích trong việc xác định những điểm thoái lùi và những mức giá mục tiêu bằng cách đo lường những mối quan hệ giữa những sóng khác nhau. Cuối cùng, những mối quan hệ thời gian cũng tồn tại và có thể được sử dụng để xác định những mẫu hình sóng và tỷ lệ sóng, nhưng một vài nhà nghiên cứu sóng Elliott xem xét chúng ít tin cậy hơn trong việc dự báo thị trường.

Trước tiên, lý thuyết sóng Elliott chuyên tâm vào danh mục thị trường chứng khoán chính, cụ thể là danh mục Dow Jones. Hình thức cơ bản nhất của lý thuyết, lý thuyết nói lên rằng thị trường chứng khoán cho phép nhịp điệu lặp đi lặp lại của năm sóng tiền được theo sau bởi ba sóng lùi. Hình 11.1 cho thấy chu kỳ đầy đủ đó. Nếu chúng ta đếm những sóng, chúng ta sẽ tìm thấy rằng một chu kỳ đầy đủ có 8 sóng – 5 sóng tăng và 3 sóng giảm. Trong phần tăng của chu kỳ, chú ý rằng mỗi một sóng trong 5 sóng được đánh số. Các sóng 1, 3 và 5 - được gọi là "sóng đầy" – là những sóng tăng, trong khi đó những sóng 2 và 4 dịch chuyển ngược chiều xu hướng lên. Sóng 2 và 4 được gọi là những sóng "hiệu chỉnh" bởi vì chúng hiệu chỉnh các sóng 1 và 3. Sau 5 sóng được đánh số tăng đầy đủ thì 3 sóng hiệu chỉnh sẽ bắt đầu. 3 sóng hiệu chỉnh được xác định bởi các ký tự a, b và c.

Hình 11.1: Mẫu hình cơ bản



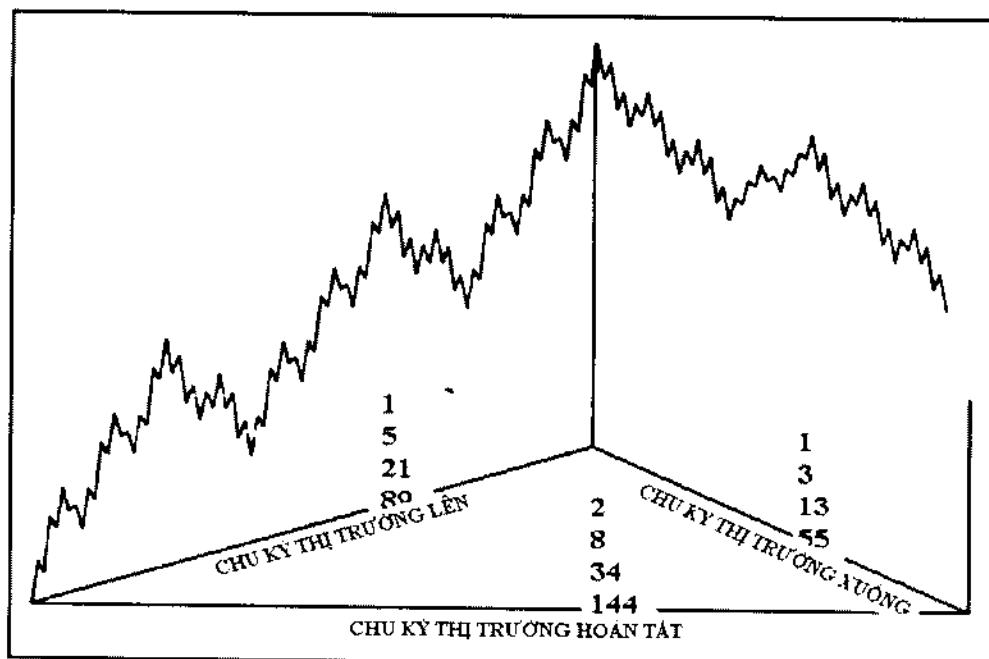
Hình 11.2:



Cùng với hình thức bất biến của những sóng khác nhau, có điều quan trọng cần xem xét mức độ của sóng. Có nhiều mức độ khác nhau của xu hướng. Thật ra, Elliott đã phân loại 9 mức độ khác nhau của xu hướng (hoặc là cường độ) phạm vi từ chu kỳ chính yếu khoảng 2 trăm năm đến mức độ một vài phút bao phủ chỉ vài giờ. Điểm để nhớ là chu kỳ 8 sóng cơ bản vẫn không thay đổi bất kể mức độ của xu hướng đã được nghiên cứu.

Mỗi sóng sẽ chia nhỏ ra nhiều sóng với cường độ thấp hơn, thậm chí, lần lượt cũng có thể phân chia ra những sóng với mức độ thấp hơn. Nó cũng cho phép mỗi một sóng là một phần của mức độ sóng cao hơn kế tiếp. Hình 11.2 giải thích những mối quan hệ này. Hai sóng lớn nhất – 1 và 2 – có thể được phân chia thành 8 sóng nhỏ hơn, thậm chí lần lượt có thể phân chia thành 34 sóng nhỏ hơn. Hai sóng lớn nhất – 1 và 2 – chỉ là hai sóng đầu tiên trong 5 đợt sóng lên lớn hơn. Sóng 3 của mức độ cao hơn kế tiếp gần như bắt đầu. 34 sóng trong hình 11.2 được phân chia thêm nữa thành những mức độ nhỏ hơn kế tiếp trong hình 11.3, dẫn đến 144 sóng.

Hình 11.3: Chu kỳ thị trường đầy đủ



Cho đến bây giờ những số thể hiện 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144 – không chỉ là những con số ngẫu nhiên. Chúng là một phần của dãy số Fibonacci, dãy số này là hình thức toán học cơ bản đối với lý thuyết sóng Elliott. Chúng ta sẽ quay trở lại chúng sau này, bây giờ hãy nhìn vào những hình 11.1 đến 11.3 và chú ý một đặc tính rất quan trọng của những đợt sóng. Có hay không một sóng đã cho sẽ phân chia thành 5 sóng hoặc 3 sóng được xác định bởi hướng sóng lớn hơn tiếp theo. Chẳng hạn, trong hình 11.2, những sóng (1), (3) và (5) phân chia thành 5 sóng bởi vì sóng lớn hơn tiếp theo của chúng một phần – sóng 1 – là sóng tiền. Bởi vì những sóng (2) và (4) dịch chuyển ngược lại xu hướng, chúng chỉ được phân chia thành 3 sóng. Trong có vẻ gần gũi ở các sóng hiệu chỉnh (a), (b) và (c), những sóng này bao gồm sóng 2 hiệu chỉnh lớn hơn. Chú ý rằng hai sóng giảm – (a) và (c) – mỗi sóng được tách thành 5 sóng. Đây là một lý do mà chúng dịch chuyển cùng hướng với sóng 2 lớn hơn tiếp theo. Sóng (b) là sóng tương phản nên chỉ có 3 sóng bởi vì nó dịch chuyển ngược lại với sóng 2 lớn hơn kế tiếp.

Rõ ràng để có thể xác định giữa 3 và 5 là điều hết sức quan trọng trong việc áp dụng phương pháp này. Thông tin đó đã nói lên nhà phân tích mong đợi điều gì tiếp theo. Chẳng hạn, một sự dịch chuyển 5 sóng đầy đủ thường mang ý nghĩa chỉ một phần của một sóng lớn hơn đã hình thành và điều đó có nhiều sóng đến hơn (trừ phi nó là một sóng thứ 5 của sóng thứ 5). Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất để nhớ là một sóng hiệu chỉnh không bao giờ có thể xảy ra 5 sóng. Chẳng hạn, trong một thị trường giá lên, nếu một sự sụt giảm 5 sóng thì điều này có nghĩa là nó chỉ có thể là sóng đầu tiên của một đợt 3 sóng giảm (a, b, c) và điều đó có nhiều sóng đến hơn bên dưới. Trong một thị trường giá xuống, một đợt 3 sóng lên nên được theo sau bởi sự bắt đầu lại của một xu hướng giảm. Một sự phục hồi 5 sóng có thể báo trước một sự dịch chuyển đáng kể hơn đến phần trên và thậm chí có thể sóng đầu tiên của một xu hướng tăng giá mới.

Mối quan hệ giữa lý thuyết Dow và sóng Elliott

Rõ ràng ở đây có mối quan hệ giữa ý tưởng 5 sóng lên của Elliott và 3 giai đoạn tăng giá của thị trường giá lên của Dow. Rõ ràng rằng dường như ý tưởng của Elliott về 3 sóng lên, với hai sóng hiệu chỉnh xen vào, thật phù hợp với lý thuyết Dow. Trong khi Elliot không ngờ sự ảnh hưởng bởi việc phân tích của lý thuyết Dow, rõ ràng, dường như Elliott đã tin rằng mình đã vượt ra ngoài lý thuyết của Dow và thật ra ông ta đã hoàn thiện lý thuyết Dow. Điều đáng quan tâm để lưu ý sự ảnh hưởng của sóng biển vào trong công thức của những lý thuyết của cả hai ông. Dow so sánh các xu hướng chính, thứ cấp, nhỏ trên thị trường với những đợt thủy triều, những đợt sóng và những gợn sóng trên đại dương. Elliott ám chỉ đến “những đợt dao động thường xuyên” trong tác phẩm của mình và đã đặt tên lý thuyết của mình là nguyên tắc “sóng”.

Những sóng hiệu chỉnh

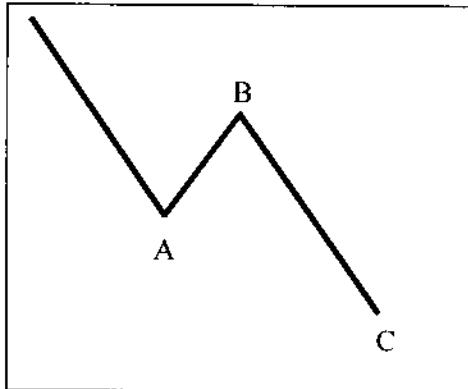
Phần lớn chúng ta đã nói về những sóng đẩy hướng đến xu hướng chính. Nay giờ chúng ta hãy quay lại ý định của mình về những sóng hiệu chỉnh. Nói chung, những sóng hiệu chỉnh rõ ràng ít được xác định hơn và dẫn đến xu hướng khó khăn hơn để nhận biết và dự báo. Tuy nhiên, một điều rõ ràng được xác định là những sóng hiệu chỉnh có thể không bao giờ xảy ra trong 5 sóng. Những sóng hiệu chỉnh có 3 sóng, không bao giờ là 5 sóng (ngoại trừ hình tam giác). Chúng ta sẽ xem xét 3 sự phân loại của sóng hiệu chỉnh – những sóng hiệu chỉnh zig-zag, phẳng và hình tam giác.

Sóng hiệu chỉnh zig-zag

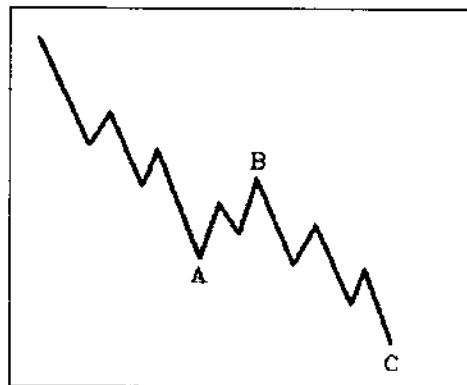
Một sóng hiệu chỉnh zig-zag là một mô hình hiệu chỉnh 3 sóng, ngược lại với xu hướng chính, chúng tách ra thành chuỗi 5-3-5. Hình 11.4 và hình 11.5 cho thấy một sóng hiệu chỉnh zig-zag trên thị trường giá lên, trong

khi một sự phục hồi thị trường giá xuống đã cho thấy trong hình 11.6 và hình 11.7. Chú ý rằng sóng ở giữa B không đạt tới điểm bắt đầu của sóng A và sóng C dịch chuyển hướng đến sự kết thúc của sóng A.

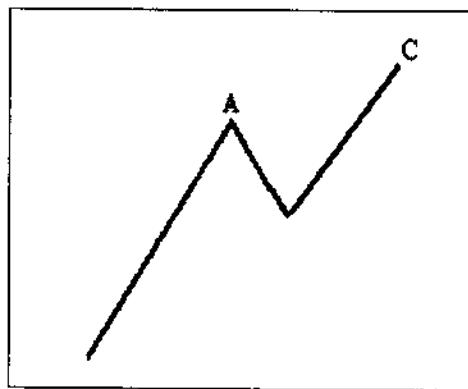
Hình 11.4: Sóng hiệu chỉnh zig-zag trong thị trường giá lên (5-3-5)



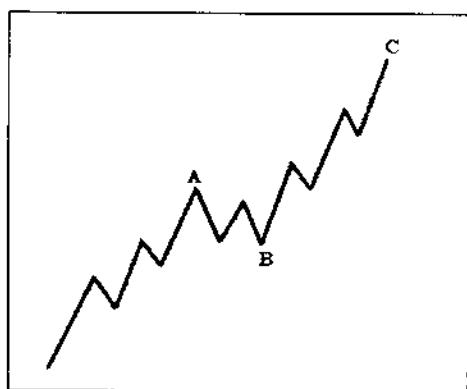
Hình 11.5: Sóng hiệu chỉnh zig-zag trong thị trường giá lên (5-3-5)



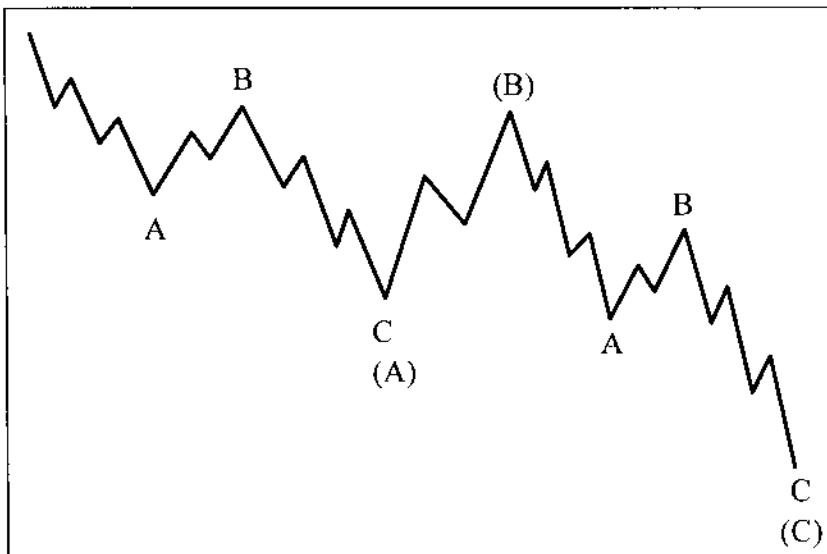
Hình 11.6: Sóng hiệu chỉnh zig-zag trong thị trường giá xuống (5-3-5)



Hình 11.7: Sóng hiệu chỉnh zig-zag trong thị trường giá xuống (5-3-5)



Một sự thay đổi ít phô biến của sóng hiệu chỉnh zig-zag là sự nhân đôi sóng zig-zag thể hiện trong hình 11.8. Thỉnh thoảng sự khác nhau này xảy ra trong những mẫu hình hiệu chỉnh lớn hơn. Thật ra, hai mẫu hình zig-zag khác nhau 5-3-5 được kết nối bởi một mẫu hình xen giữa a-b-c.

Hình 11.8: Sóng zig-zag nhân đôi

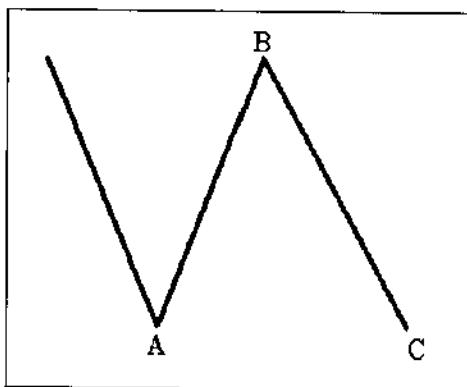
Sóng hiệu chỉnh phẳng - Flats

Điều gì giúp phân biệt sóng hiệu chỉnh phẳng với sóng hiệu chỉnh zig-zag, đó chính là sóng hiệu chỉnh phẳng theo sau một mẫu hình 3-3-5. Chú ý trong hình 11.10 và 11.12, sóng A là sóng 3 thay vì sóng 5. Nói chung, sóng hiệu chỉnh phẳng là một sóng củng cố hơn là sóng hiệu chỉnh, và được xem như là một dấu hiệu vững chắc trong một thị trường giá lên. Hình 11.9 đến hình 11.12 thể hiện những ví dụ của sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường. Chẳng hạn, trong một thị trường giá lên, sóng B phục hồi tất cả khoảng cách đến đỉnh của sóng A, thể hiện sự bền vững thị trường lớn hơn. Cuối cùng, sóng C giới hạn tại hoặc điều chỉnh dưới mức đáy của sóng A, tương phản với sóng hiệu chỉnh zig-zag, sóng hiệu chỉnh zig-zag là sóng dịch chuyển dưới mức sóng A.

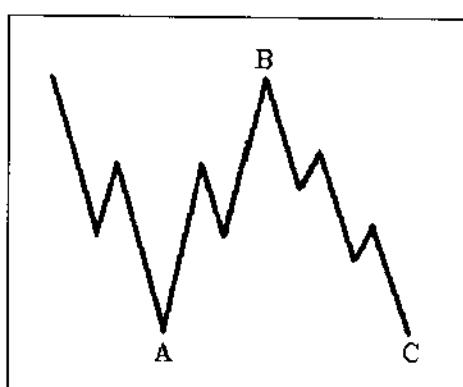
Có hai sự khác biệt bắt thường của sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường. Hình 11.13 đến hình 11.16 cho thấy kiểu khác biệt đầu tiên. Chú ý trong ví dụ thị trường giá lên (hình 11.13 và 11.14) rằng đỉnh của sóng B vượt quá đỉnh của sóng A và sóng C phạm vào phần đáy của sóng A.

Sự khác biệt khác xảy ra khi sóng B đạt được mức đỉnh của sóng A nhưng sóng C trở nên yếu đi để đạt phần đáy của sóng A. Đương nhiên, mẫu hình sau này biểu hiện sức mạnh thị trường lớn hơn trong một thị trường giá lên. Sự khác biệt này được thể hiện trong hình 11.17 đến hình 11.20 đối với thị trường giá lên và thị trường giá xuống.

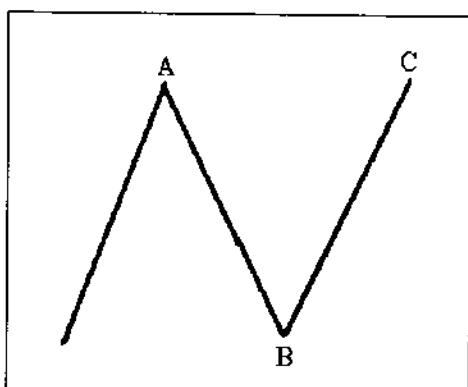
Hình 11.9: Sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường trong thị trường giá lên (3-3-5)



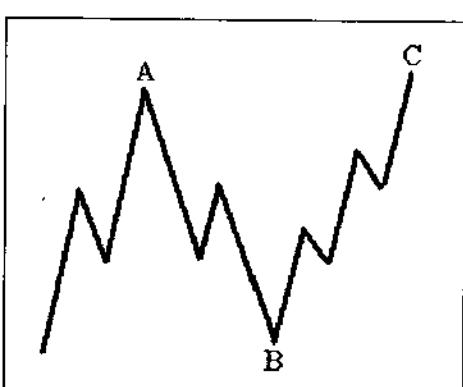
Hình 11.10: Sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường trong thị trường giá lên (3-3-5)



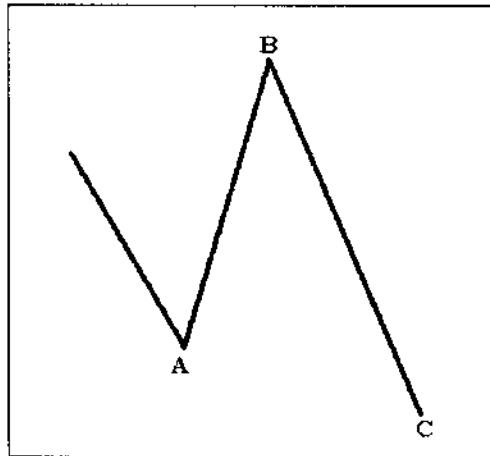
Hình 11.11: Sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường trong thị trường giá xuống (3-3-5)



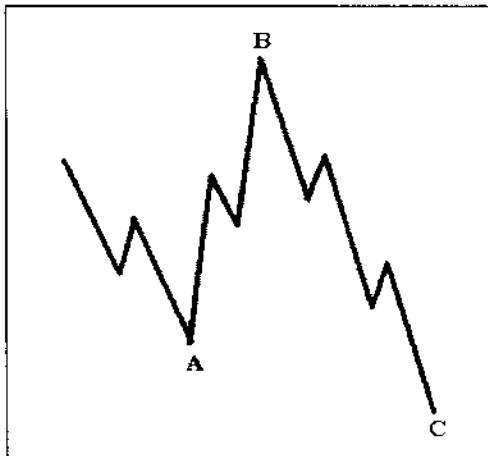
Hình 11.12: Sóng hiệu chỉnh phẳng thông thường trong thị trường giá xuống (3-3-5)



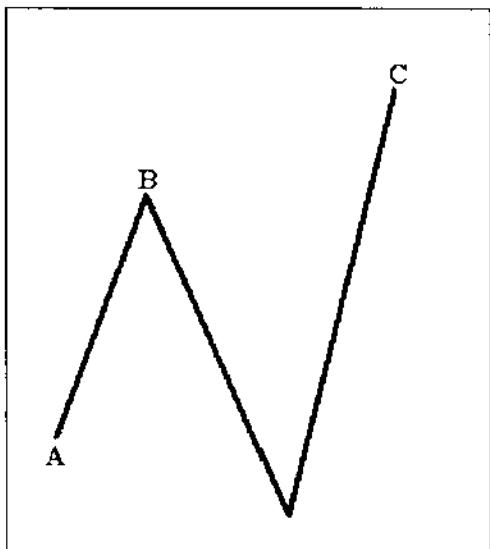
Hình 11.13 Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” trong thị trường giá lên (3-3-5)



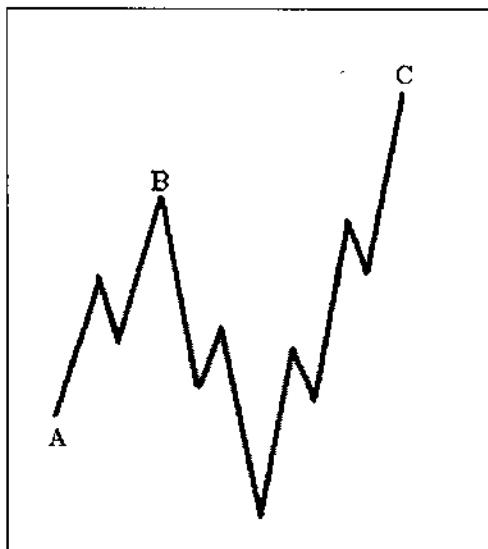
Hình 11.14: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” trong thị trường giá lên (3-3-5)



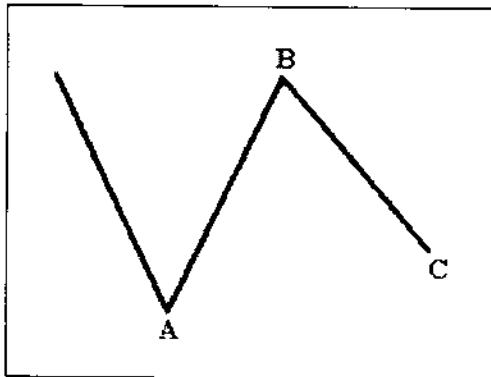
Hình 11.15: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” trong thị trường giá xuống (3-3-5)



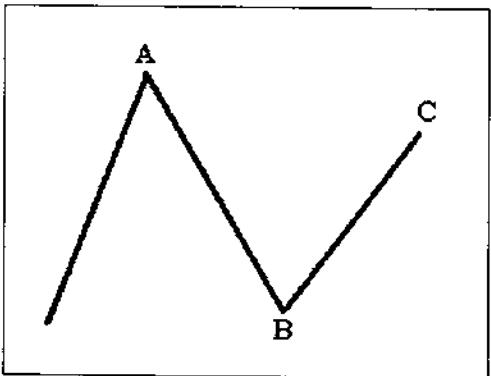
Hình 11.16: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” trong thị trường giá xuống (3-3-5)



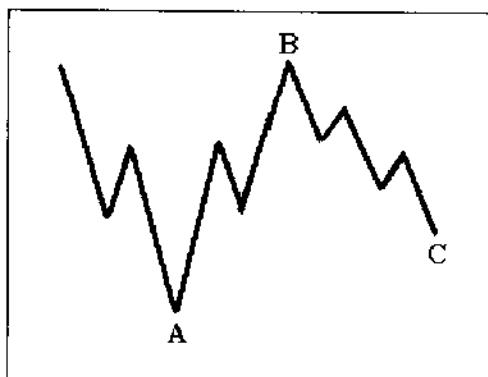
Hình 11.17: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” được đảo ngược trong thị trường giá lên (3-3-5)



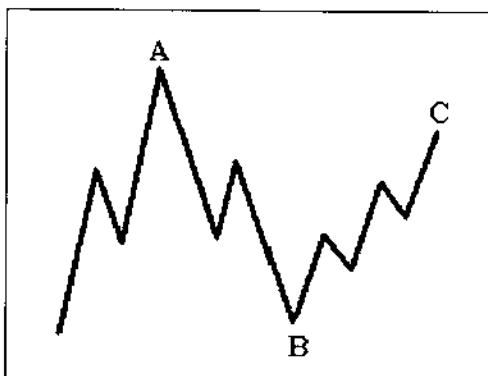
Hình 11.19: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” được đảo ngược trong thị trường giá xuống (3-3-5)



Hình 11.18: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” được đảo ngược trong thị trường giá lên (3-3-5)



Hình 11.20: Sóng hiệu chỉnh phẳng “bất thường” được đảo ngược trong thị trường giá xuống (3-3-5)



Sóng hiệu chỉnh hình tam giác - Triangles

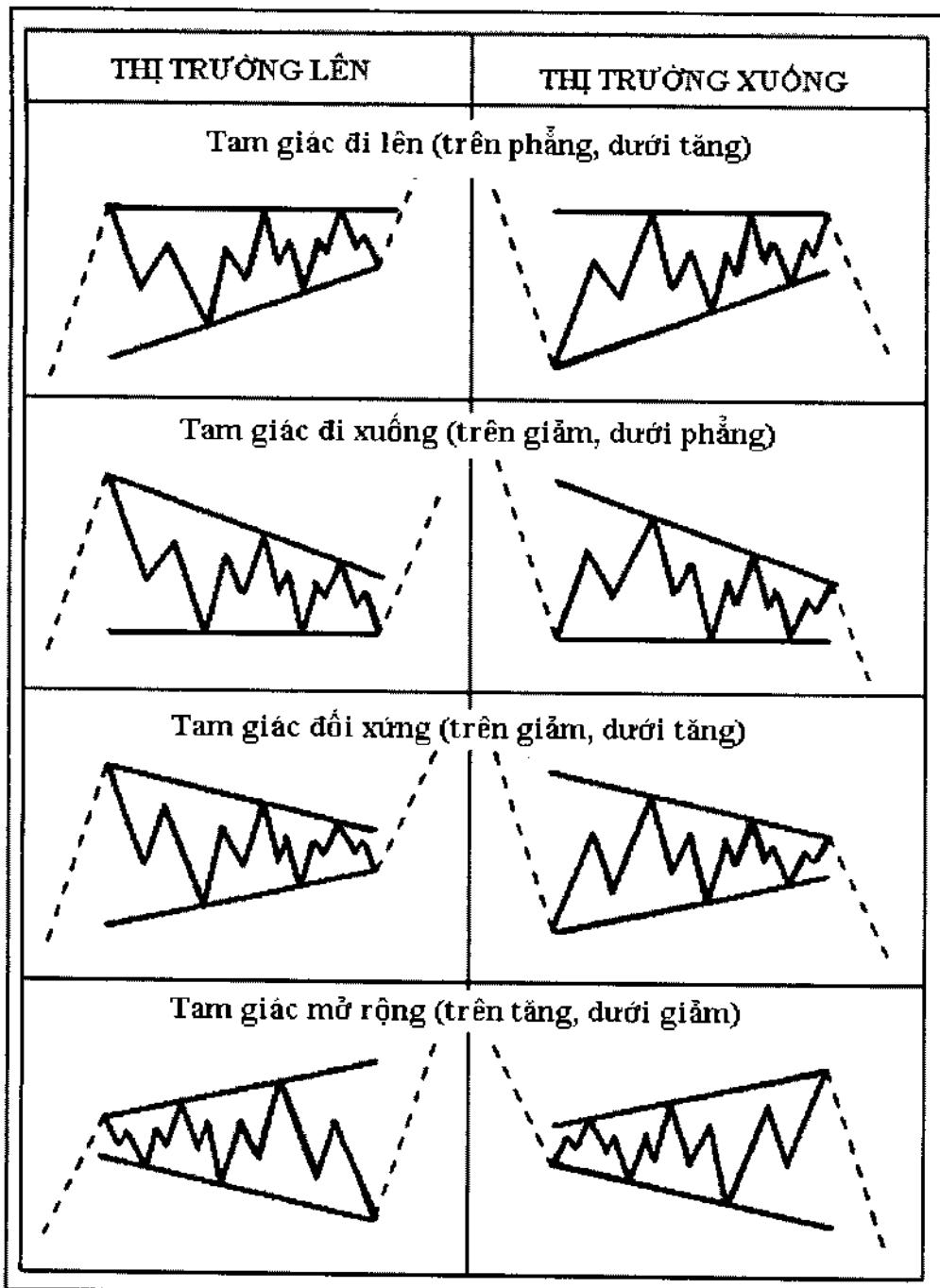
Sóng hiệu chỉnh hình tam giác thường xảy ra trong sóng thứ 4 và thứ tự sự dịch chuyển cuối cùng hướng về xu hướng chính. (Chúng cũng có thể xuất hiện trong sóng b của sóng hiệu chỉnh a-b-c). Do đó, trong một xu hướng lên, có thể nói lên rằng, những sóng hiệu chỉnh hình tam giác bao gồm cả thị trường giá lên và thị trường giá xuống. Những sóng hiệu

chinh hình tam giác là thị trường giá lên trong khả năng mà những sóng này chỉ bắt đầu lại xu hướng lên. Những sóng hiệu chinh hình tam giác là thị trường giá xuống bởi vì những sóng này cũng chỉ ra rằng sau một đợt sóng lên, giá sẽ có khả năng ở mức cao điểm (xem hình 11.21).

Việc giải thích của Elliott về hình tam giác tương đương với giá trị kinh điển của mẫu hình, nhưng thường không thêm phần chính xác. Nhớ rằng trong chương 6, sóng hiệu chinh hình tam giác thường là một mẫu hình mở rộng, chính xác chúng là những gì mà Elliott đã đề cập. Sóng hiệu chinh hình tam giác của Elliott là một mẫu hình hợp nhất các đường ngang mà nó tách thành 5 sóng, mỗi sóng lần lược có 3 sóng. Elliott cũng phân thành 4 loại khác nhau của những hình tam giác – đi lên, đi xuống, đối xứng và mở rộng – tất cả những loại hình tam giác này xem trong chương 6. Hình 11.21 thể hiện 4 loại khác nhau trong cả hai xu hướng lên và xuống.

Thỉnh thoảng bởi vì những mẫu hình đồ thị trong các hợp đồng giao sau hàng hóa không phải hình thức đầy đủ bằng như trên thị trường chứng khoán, không mấy làm lạ đối với những sóng hình tam giác trong những thị trường giao sau chỉ có 3 sóng thay vì 5 sóng. (Tuy nhiên, nên nhớ rằng, nhu cầu tối thiểu đối với một hình tam giác vẫn là 4 điểm – 2 trên và 2 dưới – cho phép vẽ 2 đường xu hướng hội tụ.) Lý thuyết sóng Elliott cũng đề cập rằng sóng thứ 5 và sau cùng trong phạm vi hình tam giác đối khi phá vỡ đường xu hướng, đưa ra một dấu hiệu nhầm lẫn, trước khi bắt đầu sự “đột phá” theo xu hướng ban đầu.

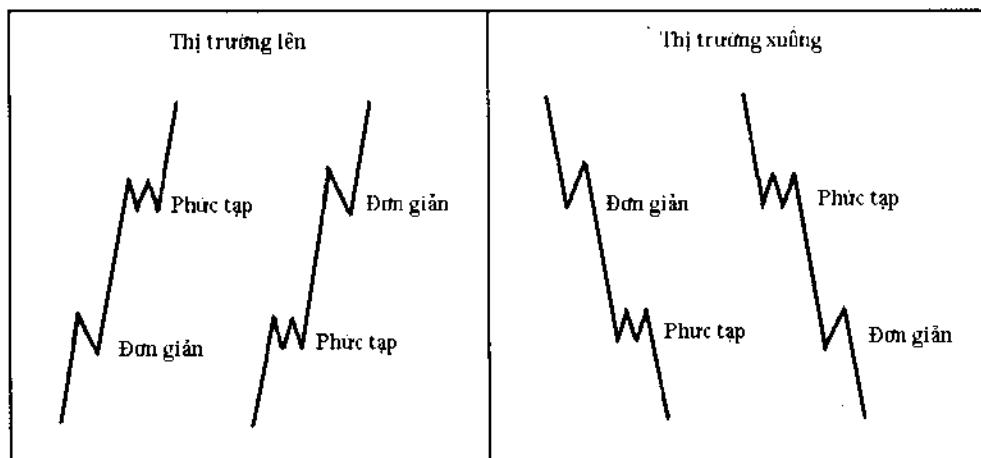
Việc đo lường của Elliott đối với sóng thứ 5 và cuối cùng sau khi hoàn thành hình tam giác là cần thiết giống như trong phân loại đồ thị - đó là, thị trường được mong đợi dịch chuyển khoảng cách mà đạt được phần rộng nhất của hình tam giác (điểm cao nhất của nó). Có một điểm đáng lưu ý khác ở đây liên quan đến thời gian đỉnh và đáy của sóng cuối cùng. Theo Prechter, đỉnh của hình tam giác (điểm mà tại đó hai đường xu hướng hội tụ gặp nhau) thường đánh dấu thời gian đối với sự hoàn thành của sóng thứ năm cuối cùng.

Hình 11.21: Những sóng hiệu chỉnh hình tam giác

Nguyên tắc của sự xen kẽ

Nhìn chung, nguyên tắc này dễ cập thị trường thường không bao giờ hành động giống nhau hai lần liên tục. Nếu một mô hình đỉnh và đáy chắc chắn đã xảy ra xoay quanh thời gian cuối cùng, nó sẽ có khả năng không lặp lại điều này một lần nữa. Nguyên tắc của sự xen kẽ không nói cho chúng ta chính xác những gì sẽ xảy ra, nhưng lại nói cho chúng ta biết khả năng sẽ không xảy ra. Trong trường hợp cụ thể hơn, nguyên tắc này nhìn chung thường nói cho chúng ta loại mẫu hình hiệu chỉnh nào mong đợi. Những mẫu hình hiệu chỉnh có khuynh hướng luân phiên nhau. Nói cách khác, nếu sóng hiệu chỉnh 2 là một mẫu hình đơn giản a-b-c, sóng 4 sẽ có khả năng là một mẫu hình phức tạp, chẳng hạn như một hình tam giác. Ngược lại, nếu sóng 2 là sóng phức tạp thì sóng 4 sẽ có khả năng là sóng đơn giản. Hình 11.22 cho thấy một ví dụ này.

Hình 11.22: Nguyên tắc của sự xen kẽ

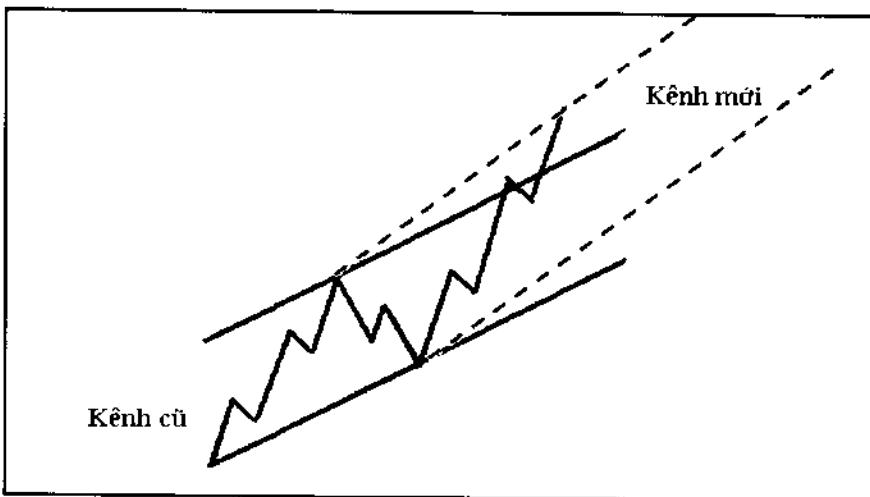


Hệ thống kênh – Channeling

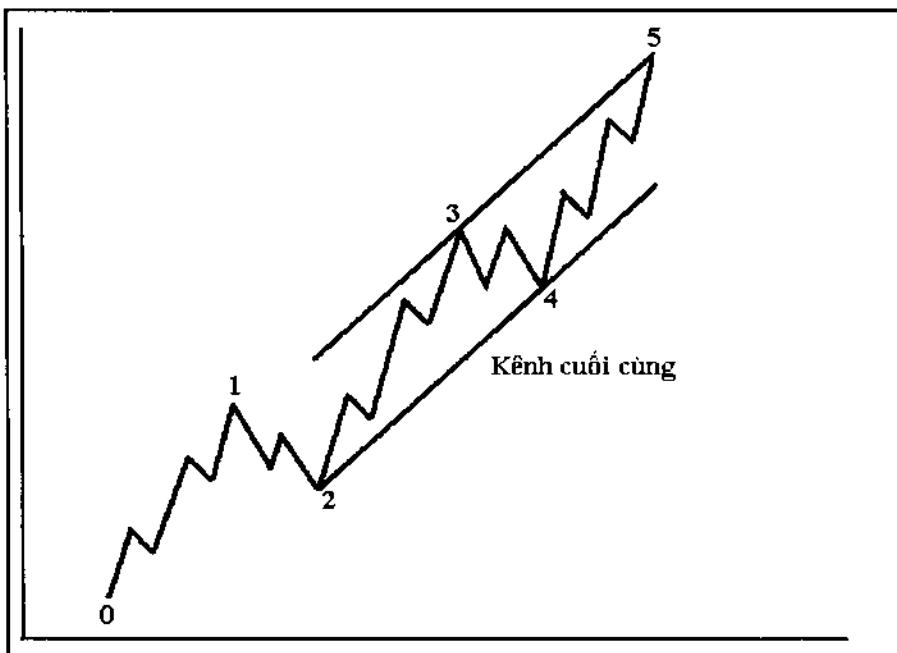
Một khía cạnh quan trọng khác của lý thuyết sóng là tính hữu ích của hệ thống đường kênh giá. Bạn sẽ nhớ lại chúng ta đã đề cập xu hướng hệ thống kênh trong chương 4. Elliott sử dụng những kênh giá như là một

phương pháp để đạt được các mức giá mục tiêu và cũng giúp xác định số lượng sóng hoàn thành. Một lần nữa, một xu hướng lên đã được thiết lập, một kênh xu hướng ban đầu được dựng lên bằng cách vẽ một đường xu hướng lên cơ bản từ những đáy của sóng 1 và 2. Một đường rạch song song được vẽ sau đó lên trên đỉnh của sóng 1 như đã thể hiện trong hình 11.23. Toàn bộ xu hướng lên thông thường sẽ không đỡ trong phạm vi hai đường ranh giới này.

Hình 11.23: Những đường kênh mới và cũ



Nếu sóng 3 bắt đầu nhanh chóng đến **điểm** mà nó vượt quá đường rạch phía trên, những đường này phải vẽ lại hướng lên đỉnh của sóng 1 và đáy của sóng 2 như đã thể hiện trong hình 11.23. Đường rạch cuối cùng được vẽ ở dưới hai sóng hiệu chỉnh – 2 và 4 – và thường ở trên đỉnh của sóng 3 như đã thể hiện trong hình 11.24. Nếu sóng 3 cực kỳ mạnh, hoặc một sóng kéo dài, đường phía trên có thể phải vẽ lên trên đỉnh của sóng 1. Sóng thứ 5 sẽ gần đến đường rạch phía trên trước khi kết thúc....

Hình 11.24: Đường kênh cuối cùng

Sóng 4 như là phạm vi chống đỡ

Bao gồm trong phần thảo luận của chúng về những mẫu hình sóng và những đường phương hướng, một điểm quan trọng vẫn phải được đề cập, và đó là ý nghĩa của sóng 4 như là một phạm vi chống đỡ trong chuỗi những thị trường giá xuống. Một lần nữa, 5 sóng lên đã hoàn thành và một xu hướng giá giảm đã bắt đầu, rằng thị trường giá xuống thường sẽ không dịch chuyển dưới sóng thứ 4 trước đó ở một mức độ thấp hơn; đó là, sóng thứ 4 sau cùng được thiết lập trong suốt đợt tăng giá trước đó. Có những ngoại lệ đối với nguyên tắc đó, nhưng thường thì đáy của sóng thứ 4 chưa đựng thị trường giá xuống. Mẫu thông tin này có thể tỏ ra rất hữu ích trong việc xác định một mức giá mục tiêu giảm tối đa.

Những dãy số Fibonacci như là nguyên tắc sóng cơ bản

Elliott đã bắt đầu theo luật của tự nhiên mà toán học là cơ bản cho nguyên tắc sóng của mình, là một dãy số được phát hiện bởi Leonardo Fibonacci vào thế kỷ thứ 13. Dãy số này được nhận biết như là người khám phá ra nó và thường được ám chỉ như là những con số Fibonacci. Dãy số này là 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, v.v đến vô cực.

Dãy số này có những thuộc tính đáng quan tâm, không chỉ là mối quan hệ bất biến giữa những con số.

1. Tổng của hai số liền kề bất kỳ bằng số cao hơn kế tiếp. Chẳng hạn, 3 và 5 bằng 8, 5 và 8 bằng 13, và v.v.
2. Sau 4 số đầu tiên, tỷ lệ của một số bất kỳ với số lớn hơn kế tiếp gần bằng 0,618. Chẳng hạn, $1/1$ là 1,00, $1/2$ là 0,5, $2/3$ là 0,67, $5/8$ là 0,625, $8/13$ là 0,615, $13/21$ là 0,619 và v.v. Chú ý cách mà những giá trị tỷ lệ ở đầu này dao động trên và dưới 0,618 trong biên độ hẹp. Ngoài ra chú ý những giá trị 1,00, 0,50, 0,67. Chúng ta sẽ chú thích kỹ hơn về những giá trị này khi chúng ta nói về phân tích tỷ lệ và tỷ lệ phần trăm thoái lùi.
3. Tỷ số của một số bất kỳ với số thấp hơn kế tiếp là gần bằng 1,618, hoặc ngược lại là 0,618. Chẳng hạn $13/8$ là 1,625, $21/13$ là 1,615, $34/21$ là 1,619. Chia cho những số cao hơn, thấp hơn liền kề sẽ có các giá trị 0,618 và 1,618.
4. Những tỷ số của những số xen kẽ gần bằng 2,618 hoặc ngược lại 0,382. Chẳng hạn, $13/34$ là 0,382, $34/13$ là 2,615.

Những tỷ lệ Fibonacci và sự thoái lùi

Ngay từ ban đầu, lý thuyết sóng bao gồm ba khía cạnh – hình thức sóng, tỷ lệ và thời gian. Chúng ta đã thảo luận hình thức sóng, sóng là hình thức quan trọng nhất trong ba hình thức trên. Nay giờ chúng ta hãy nói

về việc áp dụng những tỷ số Fibonacci và những sự thoái lui. Những mối quan hệ này có thể áp dụng cho cả giá và thời gian, mặc dù hình thức đầu tiên đã được xem xét kỹ lưỡng hơn. Chúng ta sẽ quay trở lại sau để xem xét khía cạnh thời gian. Liếc nhìn qua hình 11.1 và 11.3 cho thấy rằng hình thức sóng cơ bản luôn luôn phá vỡ những con số Fibonacci. Một chu kỳ hoàn tất bao gồm tám sóng, 5 sóng tăng và 3 sóng giảm – tất cả đều là những con số Fibonacci. Hai sự chia nhỏ hơn sẽ tạo ra 34 và 144 sóng – cũng là những con số Fibonacci. Tuy nhiên, những con số của lý thuyết sóng dựa trên dãy số Fibonacci, vượt ra ngoài số lượng sóng. Cũng có một câu hỏi về những mối quan hệ cân đối giữa những sóng khác nhau. Sau đây là những tỷ số Fibonacci được sử dụng thông thường nhất:

1. Một trong ba sóng đáy đôi khi kéo dài. Hai sóng khác là bằng nhau về thời gian và cường độ. Nếu sóng 5 kéo dài, sóng 1 và sóng 3 sẽ gần bằng nhau. Nếu sóng 3 kéo dài, sóng 1 và 5 quay về trạng thái cân bằng.
2. Mục tiêu tối thiểu đối với đỉnh của sóng 3 có thể có được bằng cách nhân chiều dài của sóng 1 với 1,618 và cộng số đó với đáy của sóng 2.
3. Đỉnh của sóng 5 có thể xấp xỉ bằng cách nhân sóng 1 với 3,236 ($2 \times 1,618$) và cộng giá trị đó với đỉnh hoặc đáy của sóng 1 cho những mục tiêu tối đa và tối thiểu.
4. Sóng 1 và sóng 3 gần bằng nhau và sóng 5 được mong đợi sẽ kéo dài, một mức giá mục tiêu có thể đạt được bằng cách đo lường khoảng cách từ đáy của sóng 1 đến đỉnh của sóng 3, nhân với 1,618, và cộng kết quả đó với đáy của sóng 4.
5. Đối với những sóng hiệu chỉnh, một sóng hiệu chỉnh zig-zag 5-3-5 thông thường, sóng c thường gần bằng chiều dài của sóng a.
6. Một cách khác để đo lường chiều dài hợp lý của sóng c là chiều dài của sóng a trừ kết quả từ việc nhân 0,618 với chiều dài của sóng a.

7. Trong trường hợp của một sóng hiệu chỉnh phẳng 3-3-5, sóng b đạt được hoặc vượt quá đỉnh của sóng a, sóng c sẽ gần bằng 1,618 chiều dài của sóng a.
8. Trong một tam giác đối xứng, mỗi sóng liền kề có liên quan đến sóng trước đó bằng khoảng 0,618.

Tỷ lệ phần trăm sự thoái lùi Fibonacci

Những tỷ lệ dự báo giúp xác định những mức giá mục tiêu cho cả sóng đáy và sóng hiệu chỉnh.

Hình 11.25: Ba đường nằm ngang thể hiện những mức thoái lùi Fibonacci của 38%, 50% và 62% được đo lường từ đáy 1981 đến cao điểm 1993 của trái phiếu kho bạc. Sự hiệu chỉnh giá trái phiếu năm 1994 dừng lại đúng ở mức đường thoái lùi 38%.



Một cách khác để xác định những mức giá mục tiêu bằng cách sử dụng tỷ lệ phần trăm sự thoái lùi. Những con số được sử dụng thông thường nhất trong việc phân tích sự thoái lùi là 61,8% (thường được làm tròn

62%), 38% và 50%. Nhớ lại chương 4, thị trường thường quay ngược trở lại những sự dịch chuyển trước đó bằng những tỷ lệ phần trăm có thể dự báo được chắc chắn – những mức phổ biến nhất là 33%, 50% và 67%. Dãy số Fibonacci cải tiến những con số này thêm một chút. Trong một xu hướng tăng mạnh, một tỷ lệ phần trăm thoái lùi tối thiểu thường làm tròn là 38%. Trong một xu hướng tăng yếu hơn, tỷ lệ phần trăm thoái lùi thường là 62% (xem hình 11.25 và 11.26).

Hình 11.26: Ba đường tỷ lệ phần trăm Fibonacci được đo lường từ đáy 2003 về các mức giá chi số VN-Index đến đỉnh 2006. Các mức giá đã hiệu chỉnh đến đường 50%.

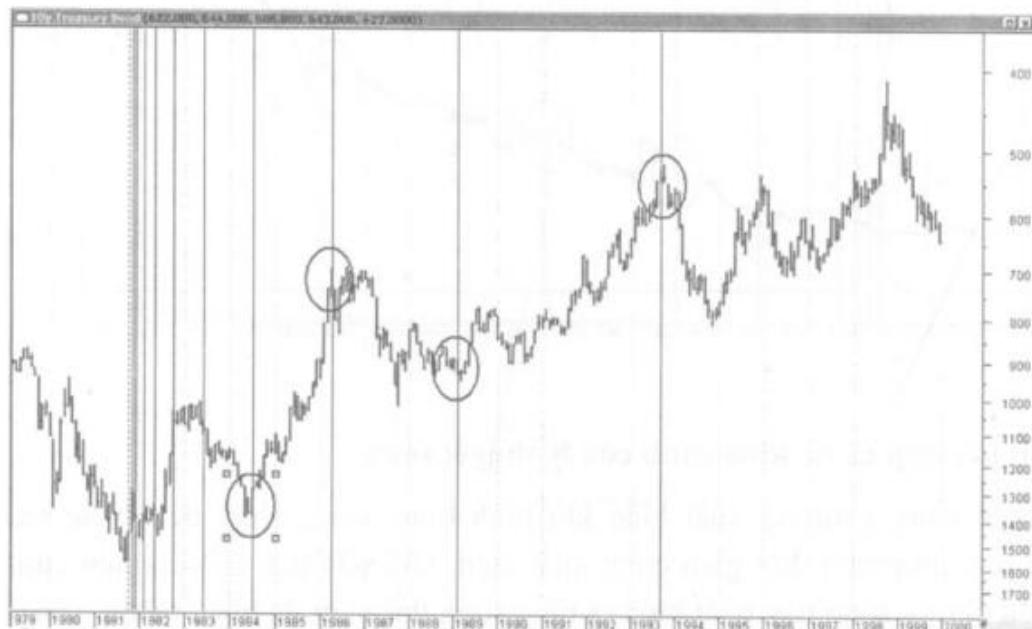


Điều đáng lưu ý, những tỷ lệ Fibonacci gần bằng 0,618 chỉ sau bốn số đầu tiên. Ba tỷ lệ đầu tiên là 1/1 (100%), 1/2 (50%) và 2/3 (66%). Nhiều sinh viên của Elliott có thể không biết rằng mức thoái lùi 50% phổ biến nhất thực ra là một tỷ lệ Fibonacci, như là mức thoái lùi 2/3. Mức thoái lùi hoàn toàn (100%) của một thị trường giá lên hoặc một thị trường giá xuống trước đó cũng nên đánh dấu một phạm vi chống đỡ hoặc kháng cự quan trọng.

Những mục tiêu thời gian Fibonacci

Chúng ta đã không nói nhiều về khía cạnh thời gian trong phân tích sóng. Mỗi quan hệ thời gian Fibonacci thì tồn tại. Điều đáng nói là chúng khó dự báo hơn và các nhà nghiên cứu sóng Elliott thì xem mỗi quan hệ này ít quan trọng trong ba khía cạnh của lý thuyết. Những mục tiêu thời gian Fibonacci có thể tìm thấy bằng cách đếm về phía trước từ những đỉnh và đáy quan trọng.

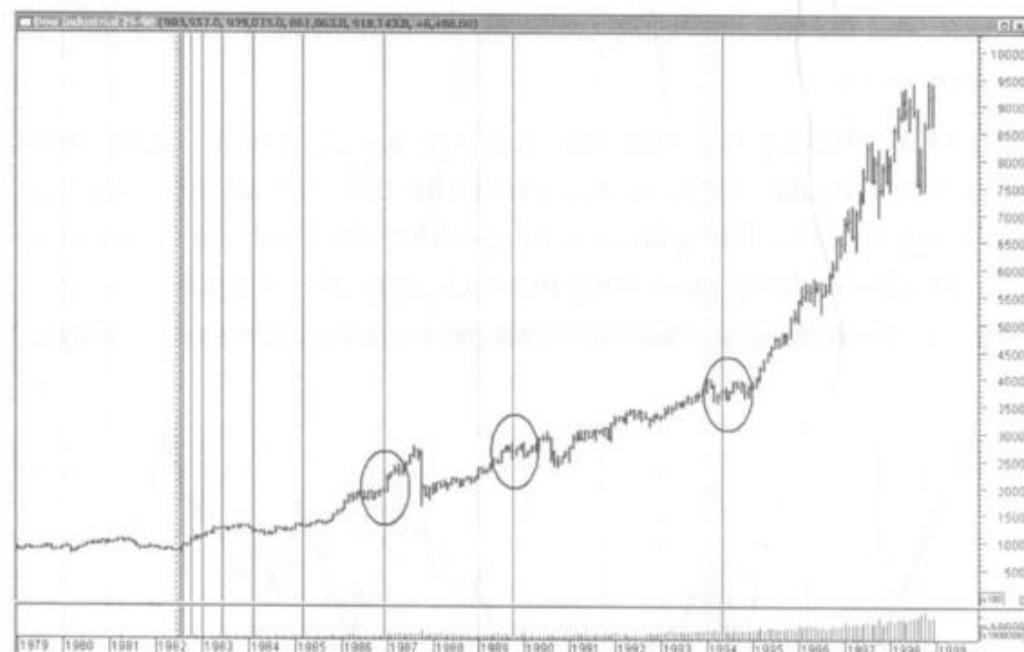
Hình 11.27: Những mục tiêu thời gian Fibonacci được đo lường trong những tháng từ đáy 1981 về trái phiếu kho bạc. Nó có thể trùng hợp nhưng bốn mục tiêu thời gian cuối cùng (những đường thẳng đứng) trùng với những thiên hướng quan trọng trong các mức giá trái phiếu.



Một đồ thị hàng ngày, các nhà phân tích đếm tiếp những ngày giao dịch từ một thời điểm diễn ra sự thay đổi quyết định quan trọng với sự mong đợi mà những đỉnh và đáy trong tương lai sẽ xảy ra vào những ngày Fibonacci – đó là những ngày giao dịch 13, 21, 34, 55 hoặc 89 trong tương lai. Kỹ thuật tương tự có thể được sử dụng là hàng tuần, hàng tháng hoặc thậm chí đồ thị hàng năm. Đối với đồ thị hàng tuần, nhà phân

tích chọn lựa một đỉnh hoặc đáy quan trọng và tìm kiếm những mục tiêu thời gian hàng tuần để làm giảm những con số Fibonacci. (xem hình 11.27 và 11.28)

Hình 11.28: Những mục tiêu thời gian Fibonacci theo tháng từ đáy 1982 về chỉ số Dow.



Sự kết hợp cả ba khía cạnh của lý thuyết sóng

Hoàn cảnh ý tưởng xuất hiện khi hình thức sóng, phân tích tỷ lệ và những mục tiêu thời gian cùng xuất hiện. Giả sử rằng, một nghiên cứu của những sóng này phát hiện ra rằng sóng thứ năm đã hoàn thành, sóng thứ 5 đã đạt được 1,618 lần khoảng cách từ đáy sóng 1 đến đỉnh sóng 3, và thời gian từ lúc bắt đầu xu hướng đã được 13 tuần từ một mức giá thấp trước và 34 tuần từ một mức giá cao trước. Một giả định nữa là sóng thứ 5 đã kéo dài 21 ngày. Những mức giá cũ sẽ khá tốt, đó là một điều quan trọng, mức giá cao là gần.

Một nghiên cứu những đồ thị giá trong cá thị trường cổ phiếu và thị trường giao sau phát hiện một dãy số thời gian Fibonacci quan hệ với nhau. Những mục tiêu thời gian Fibonacci có thể đi từ đỉnh đến đỉnh, từ đỉnh đến đáy, từ đáy đến đỉnh, và từ đáy đến đáy. Những mối quan hệ này có thể luôn tìm thấy trong thực tế. Điều đó thường không rõ ràng do những mối quan hệ có thể liên quan đến xu hướng hiện tại.

Sóng Elliott được áp dụng đối với cổ phiếu so với hàng hóa

Có một vài sự khác nhau trong việc áp dụng lý thuyết sóng đối với cổ phiếu và hàng hóa. Ví dụ, sóng 3 hướng đến việc kéo dài trong thị trường cổ phiếu và sóng 5 trong thị trường hàng hóa. Không thể phá vỡ nguyên tắc đó, sóng 4 có thể không bao giờ chòng lên sóng 1 trong thị trường cổ phiếu không như sự cung nhắc trong thị trường hàng hóa. (Những sự thâm nhập trong ngày có thể xuất hiện trong những đồ thị tương lai.) Dôi khi những đồ thị của thị trường giao dịch bằng tiền mặt cho thấy một mô hình sóng Elliott rõ ràng hơn thị trường giao sau trong hàng hóa. Sử dụng những đồ thị liên tục trong những thị trường giao sau hàng hóa cũng tạo ra sự méo mó có thể ảnh hưởng những mô hình sóng Elliott dài hạn.

Có lẽ sự khác biệt quan trọng nhất giữa hai khu vực thị trường giá lên chính trong hàng hóa có thể “được kìm lại”, nghĩa là những điểm cao trong thị trường giá lên không luôn vượt quá những điểm cao trong thị trường giá lên trước đó. Có thể trong những thị trường hàng hóa, đối với một sự hoàn thành 5 sóng tăng hướng đến sự giảm giá nhẹ của một điểm cao trong thị trường giá lên trước đó. Những đỉnh chính được tạo thành trong nhiều thị trường hàng hóa vào khoảng thời gian từ năm 1980 đến năm 1981 đã giảm vượt quá những đỉnh chính được hình thành trong bảy và tám năm gần đây. Như là một sự so sánh cuối cùng giữa hai khu vực này, nó xuất hiện những mẫu hình Elliott tốt nhất trong những thị trường hàng hóa gia tăng từ những sự vượt qua từ khoảng thời gian dài cơ bản được mở rộng.

Thật quan trọng để nắm bắt ý nghĩa đó của lý thuyết sóng là nguồn gốc có nghĩa để áp dụng đến những mức trung bình thị trường cổ phiếu. Nó không thực hiện tốt như những cổ phiếu thường riêng lẻ. Hoàn toàn hợp lý rằng nó không hoạt động tốt trong một vài thị trường tương lai được giao dịch ít hơn vì tâm lý chung là một trong những nền tảng quan trọng mà lý thuyết dựa vào. Như là một minh họa, vàng là một sự truyền tai tuyệt vời đối với nhà phân tích sóng do một số lượng lớn những người ủng hộ điều đó.

Tóm lược và kết luận

Chúng tôi tóm lược những yếu tố quan trọng của lý thuyết sóng và sau đó cố gắng đưa nó vào viễn cảnh thích hợp.

1. Một chu kỳ thị trường giá tăng hoàn thành được hình thành gồm tám sóng, 5 sóng tăng theo sau 3 sóng giảm.
2. Một xu hướng được phân chia thành 5 sóng hướng theo xu hướng dài hơn kế tiếp.
3. Những sóng hiệu chỉnh luôn luôn xảy ra trong 3 sóng.
4. Hai loại sóng hiệu chỉnh đơn giản là sóng zig-zag (5-3-5) và sóng sóng bằng phẳng (3-3-5).
5. Những sóng hiệu chỉnh tam giác thường là sóng 4, và luôn luôn đi trước sóng cuối cùng. Những sóng hiệu chỉnh tam giác cũng có thể là những sóng hiệu chỉnh B.
6. Những đợt sóng có thể được mở rộng thành những sóng dài hơn và được phân chia thành những sóng ngắn hơn.
7. Đôi khi một trong số các sóng đẩy thì mở rộng. Sau đó hai sóng khác sẽ bằng thời gian và cường độ.
8. Dãy Fibonacci là thuật toán cơ bản của lý thuyết sóng Elliott.

9. Những sóng theo sau dãy Fibonacci.
10. Những tỷ số và sự thoái lùi Fibonacci được sử dụng để xác định giá mục tiêu. Sự thoái lùi thông thường nhất là 62%, 50% và 38%.
11. Nguyên tắc khác cảnh báo không mong đợi điều tương tự gấp hai lần số kế tiếp.
12. Những thị trường giá xuống sẽ không giảm dưới mức đáy của sóng thứ 4 trước đó.
13. Sóng 4 sẽ không lần lên sóng 1 (không như sự cung nhắc trong những thị trường giao sau).
14. Lý thuyết sóng Elliott bao gồm những mẫu hình sóng, những tỷ số, và miền thời gian của sóng, theo mức độ quan trọng.
15. Lúc ban đầu lý thuyết được áp dụng vào những mức trung bình thị trường cổ phiếu và không hoạt động tốt cho những cổ phiếu riêng lẻ.
16. Lý thuyết hoạt động tốt nhất trong những thị trường hàng hóa này với mức độ đại chúng rộng lớn nhất, như vàng chẳng hạn.
17. Nguyên tắc khác trong những thị trường hàng hóa là sự tồn tại của những thị trường giá lên bị kìm chế.

Nguyên tắc sóng Elliott được xây dựng dựa trên những cách tiếp cận cổ điển hơn, như là lý thuyết Dow và những mô hình đồ thị truyền thống. Hầu như những mô hình giá này có thể được giải thích như là một phần cấu trúc sóng Elliott. Nó được xây dựng dựa trên khái niệm “những mục tiêu thay đổi” bằng những dự đoán tỷ số Fibonacci và tỷ lệ phần trăm thoái lùi. Nguyên tắc sóng Elliott đưa tất cả những yếu tố này vào xem xét.

Lý thuyết sóng nên được sử dụng cùng với những công cụ kỹ thuật khác

Có nhiều lúc những hình ảnh sóng Elliott là rõ ràng và cũng có nhiều lúc thì không hoàn toàn. Cố gắng để ép buộc hành động thị trường không rõ

334 Phân tích kỹ thuật

ràng vào trong một khuôn khổ sóng Elliott, và lờ đi những công cụ kỹ thuật khác trong quy trình, là một sự lạm dụng của lý thuyết. Để quan sát lý thuyết sóng Elliott như là một phần câu trả lời cho vấn đề nan giải của việc dự báo thị trường là vấn đề then chốt. Sử dụng sóng Elliott cùng với tất cả những lý thuyết kỹ thuật khác trong quyển sách này sẽ giúp gia tăng giá trị dự báo và cải thiện những cơ hội cho sự thành công của bạn.

Phụ lục

LÝ THUYẾT FIBONACCI

Tổng quan

Leonardo Fibonacci là một nhà toán học, sinh ra ở Ý vào khoảng năm 1170. Người ta tin rằng Fibonacci đã phát hiện mối quan hệ mà ngày nay được ám chỉ như là những con số Fibonacci trong mô hình tăng trưởng dân số của thỏ.

Các con số Fibonacci là một dãy các con số trong đó mỗi số liên kề dangle sau thì bằng tổng của hai số trước đó:

1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, v.v.

Những con số này ám chỉ các mối quan hệ gọi chí tò mò, chẳng hạn như bất kỳ một số nào cũng xấp xỉ bằng 1,618 lần con số trước nó và bất kỳ một số nào cũng xấp xỉ bằng 0,618 lần con số tiếp theo. Trong cuốn cầm tay “Understanding Fibonacci Numbers” của Edward Dobson chưa đựng một sự thảo luận tốt về những mối quan hệ này.

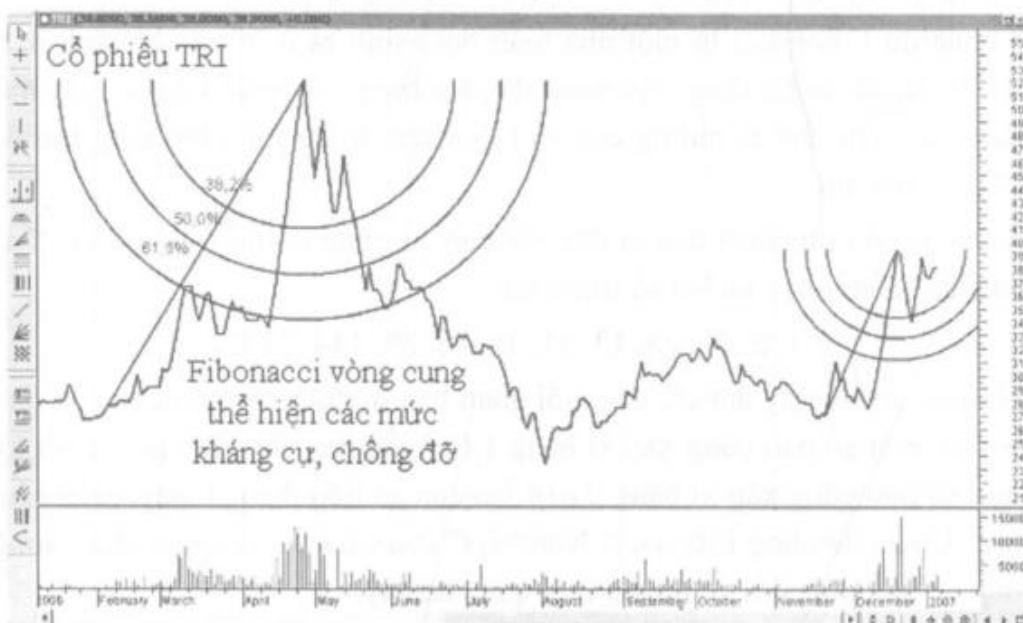
Giải thích

Có 4 nghiên cứu Fibonacci phổ biến là: arcs – “đường vòng cung”, fans – “đường rẽ quạt”, retracement – đường vạch, và time zones – miền thời gian. Việc giải thích của các nghiên cứu này có liên quan đến việc dự đoán những thay đổi trong các xu hướng khi các mức giá gần các đường thẳng được tạo ra bởi những nghiên cứu Fibonacci.

Những đường vòng cung - Arcs

Những đường vòng cung Fibonacci được thể hiện bởi nét vẽ đầu tiên là một đường xu hướng giữa 2 điểm cực, chẳng hạn như một tháp diêm và cao diêm đối diện. Ba đường vòng cung được vẽ sau đó, được đặt trung tâm lên điểm cực thứ hai, vì thế chúng cắt đường xu hướng ở các mức Fibonacci là 38,2%, 50%, và 61,8%.

Hình 11.1A: Minh họa cổ phiếu TRI và các “đường vòng cung” bằng cách nào có thể cung cấp đường chống đỡ và đường kháng cự.



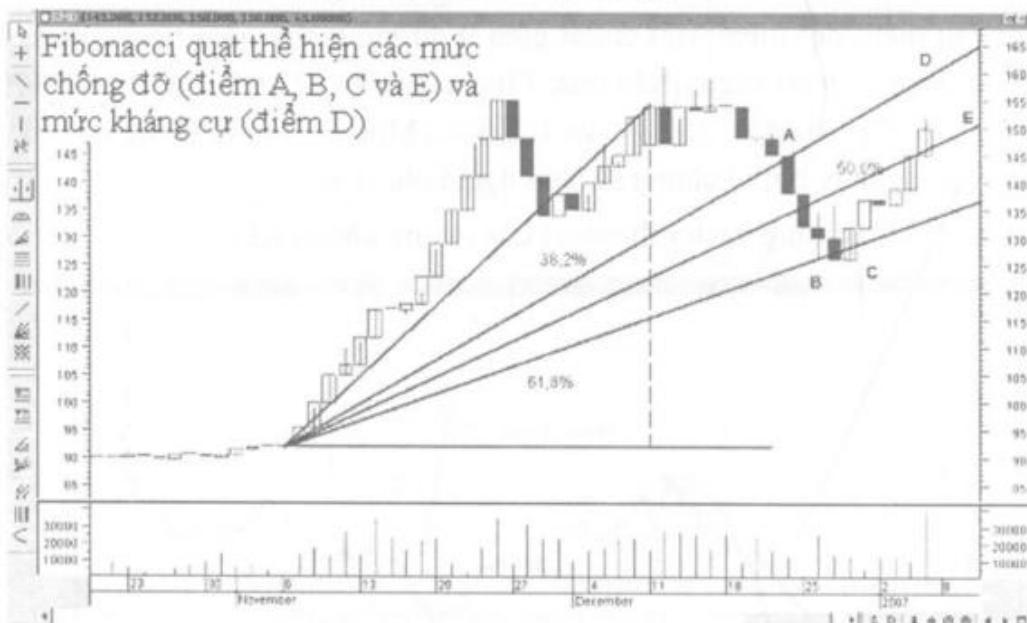
Việc giải thích của các đường vòng cung Fibonacci có liên quan đến việc dự đoán đường chống đỡ và đường kháng cự khi các mức giá tiếp xúc với các đường vòng cung. Một kỹ thuật thông thường thể hiện cả các đường vòng cung và các đường rẽ quặt Fibonacci và để rồi dự đoán đường chống đỡ và đường kháng cự ở các điểm, nơi mà các nghiên cứu dãy Fibonacci ngang qua.

Chú ý rằng các điểm mà tại đó các “đường vòng cung” cắt dữ liệu giá sẽ thay đổi tùy thuộc vào mức độ của đồ thị, bởi vì các “đường vòng cung” được vẽ để chúng vòng quanh tương đối với đồ thị.

Đường rẽ quạt Fibonacci - Fans

Các đường rẽ quạt Fibonacci được thể hiện bằng cách vẽ một đường xu hướng giữa hai điểm cực, chẳng hạn như giữa một thấp điểm và một cao điểm đối diện. Sau đó một đường thẳng đứng “ẩn” được vẽ ra thông qua điểm cực thứ hai. Ba đường xu hướng sau đó được vẽ từ điểm cực đầu tiên để chúng chạy ngang qua đường thẳng đứng ẩn đó tại các mức Fibonacci 38,2%, 50%, 61,8%. (Kỹ thuật này gần giống với các đường kháng cự tốc độ - Speed Resistance Lines - SRL¹).

Hình 11.2A: Thể hiện các mức giá của chứng khoán GMD bằng cách nào để tìm đường chống đỡ tại các đường rẽ quạt.



Xem hình 11.2A bạn có thể thấy rằng khi các mức giá chạm trán đường rẽ quạt trên cùng (tại A), các mức giá đã không thể xuyên qua đường thẳng này trong vài ngày. Một khi các mức giá đã vượt qua đường thẳng

¹ SRL đôi khi được gọi là đường 1/3-2/3, là một chuỗi các đường xu hướng phân chia một sự dịch chuyển giá thành ba phần bằng nhau. SRL thể hiện ba đường xu hướng. Độ dốc của mỗi đường xác định một tỷ lệ khác nhau mà tại đó những sự kỳ vọng giá chứng khoán sẽ thay đổi.

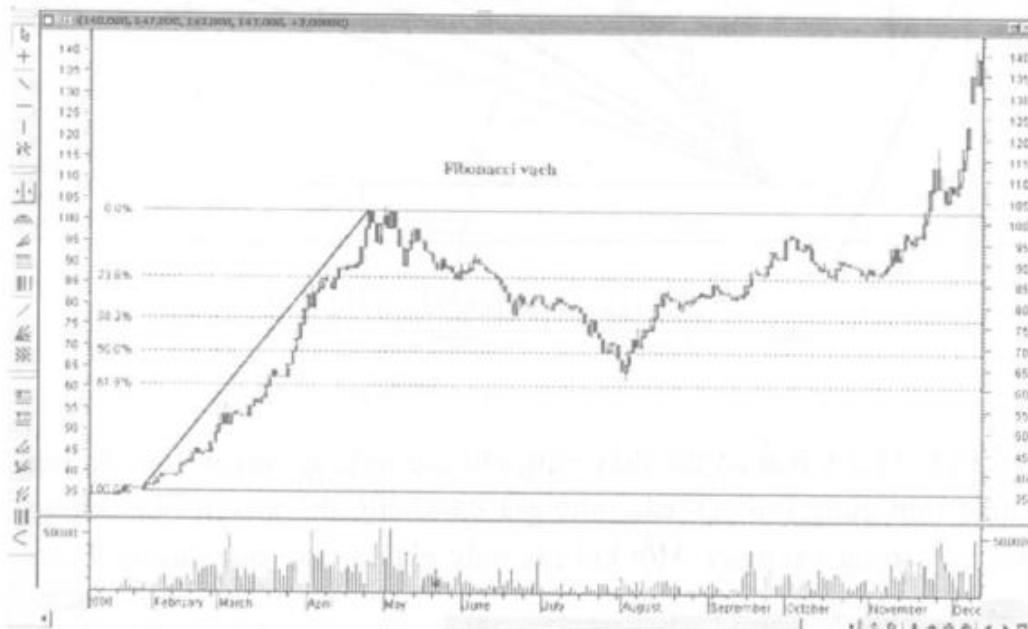
này, các mức giá này rót rất nhanh xuống đường rẽ quạt dưới cùng (diễn B và C) trước khi tìm ra đường chổng đỡ.

Cũng cần chú ý rằng khi các mức giá này lên khỏi đường “rẽ quạt” dưới cùng (diễn C), thì các mức giá này sẽ tăng tự do đến đường rẽ quạt trên cùng (diễn D), tại đó một lần nữa các mức giá lại gặp đường kháng cự, giá sẽ giảm đến đường rẽ quạt ở giữa (diễn E) và này lên lại.

Các đường vạch Fibonacci – Retracements

Các đường vạch Fibonacci được thể hiện bằng cách vẽ một đường xu hướng trước tiên giữa hai điểm cực, chẳng hạn, giữa một thấp điểm và một cao điểm đối diện. Một chuỗi gồm 9 đường thẳng nằm ngang được vẽ cắt đường xu hướng tại các mức Fibonacci: 0%, 23,6%, 38,2%, 50%, 61,8%, 100%, 161,8%, 261,8% và 423,6%. (Một vài đường thẳng có khả năng không thấy bởi vì chúng sẽ nằm ngoài phạm vi).

Hình 11.3A: Đường vạch Fibonacci của chứng khoán REE



Sau khi có một sự dịch chuyển giá đáng kể (hoặc tăng hoặc giảm), giá thường quay ngược trở lại một tỷ lệ đáng kể so với sự dịch chuyển ban

dầu. Khi các mức giá quay ngược trở lại, các mức chống đỡ và kháng cự thường xuất hiện ngay tại hoặc gần các đường vạch Fibonacci.

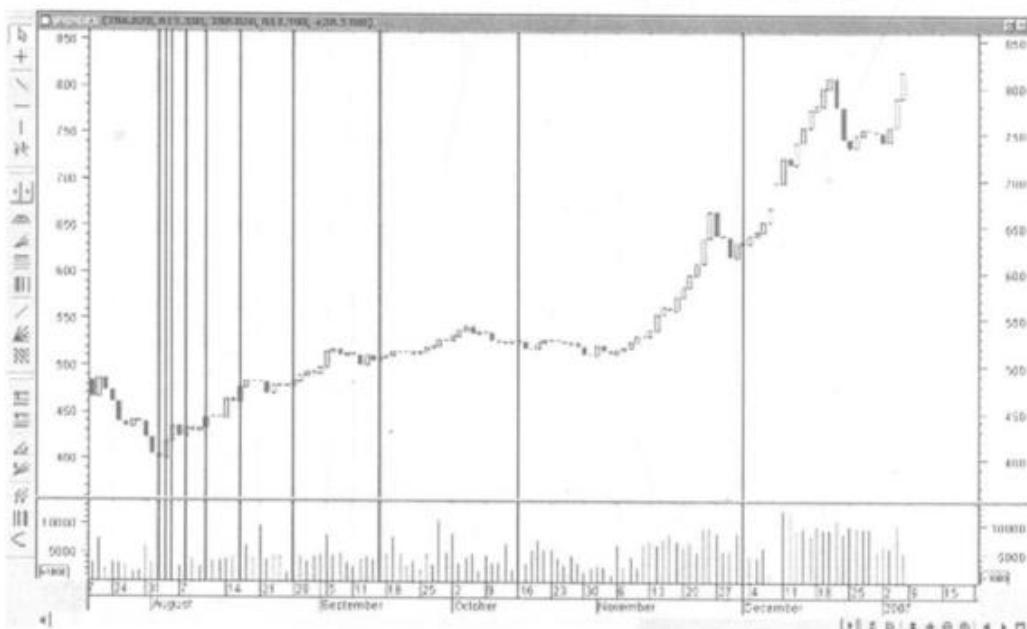
Trong hình 11.3A miêu tả chứng khoán REE, các đường vạch Fibonacci được vẽ giữa thấp điểm và cao điểm chính. Đường chống đỡ và đường kháng cự xuất hiện gần các mức Fibonacci 23% và 38%.

Miền thời gian Fibonacci – Time zones

Miền thời gian Fibonacci là một chuỗi các đường thẳng đứng. Chúng được đặt cách nhau tại các khoảng thời gian Fibonacci 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, v.v. Việc giải thích về miền thời gian Fibonacci liên quan đến việc tìm kiếm những sự thay đổi quan trọng trong mức giá gần với các đường thẳng đứng.

Trong hình 11.4A, miền thời gian Fibonacci được vẽ trên chỉ số VN-Index mà bắt đầu tại đáy thị trường vào đầu tháng 8/2006. Bạn có thể nhìn thấy những sự thay đổi quan trọng trong chỉ số này được xuất hiện tại hoặc gần những đường miền thời gian.

Hình 11.4A: Miền thời gian Fibonacci của chỉ số VN-Index



CHU KỲ THỜI GIAN

Giới thiệu

Phần chính của chúng ta tập trung ở chương này là sự dịch chuyển của giá, và không quá nhiều để nói về sự quan trọng của *thời gian* trong việc giải quyết câu đố dự báo. Vấn đề của thời gian đã được trình bày hàm ý xuyên suốt toàn bộ cuốn phân tích kỹ thuật của chúng tôi, nhưng nhìn chung nó được xem như là phần thứ yếu. Trong chương này, chúng tôi sẽ xem xét vấn đề dự báo thông qua con mắt của những nhà phân tích chu kỳ những người tin rằng *chu kỳ thời gian* nắm giữ chìa khoá cơ bản để hiểu được tại sao thị trường đi lên hoặc đi xuống. Trong quá trình này, chúng ta sẽ thêm tầm quan trọng của thời gian vào danh sách lớn dần của các công cụ phân tích của chúng ta. Thay vào việc chỉ hỏi chính chúng ta thị trường sẽ dịch chuyển theo đường nào và bao xa, chúng ta sẽ hỏi khi nào nó sẽ đến đó hoặc thậm chí khi nào sự dịch chuyển sẽ bắt đầu.

Xem xét đồ thị hình thanh hàng ngày. Trục thẳng đứng đưa ra mức giá. Nhưng đó chỉ là một nửa của dữ liệu thích đáng. Trục nằm ngang đưa ra mức thời gian. Do đó, đồ thị hình thanh thực sự là một đồ thị thời gian và giá. Cho đến bây giờ, nhiều nhà giao dịch chỉ tập trung vào dữ liệu giá bỏ qua các xem xét thời gian. Khi chúng ta nghiên cứu các mẫu hình đồ thị, chúng ta nhận thức rằng ở đây có mối liên hệ giữa khoảng thời gian cần để các mẫu hình này hình thành và khả năng đổi với những sự dịch chuyển thị thường tiếp theo. Một đường xu hướng hoặc mức chống đỡ hay kháng cự duy trì hiệu lực càng dài, nó trở nên càng có giá trị. Đường trung bình di động yêu cầu nguồn đầu vào như chu kỳ thời gian hợp lý để

sử dụng. Thậm chí chỉ số dao động Oscillators yêu cầu vài quyết định như bao nhiêu ngày để đo lường. Trong chương trước, chúng ta đã xem xét tính hữu ích của mục tiêu thời gian Fibonacci.

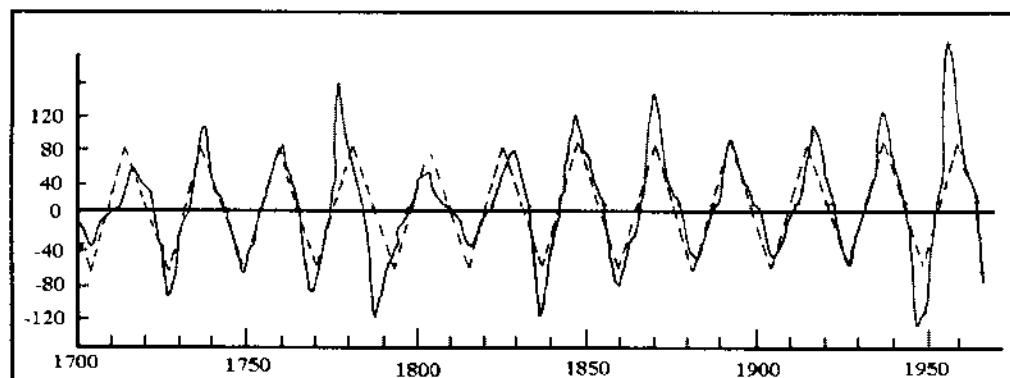
Có vẻ rõ ràng khi tất cả phương diện của phân tích kỹ thuật phụ thuộc một mức độ nhất định vào việc xem xét thời gian. Những việc xem xét này chưa thực sự được ứng dụng một cách thống nhất và đáng tin cậy. Đó là lúc chu kỳ thời gian hình thành phạm vi hoạt động. Thay vào việc hoạt động ở một vai trò thứ yếu hay hỗ trợ trong sự dịch chuyển của thị trường, những nhà phân tích chu kỳ xem rằng chu kỳ thời gian là nhân tố quyết định thị trường lên hay xuống. Thời gian không chỉ là nhân tố chi phối, mà tất cả các công cụ kỹ thuật còn lại có thể trở nên tốt hơn bằng cách kết hợp với chu kỳ. Ví dụ, đường trung bình di động hay chỉ số Oscillator có thể được xem xét khách quan bằng cách phân loại chúng theo những chu kỳ chi phối. Phân tích đường xu hướng có thể được thực hiện chính xác hơn với phân tích chu kỳ bằng việc quyết định lúc nào thì đường xu hướng có giá trị và lúc nào thì không. Phân tích mẫu hình giá có thể được nâng cao nếu kết hợp với các đỉnh và đáy theo chu kỳ. Bằng cách sử dụng “khoảng cách thời gian”, sự dịch chuyển giá có thể được lọc theo một cách mà các tác động phụ có thể được bỏ qua và sự nhấn mạnh quan trọng chỉ được đưa vào ở những thời kỳ khi các đỉnh và đáy theo chu kỳ quan trọng xuất hiện thích hợp.

Chu kỳ

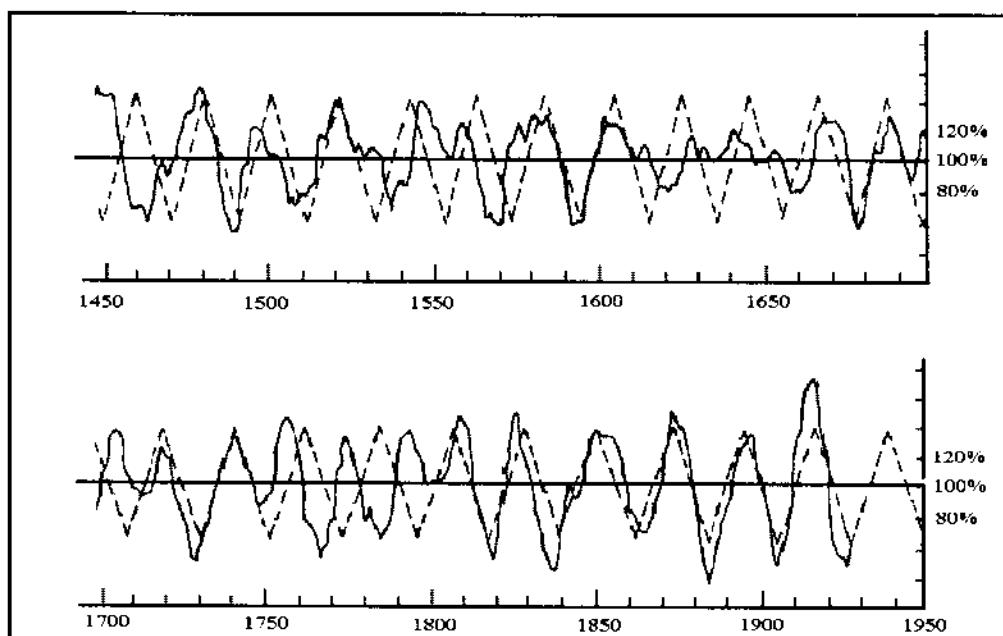
Hầu hết những quyển sách hấp dẫn chúng tôi đã đọc về chủ đề chu kỳ đều do Edward R. Dewey viết, một trong những người tiên phong về phân tích chu kỳ, và Og Mandino với nhan đề “*Các chu kỳ: Những lực bí ẩn gây ra các sự kiện*”. Hàng nghìn chu kỳ có vẻ không liên quan được tách ra thành hàng trăm và trong một vài trường hợp, hàng nghìn năm. Mọi thứ từ chu kỳ 9,6 năm về sự phong phú cá hồi ở Đại Tây Dương đến chu kỳ 22,20 năm về chiến tranh thế giới từ năm 1415 đến

1930 được theo dõi. Một chu kỳ trung bình của hoạt động lỗ đen mặt trời từ năm 1527 được tìm thấy là 11,11 năm. Nhiều chu kỳ kinh tế, bao gồm chu kỳ 18,33 năm về hoạt động của bất động sản và chu kỳ thị trường chứng khoán 9,2 năm đã được trình bày. (Xem hình 12.1 và 12.2).

Hình 12.1: Chu kỳ 22,2 năm về hoạt động lỗ đen mặt trời

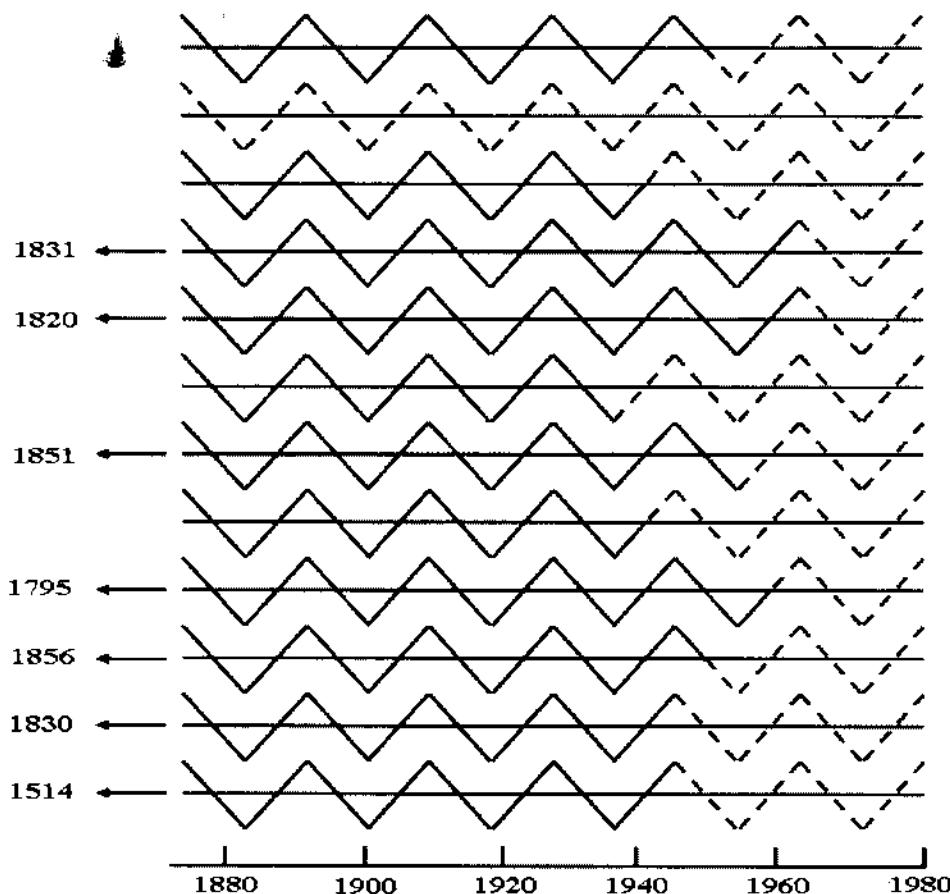


Hình 12.2: Chu kỳ 22,2 năm về cuộc chiến tranh quốc tế đúng vào đỉnh cao năm 1982. Trong đồ thị, đường ngắt quãng là đường chu kỳ “ý tưởng” và đường liền là dữ liệu được đưa vào thực tế.



Hai kết quả gây ngạc nhiên đã được tranh luận bởi Dewey. Đầu tiên, nhiều chu kỳ của các hiện tượng có vẻ không liên quan hợp lại xung quanh các thời kỳ giống nhau. Trong tác phẩm của mình, Dewey đã liệt kê 37 ví dụ khác nhau của chu kỳ 9,6 năm, bao gồm sự phong phú sâu bướm ở New Jersey, sự gia tăng về chó sói ở Canada, diện tích lúa mì và giá cà bông vài ở Mỹ. Tại sao các hoạt động không giống nhau như vậy có cùng chu kỳ giống nhau?

Hình 12.3: Chu kỳ 18,2 năm về cuộc duyệt binh



Phát minh thứ hai là những chu kỳ giống nhau này hoạt động đồng thời, nghĩa là, chúng quay về cùng một thời gian. Hình 12.3 chỉ ra 12 ví dụ khác nhau của chu kỳ 18,2 năm, bao gồm sự kết hôn, di cư và giá cổ phiếu ở Mỹ.

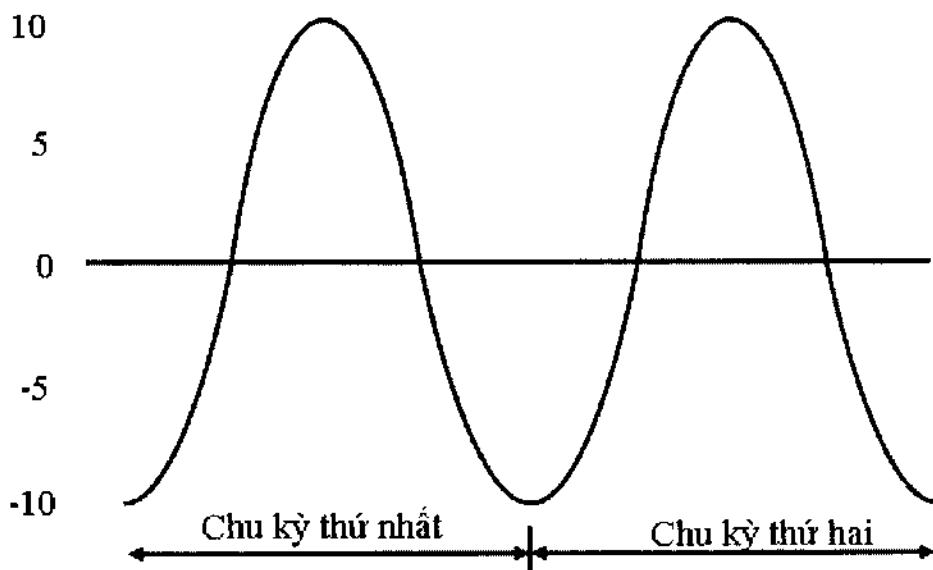
Kết luận làm sững sốt Dewey rằng một vài điều “ngoài điều đó” trong vũ trụ bao la có lẽ tạo ra bởi những chu kỳ này; những điều có vẻ như là một phần của *nhip điệu* vũ trụ, điều này giải thích cho sự hiện diện tràn khắp của những chu kỳ thông qua nhiều lĩnh vực của cuộc sống con người.

Vào năm 1941, Dewey đã thành lập Tổ chức nghiên cứu chu kỳ (ở 900 W. Valley Rd., Suite 502, Wayne, PA 19087). Đó là tổ chức lâu đời nhất cam kết nghiên cứu chu kỳ và là nhà tiên phong được công nhận trong lĩnh vực này. Tổ chức này xuất bản tạp chí *Cycles*, tạp chí trình bày nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm kinh tế học và kinh doanh. Nó cũng xuất bản một báo cáo hàng tháng, *Projections Cycle*, báo cáo này ứng dụng những phân tích chu kỳ đối với cổ phiếu, hàng hoá, bất động sản và cả hệ thống kinh tế.

Các nội dung chu kỳ cơ bản

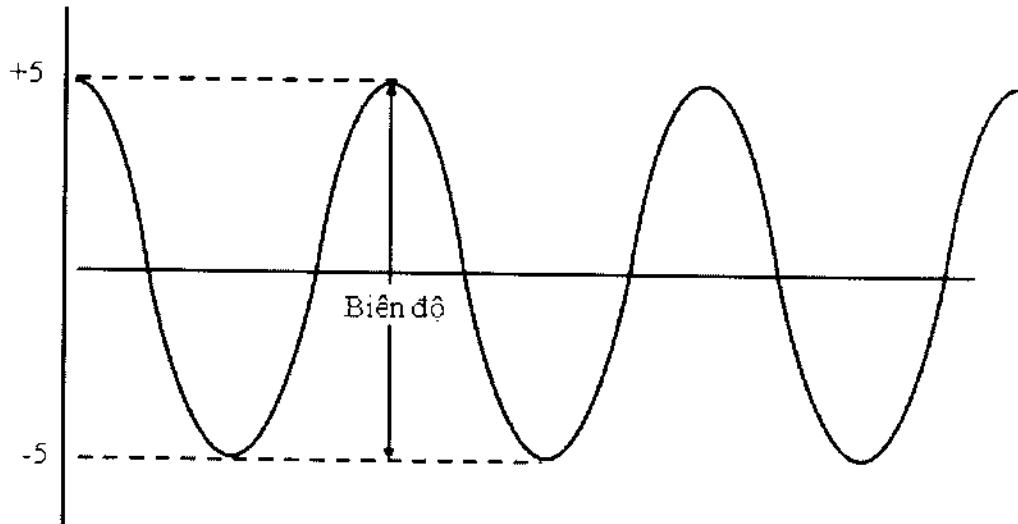
Vào năm 1970, J.M. Hust tác giả của cuốn sách “*The Profit Magic Of Stock Transaction Timing*”. Mặc dù, cuốn sách này chủ yếu đề cập những chu kỳ thị trường chứng khoán, nó cũng trình bày một trong những cách giải thích tốt nhất về lý thuyết chu kỳ sẵn có trên sách báo và rất đáng đọc. Những biểu đồ sau đây được rút ra từ cuốn sách gốc của Hurst.

Đầu tiên, chúng ta hãy quan sát một chu kỳ trông giống điều gì và thảo luận ba đặc trưng chính của nó. Hình 12.4 thể hiện hai bản mô phỏng của chu kỳ giá. Những phần dưới cùng của chu kỳ được gọi là *đáy* và những phần cao nhất được xem như là các *đỉnh*. Lưu ý rằng hai sóng thể hiện ở đây được đo lường từ đáy đến đáy. *Phân tích theo chu kỳ ám chỉ việc đo lường chiều dài của chu kỳ từ mức thấp này đến mức thấp kia*. Việc đo lường này có thể được thực hiện giữa các đỉnh, nhưng chúng không được xem xét như là sự ổn định hoặc đáng tin cậy bằng việc thực hiện giữa các đáy. Do đó, việc thực hành thông thường là đo lường thời điểm bắt đầu và kết thúc của một chu kỳ sóng ở điểm thấp nhất, như được trình bày trong ví dụ này.

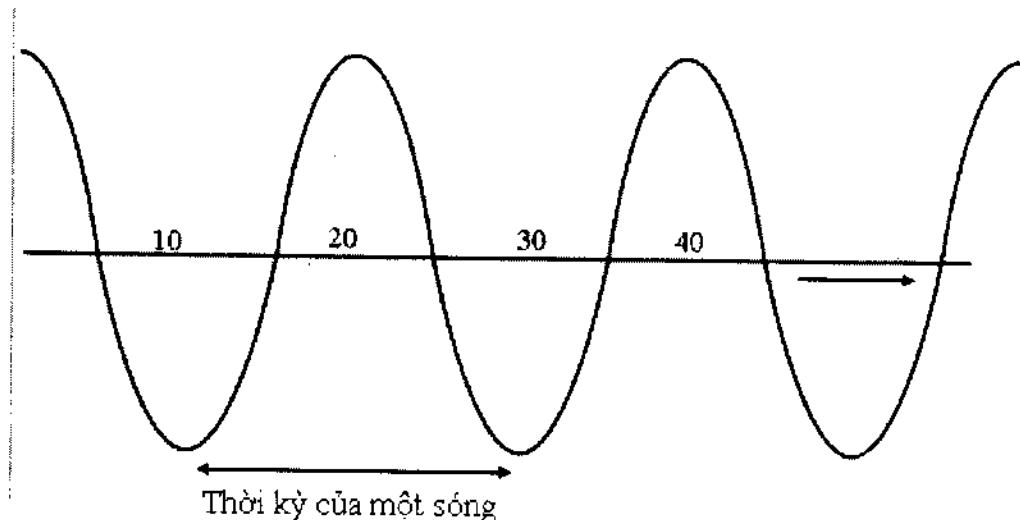
Hình 12.4: Hai chu kỳ của một sóng giá.

Có ba đặc trưng của một chu kỳ là *biên độ*, *thời kỳ* và *pha*. Biên độ đo lường chiều cao của sóng được trình bày ở hình 12.5, và được biểu diễn bởi các giá trị hay các điểm. Thời kỳ của một sóng, được trình bày ở hình 12.6, là khoảng thời gian giữa các đáy. Trong ví dụ này, thời kỳ là 20 ngày. Pha là một thước đo vị trí thời gian của một đáy sóng, trong hình 12.7, sự khác biệt pha giữa hai sóng được chỉ ra. Bởi vì ở đó có nhiều chu kỳ khác nhau xuất hiện cùng một thời gian giống nhau, *sự định pha* cho phép những nhà phân tích chu kỳ nghiên cứu các mối liên hệ giữa những chiều dài chu kỳ khác nhau. Sự định pha cũng được sử dụng để xác định ngày của điểm thấp nhất của chu kỳ cuối cùng. Ví dụ, nếu một chu kỳ 20 ngày giảm xuống mức thấp nhất sớm hơn 10 ngày, ngày của mức thấp nhất của chu kỳ tiếp theo có thể được xác định. Một khi biên độ, thời kỳ và pha của một chu kỳ được biết, về mặt lý thuyết mà nói chu kỳ này có thể được ngoại suy trong tương lai. Giả định chu kỳ này vẫn giữ khá ổn định, nó có thể được sử dụng để ước tính các đỉnh và đáy trong tương lai. Đây là nội dung cơ bản của phương pháp chu kỳ theo hình thức đơn giản nhất của nó.

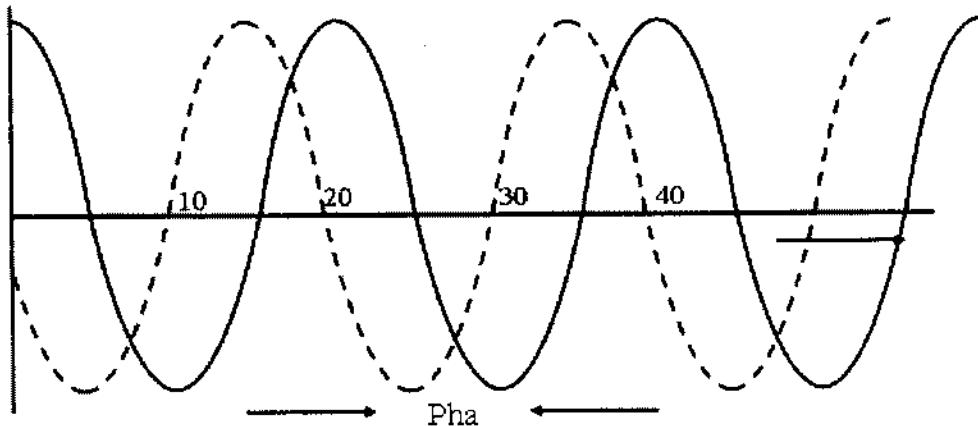
Hình 12.5: Biên độ của một sóng. Trong hình này, sóng có biên độ giá trị là 10 dollar (từ âm năm đến dương năm). Biên độ thường được đo lường từ đỉnh sóng đến đáy sóng.



Hình 12.6: Thời kỳ của một sóng, trong hình này, sóng có một thời kỳ 20 ngày, 20 ngày đã thể hiện ở trên được đo lường giữa hai đáy sóng liên tục nhau.



Hình 12.7: Sự khác biệt pha giữa hai sóng. Sự khác biệt pha giữa hai sóng được thể hiện là 6 ngày. Sự khác biệt pha này được đo lường giữa các đáy của các sóng.



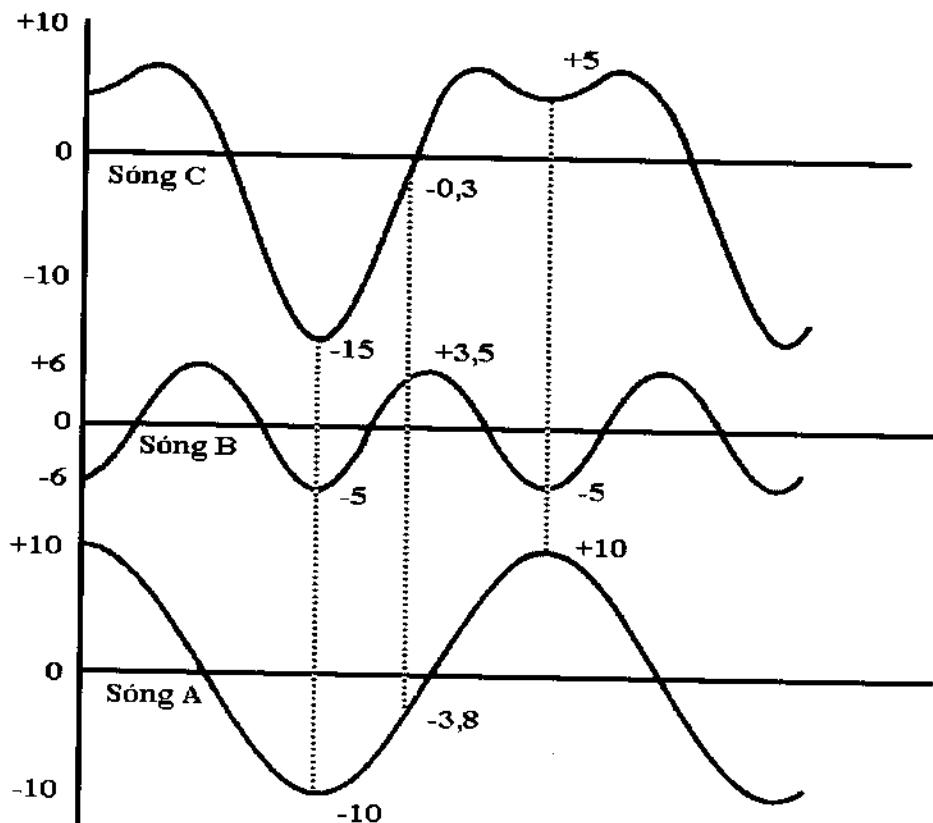
Các nguyên tắc của chu kỳ

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một vài nguyên tắc nền tảng của triết lý chu kỳ. Bốn nguyên tắc quan trọng nhất là nguyên tắc về *sự tổng hợp, sự điều hoà, sự đồng bộ* và *sự cân đối*.

Nguyên tắc về sự tổng hợp cho rằng tất cả sự dịch chuyển của giá đơn giản là phép cộng tất cả các chu kỳ hoạt động. Hình 12.8 minh họa làm thế nào mẫu hình giá ở đỉnh được hình thành bằng cách đơn giản cộng cùng nhau hai chu kỳ khác nhau ở đáy của đồ thị này. Lưu ý, cụ thể, sự xuất hiện hai đỉnh trong sự kết hợp sóng C. Lý thuyết chu kỳ cho rằng tất cả mẫu hình giá được hình thành bằng tương tác của hai hay nhiều hơn các chu kỳ khác nhau. Chúng ta sẽ quay trở lại điểm này. Nguyên tắc về sự tổng hợp cho chúng ta một cái nhìn quan trọng về sự hợp lý của việc dự báo theo chu kỳ. Chúng ta hãy giả định tất cả hành động giá chỉ là tổng của các độ dài chu kỳ khác nhau. Giả định nữa rằng mỗi chu kỳ riêng lẻ có thể được tách ra và đo lường. Giả định cũng cho rằng mỗi chu kỳ sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Khi đó, đơn giản sự tiếp tục

mỗi chu kỳ trong tương lai và cộng chúng lại cùng nhau, xu hướng giá trong tương lai có lẽ là thành quả. Hay, theo lý thuyết là như vậy.

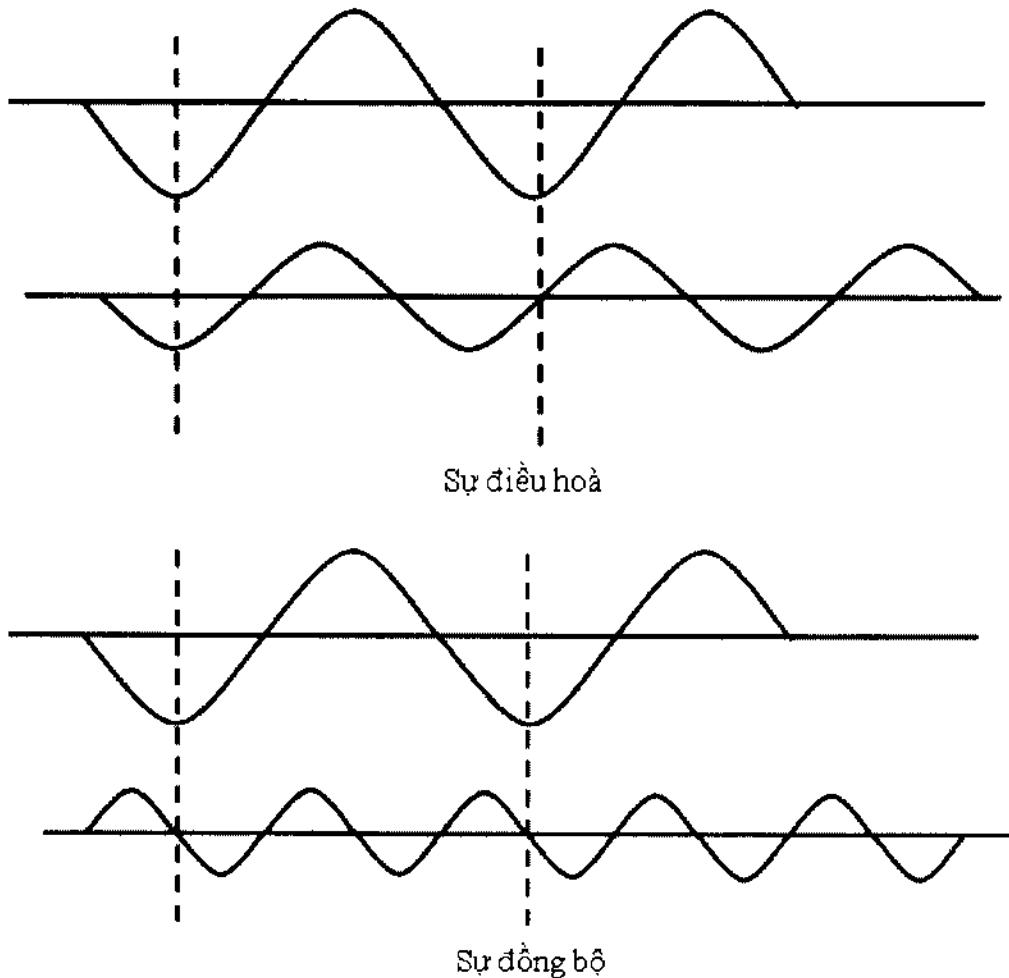
Hình 12.8: Sự tổng hợp của hai sóng. Những đường nhiều chấm thể hiện bằng cách nào (tại mỗi điểm thời gian) giá trị của sóng A được thêm vào giá trị của sóng B để tạo ra giá trị của sóng kết hợp C.

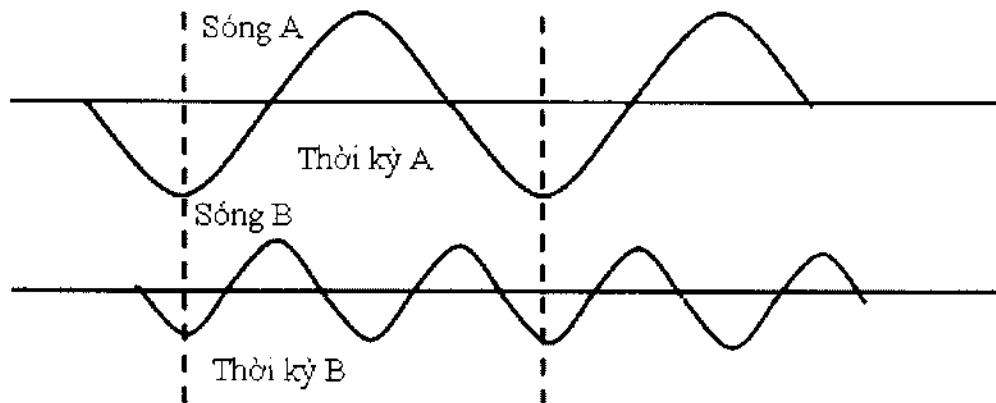


Nguyên tắc về sự điều hoà đơn giản nghĩa là những sóng bên cạnh luôn có quan hệ bởi một lượng nhỏ hoặc toàn bộ. Con số này thường là *hai*. Ví dụ, nếu một chu kỳ 20 ngày tồn tại, chu kỳ ngắn hơn tiếp theo sẽ thường có nửa chiều dài của nó, hay 10 ngày. Chu kỳ dài hơn tiếp theo sau đó sẽ là 40 ngày. Nếu bạn nhớ lại thảo luận *qui luật 4 tuần* (ở chương 8 “Trung bình di động”), nguyên tắc điều hoà sẽ được dẫn chứng để giải thích giá trị của việc sử dụng qui luật 2 tuần ngắn hơn hay qui luật 8 tuần dài hơn.

Nguyên tắc về sự đồng bộ đề cập đến xu hướng bền vững đối với các sóng với chiều dài khác nhau đến đáy ở thời gian giống nhau. Hình 12.9 được giành để chỉ ra hai nguyên tắc về sự đồng bộ và về sự điều hoà. Sóng B ở đáy của đồ thị có một nửa chiều dài của sóng A. Sóng A bao gồm hai bán mô phỏng của sóng B nhỏ hơn. Thể hiện sự điều hoà giữa hai sóng này. Cũng lưu ý rằng khi sóng A đến đáy, sóng B có xu hướng đến đáy tương tự, điều này minh họa cho sự đồng bộ giữa hai sóng này. Nguyên tắc đồng bộ cũng có nghĩa rằng các chiều dài chu kỳ tương tự của các thị trường khác nhau sẽ có khuynh hướng quay về cùng nhau.

Hình 12.9: Sự điều hoà và sự đồng bộ





Thể hiện cả sự điều hoà và sự đồng bộ

Nguyên tắc về sự cân đối mô tả mối quan hệ giữa thời kỳ và biên độ của chu kỳ. Những chu kỳ với thời kỳ (chiều dài) dài hơn sẽ cân đối với những biên độ rộng hơn. Ví dụ, biên độ, hay chiều cao, của chu kỳ 40 ngày nên gấp đôi chiều cao của chu kỳ 20 ngày.

Nguyên tắc về sự biến đổi và danh nghĩa

Ở đây có hai nguyên tắc chu kỳ khác mà chúng mô tả cách hoạt động theo cảm giác chung hơn - *Nguyên tắc về sự biến đổi và danh nghĩa*.

Nguyên tắc về sự biến đổi, như hàm ý của tên gọi, là một sự công nhận sự thật rằng tất cả những nguyên tắc theo chu kỳ khác đã được đề cập - tổng hợp, điều hoà, đồng bộ và cân đối - đúng với những xu hướng bền vững và là những qui luật không cứng nhắc. Một vài “sự biến đổi” có thể và thường xuất hiện trong thế giới thực.

Nguyên tắc danh nghĩa được dựa trên lập luận rằng, mặc dù những sự khác biệt mà chúng tồn tại trên những thị trường khác nhau và việc cho phép một vài sự biến đổi trong việc thực hiện những nguyên tắc chu kỳ, đó có vẻ là một kiểu danh nghĩa của nguyên tắc về sự điều hoà liên quan

352 Phân tích kỹ thuật

đến những chu kỳ mà ảnh hưởng tất cả các thị trường. Và mô hình danh nghĩa của chiều dài chu kỳ này có thể được sử dụng như một điểm bắt đầu trong phân tích bất kỳ thị trường nào. Hình 12.10 chỉ ra một kiểu đơn giản của mô hình danh nghĩa. Mô hình này bắt đầu với một chu kỳ 18 năm và tiếp tục với chu kỳ thấp hơn kế tiếp có phân nửa chiều dài của nó. Chỉ một ngoại lệ là mối quan hệ giữa 18 và 54 tháng, ở đây 1/3 thay thế cho 1/2.

Hình 12.10: Mô hình danh nghĩa được đơn giản hoá

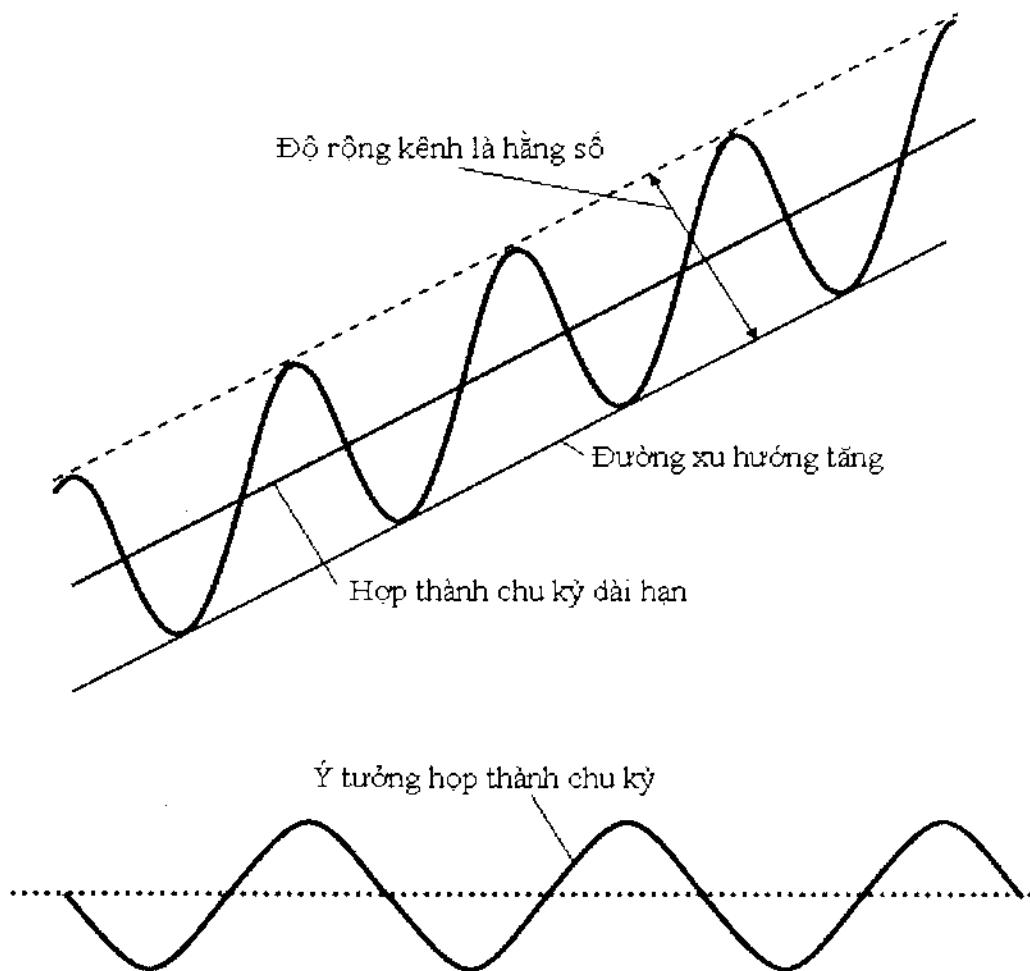
Năm	Tháng	Tuần	Ngày
18			
9			
	54		
	18		
		40	
		20	
			80
			40
			20
			10
			5

Khi chúng ta thảo luận các chiều dài chu kỳ khác nhau trong những thị trường riêng lẻ, chúng ta sẽ thấy rằng mô hình danh nghĩa này thực sự giải thích hầu hết các hoạt động theo chu kỳ. Bây giờ, nhìn cột “ngày”. Chú ý 40, 20, 10, và 5 ngày. Bạn sẽ nhận ra ngay lập tức rằng những con số này giải thích hầu hết các chiều dài trung bình di động phổ biến. Thậm chí kỹ thuật trung bình di động 4, 9, và 18 ngày nổi tiếng là một sự biến đổi của các con số 5, 10, và 20 ngày. Nhiều chỉ số Oscillator sử dụng 5, 10, và 20 ngày. Những sự phá vỡ qui luật hàng tuần sử dụng những con số tương tự là 2, 4, và 8 tuần.

Những nội dung chu kỳ giúp giải thích các kỹ thuật đồ thị như thế nào

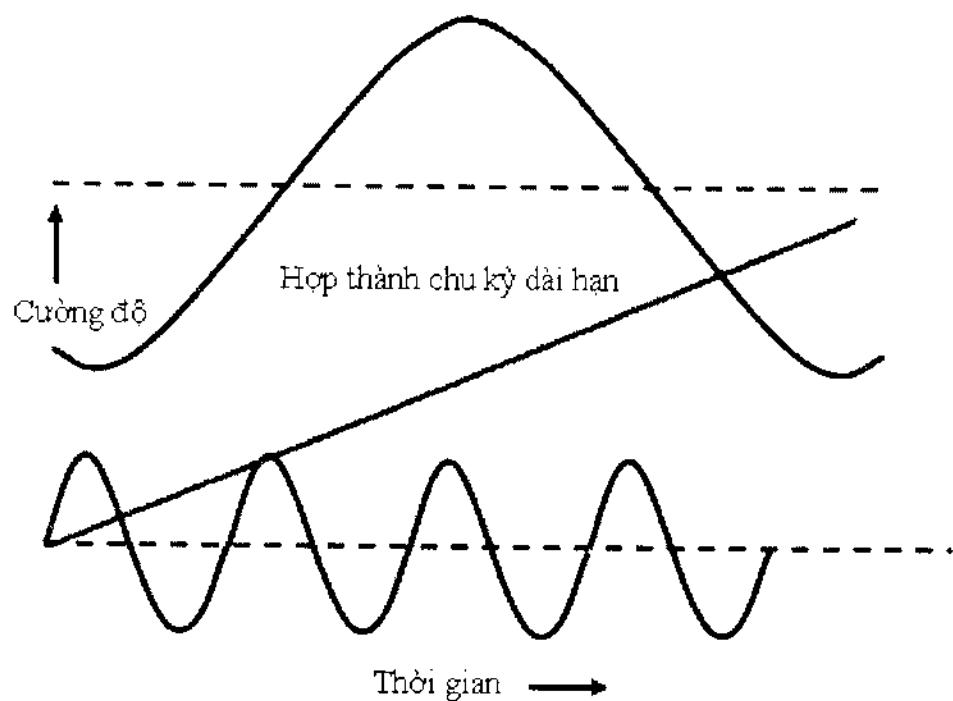
Hurst đã giải thích chi tiết trong cuốn sách của mình bằng cách nào những kỹ thuật đồ thị chuẩn - đường xu hướng và đường kênh giá, các mẫu hình đồ thị và trung bình di động - có thể được hiểu tốt hơn và sử dụng thuận lợi hơn khi kết hợp với các nguyên tắc chu kỳ. Hình 12.11 giúp giải thích sự tồn tại của đường xu hướng và đường kênh giá. Sóng chu kỳ phẳng dọc theo đáy trở thành một đường kênh giá đi lên khi nó được cộng với một đường thẳng đi lên thể hiện xu hướng tăng dài hạn. Lưu ý bao nhiêu chu kỳ nằm ngang dọc theo đáy của đồ thị giống với một chỉ số *Oscillator*.

Hình 12.11: Sự hình thành kênh

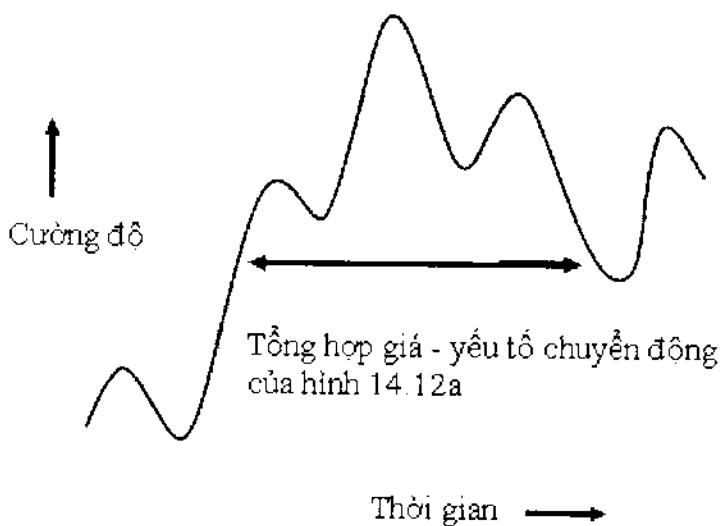


Hình 12.12 chỉ ra làm thế nào một mẫu hình dài và vai ở đỉnh được hình thành bằng cách kết hợp 2 đoạn chu kỳ với một đường đi lên thể hiện toàn bộ những phần tạo thành thời gian tồn tại dài hơn. Hurst đi đến giải thích các mẫu hình hai đỉnh, tam giác, cờ hiệu và cờ đuôi nheo thông qua ứng dụng chu kỳ. Ví dụ mẫu hình đỉnh hoặc đáy "V" xuất hiện khi một chu kỳ trung gian quay trở lại chính xác thời điểm tương tự như các chu kỳ tồn tại ngắn hơn hoặc dài hơn tiếp theo.

Hình 12.12a: Cấu thành khác cộng thêm



Hurst cũng chỉ ra rằng làm thế nào các trung bình di động có thể được thực hiện hữu ích hơn nếu chiều dài của chúng được đồng bộ với các chiều dài chu kỳ chi phối. Những sinh viên của phương pháp kỹ thuật truyền thống nên có sự hiểu biết thêm về cách làm thế nào những bức tranh đồ thị phổ biến này hình thành và thậm chí có thể tại sao chúng hoạt động bằng cách đọc chương có tựa đề "Xác định mẫu hình đồ thị của bạn" trong tác phẩm của Hurst.

Hình 12.12b: Nguyên tắc về sự tổng hợp được áp dụng

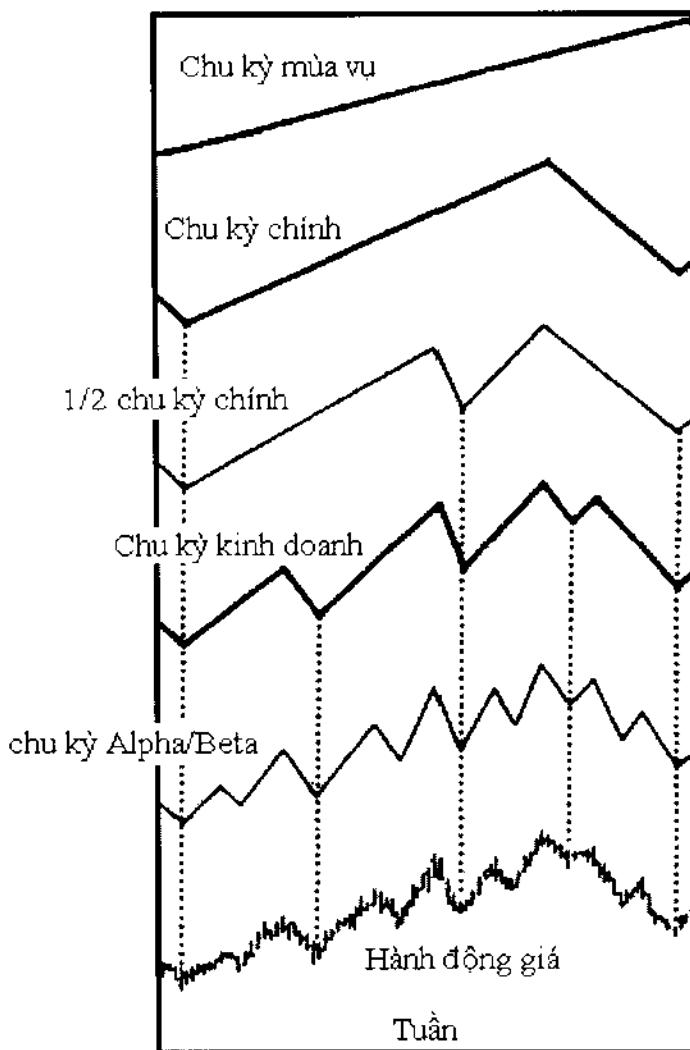
Các chu kỳ chi phối

Có nhiều chu kỳ khác nhau ảnh hưởng đến thị trường tài chính. Chỉ những cái có giá trị thực sự cho mục đích dự báo là *những chu kỳ chi phối*. Chu kỳ chi phối là những chu kỳ mà chúng ảnh hưởng đến giá trước sau như một và chúng có thể được xác định rõ ràng. Hầu hết thị trường giao sau có ít nhất 5 chu kỳ chi phối. Ở chương trước, trong việc sử dụng những đồ thị dài hạn, nó nhấn mạnh rằng tất cả phân tích kỹ thuật nên bắt đầu với bức tranh dài hạn, dần dần tiến đến ngắn hạn. Nguyên tắc này cũng đúng trong nghiên cứu chu kỳ. Thủ tục hợp lý là bắt đầu sự phân tích với một nghiên cứu những chu kỳ chi phối dài hạn, điều có thể kéo dài nhiều năm; sau đó tiến đến trung hạn, điều có thể tồn tại vài tuần đến vài tháng; cuối cùng, những chu kỳ rất ngắn, từ vài giờ đến vài ngày, có thể được sử dụng cho việc quyết định thời điểm của những việc tham gia hay rút ra khỏi thị trường và để giúp xác định điểm quay trở lại của những chu kỳ dài hơn.

Sự phân loại chu kỳ

Phân loại chung là: *những chu kỳ dài hạn* (thời gian hai hoặc nhiều năm), *chu kỳ thời vụ* (1 năm), *chu kỳ thứ cấp hoặc trung gian* (từ 9 đến 26 tuần), và *chu kỳ giao dịch* (4 tuần). Chu kỳ giao dịch chia làm 2 chu kỳ *alpha* và *beta* ngắn hơn, mỗi chu kỳ trung bình 2 tuần. (tên gọi chu kỳ trung gian, giao dịch, alpha và beta được Walt Bressert sử dụng để mô tả các chiều dài chu kỳ khác nhau) (Xem hình 12.13).

Hình 12.13: Thứ tự các chu kỳ



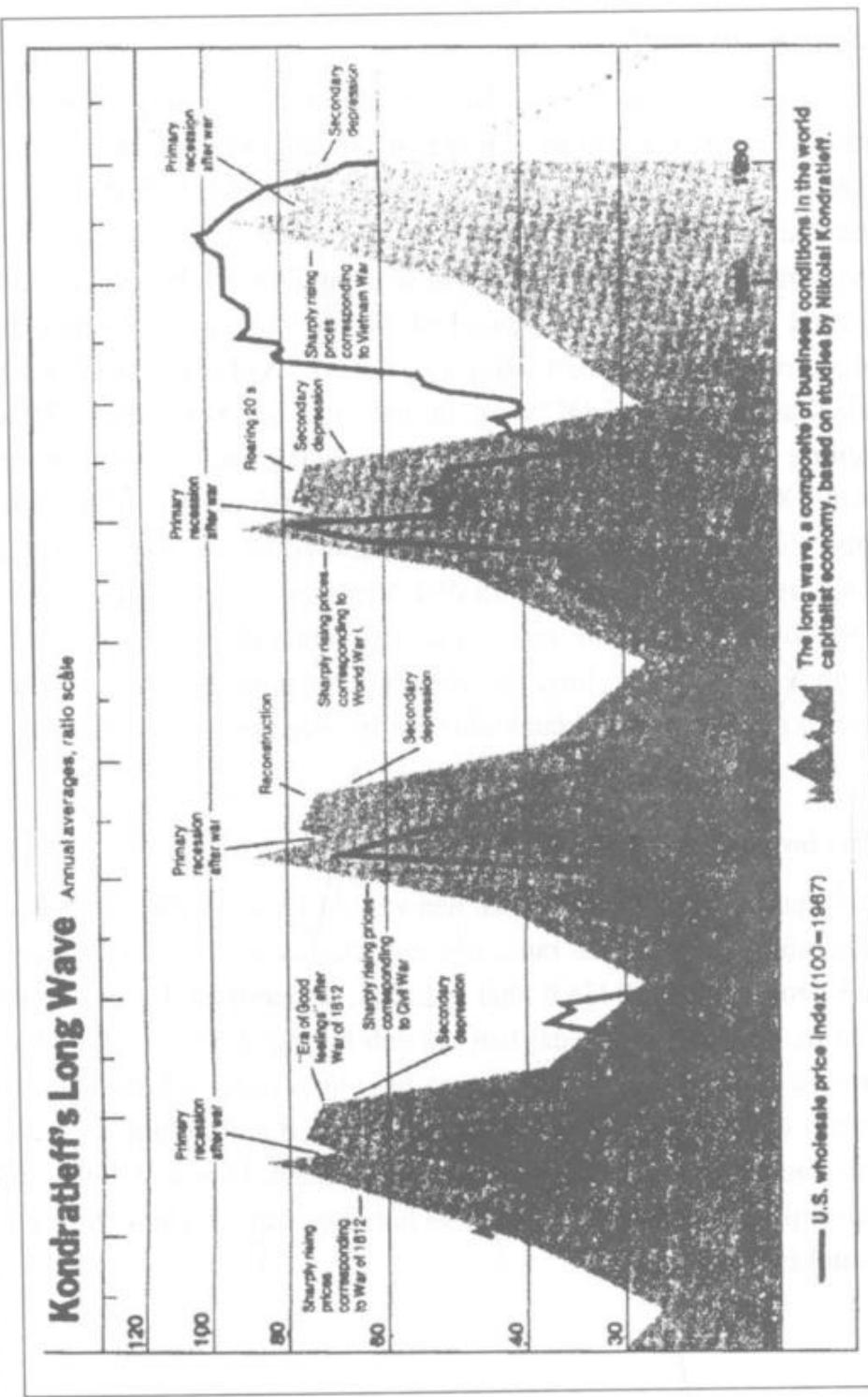
Sóng Kondratieff

Ở đây thậm chí có những chu kỳ phạm vi dài hơn hoạt động. Có lẽ biết đến nhiều nhất là chu kỳ Kondratieff khoảng 54 năm. Đây là chu kỳ dài hạn gây tranh cãi của hoạt động kinh tế, được phát hiện đầu tiên bởi một nhà kinh tế học người Nga vào thập niên 1920 tên là Nikolai D. Kondratieff, xuất hiện để đưa vào sử dụng một ảnh hưởng chính trên hầu hết tất cả giá cổ phiếu và hàng hoá. Cụ thể, một chu kỳ 54 năm được xác định trong lãi suất, đồng, bông vải, lúa mì, cổ phiếu và giá hàng hóa bán sỉ. Kondratieff theo dõi “sóng dài hạn” của ông ta từ năm 1789 sử dụng những nhân tố như giá hàng hoá, sản xuất gang, và lương nông dân ở Anh (Xem hình 12.14). Chu kỳ Kondratieff trở nên một chủ đề thảo luận phổ biến những năm gần đây, trước hết do định giàn dây của chu kỳ xuất hiện trong thập niên 1920, và định tiếp theo thì quá hạn quá lâu. Chính ông Kondratieff đã trả một giá đắt cho quan điểm chu kỳ của mình về kinh tế tư bản. Ông được cho rằng đã chết ở trại tị nạn lao động Xibéri. Để có thêm thông tin, xem cuốn *Chu kỳ sóng dài hạn* (Kondratieff).

Kết hợp chiều dài chu kỳ

Một qui luật chung, chu kỳ dài hạn và thời vụ quyết định xu hướng chính của một thị trường. Rõ ràng, nếu một chu kỳ 2 năm vừa đến đáy, nó có thể được kỳ vọng đi lên ít nhất là 1 năm, do lường từ đáy của nó đến đỉnh của nó. Do đó, chu kỳ dài hạn tạo ảnh hưởng chính lên chiều hướng thị trường. Những thị trường cũng có mẫu hình thời vụ hàng năm, nghĩa là chúng có khuynh hướng đến đỉnh hoặc đáy ở những thời điểm nhất định của năm. Ví dụ, thị trường ngũ cốc luôn chạm điểm thấp nhất của chúng xung quanh thời gian thu hoạch và hồi phục sau đó. Dịch chuyển mùa vụ luôn kéo dài vài tháng.

Hình 12.14: Sóng dài hạn của Kondratieff



Đối với mục đích giao dịch, *chu kỳ cơ bản hàng tuần là hữu ích nhất*. Chu kỳ cơ bản từ 3 đến 6 tháng tương đương xu hướng trung hạn. Chu kỳ ngắn hơn tiếp theo, chu kỳ giao dịch 4 tuần, để thiết lập những thời điểm rút ra hay tham gia vào trong chiều hướng của xu hướng chính. Nếu xu hướng chính đi lên, các đáy trong chu kỳ giao dịch được sử dụng cho việc mua. Nếu xu hướng chính đi xuống, các đỉnh trong chu kỳ giao dịch nên bán ngắn hạn. Chu kỳ alpha và beta 10 ngày có thể được sử dụng cho sự đổi chiều tốt hơn. (Xem hình 12.13).

Sự quan trọng của xu hướng

Nội dung của giao dịch theo chỉ dẫn của xu hướng được nhấn mạnh xuyên suốt phần chính yếu của phân tích kỹ thuật. Trong chương trước, sự sụt giảm tạm thời nên được sử dụng cho việc mua vào nếu xu hướng trung hạn tăng, và sự tăng tạm thời nên được bán ra trong xu hướng giảm. Trong chương lý thuyết sóng Elliott, chu kỳ chỉ ra rằng 5 đợt chuyển của sóng chỉ xảy ra trong chiều hướng của xu hướng rộng hơn tiếp theo. Do đó, chu kỳ là cần thiết khi sử dụng bất kỳ xu hướng ngắn hạn nào cho mục đích quyết định thời gian để giao dịch trong chiều hướng của xu hướng dài hạn đó. Nội dung này cũng đúng trong chu kỳ. Xu hướng của mỗi chu kỳ được quyết định bởi chiều hướng của chu kỳ dài hơn tiếp theo của nó. Hay trình bày theo một cách khác, mỗi khi xu hướng của một chu kỳ dài hơn được thiết lập, xu hướng của chu kỳ ngắn hơn tiếp theo sẽ được biết.

Chu kỳ giao dịch 28 ngày trong hàng hóa

Một chu kỳ ngắn hạn quan trọng mà nó có khuynh hướng ánh hưởng đến hầu hết các thị trường hàng hóa là *chu kỳ giao dịch 28 ngày*. Theo một cách diễn đạt khác, hầu hết các thị trường có một khuynh hướng hình thành một chu kỳ giao dịch dưới mỗi 4 tuần. Một sự giải thích hợp lý cho

khuynh hướng theo chu kỳ mạnh mẽ này xuyên suốt tất cả các thị trường hàng hoá là *chu kỳ mặt trăng*. Burton Pugh đã nghiên cứu chu kỳ 28 ngày trong thị trường lúa mì ở thập niên 1930 (khoa học và bí mật của giao dịch lúa mì, Lambert - Gann, Pomeroy, WA, 1978, orig., 1933) và kết luận rằng mặt trăng có một vài ảnh hưởng lên những điểm trở lại của thị trường. Lý thuyết của ông ta cho rằng lúa mì nên được mua ở lúc trăng tròn và bán ở lúc trăng khuyết. Tuy nhiên, Pugh thừa nhận rằng ảnh hưởng của mặt trăng là nhẹ và có thể bị gạt ra một bên bởi những ảnh hưởng của các chu kỳ dài hơn hoặc những sự kiện mới quan trọng.

Dù mặt trăng có bất kỳ điều gì để quan tâm đến điều đó hay không, chu kỳ trung bình 28 ngày thật sự tồn tại và giải thích nhiều con số được sử dụng trong sự phát triển các công cụ chỉ tín hiệu và các hệ thống giao dịch ngắn hạn. Trước hết, chu kỳ 28 ngày được dựa trên ngày dương lịch, chuyển qua ngày giao dịch thực, con số này trở thành 20. Chúng ta đã hoàn toàn có thể chú thích làm thế nào nhiều trung bình di động phô biến, chỉ số Oscillator và qui luật hàng tuần được dựa trên con số 20 và sự điều hoà nó gắn liền đến những chu kỳ ngắn hơn, 10 và 5. Trung bình di động 5, 10 và 20 ngày được sử dụng rộng rãi cùng với phái sinh của nó 4, 9 và 18. Nhiều nhà giao dịch sử dụng trung bình di động 10 và 40 ngày, với con số 40 là sự điều hoà tiếp theo liên quan đến chu kỳ dài hơn gấp đôi chiều dài 20.

Ở chương 8, chúng ta đã thảo luận tính hữu ích của qui luật 4 tuần do Richard Donchian phát triển. Tín hiệu mua được tạo ra khi một thị trường thiết lập các mức cao mới 4 tuần, và tín hiệu bán khi một mức thấp 4 tuần được hình thành. Hiểu biết về sự tồn tại của chu kỳ giao dịch 4 tuần đưa ra một cái nhìn tốt hơn về sự quan trọng của những con số này và giúp chúng ta hiểu được sao qui luật 4 tuần có thể hoạt động tốt qua nhiều năm. Khi thị trường vượt qua đỉnh của 4 tuần trước, tính logic chu kỳ nói cho chúng ta rằng, chí ít, chu kỳ dài hơn tiếp theo (chu kỳ 8 tuần) đạt đáy và quay trở lên.

Tịnh tiến sang trái và phải

Nội dung của sự tịnh tiến có thể rất chính đáng là một khía cạnh hữu ích nhất của phân tích chu kỳ. Tịnh tiến sang trái và sang phải để cập đến sự dịch chuyển của các đỉnh chu kỳ hoặc sang trái hoặc sang phải của điểm chính giữa chu kỳ chuẩn. Ví dụ, một chu kỳ giao dịch 20 ngày được đo lường từ đáy đến đáy. Đỉnh chuẩn nên xuất hiện ngày thứ 10 trong chu kỳ, hay ở điểm nửa chừng. Điều này cho phép theo sau 10 ngày gia tăng là 10 ngày giảm dần. Tuy nhiên, các đỉnh chu kỳ chuẩn hiếm khi xuất hiện. Hầu hết các biến thể trong chu kỳ xuất hiện ở đỉnh chứ không ở các đáy. Đó là lý do tại sao các đáy của chu kỳ được cho là đáng tin cậy hơn và được sử dụng để đo chiều dài của chu kỳ.

Các đỉnh chu kỳ tác động khác nhau phụ thuộc vào xu hướng của chu kỳ dài hơn tiếp theo. Nếu xu hướng này tăng, đỉnh chu kỳ sẽ dịch chuyển sang phải của điểm chuẩn chính giữa, tạo nên một sự tịnh tiến sang phải. Nếu xu hướng dài hơn là giảm, đỉnh chu kỳ sẽ dịch chuyển sang trái của điểm chính giữa chuẩn, tạo nên sự tịnh tiến sang trái. Do đó, tịnh tiến sang phải làm tăng giá, tịnh tiến sang trái là giảm giá. Ngừng suy nghĩ về điều này. Tất cả gì chúng ta đang nói ở đây trong xu hướng tăng, giá sẽ trai qua nhiều thời gian đi lên hơn là đi xuống. Trong xu hướng giảm, giá trai qua nhiều thời gian đi xuống hơn là đi lên. Đây có phải là định nghĩa cơ bản của xu hướng không? Trong trường hợp này, chúng ta chỉ đang nói về thời gian thay cho giá. (Xem hình 12.15).

Làm thế nào để tách các chu kỳ

Để nghiên cứu những chu kỳ biến đổi ảnh hưởng đến bất kỳ thị trường cho sẵn nào, trước hết cần thiết tách chu kỳ chi phối. Có nhiều cách khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ này. Đơn giản nhất là xem xét bằng mắt. Ví dụ, bằng cách nghiên cứu các đồ thị thanh hàng ngày, có thể xác định rõ ràng các đỉnh và đáy trong thị trường. Bằng cách lấy những khoảng

thời gian trung bình giữa các đỉnh và đáy này, chiều dài trung bình nào đó có thể tìm thấy.

Hình 12.15: Ví dụ về sự dịch chuyển sang trái, sang phải



A SIMPLE CYCLE

FIGURE A



THE TREND OF THE LARGER CYCLE

FIGURE B

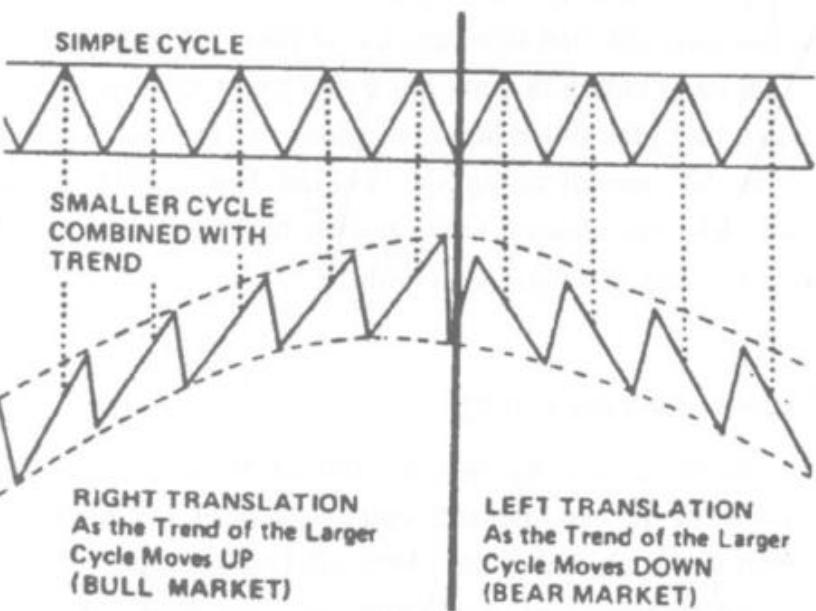
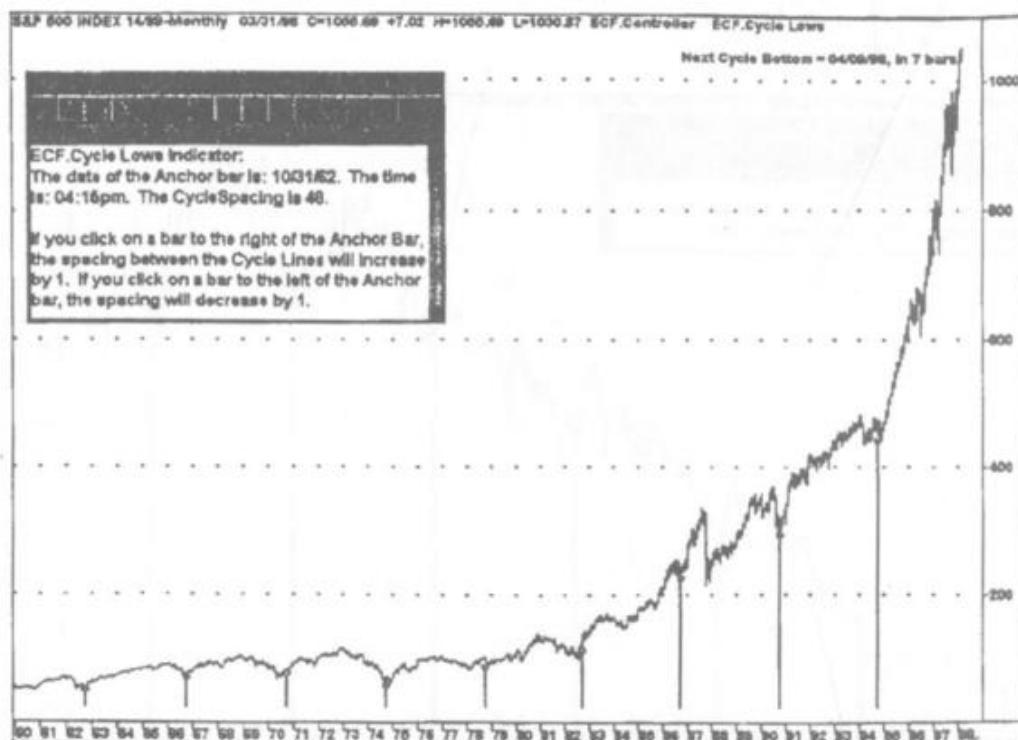


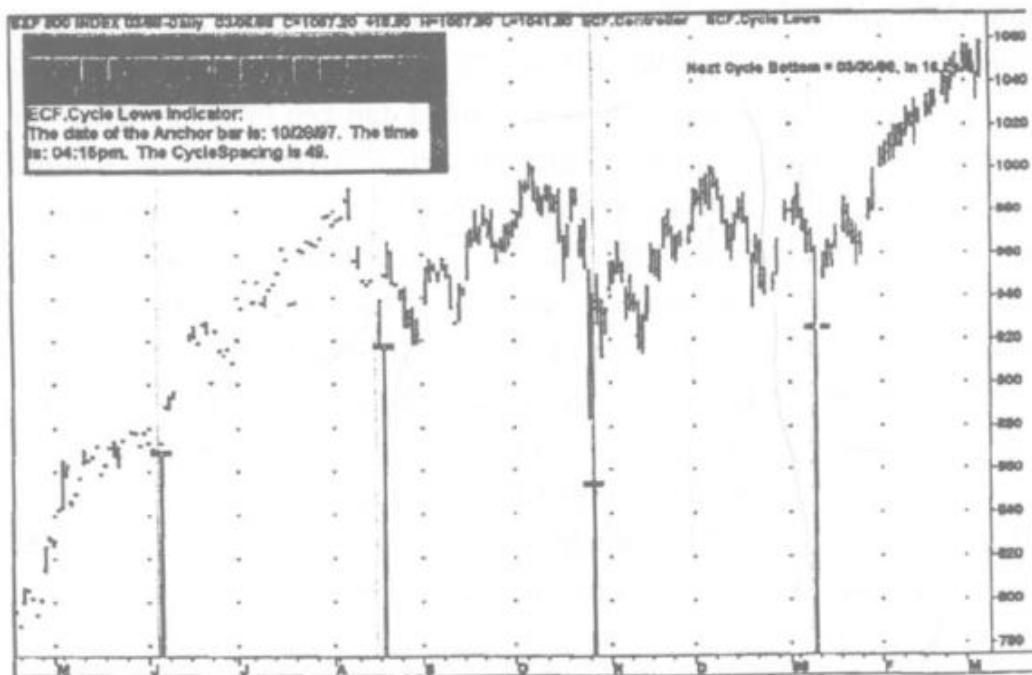
FIGURE C

Có các công cụ sẵn có để thực hiện nhiệm vụ này một cách khá dễ dàng hơn. Một công cụ như vậy là *Ehrlich Cycle Finder*, đặt tên của người phát minh ra nó, Stan Ehrlich (ECF, 112 Vida Court, Novato, CA 94947 [415] 892 - 1183). Chu kỳ Finder gần giống dàn xếp trong âm nhạc - nó có thể được đưa vào trên đồ thị giá cho việc xem xét bằng mắt. Khoảng cách giữa các điểm luôn luôn bằng nhau và có thể được nở rộng hoặc co lại để vừa vặn với bất kỳ chiều dài chu kỳ nào. Bằng việc đánh dấu một khoảng cách giữa hai điểm đáy chu kỳ rõ ràng. Có thể nhanh chóng quyết định có các điểm đáy chu kỳ khác từ chiều dài tương tự tồn tại hay không. Một phiên bản điện tử của công cụ này, được gọi là Ehrlich Cycle Forecaster, bây giờ sẵn có như một kỹ thuật phân tích trên Omega Research's Trade Station và Super Charts (#Omega Research, 8700 West Flaler Street, Suite 250, Miami, FL 33174, [305] 551 - 9991, www.omegaresearch.com). (Xem hình 12.16 đến 12.18).

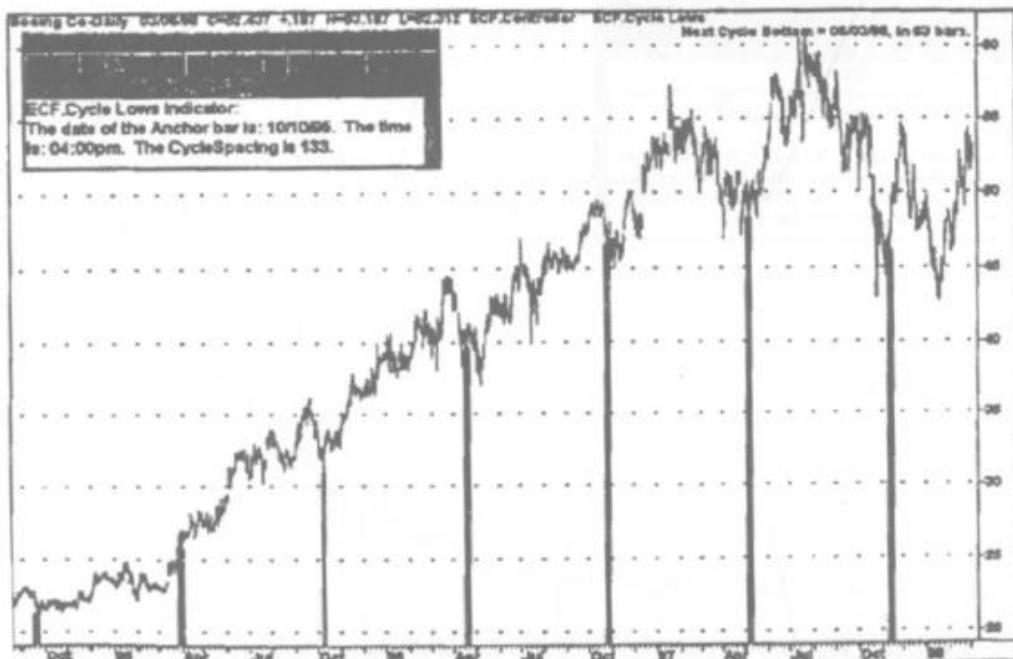
Hình 12.16:



Hình 12.17:

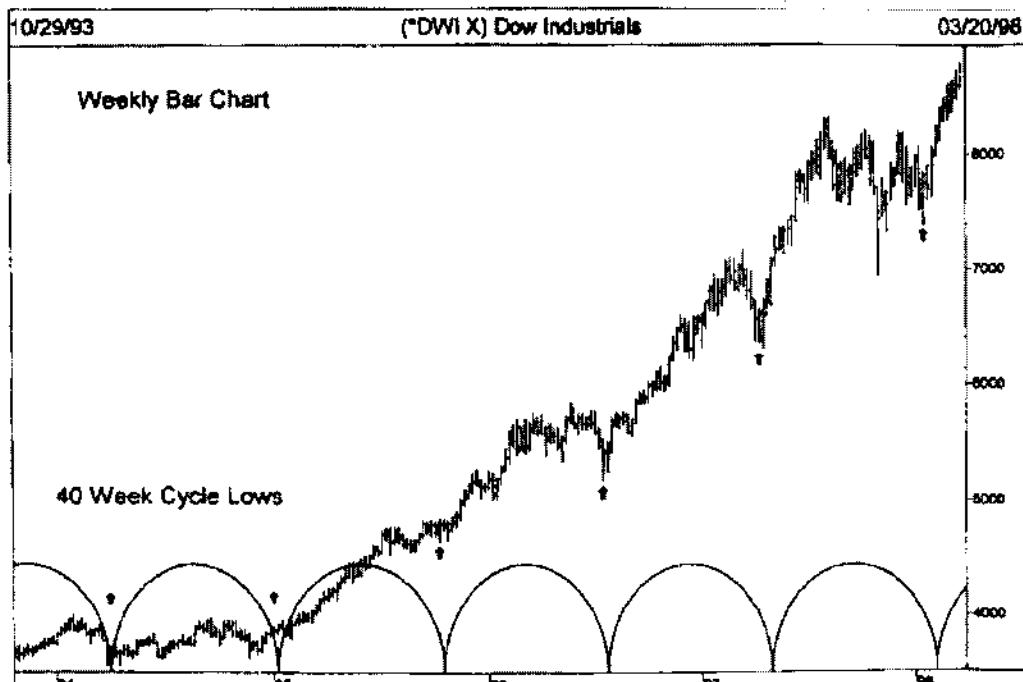


Hình 12.18:

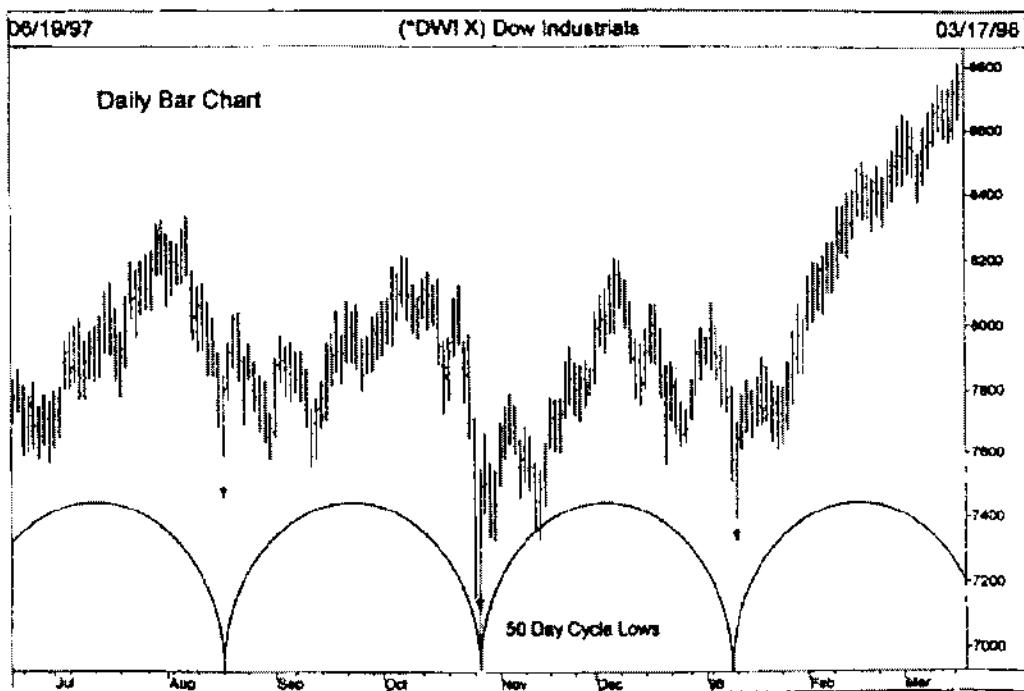


Các máy tính có thể giúp bạn tìm những chu kỳ bằng cách xem xét bảng thị giác. Trước hết, người sử dụng đặt một đồ thị giá trên màn hình. Bước tiếp theo là chọn một đáy nổi bật trên đồ thị như là điểm bắt đầu. Mỗi khi làm điều này, các đường thẳng đứng (hoặc hình cung) xuất hiện mỗi 10 ngày (dây là trị số mặc định). Chiều dài của chu kỳ có thể bị dài ra, ngắn đi hay dịch chuyển sang trái hoặc phải để tìm chu kỳ đúng phù hợp với đồ thị. (Xem hình 12.19 và 12.20).

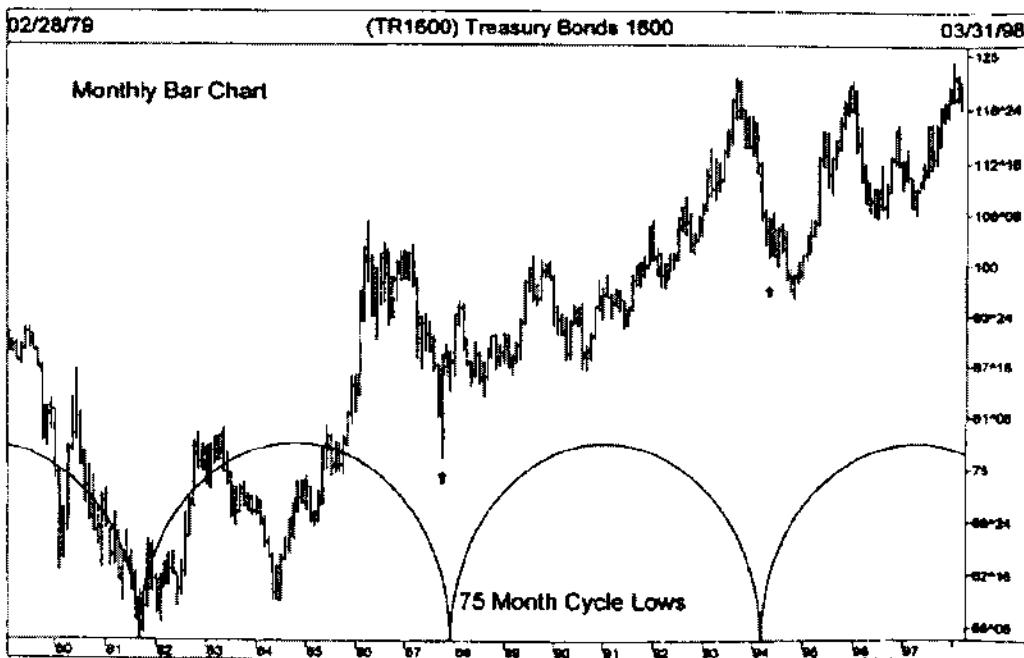
Hình 12.19a: Dây trong chu kỳ hình cung trùng với mức thoái lùi quan trọng trong lý thuyết Dow khi khoảng cách là 40 tuần.



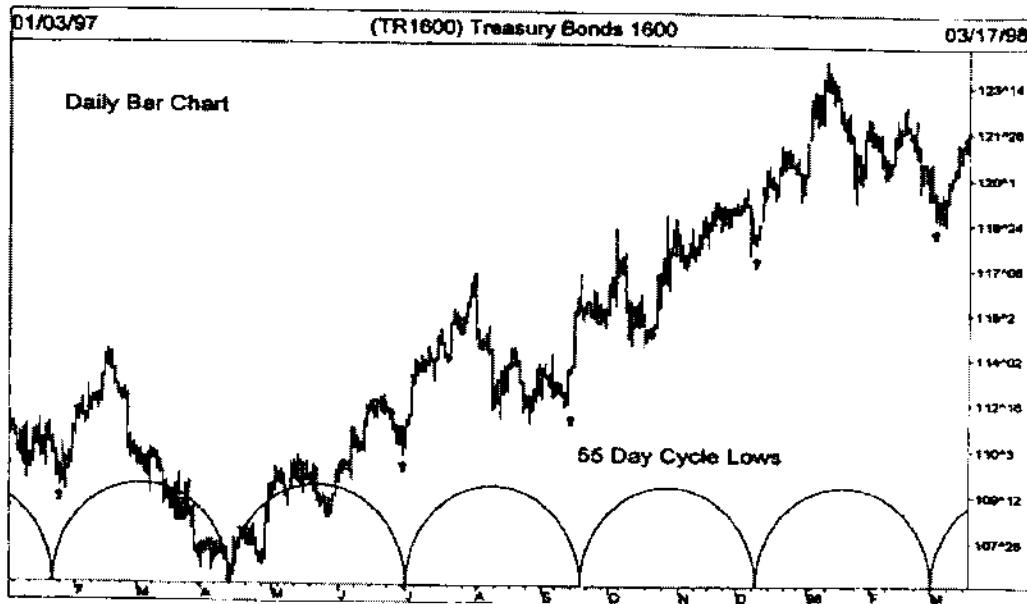
Hình 12.19b: Chu kỳ hình cung hàng ngày.



Hình 12.20a: Bắt đầu đáy chính vào năm 1981.

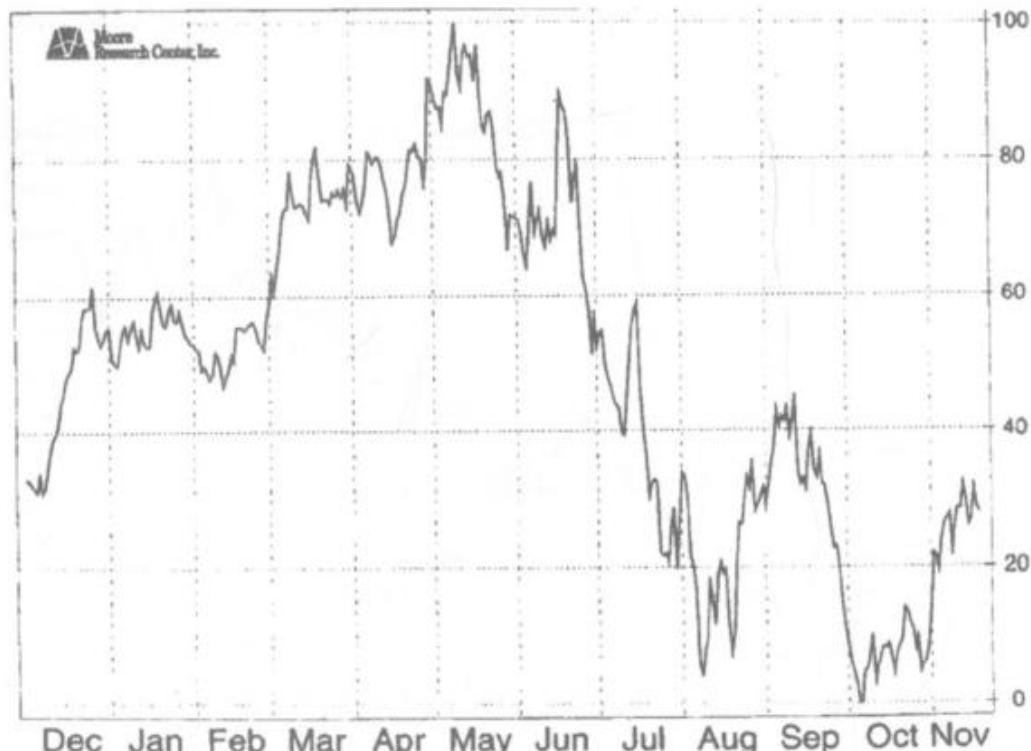


Hình 12.20b: Áp dụng đối với đồ thị hàng ngày, chu kỳ hình cung thể hiện xu hướng đối với giá trái phiếu tại mỗi mức đáy 55 ngày giao dịch suốt khoảng thời gian này.



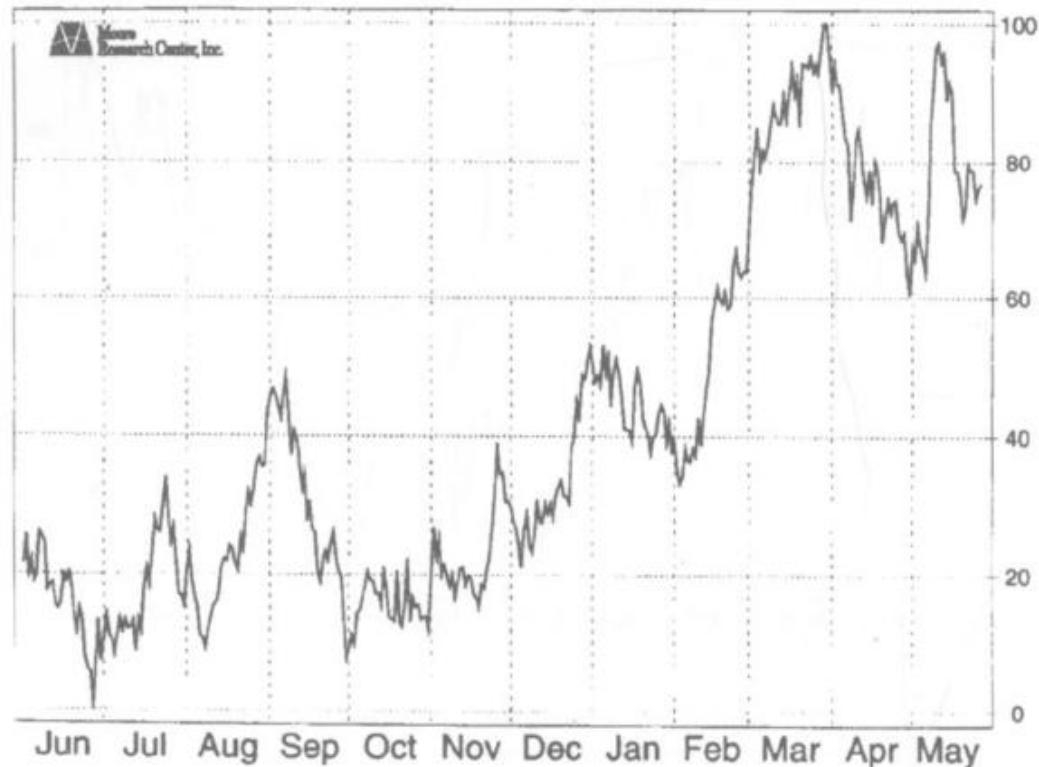
Các chu kỳ thời vụ

Tất cả các thị trường bị ảnh hưởng một mức độ nhất định bởi chu kỳ thời vụ hàng năm. Chu kỳ thời vụ đề cập đến khuynh hướng của các thị trường dịch chuyển theo một chiều hướng nhất định ở những thời điểm nào đó trong năm. Hầu hết những mùa vụ rõ ràng liên quan đến những thị trường lúa gạo nơi mà các mức thấp nhất thời vụ luôn xuất hiện xung quanh thời gian thu hoạch khi lượng cung cấp là rất lớn. Ví dụ, đậu tương, những đỉnh thời vụ xuất hiện giữa tháng 4 và tháng 6 và các đáy thời vụ xảy ra giữa tháng 8 và tháng 10. (Xem hình 12.21). Một mẫu hình mùa vụ nổi tiếng là “Sự gián đoạn tháng 2” lúc mà giá lúa mì và đậu tương luôn giảm từ cuối tháng 10 hay đầu tháng 1 vào tháng 2.

Hình 12.21: Đậu tương thường đạt đỉnh vào tháng 5 và đáy vào tháng 10

Mặc dù nguyên nhân đối với các đỉnh và đáy mùa vụ là khá hiển nhiên trong thị trường nông sản, hầu như tất cả các thị trường trải qua các mẫu hình mùa vụ. Ví dụ, thị trường đồng cho thấy một xu hướng đi lên mùa vụ từ giai đoạn tháng 1/tháng 2 với khuynh hướng đến đỉnh ở tháng 3 hoặc tháng 4. (Xem hình 12.22). Thị trường bạc có đáy vào tháng 1 và giá cao nhất trong tháng 3. Vàng chỉ ra xu hướng đạt đáy vào tháng 8. Sản phẩm xăng dầu có khuynh hướng đạt đỉnh trong suốt tháng 10 và thường không đến đáy cho đến cuối mùa đông. (Xem hình 12.23). Thị trường tài chính cũng có mẫu hình mùa vụ.

Hình 12.22: Thị trường đồng thường đạt đáy trong suốt tháng 10 và tháng 2 nhưng đạt đỉnh suốt thời kỳ tháng 4 và tháng 5.

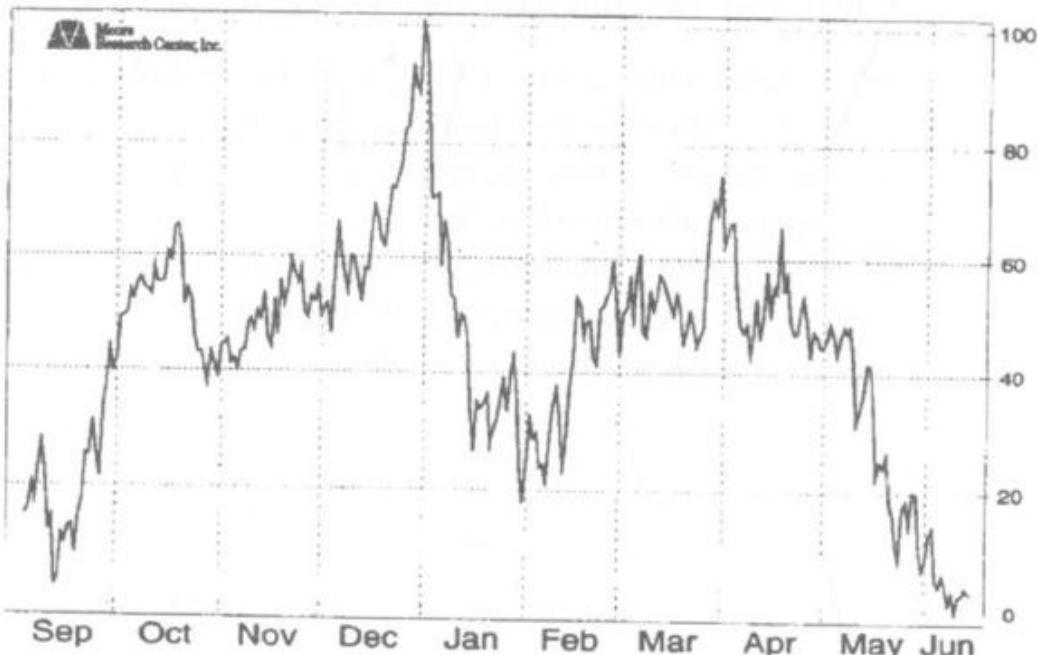


Đồng đôla Mỹ có khuynh hướng đạt đáy trong tháng 1 (xem hình 12.24). Giá trái phiếu kho bạc luôn chạm đỉnh quan trọng trong tháng 1. Trên toàn bộ năm, giá trái phiếu kho bạc luôn yếu hơn trong suốt nửa đầu của năm và mạnh lên trong nửa cuối năm. (Xem hình 12.25). Các ví dụ về đồ thị mùa vụ được cung cấp bởi trung tâm nghiên cứu Moore (Moore Reach Center, 321 West 13th Avenue, Eugene, Or 97401, (800) 927 - 7259), trung tâm này chuyên về phân tích mùa vụ của thị trường giao sau.

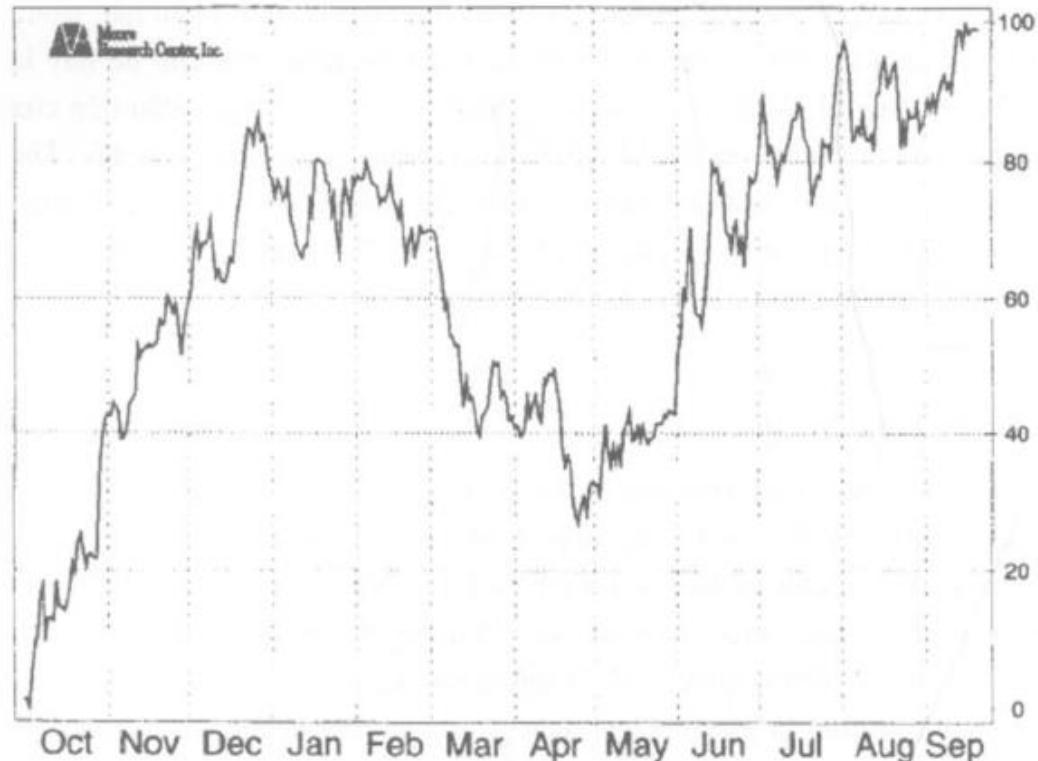
Hình 12.23: Giá dầu thô đạt đỉnh suốt thời kỳ tháng 10 và tăng trở lại trong suốt tháng 3.



Hình 12.24:



Hình 12.25: Giá trái phiếu kho bạc thường đạt đỉnh xoay quanh năm mới và sau đó giữ nguyên mức yếu đối với hầu hết nửa năm đầu. Nửa năm sau thì tốt trở lại.



Những chu kỳ thị trường chứng khoán

Bạn có biết 3 tháng mạnh nhất trên thị trường chứng khoán là từ tháng 11 đến hết tháng 1 hay không? Tiếp theo, tháng 2 là tháng yếu, nhưng các tháng 3 và 4 tiếp theo là tháng mạnh. Sau tháng 6 êm đềm, thị trường mạnh trở lại vào tháng 7 (bắt đầu của sự gia tăng mùa hè truyền thống). Tháng yếu nhất của năm là tháng 9. Tháng mạnh nhất là tháng 12 (kết thúc bằng sự gia tăng Santa Claus nổi tiếng sau mùa giáng sinh). Toàn bộ thông tin nhiều hơn về những chu kỳ thị trường chứng khoán có thể được tìm thấy trong Niên giám nhà giao dịch chứng khoán - Yale Hirsch (Tổ chức Hirsch, 184 Central Avenue, Old Tappan, NJ 07675).

Dụng cụ đo khí áp tháng 1

Theo Hirsch: “tháng 1 diễn ra như thế nào, thì năm đó cũng diễn ra như thế”. Dụng cụ đo khí áp tháng 1 - *The January Barometre* cho rằng điều gì xảy ra với chỉ số S&P 500 trong tháng 1 sẽ quyết định phần nào trong năm thị trường nói chung sẽ đạt được. Biến thể khác của chủ đề này là niềm tin rằng chiều hướng của chỉ số S&P 500 trong 5 ngày đầu tiên của năm cho biết một vài gợi ý về điều gì phía trước của năm đó. *The January Barometre* không nên bị nhầm lẫn với *hiệu ứng tháng 1*, hiệu ứng này là xu hướng cho các cổ phiếu nhỏ thì tốt hơn các cổ phiếu lớn trong suốt tháng 1.

Chu kỳ tổng thống

Một chu kỳ nổi tiếng khác mà nó ảnh hưởng lên hoạt động của thị trường chứng khoán là chu kỳ 4 năm, cũng được gọi là *chu kỳ tổng thống*, bởi vì nó trùng với nhiệm kỳ bầu cử tổng thống Mỹ. Mỗi 4 năm có một sự quay trở lại lịch sử khác biệt. Năm bầu cử (1) thông thường là mạnh. Năm sau bầu cử và các năm ở giữa (2 và 3) thông thường là yếu. Trước khi bầu cử (4) thông thường là mạnh. Theo niên giám nhà giao dịch của Hirsch, các năm bầu cử từ năm 1904 có sự gia tăng trung bình 224%; các năm sau bầu cử sự gia tăng khoảng 72%, các năm giữa nhiệm kỳ, có sự gia tăng là 63% và các năm trước bầu cử có tốc độ gia tăng là 21% (xem hình 12.16).

Kết hợp các chu kỳ với các công cụ kỹ thuật khác

Hai vùng nhiễu hứa hẹn nhất của phân giao nhau giữa các chu kỳ và các công cụ chỉ số kỹ thuật truyền thống là việc sử dụng mô hình trung bình di động và chỉ số Oscillator. Người ta tin rằng sự hữu ích của 2 công cụ chỉ số này có thể được tăng lên nếu các giai đoạn thời gian được sử dụng quan hệ chặt chẽ với các chu kỳ chi phối của thị trường. Chúng ta hãy giả định rằng thị trường có một chu kỳ giao dịch 20 ngày chi phối.

Thông thường, khi xây dựng một chỉ số Oscillator, tốt nhất là sử dụng nửa chiều dài của chu kỳ. Trong trường hợp này, thời gian Oscillator này sẽ được 10 ngày. Để giao dịch một chu kỳ 40 ngày, sử dụng một chỉ số Oscillator 20 ngày. Walt Bressert thảo luận trong quyển sách của mình, *sức mạnh của Oscillator/Sự kết hợp chu kỳ*, làm thế nào các chu kỳ có thể được sử dụng để điều chỉnh các khoảng thời gian của chỉ số kênh giá hàng hoá - CCI, chỉ số cường độ tương đối - RSI, Stochastics và MACD.

Trung bình di động cũng có thể được nối kết với các chu kỳ. Bạn có thể sử dụng các trung bình di động khác nhau theo các chiều dài chu kỳ khác nhau. Để tạo ra một hệ thống giao nhau các trung bình di động đối với chu kỳ 40 ngày, bạn có thể sử dụng trung bình di động 40 ngày trong sự liên kết với trung bình 20 ngày (một nửa của chu kỳ 40 ngày) hoặc trung bình 10 ngày (một phần tư của chu kỳ 40 ngày). Vấn đề chính của phương pháp này là quyết định thời gian nào là chu kỳ chi phối ở từng điểm thời gian cụ thể.

Phân tích quang phổ entropy cực đại - MESA

Nghiên cứu về các chu kỳ chi phối chính trong bất kỳ thị trường nào bị phức tạp bởi niềm tin rằng chiều dài chu kỳ không thể không thay đổi, theo một cách khác chúng được thay đổi suốt thời gian. Điều gì hoạt động một tháng trước có thể không hoạt động một tháng từ bây giờ. Trong quyển sách của ông ta, *MESA và các chu kỳ thị trường giao dịch*, John Ehler sử dụng một phương pháp thống kê được gọi là MSEA. Ehlers giải thích rằng một trong những ưu điểm chính của MESA là mức cao nhất của nó - đo lường sự dịch chuyển của các chu kỳ với thời kỳ thời gian nhỏ tương đối, điều quyết định những giao dịch ngắn hạn. Ehlers cũng giải thích làm thế nào các chu kỳ có thể được sử dụng để đánh giá chiều dài trung bình di động và nhiều Oscillator - các loại công cụ chỉ số này chúng ta đã đề cập. Việc khám phá các chu kỳ cho phép việc điều chỉnh năng động các công cụ chỉ số kỹ thuật để phù hợp với

374 Phân tích kỹ thuật

các điều kiện thị trường hiện tại. Ehlers cũng chỉ ra vấn đề của sự khác biệt giữa một thị trường trong một phương thức *chu kỳ* đối với một thị trường trong một phương thức *xu hướng*. Khi một thị trường trong phương thức xu hướng, công cụ chỉ số theo sau xu hướng giống như trung bình di động là cần thiết để thực hiện giao dịch. Một phương thức chu kỳ sẽ ủng hộ việc sử dụng loại công cụ chỉ số Oscillator. Việc đo lường chu kỳ có thể giúp quyết định phương thức nào thị trường đang ở trong đó và loại công cụ chỉ số kỹ thuật nào là thích hợp hơn để sử dụng cho các chiến lược giao dịch.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Technical Analysis From A To Z – by Steven B.Achelis
2. Technical Analysis for Short-Term Traders – Martin J. Pring
3. Essential Technical Analysis – Tools and Techniques to Spot Market Trends – Leigh Stevens
4. The 10 Key To Successful Trading – Jared F. Martinez
5. Understanding Stocks – Michael Sincere
6. Leading Indicator for the 1990s, Dow Jones – Irwin, 1990 – Geoffrey H. Moore
7. Candlestick Charting Explained, Dow Jones – Irwin, 1995 – Geoffrey H. Moore
8. Japanese Candlestick Charting Techniques – NY Institute of Finance, 1991
9. Technical Analysis of the Financial Markets – John J.Murphy
10. The Major Works of R. N. Elliott – Gainesville, 1980
11. Technical Analysis Explained – Martin J. Pring, McGraw-Hill, 1991
12. Technical traders guide to Computer Analysis of the Futures Market – Lebeau, Charles and David W. Lucas
13. Tài chính Quốc tế - Nguyễn Ngọc Định, Trần Ngọc Thơ, NXB Thống kê 2005

Phan tích kỹ thuật - CK



8 9320001112686

Giá: 128.000đ